NHỮNG TÁC PHẨM PHẬT GIÁO CỔ ĐIỂN CỦA NXB KALAVINKA
(CĂ-LĂNG-TẦN-GIÀ)

NHỮNG CÂU CHUYỆN KỲ DIỆU TỪ TRÍ TUỆ BÁT-NHÃ

130 Câu chuyện mang tính giáo dục từ *Luận Đại Trí Độ* của
bồ-tát Long Thọ

Do vị Tổ Phật Giáo người Ấn Độ sáng tác
bồ-tát Long Thọ
(khoảng năm 200 Công Nguyên)

Tỳ khưu Pháp Hữu (Bhikshu Dharmamitra) biên dịch

NHÀ XUẤT BẢN KALAVINKA

NHỮNG CÂU CHUYỆN KỲ DIỆU

từ

TRÍ TUỆ BÁT-NHÃ

Việc xuất bản quyển sách này là nhờ sự cúng dường rộng rãi của Sunny Lou.

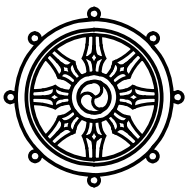

Lưu ý về sử dụng Đúng các tài liệu Phật Pháp

Các nền văn hóa truyền thống của đạo Phật xem các sách về Phật Pháp là thiêng liêng. Do đó, người ta coi là bất kính nếu để sách Phật Pháp ở một nơi thấp, đọc chúng khi nằm, hay để chúng ở nơi mà có thể bị thức ăn hay nước uống làm hư sách.

NHỮNG CÂU CHUYỆN KỲ DIỆU
từ
TRÍ TUỆ BÁT-NHÃ

130 Câu chuyện mang tính giáo dục từ *Luận Đại Trí Độ* của Bồ-tát Long Thọ

Do vị Tổ Phật Giáo người Ấn Độ sáng tác
Bồ-tát Long Thọ (khoảng năm 200 Công Nguyên)

Tỳ khưu Pháp Hữu biên dịch

Nhà xuất bản Kalavinka

Seattle, Washington

www.kalavinkapress.org

Nhà xuất bản Kalavinka

8603 39th Ave SW Seattle, WA 98136 USA www.kalavinkapress.org /

www.kalavinka.org

Nhà xuất bản Kalavinka gắn liền với Hiệp Hội Phật Pháp Ca-Lăng-Tần-Già (Kalavinka Dharma Association), một tổ chức phi lợi nhuận chỉ nhằm mục đích giáo dục tôn giáo được cấp phép theo ý nghĩa của điều 501(c)3 của Cơ Quan Mã Thuế Thu Nhập (Internal Revenue Code) được thành lập năm 1990 và được sự chấp thuận của Cục Thuế Thu Nhập của Hoa Kỳ năm 2004 với tư cách là một tổ chức phi lợi nhuận theo điều 501(c)3 mà theo đó tất cả sự cúng dường đều được khấu trừ thuế.

Hiệp Hội Phật Pháp Ca-Lăng-Tần-Già chấp nhận cúng dường bằng thư từ và trên website Kalavinka nơi mà có nhiều bản dịch và trích dẫn miễn phí theo file điện tử từ các ấn bản của NXB Kalavinka.

Ấn bản số : MSPW-SA-0808-1.0

Quyền tác giả © 1990–2008 của Tỳ khưu Pháp Hữu. Đã đăng ký bản quyền.

ISBN: 978-1-935413-07-3

Số kiểm soát của Thư Viện Quốc hội : 2009920875

Dữ liệu danh mục trong xuất bản của nhà xuất bản

Tổ Long Thọ, Thế kỷ thứ 2

[*Luận Đại Trí Độ* (*Mahaprajñāpāramitā Upadeśa*)].

Bản dịch tiếng Anh.]

Những câu chuyện kỳ diệu từ Trí tuệ bát-nhã .130 Câu chuyện mang tính giáo dục từ *Luận Đại Trí Độ* của Bồ-tát Long Thọ.

Tỳ khưu Pháp Hữu (Dharmamitra) biên dịch.

- Lần xuất bản đầu tiên. - Seattle, WA: NXB Kalavinka năm 2009.

p. ; cm.

ISBN: 978-1-935413-07-3

Bao gồm: bản văn nguồn tiếng Trung song song (bảng tiếng Việt) bằng cả chữ viết truyền thống và chữ giản thể.

1. Trung Quán (Phật giáo) —Các tác phẩm ban đầu cho đến năm 1800.

2. Các vị bồ-tát. 3. Đời sống tâm linh - Phật giáo Đại thừa.

I. Tiêu đề

2009920875 0902

Tỳ khưu Pháp Hữu thiết kế và biên soạn phần bìa và phần trình bày trong sách.

Hồi hướng để tưởng nhớ cuộc đời vô ngã tuyệt vời của Hòa Thượng Thiền Sư Tuyên Hóa, vị Tổ sư Thiền Tây An (Weiyang) và chính là hiện thân của vị Bồ-tát (thực hành Bồ-tát đạo)

Hòa Thượng Thiền Sư Tuyên Hóa (Hsuan Hua) 宣化禪師

1918–1995

Lời Cảm Tạ

Tính chính xác và khả năng dễ đọc mười quyển đầu tiên của các bản dịch này đã và đang được nâng lên đáng kể với sự trợ giúp chỉnh lý, nhận xét xem trước và những gợi ý biên tập rất sẵn lòng đóng góp của Tỳ Khưu Bodhi, Jon Babcock, Timothy J. Lenz, Cư sĩ nam Feng Ling, Nữ cư sĩ Guo Ke, nữ cư sĩ Min Li, và Richard Robinson. Những gợi ý biên tập có giá trị những chỉnh sửa từ Tỳ khưu Huệ Phong (Huifeng) và Bruce Robinson.

Việc phát hành bộ bản dịch mười tập đã được Bill và Peggy Brevoort, Freda Chen, David Fox, Cư sĩ nam Guo Ke, Chenping và Luther Liu, Sunny Lou, Jimi Neal, và "Leo L." (còn gọi là *Camellia sinensis folium*) trợ giúp bằng sự cúng dường lớn cho Hiệp Hội Phật Pháp Ca-Lăng-Tần-Già. Ngoài ra còn có sự cúng dường hữu ích từ Doug Adams, Diane Hodgman, Tỳ khưu Huệ Phong (Huifeng), Joel và Amy Lupro, Richard Robinson, Ching Smith, và Sally và Ian Timm.

Nếu không có sự ủng hộ vật chất hiện hành của Hiệp Hội Phật Giáo Pháp Giới của Bổn sư quá cố của tôi và căn hộ yên tĩnh dùng để dịch thuật do Trung Tâm Phật Pháp Bồ Đề cung cấp, thì việc tạo nên bản dịch này sẽ vô cùng khó khăn hơn.

Quan trọng nhất là, tôi không thể tạo nên bản dịch này mà không có sự giảng dạy Phật pháp và bản luận từ Bổn Sư Quá cố của tôi, vị Tổ Sư Thiền Tây An, Giảng Sư và Nhà Chú giải-Hòa thượng Tuyên Hóa.

Giao thức Trích dẫn và La tinh hóa

Kiểu trích dẫn *Đại Chánh* (Taisho) theo NXB Kalavinka thêm số văn bản sau số tập và trước số trang để hỗ trợ tìm kiếm kỹ thuật số CBETA nhanh chóng.

Chữ La-tinh, ở những nơi được sử dụng, là Hán Việt, ngoại trừ các tên và thuật ngữ đã được công nhận rõ ràng trong Wade-Giles.

Văn bản tiếng Hán

Bản dịch này được bổ sung bằng cách đưa văn bản nguồn tiếng Hán vào các trang so sánh bằng cả chữ viết truyền thống và chữ giản thể. Các bài đọc biến thể do Đại Chánh cung cấp từ các ấn bản khác được trình bày dưới dạng chú thích bằng tiếng Hán.

Văn bản tiếng Hán này và các bài đọc biến thể của nó là từ phiên bản tháng 4 năm 2004 của ấn bản kỹ thuật số của Hiệp hội Văn bản Điện tử Phật giáo Trung Quốc về biên soạn kinh điển Phật giáo Đại Chánh (CBETA).

Những người theo dõi bản dịch bằng tiếng Hán nên lưu ý rằng dấu câu của kinh văn *Đại Chánh* không truy tìm được trong các ấn bản gốc, thường sai sót và gây hiểu lầm, và có lẽ tốt nhất nên bỏ qua hoàn toàn.

Về dịch giả Hòa thượng thượng Pháp hạ Hữu

Tỳ-kheo Pháp Hữu (tên thọ giới/đạo hiệu là "Hằng Thọ (Heng Shou)" – 釋恒授) là một

Dịch giả-vị tu sĩ theo truyền thống Trung Quốc và là một trong những đệ tử người Mỹ đầu tiên (từ năm 1968) của cố Tổ sư Thiền Tây An, Pháp sư, và nhà chú giải- Hòa thượng Thượng nhân Tuyên Hóa (Hsuan Hua) (宣化上人). Hòa thượng Pháp Hữu có tổng cộng 40[1] năm đắp y trong hai thời kỳ là tu sĩ (1969–1975; 1991 đến nay).

Nền tảng giáo dục chính của Hòa thượng Pháp Hữu với vai trò là một dịch giả thể hiện trong bốn năm đào tạo chuyên sâu cho tu sĩ và nghiên cứu các kinh điển Đại thừa cổ điển bằng tiếng Trung Quốc trong một nhóm nhỏ dưới sự giảng dạy của Hòa thượng Thiền Sư Tuyên Hóa từ 1968–1972, Cử nhân tiếng Trung Quốc tại Đại học Bang Portland, một năm chuyên sâu về Hán Cổ một kèm một gần tại Trung tâm Ngôn ngữ

[1] ND: theo bản tiếng Anh là 23 năm tính theo năm 2008, nên ND mạn phép cộng thêm 17 năm tính theo năm 2025.

của Đại học Fu Jen gần Đài Bắc, và hai năm tại Trường Ngôn ngữ Châu Á và Văn học của Đại học Washington (1988–90).

Kể từ khi đắp y lại/thọ cụ túc một lần nữa dưới sự hướng dẫn của Sư phụ Tuyên Hóa vào năm 1991, Hòa thượng Pháp Hữu đã dành năng lực của mình chủ yếu để nghiên cứu và dịch các kinh văn Đại thừa cổ điển với sự quan tâm đặc biệt đến các tác phẩm của Thánh giả Bồ-tát Long Thọ và các tác giả liên quan. Đến nay, Hòa thượng Pháp Hữu đã dịch hơn một chục các kinh văn quan trọng, hầu hết trong số đó dự kiến sẽ được xuất bản bởi NXB Ca-lăng-tần-già (Kalavinka Press).

Lời giới thiệu của người chuyển ngữ từ bản tiếng Anh sang Việt

Nam Mô Bổn Sư Thích-Ca-Mâu-Ni Phật!
Nam mô *Kinh Đại bát-nhã* Hội Thượng Phật Bồ-tát!
Nam Mô Bồ-tát Long Thọ!

Nhân dịp đang học tại Đại học Hồng Kông (The University of Hong Kong), con may mắn đọc được quyển sách *Những câu chuyện kỳ diệu từ trí tuệ bát-nhã* (*The Marvelous Stories from the Perfection of Wisdom*") do Hòa Thượng Dharmamitra (Pháp Hữu) đã dày công biên soạn và dịch thuật từ bản Hán văn của *Luận Đại Trí Độ* và dựa

trên kinh nghiệm tu học từ Cố Hòa Thượng thượng Tuyên hạ Hóa và sự tu hành của bản thân mà Hòa thượng thượng Pháp hạ Hữu (Dharmamitra) đã cống hiến tác phẩm này cho độc giả.

Con thiết nghĩ không phải ai muốn tìm hiểu Phật Pháp cũng có nhân duyên đọc tạng Luận, đặc biệt là *Luận Đại Trí Độ*. Vì vậy, con rất tán thán và cảm bội tác phẩm này của Hòa Thượng Pháp Hữu nhằm phổ biến sự kỳ diệu của Trí tuệ bát-nhã qua những câu chuyện dễ đọc, dễ hiểu và dễ tiếp cận cho mọi đối tượng đọc giả.

Cùng một tâm nguyện như vậy, con đã mạo muội xin phép Hòa Thượng Pháp Hữu cho phép con chuyển ngữ quyển sách "*The Marvelous Stories from the Perfection of Wisdom*" sang tiếng Việt mặc dù Cố Sư Bà thượng Diệu hạ Không đã có dịch một số các câu chuyện này trong *Luận Đại Trí Độ*. Trong quá trình dịch con không tham khảo quyển sách của Sư Bà và chỉ dịch theo bản tiếng Anh của Hòa thượng Pháp Hữu.

Với sự hành trì cũng như kiến thức Phật Pháp còn rất kém khuyết và cạn cợt, chắc chắn khi con chuyển ngữ từ bản tiếng Anh sang tiếng Việt không tránh khỏi những sai sót. Con kính mong các bậc Tôn Túc, Quý Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni cũng như các độc giả có duyên đọc sách này hoan hỷ từ bi chỉ dạy những thiếu sót để sách được hoàn thiện hơn.

Con xin thành kính tri ân sự gia trì của Tam Bảo và nguyện xin hồi hướng công đức của việc dịch sách này cho các bậc Thiện tri thức, Cha Mẹ hiện đời và nhiều đời, bạn đồng tu, anh chị em, bạn bè, các giáo sư, thầy cô đã dạy con từ mẫu giáo đến nay, và tất cả những ai có duyên đọc sách này.

Nguyện cho trí bát-nhã luôn soi sáng tâm con và tất cả chúng sanh trong cuộc sống hằng ngày để hiện đời "lợi người, lợi mình" và rốt sau ai ai cũng trọn thành quả vị Phật!

Ngày 01/10/2024 (PL 2568)

SC. Th.S TN.Lạc Diệu Nga

Bảng Nội dung Tổng quát

Lời cảm tạ

Giao thức trích dẫn và La tinh hóa

Về bản văn tiếng Hán

Danh mục cho các câu chuyện

Giới thiệu của Người biên dịch

Về Người Biên Dịch

Bản dịch: *Những Câu Chuyện Kỳ Diệu từ Trí Tuệ bát-nhã*

Chương 1 : Những Câu Chuyện về Bố Thí Ba-la-mật

Chương 2 : Những Câu Chuyện về Trì Giới Ba-la-mật

Chương 3 : Những Câu Chuyện về Nhẫn nhục Ba-la-mật

Chương 4 : Những Câu Chuyện về Tinh Tấn Ba-la-mật

Chương 5 : Những Câu Chuyện về Thiền định Ba-la-mật

Chương 6 : Những Câu Chuyện về bát-nhã Ba-la-mật

Chương 7 : Những Câu Chuyện về nhiều chủ đề

Đọc biến thể văn bản gốc

Các bản dịch do NXB Kalavinka phát hành: Danh sách tựa đề hiện hành

TRANG TRẮNG

Danh Mục Những Câu Chuyện

Bố Thí Ba-la-mật

Người họa sĩ đã cúng hết tất cả tiền để dành của mình

Sự bố thí tuyệt vời của Bồ-tát Velāma

Hai câu chuyện tiền thân của đức Phật Thích-Ca-Mâu-Ni hy sinh mạng sống của mình **Câu chuyện quá khứ của đức Phật hy sinh cơ thể mình vì Pháp**

Kiếp quá khứ của đức Phật là chim bồ câu

Câu chuyện: Vị tu sĩ có hơi thở thơm tho

Ngài Xá-Lợi-Phất thối thất đạo Bồ-tát

So sánh về những con rắn độc

Sự bố thí của vua Sarvada và hoàng tử Nguyệt Quang Biến Chiếu (Candraprabha)

(hai câu chuyện)

Vua Sarvada tự nguyện nộp mình

Hoàng tử Nguyệt Quang Biến Chiếu (Candraprabha) tự hiến mình

Hai câu chuyện về các Bồ-tát ứng thân là động vật

Đời trước của đức Phật là một con voi

Con voi, con khỉ, và chim đa đa xám

Người du khách và những con ma

Con rắn, con rùa và con ếch

Ngài Văn Thù dạy một em bé ăn xin

Sự bố thí đời trước của đức Phật và sự tinh tấn ba-la-mật của Ngài Thiện Kiến (Sudarśana), vị Chuyển luân Thánh vương

Trì Giới Ba-la-mật

Người đàn ông với chiếc bình kỳ diệu

Thương nhân đã mất hết, còn lại viên ngọc quý nhất

Con trai người đồ tể từ chối giết hại

Tội/Hành vi vu khống của Kokālika

Bài học của La-hầu-la về nói dối

Ba câu chuyện về cuộc sống của cư sĩ so với người tu sĩ

Những câu hỏi của Jambukhādaka về đời sống tu sĩ với Ngài Xá-lợi-tử

Tỳ khưu ni Liên Hoa Sắc (Utpalavarṇā) quảng bá đời sống tu sĩ

Một Bà-la-môn say rượu trở thành một tu sĩ

Kiếp quá khứ của đức Phật là một con rồng như sự trì giới ba-la-mật

Một con chó hoang dã trốn thoát

Một bậc đạo sư đã chết bị dấu đi

Nhẫn nhục ba-la-mật

Sự hư hỏng của Đề-bà-đạt-đa bởi sự ái luyến phẩm vật cúng dường

Tam Tạng Pháp Sư vùng Kế-tân

Con gái của Ma vương và đức Phật tại cây Bồ-đề

Khát khao cháy bỏng của người đánh cá với con gái của nhà vua

Vị ẩn sĩ trau dồi sự nhẫn nhục

Các tu sĩ tranh cãi tại Kauśāmbī

Vua quỷ đối diện với đức Phật

Vị tỳ khưu mất kiên nhẫn với mười bốn điều không thể hiểu/trả lời

Tinh Tấn Ba-la-mật

Tuyên ngôn của đức Phật về năng lực của tinh tấn
Một vị tu sĩ lười biếng khám phá ra giá trị của sự tinh tấn
Quá khứ đức Phật là người hướng dẫn tinh tấn mãnh liệt
Tiền thân đức Phật là vua của một đàn nai
Sự hy sinh vĩ đại của vị Phạm Chí vì tình yêu Phật Pháp
Con chim đã cố gắng cứu một rừng cây đang cháy
Tiền thân đức Phật là một hoàng tử đa nghi

Những câu chuyện về Thiền định ba-la-mật
Con gái của Ma vương đối đầu đức Phật
Vị thần núi thử người cư sĩ nam đang du hành
Giọng hát của một thiếu nữ khẩn-na-la làm phiền các ẩn sĩ
Hương thơm làm một Sa di rời đạo
Vị thần phê bình vị tỳ khưu thưởng thức hoa
Một Sa di bị đọa vì đắm trước mùi hương
Sự tham đắm chết người của một hoàng tử với vị ngon
Sự sinh đẻ khó khăn của nàng Da-du đà-la
Nguyên nhân đẻ khó của nàng Da-du-đà-la
Sự cố gắng của nàng Da-du-đà-la mong đức Phật trở lại
Tiền thân đức Phật là một vị ẩn sĩ một sừng
Tiền thân đức Phật là một tiên nhân tên Săn-Kha (Śaṅkhācārya)
Sự sa đọa của ẩn sĩ Uất-Đầu (Udraka)
Một tỳ khưu bị đánh bại do kiêu mạn về sự thiền định của mình

Những câu chuyện về bát-nhã ba-la-mật
Vị vua giác ngộ bởi công viên bị phá hư
Vua Ma-ha-nam (Mahānāman) lo lắng về sự tái sanh
Luận Lực (Vivādabala) cố gắng tranh luận với đức Phật
Người nông dân không có học phát hiện ra muối

Ngài A-nậu-lâu-đà (Aniruddha) và các thiên nữ

Ngài Ca Diếp và vua khẩn-la-na

Những câu chuyện về nhiều chủ đề khác nhau

Cuộc sống của đức Phật thời kỳ đầu

Ngài Long Thọ bàn về cuộc sống của đức Phật

Ma-ha-câu-thi-la (Mahākauṣṭhila), vị Bà-la-môn móng tay dài (Phạm Chí Trường Trảo)

Các vị trời thỉnh đức Phật thuyết Pháp

Những câu hỏi cuối cùng của ngài A-nan-đà với đức Phật.

Đức Phật nhập bát niết-bàn

Chư thiên đau buồn về sự suy thoái của giáo pháp

Ngài Ca Diếp triệu tập Hội đồng Giáo Pháp (Kết tập kinh điển)

Tại sao Ngài Ca Diếp đã chọn một nghìn vị A-la-hán

Ngài A-nan-đà bị trục xuất khỏi Hội đồng kết tập Kinh điển

Ngài Kiều Phạm Ba Đề (Gavāṃpati) sau khi đức Phật nhập niết bàn

Sự trở lại của ngài A-nan-đà

Hội đồng kết tập kinh điển lần thứ nhất

Quyết tâm không thối chuyển của Ngài Xá-lợi-tử

Ngài Tất-lăng-già-bà-ta (Pilindavatsa) và vị thần sông Hằng

Những người chăn bò kiểm tra sự toàn giác/Nhất thiết trí của đức Phật

Ba câu chuyện về những xuất xứ của "thành Vương Xá/ Thành phố nơi cư trú của các vị vua"

Đức vua có hai mặt và bốn cánh tay

Vị vua chạy trốn đám cháy ở Ma-kiệt-đà (Magadha)

Con trai của Vasu

Ngài Ca Diếp và núi Linh Thứu

Ngài Xá-lợi-tử giải thích về thức ăn thanh tịnh

Vị Phạm Chí Thiện Hiện (Subhadra)

Về nhìn thấy xác chết của Phạm Chí Mākandika

Tại sao ngài A-nan-đà được gọi như vậy/có tên như vậy

Đức Bồ-tát Thích-Ca-Mâu-Ni gặp đức Phật Phất Sa (Puṣya)

Chuyện tiền thân của vua Śibi

Sự nhiệt tâm với sự thật của vua Sutasoma

Các Bồ-tát Hỷ Căn (Prasannendriya) và Thắng Ý (Agramati)

Ba anh em trở thành bậc giác ngộ

Sự toàn giác/nhất thiết trí của đức Phật chuyển đạo một người Bà-la-môn

Đức Phật, người giúp việc và vị Bà-la-môn đa nghi

Vị Tu sĩ, nhà vua và tu sĩ khổ hạnh lõa thể

Vị A-la-hán, con voi và nhân quả

Đức Phật chăm sóc một tỳ khưu bị bệnh

Sự hồi phục nhiệm mầu của Gaṇḍaka

Phương tiện khéo của đức Phật thay mặt cho tu sĩ

Đức Phật cố gắng kết nối với một bà lão

Ba câu chuyện về các đức Phật và Bồ-tát xuất hiện trên thế gian

Ngài Phổ Hiền chữa bệnh cho một người bị phong hủi

Ngài Phổ Hiền xuất hiện trước vị tỳ-khưu tụng kinh Pháp Hoa

Một vị tu sĩ nhìn thấy đức Phật A-Di-Đà và lưỡi của vị ấy không bị thiêu cháy

Ngài Mục-Kiền-Liên tìm kiếm giới hạn âm thanh của đức Phật

Ba điều không thỏa mãn của Hastaka

Những hạn chế của sức mạnh thiền định/

năng lực tam muội của Ngài Văn Thù Sư Lợi

Đức Phật ưa thích làm phước

Vị A-la-hán Ưu-ba-cúc-đa gặp một trưởng lão ni

Cuộc đời ngài Xá-lợi-phất

Ngài Tu-bồ-đề và Tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc

Câu chuyện sau tên của Ngài Xá-lợi-phất

Ngài Xá-lợi-tử, đức Phật, và con chim bồ câu

Một cư sĩ nam chứng kiến sự thiền định của đức Phật

Ngài A-nan-đà chứng kiến thiền định mặt trời mọc/tam muội nhật xuất của đức Phật

Bài học của các Sa di dành cho một thí chủ

Một câu chuyện ẩn trong một câu chuyện:

Đức Phật từ chối sự cúng dường của Phả-la-đọa (Bharadvaja)

Hai anh em quăng bỏ vàng

Đức Phật hỏi các thầy Tỳ-kheo về quán niệm cái chết

Sự tìm kiếm thức ăn thanh tịnh của Bà-la-môn du khách

Sự tinh tấn không ngừng nghỉ của đức Phật

Đức Phật ca ngợi hạnh tinh tấn

Đức Phật giải thoát tôn giả Thiện Hiện

Sự không thối chuyển của đức Phật

Cây Xá-ma-lợi (Śālmalī) hy sinh một nhánh cây lớn

Đức Phật tạo cảm hứng xuất ly cho các vị tu sĩ ở Pāpīyaka

Việc gần chết đói của thầy Lô-sa-ka (Losakatiṣya)

Giới thiệu của người biên dịch (HT thượng Pháp hạ Hữu)

Những Câu Chuyện Kỳ Diệu Từ Trí Tuệ bát-nhã là một bộ sưu tập những câu chuyện được rút ra từ cuốn sách vĩ đại và bách khoa về *Luận Đại Trí Độ/Bình giảng về Kinh Đại bát-nhã* (*Mahāprajñāpāramitā Upadeśa* / 大智度論) được soạn bởi vị tu sĩ tổ sư người Ấn Độ Thánh giả Long Thọ (khoảng năm 200 CN), một người nổi tiếng và là nhân vật tiên phong trong việc làm sáng tỏ và phổ biến giáo lý của Phật giáo Đại thừa. Các bản dịch tiếng Anh được trình bày ở đây được thực hiện từ ấn bản duy nhất còn tồn tại của *Luận Đại Trí Độ* vì nó được lưu giữ trong kinh điển Phật giáo Trung Quốc. Đây là bản dịch từ tiếng Phạn sang tiếng Hán do vị Tu sĩ-nhà dịch thuật vĩ đại Cưu-ma-la-thập (Kumārajīva) tạo ra trong khoảng năm 400 CN.

Những phần được tuyển chọn ở đây bao gồm sự khác nhau rõ rệt về độ dài và ký tự. Một số chỉ đơn giản là phiên bản rút ngắn của các giai thoại được tìm thấy ở những nơi khác trong kinh điển của Phật giáo Nam tông và/hoặc Bắc tông. Những câu chuyện khác là những câu chuyện dài hơn nhiều, có thể trực tiếp hoặc có thể không trực tiếp dựa trên kinh điển. Một số câu chuyện có lẽ có cơ sở thực tế, trong khi những câu chuyện khác tự do lang thang vào thế giới của những điều phi thường. Kiểu mô tả hơi phóng đại kiểu này khá phổ biến trong các bản văn tôn giáo của Ấn Độ ưu tiên những lý tưởng và nguyên tắc cao siêu/siêu phàm trong khi ít quan tâm hơn đến những vấn đề thông thường như tính hợp lý.

Đây không phải là một cuốn truyện bình thường, trong đó những câu chuyện liên quan chủ yếu đến giá trị giải trí. (Mặc dù nhiều câu chuyện rất hấp dẫn.) Đúng hơn, nó là một bộ sưu tập những câu chuyện do ngài Long Thọ giải thích với mục đích rõ ràng là truyền đạt những giáo lý quan trọng của Phật Pháp.

Tôi đã sắp xếp bộ sưu tập câu chuyện thành bảy chương. Sáu chương đầu tiên được liên kết với "sáu ba-la-mật" là tiêu chuẩn trong Phật giáo Đại thừa: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí tuệ. Những câu chuyện trong sáu chương này tương ứng với những câu chuyện nằm trong chuỗi thảo luận rất dài của ngài Long Thọ về sáu ba-la-mật trong các Chương từ 17 đến 30 của *Luận Đại Trí Độ*. Chương thứ bảy bao gồm những câu chuyện về "các chủ đề khác nhau" được tìm thấy ở những nơi khác trong tác phẩm vĩ đại của ngài Long Thọ.

Cách sắp xếp các câu chuyện của tôi theo lược đồ trên có thể hơi sai lệch, vì "những câu chuyện về các ba-la-mật" thường không chỉ đề cập đến chính các ba-la-mật mà còn với các chủ đề nằm ngoài phạm vi của ba-la-mật được đề cập trong chương tương ứng. Ngược lại, một số lớn các câu chuyện được cho là liên quan đến "các chủ đề khác nhau" lại liên quan trực tiếp nhất đến một ba-la-mật này hay ba-la-mật khác trong sáu ba-la-mật.

Tôi nên đề cập rằng quyển sách này không bao gồm đầy đủ mọi câu chuyện cuối cùng được tìm thấy trong *Luận Đại Trí Độ*, mà là một tuyển tập có chọn lọc. Gần như tất cả các câu chuyện được thu thập ở đây đều được ngài Long Thọ "đóng khung" bằng những quan sát hoặc thảo luận ngắn gọn về giáo lý được đưa vào nhằm mục đích làm sáng tỏ hoặc tăng cường ý nghĩa hoặc bài học giáo lý tiềm ẩn trong chính câu chuyện đó.

Tôi nhận thấy rằng khi thuyết giảng về Phật Pháp cho đối tượng khán giả là cư sĩ tại gia, có bao gồm cả những câu chuyện cùng với những lời giảng dạy/giáo lý làm cho "Pháp thoại" trở nên hấp dẫn hơn, dễ nhớ hơn và do đó hữu ích hơn. Tôi sớm nhận ra rằng các giảng sư Phật Pháp khác có thể sẽ được hỗ trợ bởi sự sẵn có của một bộ sưu tập các câu chuyện kinh điển hữu ích trong việc giảng dạy cho các học viên học Phật Pháp. Do đó, nhận thức này đã trở thành cơ sở chính để chuẩn bị và xuất bản *Những Câu Chuyện Kỳ Diệu từ Trí Tuệ Bát-nhã* .

Như với tất cả các bản dịch của NXB Kalavinka, tôi đã đưa bản văn nguồn bằng cả chữ viết truyền thống và chữ viết ngắn trên trang đối diện. Điều này được thực hiện nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc sử dụng tác phẩm này trong việc giảng dạy Hán

ngữ Cổ điển Trung Hoa-Phật giáo và cũng được thực hiện với mục đích tạo điều kiện thuận lợi cho việc nghiên cứu của các chuyên gia và độc giả bản ngữ song ngữ của ngôn ngữ Trung Quốc không quen thuộc với các thuật ngữ chuyên môn Phật giáo cổ điển của Trung Quốc. “Các bài đọc về biến thể kinh văn nguồn” từ các ấn bản khác được bao gồm dưới dạng phụ lục. Văn bản kỹ thuật số được sử dụng trong cuốn sách này là ấn bản năm 2004 của CBETA.

Lời xin lỗi của tôi đến những người chính đáng đã mong đợi một bản chú giải phong phú. Thật không may, tình trạng sức khỏe không tốt loại trừ việc bao gồm các ghi chú nên chỉ bao gồm một số chú thích được bao gồm trong bản thảo dịch ban đầu.

Tôi hy vọng tác phẩm này sẽ thú vị và hữu ích cho cả học viên và giảng viên Phật Pháp. Như với tất cả các bản dịch của tôi, Tôi đánh giá cao các sửa chữa và đề xuất cải tiến. Chúng có thể được chuyển tiếp qua email trên trang web Kalavinka.org

Tỳ khưu Pháp Hữu (Bhikshu Dharmamitra)

Ngày 06/09/2008

Phần Một:

Những câu chuyện của Ngài Long Thọ về Bố thí/Đàn-na.

Vị Họa Sĩ Đã Cúng Dường Hết Số Tiền Để Dành Của Mình

Lời mở đầu của Ngài Long Thọ : *Các hình thức bố thí được đền đáp theo nghiệp báo*

Hơn nữa, nhờ làm quà tặng gồm bảy thứ quý giá, thợ, xe ngựa, vàng, bạc, đèn, nến, tòa nhà, hương và hoa, thì người ta có thể trở thành một vị vua Chuyển luân Thánh vương sở hữu vô số bảy loại báu vật cho mình.

Ngoài ra, thông qua việc tặng quà phù hợp đúng thời, phần thưởng nghiệp quả của một người sẽ được tăng lên. Điều này được đức Phật giải thích khi Ngài nói rằng: "Nếu người ta bố thí cho một người sắp đi xa, cho một người từ xa đến, cho một người bệnh, cho một người chăm sóc người bệnh, hoặc nếu bố thí để hỗ trợ nhiều khó khăn phát sinh do bão hoặc lạnh giá, điều này được coi là bố thí đúng thời."

Hơn nữa, nếu một người cho đi theo cách phù hợp với những gì cần thiết nhất ở một nơi cụ thể, người đó sẽ nhận được phần thưởng nghiệp quả gia tăng từ việc bố thí này.

Ngoài ra, nếu một người thực hiện một hành động bố thí trên đường trong một khu vực hoang vu, thì người đó sẽ được tăng thêm công đức.

Nếu một người tiếp tục bố thí liên tục và không bỏ qua việc thực hành đó, thì người đó sẽ nhận được từ việc đó một phần thưởng nghiệp quả gia tăng.

Nếu một người tặng một món quà phù hợp với những gì mà người yêu cầu mong muốn, người đó sẽ nhận được từ đó một số lượng công đức tăng lên.

Nếu một người tặng những món quà có giá trị, người ấy sẽ được tăng thêm phước.

Nếu một người cúng dường chỗ ở cho tu sĩ, công viên, rừng, ao tắm, v.v. - với điều kiện những món quà đó được cúng dường cho những người tốt - người đó sẽ nhận được phần thưởng nghiệp quả gia tăng về việc đó.

Nếu một người cúng dường Tăng đoàn, người đó sẽ nhận được phần thưởng nghiệp quả gia tăng.

Nếu cả người tặng và người nhận đều có đức hạnh, phần thưởng theo nghiệp của việc đó sẽ được tăng lên.

(Chú thích bằng văn bản tiếng Trung: "Các dòng chữ mực đỏ ghi "Ví dụ như các vị Bồ-tát và các vị Phật phát tâm từ bi bố thí. Đây là điều nhằm tỏ lòng thành kính/sự tôn trọng đối với ân nhân/thí chủ. Ví dụ như cúng dường cho chư Phật, Bồ-tát, A-la-hán, hoặc Phật độc giác —Đây là những gì liên quan đến người nhận (có đức hạnh)."")

Khi một người sử dụng tất cả các cách chào đón lịch thiệp vì sự tôn trọng đối với người nhận, người ta sẽ nhận được từ việc này phước/công đức nhiều hơn.

Nếu một người cho đi vật khó kiếm, người đó sẽ nhận được một lượng công đức gia tăng.

Câu chuyện: Người họa sĩ đã cúng hết tiền để dành của mình

Nếu một người có thể cho tất cả những gì mà một người có, người ấy sẽ nhận được một lượng công đức tăng lên. Nguyên tắc này được minh họa bằng trường hợp của một họa sĩ tên là Karṇa đến từ thành phố Puṣkarāvatī thuộc bang Đại Hóa La (Tokharestan). Anh ấy đã đi về phía đông đến bang Takṣaśilā, nơi anh ấy làm một họa sĩ cho triều đình đó trong thời gian mười hai năm.

Anh ấy nhận được khoản thanh toán ba mươi hai lạng vàng miếng cho công việc của mình và đem theo mình khi anh ấy trở về thành phố Puṣkarāvatī ở quê nhà. Anh ấy tình cờ nghe tiếng trống đánh để triệu tập đại chúng. Anh ấy đến đó và thấy một hội chúng của Tăng đoàn. Với tâm đức tin trong sáng, anh ấy hỏi vị Tri sự (*Karmadāna*) rằng: "Thưa Thầy, cần bao nhiêu để cúng dường bữa tiệc một ngày cho hội chúng này?"

Vị Tri sự đáp rằng: "Ba mươi hai lạng vàng miếng sẽ đủ để cung cấp thực phẩm cho một ngày." Tại thời điểm này, anh ấy lập tức mang ra toàn bộ số lượng vàng miếng ba mươi hai lạng và giao nó cho vị Tri sự và thưa: "Xin hãy thay mặt con chuẩn bị một bữa tiệc một ngày [cho toàn thể hội chúng này]. Con sẽ trở lại đây vào ngày mai". Sau đó anh ấy trở về nhà tay không.

Vợ anh ấy hỏi anh ấy rằng: "Chà, anh kiếm được gì trong mười hai năm làm việc của mình?"

Anh ấy trả lời rằng: "Anh kiếm được ba mươi hai lạng vàng miếng."

Cô ấy lập tức hỏi: "Ba mươi hai lạng vàng bây giờ ở đâu?"

Anh ấy trả lời rằng: "Vàng đã được gieo trồng cho ruộng phước đức."

Người vợ hỏi: "Ruộng phước đức nào?"

Người chồng đáp rằng: "Anh đã cúng dường vàng cho đại chúng của Tăng đoàn." Khi ấy, người vợ của anh đã bắt giữ chồng mình và mang anh ấy đến trước một quan tòa để xử phạt tội của anh ấy và sự việc được xét xử thích đáng.

Vị quan tòa lớn hỏi: "Tại sao chúng ta được triệu tập ở đây?"

Người vợ trả lời: "Chồng con đã trở nên điên cuồng và si mê. Anh ta đã làm việc cho hoàng gia ở nước ngoài trong mười hai năm và kiếm được ba mươi hai lạng vàng. Anh ta không có lòng nhân ái đối với vợ hay con mình nên đã cho người khác toàn bộ số tiền. Vì vậy, con mong muốn anh ta được xử lý theo luật pháp, con nhanh chóng khiến người giam giữ anh ta và mang đến đây. "

Vị quan tòa lớn khi ấy hỏi người chồng: "Tại sao anh không chia vàng cho vợ con mình, lại thích đem vàng cho người khác?"

Anh ấy thưa rằng: "Trong những kiếp trước tôi đã không tu phước. Trong cuộc sống hiện tại, tôi là người nghèo và vì vậy đã phải trải qua tất cả những đau khổ cay đắng. Bây giờ, trong cuộc sống này tôi đã gặp được ruộng phước đức. Nếu tôi không gieo trồng phước đức, thì những kiếp sau tôi vẫn sẽ nghèo, và cứ thế nghèo khổ cứ tiếp tục nghèo khổ, đến nỗi không có lúc nào tôi có thể thoát khỏi được. Bây giờ tôi muốn ngay lập tức thoát khỏi tình trạng nghèo đói này. Chính vì lý do này mà tôi đã lấy toàn bộ số vàng và cúng cho Tăng đoàn/cộng đồng tu sĩ".

Vị quan tòa lớn tình cờ là một cư sĩ nam[2] , người có một đức tin thuần khiết vào đức Phật. Khi nghe những lời này, vị này khen ngợi anh ấy rằng: "Đây là một việc làm vô cùng khó khăn. Anh đã chính mình áp dụng một cách siêng năng và trải qua gian khổ

[2] Một nam cư sĩ (*upāsaka)* (nữ cư sĩ: *upāsikā*) là một cư sĩ Phật giáo, trình độ tối thiểu được chính thức thọ nhận Tam quy từ một tu sĩ đã thọ giới cụ túc (thường là một Tỳ-kheo có ít nhất năm năm thọ giới cụ túc): quy y Phật; quy y Pháp; và quy y chư Thánh Tăng. ("Thánh Tăng" là ám chỉ những người đã giác ngộ đường đạo/kiến đạo trở lên.) Mặc dù cam kết tuân thủ các quy tắc đạo đức cụ thể không phải là điều kiện tiên quyết để thọ nhận các Quy y và chính thức trở thành "Phật tử", tiêu chuẩn đạo đức phổ quát cho cư sĩ Phật giáo gồm năm giới cấm: sát sinh; trộm cắp; tà dâm; nói sai sự thật; chất gây say.

để có được một phần thưởng vật chất nhỏ như vậy, và sau đó anh đã có thể nhận tất cả và cúng dường cho Tăng đoàn. Anh là một người đàn ông tốt."

Sau đó, vị quan tòa tháo sợi dây có các viên ngọc trên cổ và tặng nó cho người đàn ông nghèo cùng với con ngựa của vị ấy và thu nhập mà vị này nhận được từ thuế cho cả một ngôi làng. Sau đó vị quan tòa tuyên bố với anh ấy rằng: "Lúc đầu, khi anh đã cúng món quà cho Tăng đoàn, nhưng Tăng đoàn/hội chúng Tăng đoàn đó vẫn chưa nhận thức ăn đó, đó là trường hợp hạt giống vẫn chưa thực sự được gieo trồng. Nhưng bây giờ một mầm đã nảy ra từ hạt giống đó. Kết quả tuyệt vời của điều này sẽ sinh ra trong đời sau. "

Kết luận

Chính vì những lý do như vậy mà người ta nói rằng một người đạt được nhiều công đức nhất nếu người đó có thể cho đi toàn bộ là điều mà khó thực hiện được.

Sự bố thí tuyệt vời của bồ-tát Velāma

Lời mở đầu của ngài Long Thọ: Bố thí của Thanh Văn so với bố thí của Bồ-tát

Hơn nữa, nếu bố thí không được thực hiện vì lợi ích của chúng sinh, nếu nó không được thực hiện vì lợi ích của việc giác ngộ bản chất thực sự của các pháp[3], và nếu nó được thực hiện chỉ vì mục đích giải thoát khỏi sinh, già, bệnh, và chết, đây là bố thí của các Thanh văn[4]. Nếu một người bố thí vì lợi ích của tất cả chúng sinh và nếu người ấy làm như vậy vì mục đích nhận ra/giác ngộ bản chất thực sự của các pháp, thì đây là bố thí của chư Phật và chư Bồ-tát.

Nếu người ta không thể làm cho sự bố thí của mình trở nên đầy đủ bằng mọi phẩm chất phước đức, mà chỉ mong muốn đạt được một phần nhỏ của nó, thì đây là bố thí của các Thanh Văn. Nếu người ta muốn làm cho nó hoàn toàn đầy đủ với mọi phẩm chất phước đức, thì đây là bố thí của chư Phật và chư bồ-tát.

Nếu ai đó bố thí vì nỗi sợ hãi về tuổi già, bệnh tật và cái chết, thì đây là bố thí của các Thanh Văn. Nếu nó được thực hiện để trợ giúp cho sự chứng ngộ Phật quả, nếu nó được thực hiện vì mục đích hóa độ chúng sinh, và nếu nó không được thực hiện vì sợ già, bệnh và chết, thì đây là bố thí của chư Phật và các vị bồ-tát.

Câu chuyện: Sự bố thí tuyệt vời của bồ-tát Velāma

---

[3]. "Đặc tính thực sự của các pháp" (諸法實相) là bản dịch của tôi từ bản dịch tiếng Trung tách rời của ngài Cưu-Ma-La-Thập (Kumārajīva) về pháp tánh (tiếng Phạn: *dharmatā*) ("các pháp như chúng thực sự là"). Đó chỉ đơn giản là một tham chiếu đến "đặc tính/bản tánh chân thực" hoặc "bản chất thực tế" của các pháp (tức là "hiện tượng") trong chính bản chất của chúng như được hiểu phù hợp với chân lý tối hậu/chân đế (*paramārtha-satya*). Đó chỉ đơn giản là một tham chiếu đến các hiện tượng được hiểu trong trường hợp không có sự phân biệt và áp đặt vi tế nhất. Hàm ý của định nghĩa này dường như không phải là một tiết lộ đặc biệt rất quan trọng/gây sốc nhưng vì thực tế là không một người bình thường nào thực sự hiểu được các hiện tượng theo cách này. Chỉ những bậc thánh (những người ít nhất đã đạt đến "kiến đạo/con đường nhìn thấy") mới thực sự hiểu được các hiện tượng như chúng thực sự là. Trong phép biện chứng của *Luận Đại Trí Độ*, mức độ hiểu biết này nhiều lần được đồng nhất một cách ẩn ý và rõ ràng với tính không bất nhị, niết-bàn, và sự vắng mặt hoàn toàn của tự tánh, tất cả các biểu hiện của Trung Quán mang tính biểu tượng phi-không/phi hư vô và không khẳng định về chân lý cao nhất.

[4] Vì lợi ích của những người không quen thuộc với thuật ngữ này, "Thanh Văn" (*Śrāvakas*) (nghĩa đen là "Người nghe") dùng để chỉ những Phật tử nỗ lực chỉ để đạt được sự giải thoát cá nhân tương đối nhanh chóng thành vị A-la-hán. Nói chung, họ không muốn tham gia vào thời gian rèn luyện cực kỳ dài cần thiết để trở thành một vị Phật. Mặt khác, các vị Bồ-tát không sợ hãi thậm chí kiếp kiếp làm việc công bằng cho bản thân và công bằng cho sự giải thoát của chúng sinh khác, tất cả những điều này nhằm chuẩn bị cho mục tiêu của họ là thực hiện sự giác ngộ tối thượng, đúng đắn và hoàn hảo của một vị Phật giác ngộ hoàn toàn.

Trong mối liên hệ này, người ta nên trích dẫn từ *Kinh về Những Kiếp Quá Khứ của vị Bồ-tát*. Như đã thảo luận trong *Kinh Thí Dụ* (*The Avadāna Sūtra*), trong quá khứ, ở Nam-diêm-phù-đề (Jambudvīpa), có một vị vua tên là Vāsava. Lúc bấy giờ có một bồ-tát Bà-la-môn tên là Velāma, người là thầy của đức vua. Ngài đã dạy cho nhà vua phương pháp để trở thành một vị Chuyển luân thánh vương[5].

Tài sản của Velāma là vô cùng lớn. Ngài sở hữu vô số đồ trang sức quý giá. Ngài ấy có những suy nghĩ như vầy: "Mọi người nhìn tôi như một người đàn ông cao quý sở hữu của cải vô lượng. Nếu tôi muốn mang lại lợi ích cho chúng sinh, bây giờ chính xác là thời điểm thích hợp. Tôi nên thực hiện một hành động bố thí vĩ đại. Tuy giàu sang quyền quý là phúc lạc nhưng mọi thứ đều vô thường. Sự giàu có này, cùng với năm loại tác nhân (vua, kẻ trộm, lửa, lũ lụt và con trai xấu xa), khiến tâm trí con người bị phân tán, kích động và không tập trung đến mức giống như một con khỉ không thể ở yên. Cuộc sống của một người trôi qua nhanh hơn sự biến mất của một tia chớp. Cơ thể của một người là vô thường và là một tập hợp đa dạng những đau khổ. Vì những điều này, người ta phải thực hành bố thí."

Sau khi có những suy nghĩ này, Ngài đã viết ra một tuyên bố cá nhân, trong đó ngài tuyên bố với tất cả những người Bà-la-môn và tu sĩ trong khắp cõi Nam-diêm-phù-đề rằng: "Chúng tôi cầu nguyện rằng mỗi người sẽ chiếu cố đến và tụ họp tại điền trang của chúng tôi khi chúng tôi muốn thực hiện cúng dường lớn kéo dài trong một khoảng thời gian mười hai năm, trong đó những chiếc thuyền sẽ đi trên những dòng suối có lúa và sẽ có những ao đầy sữa đông. Sẽ có những ngọn núi làm từ gạo và mì và những con kênh được tạo ra từ dầu tía tô. Sẽ có y phục, đồ ăn, thức uống, giường và thuốc men. Mọi thứ sẽ có chất lượng tuyệt vời nhất trong hơn mười hai năm trong suốt thời gian mà chúng tôi mong muốn được cúng dường theo cách này."

[5] Điều này đề cập đến vị chuyển luân thánh vương, một vị vua toàn cầu sở hữu những phẩm chất cá nhân, quyền lực, thời gian trị vì và quyền thống trị vượt xa những gì thuộc sở hữu của bất kỳ hoàng gia nào đã từng thống trị trong lịch sử nhân loại được ghi lại.

Có tám vạn bốn nghìn[6] con voi trắng khoác trên mình bộ áo giáp trang trí tê giác bằng vàng. Những viên đá quý hiếm được xâu chuỗi lại với nhau để tạo ra một gian hàng lớn bằng vàng được trang trí bằng bốn loại đồ quý giá. Có tám vạn bốn nghìn con ngựa cũng được khoác trên mình bộ áo giáp trang trí tê giác bằng vàng và buộc bằng những sợi dây của bốn loại vật quý giá.

Có tám vạn bốn nghìn cỗ xe, mỗi chiếc được trang trí bằng vàng, bạc, lục ngọc thạch (beryl) và pha lê, mái xe bằng da của sư tử, hổ và báo, được trang trí bằng những tấm rèm bằng đá quý cẩm thạch pan-đu-cam-ba-la (*pāṇḍukambala*)[7] và được trang sức bằng nhiều loại trang trí khác nhau.

Có tám vạn bốn ngàn ngai vàng quý giá được trang bị và trang trí bằng những chiếc đệm nhiều màu mềm mại và êm ái. Xếp ở mỗi đầu của ngai vàng là những chiếc gối màu đỏ thẫm và những tấm chăn thêu. Những sản phẩm may mặc kỳ diệu và những chiếc y áo dài được cung cấp một cách dồi dào. Có tám vạn bốn nghìn chiếc bát vàng đựng đầy cốm bạc, bát bạc đựng đầy cốm vàng, bát lục ngọc thạch (*beryl*) chứa đầy pha lê, và bát pha lê chứa đầy đá quý lục ngọc thạch.

Có tám vạn bốn nghìn con bò sữa. Mỗi con bò đều tạo ra một lượng sữa dồi dào. Sừng của những con bò đực được trang trí bằng vàng. Chúng đều được mặc những chiếc mền trắng.

Có tám vạn bốn ngàn phụ nữ xinh đẹp với vẻ ngoài thanh tú và được trời phú cho những phẩm chất đức hạnh/đáng quý. Cơ thể của họ được trang sức bởi những sợi ngọc trai trắng và những viên ngọc quý.

Điều này chỉ đại diện cho một bản tóm tắt của các đặc điểm chính. Có tất cả các cách sắp xếp khác mà người ta không bao giờ có thể thành công trong việc chi tiết hóa.

Vào thời điểm đó, vua Vāsava và tám vạn bốn ngàn vị vua của các quốc gia nhỏ hơn, cùng với các quan đại thần, anh hùng dân tộc của họ, và những người từng là trưởng lão đều đóng góp để khuyến khích và hỗ trợ bao gồm mười nghìn miếng vàng cổ.

---

[6] "Tám mươi bốn nghìn", nghĩa là trong văn học Phật giáo Ấn Độ, tương tự như cách sử dụng bản ngữ của người Mỹ là "hàng triệu", thực ra chỉ có nghĩa là "rất nhiều", hoặc theo thuật ngữ chính thức hơn: "nhiều".

[7] ND: *pāṇḍukambala* là một loại đá quý, còn có nghĩa là ngai vàng của Trời Đế Thích; y trên ấm áp; mền trắng.

Sau khi việc cúng dường Pháp này đã được sắp xếp và hoàn thành xong xuôi, vị trời Đế Thích (*Devānām Indra*) đến và yết kiến Bồ-tát Velāma bằng cách thốt ra kệ sau:

Những đồ vật trên trời dưới đất hiếm gặp nhất,
Những thứ có thể làm hài lòng tất cả mọi người,
Bây giờ bạn đã có được chúng,
Nên lấy chúng làm quà tặng vì lợi ích của việc thành Phật.

Vào lúc bấy giờ, các vị thần của cõi Trời Tịnh Cư tự hiện thân và dâng lời ca tụng qua lời kệ sau đây:

Bạn đã mở ra cánh cổng của sự bố thí vĩ đại.
Đó là vì cảm thấy xót thương cho tất cả chúng sinh
Và vì mong muốn tìm kiếm con đường thành Phật cho họ
Mà bây giờ bạn đang hành động ở đây theo cách này.

Lúc này các vị trời đều có ý nghĩ này: "Chúng ta nên chặn bình vàng của ông ấy lên để ngăn nước chảy ra. Tại sao? Bởi vì, tuy có thí chủ, nhưng không có ai thích hợp để làm ruộng phước."[8]

Vào thời điểm đó, Quỷ Vương nói với các vị trời của cõi Trời Tịnh Cư rằng: "Tất cả những người Bà-la-môn này đã bỏ lại cuộc sống tại gia. Họ giữ gìn các giới luật đạo đức một cách thanh tịnh và đã nhập Đạo. Tại sao các vị bây giờ lại nói không có người là ruộng phước đức? "

Các vị trời của cõi Trời Tịnh Cư nói rằng: "Vị Bồ-tát này đang bố thí vì lợi ích của việc thành Phật đạo. Tất cả những người bây giờ ở đây đều có quan điểm sai lầm/đều

[8] Cũng giống như một cánh đồng/ruộng màu mỡ được gieo trồng với hạt giống tốt sẽ sinh ra mùa màng bội thu, thì "cánh đồng/ruộng phước đức" (*puṇya-kṣetra*) trong hình thức của một người nhận có đầy đủ phước đức, sẽ sinh quả báo cho thí chủ/người cho. Vấn đề mà những thiên chúng này rất quan tâm là người ta gieo một hạt giống nghiệp có sức mạnh kỳ diệu (dưới dạng sự bố thí xa hoa này) trên một cánh đồng cằn cỗi. Họ lo lắng rằng hạt giống sẽ bị lãng phí.

tà kiến. Chính vì lẽ đó, chúng tôi khẳng định không có ai đáng làm ruộng phước đức cả".

Quỷ Vương nói với các vị trời rằng: "Làm sao các ngươi biết rằng người đàn ông này đang bố thí vì để thành Phật đạo?"

Một trong những vị trời cõi Trời Tịnh Cư sau đó xuất hiện trong cơ thể của một Bà-la-môn. Cầm một chiếc bình vàng và một cành cây làm bằng vàng, vị ấy đến gặp Bồ-tát Velāma và nói với Ngài: "Bạn mong ước điều gì qua hành động bố thí vĩ đại này khi bạn từ bỏ những gì rất khó từ bỏ? Có phải là bạn muốn trở thành một vị vua Chuyển luân Thánh vương có bảy của báu, một nghìn người con trai và quyền thống trị trên toàn thế giới không?"

Bồ-tát trả lời bằng cách đáp rằng: "Tôi không mong ước làm Chuyển luân Thánh vương."

"Có phải là bạn mong trở thành Thiên Đế Thích để sau đó bạn có thể làm chúa tể cho tám ngàn na-du-ta[9] các tiên nữ trên trời không?"

Vị ấy trả lời rằng: "Không."

"Bạn đang tìm cách trở thành Chúa tể của Sáu cõi Dục giới?"

Vị ấy đáp: "Không."

"Bạn có đang tìm cách trở thành Phạm Thiên, người là chúa tể trên tam thiên thế giới vĩ đại và người được coi là người cha đứng đầu/tổ phụ của tất cả chúng sinh? "

Vị ấy trả lời: "Không."

"Vậy bạn đang mong ước điều gì?"

Lúc này Bồ-tát nói bài kệ rằng:

Tôi tìm kiếm nơi không có ham muốn/dục
Và vượt thoát sinh, lão, bệnh, và tử.
Tôi khao khát mang lại sự giải thoát cho tất cả chúng sinh.

[9] ND: tiếng Anh là *nayutas*. Theo Thư viện Phật giáo Nichiren, đây là đơn vị đo lường của Ấn Độ. Có giải thích khác nhau về độ lớn của nó. Trong *Kho Báu Phân Biệt Pháp* định nghĩa là một trăm tỷ. Các nguồn khác định nghĩa là mười triệu.

Tôi tìm kiếm con đường thành Phật, chỉ là như vậy thôi.

Người là Bà-la-môn hóa thân nói rằng: “Thí chủ, khó thành Phật được. Việc này bị bủa vây với nhiều cay đắng và đau khổ. Tâm trí của bạn nhu nhuyến/mềm dẻo và quen với những thú vui. Chắc chắn là bạn sẽ không thể tìm ra và giác ngộ thành Phật được. Như tôi đã đề nghị trước đây: trở thành một vị Chuyển luân Thánh vương, hay Thiên Đế Thích, hoặc Vua của Sáu cõi Trời Dục, hoặc Vua của các vị Phạm Thiên-những điều này sẽ dễ dàng đạt được. Sẽ tốt hơn nếu tìm kiếm những thứ này thay vì thành Phật”.

Bồ-tát đáp rằng: “Hãy nghe lời nguyện nhất tâm của ta:”

Ngay cả khi người ta khiến bánh xe bằng thép nóng,
Để quay xung quanh trên đỉnh đầu của tôi,
Tôi sẽ nhất tâm tìm kiếm con đường thành Phật,
Và không bao giờ ấp ủ bất kỳ hối tiếc nào.

Nếu tôi có phải rơi vào ba cõi khốn khổ,
Và trước muôn vàn đau khổ của cõi người,
Tôi nhất tâm tìm kiếm con đường thành Phật,
Và sẽ không bao giờ rời khỏi con đường này.

Người Bà-la-môn hóa thân nói rằng: “Ôi thí chủ, quả thật là tốt, thật tốt khi bạn mong ước thành Phật theo cách này.” Sau đó, vị ấy đã thốt lên lời khen ngợi, nói rằng:

Sức mạnh của bạn phát sinh từ sự tinh tấn của bạn là vô cùng lớn.
Bạn thể hiện lòng tốt và lòng thương xót đối với tất cả mọi người.
Trí tuệ của bạn đã trở nên khách quan và không bị chướng ngại.
Sự giác ngộ thành Phật của bạn không còn xa nữa.

Vào lúc đó, các vị trời đã đổ trận mưa rất nhiều hoa để cúng dường cho Bồ-tát. Các vị trời của cõi Trời Tịnh Cư đã ngăn nước khỏi bình rồi biến mất khỏi tầm mắt.

Sau đó, đức Bồ-tát đi trước vị trưởng lão đứng đầu trong số các Bà-la-môn và cố gắng rót nước từ chiếc bình vàng [và do đó chính thức ban tặng cho họ như những người nhận lễ vật của Ngài]. Tuy nhiên, nước vẫn đọng lại và không chảy ra ngoài. Các thành viên của hội chúng khi đó đã nghi ngờ và kinh hoàng và tự hỏi, rằng: "Tất cả những hình thức bố thí vĩ đại khác nhau này đều có đầy đủ về mọi mặt và phẩm chất công đức của người hảo tâm/thí chủ cũng rất lớn. Tại sao bây giờ nước không chảy ra khỏi bình?"

Vị Bồ-tát tự nghĩ: "Hoàn cảnh này có thể là do không gì khác ngoài một trong những yếu tố sau: Tôi đã giải thoát tâm mình khỏi mọi ô uế chưa/Tâm tôi đã không còn mọi nhiễm ô chưa? Tôi đã đạt được một tình huống mà không có thiếu sót trong quà tặng chưa? Điều gì có thể mang lại điều này?" Vị ấy đã tự mình xem xét mười sáu phần của *Kinh điển về Bố thí* và nhận thấy rằng tất cả các sự chuẩn bị đều thanh tịnh và không có khiếm khuyết.

Vào lúc này, các vị trời nói với vị Bồ-tát : "Đừng để bị khuất phục bởi sự nghi ngờ và hối tiếc. Không có gì mà bạn đã không đạt được. Đó là bởi vì những người Bà-la-môn này có tính cách bất thiện, lỗi lầm và không trong sạch". Sau đó, họ thốt ra câu kệ rằng:

Những người đàn ông này bị mắc vào lưới
của những quan điểm sai lầm/tà kiến.
Những phiền não của họ đã phá hủy trí tuệ đúng đắn.
Họ đã từ bỏ sự thanh tịnh trong việc tuân thủ các giới luật đạo đức.
Họ say mê sự khổ hạnh vô ích và sa vào những con đường của ngoại đạo.

"Chính vì những lý do này mà nước bị ngưng lại và sẽ không chảy ra nữa."

Vừa nói xong, họ đột nhiên biến mất. Các vị trời của sáu cõi Trời Dục khi ấy phát ra nhiều loại ánh sáng khác nhau chiếu sáng toàn bộ hội chúng rồi bảo vị Bồ-tát, tuyên bố bằng bài kệ sau:

Thực hành từ bên trong biển lỗi và bất thiện
Không phù hợp với con đường chính thống của bạn.
Trong số những người nhận quà tặng của bạn,
Không có ai có thể so sánh với bạn.

Sau khi nói như vậy, họ đột nhiên biến mất. Sau khi vị Bồ-tát đã nghe câu kệ bèn tự nghĩ: "Nếu thực sự xảy ra trường hợp không có ai trong hội chúng có thể ngang hàng với tôi, thì nước sẽ thực sự bị ngăn lại và vì vậy sẽ không chảy ra nữa. Vậy thì có thể thực sự là vì lý do này?" Sau đó vị ấy đã thốt lên câu kệ rằng:

Khắp mười phương, trên trời hay dưới đất,
Bất cứ nơi nào có những người tốt và thanh tịnh-
Bây giờ tôi nương tựa vào họ và, trong sự tôn kính, đảnh lễ.
Với chiếc bình ở tay phải, tôi đổ một giọt dầu ở tay trái,
Bây giờ tôi thề rằng tôi, chính bản thân mình,
Nên thay mặt họ nhận sự cúng thí tuyệt vời như thế này.

Khi ấy, nước từ cái bình sau đó phun thẳng ra không trung, từ trên cao xuống, và rơi xuống dưới tay trái của vị ấy. Khi đó, khi vua Vāsava chứng kiến sự phản ứng kỳ diệu này, tâm trí của ông trở nên đầy lòng tôn kính và ông đã thốt lên một bài kệ rằng:

Chúa tể vĩ đại của những Bà-la-môn/Phạm thiên,
Nước màu ngọc thạch trong veo này
Đã chảy xuống từ trên cao
Và, rơi xuống, đã đến dừng lại trong tay bạn.

Vào lúc đó, trong tâm trí của những người Bà-la-môn trong hội chúng đã nảy sinh ý nghĩ về sự tôn kính. Họ chấp tay, đảnh lễ và quy y với vị Bồ-tát. Lúc này, vị Bồ-tát thốt ra câu kệ rằng:

Điều mà bây giờ tôi đã và đang bố thí,
Không phải để tìm kiếm bất kỳ phước lành nào,
trong phạm vi của ba cõi[10].
Đó là vì lợi ích của tất cả chúng sinh,
Và được sử dụng để tìm kiếm con đường của chư Phật.

Sau khi vị ấy nói câu này, toàn bộ trái đất với núi, sông và cây cối rung chuyển và di chuyển theo sáu cách. Velāma ban đầu có ý kiến rằng hội chúng này nên là người nhận của cúng dường và vì vậy đã bố thí. Mặc dù vị ấy nhận ra không có ai trong hội chúng xứng đáng để chấp nhận sự bố thí này, nhưng giờ vị ấy vì thương hại, đã cho họ tất cả những thứ mà chính vị ấy đã chấp nhận.

Lý tưởng nhất là vào thời điểm này, người ta sẽ tiến hành cuộc thảo luận sâu rộng về tất cả các loại nguyên nhân và điều kiện tiền kiếp tương tự gắn với đàn-na (bố thí). Những điều ở trên là ví dụ về "sự cho đi bên ngoài/ngoại thí".

[10] "Ba cõi" đồng nghĩa với tất cả sự tồn tại và dùng để chỉ ba khu vực luân hồi ngày càng tinh tế hơn do những chúng sinh bị mắc kẹt trong luân hồi sinh tử: cõi Dục (nơi trú ngụ của những người sống trong địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, con người, A-tu-la, và các vị thần thấp hơn); cõi Sắc; và cõi Vô Sắc.

Cả hai cõi giới sau có thể được đưa vào các cấp độ hấp thụ thiền định sâu hơn, nhưng cũng bao gồm nơi ở/cư trú của tầng lớp cao hơn và cao nhất của các cõi chư Thiên, mỗi khu vực này tự nó bao gồm một số cấp độ phụ khác nhau của các chư Thiên. Mặc dù chúng liên quan đến cuộc sống vô cùng lâu dài và thoát khỏi đau khổ, bởi vì những chư Thiên này là vô thường và cuối cùng nhất định sẽ bị đọa lạc, ngay cả các vị Trời được Phật giáo cho là không những không được giải thoát về mặt tinh thần mà còn bị ràng buộc một cách bi thảm trong sự đau khổ của nghiệp chướng, trên thực tế cũng mắc kẹt không kém các cư dân của những cõi thấp nhất do tội lỗi.

Hai câu chuyện tiền thân về sự hy sinh mạng sống của đức Thích-Ca-Mâu-Ni

"Nội thí/Cho đi từ bên trong" có nghĩa là gì? Điều này đề cập đến việc không để lại dấu vết ngay cả khi hy sinh mạng sống của chính mình như một người bố thí vì lợi ích của chúng sinh.

Câu chuyện: Tiền kiếp của đức Phật đã hy sinh thân thể của Ngài cho Phật Pháp

Người ta thảo luận trong [những câu chuyện về các nhân duyên tiền kiếp của đức Phật] tại thời điểm khi, với tư cách là vị Bồ-tát, đức Phật Thích-Ca-Mâu-Ni đang là vua của một quốc gia vĩ đại. Thế giới không có Phật, không có Pháp, và không có tăng đoàn Tỳ-kheo. Vị vua này đã tìm kiếm giáo pháp của đức Phật khắp bốn phương, nhưng cuối cùng không tìm thấy.

Vào lúc đó, có một Bà-la-môn nói rằng: "Tôi biết một câu kinh do đức Phật đã thốt ra. Nếu anh cúng lễ vật cho tôi, tôi sẽ tặng câu kệ đó cho anh."

Khi đó, nhà vua hỏi rằng: "Anh đang tìm kiếm loại lễ vật nào?"

Anh ta đáp: "Nếu anh có thể xẻ da thịt mình và biến nó thành ngọn đuốc làm lễ vật cho tôi, thì tôi sẽ tặng câu kệ cho anh."

Sau đó, nhà vua tự nghĩ: "Cơ thể này của ta mỏng manh và bất tịnh. Số lượng đau khổ mà tôi đã phải trải qua hết đời này đến đời khác là không thể đếm xuể. Thân này chưa bao giờ vì lợi ích của Phật pháp. Chỉ bây giờ nó mới bắt đầu thực sự hữu ích. Chắc chắn bây giờ không thể bỏ qua/tha cho cơ thể này".

Sau khi suy gẫm như vậy, nhà vua gọi một người chiên-đà-la và ra lệnh cho người ấy cạo bề mặt của toàn bộ cơ thể mình để nó có thể dùng như một ngọn đuốc. Sau đó, người chiên-đà-la bọc da thịt của đức vua trong tấm vải trắng, nhúng nó trong bơ và đốt cháy toàn bộ cơ thể của Ngài. Chỉ một khi ngọn lửa đã được thắp lên, người ba-la-môn đã ban tặng cho vị vua câu kệ duy nhất đó.

Câu chuyện: Tiền kiếp của đức Phật là con chim bồ câu

Ngoài ra, trong một kiếp trước, đức Phật Thích-Ca-Mâu-Ni là một con chim bồ câu trên núi tuyết. Một lần có một trận bão tuyết lớn. Có một người đàn ông đã lạc đường. Anh ấy nghèo khổ và khốn khó, trải qua bao cay đắng và đau khổ. Đói và lạnh đều bao trùm lấy anh này và ngay lúc đó cuộc sống của anh ấy như ngọn đèn trước gió/như chỉ mành treo chuông/ngàn cân treo sợi tóc. Chim bồ câu nhìn thấy người đàn ông này và ngay lập tức bay đi tìm lửa, chất đống cành cây rồi đốt chúng. Sau đó, con chim bồ câu cũng ném xác mình vào ngọn lửa như món quà cho người đàn ông đang chết đói này.

Chỉ với cách thức như vậy, vị ấy đã từ bỏ đầu, mắt, tủy và bộ não của mình cho chúng sinh. Tốt nhất, người ta sẽ trích dẫn ở đây nhiều trường hợp có thể so sánh được từ *Kinh về nhân duyên của những kiếp trước*. Tất cả các loại trường hợp tương tự cho thấy ý nghĩa của việc cho đi "hướng nội/từ bên trong"/nội thí.

Vị tu sĩ có hơi thở thơm tho

Lời mở đầu của Ngài Long Thọ: Những cơ sở mô tả việc Bố thí Pháp

Hơn nữa, việc bố thí Pháp không chỉ bao gồm bằng chữ viết và lời nói. Việc bố thí Pháp còn bao gồm việc thường có tâm thanh tịnh và ý nghĩ lành mạnh khi bố thí việc hướng dẫn cho mọi người. Như việc bố thí vật chất khi không có sự đo lường về phước lành hay công đức của việc bố thí vật chất nếu người bố thí Pháp không có tâm lành mạnh; việc bố thí Pháp cũng như vậy: Nếu người bố thí không có tâm thanh tịnh và ý nghĩ lành mạnh, thì không được coi là bố thí Pháp.

Lại nữa, nếu người thuyết Pháp có khả năng duy trì tâm thanh tịnh và ý nghĩ lành mạnh khi vị ấy tán thán Tam Bảo, khiến việc hiểu ra các tội và phước dễ dàng, giải thích bốn chân lý Thánh (tứ diệu đế), và vân vân với việc giảng dạy và chuyển hóa/hóa độ chúng sanh để khiến họ bước vào đường thành Phật, thì được coi là sự bố thí Pháp chân thật và thanh tịnh.

Nhìn chung/nói cách khác, bố thí Pháp có hai loại: Thứ nhất bao gồm việc giữ mình không não phiền chúng sanh trong khi duy trì tâm lành mạnh, lòng từ và sự cảm thông. Điều này tạo nên nền tảng làm nhân cho con đường đến quả vị Phật. Thứ hai bao gồm việc quán chiếu và nhận ra rằng tất cả các pháp thật sự trống rỗng (không có tự tánh). Điều này tạo thành cơ sở là nhân cho con đường đến quả vị Phật.

Nếu trong Đại Chúng, một người phát tâm đại từ khi thuyết giảng/bố thí hai loại Pháp này, và khi làm thế không phải vì danh, vì lợi dưỡng hay sự tôn kính, điều này tạo thành việc bố thí Pháp thanh tịnh làm gốc cho con đường thành Phật.

Câu chuyện:Vị tu sĩ có hơi thở thơm tho

Khái niệm này được mô tả trong câu chuyện liên quan đến vua A-dục (Aśoka) người mà chỉ trong một ngày chịu trách nhiệm cho việc sáng tạo ra tám mươi nghìn hình tượng

đức Phật. Mặc dù ông ấy chưa đạt đến giai đoạn "Kiến đạo"[11], nhưng ông ấy vẫn có mức độ niềm tin và phước lành chút ít đối với giáo Pháp của đức Phật. Hằng ngày ông ấy mời các vị tỳ khưu vào cung điện để cúng dường cho họ. Mỗi ngày ông thỉnh một vị Pháp Sư theo thâm niên tuổi hạ để thuyết pháp.

Một ngày nọ có một vị Pháp Sư trẻ tuổi, bậc thầy tinh thông Tam Tạng, người thông minh và đẹp trai, sắp đến thứ tự thuyết pháp. Vị Pháp Sư này ngồi kế đức Vua. Miệng của vị Pháp Sư toát ra hương thơm kỳ lạ. Nhà vua đầy lòng nghi ngờ và cực kỳ hoài nghi. Ông cho rằng điều này tạo nên sự cố ý không phù hợp/ không đứng đắn phát sinh từ lòng tham sử dụng hương thơm để ảnh hưởng đến đoàn tùy tùng trong cung điện.

Nhà vua hỏi vị tỳ khưu rằng: "Thưa Thầy có vật gì trong miệng vậy ạ? Hãy há miệng ra để con nhìn ạ." Khi ấy [vị tỳ khưu] há miệng ra cho [đức vua] rồi hóa ra không có vật gì trong miệng. Vị ấy bị ra lệnh phải súc miệng với nước nhưng hương thơm vẫn còn lại như trước. Nhà vua hỏi, "Thưa Đại Đức[12], đây là hương thơm mới tỏa ra hay Ngài đã có nó từ lâu rồi ạ?"

Vị tỳ khưu đáp : "Nó đã và đang như vậy từ lâu rồi. Không phải là hương thơm này hiện giờ mới tỏa ra đâu."

[Nhà vua] tiếp tục chất vấn : "Hương thơm như vậy đã bao lâu rồi ạ?"'

Vị tỳ khưu đáp bằng kệ như vầy:

Kể từ thời của đức Phật Ca Diếp
Mà tôi đã tuyên giảng giáo Pháp với hương thơm này.
Nó đã có như vậy từ rất lâu,
Và luôn luôn tươi mát như thể mới toát ra.

[11] Theo sách "bồ-tát Long Thọ bàn về sáu ba-la-mật", thì "kiến đạo" đồng nghĩa với việc bỏ lại đằng sau tình trạng khó khăn của một người bình thường ngu ngốc và trở thành một bậc Thánh có sự giải thoát tâm linh tối thượng là một điều chắc chắn tuyệt đối. Theo Vi diệu pháp (*Abhidharma*), kiến đạo là quả vị Tu-đà-hoàn/Dự lưu. (Dịch giả HT Dharmamitra cung cấp thông tin này qua email ngày 10/11/2023).

[12] Đại đức là vị có đức hạnh lớn lao, cao vời, thường dùng để chỉ Đức Phật, các bậc cao tăng, thạc đức, vị Tăng thống. Theo *Tục Cao Tăng truyện* thì năm 688 đời Đường. Tăng chúng quá đông nên có mười vị được cử ra để duy trì phép tắc, gọi là mười Đại đức.

Nhà vua thưa rằng: “Thưa Đại Đức, con chưa hiểu việc giải thích vắn tắt này. Hãy vui lòng thuyết giảng chi tiết hơn cho con.”

Vị tỳ khưu trả lời : “Nhà vua nên lắng nghe kỹ và nhất tâm lời giải thích của ta. Trong quá khứ, vào thời kỳ giáo Pháp của đức Phật Ca Diếp, ta là vị tỳ khưu tuyên dương giáo pháp mà, giữa Đại Chúng, thường xuyên hoan hỷ thuyết giảng về những đức tính vô lượng của đức Ca Diếp, bậc Bạt-già-phạm, về bản chất thật của các pháp, và về hằng sa/vô lượng số phương pháp để tiếp cận Giáo Pháp. Ta tận tâm và thành thật tán thán/ca ngợi và chỉ dẫn cho mọi người. Kể từ lúc ấy đến nay ta luôn luôn có hương thơm tuyệt vời toát ra từ miệng của ta. Điều này tiếp tục từ đời này sang đời khác không hề chấm dứt. Điều này thường xuyên là như vậy cũng như chính hôm nay.”

Rồi vị tỳ khưu thuyết kệ sau:

Hương thơm từ các bông hoa trên các cây lớn và cây khác
Đều không bằng (bị vượt qua bởi) hương thơm như trầm này.
Nó có khả năng làm hài lòng tâm trí của tất cả mọi người.
Từ đời này qua đời khác nó luôn có không chấm dứt.

Vào lúc ấy nhà vua vừa đầy sự xấu hổ và cũng ngập tràn niềm vui. Ông thưa vị tỳ khưu rằng: “Đây là điều chưa từng có ạ. Công đức của việc thuyết pháp mang đến thành quả vĩ đại như thế này.”

Vị tỳ khưu đáp rằng: “Điều này người ta có thể nghĩ chỉ là hoa thôi.Vẫn chưa phải là quả (của thuyết Pháp).”

Nhà vua bèn hỏi: “Vậy quả của thuyết Pháp là gì ạ? Xin vui lòng thuyết giảng điều này cho con.”

Vị tỳ khưu đáp : “Nói tóm lại, có mười loại quả được hưởng. Nhà vua hãy thành tâm lắng nghe.” Rồi vị ấy thuyết kệ sau cho nhà vua:

Có danh tiếng vĩ đại và các tướng cân đối.
Người ấy được phước lành và được tôn kính.

Luôn tỏa ra sự chiếu sáng rực rỡ như mặt trời và mặt trăng.
Nên người ấy được tất cả mọi người ưa mến.

Có sự hùng biện/biện tài và có cả trí tuệ phi thường.
Người ấy có khả năng chấm dứt được sự thống trị
của các lậu hoặc/kết sử.
Người ấy chấm dứt tất cả khổ đau và đạt đến Niết-bàn.
Như thế là mười loại quả được hưởng.

Nhà vua hỏi rằng: "Thưa Đại Đức, làm thế nào người ta đạt được phần thưởng như vậy là kết quả của việc tán dương các đức tính của đức Phật?"
Khi đó, vị tỳ khưu bèn đáp kệ rằng:

Nếu ai tán thán những đức tính/phẩm hạnh của đức Phật
Và khiến mọi người ở đâu cũng nghe được những đức tính này
Từ những kết quả có được là phần thưởng,
Người ấy được có danh tiếng vĩ đại.

Nếu ai ca ngợi những phẩm hạnh chân thật của đức Phật
Và khiến mọi người đều mừng vui,
Nhờ vào [lực] phát sanh từ công đức này.
Từ đời này sang đời khác các tướng/
nét đều luôn cân đối/đẹp đẽ.

Nếu ai giải thích cho người khác các tội và
các phước lành,
Cho phép họ đạt đến nơi an bình và hân hoan,
Từ công đức được phát sinh như thế,
Người ấy được hưởng phước lành và luôn hài lòng.

Năng lực của việc ca ngợi các công đức của đức Phật
Lại khiến người khác nghe được đều khiêm tốn,
Do năng lực phát sinh do công đức này,
Người ấy được thưởng bằng luôn có được
sự tôn kính của loài người.

Hiện bày ngọn đèn của thuyết Pháp,
Soi sáng và thức tỉnh tất cả mọi người,
Nhờ năng lực phát sinh từ công đức này,
Sự chiếu sáng rực rỡ của người ấy tỏa sáng như mặt trời.

Nếu người nào ca ngợi công đức của đức Phật
bằng nhiều cách,
Và làm trái tim của tất cả mọi người hân hoan
[bằng những lời ca tụng đó],
Nhờ năng lực phát sinh từ công đức này,
Người ấy được mọi người yêu quý/đối tượng của sự yêu quý).

Nếu ai ca ngợi công đức của đức Phật,
Mà không thể suy lường và không cùng tận,
Nhờ năng lực phát sinh từ công đức này,
Tài hùng biện của người ấy không bao giờ chấm dứt.

Nếu ai ca ngợi giáo pháp tuyệt vời của đức Phật
Mà đến mức không ai có thể sánh bằng,
Nhờ năng lực phát sinh từ công đức này,
Người ấy có trí tuệ vĩ đại với bản chất thanh tịnh.

Nếu ai ngợi ca những phẩm hạnh của đức Phật,
Người ấy khiến phiền não của con người giảm thiểu.
Nhờ năng lực phát sinh từ công đức này,
Dứt trừ phiền não và lậu hoặc.

Bởi vì cả hai loại kết sử đều được trừ diệt,
Ngay thân này đã đạt được Niết-bàn,
Khi các dòng mưa thác đổ xuống từ bầu trời,
Tất cả các ngọn lửa đều bị dập tắt nên
không còn mảnh than hồng nào.

Lại nữa, vị tỳ khưu bảo nhà vua rằng: "Nếu vẫn còn điều gì mà bệ hạ chưa giác ngộ, thì đây là lúc đặt ra câu hỏi. Các mũi tên trí tuệ nên được sử dụng để đập tan áo giáp nghi ngờ của bệ-hạ."

Nhà vua thưa Pháp Sư rằng : "Tâm con vừa mừng vừa được giác ngộ đến nỗi bây giờ không còn hoài nghi nào nữa. Đại Đức là người có phước lành cũng như có khả năng giỏi thuyết giảng những lời tán tụng đức Phật."

Khi ai thuyết pháp theo như các nhân và duyên khác nhau như đã đề cập ở trên và vì vậy đưa đến sự giải thoát cho chúng sanh, điều này được coi là bố thí Pháp.

Ngài Xá-lợi-tử thối thất Bồ-đề tâm (đạo Bồ-tát)

Lời tựa của ngài Long Thọ: *Việc "hoàn thành" Bố thí ba-la-mật*

Câu hỏi: Điều gì/Thế nào là "hoàn thành" bố thí ba-la-mật?

Đáp: Ý nghĩa của bố thí đã được bàn ở trên. Về việc [tiếp vị ngữ tiếng Phạn cho "sự hoàn hảo", nghĩa là] "ba-la-mật", ở đây chỉ việc vượt qua bờ sông của sự bố thí [không hoàn hảo] và thành công trong việc đạt đến bờ kia. (các ghi chú của Chương: Về tiếp ngữ "*pāra*-," nghĩa là "bờ bên kia." Và "-*mi*," nghĩa là "đạt đến.")

Hỏi: Thế nào là không đạt đến bờ kia?

Đáp: Tương tự như việc vượt qua một con sông nhưng lại trở về trước khi đến bờ sông kia. Điều này nghĩa là không đạt đến bờ kia.

Câu chuyện: *Ngài Xá-lợi-tử thối lui bồ-tát đạo (thối thất Bồ-đề tâm)*

Chẳng hạn, ngài Xá-lợi-tử đã tu tập con đường Bồ-tát được 60 kiếp, mong muốn vượt qua bờ sông của sự bố thí. Vào lúc đó có một người ăn mày đã đi đến và yêu cầu ngài Xá-lợi-tử cho anh ta một con mắt của ngài. Ngài Xá-lợi-tử nó rằng: "Khi đó con mắt sẽ vô dụng. Tại sao anh lại muốn nó? Nếu anh cần sử dụng thân thể của tôi hay muốn vật gì quý giá mà tôi có, thì tôi sẽ cho anh những thứ đó."

Người ăn mày trả lời rằng: "Tôi không cần sử dụng thân thể của anh và tôi cũng không muốn bất kỳ thứ gì quý giá mà anh có. Tôi chỉ cần một con mắt, chỉ thế thôi. Nếu anh thật sự là người tu tập việc thực hành bố thí, thì tôi sẽ nhận một con mắt của anh."

Lúc bấy giờ ngài Xá-lợi-tử đã móc ra một con mắt của ngài rồi cho người ăn mày. Người này lấy con mắt và ngay trước mặt ngài Xá-lợi-tử, anh ta đã ngửi nó, rồi nguyền rủa rằng : "Con mắt này hôi thối," khạc nhổ, và rồi ném nó xuống dưới đất. Hơn nữa, khi ấy, anh ta còn đập nát con mắt dưới chân mình.

Ngài Xá-lợi-tử đã tự suy nghĩ như vầy: "Thật là khó khăn để hóa độ/ảnh hưởng những con người thấp kém như người này. Anh ta thật sự không cần con mắt thế nhưng vẫn khăng khăng đòi hỏi nó. Sau khi đã có con mắt, anh ta không chỉ ném nó đi, mà thậm

chí anh ta còn đập nát nó bằng chân của anh ta. Thật là cực kỳ thấp kém! Người ta không thể hóa độ/thay đổi hạng người này để hướng họ đến sự giải thoát. Tốt hơn hết là tôi chỉ tập trung vào việc rèn luyện bản thân để sớm đạt giải thoát khỏi luân hồi sinh tử."

Sau khi đã nghĩ như vậy, vị ấy thối lui con đường Bồ-tát và tự hướng mình đến Phật giáo Thượng tọa bộ. Đây là điều có nghĩa là "không đạt đến bờ kia". Nếu ai có khả năng tiến bộ trực tiếp, tránh sự thối lui, nên hoàn thành con đường đến quả vị Phật, đây là điều được coi là "đạt đến bờ kia."

Câu chuyện so sánh về các con rắn độc

Lời nói đầu của ngài Long Thọ: *Ý nghĩa của sự bố thí hoàn hảo/ba-la-mật*

Lại nữa, để thành công trong việc hoàn tất bất cứ nổ lực nào cũng được xem là "đạt đến bờ kia." (Nhiều người ở Ấn Độ sử dụng trong các cuộc nói chuyện hàng ngày, rằng bất cứ khi nào ai nhận một nhiệm vụ và hoàn thành nó, thì được cho là "đạt đến bờ kia.")

Ngoài ra, người ta có thể cho rằng "bờ này" là khốn khổ, bố thí/đàn-na chỉ cho trạng thái ở giữa sông, và "bờ kia" chỉ cho con đường đến quả vị Phật.

Cũng thế, người ta có thể có quan điểm khăng khăng về "sự hiện hữu" hay "không hiện hữu" là điều nghĩa là "bờ này." Trí tuệ bác bỏ các quan điểm khăng khăng về "sự hiện hữu" hay "không hiện hữu tạo thành "bờ kia" trong khi sự tu tập tinh cần việc bố thí tương ưng với trạng thái ở giữa dòng sông.

Lại nữa, người ta cũng có thể cho rằng có hai loại bố thí/đàn-na, loại đầu tiên là bố thí của các loại quỷ và loại thứ hai là bố thí của chư Phật. Nếu trong việc thực hành này, người ta bị những tên trộm kết sử cướp mất đến nỗi người đó bị phiền não bởi lo lắng và sợ hãi, điều này tạo nên sự bố thí của các quỷ và tiêu biểu cho điều có nghĩa là "bờ này."

Khi có sự bố thí thanh tịnh thì sẽ không có các tên trộm là các kết sử và không có cái gì để sợ hãi, người ấy thành công trong việc đạt đến con đường thành Phật. Điều này tạo nên bố thí của chư Phật và làm gương/tiêu biểu cho điều nghĩa là "đạt đến bờ kia." Đây là "ba-la-mật."

Câu chuyện về sự so sánh về các con rắn độc

Bằng cách minh họa trong *Kinh đức Phật thuyết về sự so sánh về các con rắn độc*, vào một thuở nọ có người đã xúc phạm nhà vua. Nhà vua ra lệnh rằng anh ta mang một cái giỏ và trông chừng nó. Bên trong cái giỏ ấy có bốn con rắn độc. Nhà vua yêu cầu người phạm tội trông chừng chúng và nuôi chúng.

Người đàn ông này tự nhủ : “Đó là việc khó khi phải ở gần bốn con rắn. Nếu ai lớn lên gần chúng, chúng sẽ làm hại người ấy. Tôi không thể nuôi thậm chí một con trong chúng, huống gì là nuôi cả bốn con.” Thế là anh ta quăng cái giỏ đi và chạy mất.

Nhà vua ra lệnh năm người đàn ông mang theo dao để rượt theo anh ta. Tuy nhiên có một người khác đã cố gắng thuyết phục anh ta tuân lệnh vua.[Người đàn ông khác này] đã có ý hãm hại người phạm tội nên bảo anh ta :

“Cứ nuôi chúng một cách hợp lý. Sẽ không có khổ đau gì từ việc này đâu.”

Nhưng người phạm tội trở nên thông minh với điều này nên đã bỏ chạy, để cứu mạng mình. Khi người này đến ngôi làng trống thì có một người đàn ông tốt bụng giúp đỡ anh ta bằng cách bảo : “Mặc dù ngôi làng này trống, nhưng đây là nơi mà các tên trộm thường xuyên lui tới. Nếu bây giờ anh trú ngụ tại đây thì chắc chắn anh sẽ bị các tên trộm làm hại. Hãy cẩn thận. Đừng lưu trú ở đây.”

Vào lúc này người phạm tội lại tiếp tục hành trình và kế đến anh ta tới một con sông lớn. Bên bờ kia sông có một đất nước khác. Nước đó là nơi yên bình, phúc lạc và dễ chịu. Đó là nơi thanh tịnh không có bất kỳ thiên tai hay sự khốn khó nào. Rồi anh ta thu gom một đống lau sậy và các nhánh cây rồi buộc chúng thành một chiếc bè. Anh ta di chuyển cái bè bằng tay và chân của mình. Anh ta dùng tất cả sức lực để tìm cách vượt qua sông. Khi anh ta đã đến được bờ kia sông thì anh ta thấy an bình, hạnh phúc và không còn lo lắng nữa.

Nhà vua đại diện cho quỷ vương. Cái giỏ đại diện cho thân thể con người. Bốn con rắn độc đại diện cho bốn đại (đất nước gió lửa). Năm tên trộm cầm dao đại diện cho năm uẩn. Người có lời nói hay nhưng tâm ác đại diện cho tham chấp hữu lậu. Ngôi làng trống đại diện cho sáu giác quan. Những tên trộm đại diện cho sáu trần/sáu xứ. Người đàn ông xót thương người phạm tội và chỉ dẫn cho người ấy đại diện cho vị thầy [tâm linh] tốt bụng.

Con sông lớn đại diện tình thương. Chiếc bè đại diện con đường đạo tám ngành (bát thánh đạo). Tay và chân thật tâm muốn vượt qua sông đại diện cho sự tinh tấn. Bờ này đại diện cho thế giới này. Bờ kia đại diện cho niết-bàn. Người vượt qua sông đại diện

cho vị A-la-hán đã chấm dứt các lậu hoặc/sự nhiễm ô lưu chảy. Điều này giống như pháp của vị Bồ-tát.

Kết luận

Nếu trong việc bố thí có sự hiện hữu của ba chướng ngại là một cái "tôi" là người cho, "một người khác" mà nhận, và một vật có giá trị được bố thí, thì người ấy rơi vào trạng thái tâm ma quỷ trong khi người ấy chưa vượt qua nhiều khó khăn.

Trong trường hợp của việc bố thí do vị Bồ-tát thực hiện thì có ba đặc điểm thanh tịnh trong đó không có ba chướng ngại này, cho nên người ấy đã thành công trong việc đạt đến bờ kia. Điều đó được chư Phật ngợi khen. Đây chính là bố thí/đàn-na ba-la-mật. Từ điều này được coi là đã đạt đến bờ kia.

Sáu ba-la-mật này có khả năng khiến một người vượt qua sự khốn cùng và các phiền não, lậu hoặc khác, vượt qua biển lớn của tham luyến hữu lậu-để người đó đạt đến bờ kia. Vì lý do này mà chúng được cho là "ba-la-mật."

Việc bố thí của vua Thí Tất Cả (Sarvada)[13] và hoàng tử Nguyệt Quang Biến Chiếu (Candraprabha)[14]

Lời mở đầu của ngài Long Thọ: *Bố thí/đàn-na hoàn hảo/ ba-la-mật trong hai loại thân thể*

Hơn nữa, vị Bồ-tát có hai loại thân thể. Loại thứ nhất là thân thể do nghiệp hữu lậu. Loại thứ hai là Pháp thân. Việc hoàn thành bố thí ba-la-mật trong cả hai thân này là điều được cho là thực hiện hoàn hảo bố thí ba-la-mật.

Hỏi: Việc hoàn thành bố thí ba-la-mật có nghĩa là gì trong thân thể sinh ra do nghiệp kết sử/hữu lậu (*saṃyojana*)?

Đáp: Điều này chỉ là khi ai đó chưa đạt được Pháp thân khi các hữu lậu/kết sử chưa được trừ diệt/chấm dứt. Người ta có khả năng cho đi tất cả những gì mà người đó sở hữu, cả bên trong lẫn bên ngoài (nội ngoại thí), và ngay cả đầu, mắt, tủy, não, đất nước, tài sản, vợ và con, làm được như vậy mà tâm vẫn bất động hay từ bỏ nó. Chẳng hạn như hoàng tử Tu-đề-na (Sudinna) là người đã cho hai đứa con trai của ngài cho người Bà-la-môn. (Ghi chú của kinh Hán văn: trong ngôn ngữ của chúng ta, [Sudinna] có nghĩa là "thiện cảm.") Kế tiếp, hoàng tử từ bỏ vợ, và thậm chí ngay cả khi ấy, tâm của ngài vẫn không từ bỏ việc tiếp tục sự thực hành này.

Câu chuyện: *Vua Sarvada tự dâng mình*

Điều này cũng do vua Sarvada làm gương (ghi chú trong kinh Hán văn: trong ngôn ngữ của chúng ta, ["Sarvada"] nghĩa là "cho mọi thứ" là người đã bị nước kẻ thù đánh bại rồi bỏ chạy và trốn trong những khu rừng xa nhất. Nhà vua đã gặp vị Bà-la-môn từ một nước xa xôi tìm cách nhận khất thực từ ngài. Về phần mình, đất nước của nhà vua đã bị nghiền nát, gia đình của ông cũng bị diệt tận, nên ông ấy bắt buộc phải chạy trốn một mình và đi ẩn náu.

Bởi vì ông thấy xót thương với sự vất vả [của vị Bà-la-môn] khi đã đến từ nơi xa mà không có thứ gì, nên ông bảo vị Bà-la-môn : "Tôi là vua Sarvada. Vua mới đã sai người

[13] Trường Tồn
[14] Nguyệt Quang Biến Chiếu

đang rất cố gắng tìm tôi.” Rồi nhà vua ngay lập tức tự trói mình lại và dâng mình [cho vị Bà-la-môn] người mà sau đó nộp ông cho nhà vua mới và nhận được [phần thưởng là] nhiều của cải và các vật trị giá lớn.

Câu chuyện: Hoàng tử Nguyệt Quang Biến Chiếu (Candraprabha) tự hiến mình

Điều này cũng được minh họa bởi [câu chuyện của] hoàng tử Nguyệt Quang Biến Chiếu (Candraprabha) người đã ra ngoài dạo chơi khi một người bị phong/cùi trông thấy hoàng tử, đã đến cỗ xe trình diện hoàng tử và thưa : “Thân thể của thần bị một căn bệnh hiểm nghèo gây đau đớn dữ dội và khiến thần bị hành hạ khổ sở. Hoàng tử chuẩn bị đi dạo chơi/du ngoạn. Liệu ngài ấy chỉ lo hạnh phúc của riêng mình chăng? Mong rằng ngài ấy phát lòng đại từ và nhủ lòng xót thương. Hãy cầu nguyện, mong tôi nhận được phép chữa trị có thể cứu được tôi chăng?”

Khi hoàng tử đã nghe anh ta nói, ngài đã hỏi các bác sĩ về việc này. Vị bác sĩ trả lời : “Cần phải có máu và tủy của một người mà từ khi sinh ra và lớn lên mà không có bất cứ sự oán ghét nào. Máu có thể được dùng để bôi và uống nữa. Nếu ai tiến hành theo cách này, thì người ấy có thể được chữa khỏi.”

Hoàng tử tự nghĩ : “Nếu có một người như vậy, thì người ấy muốn được sống và trân quý mạng sống của mình. Làm sao có thể tìm được một người như vậy? Ngoài ta ra, không thể tìm ra ai như vậy cả.” Rồi ngài ra lệnh gọi người chiên-đà-la đến và hướng dẫn anh ta cách lấy thịt từ cơ thể ngài, bẻ xương ngài, rút tủy ngài, bôi nó trên cơ thể của người bệnh, rồi lấy máu của ngài cung cấp cho người bệnh uống.

Kết luận cho thảo luận về thân phát sinh do kết sử/hữu lậu

Theo cách này, một người từ bỏ cả các loại thân thể khác nhau và từ bỏ ngay cả chính vợ và con của mình nhưng không hề giới hạn chút nào, xem tất cả những hy sinh này như thể chúng chỉ như vứt bỏ ít cỏ hay ít gỗ. Người ta quán chiếu những vật đó được bố thí và nhận ra rằng chúng chỉ hiện hữu trên cơ sở của các duyên. Khi ai theo cách này và tìm kiếm sự thật của chúng, thì người ta không thể nào tìm thấy. Mọi thứ đều có đặc tính là thanh tịnh và như niết-bàn. Thế nên điều này xảy ra cho đến khi

người ấy nhận ra sự kiên nhẫn của các pháp không sinh khởi (vô sanh pháp nhẫn[15]: (*anutpattikadharmakṣānti*). Đây là điều có nghĩa là sự hoàn thành bố thí ba-la-mật khi trú trong thân thể phát sinh từ nghiệp hữu lậu/kết sử.

[15] ND: HT Thái Hòa định nghĩa trong *Thi kệ và Đại nguyện Tịnh độ* (nguyện thứ 34): Nhẫn nầy là do quán chiếu và chứng nhập lý tánh vô sanh diệt nơi vạn hữu, và an trú vững chãi ở nơi lý tánh ấy, khiến tâm bất động, nên gọi là đắc Vô sanh pháp nhẫn. Tr. 98. https://quangduc.com/images/file/ziEWpmB71wgQAHVf/thi-ke-va-dai-nguyen-tinh-do-thich-thai-hoa.pdf.[truy cập ngày 16/09/2024].

Hai câu chuyện về Bồ-tát hiện thân là động vật

Lời nói đầu của ngài Long Thọ: Pháp thân bố thí ba-la-mật

Làm thế nào Pháp thân Bồ-tát huân tu/tu tập bố thí/đàn-na ba-la-mật đến hoàn hảo? Trong thân thể xương thịt cuối cùng của ngài, vị Bồ-tát đã đạt được vô sanh pháp nhẫn. Ngài ấy từ bỏ thân xác thịt và đạt được Pháp thân.[16] Trong sáu cõi và suốt mười phương, vị ấy chuyển hóa tạo ra các thân thể để thích ứng điều phù hợp, từ đó hóa độ/chuyển hóa chúng sinh. Ngài ấy cấp cho tất cả loại ngọc quý, quần áo, thức uống, và thức ăn làm quà cho mọi người và hơn nữa cho hết mọi thứ trong hay ngoài mà ngài sở hữu, kể cả đầu, mắt, tủy, não, đất nước, của cải, vợ và con ngài.

Câu chuyện: Kiếp quá khứ của đức Phật là một con voi

Câu chuyện về đức Phật Thích-Ca-Mâu-Ni khi ngài từng là một con voi trắng có sáu ngà. Người thợ săn đã phục kích con voi và bắn những mũi tên độc vào nó. Đàn voi chạy tán loạn với ý định giẫm chết gã thợ săn. Con voi trắng đã dùng chính thân thể nó bảo vệ gã thợ săn và xót thương gã như thể gã là con của chính mình. Con voi trắng này ra lệnh cho đàn voi tránh ra rồi điềm tĩnh hỏi gã thợ săn rằng: "Tại sao ông bắn tôi?"

Gã đáp : "Tôi cần những cái ngà của anh." Khi ấy, ngay lập tức, máu và thịt đồng thời đẩy sáu cái ngà ra khỏi hốc của chúng. Rồi con voi ấy đã dùng thân mình nhặt những cái ngà và đưa cho gã thợ săn.

Mặc dầu điều này được mô tả như là thân thể [động vật] của một con voi, trong trường hợp nếu sử dụng tâm trí theo cách này, người ta sẽ nhận ra con voi này không phải ra đời là quả báo của nghiệp tiêu biểu của loài động vật. Trong số các pháp đó [trên con đường của] vị A-la-hán mà có những thực hành tâm linh kiểu này. Người ta nên nhận thức rằng đây chính là vị Bồ-tát Pháp thân.

---

[16] Nói chung, một "Bồ-tát Pháp thân" chỉ cho vị bồ-tát ít nhất đã đạt đến địa bồ-tát đầu tiên, mức mà có thể trông có vẻ hơi căn bản nhưng ngược lại, là sự huân tu của vô số kiếp về sự thực hành chuẩn bị trên con đường Bồ-tát.

Câu chuyện: Con voi, con khỉ và chim đa la

Một thuở nọ khi con người ở Nam-diêm-phù-đề (*Jambudvīpa)* đã không biết tôn kính đúng mực và tôn trọng những ai lớn tuổi hơn và những ai đức hạnh. Vào lúc đó họ không có khả năng vượt qua bờ giải thoát chỉ bằng ngôn từ/lời nói giảng dạy cho họ.

Vào thời đó, vị Bồ-tát hiện thân là một con chim đa la. Con chim này có hai người bạn thân. Người bạn đầu tiên là một con voi lớn và người bạn thứ hai là một con khỉ. Tất cả họ chung sống với nhau dưới một cây đa la. Chúng hỏi lẫn nhau, thắc mắc rằng: "Chúng ta không biết ai trong chúng ta được coi là lớn nhất."

Con voi bảo rằng : "Trong quá khứ tôi đã nhìn thấy cây này khi nó còn ngắn hơn chiều cao của cái rốn tôi. Bây giờ cây to lớn quá. Từ điều này chúng ta có thể cho rằng tôi phải được coi là lớn nhất."

Con khỉ nói rằng: "Trong quá khứ tôi đã ngồi xổm và dùng tay ngắt đầu ngọn cây. Từ việc này chúng ta có thể cho rằng tôi nên được công nhận là lớn nhất."

Con chim bảo rằng: "Trong quá khứ tôi đã sống bằng ăn trái cây của những cây như thế trong rừng đa la. Khi ấy hạt giống được thải ra ngoài cùng với phân của tôi nên kết quả là cây này đã lớn lên. Từ việc này có thể cho rằng tôi nên được công nhận là lớn nhất." Con chim tiếp tục nói : "Theo lẽ phải/hành vi đúng đắn, người sanh ra đầu tiên nên được là người nhận các vật cúng dường."

Con voi lớn lập tức liền để con khỉ ngồi trên lưng mình và con chim cưỡi lưng con khỉ. Tất cả bọn họ đi xung quanh theo cách này. Khi tất cả những con chim và con thú quan sát điều này, chúng đã hỏi bọn họ, "Tại sao các bạn đi quanh như thế này?"

Bọn họ đáp : "Chúng tôi làm điều này là thể hiện sự tôn kính và cúng dường cho người lớn nhất." Tất cả các con chim và con thú đều chấp nhận lời dạy này và tất cả đều thực hành sự tôn kính như thế. Chúng không còn xâm phạm ruộng đồng của con

người và không còn làm hại mạng sống của những động vật khác. Tất cả con người đều ngạc nhiên rằng tất cả các con chim và thú đều không còn gây hại nữa.[17]

Những người thợ săn đi vào rừng và quan sát rằng con voi mang con khỉ trên lưng, và con khỉ thì mang con chim và như thế bọn họ đã chuyển hóa tất cả sinh vật bằng cách tu tập sự tôn trọng rằng tất cả sinh vật đều tu tập điều thiện. Mọi người đều ăn mừng điều này và nhận xét rằng: "Đã đến thời hòa bình. Mặc dù chúng là chim và thú, thế nhưng chúng có phẩm tính của loài người."

Thế là con người cũng chính mình làm gương về điều này. Tất cả họ đều tu tập hành vi đứng đắn và sự tôn trọng. Từ thời xa xưa cho đến ngày nay, lời dạy có tính chuyển hóa này đã truyền lại cho vô số thế hệ. Người ta nên biết rằng đây là do vị Bồ-tát Pháp thân mang đến.

Kết luận cho thảo luận về Pháp thân

Lại nữa, Bồ-tát Pháp thân chỉ trong khoảnh khắc có thể sinh ra vô số hóa thân mà vị ấy cúng dường chư Phật mười phương. Vị ấy có khả năng chỉ trong sát na hóa ra vô số ngọc quý giá mà vị ấy cấp cho vô số hữu tình. Vị ấy có khả năng chỉ trong khoảnh khắc, phù hợp với tất cả hạng thượng, trung, hạ (giọng nói cao, trung và thấp) thuyết pháp phổ khắp cho họ. Và theo cách này vị ấy tiếp tục cho đến khi vị ấy đến ngồi tại gốc cây bồ đề.

Tất cả những ví dụ như vầy là điều có nghĩa là sự hoàn thành việc thực hành bố thí/đàn-na ba-la-mật của vị Bồ-tát Pháp thân.

[17] ND: Nguyên văn tiếng Anh nghĩa là "tham gia các hoạt động gây tổn hại."

Người du khách và những con ma

Lời tựa của Ngài Long Thọ

Lại nữa, có người có ý kiến về một cái ngã sinh khởi liên quan đến các hiện tượng khác. Chẳng hạn như một số vị không phải là Phật tử ngồi thiền định. Khi họ sử dụng sự quán chiếu theo nền tảng phổ quát (*kṛtsnāyatana*) "đất" nên do vậy nhận thức tính hiện hữu [rộng khắp] của yếu tố đất, khi ấy họ có thể nghĩ rằng: "Đất là tôi và tôi là đất." Họ cũng có thể dễ nghĩ như vầy đối với nước, lửa, gió và không gian. Do đó, do tà kiến (quan điểm đảo ngược), khi đó họ cũng có thể nghĩ bản ngã hiện hữu trong thân thể của một người khác.

Câu chuyện: *Người du khách và những con ma*

Lại nữa, có những lúc khi ai đó có ý kiến rằng cái ngã trú trong thân thể của một người khác. Chẳng hạn như trường hợp của một người đã được giao sứ mệnh/nhiệm vụ là người đó bắt buộc đi một quãng đường rất xa. Anh ấy nghỉ đêm một mình tại một chỗ trống. Giữa đêm khuya một con ma mang một thây chết và để xuống trước mặt anh ấy. Lúc ấy lại có một con ma khác đuổi theo phía sau và giận dữ trách mắng con ma đầu tiên, hét lên rằng: "Xác chết này là của tôi! Tại sao anh mang nó vào đây?"

Con ma đầu tiên nói : "Xác chết thuộc về tôi! Chính tôi đã mang nó vào đây!"

Con ma thứ hai cãi lại: "Thật ra, *tôi* là người đã mang xác chết này vào đây!" Rồi mỗi con ma nắm lấy một trong những cái tay của xác chết và cố gắng kéo nó ra khỏi con ma kia. Rồi ngay sau đó, con ma đầu tiên bảo : "Có một người đàn ông ở đây. Chúng ta có thể yêu cầu *anh ta* giải quyết vấn đề này."

Khi đó con ma vào sau hỏi người du khách : "Này anh, ai là người mang cái xác chết này vào đây?"

Người du khách thầm nghĩ, "Cả hai con ma này đều rất mạnh mẽ. Nếu ta trình bày sự thật, ta cũng chắc chắn sẽ chết. Nếu ta nói dối, ta cũng chắc chắn sẽ chết. Thế nên, vì ta không thể tránh khỏi việc bị giết chết trong cả hai trường hợp, thì có ích gì khi nói

dối về điều đó?" Nên anh ta đã trả lời : "Đó là con ma đầu tiên đã mang cái xác chết vào."

Con ma thứ hai bổng dưng nổi giận đùng đùng/nổi trận lôi đình, nắm lấy tay của người du khách, cắt tay chân của anh ta rồi ném nó xuống đất. Bấy giờ, con ma đầu tiên đã kéo một trong những cánh tay của xác chết rồi gắn nó thay thế cho cánh tay bị chặt đứt của người du khách. Rồi chúng tiến hành theo cách này với cả hai cánh tay, cả hai chân, đầu, hai bên, và vân vân cho tới khi toàn bộ thân thể của người du khách đã bị hoán đổi. Khi ấy hai con ma bèn ăn thịt thân thể mà họ có được từ sự trao đổi. Khi bọn họ đã ăn thịt xong, họ lau miệng rồi đi ra.

Vào lúc đó người du khách thầm nghĩ : "Tôi đã thấy hai con ma bằng chính mắt tôi, ăn hết thịt cái thân thể do mẹ tôi sinh ra! Cái thân thể mà bây giờ tôi có toàn bộ là xác thịt của một người khác! Giờ đây tôi có thật sự vẫn còn một thân thể không? Hay là tôi không hề có thân thể gì hết? Nếu tôi cho rằng tôi thực sự *có* thân thể-thân thể đó thật ra hoàn toàn là của người khác. Nếu tôi cho là tôi *không có* thân thể-nhưng, có một thân thể ngay đây mà!" Anh ấy tiếp tục suy nghĩ như vậy cho tới khi tâm trí anh ấy quá bối rối và đau khổ đến mức anh ấy trở nên như người phát điên.

Sáng hôm sau, người du khách đã rời khỏi nơi đó. Khi anh ấy đến đất nước láng giềng, anh ấy trông thấy một bảo tháp thờ Phật và một nhóm các vị tu sĩ. Anh ấy không thể nói bất kỳ chuyện gì khác. Anh ấy chỉ liên tục hỏi liệu thân thể của mình có hiện hữu hay không hiện hữu. Các vị tỳ khưu đã hỏi anh ta : "Vậy thì anh là ai nào?"

Người du khách đáp : "À, về phần con, chính con không biết liệu con là con người hay không phải con người." Rồi anh ấy mô tả chi tiết các sự kiện mà đã xảy ra.

Vị tỳ khưu nhận xét : "Người đàn ông này có hiểu biết tự nhiên về sự không hiện hữu của bản ngã. Anh này có thể dễ dàng đạt giải thoát." Thế nên họ giải thích rằng: "Từ khởi đầu cho đến nay, thân thể của anh tự nhiên đã và đang luôn không có một bản ngã. Đó không phải là điều mà bây giờ mới xảy ra. Chỉ vì từ một tập hợp của bốn đại mà người ta nhận thức nó là thân thể "*của tôi*". Về mặt này, thân thể gốc của anh và thân thể bây giờ anh có thì không khác nhau."

Rồi các vị tỳ khưu đã khiến cho việc giải thoát trên đường đạo của người du khách đột ngột xảy ra khi anh ấy chấm dứt được tất cả lậu hoặc/phiền não và ngay lập tức vị này giác ngộ quả A-la-hán. Điều này minh họa cho ví dụ không thường xuyên về việc suy nghĩ về sự hiện hữu của một bản ngã trong cơ thể của một người khác.

Người ta không thể cho rằng một bản ngã tồn tại dựa vào việc nó ở đây hay ở kia.

Kết luận: Sự bác bỏ bất kỳ đặc tính hợp lệ của bản ngã

Hơn nữa/Ngoài ra, bản chất thật của "bản ngã" chắc chắn không thể đạt/có được. Nên liệu nó có đặc điểm của sự thường còn, đặc điểm của sự vô thường/không thường còn, đặc điểm của không hiện hữu theo tự tánh/không có tự tánh (vô ngã), đặc điểm của tính hữu vi, đặc điểm của tính vô vi, đặc điểm của có hình dạng, hay đặc điểm của không có hình dạng, tất cả những đặc điểm như thế đều không thể có được.

Nếu một đặc điểm hiện hữu, thì một pháp/hiện tượng hiện hữu. Nếu không có đặc điểm tương ưng, thì không có pháp gắn liền với nó. Vì bây giờ trường hợp là cái "bản ngã" này không có bất kỳ đặc tính nào, do đó người ta biết rằng không có bản ngã.

Con rắn, con rùa, và con ếch

Lời tựa của Ngài Long Thọ: Bố thí/đàn-na ba-la-mật
sinh khởi trì giới/thi-la ba-la-mật; không bố thí sẽ phát khởi mười nghiệp xấu

Làm thế nào sự thực hành của Bồ-tát về việc bố thí có thể sinh khởi trì giới/thi-la ba-la-mật? Vị Bồ-tát suy gẫm rằng: "Các hữu tình trở nên nghèo túng và khốn khó trong những kiếp sống tương lai vì không thực hành bố thí. Vì trở nên nghèo túng và khốn khó, ý nghĩ trộm cắp nảy sinh trong tâm họ. Vì tham gia vào việc trộm cắp, việc giết người xảy ra. Vì nghèo cùng và khốn khó, người ta có thể không được thỏa mãn về tính dục. Vì không được thỏa mãn về tính dục, người ta có thể phạm tà dâm. Hơn nữa, vì nghèo túng và khốn khó, người ta có thể bị người khác đối xử như tầng lớp giai cấp thấp, người ta có thể tham gia/phạm nói dối.

"Vì những nhân và duyên như thế gắn liền với việc bị nghèo túng và khốn khó, người ta đi theo con đường của mười nghiệp bất thiện/không lành mạnh. Tuy nhiên, nếu người ta thực hành bố thí, thì khi người ấy được sinh ra, người ấy có những đồ vật có giá trị. Bởi vì người ấy có những vật có giá trị, người ấy không tham gia vào điều mà không phải là Pháp. Tại sao như vậy? Bởi vì năm đối tượng của giác quan thì thừa thải và người ấy không thiếu thốn vật nào."

Câu chuyện: Con rắn, con rùa và con ếch

Điều này được minh họa bởi trường hợp của Đề-bà-đạt-đa trong một kiếp trước khi vị này đã là một con rắn cùng trú ngụ với một con ếch và một con rùa trong một cái hồ. Tất cả bọn chúng trở thành những người bạn thân. Sau đó, nước của cái hồ bị cạn khô. Chúng đói, nghèo, trong tình trạng tuyệt vọng và thiếu thốn bất kỳ nguồn tài nguyên khác. Vào lúc đó, con rắn cử con rùa đi gọi con ếch. Khi đó con ếch gửi con rùa lại bằng bài kệ sau:

Nếu ai gặp phải nghèo khó, thì người này có thể lạc hướng với ý định ban đầu của mình.

Không xem xét các nguyên tắc ban đầu, thì việc ăn uống trở thành quan trọng nhất.

Bạn nên nghe lời tôi và kể lại những lời này cho con rắn đó như vầy:
“Con ếch này sẽ không bao giờ đến và xuất hiện bên cạnh bạn.”

Đức Văn Thù Sư Lợi dạy một em bé ăn xin

Lời tựa của Ngài Long Thọ: Bố thí phát sinh đức hạnh

Nếu ai tu tập bố thí, trong các đời sau người ấy sẽ có phước và không thiếu thốn thứ gì. Nếu là như vậy, thì người ấy có khả năng giữ giới và thoát khỏi nhiều điều xấu xa. Đây là cách mà bố thí có khả năng mang đến giới ba-la-mật/thi-la ba-la-mật.

Lại nữa, khi ai bố thí, người ấy có khả năng khiến tất cả các lậu hoặc gắn với việc phá giới hiếm hoi trong khi còn có khả năng gia tăng quyết tâm giữ giới, khiến nó trở nên vững chắc. Điều này tạo thành nhân cơ bản gắn liền với khả năng bố thí khiến gia tăng việc tu tập giới đạo đức.

Ngoài ra, khi một Bồ-tát thực hành bố thí, vị ấy luôn phát tâm từ và bi đối với người nhận. Vị này không tham luyến các đồ có giá trị và không nâng niu những đồ vật của chính mình. Huống gì vị ấy lại tham gia việc trộm cắp. Khi ai đó có lòng từ và bi với người nhận, thì làm sao người đó có bất kỳ ý nghĩ giết hại nào? Bằng những cách như thế, vị ấy có khả năng ngăn chặn việc phá giới. Điều này tạo nên sự thực hành bố thí sinh khởi trì giới.

Nếu ai có khả năng thực hiện bố thí với tâm chấm dứt/hủy diệt sự khốn khó, thì sau này vị ấy sẽ dễ dàng thành công trong việc thực hành giữ giới, nhẫn nhục và vân vân.

Câu chuyện: Ngài Văn Thù Sư Lợi dạy một em bé ăn xin

Nguyên tắc này được minh họa bởi trường hợp của Ngài Văn Thù Sư Lợi khi cách đây rất lâu ở một kiếp xa xôi, Ngài ấy còn là một vị tỳ khưu. Khi đi vào thành khất thực, vị này đã nhận được một bát đầy "há cảo vui mừng có trăm vị."

Có một đứa trẻ trong thành phố đó đi theo sau vị này, xin xỏ. [Ngài Văn Thù Sư Lợi] lập tức không cho đứa bé bất kỳ thứ gì.

Rồi, khi họ đi đến một bảo tháp thờ Phật, [vị tỳ khưu] lấy hai cái há cảo trong tay mình và hỏi đứa trẻ : "Nếu chính con được ăn chỉ một cái há cảo này, trong khi cầm một cái và cúng cho Tăng đoàn, thì ta sẽ cho con hai cái này."

Đứa trẻ lập tức đồng ý nên nhận một cái há cảo vui mừng rồi cúng cho Tăng đoàn. Sau đó, đứa trẻ ấy được sự đồng ý của Ngài Văn Thù Sư Lợi để thọ giới và sau này phát bồ đề tâm thành một vị Phật.

Kết luận: cách mà bố thí mang đến đức hạnh đạo đức

Theo cách này, sự thực hành bố thí có khả năng khiến một người thọ nhận giới và phát nguyện thành một vị Phật. Điều này minh họa cách thực hành bố thí mang đến trì giới/thi-la ba-la-mật.

Hơn nữa, là quả báo của việc bố thí khi một người sau này nhận được bốn loại/tứ sự cúng dường, sống trong một đất nước tốt, tìm được một bậc thầy tâm linh tốt, và không thiếu thốn thứ gì. Do đó, người ấy có khả năng trì giới. Hơn nữa, quả báo của việc bố thí khiến tâm người đó trở nên có kỷ luật tốt[18] và nhu nhuyến. Bởi vì tâm của người đó trở nên có kỷ luật tốt và nhu nhuyến, người ấy có khả năng giữ giới. Bởi vì người ấy có khả năng giữ giới, người ấy có khả năng kiểm soát tâm mình ngay cả giữa các pháp bất thiện. Tất cả các nhân và duyên như vậy thể hiện sự dẫn đến trì giới/thi-la ba-la-mật trên cơ sở của việc thực hành bố thí.

[18] ND: nguyên tác tiếng Anh là "well-regulated" nghĩa là được kiểm soát và thích nghi với luật lệ, quy tắc.

Sự bố thí trong đời trước của đức Phật và sự tinh tấn hoàn hảo của Ngài

Lời tựa của Ngài Long Thọ: Làm cách nào Bố thí/Đàn-na phát sinh Tinh tấn ba-la-mật

Làm thế nào mà việc bố thí lại mang đến tinh tấn ba-la-mật? Khi vị Bồ-tát tham gia vào việc thực hành bố thí, vị ấy thường tu tập tinh tấn. Tại sao như vậy? Khi vị Bồ-tát mới phát tâm bồ-đề (nguyện đạt quả vị Phật), công đức của vị này chưa lớn. Vào lúc đó, vị ấy muốn tu tập hai loại bố thí để hoàn thành những ước nguyện của tất cả chúng sanh. Bởi do thiếu đồ vật để bố thí, nên vị ấy tha thiết/tận tâm tìm kiếm các vật có giá trị và Pháp để có khả năng cung cấp đầy đủ cho họ.

Câu chuyện: Sự bố thí trong quá khứ sinh khởi tinh tấn ba-la-mật của đức Phật

Điều này được minh họa bằng trường hợp của đức Phật Thích-Ca-Mâu-Ni trong một kiếp quá khứ khi Ngài còn là vị vua vĩ đại của các lương y, người nhận chữa mọi loại bệnh tật không vì danh hay vì lợi. Người bệnh rất đông cho nên năng lực của Ngài không đủ để cứu chữa hết mọi người. Ngài quan tâm và lưu tâm đến mọi người nhưng vấn đề lại không tương ưng với kết quả của họ so với phát nguyện của Ngài. Ngài trở nên rất đau khổ và phiền muộn đến nỗi ngài qua đời.

Sau đó Ngài được tái sanh ở cõi trời Ba mươi ba. Ngài tự nhủ rằng: "Bây giờ tôi đã được tái sanh ở cõi trời. Tất cả điều mà ta làm ở đây là tiêu xài phần thưởng phước báo mà không có bất kỳ tiến bộ nào phát sinh." Khi ấy, ngài liền dùng phương tiện khéo chấm dứt sự hiện hữu cá nhân đó.

Sau khi đã từ bỏ cuộc sống lâu dài này ở các cõi trời, tiếp theo Ngài được tái sanh làm hoàng tử rồng ở cung điện của Long vương Ta-già-la (Sāgara). Thân thể của hoàng tử đã phát triển đến tuổi trưởng thành. Cha mẹ của hoàng tử vô cùng tham luyến/chấp đắm trong tình thương họ dành cho hoàng tử. Nhưng vị này lại mong được chết, thế nên vị ấy đi đến chỗ của vua chim cánh vàng (kim sí điểu). Con chim lập tức tóm lấy

hoàng tử trẻ tuổi và ăn tươi nuốt sống hoàng tử trên cây xá-ma-lợi (*śālmalī*). Cha và mẹ của hoàng tử khi ấy đã khóc lóc với sự tiếc thương đau buồn.

Sau khi chết, hoàng tử trẻ được tái sanh ở Nam-diêm-phù-đề là một hoàng tử trong gia đình của vua một nước lớn. Hoàng tử được đặt tên là "Có khả năng bố thí." Hoàng tử có khả năng nói từ lúc sanh ra.Vị ấy hỏi tất cả các thuộc hạ của mình: "Hiện nay, đất nước này có tất cả những gì? Hãy mang hết đến để sử dụng làm quà tặng."

Mọi người đều kinh ngạc và trở nên sợ hãi. Tất cả bọn họ đều rút lui khỏi hoàng tử và chạy mất. Tuy nhiên, mẹ của hoàng tử đã tử tế và thương yêu hoàng tử nên bà ấy tự mình chăm sóc hoàng tử. Vị này nói với mẹ mình rằng: "Con không phải là ma La-sát đâu ạ. Tại sao mọi người lại chạy mất? Trong những kiếp trước con luôn vui thích việc bố thí, do đó đã là ân nhân của mọi người."

Khi mẹ hoàng tử nghe những lời này, bà ấy liền báo cho mọi người khác. Tất cả mọi người khác đều quay trở lại. Do đó mẹ hoàng tử rất vui mừng nuôi dạy vị ấy. Đến lúc hoàng tử đã lớn hơn, thì hoàng tử đã bố thí hết tất cả mọi thứ mà mình có. Khi đó, vị ấy đi đến gặp cha mình là đức vua, và yêu cầu vị ấy cho hoàng tử đồ vật. Cha của hoàng tử bèn cho phần của hoàng tử. Lại nữa, hoàng tử bố thí hết. Vị ấy quan sát rằng tất cả người dân Nam-diêm-phù-đề đều nghèo khó và sống cuộc đời rất cực khổ. Vị ấy nghĩ đến việc tặng quà cho tất cả bọn họ, nhưng các vật có giá trị thì không thích hợp. Rồi vị ấy khóc và hỏi mọi người rằng "Làm cách nào tôi có thể khiến mọi người được cung cấp đầy đủ các vật có giá trị?"

Những bậc trưởng lão có trí bèn nói: "Chúng tôi nghe nói có tồn tại một viên ngọc ước quý báu. Nếu hoàng tử muốn có được viên ngọc này, thì cho dù ngài mong ước gì, thì chắc chắn sẽ có được mọi thứ."

Khi vị Bồ-tát đã nghe được những lời này, vị ấy nói với mẹ và cha mình: "Con muốn ra biển lớn và tìm viên ngọc ước quý báu mang trên đầu của Long vương."

Cha và mẹ ngài đều trả lời : "Cha mẹ chỉ có mỗi mình con, con trai một của chúng ta. Nếu con ra biển lớn, sẽ có nhiều khó khăn khó vượt qua. Nếu chúng ta mất con, thì chúng ta còn sống có ích gì? Con không cần phải đi. Chúng ta vẫn có những thứ khác trong kho báu mà chúng ta sẽ có khả năng cấp cho con."

Người con trai bèn thưa rằng: “Kho báu thì có giới hạn các vật dùng. Dự định của con thì vô lượng. Con muốn ban đủ tài sản để thỏa mãn mọi người để họ không bao giờ thấy thiếu thốn. Con nguyện cầu rằng cha mẹ sẽ cho phép con để con hoàn thành ước nguyện ban đầu của con để khiến mọi người ở Nam-diêm-phù-đề được cung cấp đầy đủ.”

Cha mẹ vị ấy biết rằng quyết tâm của con mình là bao la. Họ không dám ngăn trở vị ấy cho nên sau đó đổi ý và cho phép vị ấy đi. Vào lúc đó, có 500 thương gia/lái buôn mà do những phẩm hạnh đặc biệt của hoàng tử quá phi thường nên mừng vui đi theo hoàng tử bất kỳ nơi nào vị ấy muốn đến. Họ tình cờ biết ngày mà hoàng tử khởi hành nên họ đã tập hợp tại cảng.

Vị Bồ-tát trước đó đã nghe rằng Ta-già-la (Sāgara), vị Long vương, đã có một viên ngọc ước quý báu. Vị ấy hỏi mọi người rằng: “Ai biết đường xuyên biển để đến cung điện rồng của Long vương?” Có một người đàn ông mù tên là Đa-sa (Dāsa) đã từng ra biển bảy lần và biết tất cả đường biển. Vị Bồ-tát chỉ thị anh ấy đi cùng với mình.

Người ấy trả lời : “Vì tôi đã già, cả hai mắt của tôi đã mất đi sự nhạy bén. Mặc dù tôi đã ra biển nhiều lần, nhưng lần này tôi không thể đi.”

Vị Bồ-tát bảo : “Trong việc ra đi lần này, tôi không phải đi vì lợi ích của tôi. Tôi tìm kiếm viên ngọc ước để lợi lạc cho mọi người/vì lợi ích chung của mọi người. Tôi muốn cung cấp đầy đủ cho mọi hữu tình để họ không bao giờ còn thiếu thốn gì nữa/mong muốn thứ gì nữa. Sau đó tôi muốn chỉ cho họ những nhân duyên của Pháp của Đạo. Bạn là người thông minh. Làm sao bạn có thể rút lui? Làm thế nào lời nguyện của tôi có thể thành công nếu không có sự nỗ lực của bạn?”

Khi Dāsa đã nghe khẩn cầu của hoàng tử, thì ông này hạnh phúc chia sẻ nguyện ước của vị Bồ-tát nên bảo vị ấy rằng: “Tôi sẽ đi với anh ra biển lớn. Tuy nhiên, tôi không chắc là tôi sẽ còn sống sót. Anh nên để thi thể của tôi yên nghỉ trên đảo cát vàng giữa biển khơi.”

Khi họ đã chất xong tất cả những vật dùng cho cuộc hành trình, họ nới lỏng dây thừng cuối cùng trong bảy dây. Con tàu ra khơi như một con lạc đà và đã đến hòn đảo có nhiều ngọc quý. Tất cả các lái buôn đều cố gắng hơn nhau trong việc thu thập bảy

loại ngọc quý. Khi chính tất cả bọn họ đều thỏa mãn, họ hỏi vị Bồ-tát: "Tại sao chính ngài không thu thập bảy loại ngọc ạ?"

Vị Bồ-tát đáp : "Tôi tìm viên ngọc ước quý giá. Tôi không cần dùng những thứ này mà có thể được dùng hết. Tất cả các anh nên biết khi nào đủ là đủ và nên nhận ra các giới hạn để tránh chất lên tàu quá tải và không ngăn ngừa được việc tự hủy diệt chính mình."

Vào lúc đó nhóm các lái buôn bèn nói với vị Bồ-tát rằng "Thưa Đại Đức, xin hãy đọc thần chú để đảm bảo sự an toàn cho chúng tôi." Rồi họ rút lui.

Vào thời điểm này Dāsa đã hướng dẫn cho vị Bồ-tát rằng: "Hãy giữ một bên xuồng nhỏ. Chúng ta sẽ rời thuyền và đi theo tuyến đường khác. Khi chúng ta được gió đẩy đi bảy ngày, chúng ta sẽ đến một nơi cực kỳ nguy hiểm trên bờ biển phía nam của biển lớn. Có một vách đá dựng đứng với các nhánh từ rừng cây chà là nhô ra mặt nước. Nếu gió mạnh thổi, con thuyền sẽ bị lật ngược và khiến lật ngửa/úp. Bằng cách vươn lên và nắm lấy những cành chà là, anh có thể có khả năng cứu chính mình. Vì tôi không nhìn thấy, tôi sẽ có thể chết vào lúc đó. Vượt ngoài đường biển rất dựng đứng này có hòn đảo cát vàng. Anh có thể lấy thi thể của tôi và để nó yên nghỉ giữa những bãi cát đó. Những bãi cát vàng này thì sạch. Đó là mong muốn của tôi."

Thế là chuyện như ông Dāsa đã báo trước. Gió thổi đến và họ khởi hành. Khi đã đến những vách đá dựng đứng, chuyện như Dāsa đã mô tả. Vị Bồ-tát đã vươn lên, nắm lấy những nhánh cây chà là nên đã tránh khỏi tai họa. Vị ấy chôn thi thể của Dāsa trên nền bãi cát vàng. Từ điểm này, vị ấy đi một mình theo những chỉ dẫn trước đây của Dāsa. Vị ấy bồng bềnh trong nước sâu trong bảy ngày. Rồi vị ấy đi bảy ngày trong mực nước cao ngang cổ mình. Rồi vị ấy di chuyển bảy ngày trong mực nước cao tới thắt lưng. Rồi vị ấy đi bộ bảy ngày trong mực nước cao tới đầu gối. Rồi vị ấy đi qua bùn trong bảy ngày.

Sau đó vị ấy nhìn thấy những bông hoa sen tươi, tuyệt vời, sạch sẽ và mềm mại. Vị ấy tự nhủ : "Những đóa hoa này quá mềm mại và mong manh. Tôi nên nhập định tánh không." Thế nên vị ấy khiến thân mình nhẹ nhàng và bước qua các đóa hoa sen trong bảy ngày nữa.

Tiếp đến, vị ấy gặp các con rắn độc và tự nhủ là: "những con rắn độc này thì cực kỳ đáng sợ." Rồi vị ấy vào định/tam muội từ bi và bước đi trên đầu của những con rắn này trong bảy ngày. Khi vị ấy đi như vậy, tất cả các con rắn đều cúi đầu chào đón vị Bồ-tát, do đó cho phép vị này bước đi trên chúng khi vị ấy đi qua.

Sau khi vị ấy đã vượt qua khó khăn này, vị ấy nhìn thấy phía trước có một thành phố trang sức được bảy bộ tường thành bảo vệ. Có bảy hào liên tiếp. Mỗi hào đầy các con rắn độc và có ba con rồng to bảo vệ các cổng.

Các con rồng thấy rằng vị Bồ-tát đẹp trai và cân đối, rằng vị này là người mang nét tinh tế và oai nghi trang trọng, và rằng vị ấy đã có khả năng vượt qua thành công nhiều khó khăn để đến nơi này. Họ tự nghĩ : "Đây không phải là một người bình thường. Chắc chắn vị ấy là một Bồ-tát, người có nhiều công đức." Rồi họ lập tức cho phép vị ấy tiến trực tiếp vào cung điện.

Cách đây không lâu, Long Vương và vợ đã mất đi người con trai của họ, thế nên họ đã tiếp tục khóc than và buồn rầu như trước. Họ đã quan sát sự xuất hiện của vị Bồ-tát. Vợ của Long vương có thần thông nên nhận ra rằng đây chính là con trai của bà, sữa tự chảy ra từ hai ngực của bà. Bà ra lệnh cho phép vị ấy ngồi xuống rồi hỏi vị ấy: "Con là con trai của ta. Sau khi con rời ta và chết đi, con đã tái sanh ở đâu?"

Vị Bồ-tát cũng có khả năng biết được những kiếp trước của mình. Vị ấy biết rằng họ là cha mẹ của mình nên đã thưa với mẹ mình: "Con được tái sanh trên cõi Nam-diêm-phù-đề là hoàng tử của vua một nước lớn. Con thương xót những người nghèo khó bị phiền não bởi sự rất khổ cực của đói khát và lạnh nên không thể hưởng được sự tự do không bị kiềm chế của chính họ. Chỉ vì điều này mà con đã đến đây tìm cách có được viên ngọc ước quý báu."

Mẹ của hoàng tử đáp: "Cha con đeo viên ngọc quý báu này như là một vật trang sức trên đầu ông ấy. Thật khó mà lấy được ngọc ấy. Chắc chắn là ông ấy sẽ dẫn con vào kho ngọc nơi mà ông ấy sẽ cho con bất kỳ thứ gì mà con mong muốn. Con nên trả lời rằng: "Con không cần những viên ngọc khác. Con chỉ muốn viên ngọc quý giá trên đầu của đức vua vĩ đại. Nếu con nhận được sự tử tế như vậy, con mong ước Ngài sẽ ban viên ngọc cho con." Có lẽ rằng con có thể có được viên ngọc đó theo cách này."

Rồi hoàng tử đi gặp cha mình. Cha của vị ấy bị nỗi nhớ nhung quá khứ chế ngự nên vui mừng và có được niềm vui vô bờ. Ông ấy xót thương con trai mình đến từ nơi xa, phải chịu những khó khăn cực kỳ, nên giờ đã đến nơi này. Ông ấy bèn chỉ các viên ngọc quý giá của mình cho hoàng tử rồi bảo rằng: "Cha sẽ cho con bất kỳ thứ gì con muốn. Con hãy lấy bất cứ thứ gì con cần."

Vị Bồ-tát bèn thưa rằng: "Con từ xa đến mong được gặp đức vua vĩ đại. Con mong có được viên ngọc quý giá trên đầu của Bệ-hạ. Nếu con có thể nhận được sự tử tế như vậy, xin Bệ-hạ hãy ban viên ngọc cho con. Nếu con không được cho viên ngọc đó, thì con không cần bất kỳ thứ gì khác."

Long vương bèn đáp rằng: "Ta chỉ có duy nhất một viên ngọc này mà ta luôn đeo như vương miện. Người dân Nam-diêm-phù-đề chỉ có chút ít phước đức và có căn tánh thấp kém đến nỗi họ không nên được phép ngay cả việc nhìn thấy viên ngọc này."

Vị Bồ-tát bèn thưa : "Chỉ vì điều này mà con đến từ xa, trải qua nhiều khó khăn cực kỳ và rủi ro chết người. Chỉ vì lợi ích cho người dân Nam-diêm-phù-đề có ít phước đức, nghèo khó và căn tánh thấp kém. Con ước mong sử dụng viên ngọc ước này cung cấp cho họ mọi thứ họ mong muốn để mà khi đó con có thể sử dụng những lãnh vực của con đường thành Phật để dạy và hóa độ họ."

Long vương bèn cho hoàng tử viên ngọc và đưa ra một điều kiện: "Bây giờ ta sẽ cho con viên ngọc này. Nhưng khi con sắp rời khỏi thế giới này, trước hết con phải hoàn trả lại viên ngọc cho ta."

Hoàng tử thưa : "Với tất cả sự tôn kính, con xin tuân lệnh, thưa Bệ-hạ." Khi vị Bồ-tát đã có được viên ngọc đó, vị ấy bay lên trời rồi trong thời gian co duỗi cánh tay, vị ấy đã đến ngay Nam-diêm-phù-đề.

Khi cha mẹ hoàng tộc [của vị Bồ-tát] là con người nhìn thấy sự trở về tốt lành của con mình, họ vui mừng và sung sướng nhảy nhót. Họ ôm hôn hoàng tử rồi hỏi : "À, con đã có được thứ gì vậy?"

Vị ấy đáp: "Con đã có được viên ngọc ước quý báu."

Họ bèn hỏi: "Vậy bây giờ ngọc ở đâu?"

Vị ấy đáp : "Nó ở trong chéo áo của con."

Cha mẹ của vị ấy hỏi: “Làm sao mà viên ngọc có thể nhỏ thế?”

Hoàng tử bèn giải thích : “Sức mạnh của viên ngọc nằm ở những phẩm tính siêu nhiên của nó, chứ không phải ở kích cỡ.” Vị ấy thưa cha mẹ rằng: “Nên ra lệnh đường xá phải quét sạch sẽ và đốt hương cả trong và ngoài thành phố. Nên treo phan lọng và dựng tán cái. Mọi người nên tuân thủ tiêu chuẩn trai giới thanh tịnh và giữ giới.”

Vào sớm mai ngày kế tiếp, vị ấy dựng một cột gỗ cao làm bệ trưng bày và gắn viên ngọc trên đầu cột. Vị Bồ-tát lập lời nguyện rằng: “Nếu con có khả năng hoàn thành quả vị Phật và khiến mọi người giải thoát, thì viên ngọc này nên, như nguyện ước của con, mang đến tất cả những gì quý báu để bất kỳ ai cần bất kỳ thứ gì, nó đều hóa đầy đủ.”

Vào lúc đó, mây đen che cả bầu trời và mưa xuống mọi loại quý báu, gồm có áo quần, thức uống, đồ ăn, giường chiếu và thuốc men. Bất kỳ thứ gì người ta cần đều có đầy đủ. Điều này thường xuyên là như vậy, không bao giờ ngừng cho đến cuối đời của vị ấy.

Những ví dụ như chuyện này minh họa điều một Bồ-tát thực hành bố thí đồng thời là phương tiện mang đến tinh tấn ba-la-mật.

Thiện Kiến (Sudarśana), vị Chuyển luân Thánh vương

Lời tựa của Ngài Long Thọ: *Sự sinh khởi thiền định/tĩnh lự ba-la-mật của việc bố thí*

Làm cách nào mà sự thực hành bố thí của vị Bồ-tát sinh khởi thiền định/tĩnh lự ba-la-mật? Khi vị Bồ-tát bố thí, vị ấy có khả năng loại bỏ sự bủn xỉn. Khi đã bỏ được sự bủn xỉn, hơn thế nữa, vị ấy vì sự bố thí này tận tâm vào sự thực hành chuyên nhất/nhất tâm và loại bỏ dần năm triền cái/trở ngại (*nīvaraṇa*). Đó là khả năng loại bỏ năm triền cái mà chính nó tạo thành [cơ sở cho thành công trong] thiền định/tĩnh lự.[19]

Lại nữa, nhờ vào bố thí mà tâm nhập vào giai đoạn thiền đầu tiên/sơ thiền và vân vân cho đến thiền diệt tận định. Làm thế nào mà điều này "nhờ vào" việc bố thí? Có lẽ khi ai bố thí cho một hành giả thiền, vị ấy quán chiếu rằng: "Nhờ vào sự tu tập thiền của người này mà ta đã cúng dường/bố thí với tâm thanh tịnh. Tại sao ta lại thấy thoải mái chỉ với một kinh nghiệm gián tiếp/thứ cấp của tĩnh lự/thiền-na?" Thế nên người ấy tự kiềm chế tâm dong ruỗi của mình và bắt đầu thực hành thiền định.

Lại nữa, có thể là khi bố thí cho một người nghèo, người ta quán chiếu những đời trước của người này đã làm tất cả việc bất thiện, đã không nhất tâm, đã không tu tập việc tạo phước, vì thế hậu quả là trở nên nghèo khó trong đời này. Vì điều này, người ấy có thể khiến chính mình tu tập sự nhất tâm khéo léo, do đó có khả năng khiến chính mình vào thiền định.

*Câu chuyện: Thiện Kiến (*Sudarśana*), vị Chuyển luân Thánh vương*

Theo như câu chuyện về Thiện Kiến (Sudarśana), vị Chuyển luân Thánh vương, có 84.000 vị vua nhỏ đã đến thiết triều, tất cả đều đem theo những vật tuyệt vời làm bằng bảy báu mà họ đã dâng tặng làm đồ cúng dường. Vị Chuyển luân Thánh vương tuyên bố: "Trẫm không cần chúng. Chính các khanh có thể sử dụng chúng để tu tập phước."

---

[19] Năm triền cái là: tham dục; sân; dã dượi và buồn ngủ; trạo cử và tiếc nuối; và nghi ngờ. Ngài Long Thọ giải thích chúng trong tập 17 của *Chú giải* (*Exegesis*) trong phần đầu ngài thảo luận về sự hoàn hảo của thiền định.

Những vị vua đó đã tự nhủ thầm rằng: "Mặc dù vị vua vĩ đại không thể chính mình nhận chúng, tuy nhiên, sẽ không thích hợp cho chúng ta nhận chúng để sử dụng riêng." Thế nên họ đã xây dựng một ngôi nhà mùa hè bằng bảy loại ngọc. Họ trồng các hàng cây bảy báu và tạo các bồn tắm làm bằng bảy báu. Trong ngôi nhà mùa hè lớn, họ đã xây dựng 84.000 sảnh đường nhiều tầng bằng bảy loại ngọc quý[20].

Trong mỗi sảnh đường nhiều tầng, có một ngai vàng bằng bảy báu với nhiều đệm ngồi đa sắc ở mỗi cuối ngai vàng. Những lộng tán trang trí được treo lơ lửng phía trên và mặt đất được rưới/xịt đầy hương thơm. Sau khi đã chuẩn bị tất cả, họ thưa với nhà vua rằng: "Chúng thần thỉnh cầu Bệ-hạ chấp nhận Pháp Điện/Chánh Điện này với các cây châu báu và các bồn tắm."

Nhà vua thể hiện sự đồng ý bằng cách im lặng và rồi tự nhủ: "Ta không được buông lung trong sự khoái lạc là người đầu tiên trú ngụ trong Pháp Điện/Chánh Điện mới này. Ta nên mời những người tốt bụng như là các Sa-môn và Bà-la-môn là những vị đầu tiên bước vào đây để nhận cúng dường. Sau đó, ta có thể tùy ý trú ngụ trong đó." Rồi vị ấy tập hợp những người tốt và để họ là những người đầu tiên bước vào Pháp Điện/Chánh Điện trang trí bằng châu báu. Ở đó họ được cung cấp nhiều tất cả phẩm vật tốt và tuyệt vời.

Sau khi tất cả những người đó đã về, nhà vua bước vào Pháp Điện/Chánh Điện châu báu, leo lên nhiều tầng bằng vàng, rồi ngồi xuống ngai vàng bằng bạc. Tại đó vị ấy quán chiếu về bố thí, từ bỏ năm triền cái, thu thúc sáu căn, từ bỏ sáu trần, rồi hưởng niềm vui và phước lạc, nhập sơ thiền.

Rồi vị ấy bước lên Pháp Điện/Chánh Điện đa tầng bằng bạc, ngồi trên ngai vàng bằng vàng, rồi nhập thiền thứ hai. Tiếp theo, vị ấy bước lên Pháp Điện/Chánh Điện đa tầng bằng ngọc thạch, ngồi xuống ngai vàng bằng pha lê, rồi nhập thiền thứ ba. Rồi, cuối cùng,vị ấy bước lên Pháp Điện/Chánh Điện đa tầng bằng pha lê, ngồi xuống ngai

[20] Có lẽ cần lặp lại ở đây là "84.000" không nên hiểu nghĩa đen trong văn học Phật giáo Ấn Độ. Theo cách giải thích truyền thống, nó giống như cách nói phóng đại của người Mỹ là "hàng triệu" mà thật sự chỉ có nghĩa là "nhiều ấn tượng/nhiều đáng kể."

vàng bằng ngọc thạch, rồi nhập thiền thứ tư. Vị ấy ngồi đó một mình chiêm nghiệm tổng cộng ba tháng.

Các ngọc nữ, hoàng hậu báu, và 84.000 cung nữ tất cả đều đeo trên mình những chuỗi ngọc trai quý hiếm rồi đến yết kiến đức vua, thưa rằng: "Vì Bệ-hạ đã lâu không tiếp kiến thân mật/thị tẩm, chúng thần mạo muội đến chào ngài."

Nhà vua thông báo cho họ rằng: "Này các chị, mỗi chị nên để tâm đứng đắn. Các chị nên xem Trẫm như bạn bè. Đừng hành động như là kẻ thù của trẫm."

Các ngọc nữ và hoàng hậu báu khi ấy bắt đầu khóc, rồi nước mắt họ tuôn rơi, nên đã hỏi rằng: "Tại sao nhà vua vĩ đại/Đại vương bây giờ gọi chúng thần là "các chị?" Chắc chắn, giờ đây vị ấy nghĩ chúng ta theo cách khác. Xin hãy cho chúng thần biết ý của Bệ-hạ? Tại sao bây giờ chúng thần lại bị quở trách rằng: "Các chị nên phục vụ trẫm như bạn bè. Đừng hành động như các kẻ thù của trẫm."?"

Nhà vua đã chỉ thị họ: "Nếu các chị nhìn trẫm như người thế gian bình thường mà đắm chìm trong dục lạc và an trú trong phước lạc, điều này giống như hành động như kẻ thù của Trẫm. Tuy nhiên, nếu các chị có khả năng giác ngộ được sự vô thường, nhận ra rằng thân thể này là huyễn ảo, tu tập phước lành, thực hành điều tốt và từ bỏ những tình cảm đầy dục vọng-điều này giống như phục vụ Trẫm như một người bạn."

Các ngọc nữ bèn thưa rằng: "Chúng thần sẽ kính vâng lời của Bệ-hạ." Sau khi nói những lời này, họ được đưa về nơi phòng của họ.

Sau khi những phụ nữ đã đi, nhà vua bước lên Pháp Điện/Chánh Điện đa tầng bằng vàng và ngồi trên ngai bạc nơi vị ấy nhập sâu thiền tình thương/từ. Rồi vị ấy bước lên Pháp Điện/Chánh Điện đa tầng bằng bạc, ngồi xuống ngai bằng vàng, rồi nhập sâu thiền về lòng bi. Kế tiếp, vị ấy bước lên Pháp Điện/Chánh Điện đa tầng bằng ngọc thạch, ngồi xuống ngai bằng pha lê, rồi nhập sâu thiền hỷ/tùy hỷ. Cuối cùng, ngài ấy bước lên Pháp Điện/Chánh Điện đa tầng bằng pha lê và ngồi xuống ngai vàng bằng ngọc thạch nơi vị ấy nhập sâu thiền xả/tam muội bình đẳng. Đây là ví dụ về sự thực hành của vị Bồ-tát về bố thí sinh khởi thiền-na ba-la-mật.

Phần Hai

Những câu chuyện của Ngài Long Thọ về Trì Giới

Người đàn ông có cái bình kỳ diệu

Lời tựa của Ngài Long Thọ: Vận may từ việc giữ giới/Trì giới

Mặc dù người ta có thể nghèo và có địa vị xã hội thấp, tuy vậy, nếu người ấy giữ/trì giới, điều này cao thượng hơn là giàu có hay có địa vị cao quý mà lại phá giới.

Hương thơm của hoa và hương thơm của cây là loại mà người ta không thể ngửi thấy mùi chúng từ đằng xa. Hương thơm từ việc giữ gìn giới bay khắp mười phương. Người mà trì giới hoàn thiện sự an bình và phước lành. Tên của người ấy được nghe khắp nơi xa và người ấy được cả chư thiên và loài người tôn kính và yêu quý. Trong hiện đời người ấy luôn đạt được tất cả loại hạnh phúc. Nếu vị ấy muốn tài sản, sự cao quý, và sống lâu ở các cõi trời hay giữa loài người, không khó cho người ấy đạt được như vậy. Nếu người nào trì giới thanh tịnh, vị ấy sẽ đạt được bất kỳ thứ gì mà người ấy ước muốn.

Hơn nữa, người trì giới quan sát sự khổ đau và phiền não/lậu hoặc của kẻ phá giới phải chịu phạt, giam giữ, đánh đập và thả trôi sông, biết điều liên quan đến chính mình rằng vị ấy đã vĩnh viễn vượt thoát những tổn thương như thế, nên vì vậy quá vui mừng.

Nếu một người trì giới nhìn thấy một người tốt đạt được tiếng lành, danh tiếng và hạnh phúc thì trong tâm mình, vị ấy tự nhủ: “Cũng giống như vậy vì người đó đã có danh tiếng tốt, Tôi cũng nhất định đạt được như vậy trong cùng hoàn cảnh.” Khi mạng căn của người trì giới chấm dứt, khi gió như lưỡi dao cắt rời thân thể, và khi gân mạch đứt lìa, bởi vì vị ấy biết rằng mình đã giữ giới thanh tịnh, tâm của vị ấy không sợ hãi. Điều này được mô tả bằng kệ sau:

Giữa căn bệnh quái ác,
Giới là phương thuốc hay.
Giữa sự rất khiếp đảm,
Giới là người hộ pháp.
Trong bóng đêm cái chết,
Giới là chiếc đèn sáng.

Giữa các cõi xấu ác,
Giới là chiếc cầu bắc qua.
Giữa nước của biển chết,
Giới là chiếc thuyền to.

Hơn nữa, người trì giới luôn thành công trong việc được người đương thời tôn kính và ủng hộ. Tâm vị ấy tràn đầy niềm vui và không hối tiếc. Vị ấy không thiếu thốn quần áo hay thức ăn. Khi vị ấy qua đời thì được sanh ở cõi trời và sau đó đạt được quả vị Phật. Đối với người trì giới, không có chuyện gì mà người đó không thành công. Đối với người phá giới thì mọi thứ đều mất hết.

Câu chuyện: Người đàn ông có cái bình tuyệt vời

Câu chuyện này tương tợ như chuyện người đàn ông thường cúng dường cho một vị thần. Vì người này nghèo khó, trong mười hai năm người ấy chỉ chuyên cúng dường để cầu xin giàu có và cao quý. Vị thần xót thương người này nên hiện thân trước mặt anh ta và hỏi: "Anh mong ước điều gì?"

Người ấy bèn đáp : "Tôi ước được giàu có và cao quý. Tôi muốn điều đó xảy ra để tôi có thể có mọi thứ mình mong ước."

Vị thần liền cho người ấy một cái bình gọi là "bình đức hạnh" và bảo với người ấy là : "Mọi thứ mà anh cần sẽ đến từ chiếc bình này."

Sau khi vị này có chiếc bình này, không có vật gì mà người ấy ước lại không được. Sau khi vị ấy đạt được khả năng có mọi thứ mà vị ấy mong ước, vị ấy xây cho mình một cái nhà tốt có đầy đủ voi, ngựa và các cổ xe và cũng có nhiều bảy loại ngọc. Vị này rộng rãi tặng cho tất cả khách của mình đến nỗi họ không bao giờ còn muốn thứ gì nữa.

Một trong những vị khách đã hỏi người này rằng: "Anh từng nghèo khó. Làm sao bây giờ anh lại có được tài sản/giàu có như vầy?"

Vị này đáp : "Tôi đã nhận được chiếc bình cực kỳ tốt này. Bình này có khả năng hóa ra tất cả mọi thứ khác nhau. Nhờ có chiếc bình này mà tôi có được sự giàu có như thế này."

Vị khách bèn hỏi là: "Liệu anh có thể cho tôi xem cái bình và đồ vật mà chiếc bình hóa ra không?"

Vị này liền mang chiếc bình ra. Từ bên trong chiếc bình, người này rút ra mọi đồ vật. Rồi, do sự bất cẩn kiêu ngạo, người này bắt đầu nhảy múa trên đầu chiếc bình. Chiếc bình lập tức vỡ tan. Đúng lúc đó, tất cả mọi đồ vật nó đã biến ra cũng đồng thời biến mất.

Kết luận

Người trì giới cũng giống như vậy. Vị ấy nhận được tất cả các loại phước lành tuyệt vời và không có ước muốn nào mà vị ấy không đạt được. Tuy nhiên, nếu một người phá giới-nếu người này bất cẩn một cách kiêu ngạo và để cho sự cố ý được tự do-thì vị ấy sẽ giống như người đàn ông trong câu chuyện này đã làm vỡ chiếc bình và mất mọi thứ.

Thảo luận thêm về vận may của đức hạnh/trì giới

Hơn nữa, hương thơm của tên người giữ giới bay khắp cả cõi trời và cõi người trong đời này và những đời sau. Ngoài ra, người trì giới là vị mà người ta thích tặng quà, không hạn chế trong việc tặng ngay cả những vật có giá trị của họ cho vị ấy. Vị này không huân tập/tu tập lợi lộc thế gian nhưng không có vật gì mà vị ấy lại thiếu thốn (không được cung cấp.) Vị này thành công trong việc được sanh ra ở các cõi trời. Vị ấy bước vào con đường Tam Thừa dưới sự hiện diện của chư Phật mười phương cho nên đạt được sự giải thoát. Chỉ có một trường hợp mà tất cả các loại tà kiến trong việc giữ giới thì sau này không đạt được gì cả.

Lại nữa, mặc dù một người chưa xuất gia, nếu người ấy có khả năng tu tập và thực hành pháp giữ giới, thì người này cũng sẽ thành công trong việc tái sanh lên các cõi trời. Nếu một người thanh tịnh trong việc trì giới đồng thời cũng tu tập thiền định và trí tuệ, và nếu vị này mong ước chính mình vượt qua bờ giải thoát khỏi sự khổ đau của già nua, bệnh tật và cái chết, thì điều ước này chắc chắn sẽ được toại nguyện. Mặc dù một

người trì giới có thể không có sự bảo vệ của vũ khí quân sự, tuy vậy, vị này sẽ không gặp phải chuyện khủng khiếp.

Tài sản của sự trì giới là thứ mà không ai có thể cướp/trộm đi được. Việc trì giới là người thân thiết nhất trong những người thân thiết. Mặc dù người ấy chết đi thì người ấy cũng không bị chia cắt với sự trì giới. Trang sức do việc trì giới ban cho thì thượng hạng hơn bảy loại báu. Vì những lý do này người ta nên bảo vệ giới như bảo vệ chính thân xác và mạng sống của mình và cũng như thể người ấy trân trọng các vật quý báu.

Người lái buôn mất tất cả nhưng còn viên ngọc quý nhất

Lời tựa của Ngài Long Thọ:

Những chiêm nghiệm đối với không sát sanh

Lại nữa, ngay cả nếu người nào có khả năng khiến không chịu quả báo ở những đời sau, không bị người tốt chê bai, và không bị kẻ thù hận ghét, tuy vậy, người ấy cũng không nên cố ý đoạt mạng sống của người khác. Tại sao? Đây là điều không nên làm của những ai tốt bụng. Còn hơn thế/Huống hồ là trường hợp mà cả trong đời này và đời sau, người ấy gặp phải quả báo phát sinh từ sự ác độc và xấu xa của những hành vi phạm tội của chính mình.

Hơn nữa, sát sanh/giết hại tạo thành tội nặng nhất. Tại sao? Khi một người gặp tình huống đe dọa tính mạng, người ấy sẽ không tiếc ngay cả những kho tàng quý báu nhất. Người này chỉ lấy những gì cần thiết để sống sót mà thôi.

Câu chuyện: Người lái buôn mất tất cả nhưng còn viên ngọc quý nhất

Điều này được minh họa bởi trường hợp của người lái buôn ra biển để lấy ngọc. Khi người này vừa trở về từ biển lớn, thuyền của người ấy đột nhiên vỡ tan và mất tất cả ngọc quý. Tuy thế, người này quá mừng vui và hân hoan, giơ tay lên và kêu : "Tôi gần mất một viên ngọc vĩ đại!"

Mọi người đều nghĩ chuyện này lạ lùng nên nói rằng: "Anh mất tất cả những đồ vật có giá trị của mình và thoát được mà không có mảnh vải trên lưng nữa. Làm sao anh có thể kêu lên một cách mừng rỡ: "Tôi gần mất một viên ngọc vĩ đại"?

Người này bèn đáp là: "Trong số các viên ngọc, mạng sống con người là quan trọng nhất. Vì mạng sống của họ mà người ta mong ước/tìm kiếm của cải. Không phải là họ mong được sống vì của cải."

Kết luận: làm sao việc sát sanh là tệ nhất và không sát sanh là tốt nhất

Vì lý do này mà đức Phật dạy rằng trong số mười hành vi bất thiện, tội sát sanh là đứng đầu. Sát sanh cũng là đầu tiên trong năm giới. Ngay cả nếu một người tu tập tất cả các loại công đức, nếu người ấy không giữ giới không sát sanh, thì không đạt được bất kỳ điều gì từ sự tu tập đó. Tại sao? Mặc dù người ta có thể sanh vào nơi có phước và cao quý đồng thời có sức mạnh và quyền lực của gia đình quý tộc, nếu như [là quả báo của sát sanh], những kiếp sống tương lai của người đó không thọ/dài lâu, thì ai có khả năng hưởng phước này?

Chính vì những lý do này, người ấy biết là trong số tất cả các tội, tội sát sanh là nặng nhất, và trong số những việc phước đức, không sát sanh là quan trọng nhất. Trên thế giới, bảo vệ mạng sống của chính mình là mối quan tâm chính yếu. Làm thế nào chúng ta biết điều này? Mọi người trên thế giới sẽ đồng ý chịu sự ác độc về thể xác của hình phạt thân thể, kể cả bị đánh đập và bị đánh bằng roi, chỉ nhằm để cứu mạng sống của chính mình.

Câu chuyện: Người con trai của đồ tể từ chối sát sanh

Lời tựa của Ngài Long Thọ: Tầm quan trọng/
Tính thiết yếu của Giới

Hỏi: Nếu không phải tôi bị tấn công, thì ý nghĩ sát sanh có thể không xảy ra. Tuy nhiên, nếu người ta bị tấn công bằng vũ lực và nếu bị cưỡng ép bằng mối nguy hiểm (chết người) sắp xảy ra, thì người ta nên làm gì?

Đáp: Người ấy nên xem xét tính nghiêm trọng tương quan của các lựa chọn khác nhau. Nếu có người sắp đoạt mạng sống của người khác, trước hết người đó xem xét liệu lợi ích từ việc giữ giới thì quan trọng hơn hay liệu lợi ích từ giữ mạng sống vật lý là quan trọng hơn và liệu phá giới tạo nên tổn thất hay liệu cái chết vật lý tạo nên tổn thất.

Sau khi suy gẫm theo cách này, người ấy nhận ra rằng giữ giới là quan trọng và bảo vệ mạng sống vật lý của mình là chuyện nhỏ. Nếu, để tránh nguy hiểm, người ta có khả năng thành công trong việc bảo vệ chỉ cơ thể của mình, thì có lợi ích gì khi có được cái thân thể đó? Thân thể này là đầm lầy của tuổi già, bệnh tật và cái chết nên nó sẽ không tránh khỏi xấu đi và suy tàn. Tuy nhiên, nếu vì giữ giới mà mất thân thể, lợi ích của điều này là cực kỳ thiết yếu.

Lại nữa, người ta nên cân nhắc như vầy: "Từ quá khứ đến nay, tôi đã mất mạng sống vô số lần. Có những lúc, khi tôi tái sanh là tên cướp ác độc, là con chim, hay là một con thú trong khi tôi đã sống chỉ vì của cải hay danh lợi, hay đã tham gia vào tất các các hoạt động không xứng đáng."

"Giờ đây tôi đã gặp phải tình huống mà có thể vì bảo vệ giới thanh tịnh. Không lẫn tiếc thân xác này và hy sinh mạng sống của tôi để giữ giới thì một tỷ lần tốt hơn-và thật ra không thể sánh bằng-với việc chỉ đơn thuần bảo vệ thân thể của tôi với cái giá vi phạm giới cấm." Theo cách này, người đó quyết định rằng người ấy nên xả bỏ thân thể để bảo vệ tính toàn vẹn của giới thanh tịnh.

Câu chuyện: Con trai người đồ tể từ chối sát sanh

Chẳng hạn, một thời có một người đàn ông, một vị nhập dòng Thánh/dự lưu quả[21], được tái sanh vào gia đình của một đồ tể. Người này đã đến tuổi trưởng thành. Mặc dù người này được trông mong là kế nghiệp nghề của gia đình vị ấy, nhưng vị này không muốn giết động vật. Cha và mẹ của vị này đưa cho vị này một con dao và nhốt trong một căn phòng chung với một con cừu rồi bảo rằng: "Nếu con không giết chết con cừu, cha mẹ sẽ không cho phép con ra ngoài để nhìn mặt trời hay mặt trăng, hay có đồ ăn và thức uống để sống sót."

Người con trai đó nghĩ thầm rằng: "Nếu ta giết con cừu này, thì ta sẽ bị bắt buộc theo nghề này cả đời. Làm sao ta có thể phạm trọng tội chỉ vì thân thể này ư?" Rồi vị ấy lấy con dao rồi tự kết liễu đời mình. Cha và mẹ của vị ấy mở cửa để nhìn vào. Con cừu đang đứng một bên trong khi/ngược lại người con trai đang nằm đó, đã chết[22].

Vào lúc khi vị này tự kết liễu đời mình, vị ấy được tái sanh ở các cõi trời. Nếu người nào làm được như vậy, thì điều này bằng với việc bỏ/hy sinh mạng sống của chính mình để bảo vệ sự vẹn toàn của giới thanh tịnh.

---

[21] Dự lưu quả là người "bước vào dòng Thánh", hay là "giai đoạn đầu của A-la-hán".

[22] Người ta nên hiểu rằng việc đoạt mạng sống của chính mình là vấn đề không nên xem nhẹ. Đối với đa số chúng ta, nó liên quan đến những tình huống chán chường về tâm lý do những ảnh hưởng phiền não nặng nề và tình cảm mạnh mẽ. Đây là những điều kiện có khuynh hướng thuận tiện cho những tái sanh kém may mắn. Tình huống của vị Dự lưu quả lại khác: Bởi vì vị ấy là một "người vào dòng Thánh," vị này đã đạt được con đường đạo ở mức sự giải thoát của vị ấy được đảm bảo. Vị ấy đã ra ngoài vòng bị ảnh hưởng nặng nề bởi các phiền não và vị ấy không còn rơi vào các tái sinh thấp hơn. Bởi vì đa số chúng ta không thích thú những tình huống tiến bộ tâm linh như thế, sẽ tốt hơn cho chúng ta từ bỏ việc tự tử trong khi cũng từ chối giết con cừu đó.

Tội vu khống của Kokālika

Lời tựa của ngài Long Thọ:

Những lỗi bản chất/vốn có trong việc nói dối

Hỏi: Có những lỗi nào trong việc nói dối?

Đáp: Người phạm tội nói dối trước hết lừa dối chính mình và sau là lừa dối người khác. Người này cho những gì thật là giả và những gì giả dối lại là thật. Anh ta lật ngược giả dối và sự thật (nói trắng thành đen nói đen thành trắng) và không chấp nhận thiện pháp. Anh ta giống như một chiếc bình bị bể mà nước không thể chảy vào.

Tâm của người phạm nói dối không biết xấu hổ hay tự trách. Anh ta ngăn mất đường lên cõi trời và cổng đến niết-bàn. Người ta quán chiếu và nhận ra sự tồn tại của những bất lợi này do đó không tham gia vào việc nói dối.

Ngoài ra, khi người ta quán chiếu và nhận ra rằng những lợi ích của nói thật thì vô cùng rộng lớn. Những lợi ích từ nói thật tự nhiên xuất hiện từ bản thân một người và vô cùng dễ dàng đạt được. Đây là năng lực/sức mạnh của tất cả những ai xuất gia. Cả hàng cư sĩ và xuất gia đều có được những lợi ích của loại công đức này. Đó là dấu hiệu của một người tốt bụng.

Tuy nhiên, tâm của một người mà lời nói là chân thành thì đúng và ngay thẳng. Bởi vì tâm người ấy đúng đắn và ngay thẳng, vị này dễ dàng thành công trong việc tránh được khổ đau. Cũng như khi kéo gỗ từ một khu rừng dày đặc. Những khúc thẳng dễ dàng kéo trước.

Hỏi: Nếu nói dối đi kèm những bất lợi như vậy, vậy thì tại sao mọi người lại nói dối?

Đáp: Có những kẻ ngu và thiếu trí tuệ mà khi họ gặp những khó khăn khốn khổ, nói dối là mưu kế để thoát khỏi chúng. Họ không nhận thức theo cách mà vấn đề tiết lộ/thể hiện. Khi họ phạm giới trong đời này, họ không nhận ra rằng trong đời sau sẽ có quả báo vô cùng lớn từ việc phạm giới.

Lại nữa, có những người mà, mặc dù họ biết rằng nói dối là phạm giới, tuy nhiên lại nói dối do vô số tham, sân hay si.

Câu chuyện: Tội vu khống của Kokālika

Lại nữa, có những người mà mặc dù không bị phiền não bởi tham lam hay sân hận, lại làm chứng giả dối cho một sự phạm giới của người khác bởi vì, trong tâm họ, họ cho rằng đây là sự thật. Khi họ chết, họ rơi vào địa ngục giống như Kokālika, một đệ tử của Đề-bà-đạt-đa. Kẻ này thường xuyên tìm lỗi của ngài Xá-lợi-tử và Mục-kiền-liên. Vào lúc đó, hai ngài đó vừa kết thúc an cư kiết hạ nên họ đã đi du hành đến nhiều bang khác nhau. Đã gặp phải một trận mưa bão lớn, họ đã đến nhà một người thợ gốm nơi họ qua đêm trong một nhà đầy nồi gốm/lò gốm.

Trước khi hai Ngài ấy đến, hai vị không hề biết rằng có một phụ nữ đã đi vào và ngủ trong một góc tối của tòa nhà đó. Đêm đó, người phụ nữ đã cực khoái trong những giấc mơ của cô ấy. Sáng sớm hôm sau, cô ấy đi lấy nước để tắm. Vào lúc này, Kokālika tình cờ đi qua và chú ý đến cô này. Kokālika có khả năng biết được đời sống tình dục của một người bằng cách quan sát vẻ mặt. Tuy nhiên, anh ta không thể suy được liệu hoạt động đó đã xảy ra trong trạng thái mơ hay trong khi thức giấc.

Vào lúc đó, Kokālika bảo một đệ tử rằng: "Người phụ nữ này có quan hệ tình dục với ai đó vào đêm qua." Rồi ông ta hỏi cô ấy là: "Cô đã nghỉ ở đâu đêm qua?"

Cô đã trả lời rằng: "Tôi đã qua đêm ở tòa nhà làm gốm".

Tiếp theo, ông ấy hỏi cô rằng: "Cô qua đêm cùng với ai?"

Cô ấy đáp là: "Với hai vị tỳ khưu." Vào lúc đó, hai ngài tình cờ bước ra từ trong tòa nhà làm gốm. Sau khi Kokālika đã trông thấy họ, ông ta đã xem xét vẻ mặt của họ và tin rằng hai người đàn ông đó chắc chắn không thanh tịnh. Trước đây, ông ta đã ôm lòng ghen tị với họ. Sau khi đã quan sát tình huống này, ông ta liền đi rêu rao điều này ở tất cả thành phố, làng mạc và thôn ấp. Rồi ông ta đi đến Tinh xá Kỳ Hoàn nơi ông ta lớn tiếng tuyên bố tin tức xấu xa này.

Vào lúc đó, Phạm Thiên, vị vua của các vị trời, đã đến ước mong diện kiến đức Phật. Đức Phật đã bước vào một phòng yên lặng nơi Ngài đã rất tĩnh lặng, nhập sâu thiền định.Tất cả các vị tỳ khưu cũng đã đóng cửa phòng họ và nhập thiền. Không ai có thể gọi/đánh thức họ.

Khi vị Phạm Thiên chuẩn bị trở về thì vị ấy có ý nghĩ khác: "Không lâu nữa đức Phật sẽ ra khỏi thiền định/xuất thiền. Ta sẽ đợi ở đây thêm chút nữa." Rồi vị ấy đi tới lối đến phòng của Kokālika và gõ cửa rồi gọi: "Kokālika! Kokālika! Tâm của các ngài Xá-lợi-tử và Mục-kiền-liên thanh tịnh và nhu nhuyến. Đừng vu khống họ không thì anh sẽ phải trải qua đêm dài [của những kiếp sống tương lai] chịu đau khổ.
Kokālika hỏi rằng: "Anh là ai?"
Vị này đáp rằng: "Tôi là Phạm Thiên, vua của các vị trời."
Kokālika hỏi rằng: "Đức Phật đã nói rằng anh đã giác ngộ quả Bất-hoàn/A-na-hàm (giai đoạn thứ ba của A-la-hán, nghĩa đen là "Không bao giờ trở lại). Vậy thì tại sao anh lại trở lại đây?"

Phạm Thiên, vua của các vị trời, suy nghĩ một chút rồi thốt kệ rằng:

Mong ước hiểu rõ vô lượng pháp môn,
Người ta không nên nắm bắt những gì chỉ là vẻ bên ngoài.
Muốn hiểu rõ vô lượng pháp môn,
Một người thô lỗ như vầy sẽ bị khốn khổ và chìm đắm.

Sau khi vị này thốt ra kệ này, vị ấy đi đến chỗ đức Phật và kể lại toàn bộ vấn đề. Đức Phật bảo rằng: "Lành thay! Lành thay! Kệ này nên được công bố ngay." Vào lúc đó, chính đức Bạc-già-phạm lặp lại kệ trên:

Muốn hiểu rõ vô lượng pháp môn,
Người ta không nên nắm bắt những gì chỉ là vẻ bên ngoài.
Muốn hiểu rõ vô lượng pháp môn,
Một kẻ thô lỗ như vầy sẽ bị khốn khổ và chìm đắm.

Sau đó Phạm Thiên, vua các vị trời, đã nghe đức Phật tuyên thuyết như vậy, bỗng nhiên biến mất và tức thì trở về các cõi trời.

Vào lúc đó, Kokālika đi đến chỗ đức Phật và đảnh lễ Ngài, rồi đứng sang một bên. Đức Phật bảo Kokālika: "Tâm của hai Thầy Xá-lợi-tử và Mục-kiền-liên thì thanh tịnh và nhu nhuyến. Đừng vu khống họ không thì ngươi sẽ trải qua đêm dài [trong các kiếp tương lai] chịu đau khổ."

Kokālika bèn thưa với đức Phật: "Con không dám không tin lời của đức Thế Tôn. Tuy nhiên, con trong thấy điều này rõ ràng bằng chính mắt con. Con biết chắc chắn rằng hai người đàn ông này đã thực sự phạm bất tịnh hạnh."

Đức Phật đã quở trách Kokālika ba lần bằng cách này và cả ba lần Kokālika đều từ chối chấp nhận điều này. Rồi anh ta đứng dậy, rời đi và trở lại phòng của mình. Toàn thân của anh ta khi ấy liền vỡ ra lở loét. Ban đầu chúng bằng cỡ của những hạt mè. Từ từ, chúng lớn như hạt đậu, lớn như trái chà là, lớn như trái xoài, cuối cùng lớn như các trái dưa. Rồi, tất cả chúng đồng thời vỡ tung, làm cho kẻ ấy như bị thiêu đốt bằng đống lửa lớn. Anh ta rên rỉ và khóc lóc. Rồi đêm đó, anh ta đã chết và đọa vào địa ngục Hoa Sen Lớn. Một vị trời Phạm thiên đã đến và báo cho đức Phật rằng: "Kokālika đã chết."

Một vị trời Phạm Thiên khác bảo rằng: "Anh ta đã rơi vào Địa Ngục Hoa Sen Lớn." Sau khi đêm đó đã qua, đức Phật chỉ thị tập hợp Tăng chúng, rồi hỏi: "Tất cả các Thầy có muốn biết độ dài của cuộc sống trong địa ngục đó mà Kokālika đã bị đọa vào không?"

Các thầy tỳ khưu thưa: "Thưa đức Thế Tôn, xin hãy cho chúng con biết. Chúng con muốn nghe ạ."

Đức Phật bảo : "Nó cũng ví như có sáu mươi giạ mè và một người đàn ông mỗi một trăm năm chỉ một lần đến và nhặt lấy chỉ một hạt mè. Nếu tiếp tục như vậy cho đến lấy hết tất cả hạt mè, thọ mạng ở các địa ngục Án-phù-đà (*Arbuda*) vẫn chưa chấm dứt. Thọ mạng ở hai mươi địa ngục Án-phù-đà bằng thọ mạng ở các địa ngục Ni-la-phù-đà (*Nirarbuda*). Thọ mạng ở hai mươi địa ngục Ni-la-phù-đà bằng thọ mạng ở các địa ngục Át-chiết-tra (*Aṭaṭa*). Thọ mạng ở hai mươi địa ngục Át-chiết-tra bằng thọ mạng ở địa ngục Hoắc-hoắc-ba (địa ngục than khóc). Thọ mạng ở hai mươi địa ngục Hoắc-hoắc-ba bằng thọ mạng ở các địa ngục Hô-hô-ba (Địa ngục rên rỉ). Thọ mạng ở hai mươi địa ngục Hô-hô-ba bằng thọ mạng ở các địa ngục Ưu-bát-la (*Utpala*-Sen xanh).

Thọ mạng ở hai mươi địa ngục Ưu-bát-la bằng thọ mạng ở các địa ngục Phân-đà-lợi (*Puṇḍarīka*-Sen trắng). Thọ mạng ở hai mươi địa ngục Phân-đà-lợi bằng thọ mạng ở các địa ngục Hoa Sen lớn (*Mahāpadma*). Kokālika đã bị rơi xuống các địa ngục Hoa Sen lớn này. Lưỡi của kẻ ấy bị kéo và bị đóng 100 cây đinh và còn bị 500 con trâu cày nữa.” Vào lúc đó, đức Bạt-già-phạm bèn thốt kệ rằng:

Khi một người tái sinh ở đây,
Các lưỡi rìu bay vào miệng anh ta.
Lý do mà thân thể bị chặt như vậy
Bởi do thốt lời độc ác/xấu xa.

Điều nên phê bình, tuy nhiên anh ta lại ca ngợi
Điều nên tán thán, tuy nhiên anh ta lại phê bình.
Cái miệng tích tập tất cả điều xấu.
Kết quả là kẻ ấy không bao giờ được hưởng bất kỳ phước nào.

Hành động của tâm và miệng tạo nên sự xấu xa
Kẻ ấy liền rơi vào Địa ngục Ni-la-phù-đà.
Trong thời gian của một trăm nghìn kiếp sống,
Kẻ ấy chịu tất cả các cực hình thống khổ.

Khi kẻ ấy tái sanh vào địa ngục Án-phù-đà,
Kẻ ấy phải ở đó ba mươi sáu kiếp,
Rồi đau khổ thêm năm kiếp nữa,
Trong tất cả kiếp đó đều chịu tất cả sự thống khổ.

Tâm tin vào tà kiến,
Rồi ăn nói theo cách hủy hoại
các bậc Đáng kính và các bậc Thánh.

Cũng giống như tre khi ra trái,

Do đó hủy hoại chính hình dáng của mình.

Kết luận

Theo cách như vậy, tâm tạo ra nghi ngờ và vu khống. Một khi người ta đã cố chấp thiết lập chúng, chúng cũng thể hiện thành nói dối. Do vậy một người mà nói dối từ chối tin hay chấp nhận ngay cả lời nói của đức Phật. Kẻ ấy bị bắt buộc phải chịu những hình phạt như thế. Chính vì những lý do này mà người ta phải từ bỏ việc nói dối.

Bài học của La-hầu-la về sự nói dối

Lại nữa, trường hợp của con trai đức Phật là La-hầu-la, là trẻ con, nên chưa hiểu tầm quan trọng của sự cẩn thận với lời nói của mình. Khi người ta đến và hỏi La-hầu-la rằng: "Đức Thế Tôn có ở đây không ạ?" thì La-hầu-la liền lừa họ bằng cách nói rằng: "Ngài không có ở đây."

Nếu thật sự khi đức Thế Tôn không có ở đây thì khi người khác hỏi La-hầu-la rằng: "Đức Thế Tôn có ở đây không ạ?" thì La-hầu-la lừa dối họ bằng cách nói : "Ngài có ở đây."

Có ai đó đã báo cho đức Thế Tôn về việc này. Đức Phật liền bảo La-hầu-la: "Con hãy lấy một chậu đựng nước, bỏ đầy nước vào, rồi rửa chân cho Ta." Sau khi chân Ngài đã được rửa, đức Thế Tôn đã bảo La-hầu-la rằng: "Hãy đậy chậu nước này lại."

Khi ấy, tuân lệnh của đức Thế Tôn nên La-hầu-la lập tức đậy chậu nước lại. Rồi đức Phật bảo: "Hãy lấy nước và đổ vào đây." Sau khi nước đã được đổ, đức Thế Tôn hỏi là: "Nước có vào chậu hay không?"

La-hầu-la thưa : "Nó không vào chậu ạ."

Đức Phật liền bảo La-hầu-la: "Những lời nói dối của một người không có sự xấu hổ hay trách mình[23] che tâm một người đến nỗi cũng như vậy, Pháp của Đạo không thể vào tâm người ấy."

Kết luận: Mười quả báo của việc nói dối

Theo lời dạy của đức Phật, nói dối có mười quả báo. Những gì là mười?

1. Hơi thở thường hôi.
2. Các thiện thần xa lánh kẻ đó, trong khi đó phi nhân muốn làm gì người đó cũng được.
3. Mặc dù kẻ nói dối có lúc nói thật, tuy nhiên người ta lại không tin hay chấp nhận nó.

[23] ND: không có tàm quý

4. Kẻ đó không bao giờ tham gia thảo luận với những người trí.
5. Kẻ ấy luôn bị vu khống và tiếng xấu xa của kẻ ấy lan khắp nơi.
6. Kẻ đó không được người khác kính trọng. Mặc dù kẻ ấy có thể chỉ thị và ra lệnh cho kẻ khác, người ta không chấp nhận hay chấp hành chúng.
7. Kẻ đó luôn bị não phiền với nhiều lo lắng.
8. Kẻ ấy gieo nhân và duyên cho việc bị vu khống.
9. Khi thân thể già suy và mạng sống chấm dứt, thì kẻ ấy sẽ rơi vào địa ngục.
10. Nếu kẻ ấy được lên làm người thì luôn bị vu khống.

Ba câu chuyện về cách sống của cư sĩ và tu sĩ

Lời tựa của Ngài Long Thọ:

Cuộc sống cư sĩ so với cuộc sống tu sĩ

Nếu ai đó không nắm giữ hay từ bỏ bất kỳ thứ gì, thì chỉ khi đó người ấy hành động tương ưng với Pháp. Điều này nổi tiếng là khó thực hiện. Tuy nhiên, nếu ai xuất gia, xa rời thế giới của người cư sĩ, chấm dứt tất cả sự phức tạp và hỗn loạn, thì khi ấy với mục đích duy nhất, tập trung tâm trí, thì việc tu tập con đường đạo sẽ trở nên dễ dàng.

Hơn nữa, sự lộn xộn và náo nhiệt của đời sống tại gia liên quan đến nhiều nỗ lực và nhiều trách nhiệm. Nó là gốc rễ của các kết sử/hữu lậu và nơi tích tập nhiều điều xấu xa. Đây là một tình thế cực kỳ khó khăn.

Tuy nhiên, nếu ai xuất gia thì giống như người có khả năng đi đến vùng hoang vu không người ở để thống nhất tâm mình. Khi ấy, người đó có khả năng thoát khỏi sự đắm chìm trong tư tưởng và sự lang thang/tản mạn của tâm. Một khi đã từ bỏ được những ý nghĩ bên trong, thì những vấn đề bên ngoài cũng ra đi. Điều này được mô tả bằng kệ sau:

Ngồi thong thả trong rừng,
Trong trạng thái tĩnh lặng, người ấy diệt trừ nhiều xấu xa.
Điềm tĩnh và hài lòng, người ấy đạt được nhất tâm.
Điều phước lành này không phải phước lạc của các cõi trời.

Người ta tìm kiếm lợi ích của tài sản và địa vị cao quý,
Vì danh, vì quần áo và vì những đồ vật tốt đẹp.
Loại dục lạc này không an bình hay đảm bảo.
Người đó tìm kiếm lợi lộc, nhưng không được thỏa mãn.

Người khoác áo vá đi khất thực,

Cho dù động hay tĩnh, tâm của vị ấy luôn chuyên nhất.
Vị ấy tự nhiên sử dụng tuệ nhãn
Để quán chiếu và biết sự thật của tất cả các pháp.

Trong số tất cả các loại Pháp môn khác nhau,
Bằng quán chiếu bình đẳng,
người ta đều thâm nhập tất cả.
Với sự hiểu biết và tuệ giác,
tâm an trú trong sự tĩnh lặng.
Trong ba cõi, không có điều gì
có thể sánh bằng tâm này. (an trú..)

Vì những lý do như vầy, người ta nên biết: sau khi đã xuất gia, huân tu các giới và thực hành Đạo trở nên dễ dàng.

Hơn nữa, nếu ai xuất gia và tu tập các giới luật, người ấy đạt được sự hoàn hảo về vô số khía cạnh của hành vi đạo đức tốt. Vì những lý do này, các cư sĩ tại gia nên xuất gia và nhận lãnh giới đầy đủ.

Câu chuyện: Những câu hỏi của Jambukhādaka với ngài Xá-lợi-tử về đời sống tu sĩ

Lại nữa, trong Giáo Pháp của đức Phật, pháp đặc biệt của việc xuất gia là pháp mà khó tu tập nhất. Điều này được hàm ý trong những câu hỏi của Bà-la-môn Jambukhādaka với Ngài Xá-lợi-tử; khi vị ấy hỏi rằng: "Thưa Ngài, điều gì là khó nhất trong Giáo Pháp của đức Phật ạ?"

Ngài Xá-lợi-tử đáp rằng: "Xuất gia/rời bỏ cuộc sống tại gia là khó."

Vị ấy cũng hỏi: "Có những khó khăn nào trong việc xuất gia ạ?"

Ngài đáp rằng: "Từ bỏ cuộc sống tại gia và tìm thấy phước lạc trong Giáo Pháp là khó."

"Nếu một người thành công trong việc tìm thấy phước lạc trong Giáo Pháp, vậy còn có khó khăn gì nữa ạ?"

"Tu tập tất cả pháp thiện là khó."

Vì những lý do trên, người ta nên từ bỏ đời sống tại gia. Hơn nữa, khi một người từ bỏ đời sống tại gia, vua loài quỷ/ma vương trở nên sợ hãi và lo lắng, nói rằng: "Những phiền não/nhiễm ô/hữu lậu của người này sẽ hiếm hoi. Người ấy sẽ chắc chắn đạt Niết-bàn và do đó sẽ ở trong số các thành viên của Tăng Bảo."

Câu chuyện: Tỳ khưu ni Ưu-bát-la-hoa/ Liên-hoa-sắc (Utpalavarṇā) khuyến khích đời sống tu sĩ

Lại nữa, mặc dù trong số những người xuất gia trong Giáo Pháp của đức Phật có những người có thể tình cờ phá giới và phạm giới, khi việc phạm giới đã chấm dứt/từ bỏ, khi ấy họ sẽ thành công trong việc đạt giải thoát. Điều này được đề cập trong *Kinh về đời trước của Tỳ khưu ni Ưu-bát-la-hoa/Liên Hoa Sắc*.

Khi đức Phật còn tại thế, vị tỳ-khưu-ni này đã đạt sáu thần thông và quả A-la-hán. Vị ấy đã thực hành việc đi đến nhà của các quý tộc nơi vị ấy ca ngợi truyền thống xuất gia. Vị ấy nói với những người vợ và các cô con gái quý tộc như vầy: "Này các chị, các chị có thể từ bỏ đời sống tại gia."

Vợ và các cô con gái nhà quý tộc thường đáp rằng: "Chúng tôi còn trẻ và khỏe. Vẻ mặt và hình dáng của chúng tôi đều đầy đặn và đẹp đẽ. Khó mà giữ gìn giới luật. Điều có thể xảy ra là chúng tôi sẽ phá giới."

Vị tỳ-khưu-ni này đã đáp rằng: "Hãy cứ tiến tới và xuất gia. Nếu cuối cùng xảy ra việc các chị phá giới, thì việc là thế: Các chị phá giới thôi."

Họ bèn trả lời rằng: "Nếu chúng tôi phá giới, chúng tôi sẽ rơi vào địa ngục. Làm thế nào có thể tư nghì/nghĩ rằng chúng tôi sẽ phá giới ư?"

Vị tỳ-khưu-ni đáp rằng: "Nếu xảy ra việc các chị cuối cùng rơi vào địa ngục, thì các chị vào thôi."

Tất cả các bà vợ và các cô gái gái quý tộc đều bật cười khi nghe vậy, nói rằng: "Khi một người đọa địa ngục, người ấy chịu phạt. Làm thế nào người ta thậm chí nghĩ đến chuyện mà người đó có khả năng bị đọa (địa ngục)?"

Vị tỳ-khưu-ni đáp rằng: "Tôi nhớ rằng trong một kiếp trước tôi là một nữ diễn viên mặc tất cả các loại trang phục và đóng các vai truyền thống. Có những lúc tôi đắp y của một vị tỳ-khưu-ni để chọc cười khán giả. Nhờ nhân cơ bản này, vào thời của đức Phật Ca Diếp tôi đã thật sự trở thành một vị tỳ-khưu-ni. Tuy nhiên, vì tôi sinh ra trong gia đình quý tộc và có sắc đẹp, tôi đã kiêu ngạo rồi phá giới cấm. Vì những tội phá giới này, tôi đã đọa vào địa ngục nơi tôi chịu tất cả các loại hình phạt là quả báo."

"Khi tôi trả xong quả báo của những tội đó, tôi đã gặp đức Phật Thích-Ca-Mâu-Ni và lại xuất gia, từ đó tôi đã đạt sáu thần thông và quả vị A-la-hán. Vì lý do như vậy, người ta nên biết rằng nếu một người xuất gia và thọ giới, mặc dù người đó có thể phá giới, tuy nhiên, nhờ nhân duyên cơ bản của việc thọ giới, người ấy chắc chắn sẽ thành công trong việc đạt quả A-la-hán.

"Tuy thế, nếu một người chỉ làm việc ác, nhưng chưa có nhân cơ bản của việc thọ giới, thì người đó sẽ không đắc Đạo. Do đó, trong quá khứ, tôi đọa địa ngục trong nhiều kiếp. Rồi, sau khi ra khỏi địa ngục, tôi trở thành người xấu xa, và khi người xấu xa này chết đi, tôi lại đọa địa ngục lại. Do đó, trong mỗi một tình huống này, tôi không đạt được điều gì cả.

Giờ đây, vì việc này, chúng ta có thể xác thực và do đó nhận ra rằng nếu ai chỉ xuất gia và thọ giới, mặc dù người đó cuối cùng có thể phá giới, tuy vậy, vì nhân cơ bản này, người ấy cuối cùng có khả năng đắc Đạo.

Câu chuyện: Người Bà-la-môn say rượu trở thành một vị tu sĩ

Lại nữa, điều này minh họa câu chuyện vào thời đức Phật cư trú tại Kỳ viên (Jetavana) và một người Bà-la-môn say rượu đã đến chỗ đức Phật và yêu cầu thành một vị tỳ-khưu. Đức Phật dạy ngài A-nan-đà làm lễ cạo tóc và đắp Pháp y lên người đàn ông này. Khi người Bà-la-môn này tỉnh dậy từ cơn say rượu, anh ta giật mình và ngạc nhiên rằng anh ta bỗng nhiên trở thành một tỳ-khưu. Anh ta liền bỏ chạy mất.

Các vị tỳ khưu khác khi ấy thưa đức Phật : "Tại sao đức Thế Tôn cho phép người Bà-la-môn say rượu này trở thành một tỳ-khưu?"

Đức Phật đáp : "Ngay cả trong vô số kiếp, người Bà-la-môn này cũng chưa bao giờ nghĩ đến chuyện xuất gia. Nhưng giờ đây, do say rượu, anh ta phút chốc phát tâm yếu ớt muốn xuất gia. Nhờ nhân cơ bản này, sau này người đó có khả năng xuất gia và thành công trong việc đắc đạo quả."

Kết luận về đời sống tại gia so với đời sống tu sĩ

Vì những nguyên nhân như trên, người ta có thể thấy rằng lợi ích của việc xuất gia liên quan đến vô số công đức. Do vậy, mặc dù các thành viên của cộng đồng cư sĩ có thọ năm giới, nhưng người ta không thể so sánh năm giới này với việc xuất gia.

Kiếp trước là một con rồng của đức Phật là sự hoàn hảo về giới đức/giới ba-la-mật

Lời tựa của Ngài Long Thọ: Định nghĩa của Giới ba-la-mật

Hỏi: Chúng ta đã biết về đặc điểm của giới/thi-la. Vậy điều gì tạo nên thi-la/trì giới ba-la-mật?

Đáp: Có những người cho rằng khi vị Bồ-tát giữ giới thì thà mất thân vật lý còn hơn là hủy phá giới khinh, điều này tạo nên thi-la/trì giới ba-la-mật. Như mô tả trong *Kinh Vua Sutasoma* đã đề cập ở trên, người đó thà bỏ mạng sống vật lý của chính mình để giữ gìn sự toàn vẹn của giới cấm.

Câu chuyện : Kiếp quá khứ của đức Phật là một con rồng

Chẳng hạn như trong một kiếp trước, vị Bồ-tát là một con rồng độc cực kỳ mạnh. Bất kỳ khi nào có bất cứ hữu tình nào đứng trước con rồng này, trong trường hợp là những người yếu thể chất, nếu con rồng ấy nhìn họ, họ sẽ chết ngay tại chỗ. Đối với những ai mạnh về thể chất, nếu con rồng ấy phà hơi về phía họ, họ sẽ chết.

Con rồng này nhận lãnh giới một ngày/bát quan trai giới. Vị ấy rời nơi trú ngụ của mình để tìm sự yên tĩnh nên đã đi vào rừng. Vị ấy ngồi quán chiếu rất lâu, trở nên mệt mỏi và phân tán, rồi buồn ngủ. Cách mà các con rồng ngủ là khi chúng buồn ngủ, thân thể của chúng trở nên giống như con rắn. Thân thể của vị đó có hoa văn gồm nhiều màu sắc khác nhau của bảy loại vật quý báu.

Các thợ săn trông thấy con rồng, vừa giật mình vừa mừng, bảo rằng: "Có phải là thích hợp lấy loại da này, quá hiếm hoi và khó gặp để tặng cho vua của chúng ta để ngài ấy dùng nó trang trí cho quần áo của mình không?" Rồi họ giữ cái đầu của con rồng xuống bằng một cây gậy và đã dùng một con dao để lóc da của nó.

Con rồng tự nghĩ : "Sức mạnh của ta có thể, nếu ta muốn, lật ngửa toàn đất nước này dễ như trở lòng bàn tay. Những người này là những vật nhỏ bé. Làm sao họ có thể làm khó cho ta được? Bởi vì bây giờ ta đang giữ giới, ta sẽ từ bồ-tát cả liên quan tới thân thể này. Ta nên tuân theo lời dạy của đức Phật."

Thế nên con rồng đã kiên nhẫn trong khi điều này đang diễn ra, nhắm mắt như thể đang ngủ, nên khỏi nhìn vào bọn họ. Con rồng giữ hơi thở của nó, và vì thương hại những người này, tự giữ mình không thở. Vì lợi ích của việc giữ giới, con rồng nhất tâm chịu đựng việc lóc da của mình, mà không hề có ý nghĩ hối hận nào.

Thế rồi, sau khi đã mất da, phần toàn thịt của con rồng nằm trực tiếp trên mặt đất. Đó là vào mùa mà mặt trời rất nóng. Con rồng trườn dọc theo bụi muốn đến một ao nước lớn. Rồi con rồng quan sát tất cả con côn trùng nhỏ đến ăn thịt thân thể của mình. Vào lúc đó, vì giữ giới, con rồng không dám cử động gì hết.

Con rồng tự nghĩ rằng: "Bây giờ ta sẽ tặng quà cho những côn trùng bằng cơ thể này. Vì để thành Phật, bây giờ ta tặng món quà là thịt này để lấp đầy thân thể của chúng. Sau đó, khi ta đã đạt quả vị Phật, ta sẽ bố thí Pháp để lợi lạc cho tâm chúng."

Sau khi vị ấy phát lời nguyện này, thân thể vị ấy khô cạn và mạng căn chấm dứt. Lập tức vị ấy được tái sanh ở cõi trời Ba mươi ba. Vào lúc đó, con rồng độc là một kiếp của đức Phật Thích-Ca-Mâu-Ni. Trong hiền kiếp, những người thợ săn là Đề-bà-đạt-đa và sáu bậc thầy [ngoại đạo]. Những con côn trùng nhỏ là tám mươi nghìn vị Trời đắc đạo quả khi đức Phật Thích-Ca-Mâu-Ni chuyển Pháp luân lần đầu tiên.

Kết luận: Giải thích thêm về sự hoàn hảo của Giới đức/ Trì giới ba-la-mật

Vị Bồ-tát bảo vệ giới và từ bỏ ngay chính mạng sống vật lý của mình để bảo toàn giới. Vị ấy quyết đoán trong việc này và không hề hối hận. Khi những nỗ lực của vị ấy thuộc loại này, điều này tạo nên trì giới ba-la-mật.

Lại nữa, khi vị Bồ-tát giữ giới, vì để thành quả vị Phật, vị ấy phát nguyện lớn rằng: "Tôi sẽ chắc chắn đưa chúng sinh sang bờ kia, không tìm dục lạc trong đời này hay những đời sau, sẽ không vì danh hay vì pháp của danh tiếng rỗng tuếch, nên sẽ không làm như vậy để sớm đạt niết bàn cho chính tôi. Tôi sẽ làm vậy chỉ vì lợi ích của những chúng sanh đang chìm đắm trong dòng chảy liên tục lâu đời [của con sông sanh tử luân hồi], những người bị lừa dối bởi tình cảm, và bị lừa dối bởi chính sự si mê của chính mình. Tôi sẽ hóa độ họ và khiến họ đạt đến bờ kia."

Vị ấy nhất tâm giữ giới nên tái sanh ở nơi tốt đẹp. Bởi vì tái sanh ở một nơi tốt, vị ấy gặp được người tốt. Bởi vì vị ấy gặp được người tốt, vị ấy phát triển trí tuệ. Bởi vì vị ấy phát triển trí tuệ, vị ấy thành công trong việc thực hành sáu-ba-la-mật. Bởi vì vị ấy thành công trong việc thực hành sáu ba-la-mật, vị ấy đạt quả vị Phật. Khi một người giữ giới theo cách này, điều này tạo thành thi-la/trì giới ba-la-mật.

Hơn nữa khi vị Bồ-tát giữ giới, tâm vị ấy vui thích trong điều thiện mà thanh tịnh. Đó không phải do sự sợ hãi các cõi thấp cũng không phải ước muốn tái sanh ở các cõi trời. Vị ấy mong đạt được sự thanh tịnh có đặc tính thiện lành. Qua việc khiến những giới luật thấm vào tâm trí mình, vị ấy khiến tâm mình tìm thấy niềm vui trong sự thiện lành. Đây chính là điều tạo thành trì-giới/thi-la ba-la-mật.

Ngoài ra, vị Bồ-tát sử dụng tâm đại bi trong việc giữ giới nên thành công trong việc đạt thành quả vị Phật. Đây là điều tạo thành trì giới/thi-la ba-la-mật.

Một con chó hoang dã[24] trốn thoát

Lời tựa của Ngài Long Thọ:

Việc sinh khởi sự xuất ly của Thi-la/Trì giới

Làm cách nào mà nếu một người giữ giới thì người ấy phát sinh tinh tấn? Người mà giữ giới từ bỏ sự thiếu trách nhiệm/thờ ơ (*pramāda*). Bằng chính năng lực/sức mạnh của mình, người đó tận tâm huân tu pháp vô thượng. Người ấy từ bỏ những dục lạc/thú vui của thế gian và bước vào con đường thiện lành. Người ấy quyết tâm đạt niết-bàn vì lợi ích cho mọi người. Người ấy có tâm vĩ đại và không lười biếng cho nên coi mong ước đạt quả vị Phật là điều thiết yếu. Đây là cách mà giữ giới có khả năng sinh khởi tinh tấn.

[24] ND: theo từ điển Oxford, “coyote” là chó hoang dã, giống như chó sói.

Hơn nữa, người giữ giới trở nên mệt mỏi/chán chường và ghê sợ những nỗi khổ đau của thế gian và các tai ương của già, bệnh và cái chết. Tâm vị ấy phát sinh tinh tấn và quyết tâm rằng vị ấy sẽ chắc chắn đạt giải thoát cho chính mình đồng thời cũng mang đến sự giải thoát cho người khác.

Câu chuyện: Con chó hoang dã trốn thoát

Câu chuyện này tương tợ như trường hợp con chó hoang dã đã sống trong khu rừng và, vì là cách để sống còn, đã tin tưởng đi theo mấy con sư tử, cọp và báo, tìm kiếm thịt từ những phần để lại từ các xác chết của bọn chúng. Có một thời gian thiếu thức ăn cho con chó hoang dã, thế nên giữa đêm nó lẻn vào thành phố và đi sâu vào nhà của một người. Nó tìm kiếm thịt nhưng không có chút nào.

Nó ngủ quên tại một nơi riêng biệt, không biết rằng đêm đã hết, thức dậy, giật mình, sợ hãi và lúng túng không biết nên làm gì. Nếu nó đã cố gắng chạy ra, nó đoán rằng nó sẽ không thể tự cứu chính nó, nhưng nếu nó ở lại, nó sợ rằng nó sẽ bị giết chết.[25] Rồi nó định tâm về việc nằm trên mặt đất, giả vờ đã chết.

Nhiều người đã đến xem. Có một người nói rằng: "Tôi cần những cái lỗ tai của một con chó hoang dã." Rồi anh ta cắt lỗ tai và lấy đi mất.

Con chó hoang dã tự nhủ : "Mặc dù bị cắt lỗ tai là đau đớn, nhưng thân thể này vẫn còn sống."

Rồi, có một người đàn ông bảo: "Tôi cần cái đuôi của một con chó hoang dã." Rồi người đó cũng cắt lấy cái đuôi rồi đi ra.

Khi ấy con chó hoang dã nghĩ là: "Mặc dù bị cắt đuôi thì đau, nhưng đó là chuyện nhỏ."

Kế tiếp, có một người nói : "Tôi cần răng của một con chó hoang dã."

Con chó hoang dã nghĩ : "Những xác thối ngày càng nhiều. Giả sử họ sẽ lấy đầu của ta. Nếu họ làm vậy, ta không có cách nào sống sót. Khi ấy nó đột nhiên bật dậy khỏi mặt đất, và dùng trí thông minh và sức mạnh của nó, đột nhiên lao vào một lối thoát trong gang tấc, do đó ngay tức thì thành công trong việc cứu thoát chính mình.

---

[25] Nguyên tác tiếng Anh "*fall victim to the pain of death*" có nghĩa là nạn nhân của sự đau khổ của cái chết.

Kết luận: Sự tự khích lệ của hành giả đối với giác ngộ đạo Phật

Trong việc tìm kiếm sự giải thoát khỏi những thử thách của đau khổ, tâm của hành giả thì giống như trên. Khi tuổi già đến, vị ấy có thể vẫn tìm ra lý do để tự tha thứ cho chính mình và có thể vẫn không thể chăm chỉ/tinh cần, tận tâm, và quyết đoán trong việc thực hành sự tinh tấn. Nó cũng giống như khi gặp phải bệnh tật. Bởi vì vẫn còn hy vọng chữa khỏi, người đó vẫn chưa có khả năng kiên quyết thực hiện kế hoạch hành động của mình.

Nhưng khi cái chết sắp đến, vị ấy nhận ra rằng không còn hy vọng gì nữa. Người ấy có khả năng dám quyết đoán và tinh cần trong việc cống hiến hết mình cho việc tu tập sự tinh tấn. Rồi, thoát khỏi nơi mà cái chết đang đến với vị ấy, cuối cùng vị ấy thành công trong việc đạt niết-bàn.

Một bậc đạo sư đã chết bị dấu đi

Lời tựa của Ngài Long Thọ: Về sự không hiện hữu của hữu tình.

Hỏi : Chắc chắn là hữu tình hiện hữu. Tại sao bạn nói rằng họ không hiện hữu? Dựa trên nhân và duyên của năm ngũ uẩn mà pháp của một hữu tình hiện hữu. Điều này tương tợ như trường hợp nhân và duyên của năm ngón tay sinh khởi hiện tượng của một nắm đấm.

Đáp: Lời này sai. Nếu pháp của một hữu tình hiện hữu trong nhân và duyên của năm uẩn, thì ngoài chính năm uẩn, có tồn tại một số pháp [hiện hữu] riêng biệt. Tuy nhiên, không có thứ gì như vậy. Chính mắt nhìn thấy các hình dáng. Chính lỗ tai nghe âm thanh. Mũi ngửi mùi hương. Lưỡi biết vị. Thân biết xúc. Trí biết pháp là các đối tượng của tâm. Tất cả chúng đều trống không và không có pháp của một bản ngã. Ngoài sáu hiện tượng [dựa trên giác quan] này, không có "hữu tình" khác.

Do những quan điểm sai lầm, những kẻ không phải là Phật tử tuyên bố rằng khi mắt nhìn thấy sắc, điều này liên quan đến một hữu tình và vân vân cho đến khi chúng ta đạt đến khi tâm biết các pháp, điều này liên quan một hữu tình. Hơn nữa, họ cho rằng khi ai nhớ và khi người đó có khả năng chịu đau khổ và dục lạc, những trường hợp này liên quan một hữu tình.

Tuy vậy, họ chỉ tạo ra quan điểm này. Họ không có kiến thức trực tiếp về bất kỳ thứ gì thật sự gắn với "hữu tình" này.

Câu chuyện: Một bậc đạo sư đã chết bị dấu đi

Câu chuyện này tương tự như trường hợp của một vị tỳ khưu rất đáng kính, thâm niên, lớn tuổi. Người ta cho rằng vị ấy là một bậc A-la-hán. Người ta mang nhiều vật đến cúng dường. Về sau, vị ấy bị bệnh và qua đời. Bởi vì các đệ tử sợ hãi rằng họ sẽ mất các vật cúng dường, họ lén lút di chuyển vị ấy trong đêm đó và nơi mà vị ấy đã nằm xuống, họ sắp xếp mền và gối, khiến có vẻ như là thầy của họ vẫn còn đó, và chỉ

đang nằm mà thôi. Người ta đến và hỏi về bệnh của vị ấy: "Bậc Đạo sư hiện đang ở đâu?"

Các đệ tử trả lời rằng: "Bạn không thấy mền và gối trên giường sao?" Những người cả tin đã không điều tra việc này. Họ đã tin rằng bậc đạo sư đang nằm bệnh trên giường, tiếp tục cúng nhiều phẩm vật, rồi đi về. Điều này xảy ra hơn một lần.

Sau đó, có một người có trí đã đến và hỏi về bậc đạo sư. Các đệ tử đã trả lời giống như vậy. Người có trí này bảo rằng: "Tôi đã không hỏi về mền, gối, giường, hay tọa cụ. Về phần tôi, tôi đang tìm một người." Rồi người đó ném các đồ che, tìm bậc đạo sư. Cuối cùng, không thể tìm ra người nào cả.

Kết luận

Ngoài các đặc điểm đặc trưng của các hiện tượng theo sáu giác quan, không có một bản ngã hay con người nào vượt ngoài đó. Điều này [sự vắng mặt của thực tế chân thật] thì thật sự ngang bằng với trường hợp của một "người biết" hay một "người nhận thức."

Phần Ba:

Những câu chuyện của Ngài Long Thọ về Nhẫn nhục/Sằn-đề

Sự hư hỏng của Đề-bà-đạt-đa do ưa thích đồ cúng dường

Lời tựa của ngài Long Thọ

Hỏi: Kiên nhẫn/Nhẫn nhục lên quan đến hữu tình là như thế nào?

Đáp: Có hai loại hữu tình đến và tiếp cận vị Bồ-tát: Loại thứ nhất là những người đáng kính và cúng dường phẩm vật. Loại thứ hai là những ai đáng ghét, mà quở trách và có thể thậm chí mang đến thương tích bằng nắm đấm. Vào những lúc như vậy, tâm của Bồ-tát có khả năng kiên nhẫn. Vị ấy không ưa thích hữu tình cúng dường phẩm vật và cũng không ghét những ai ác độc với mình. Điều này tạo thành sự kiên nhẫn đối với hữu tình.

Hỏi : Làm thế nào mà người ta nói về "sự nhẫn nhục" liên quan tới sự tôn kính/tôn trọng và cúng dường phẩm vật?

Đáp: Có hai loại phiền não/hữu lậu/kiết sử (*saṃyojana*). Loại đầu tiên là những phiền não thuộc lĩnh vực tham ái. Loại thứ hai là những phiền não thuộc lĩnh vực ganh ghét. Mặc dù sự tôn kính và cúng dường phẩm vật không sinh khởi sự ganh ghét, chúng khiến tâm trở nên tham luyến. Đây là những tên trộm mềm (dễ tấn công người nhận). Do đó người ta nên khiến chính mình kiên nhẫn với những điều này để không bị tham luyến/dính mắc và không bị lay động bởi sự luyến ái.

Làm thế nào một người có khả năng kiên nhẫn? Người đó quán chiếu rằng những tình huống này là vô thường và rằng chúng tạo ra điểm cho sự phát sinh tiềm ẩn của các kết sử. Như đức Phật đã dạy, những vết thương/thương tổn xảy ra qua các phẩm vật cúng dường thì ăn sâu. Nó như thể chúng cắt qua da và đến phần thịt, xuyên qua phần thịt và đến xương, rồi xuyên qua xương và đến tủy. Khi một người trở nên tham đắm các đồ cúng dường, thì người đó phá vỡ lớp da giữ giới, cắt qua thịt thiền định, phá xuyên xương trí tuệ, nên gây ra sự mất mát tủy của tâm thiện lành vi tế và tuyệt vời.

Câu chuyện: Sự hư hỏng của Đề-bà-đạt-đa qua sự ưa thích đồ cúng dường

Nguyên tắc này được minh họa bằng trường hợp khi đức Phật đầu tiên đi đến bang/nước Ca-tỳ-la-vệ (Kapilavastu). Ngài đi cùng với một nghìn hai trăm năm mươi vị tỳ khưu, tất cả đều có dáng của các bậc Phạm Chí. Bởi vì họ trước đây đã từng cúng dường cho thần lửa, hình dáng của họ xanh xao. Bởi vì họ trước đây tham gia vào tu khổ hạnh nhịn ăn, nên da và thịt của họ hốc hác và đen đúa.

Vua Tịnh Phạn (Śuddhodana) đã tự nhủ: "Mặc dù đoàn tùy tùng của con trai ta có tâm và hành vi thanh tịnh, nhưng liên quan đến dáng vẻ của họ thì hoàn toàn thiếu sót. Ta nên chọn từ những gia đình có nhiều con trai và cháu trai và mỗi gia đình gửi một người trở thành đệ tử của đức Phật." Sau khi nghĩ như vậy, vua ra chiếu chỉ toàn nước để có thể tuyển chọn từ trong số các con trai của dòng dõi quý tộc Thích Ca. Tất cả những ai xuất hiện tuân theo chiếu chỉ đều được lệnh xuất gia.

Vào lúc đó, Đề-bà-đạt-đa, con trai của vua Droṇadana[26], rời bỏ gia đình, xuất gia học Đạo và thuộc lòng sáu mươi nghìn kệ Pháp. Vị ấy tinh tấn trong tu tập khoảng mười hai năm. Sau đó, vì lợi dưỡng của cúng phẩm, vị ấy đến chỗ đức Phật và tìm cách học thần thông. Đức Phật bảo vị ấy là: "Đề-bà-đạt-đa[27], nếu anh quán chiếu sự vô thường của năm uẩn, anh sẽ thành công trong việc đắc đạo và cũng sẽ có thần thông." Nhưng Ngài đã không chỉ dạy vị này phương pháp đạt được thần thông.

Đề-bà-đạt-đa đã bỏ đi và cũng đến chỗ ngài Xá-lợi-tử, từ ngài Mục-kiền-liên và cuối cùng là năm trăm vị A-la-hán với yêu cầu tương tự. Không ai trong số họ giải thích cho vị ấy, mà lại bảo rằng: "Anh nên quán chiếu sự vô thường của năm uẩn. Từ đó anh có thể đắc đạo và cũng có thể đắc thần thông."

Vì đã không có được điều mà mình mong ước nên anh ta đã khóc và cảm thấy không vui. Vị ấy đến chỗ ngài A-nan-đà và tìm cách học thần thông. Vào lúc đó, ngài A-nan-đà chưa đạt được tha tâm thông/biết suy nghĩ của người khác. Do lòng kính trọng anh

[26] ND: theo https://dbpedia.org/page/Suppabuddha thì vua này theo tên tiếng Phạn là Suprabuddha (Thiện Giác)

[27] ND: trong bản tiếng Anh thể hiện là "Gautama" nghĩa là đức Phật Cồ-đàm, theo ND có thể đây là sự nhầm lẫn vì theo bối cảnh của câu chuyện thì nên là "Devadatta"/Đề-bà-đạt-đa.

trai của mình, ngài A-nan-đà đã truyền dạy những kỹ năng cho Đề-bà-đạt-đa như đức Phật đã dạy cho ngài A-nan-đà. Sau khi đã có được phương pháp nghiên cứu về thần thông, Đề-bà-đạt-đa đi lên núi và không lâu sau đó đã đắc năm thần thông.

Sau khi đã đắc năm thần thông, Đề-bà-đạt-đa tự nghĩ: "Ai sẽ nên là thí chủ hộ pháp cho ta (*dānapati)*[28]? Chẳng hạn như có hoàng tử A-xà-thế (Ajātaśatru). Vị này có các tướng của một vị vua vĩ đại." Tìm cách trở thành người thân cận với hoàng tử, Đề-bà-đạt-đa đã lên các cõi trời và lấy thức ăn cõi trời. Trở về theo phương Bắc (Uttaravatī), vị này đã lấy được một số gạo "tự nhiên[29]". Cuối cùng, Đề-bà-đạt-đa đi đến rừng cây táo hồng và lấy ít quả táo hồng (*eugenia jambolana*)[30], rồi tặng những món này làm quà cho hoàng tử A-xà-thế.

Đôi khi Đề-bà-đạt-đa tự hóa mình làm con voi quý hay một con ngựa quý để trêu chọc hoàng tử. Những lúc khác thì Đề-bà-đạt-đa biến thành một trẻ sơ sinh ngồi trên đùi hoàng tử. Hoàng tử sẽ ôm nó trong vòng tay, nên nó sẽ thủ thỉ, bập bẹ và chảy nước miếng. Mỗi lần như vậy, Đề-bà-đạt-đa sẽ phát ra tên mình do đó khiến hoàng tử biết tên vị ấy.

Đề-bà-đạt-đa biến đủ hình dáng kỳ lạ để động tâm hoàng tử. Tâm hoàng tử đã bị mắc lừa bởi điều này. Trong công viên vườn xoài (Ambavana Park), hoàng tử đã xây một ngôi chùa mênh mông.[31] Hoàng tử chuẩn bị bốn loại cúng dường cũng như tất cả các quà tặng đủ loại khác nhau. Không có vật gì mà không thừa thải ở trong chùa đó. Hoàng tử cấp tất cả chúng cho Đề-bà-đạt-đa. Hằng ngày vị ấy dẫn theo tất cả các quan lớn và đích thân dâng cúng 500 loại món ăn ngon với cơm.

Đề-bà-đạt-đa đã nhận được rất nhiều cúng phẩm tuy nhiên đồ chúng của vị này rất ít. Vị này thầm nghĩ rằng: "Ta có ba mươi tướng của bậc đại nhân, chỉ kém chút ít so với đức Phật. Chỉ có điều là ta chưa có đệ tử xung quanh ta. Nếu ta có một hội chúng lớn, thì ta đâu khác gì đức Phật?" Sau khi nghĩ như vậy, Đề-bà-đạt-đa đã có ý phá vỡ

[28] Là người cư sĩ cung cấp sự hỗ trợ cho cộng đồng tu sĩ.

[29] Là gạo tự mọc, không cần trồng hay chăm sóc.

[30] một loại táo hồng

[31] là nơi tu sĩ cư trú.

Tăng đoàn và có được năm trăm đệ tử. Ngài Xá-lợi-tử và ngài Mục-kiền-liên đã thuyết pháp và hướng dẫn. Thế là Tăng đoàn trở nên hòa hợp và thống nhất lại.

Khi đó Đề-bà-đạt-đa đã có ý nghĩ độc ác muốn đẩy [một tảng đá] từ núi để đè đức Phật. Một vị thần mang chùy kim cương đã can thiệp từ xa bằng cách ném cây chùy của mình [để làm chệch hướng tảng đá]. Một mảnh vỡ từ tảng đá tung lên và làm thương ngón chân của đức Phật. Tỳ khưu ni Liên Hoa Sắc[32] đã quở trách Đề-bà-đạt-đa, người này đã trả đũa bằng cách đấm tỳ khưu ni này. Mắt của tỳ khưu ni này lồi ra [từ sức mạnh của cú đấm] và vị ấy chết ngay.

Đề-bà-đạt-đa đã phạm ba tội ngũ nghịch[33] (giết người) (*ānantarya*) và đã thân cận với những bậc thầy ngoại đạo/không phải Phật tử xấu ác và ủng hộ ngụy biện như là Phú-lan-na (Pūraṇa). Anh ta đã cắt đứt tất cả gốc rễ thiện lành và tâm của anh ta không biết xấu hổ hay hối hận. Hơn nữa, người này còn tẩm thuốc độc vào móng tay của mình, mong có dịp lạy chào đức Phật để làm hại Ngài bằng thuốc độc.

Đề-bà-đạt-đa chuẩn bị tiến hành, nhưng khi đến chỗ đức Phật thì mặt đất ở thành Vương Xá (Rājagṛha) tự nhiên nứt ra và một cỗ xe bốc lửa xuất hiện. Nó đặt Đề-bà-đạt-đa vào cỗ xe và chở đi, tuy còn sống, xuống các địa ngục.

Thân thể của Đề-bà-đạt-đa có ba mươi tướng của bậc đại nhân nhưng anh ta không có khả năng chống cự và vượt qua/thắng được chính tâm mình. Vì lợi dưỡng cúng dường, người này đã phạm tội rất nặng và rơi vào địa ngục ngay cả khi còn đang sống. Chính vì lý do này mà người ta nói rằng tổn hại/vết thương do phẩm vật cúng dường gây ra sâu sắc, xuyên qua da và đi vào cả tủy.

Người ta nên vứt bỏ và từ bỏ[34] tâm ưa thích những ai cúng dường. Đây là điều có nghĩa rằng tâm kiên nhẫn của Bồ-tát không bị tham luyến đối với những người cúng dường hay thể hiện sự tôn kính.

---

[32] Liên Hoa Sắc là Tỳ-kheo-ni đã chứng quả A-la-hán.

[33] Năm tội ngũ nghịch (*ānantarya*) là: giết cha; giết mẹ; giết A-la-hán; Tạo ra sự chia rẽ trong một Tăng đoàn sống hòa hợp/phá hòa hợp Tăng đoàn; và làm thân Phật chảy máu. Thuật ngữ tiếng Phạn bao hàm sự tức thời, không thể tránh khỏi, và không ngừng dứt của quả báo bị rơi vào địa ngục. Những tội này được bàn trong chương 4 của *Luận Câu Xá* (*Abhidharma Kośa Bhāṣyam*) của ngài Thế Thân.

[34] ND: nguyên tác tiếng Anh: cast off and get rid of, p.155.

Vị Tam Tạng Pháp Sư Người Kế Tân

Lời tựa của Ngài Long Thọ

Lại nữa, có ba loại cúng dường: Thứ nhất là những phẩm vật cúng dường xuất hiện nhờ nhân và duyên gắn với phước quá khứ. Thứ hai là những phẩm vật cúng dường mà người ta nhận được sự kính trọng và phẩm vật từ những người nhờ phước của đời hiện tại gắn với việc tu tập giới, thiền định, và trí tuệ. Loại thứ ba là những phẩm vật mà người ta có được qua sự giả dối và giả vờ bằng cách lừa người khác khi mà, mặc dù người ấy bên trong không có phẩm hạnh công đức gì thật sự, người đó bên ngoài làm ra vẻ như thể mình là người hoàn toàn thanh tịnh.

Liên quan đến ba loại cúng dường này, người ta nên tự xem xét chính mình rằng: "Nếu bây giờ người ta có được phẩm vật cúng dường qua nhân và duyên của những đời trước khi người đó đã siêng năng tu tập công đức, đây chỉ là điều gì đó đã được tạo ra bằng sự tinh cần cá nhân nên do đó người ta tự nhiên có được. Vậy có ích gì trong việc tự mãn về điều giống như vậy? Đây cũng như việc trồng cây vào mùa xuân và thu quả vào mùa thu. Đây là điều đạt được cho chính bản thân bằng nỗ lực của tự thân. Có điều gì là nguyên nhân chính đáng cho sự kiêu ngạo này?" Sau khi một người đã chiêm nghiệm/suy gẫm theo cách này, người ấy có khả năng chịu đựng và vượt qua chính tâm mình để không bị tham chấp/dính mắc hay kiêu căng.

Nếu nhờ những nổ lực trong hiện đời, người đó tạo công đức và do vậy nhận được đồ cúng dường, thì người ấy nên tự nhủ rằng: "Ta có điều này là nhờ có trí tuệ, cho dù là hiểu được bản chất thật của các pháp hay cho dù là có khả năng chấm dứt các kết sử/hữu lậu. Đó là nhờ vào công đức liên đới này. Khi người nào đó cúng dường, chuyện đó không liên can gì đến tôi cả." Sau khi đã suy gẫm theo cách này, người ấy có khả năng vượt qua những suy nghĩ của chính mình và không kiêu ngạo hay kẻ cả nữa. Người ấy nhận thức là: "Thật vậy, đây chỉ là trường hợp người ta thích tạo phước/làm phước. Không phải là họ ưa thích ta."

Câu chuyện: Bậc Tam Tạng Pháp Sư người Kế Tân

Điều này so sánh với trường hợp của vị tỳ khưu là bậc Tam Tạng Pháp Sư người Kế Tân là vị tỳ khưu đã tu tập pháp A-lan-nhã[35] và một ngày nọ người ấy đã đến các đền thờ của đức vua. Đền thờ này đã tổ chức một buổi lễ hội lớn.Người gác cửa đền đã quan sát những y áo thô và chất lượng kém của vị ấy cho nên đã chặn cửa và không cho phép vị ấy tiến vào. Theo cách này, vì y áo của vị ấy có chất lượng kém, hết lần này đến lần khác, vị ấy không bao giờ được phép vào cửa.

Rồi vị ấy sử dụng phương tiện khéo là mượn một y áo đẹp trước khi đến. Người gác cửa quan sát điều này và cho phép vị ấy tiến vào mà không ngăn lại. Sau khi đã ngồi trong buổi lễ, vị ấy lấy tất cả các loại thức ăn ngon. Trước khi ăn, đầu tiên vị ấy cúng dường thức ăn cho các y áo của mình. Mọi người đều hỏi rằng: "Tại sao ngài làm điều đó?"

Vị ấy đáp: "Tôi gần đây đã đến đây nhiều lần và mỗi dịp như vậy đều không thể bước vào. Bây giờ, nhờ mặc những y áo này, tôi được phép ngồi chiếc ghế này và có được tất cả các loại thức ăn ngon. Thật sự là nhờ có các y áo này mà tôi đã có được điều đó. Chính vì lý do ấy mà tôi đã dâng tặng thức ăn cho mấy cái y áo."

Khi một người nhận được đồ cúng dường nhờ công đức tu tập, nhờ giữ giới, và nhờ trí tuệ, hành giả ấy nên tự nhủ rằng: "Đây là nhờ công đức. Không phải là nhờ bản thân tôi." Khi người ấy quán chiếu theo cách này thì khi ấy có khả năng vượt qua những tư tưởng của chính mình, đây chính là kiên nhẫn/nhẫn nhục.

Nếu một người nhận được cúng dường bằng sự giả dối và lừa lọc, điều này cũng như tự hủy hoại mình và do đó là hành vi mà người ta không thể đến gần. Người đó nên tự cân nhắc là: "Nếu ta sử dụng sự giả dối này rồi có được đồ cúng dường, thì không khác chi tên trộm xấu xa phạm tội cướp giựt thức ăn. Đây là trường hợp phạm tội lừa dối."

Khi tâm một người không còn bị dính mắc với ba loại người cúng dường trong khi cũng không kiêu ngạo, điều này xứng là sự kiên nhẫn/nhẫn nhục với hữu tình.

---

[35] A-lan-nhã (*araṇya)* là một thất hẻo lánh.

Những cô con gái của Ma vương và đức Phật tại cây bồ đề

Hơn nữa, nếu xảy ra việc phụ nữ ham thích dục lạc đến và tìm cách quyến rũ đức Bồ-tát, vào những lúc như vậy đức Bồ-tát vượt qua/đánh bại tư tưởng của chính mình, có sự kiên nhẫn và không cho phép chúng sinh khởi.

Tình huống này so sánh với trường hợp của đức Phật Thích-Ca-Mâu-Ni ngồi dưới cây Bồ-đề. Vua của các loại quỷ/Quỷ vương bị khốn khổ nên đã gửi ba cô gái "ngọc" của mình đến. Cô đầu tiên tên là "Nhìn thấy là vô cùng hạnh phúc ("Blissful to Behold")." Cô thứ hai tên là "Đem lại khoái lạc cho người khác (Pleasurable to Others)." Cô thứ ba tên là "Dục vọng (Lust)." Họ đến, khỏa thân, rồi phô diễn nhiều kiểu khác nhau, muốn hủy hoại vị Bồ-tát. Vào lúc này tâm của vị Bồ-tát không hề lay động chút nào nên vị ấy đã không thèm để mắt tới họ.

Ba thiếu nữ tự nghĩ : "Tâm của con người không giống nhau. Điều mà họ thích khác nhau trong mỗi trường hợp. Một số thích người trẻ, còn một số lại thích người trung niên. Một số thích người cao và một số lại thích người thấp. Một số thích người da đen còn một số lại thích người da trắng. Có nhiều sở thích khác nhau như thế. Ai cũng có điều mà người đó ưa thích."

Vào lúc này, ba thiếu nữ mỗi người tự hóa mình thành năm trăm cô gái đẹp. Mỗi cô gái được hóa ra đều phô bày nhiều kiểu/tư thế khác nhau khi bọn họ xuất hiện từ trong rừng, như những tia chớp xuất hiện giây lát từ giữa mây đen. Một số nhướng lông mày và chớp mắt hay làm bộ dáng quyến rũ, hay có những cái nhìn sắc sảo. Họ biểu diễn nhiều loại âm nhạc và thể hiện tất cả các cử chỉ quyến rũ/dụ dỗ. Họ đến gần vị Bồ-tát, với thân thể khỏa thân của họ muốn chạm và ấn vào vị Bồ-tát.

Vào lúc đó vị Kim Cang Mật Tích gầm lên và chau mày trố mắt nhìn họ: "Các ngươi nghĩ đây là ai mà các ngươi dám tiến đến quyến rũ để chạm vào và làm phiền Ngài ấy?" Vào lúc đó những vị Kim Cang Mật Tích thốt lên kệ quở trách họ như sau:

Các ngươi không biết số phận của các vị trời
Họ mất đi điều đẹp đẽ và râu họ ngã vàng.

Nước của đại dương trong và đẹp,
Ngày nay đã trở nên hoàn toàn đắng và mặn.

Các ngươi không biết rằng ngày của các ngươi sắp hết.
Tất cả các vị trời cư trú (Vasu) chắc chắn giảm dần
Lửa là gốc cái miệng [thiêu rụi] các cõi trời.
Giờ đây mọi thứ chắc chắn bị thiêu rụi/phá hủy.

Các ngươi không biết những chuyện này.
Thế nên/Do vậy các ngươi dám hủy nhục/thóa mạ bậc thánh giả này.

Vào lúc này những thiếu nữ đột nhiên rút lui một chút và trang sức lộng lẫy và nói với vị Bồ-tát : "Hiện giờ nhiều thiếu nữ này đẹp và trang sức lộng lẫy. Họ có thể phục vụ làm hài lòng ngài. Tại sao ngài chỉ ngồi ngay thẳng ở đó?"

Đức Bồ-tát bảo rằng: "Tất cả các ngươi thì bất tịnh, hôi thối, dơ bẩn và đáng tởm. Hãy đi khỏi đây và chấm dứt kiểu nói năng lừa lọc này." Vào lúc ấy, đức Bồ-tát liền nói kệ :

Thân thể này là bọc dơ bẩn.
Nó là tập hợp của các chất mục nát.
Thật sự là một nhà vệ sinh di động/biết đi
Có cái gì trong đó đủ để làm hài lòng được tâm?

Khi các thiếu nữ nghe kệ này, họ tự nghĩ thầm : "Người đàn ông này không biết những thân thể cõi trời trong sạch của chúng ta nên mới thốt ra kệ như thế."

Rồi họ lập tức biến hóa thân thể họ trở lại hình dáng ban đầu. Họ phát ra ánh sáng lung linh và chiếu khắp khu rừng và tiến hành tấu nhạc cõi trời. Rồi họ bảo đức Bồ-tát : "Bởi vì thân thể của chúng em như thế này, có điểm gì mà chê được ư?"

Đức Bồ-tát liền đáp : "Khi đến lúc tự các ngươi sẽ nhận ra điều trên[36]."
Họ hỏi : "Ý ngài muốn nói gì bằng những lời ấy ạ?"
Ngài đáp bằng kệ sau:

Trong những công viên và rừng cây của các cõi trời,
Và trong những hồ có hoa sen bảy báu,
Các vị trời cùng hưởng thú vui dục lạc
Khi điều đó mất đi, chính các ngươi sẽ nhận ra điều này.

Vào lúc này, các ngươi sẽ quán sát sự vô thường.
Và nhận ra rằng tất cả thú vui của các vị trời đều gắn với sự khổ đau.
Các ngươi nên từ bỏ những thú vui dục vọng
Và trân quý Đạo chân chánh.

Khi các thiếu nữ này đã nghe kệ trên, họ thầm nghĩ rằng: "Người đàn ông có trí tuệ vĩ đại vô cùng. Vị ấy nhận ra điều xấu xa tiềm ẩn ngay cả trong những thú vui thuần túy của các vị trời. Vị ấy không phải là người mà ta có thể cản trở được." Rồi họ lập tức biến mất.

Đức Bồ-tát quán chiếu theo cách này những thú vui liên quan tới ham muốn dục vọng. Ngài ấy có khả năng kiểm soát tâm mình. Sự kiên nhẫn của vị ấy đến mức không bị lay động dù chút xíu nào.

Đam mê cháy bỏng của người đánh cá với nàng công chúa

Một thuở nọ có một nhà vua có một cô công chúa tên là Bông Hoa (Kumuda). Có một người đánh cá tên là Thiện Vô Úy (Śubhakara). Người này đang đi dọc đường khi anh ta nhìn từ xa và trông thấy khuôn mặt của công chúa trong cửa sổ của cung điện[37].

[36] ND: thân thể dơ bẩn, mục nát…
[37] ND: nguyên tác tiếng Anh là "một tòa nhà cao"

Trong sự tưởng tượng của mình, anh ta đã nảy sinh tư tưởng tham luyến mà anh ta không thể từ bỏ dù trông phút chốc. Anh ta trải qua nhiều ngày tháng mà anh ta không thể ăn hay uống đàng hoàng. Mẹ của anh ta hỏi lý do tại sao và anh này tiết lộ tình cảm của mình cho người mẹ nghe: "Con đã nhìn thấy công chúa con của đức vua. Tâm con không thể nào quên được nàng ấy."

Người mẹ giải thích cho con trai mình : "Con là người có địa vị thấp hơn. Công chúa con vua là thành viên cao quý đáng kính. Con không thể có được nàng ấy đâu."

Người con trai thưa : "Tâm con cầu nguyện hạnh phúc này và không thể quên được dù chỉ trong giây lát. Nếu con không thể có được cái mình muốn, thì con không thể sống nổi nữa."

Vì lợi ích của con trai mình, người mẹ đã đi đến cung điện, thường xuyên tặng quà là cá to và thịt ngon mà bà ấy để cho công chúa mà không đòi hỏi bất kỳ thứ gì. Công chúa nghĩ điều này lạ lùng cho nên đã hỏi bà ấy có muốn toại nguyện ước muốn gì không.

Người mẹ thưa với công chúa : "Xin Người hãy cho các cung nữ đi chỗ khác. Con có vấn đề cá nhân cần thưa ạ." [Bà ấy tiếp tục], "Con chỉ có một người con trai. Nó trân quý sự ngưỡng mộ đáng kính đối với công chúa. Tình cảm của nó đã bị kiềm chế đến nỗi khiến nó ngã bệnh. Nó không còn sống được bao lâu nữa. Con xin công chúa hãy hạ mình xót thương nó và ban cho nó cuộc sống trở lại ạ."

Công chúa bảo rằng: "Vào ngày mười lăm của tháng này hãy bảo anh ta đi đến đền thờ của một vị thần và đứng phía sau hình của vị thần ấy."

Người mẹ trở về và bảo người con trai : "Mong ước của con đã được toại nguyện." Rồi bà ấy mô tả chuyện đã xảy ra. Anh ta tắm rửa, mặc quần áo mới, rồi đứng phía sau hình của vị thần.

Khi thời gian đến, công chúa đã thưa với đức vua cha rằng: "Con có điềm không lành xảy ra. Con phải đi đến đền thờ của vị thần và tìm điềm lành và phước lành."

Nhà vua đáp : "Điều đó rất tốt." Rồi lập tức nhà vua cho năm trăm cỗ xe trang hoàng đẹp đẽ để hộ tống công chúa đến đền thờ của vị thần. Khi đã đến đó, công chúa ra lệnh cho tùy tùng của nàng đóng cửa và đợi vì nàng ấy bước vào điện một mình.

Vị thiên thần của ngôi đền đã nghĩ : "Không nên như vậy. Đức vua là lãnh chúa của vương quốc này. Ta không thể cho phép người đàn ông thấp hèn này hủy hoại và sỉ nhục/ô nhục công chúa. Rồi vị thần đọc thần chú lên người anh ta, khiến anh ta rơi vào giấc ngủ sâu không thể tỉnh/thức giấc. Sau khi bước vào, công chúa trông thấy anh ta đang ngủ. Cô ấy lay người anh ta rất mạnh nhưng anh ta không tỉnh dậy. Khi ấy nàng bèn để lại cho anh ta một dây chuyền/vòng cổ đáng giá một trăm nghìn lạng đôi vàng/5.670 kg[38] rồi bỏ đi.

Sau khi nàng ấy đi khỏi, thì người đàn ông này có khả năng tỉnh dậy và nhìn thấy chiếc vòng cổ. Rồi anh ta hỏi một người trong đám đông. Anh ta khi ấy biết rằng công chúa đã đến. Bởi vì anh ta không thể theo đuổi sự mê đắm của mình, nên anh ta trở nên khổ sở, đầy hối hận và bị đau buồn quật ngã. Ngọn lửa dục vọng nung nấu/bùng cháy trong lòng anh ta. Anh ta bị nó thiêu đốt nên đã chết.

[38] ND: lạng đôi/double –ounce tương đương 56.7 gr.

Vị thánh[39] tu tập nhẫn nhục

Lời tựa của ngài Long Thọ

Làm thế nào người ta thành công trong việc nhẫn nhục giữa những người đáng ghét và dằn vặt/ hành hạ người khác? Người đó nên cân nhắc rằng: "Tất cả hữu tình có nhân và duyên gắn với sự phạm giới/phạm tội do đó thay phiên tấn công và hãm hại lẫn nhau. Cách mà tôi chịu sự hành hạ cũng do nhân và duyên từ những hành động của chính tôi trong những đời trước."

"Mặc dù đây không phải là điều mà ta phạm trong đời này, nó là quả báo cho việc ác/xấu đã phạm trong đời trước. Tôi đang trả quả.Tôi nên vui vẻ chấp nhận nó. Điều này cũng như những trường hợp mắc nợ. Khi người chủ nợ yêu cầu, người đó phải hoàn trả lại một cách vui vẻ. Người đó không thể thật sự giận giữ vì điều này.

Hơn nữa, hành giả thường thực hành lòng từ mặc dù có sự dằn vặt và hỗn loạn áp đặt lên mình, vị ấy chắc chắn có khả năng nhẫn nhục và chịu đựng được nó.

Câu chuyện: Vị thánh giả tu tập nhẫn nhục

Điều này được mô tả bởi vị thánh giả mà thực hành nhẫn nhục/sằn-đề. Vị ấy trú ở khu rừng lớn nơi vị ấy tu tập nhẫn nhục và thực hành sự tử tế. Vào lúc đó vua Ca-lị (Kali) mang theo các cung nữ đi cùng khi ông ấy đi dạo và vui đùa. Sau khi đã dùng xong bữa ăn, nhà vua liền ngủ một lúc.

Các cung nữ đi dạo giữa các cây và hoa rồi trông thấy vị thánh giả. Họ đảnh lễ ngài ấy rồi đứng sang một bên. Vào lúc đó, vì lợi ích cho các cung nữ, vị ấy khen ngợi sự tử tế và sự nhẫn nhục. Lời giảng của vị ấy hay và tuyệt vời đến nỗi những người nghe không thể thấy đủ/muốn nghe thêm. Họ đã ở lại một thời gian dài và không rời đi.

Vua Ca-lị đã thức dậy và không nhìn thấy các cung nữ của mình nên đã cầm kiếm và đi theo phía sau để bắt kịp họ. Ông ấy nhìn thấy họ đứng trước vị thánh giả. Ông ấy

[39] ND: nguyên tác tiếng Anh là *rishi*: thánh giả/tiên nhân/ẩn sĩ bên đạo Ấn Độ.

trở nên ngập đầy sự kiêu ngạo và ghen tuông. Tràn đầy sự thù ghét, ông ta đã vung kiếm và hỏi vị thánh giả : "Này ngươi đang làm gì vậy?!"

Vị thánh giả đáp rằng: "Tôi trú ngụ ở đây tu tập sự nhẫn nhục và thực hành sự tử tế."

Nhà vua nói rằng: "Bây giờ ta sẽ kiểm tra nhà ngươi. Ta sẽ lấy lưỡi kiếm bén và cắt các lỗ tai và mũi của ngươi. Ta sẽ chặt tay chân ngươi. Nếu ngươi không giận dữ, thì chúng ta sẽ biết rằng ngươi tu tập nhẫn nhục."

Vị thánh giả bảo: "Bệ-hạ cứ tùy ý."

Nhà vua lập tức rút kiếm ra, cắt lỗ tai và mũi, rồi chặt tay và chân của vị ấy. Sau đó, nhà vua hỏi rằng: "Tâm ngươi có lay động không?"

Vị thánh giả trả lời: "Tôi tu tập lòng từ và bi. Tâm tôi không động lay."

Nhà vua nói: "Ngươi chỉ là một người duy nhất ở đây. Ngươi không có quyền lực trong trường hợp này. Mặc dù ngươi tuyên bố là mình không lay động, ai có thể tin lời ngươi nói?"

Vị thánh giả liền lập lời thệ: "Nếu tôi thật sự tu tập lòng từ và sự nhẫn nhục, thì máu phải biến thành sữa." Máu lập tức biến thành sữa.

Nhà vua vừa sợ hãi vừa vui mừng. Rồi ông ấy bỏ đi, dắt theo các cung nữ với mình. Vì hành động này của nhà vua đối với vị thánh giả, các con rồng và các vị thần của khu rừng liền làm một cơn bão thảm khốc với sấm sét. Nhà vua bị cơn bão làm trọng thương, trôi chìm, không thể trở lại cung điện.

Vì vậy nên người ta nói rằng một người có khả năng thực hành sự nhẫn nhục ngay cả trong khi chịu sự hành hạ và hỗn loạn.

Các vị tu sĩ tranh chấp ở Câu-thiểm-di (Kauśāmbī)

Lời tựa của ngài Long Thọ

Lại nữa, người bị ganh ghét làm chủ/ám ảnh, giống như một con cọp hay con sói, khó ở cùng với người khác. Người đó cũng như vết thương có mủ sẵn sàng chảy mủ và dễ dàng thối rữa. Người đầy lòng ganh ghét giống như con rắn cực độc. Người ta không vui khi gặp anh ta. Tâm ác độc của người này tích chứa sự thù ghét ngày càng lớn đến nỗi anh ta cuối cùng làm điều mà một con người không thể làm, là giết cả cha mình, giết cả người trị vì/quốc vương của mình, và thậm chí có các ý tưởng độc ác đối với đức Phật.

Câu chuyện: Những tu sĩ tranh chấp ở Kauśāmbī

Ý tưởng này được minh họa rõ trong trường hợp của các vị tỳ khưu ở vương quốc Câu-thiểm-di (Kauśāmbī). Vì những lý do tương đối nhỏ nhặt, những ý nghĩ thù ghét của họ đối với nhau trở nên nghiêm trọng đến nỗi họ phân chia thành hai phe phái. Nếu họ đã muốn phá vỡ quan hệ, họ thường phải đợi đến cuối ba tháng an cư. Họ không thể dừng nghĩ đến những khác biệt của họ. Đức Phật cuối cùng đã đến và giữa Hội chúng, giơ cánh tay có bánh xe để họ yên lặng. Rồi ngài bảo họ rằng:

Tất cả các thầy tỳ khưu
Đừng phát sinh tranh chấp như thế.
Khi những ý nghĩ xấu xa tiếp tục,
Quả báo đắng trở nên vô cùng nặng nề/nghiêm trọng.

Các thầy đang mong ước đạt niết-bàn
Đã vứt bỏ và từ bỏ những lợi lộc thế gian.
Khi an trú trong pháp thiện lành,
Làm sao các thầy lại quá thù ghét và đầy tranh chấp?

Khi người thế tục trở nên giận dữ và tranh chấp,
Đây là điều người ta có thể bỏ qua/tha thứ.
Nhưng với người xuất gia/người rời bỏ đời sống gia đình,
Làm thế nào họ lại tranh chấp và đấu tranh?

Khi trong tâm của người mà đã xuất gia,
Người đó trân quý sự độc ác, thì điều này mang đến
sự tai hại cho chính người đó.
Nó như thể từ một đám mây mát mẻ
Sét đánh nên đốt cháy thân thể.

Các vị tỳ khưu thưa với đức Phật rằng: "Đức Thế Tôn là vua Pháp. Nhưng xin hãy yên lặng một chút. Nhóm này công kích chúng con. Chúng con phải đáp trả/trả miếng."

Nhưng đức Phật đã nghĩ rằng: "Người ta không thể hóa độ những người này." Từ giữa nhóm những vị tu sĩ này, đức Phật bay lên không rồi biến mất. Ngài đi đến khu rừng nơi ngài nhập thiền.

Theo cách này, tội thù ghét ở mức cực đoan đến mức không chấp nhận lời dạy của đức Phật. Vì lý do này mà người ta nên từ bỏ sự ganh ghét và tu tập sự nhẫn nhục.

Hơn nữa, khi người ta có khả năng tu tập nhẫn nhục, thì dễ đạt được lòng từ và lòng bi. Nếu một người đạt được lòng từ và lòng bi, người ấy thành công trong việc đắc quả vị Phật.

Vua Quỷ/Quỷ vương chất vấn đức Phật

Lời tựa của ngài Long Thọ

Hỏi: Làm thế nào một người có khả năng nhẫn nhục với các pháp trong tâm mình?

Đáp: Vị Bồ-tát quán chiếu: "Mặc dù tôi chưa đắc đạo và chưa cắt dứt được những kết sử, nếu tôi không nhẫn nhục, thì tôi không khác chi một người thường và không phải là một vị Bồ-tát."

Vị Bồ-tát lại tự cân nhắc rằng: "Nếu tôi đắc đạo và chấm dứt được những kết sử, thì không còn pháp nào mà một người phải nhẫn nhục. Hơn nữa, đói, khát, lạnh, nóng là những kẻ thù ma quỷ bên ngoài. Những phiền não kết sử chính là những ma quỷ bên trong (nội ma). Tôi nên phá vỡ hai loại ma này để đắc quả vị Phật. Nếu không làm như vậy, thì không hoàn thành/toàn vẹn được con đường thành Phật."

Câu chuyện: Quỷ vương chất vấn đức Phật

Đây là câu chuyện do đức Phật kể lại khi ngài đang tu khổ hạnh trong sáu năm. Quỷ vương/Ma vương đã đến và bảo rằng: "Này, người quý tộc dòng Sát-đế lợi, trong một nghìn phần của cuộc đời anh, anh chỉ còn có một phần để sống. Hãy nhanh lên, đứng dậy và hãy trở về quê hương của anh, thực hành bố thí và tu phước. Anh sẽ có khả năng đạt được phước quả giữa các cõi trời và loài người trong đời này và các đời sau. Thật không thể chấp nhận được việc anh vô ích để chính mình cực kỳ khốn khổ. Nếu anh không chịu nghe theo những lời này mà tiếp tục sự hoang mang này rồi không thể đứng dậy, thì ta sẽ dẫn một đội quân hùng hậu đến tấn công và tiêu diệt anh."

Vị Bồ-tát đáp : "Bây giờ tôi sẽ phá tan ngay cả đội quân bên trong cực kỳ hùng mạnh của anh, thì đội quân bên ngoài của anh có hề chi/sá gì?

Ma vương bèn nói: "Điều gì tạo ra đội quân bên trong của tôi?"

Vị ấy đáp rằng:

Tham dục là đầu tiên trong các đội quân của anh.

Lo lắng là thứ hai.

Thứ ba là đói và khát.
Thứ tư là tham ái.
Thứ năm là buồn ngủ.
Thứ sáu là sợ hãi.
Thứ bảy là hoài nghi và hối hận.
Thù ghét và giận dữ là thứ tám.
Thứ chín là lợi dưỡng và tiếng tăm suông/trống rỗng.
Nâng/Khen mình và hạ thấp người khác là thứ mười.
Đó là đoàn quân đánh bại những người xuất gia.

Ta sử dụng sức mạnh của thiền định và trí tuệ
Để phá tan những đội quân này của anh và
Sau khi hoàn thành quả vị Phật,
Dẫn mọi người đến bờ giải thoát.

Mặc dù vị Bồ-tát chưa có khả năng phá tan tất cả những đội quân này, vị ấy mặc áo giáp nhẫn nhục, lấy kiếm trí tuệ, cầm khiên thiền định và làm chệch hướng những mũi tên phiền não. Đó là điều có nghĩa là sự nhẫn nhục bên trong.

Vị Tỳ khưu mất kiên nhẫn với mười bốn điều không thể đánh giá/đo lường

Lời tựa của ngài Long Thọ

Lại nữa, liên quan đến các pháp không được trả lời gắn với mười bốn câu hỏi khó như là thường, vô thường, vân vân; vị ấy không khó khăn khi thẩm xét chúng nhưng vẫn không làm mất con đường Trung Đạo. Khi người ta có khả năng nhẫn nhục với các pháp này, điều đó tạo thành sự nhẫn nhục liên quan đến các pháp.

Câu chuyện vị tỳ khưu mất kiên nhẫn/nóng vội với mười bốn điều không thể đo lường/đánh giá

Một trường hợp có liên quan là của vị tỳ khưu đã quán chiếu và thẩm sát mười bốn câu hỏi khó khăn này, nhận ra rằng vị ấy không có khả năng hiểu thấu được chúng[40] đến nỗi tâm trí vị này không thể chịu đựng được. Vị ấy cầm y và bát đi đến chỗ đức Phật và thưa với Ngài : "Nếu đức Thế Tôn có khả năng giải thích mười bốn câu hỏi khó này cho con để trí con hoàn toàn hiểu được chúng, thì con sẽ tiếp tục là đệ tử của Ngài. Nếu đức Thế Tôn không thể giải thích chúng, thì con sẽ tìm con đường đạo khác."

Đức Phật liền bảo vị tỳ khưu ấy : "Này kẻ ngu kia. Có phải anh đang ra đưa ra tối hậu thư là chỉ khi Ta trả lời mười bốn câu hỏi khó đó thì anh mới tiếp tục là đệ tử của Ta không?"

Vị tỳ khưu đáp : "Thưa không ạ."

Đức Phật liền bảo : "Này kẻ ngu kia. Vậy tại sao bây giờ anh nói rằng "Nếu đức Thế Tôn không trả lời cho con, con sẽ không còn là đệ tử nữa? Ta thuyết Pháp để cứu và giải thoát những người bị tùy thuộc vào già, bệnh và cái chết. Mười bốn câu hỏi khó này là các pháp gây tranh chấp. Chúng không có lợi ích gì cho Giáo Pháp. Chúng chỉ là những phép biện chứng vớ vẩn. Vậy có ích chi khi tìm hiểu chúng? Nếu Ta trả lời vì lợi ích của anh, tâm anh sẽ không hiểu được hoàn toàn. Khi anh lâm chung anh

[40] ND: nguyên tác tiếng Anh là "break through":thành công trong lãnh vực nào đó.

sẽ vẫn không có khả năng hiểu và không có khả năng đạt giải thoát khỏi sanh, già, bệnh và cái chết."

"Điều này giống như một người đã bị trúng một mũi tên tẩm độc. Bà con của anh ta gọi một vị bác sĩ chuẩn bị rút mũi tên ra cho anh ta rồi thoa thuốc lên. Nhưng khi đó người này lại nói : "Bác sĩ chưa thể rút mũi tên ra. Trước hết tôi cần biết tên họ của bác sĩ, bác sĩ đến từ làng nào cũng như tuổi của cha và mẹ của bác sĩ. Tiếp theo, tôi muốn biết mũi tên này đến từ núi nào, nó được làm từ loại cây gì, nó được gắn loại lông nào, ai là người làm đầu mũi tên và nó được đúc từ kim loại nào. Tôi cũng muốn biết mũi tên từ loại gỗ nào và cung tên được làm từ núi nào cũng như cung tên được làm từ loại gỗ nào và làm ra từ núi nào cũng như sừng của loại động vật nào. Ngoài ra tôi còn muốn biết mũi tên được làm ra ở đâu và loại nào. Sau khi tôi đã hoàn toàn hiểu hết tất cả những chuyện như thế, tôi sẽ cho phép anh rút mũi tên và thoa thuốc."

Đức Phật bèn hỏi vị tỳ khưu rằng: "Có thể nào người đàn ông này biết được tất cả nhiều chuyện như vậy rồi sau đó mới rút mũi tên ra hay không?"

Vị tỳ khưu thưa : "Anh ta sẽ không thể nào biết được chúng. Nếu anh ta đợi để hiểu hết điều này thì anh ta đã chết mất rồi."

Đức Phật bảo : "Anh cũng giống như vậy. Anh ta bị bắn trúng mũi tên tà kiến tẩm với thuốc độc tình thương và mũi tên đã thấm vào tim anh. Chỉ vì muốn rút bỏ mũi tên này ra mà anh đã trở thành đệ tử của Ta, tuy nhiên bây giờ, anh không muốn rút mũi tên ra, mà lại muốn tìm ra toàn bộ liệu thế giới là vĩnh cữu hay không thường hằng, hữu biên hay vô biên và vân vân. Trước khi anh có thể tìm hiểu ra những điều này thì anh đã mất đi tuệ mạng và sẽ chết theo cách giống như những con thú. Do đó, anh tự ném mình/nộp mình vào sự tối tăm."

Vị tỳ khưu đã cảm thấy hổ thẹn, hiểu sâu sắc lời dạy của đức Phật, rồi lập tức đắc quả A-la-hán.

Kết luận: Vị Bồ-tát vượt trên mười bốn điều không thể suy lường

Hơn nữa, vị Bồ-tát muốn trở thành một người đạt sự toàn giác/nhất thiết trí. Vị ấy nên thẩm sát tất cả mọi pháp và hiểu bản chất thật của chúng. Vị ấy không nên bị mười bốn điều khó suy lường cản trở hay bị ngăn ngại và nên biết rằng chúng là bệnh nặng của tâm trí. Khi vị ấy có khả năng vượt qua chúng và có khả năng chịu đựng được chúng, điều này tạo thành sự nhẫn nhục liên quan đến các pháp.

Phần Bốn

Những câu chuyện của ngài Long Thọ về Tinh Tấn

Đức Phật tuyên thuyết về sức mạnh của Tinh tấn

Lại nữa, chẳng hạn như, khi ngài A-nan-đà đang thuyết giảng về thất giác chi/bảy bồ đề phần (*bodhyaṅga)* vì lợi ích cho các thầy Tỳ khưu, vị ấy đang giảng đến chi phần "Tinh tấn" khi đức Phật khi ấy hỏi ngài A-nan-đà : "Có phải thầy đang giảng chi/bồ đề phần Tinh tấn không?

Ngài A-nan-đà thưa : "Thưa đức Thế Tôn, con đang giải thích chi Tinh tấn ạ."

Và việc thuyết giảng tiếp tục với ba câu hỏi và ba câu trả lời như vậy, trong khi đức Phật đứng dậy từ chỗ Ngài đang ngồi rồi bảo ngài A-nan-đà rằng: "Nếu một người có khả năng trân trọng và vui thích trong việc tu tập sự tinh tấn, thì không có nổ lực nào mà vị đó không thành công. Vị đó sẽ thành công trong việc đắc quả vị Phật, những nổ lực của vị ấy không có vô ích đâu."

Căn cứ trên những nhân và duyên như trên, người ta quán chiếu những lợi ích của tinh tấn và thành công trong việc làm nó tăng lên.

Kết luận việc bàn về bản chất và những khía cạnh của Tinh tấn

Đức Phật đôi khi nhắc đến loại tinh tấn này là "sự sốt sắng/nhiệt tâm (*chanda*), thi thoảng lại gọi là "tinh tấn"(*vīrya)* và đôi khi gọi là "không thờ ơ/không phóng dật" (*apramāda*). Điều này được minh họa bằng trường hợp của một người sắp đi du hành xa. Lúc đầu khi người đó muốn rời đi, đây là "sự nhiệt tâm". Sau khi đã bắt đầu cuộc hành trình, người đó không dừng nghỉ, điều này tạo thành "sự tinh tấn". Khi người đó có khả năng khuyến khích/sách tấn chính mình và không cho phép những nổ lực của cuộc hành trình bị trì hoãn, đây gọi là "không phóng dật."

Từ điều này, người ta có thể biết rằng sự nhiệt tâm sinh khởi sự tinh tấn. Bởi vì đã có sự tinh tấn, người đó không phóng dật. Bởi vì người ấy không phóng dật, người ấy có khả năng sinh khởi tất cả các pháp kể cả đắc quả vị Phật.

Lại nữa, vị Bồ-tát muốn giải thoát khỏi sanh, già, bệnh và chết trong khi cũng mong muốn đưa hữu tình đến giải thoát thì nên thường tinh tấn và nhất tâm trong sự không phóng dật. Vị đó giống như người đàn ông có khả năng mang một bát dầu đi qua đám

đông [mà không làm tràn giọt dầu nào]. Bởi vì vị ấy có khả năng nhất tâm và không phóng dật, vị ấy đạt được tiếng tăm và lợi ích vĩ đại.

Điều này cũng như khi đang đi trên một lộ trình cực kỳ dốc và khó khăn: Liệu một người sử dụng dây treo hay cưỡi con dê núi trên tất cả những lộ trình xấu như thế, nhờ việc nhất tâm và không phóng dật mà người ấy thành công trong việc giữ gìn sự an toàn thân thể trong khi có khả năng đạt được tiếng tăm và lợi ích lớn/vĩ đại ngay trong đời này.

Tinh tấn được sử dụng trong việc tìm kiếm Đạo cũng giống như vậy. Nếu một người nhất tâm và không phóng dật, người ấy đạt được mọi thứ mà vị ấy mong muốn.

Một vị tu sĩ lười biếng khám phá giá trị của sự tinh tấn

Lời tựa của ngài Long Thọ: Về giá trị của sự tinh tấn

Lại nữa, cũng như nước đang chảy có thể xuyên thủng một tảng đá lớn, thì tâm không phóng dật cũng thế. Nếu ai tập trung tu tập các phương tiện khéo mà người đó thường xuyên tiến lên phía trước và không dừng lại, thì vị ấy có khả năng đập tan núi phiền não và kết sử.

Lại nữa, vị Bồ-tát có ba sự phân tích như vầy: "Nếu tôi không làm điều này, tôi sẽ không đạt được phần thưởng là quả báo. Nếu chính tôi không làm việc này, thì điều đó không từ người khác mà đến/có được. Nếu tôi hoàn thành việc này, thì nó sẽ không bao giờ bị mất." Khi một người quán chiếu theo cách này, thì vị ấy chắc chắn sẽ trở nên tinh tấn và, vì lợi ích của con đường thành Phật, vị ấy sẽ siêng năng tu tập, sẽ tập trung và quan tâm đến chi tiết, và sẽ tránh rơi vào sự phóng dật.

Câu chuyện: Một vị tu sĩ lười biếng khám phá ra giá trị của sự tinh tấn

Điều này được minh họa bằng trường hợp của một vị cư trú ở một A-lan-nhã nhỏ mà ngồi một mình thiền định trong rừng và trở nên lười biếng. Có một vị thần trong rừng đã từng là đệ tử của đức Phật đã nhập vào một bộ xương của một xác chết và hiện hình hát và nhảy múa rồi thốt ra kệ sau:

Này tỳ khưu nhỏ bé trong rừng,
Tại sao anh lại trở nên lười biếng và phóng dật?
Nếu khi ta đến ban ngày, mà anh không sợ ta,
Thì ta sẽ hiện hình như vầy vào ban đêm.

Vị tỳ khưu này bị sốc và sợ hãi, ngồi lại chỗ của mình rồi tiếp tục quán chiếu nội tâm. Đến giữa tối vị này đi ngủ lại. Vị thần lại xuất hiện với mười cái đầu, mỗi cái đều phun lửa. Vị thần quở trách, theo sau, rồi nắm lấy vị tỳ khưu lười này rồi bảo :

"Anh không nên lười nhác ở nơi này! Tại sao anh lại như vầy?"

Vị tỳ khưu đầy sợ hãi và ngay lập tức bắt đầu quán chiếu lại. Vị ấy trở nên tập trung và chính xác trong sự chánh niệm về Pháp, do đó đã đắc quả A-la-hán.

Kết luận bàn về bản chất và giá trị của Tinh tấn

Đây là câu chuyện/điều mà bắt buộc chính mình trở nên tinh tấn. Qua sức mạnh của không phóng dật người đó có khả năng đắc quả vị. Hơn nữa, trong sự thực hành tinh tấn, người đó không trân quý thân thể của chính mình mà lại trân quý phần thưởng đắc quả vị. Người đó thường xuyên tinh cần và tinh tấn trong bốn oai nghi là ngồi, nằm, đi và đứng. Một người thà mất chính thân mạng mình hơn là làm giảm đi chất lượng của nghiệp gắn với con đường tu đạo của người đó.

Điều này tương tợ như một đống lửa cháy không kiểm soát được và một người ném một cái bình đầy nước vào đống lửa. Người đó chỉ tâm niệm ý tưởng dập tắt lửa cho nên không còn trân quý/luyến tiếc cái bình nữa. Nguyên tắc này được minh họa bằng kệ do vị thánh giả hướng dẫn/dạy đệ tử của mình như sau:

Tâm mà cương quyết thì được trải nghiệm niềm vui.
Giống như có được những phần thưởng lớn.
Hay khi cuối cùng đạt được điều đã ước mong.
Đó là khi người đó nhận ra đây là điều tuyệt vời nhất.

Tập trung vào tất cả các loại lý do như vầy, người ta quán chiếu những lợi ích của tinh tấn và có khả năng khiến sự tinh tấn của người đó tăng trưởng và được nâng cao về giá trị.

Tiền kiếp của đức Phật là một người hướng dẫn rất tinh tấn/tinh tấn mãnh liệt

Lời tựa của Ngài Long Thọ: Về năm đặc điểm của sự Tinh Tấn

Hỏi: Những gì là đặc điểm của tinh tấn?

Đáp: Liên quan đến các nổ lực, người có thái độ rằng người đó chắc chắn có khả năng thành công. Khi nổ lực, vị đó không thấy khó khăn gì. Quyết tâm và ý định của người đó vững chắc và mạnh mẽ. Tâm của vị ấy không mệt mỏi. Nếu đã tham gia làm gì thì làm cho đến cùng/khi hoàn tất. Năm yếu tố này tạo thành đặc điểm của sự tinh tấn.

Lại nữa, theo lời đức Phật dạy, các dấu hiệu/đặc điểm của tinh tấn là thân và tâm không dừng nghỉ.

Câu chuyện: Tiền kiếp của đức Phật là người hướng dẫn rất tinh tấn

Câu chuyện này được đức Phật Thích-Ca-Mâu-Ni minh họa trong một kiếp trước khi ngài ấy là trưởng nhóm lái buôn/thương nhân. Vị ấy đã dẫn các lái buôn đến một nơi khó khăn và rất cao và dốc. Có một con ma dạ xoa ở đó cản đường họ bằng tay của mình, bảo rằng: "Các ngươi phải dừng lại. Đừng di chuyển. Ta không cho phép các ngươi đi."

Trưởng nhóm lái buôn liền đánh nó bằng cú đấm phải của mình. Cú đấm lập tức dính ngay tới con ma đến nỗi vị ấy không thể kéo nó ra. Rồi vị ấy đánh nó với cú đấm tay trái và cũng không thể rút tay lại. Vị đó đá nó bằng chân phải và nó cũng dính chặt luôn. Rồi vị đó đá nó bằng chân trái, chuyện giống vậy đã xảy ra. Vị ấy đã dùng cái đầu mình để húc nó, rồi cũng lập tức bị dính cũng giống vậy.

Con ma liền hỏi rằng: "Bây giờ ngươi bị dính như vầy, ngươi muốn làm gì/đề nghị làm gì đây? Tâm trí của ngươi đã từ bỏ hay chưa?"

Vị ấy đáp: "Mặc dù Ta tiếp tục kẹt trong năm cách này, tâm ta không bao giờ bị ngươi bắt buộc dừng lại. Ta sẽ dùng sức mạnh của sự tinh tấn để đánh lại ngươi. Ta quyết không thối lui."

Vào lúc đó con ma thấy mừng nên nghĩ : "Người này thật sự can đảm." Rồi con ma bảo người đàn ông đó rằng: "Sức mạnh tinh tấn của anh thật bao la. Anh chắc chắn không từ bỏ. Ta sẽ thả anh và cho phép anh rời khỏi."

Lời bàn kết luận về đặc điểm của Tinh tấn

Hành giả cũng giống như trên. Liên quan đến các pháp thiện, ở phần đầu, giữa và cuối mỗi đêm vị ấy tụng kinh, ngồi thiền và tìm cách [giác ngộ] bản chất thật của các pháp. Vị ấy không bị kết sử che phủ nên vị ấy không lười biếng về thân hay tâm. Đây là những đặc điểm của Tinh tấn.

Quá khứ của đức Phật là vua của bầy nai

Lời giới thiệu của ngài Long Thọ

Lại nữa, khi liên quan đến tất cả các pháp, người đó có khả năng thành tựu viên mãn chúng trong khi không làm khổ thân hay mạng sống của mình, điều này tạo nên sự tinh tấn về thân thể. Trong khi tìm cách phát triển tất cả các loại thiền định và trí tuệ, tâm của người đó thoát khỏi sự dễ duôi/đắm mình với bất kỳ sự lười biếng hay uể oải nào. Điều này tạo thành sự tinh tấn về phần tâm.

Câu chuyện: Đời quá khứ của đức Phật là vua của bầy nai

Hơn nữa, về phần tinh tấn của thân thể, người đó lãnh nhận tất cả loại khổ cực bằng sự tinh cần mà không bao giờ đầu hàng/khuất phục sự lười biếng hay giảm sút những nổ lực của mình. Điều này được kể [trong chuyện tiền thân của] Phạm Đức (Brahmadatta), vị vua của bang Ba-la-nại (Vārāṇasī). Nhà vua đang đi dạo và săn bắn trong rừng hoang khi vị ấy trông thấy hai bầy nai/hưu. Mỗi bầy có một vị vua và mỗi bầy có 500 con nai.

Một trong những vị vua [bầy nai] có nước da giống như bảy loại ngọc. Đây là đức Bồ-tát Thích-Ca-Mâu-Ni. Một vị vua [của bầy nai] là Đề-bà-đạt-đa. Vị Bồ-tát là vua của bầy nai đã quan sát nhiều người tùy tùng của vua loài người giết gia tộc của mình, phát sinh tâm từ bi vĩ đại/đại bi, rồi đi trực tiếp đến trước đức vua.

Người của vua tìm cách bắn vua nai [khi nó đến gần hơn]. Những mũi tên bay như mưa. Sau khi nhà vua trông thấy con nai này tiến về trước mình mà không sợ hãi, vị này liền ra lệnh cho tất cả tùy tùng của mình :

"Hãy dừng ngay cung và tên của các người. Đừng ngăn cản ý định của vị này tiến tới."

Khi vua của bầy nai đã đến, vị này quỳ và thưa với đức vua của loài người rằng: "Chỉ vì đức ngài muốn thú vui nhỏ không kiềm chế trong việc săn bắn, mà [toàn bộ] bầy nai lập tức trở nên bị chịu đau khổ của cái chết. Thay vì thế, nếu như chúng tôi thường tự

dâng mình cho bữa ăn của vua, theo thứ tự, mỗi ngày dâng cúng một con nai cho nhà bếp của đức vua thì thế nào ạ?" Nhà vua đồng ý và cho phép như vua nai đã tính.

Lúc này hai vua của bầy nai triệu tập cuộc họp lớn để quyết định thứ tự mà chúng sẽ bị gửi đến chỗ vua người. Mỗi vị vua loài nai chịu trách nhiệm đảm bảo rằng một con trong bầy của họ sẽ được gửi đi hằng ngày theo đúng thứ tự.

Trong đàn nai của Đề-bà-đạt-đa vào lúc đó có một con nai cái đang mang thai một nai con, nên đã đến và thưa với vua mình rằng :

"Hôm nay bản thân tôi nên bị cử đi để chết. Tuy nhiên, tôi đang mang thai nai con. Chưa đến lượt nai con phải đi. Tôi xin ngài tính toán lại theo cách mà bất cứ ai theo đúng thứ tự chết trong khi vẫn ngăn được trẻ chưa sinh ra bị liên quan."

Vua của bầy nai đó trở nên tức giận với nai cái nên bảo rằng: "Ai không quý mạng sống của chính mình? Khi đến thứ tự đi, thì người đó cứ đi. Tại sao có thể rút lui khỏi việc đó?"

Người mẹ của con nai đã nghĩ rằng : "Vua của mình không nhân ái. Ông ta không thể hiện sự đồng cảm theo nguyên tắc. Ông ta không ủng hộ việc rút lui của mình và đột nhiên nổi trận lôi đình. Ông ta không xứng đáng lắng nghe tất cả sự thật và quyết định trường hợp của mình." Rồi người mẹ nai lập tức đến chỗ vị Bồ-tát là vua nai và thổ lộ/trút hết bầu tâm sự của mình.

Vị vua [nai] bèn hỏi nai mẹ rằng: "Vậy vua của cô nói sao?"

Nai mẹ bèn thưa rằng: "Vua của con không nhân ái ạ. Ông ta thấy không phù hợp với việc linh động giải quyết vấn đề này theo đạo đức[41] mà lại nổi trận lôi đình với con ạ. Bởi vì lòng nhân ái của đại vương trải rộng đến mọi người, nên con đến đây để xin nương tựa. Mặc dù trời và đất bao la, hôm nay những ai như con không có chỗ để trình bày trường hợp của mình."

Vị bồ-tát [nai] đã nghĩ là : "Đây là điều vô cùng đáng thương. Nếu ta không sắp xếp/giải quyết[42] cho chuyện này, thì sẽ có sự tàn sát phi đạo đức cho nai con. Nếu như

[41] ND: nguyên tác tiếng Anh: "He has not seen fit to apply his imagination to managing this matter" : Ông ta không thấy thích hợp để dùng trí tưởng tượng của mình giải quyết chuyện này."

[42] ND: nguyên tác tiếng Anh là "bring order to" (thiết lập lại sự vận hành theo thứ tự)

không theo trình tự và có sự thay đổi trong thứ tự [chết] thì sẽ rơi vào người chưa đến lượt, làm sao có thể cử người đó đi? Chỉ có ta là thích hợp thay thế cho nai mẹ." Khi đã quyết định việc cân nhắc chuyện này, vị ấy lập tức chính mình đi, gửi nai mẹ trở lại [bầy] của mình, bảo rằng: "Ta sẽ đi thay thế cho cô. Cô không phải lo lắng gì."

Vua nai lập tức đi đến cổng của đức vua. Khi nhóm người ở đó trông thấy vị ấy họ đều sửng sốt rằng chính vị ấy đến nên đã thưa trình vấn đề này với nhà vua. Nhà vua, cũng sửng sốt về chuyện này nên đã ra lệnh mang vị ấy đến. Rồi vua hỏi rằng: "Có phải tất cả nai hết rồi phải không? Tại sao chính anh lại đến đây?"

Vua nai nói : "Sự nhân ái của đại vương bao trùm toàn bộ bầy nai. Không có ai giữa loài người vi phạm điều này. Chỉ có sự phát triển mạnh thêm thôi. Làm sao có lúc mà chúng lại đến hồi kết thúc?"

"Tôi đã đến đây bởi vì có một con nai cái đang mang thai nai con trong một đàn nai khác. Vì nai con sắp sửa được sinh ra, khi nai cái này bị chết thì nai con cũng sẽ phải chịu chung số phận. Nai cái đến nương tựa tôi, kể tôi nghe cảnh ngộ của cô ấy. Vì điều này mà tôi xót thương cô ấy."

"Tôi cũng không thể cho phép thay đổi trình tự mà rơi vào người chưa đến lượt đi. Nếu cô ấy đã nương tựa tôi và tôi không thể cứu [nai con] của cô ấy, thì tôi không khác chi một cái cây hay một cục đá. Thân thể này cũng không chịu đựng được lâu [trong bất kỳ trường hợp nào]. Chắc chắn là ai cũng không thể tránh khỏi cái chết."

"Phát sinh lòng từ và cứu người khỏi khổ đau và bất hạnh sẽ tạo ra công đức vô lượng. Nếu một người không có lòng từ, thì người đó không khác gì một con cọp hay một con chó sói."

Khi đức vua đã nghe những lời này, vị ấy liền đứng lên từ ngai vàng rồi thốt kệ sau:

Thực ra chính tôi là con thú
mà người ta có thể gọi là nai
với cái đầu của một con người.
Mặc dù anh có thân thể của một con nai

Anh có thể được gọi là
người có cái đầu của một con nai.

Nếu nói về điều đó theo nguyên tắc,
Thì không phải do hình dáng
của ai đó mà vị ấy là con người.
Nếu ai có tình thương và sự độ lượng/hào phóng
Mặc dù vị ấy có thể là một con thú,
nhưng thật sự vị ấy là một con người.

Bắt đầu từ ngay hôm nay, về phần tôi,
Tôi sẽ không ăn bất kỳ loại thịt nào nữa.
Tôi sẽ ban món quà là sự vô úy/không sợ hãi.
Để khiến cho tâm của anh được an bình.

Vị nai đó đạt được sự an bình và nhà vua đạt được lòng nhân ái và sự đáng tin cậy.

Sự hy sinh vĩ đại của vị Phạm Chí vì Tình yêu với Giáo pháp

Lại nữa, điều này được minh họa qua trường hợp của vị Phạm Chí được gọi là "Người yêu giáo pháp." Trong mười hai năm, vị ấy đã đi khắp nơi ở Nam-diêm-phù-đề tìm kiếm kiến thức về Giáo Pháp của các bậc Thánh nhưng vẫn không thể tìm thấy nó. Vào lúc đó không có đức Phật nào trên thế giới. Giáo Pháp của đức Phật cũng đã biến mất. Có một vị Bà-la-môn bèn bảo rằng : "Tôi có một vần kệ của Giáo Pháp của các bậc Thánh. Nếu anh thật sự là người yêu quý Pháp, tôi sẽ cho anh câu kệ đó."

Vị ấy đáp : "Tôi thật sự yêu quý Pháp."

Vị Bà-la-môn nói : "Nếu anh thật sự yêu quý Pháp, thì anh phải dùng da của anh làm giấy, sử dụng xương của anh làm viết, anh nên dùng máu của mình để viết nó xuống. Thì khi đó ta sẽ cho anh kệ đó." Vị ấy liền làm theo lời chỉ dẫn này, bẻ xương, lóc da và viết ra kệ sau bằng máu:

Một người nên tu tập điều đúng theo Pháp,
Người ấy không nên chấp nhận điều phi Pháp.
Trong đời này và cũng như đời tương lai,
Người thực hành Pháp tìm thấy sự an toàn bình yên.

Con chim đã cố gắng cứu một khu rừng đang cháy

Lại nữa, trong quá khứ có một đám cháy dữ dội đang đốt cháy khu rừng. Trong khu rừng đó có một con chim trĩ mà nổ lực mạnh mẽ dùng sức của chính mình bay vào nước, ngâm lông mình rồi bay trở lại cố gắng dập tắt đám cháy lớn. Đám cháy thì lớn còn nước thì lại ít. Nó bay tới bay lui và mặc dù đã kiệt sức nó không thấy khổ sở. Vào lúc đó có vị chủ cõi trời là Thiên Đế Thích (*Śakradevendra*) đã đến và hỏi : "Ngươi đang làm gì vậy?"

Chim trĩ đáp : "Tôi đang [cố gắng] cứu khu rừng này vì xót thương những chúng sinh trong khu rừng. Khu vực có bóng che của khu rừng này là bao la, tươi mát và hạnh phúc. Tất cả các loài-tất cả dòng giống và bà con của chúng tôi cũng như tất cả các chúng sinh khác tùy thuộc vào và nương tựa vào [khu rừng] này. Miễn là tôi còn sức lực, làm sao tôi có thể lười biếng và không cố gắng cứu nó."

Vị Đế Thích bèn hỏi nó : "Vì ngươi quá nhiệt tình và tinh cần, ngươi có thể tiếp tục được bao lâu?"

Con chim trĩ bảo : "Tôi coi cái chết là thời gian đến lúc/Tôi sẽ tiếp tục đến khi chết."

Vị Đế Thích bèn bảo : "Mặc dù ý định của ngươi là như thế, ai có thể chứng thực được điều đó?"

Rồi chim trĩ lập tức phát lời thệ : "Tâm tôi hoàn toàn chân thành. Nếu độ tin cậy của nó không giả dối, thì đám cháy nên ngay lập tức chấm dứt/tắt ngay." Vào lúc này, các vị Trời của cõi Trời Tịnh Cư biết lời thệ của đức Bồ-tát nên liền vì lời thệ này dập tắt ngọn lửa ngay lập tức.

Từ xưa đến nay, chỉ khu rừng này luôn luôn phát triển sum xuê và vẫn không bị lửa đốt cháy/thiêu rụi.

Kết thúc việc bàn về sự tinh tấn

Nhiều trường hợp khác giống như trên minh họa cho những thực hành trong kiếp quá khứ, [vị Bồ-tát] đã có khả năng làm được điều khó làm. Vị ấy đã không nuối tiếc/dè sẻn khi hy sinh ngay cả chính thân thể và mạng sống của mình, đất nước, của cải, vợ, con,

voi, ngựa, bảy báu, đầu, mắt, xương hay tủy của mình. Vị ấy siêng năng bố thí không mệt mỏi.

Như người ta cho rằng: "Vì lợi ích của chúng sinh, vị Bồ-tát sẽ trải qua một ngày cả ngàn lần chết và một ngàn lần sinh ra." Cũng như đàn-na/bố thí, những thực hành trong việc hoàn hảo các ba-la-mật của trì-giới, nhẫn nhục, thiền định và bát-nhã cũng giống như vậy. Các đặc điểm của điều cho là "sự tinh tấn về thân" được minh họa bởi tất cả các loại hoàn cảnh nhân duyên được mô tả trong *Kinh về những kiếp trước của đức Bồ-tát.*

Việc tiếp tục tu tập tất cả thiện pháp trong khi vẫn giữ niềm tin và hạnh phúc, cùng lúc không phát sinh hoài nghi hay hối hận, đồng thời không rơi vào lười biếng và tiếp tục tìm kiếm không nhàm chán/không ngừng Giáo Pháp từ các bậc Đáng Tôn kính, bậc Thánh và mọi người kể cả dân thường, theo cách như biển nuốt chửng mọi thứ chảy vào biển-đó là điều mà tạo thành "sự tinh tấn về tâm" của vị Bồ-tát.

Kiếp quá khứ của đức Phật là một hoàng tử hoài nghi

Lời tựa của Ngài Long Thọ về sự thực hành
song song/đồng thời các Ba-la-mật

Lại nữa, sự tinh tấn của vị Bồ-tát tích cực phổ khắp/hoạt động khắp năm ba-la-mật khác. Đó là điều tạo nên tinh tấn ba-la-mật.

Hỏi: Khi một người thực hành trì-giới ba-la-mật, nếu có ai đến và xin ba y và bình bát của người ấy, thì người ấy cứ thế mà cho chúng cho người xin, thì người ấy sẽ phạm giới. Tại sao? Bởi vì đức Phật không cho phép điều đó. Nhưng nếu người đó không cho, thì người ấy phá hủy bố thí ba-la-mật. Vậy làm thế nào tinh tấn tích cực phổ khắp/chủ động với năm ba-la-mật khác?

Đáp: Nếu một người là Bồ-tát mới thực hành, thì người ấy không thể làm cho [sự tinh tấn] phổ khắp và đồng thời tích cực trong năm ba-la-mật khác trong một kiếp sống duy nhất. Điều này được minh họa vào thời khi đức Bồ-tát đang thực hành sự tinh tấn

ba-la-mật và đã quan sát một con cọp cái đang đói mà cơn đói của nó cấp bách đến nỗi nó sắp sửa ăn cả những cọp con của chính nó.

Vào lúc đó, vị Bồ-tát để tâm mình tràn đầy lòng bi lớn/để tâm bi lớn hưng thịnh nên lập tức tặng một món quà là chính thân thể của vị ấy. Bởi vì cha và mẹ của vị Bồ-tát đã mất đi người con trai của họ, sự khổ đau và đau buồn của họ lớn đến mức họ mù cả hai mắt. Ngoài ra, nên là trường hợp rằng con cọp cái đã phạm nghiệp giết chết vị Bồ-tát.

Tuy vậy, vị ấy đã không xem xét sự khổ đau do đau buồn gây ra cho cha mẹ của vị ấy và cũng không nghĩ đến chuyện con cọp cái phạm tội giết người. Vị ấy chỉ mong ước hoàn thiện bố thí và đạt được những phẩm hạnh công đức gắn với hành động này.

Việc này cũng được minh họa qua câu chuyện vị tỳ khưu giữ giới. Cho dù tình huống như thế nào, liệu điều đó liên quan đến qui định nhỏ hay lớn, vị ấy từ chối/bác bỏ bất kỳ ai có thể làm phát sinh sự phạm giới. Mặc dù người bị từ chối có thể chịu đau khổ của sự khổ đau và đau buồn [về sự từ chối nhượng bộ cho hành vi đe đọa phạm giới của vị ấy], vị ấy cố gắng chỉ giữ giới mà không xót thương sự khổ đau của những người khác mà có thể phát sinh như là hậu quả [của việc giữ giới này].

Câu chuyện: Kiếp quá khứ của đức Phật là
một hoàng tử hoài nghi

Có thể là khi đó người ấy thực hành trí thông thường của thế gian và để tâm không nghĩ/không tin vào lòng từ và lòng bi. Điều này được minh họa bởi câu chuyện quá khứ của đức Thích-Ca-Mâu-Ni khi vị Bồ-tát đã là một hoàng tử, con của vua một nước vĩ đại. Cha của vị ấy, đức vua, có một bậc đạo sư tâm linh, một vị Phạm Chí không ăn bất kỳ loại nào trong năm loại ngũ cốc. Quần chúng nhân dân đã kính trọng vị ấy, đặt niềm tin vào vị ấy, và coi vị ấy là đặc biệt tuyệt vời.

Vị hoàng tử đã nghĩ : “Con người có [một cơ thể] bốn chi. Họ phải duy trì nó bằng năm loại ngũ cốc, tuy vậy người đàn ông này [được cho là] không ăn. Chắc chắn rằng bằng sự quỷ quyệt anh ta đã chiếm được tâm của dân chúng. Anh ta không phải là người có Pháp chân chánh.”

Cha và mẹ của hoàng tử đã bảo con trai mình : “Người đàn ông này tinh tấn mạnh mẽ [trong sự thực hành tâm linh của mình]. Vị ấy không ăn năm loại ngũ cốc, do đó là

người duy nhất hiếm gặp trong thế gian này. Làm sao con lại cực kỳ ngu xuẩn khi không kính trọng vị ấy?"

Hoàng tử đáp rằng: "Con cầu xin cha mẹ khoan hãy đưa ra phán quyết trong ít lâu. Sẽ không lâu trước khi bằng chứng xác thực về người đàn ông này sẽ tự nhiên xuất hiện." Vào lúc đó, hoàng từ tìm ra nơi trú ngụ [của vị đạo sư], đi vào khu rừng đó, rồi hỏi những người chăn bò của khu rừng đó là : "Vậy thì người đó ăn gì?"

Những người chăn bò đáp : "Vào ban đêm, người đàn ông này ăn ít nhiều sữa đông/sữa chua, dựa vào nó để duy trì mạng sống của anh ta."

Khi vị hoàng tử nhận ra điều này, vị ấy đã trở lại cung điện với mong muốn đưa ra chứng cứ. Rồi vị ấy dùng tất cả các loại cây thuốc thanh nhiệt/thuốc sổ, khiến chúng hoàn toàn thấm vào một số hoa sen xanh.

Vào sáng sớm, vị Phạm Chí đã vào cung điện và ngồi bên cạnh đức vua. Hoàng tử bèn cầm những bông hoa này trong tay và tiến đến cúng dường cho vị ấy. Sau khi cúi chào, hoàng tử tặng hoa cho vị ấy.

Vị Phạm Chí vui mừng và tự nhủ : "Đức vua, hoàng hậu, những người trong và ngoài [cung điện], những người có địa vị cao và thấp-tất cả bọn họ đều đảnh lễ ta và phục vụ ta. Chỉ có hoàng tử này chưa tôn kính và tin ta. Hôm nay hoàng tử tặng ta những bông hoa đẹp này. Điều này cực kỳ tốt, vô cùng tốt."

Sau khi đã nhận được những đóa hoa đẹp đó, vì sự tôn kính thí chủ, vị ấy đã nâng hoa lên mũi và hít hương thơm của chúng. Khi vị ấy làm như vậy, hơi thuốc trong các đóa hoa vào bụng của vị ấy. Chỉ trong giây lát, thuốc bắt đầu có tác dụng trong bụng của vị ấy, nên vị ấy tìm chỗ để cúi xuống.

Hoàng tử bèn nói : "Nhưng vị Phạm Chí này còn không ăn. Tại sao giờ đây vị ấy lại tiến về phía toa-lét/nhà vệ sinh?"[Hoàng tử] liền nắm chặt vị ấy, nhưng chỉ trong phút chốc, vị ấy đại tiện và mửa ra bên cạnh đức vua. Đồ nôn ra hóa ra toàn là sữa chua.

Khi bằng chứng đã được tiết lộ, nhà vua và hoàng hậu biết được sự lừa dối của vị đó. Hoàng tử bảo rằng: "Người đàn ông này thật sự là một tên trộm. Vì tham danh, anh ta đã lừa dối toàn vương quốc."

Kết luận việc thảo luận về sự thực hành tinh tấn của vị Bồ-tát

Chính theo cách này mà vị ấy thực hành trí thế gian thông thường. Chỉ tìm cách hoàn hảo trí tuệ của mình, vị ấy khiến tâm không nghĩ về sự cảm thông và xót thương nên đã không sợ hãi việc người khác thù ghét.

Vào lúc khác, khi vị bồ-tát thực hành trí tuệ xuất thế gian trong việc giữ giới và trong việc tặng quà, tâm vị ấy không bị tham chấp/dính mắc. Tại sao? Bởi vì người cho/tặng, người nhận, món quà giá trị, phạm giới, không phạm giới, sự thù ghét, không thù ghét, tinh tấn, lười biếng, tâm tập trung và tâm tản mạn-không có thứ gì có thể đạt được/sở đắc.

Hơn nữa, trong sự thực hành tinh tấn ba-la-mật của mình, vị Bồ-tát coi tất cả các pháp không sinh cũng không diệt, không vĩnh cửu cũng không phải không vĩnh cửu[43], không đau khổ cũng không phải hạnh phúc, không trống rỗng cũng không có thật, không đồng nhất cũng không khác biệt, không hữu/tồn tại cũng không phải phi hữu/không tồn tại. Vị ấy hoàn toàn biết rằng tất cả các pháp là sự liên kết của các nhân và duyên. Chúng chỉ là danh tự/giả danh. Người ta không thể tìm thấy sự thật nào trong chúng.

Vị Bồ-tát tiếp tục quán chiếu theo cách này và nhận ra rằng mọi thứ hữu vi đều không thật và giả dối. Vị ấy để tâm an trú trong sự vô vi và mong ước chấm dứt suy nghĩ của mình, [biết rằng] chỉ có cách sử dụng sự tịch diệt/ngừng hoạt động thì mới có sự an bình và an toàn. Vào chính lúc đó, vị ấy nhớ đến những lời phát thệ ban đầu của mình, vì sự thông cảm và xót thương chúng sinh, trở lại với việc thực hành các pháp của một vị Bồ-tát nên tích lũy mọi loại phẩm hạnh công đức.

Vị Bồ-tát tự nhủ rằng: "Mặc dầu tôi nhận ra rằng tất cả các pháp là không thật và giả dối, chúng sinh vẫn không nhận biết được điều này. Họ chịu đựng tất cả các loại khổ sở và đau đớn trong suốt năm cõi[44]. Do đó, bây giờ tôi nên hoàn hảo sự thực hành sáu ba-la-mật.

---

[43] (không thường cũng không đoạn)

[44] ND: người, a-tu-la, ngạ quỷ, súc sanh, địa ngục.

Phần Năm:
Những Câu Chuyện về Thiền Định của Ngài Long Thọ

Những cô con gái của Ma vương đối đầu với đức Phật

Lời tựa của ngài Long Thọ

Thiền định là kho tàng cho việc nắm giữ trí tuệ
Và là ruộng phước điền cho các phẩm chất xứng đáng.
Thiền định như nước trong.
Có khả năng rửa sạch bụi bẩn của những tham dục.

Thiền định là áo giáp bất động/không lay động.
Nó có khả năng ngăn được những mũi tên phiền não.
Mặc dù người ấy chưa đắc [Niết-bàn] "vô dư",
Nhưng đã đắc/có được phần trong Niết-bàn.

Khi ấy người đó đạt được định Kim Cương/
Kim Cương tam muội,
Thì khi đó đập tan và phá vỡ núi kết sử.
Người ấy đắc được sáu thần thông,
Nên có khả năng đưa vô số người đến bờ giải thoát.

Bụi bay lên từ sự hỗn loạn có thể che mờ
bầu trời và mặt trời,
Tuy nhiên cơn mưa lớn có thể rửa sạch hết.
Gió tư tưởng (tầm:*vitarka*) và suy luận (tứ:*vicāra*) làm tâm phân tán,
Nhưng thiền định có thể chấm dứt/dập tắt chúng.

Ngoài ra, thật khó đạt được (thiền) định/tĩnh lự/tam muội. Chỉ khi hành giả nhất tâm và cố gắng không dừng nghỉ thì người ấy mới đạt được. Ngay cả các vị trời và các vị

thần và tiên nhân/thánh giả cũng không thể đạt được. Hà huống là những người tầm thường có tâm lười biếng.

Câu chuyện: Những cô con gái của Ma vương đối đầu với đức Phật

Khi đức Phật đang nhập thiền dưới cây đa/ni-câu-đà thì ba người con gái của Ma vương đặt ra một câu hỏi trong kệ sau:

Ngồi một mình giữa các cây rừng
Sáu căn vẫn luôn an tịnh.
Có vẻ như người đã mất đi một viên ngọc quý báu,
Nhưng vẫn không lo lắng hay khốn khổ.

Trong tất cả Thế giới, khuôn mặt của người không ai sánh bằng,
Tuy nhiên người lại luôn ngồi với đôi mắt nhắm.
Mỗi chúng em có nghi ngờ rằng:
"Người muốn tìm kiếm gì khi cư trú ở nơi đây?"

Vào lúc đó đức Thế Tôn đáp lại kệ sau:

Vì Ta đã tìm ra hương vị của Niết-bàn,
Ta không tìm thấy niềm vui trong tình yêu nhiễm ô/cấu nhiễm.
Bên trong, bên ngoài, những tên trộm đã bị trục xuất.
Cha của các ngươi cũng vậy: bị phá hủy nên tìm cách rút lui.

Ta đã khám phá ra hương vị của cam lồ (*amṛta*),
Ta ngồi trong khu rừng trong an bình và hạnh phúc.
Nhiều chúng sanh đắm chìm trong ái luyến và tình yêu-
Vì họ ta phát lòng bi mẫn.

Vào lúc này ba cô con gái thấy xấu hổ nên tự nghĩ rằng: "Người này đã vượt qua tham dục nên không thể bị lay chuyển." Rồi họ biến mất và không còn xuất hiện nữa.

Vị thần núi thử vị cư sĩ nam du hành

Lời tựa của ngài Long Thọ: Về những hạn chế của tham dục

Về năm loại dục, một người có được chúng rồi trở nên xấu xa hơn. Điều này cũng giống như một người dùng lửa để đốt vết ngứa. Theo đuổi năm dục là sự nỗ lực vô ích cũng như một con chó gặm xương. Theo đuổi năm dục làm tăng sự tranh chấp cũng như những con chim đánh nhau vì xác chết. Năm dục thiêu đốt con người cũng như cách khi mang một ngọn đuốc đi ngược gió. Năm dục làm hại một người cũng như người đó dẫm phải rắn độc. Năm dục hư ảo như điều gì có được trong một giấc mơ. [Sự thỏa mãn/hài lòng] có được từ năm dục thì ngắn ngủi như thể vay mượn [chỉ trông] một khoảnh khắc. Người thế gian si mê tham đắm và dính mắc với năm dục, không từ bỏ chúng [thậm chí] cho đến chết. Vì chúng, trong những đời sau, họ phải chịu vô số đau khổ.

Điều này tương tợ như một người ngu tham luyến/dính mắc vào một loại trái cây ngon, nên leo lên cây và ăn chúng, nhưng không thể leo xuống đúng lúc. Khi có ai chặt cái cây đó, khiến cây nghiêng, lập tức sau anh ta té xuống, thân và đầu anh ta bị thương nghiêm trọng, nên anh ta chết một cái chết đau đớn.

Hơn nữa, năm dục lạc này, khi đạt được, [chỉ] hạnh phúc trong giây lát. Khi mất đi, thì có sự đau khổ lớn. Điều này cũng giống như khi một người liếm lưỡi dao tẩm mật

ong. Vì anh ta tham ngọt, anh ta không biết việc làm tổn thương lưỡi của mình. Các hành động liên quan đến việc theo đuổi năm dục lạc được coi là có đặc điểm giống thú vật. Người thông minh/có trí biết rõ điều này do đó tự nhiên có khả năng tránh xa chúng.

Câu chuyện: Vị thần núi thử vị cư sĩ nam du hành

Điều này được minh họa bằng chuyện kể về một cư sĩ nam cùng với một nhóm thương buôn đi du hành xa vì việc kinh doanh buôn bán của họ. Vào lúc này trời lạnh và có tuyết rơi. Đi vào ban đêm vị ấy mất liên lạc với các bạn đồng hành của mình nên đã trú trong một hang đá. Vào lúc đó một vị thần núi hóa thành một thiếu nữ đến bên vị này vì muốn thử vị ấy. Cô ấy bèn nói kệ sau:

Tuyết trắng phủ nền núi.
Tất cả chim và thú đều giấu mình/đi ẩn mình.
Tôi chỉ một mình không có ai thỏa mãn nhu cầu của tôi.
Tôi chỉ cầu xin anh tử tế với cảnh ngộ của tôi.

Vị cư sĩ nam bịt hai lỗ tai vị ấy bằng hai bàn tay của mình và đáp bằng kệ sau:

Ngươi là kẻ thấp kém và không biết xấu hổ.
Ngươi phát ra những lời dơ bẩn/bất tịnh này.
Nếu như nước đó có thể rửa hay lửa có thể đốt cháy chúng.
Ta không muốn nghe giọng của ngươi nữa.

Ta có một người vợ nhưng tâm ta không tham dục.
Hà huống gì ta lại hành tà dâm.
Hạnh phúc do tất cả dục vọng mang đến
thì vô cùng nông cạn.
Tai họa do dục vọng mang lại bằng
sự đau khổ to lớn của nó thì vô cùng sâu xa.

Tất cả các dục vọng, một khi đã đạt được,
không đem lại sự thỏa mãn.
Khi người ta mất chúng,
điều này khiến họ rất đau khổ.
Khi chưa có được, người đó cầu xin
mình có thể có được chúng.
Một khi đã có được chúng,
người đó lại bị chúng hành hạ.

Hạnh phúc do tất cả ham muốn/dục mang đến
thì vô cùng mong manh.
Chất độc của phiền muộn và
đau khổ thì rất nhiều.
Vì chúng, người ta có thể mất cả thân thể và
mạng sống của mình.
Giống như con thiêu thân lao mình vào
ngọn lửa của chiếc đèn lồng.

Khi vị thần núi đã nghe kệ này, cô ấy lập tức nâng vị ấy lên trong cánh tay của cô và mang vị ấy trở lại với những người bạn đồng hành của vị ấy.

Kết luận của đoạn văn chú giải

Đây là trường hợp của người có trí tuệ từ bỏ dục vọng [và nhận ra rằng] không thể dính mắc vào chúng.

Về năm dục, chúng là sắc/hình dáng đẹp, âm thanh hay, mùi hương thơm, vị ngon và xúc (giác) dễ chịu. Tất cả ai muốn đạt thiền định nên từ bỏ chúng. Làm thế nào người ta từ bỏ sắc? Người ấy quán chiếu tai họa tiềm ẩn trong [việc theo đuổi] sắc/hình dáng. Nếu người ấy tham luyến/dính mắc sắc/hình dáng, thì lửa của tất cả kết sử sẽ bùng cháy dữ dội, đốt cháy và làm tổn thương thân thể của người đó.

Điều này cũng như khi người ta dùng lửa để làm chảy vàng và bạc hay như khi người đó đun sôi mật ong nóng. Mặc dù chúng có hình dáng và hương vị [bình thường], chúng thiêu đốt thân và làm phỏng miệng rất nặng. Rồi người đó phải lập tức ném chúng đi. Nếu một người đã trở nên tham đắm/dính mắc hữu lậu hình dáng đẹp và mùi vị ngon, thì tình cảnh cũng giống như vậy.

Giọng ca của thiếu nữ khẩn-na –la[45] làm phiền các ẩn sĩ

Lời tựa của Ngài Long Thọ: Về âm thanh và sự tham đắm

Tại sao người ta phải từ bỏ âm thanh? Đó chính là việc không trụ trong các đặc điểm của âm thanh. Người ta chỉ nghe chúng tạm thời rồi chúng biến mất. Bởi vì những kẻ ngu không hiểu đặc điểm của âm thanh là vô thường và biến mất, họ lại sai lầm ưa thích và thích thú âm thanh. Họ giữ lại những âm thanh đã qua trong tâm mình rồi phát sinh sự tham luyến/dính mắc với chúng.

Câu chuyện: Giọng hát của người thiếu nữ Khẩn-na-la làm phiền các tiên nhân/ẩn sĩ

Điều này được minh họa qua trường hợp của năm trăm vị tiên trú trên núi. Thiếu nữ khẩn-na-la đang tắm trong một cái hồ trong Núi Tuyết. Khi các vị tiên nghe giọng hát của nàng ấy, họ liền mất tam muội/định. Tâm họ trở nên say sưa, cuồng dại và không kiềm chế đến nỗi họ không có khả năng kiểm soát chính mình. Điều đó như thể một cơn gió lớn đã bắt đầu thổi qua các cây trong khu rừng. Khi họ nghe được giọng hát tinh tế và tuyệt diệu này thật mềm mại và trong trẻo, họ bắt đầu có những ý nghĩ khiếm nhã. Vì điều này, họ bị loạn tâm mà không hề hay biết.

Do đó, âm thanh khiến một người có thể mất đi những phẩm chất công đức trong hiện đời và thậm chí bị trói buộc trong những đời sau, bị rơi vào các cõi xấu.

Kết luận về âm thanh và tránh sự tham luyến/dính mắc

Một người có trí quán chiếu âm thanh và nhận thức rằng trong mỗi giây tư tưởng mới, chúng sinh ra và diệt mất, rằng âm thanh trước và sau không bao gồm lẫn nhau, nên chúng không mở rộng để tiếp cận nhau. Nếu một người có khả năng hiểu biết như thế, thì người đó không sinh khởi tham đắm/dính mắc nhiễm ô [bắt nguồn từ việc đặt ra ý nghĩa cho những rung động âm thanh liền kề mà không có liên quan]. Bất kỳ ai trở

[45] ND: Khẩn-na-la theo thần thoại đạo Phật và Ấn Độ là vị nhạc công cõi trời, có thân hình nửa người nửa ngựa hay nửa người nửa chim. Khẩn-na-la còn là biểu tượng của sắc đẹp, sự bảo vệ, sự giác ngộ, tình yêu chân thật.

nên như thế thì không có khả năng bị mất phương hướng thậm chí ngay cả với âm nhạc cõi trời, hà huống là giọng nói của con người.

Hương thơm khiến một Sa di rời Đạo/bỏ Đạo

Lời tựa của Ngài Long Thọ: Về hương thơm và sự tham luyến nó

Tại sao người ta phải từ bỏ các hương thơm? Người ta cho rằng việc tham đắm hương thơm là tội nhẹ/khinh tội. Sự tham luyến hữu lậu với hương thơm mở cửa cho các kết sử. Mặc dù người ấy có thể đã giữ giới một trăm năm, tuy nhiên người đó có khả năng phá hỏng hết tất cả (sự giữ giới đó) chỉ trông giây lát.

Câu chuyện: Hương thơm khiến một Sa di rời Đạo

Đây là thí dụ về vị A-la-hán thường xuyên đến cung điện của rồng. Sau khi ăn xong, vị ấy cầm bát của mình và trao nó cho chú Sa-di [thị giả], yêu cầu chú Sa-di rửa bát. Có một vài hạt cơm còn sót lại trong bát. Chú Sa-di ngửi chúng, nhận thấy chúng thơm kỳ lạ nên đã ăn chúng, thấy chúng cực kỳ ngon.

Rồi chú Sa-di nghĩ ra cách khôn khéo để nhét chính mình dưới chiếc kiệu dây thừng của Thầy mình. Bằng cách lấy hai tay nắm lấy chân của chiếc kiệu này, khi vị Thầy đi, thì chú Sa-di cũng lập tức bước vào cung điện của rồng/Long vương với [chiếc kiệu] dây thừng.

Long vương bèn hỏi bậc A-la-hán rằng: "Tại sao Ngài lại mang theo người chưa đắc đạo này?"

Vị Thầy đáp : "Tôi không biết [rằng chú ấy đã đi cùng tôi].

Chú Sa-di đã lấy ít cơm rồi ăn nó. Chú ấy cũng nhìn thấy con gái của Long vương có thân hình đẹp đẽ và mùi hương vô cùng tuyệt vời. Tâm của chú Sa-di liền nảy sinh sự tham đắm nhiễm ô [đối với nàng ấy]. Chú ấy lập tức phát lời thệ rằng: "Ta nên tạo [đủ] phước để ta có khả năng chiếm lấy cung điện rồng này rồi chính ta sống ở đây."

Long vương bèn yêu cầu là: "Trong tương lai, khi Ngài đến đây, đừng mang theo chú Sa-di này với Ngài."

Sau khi chú Sa-di trở về, chú ấy nhất tâm tận tâm thực hành bố thí và giữ giới. Vị ấy chỉ mong có được kết quả mà vị ấy đã thệ nguyện đạt được. Vị ấy mong sớm thành một con rồng. Sau đó, bất kỳ khi nào vị ấy đi nhiễu trong chùa, nước phun ra từ bên dưới chân vị ấy. Vị ấy đã biết rằng chắc chắn mình sẽ trở thành một con rồng.

Kế đó chú Sa-di đi thẳng tới nơi có cái hồ lớn mà Thầy của chú ban đầu đã bước vào. Rồi vị ấy trùm đầu mình bằng áo cà-sa và nhảy xuống hồ. Lập tức vị ấy chết đi và biến thành một con rồng lớn. Bởi vì vị ấy [đã tích lũy được] phước đức rất nhiều, nên vị ấy [có khả năng] nhanh chóng giết chết con rồng khác. Vào lúc đó, cả cái hồ hóa thành màu đỏ.

Trước khi chuyện này xảy ra, tất cả các vị Thầy của chú Sa-di và các thành viên khác của Tăng đoàn đã quở trách chú Sa-di. Chú đã trả lời rằng:

"Tâm con đã quyết định điều này và những đặc điểm/tướng mạo [của kết quả mong ước] đã bắt đầu xuất hiện trong tâm con."

Lúc này vị Thầy đã dẫn hội chúng Tăng đoàn đến bên [bờ] hồ để quan sát điều này. Những hoàn cảnh nhân quả như trên có thể xảy ra vì tham luyến/dính mắc mùi hương.

Một vị thần phê bình một thầy tỳ khưu thưởng thức hoa

Lại nữa, có một thầy tỳ khưu đang đứng kế bên một hồ hoa sen trong rừng. Khi vị ấy ngửi mùi hương của những đóa hoa sen, tâm vị ấy hài lòng nên có trải nghiệm cảm giác thích thú. Sau khi đã đi qua hồ rồi, tâm vị ấy đã phát sinh sự ái luyến với mùi hương đó.

Khi ấy vị thần của cái hồ bèn bảo vị ấy là: "Tại sao thầy đã bỏ nơi đó dưới gốc cây nơi thầy ngồi thanh tịnh trong thiền định, thay vì thế lại thích đến đây hơn và trộm

những mùi hương này của tôi? Qua sự tham luyến/dính mắc với hương thơm, các kết sử ngủ ngầm có thể đã bị ảnh hưởng sinh khởi lại."

Rồi, một người khác đi đến. Anh ta bước ngay vào hồ rồi hái nhiều đóa hoa. Rồi người đó bắt đầu đào bới, nhổ gốc rễ và thân cây, tạo thành một mớ hỗn độn rồi bỏ đi. Vị thần hồ vẫn im lặng, không nói gì cả.

Khi ấy thầy Tỳ khưu bèn bảo rằng: "Người này đã phá hủy cái hồ và lấy hoa của ngài. Thần đã chẳng nói gì với anh ta. Tuy nhiên, tôi chỉ đi ngang bờ hồ, ngay lập tức sau đó tôi chịu sự khiển trách của thần và lời quở rằng tôi đã trộm hương của thần."

Vị thần hồ bèn nói là: "Con người thế gian độc ác thường xuyên để tâm/đắm đầu trong phẩn của sự nhiễm ô phạm giới. Ta thậm chí không thèm quan tâm đến bọn họ. Tuy nhiên, thầy là người tốt thực hành thiền định. Do vậy, khi Thầy trở nên dính mắc với những mùi hương này, điều đó sẽ phá hủy những cố gắng tốt đẹp của Thầy. Đó là lý do tại sao tôi đã quở Thầy.

"Điều này cũng tương tợ như tấm vải trắng còn mới và sạch sẽ nhưng có chỗ bị vấy bẩn bởi thứ gì màu đen. Mọi người đều thấy nó [vết đen]. Trong trường hợp của những người xấu xa, cũng giống như chiếc áo đã đen bị dính mực. Nó là như thế nên người ta sẽ không ai buồn để ý (vết mực). Vì vậy, ai còn bận tâm chuyện nêu nó ra?"

Một chú Sa-di bị đọa vì tham luyến/dính mắc các vị ngon

Lời giới thiệu của Ngài Long Thọ

Tại sao người ta phải từ bỏ các mùi vị? Người đó nên nhận thức là: "Chỉ vì tham luyến với mùi vị ngon, ta sẽ phải chịu/trải qua rất nhiều khổ đau, có thể bị nước đồng sôi đổ xuống cổ họng ta, có thể bị ăn những viên sắt nóng/đang cháy bỏng."

Nếu ai không quan sát Pháp theo cách áp dụng của Pháp với việc ăn, và nếu tâm người đó ưa thích vật nào đó trở nên rất dính mắc/chấp đắm, thì người ấy thậm chí bị đọa vào loài sâu cư trú trong các chất dơ[46].

Câu chuyện: Chú Sa-di bị đọa vì tham luyến mùi vị ngon

Câu chuyện này được minh họa bằng trường hợp của một chú Sa-di mà tâm quá ưa thích sữa chua[47]. Bất cứ khi nào các thí chủ cúng dường chư Tăng sữa chua, phần còn lại luôn được để lại cho chú Sa-di ấy. Tâm của chú trở nên rất ưa thích/rất dính mắc với mùi vị của sữa chua, vui thích và hạnh phúc đến nỗi chú ấy không thể từ bỏ nó được.

Khi mạng sống của chú chấm dứt, chú bị tái sanh trong chiếc bình này nơi giữ sữa chua còn sót lại. Bậc đạo sư, thầy của chú Sa-di đó đã đắc quả A-la-hán. Khi chư Tăng phân chia sữa chua, vị ấy bảo họ : "Hãy cẩn thận, hãy cẩn thận. Đừng làm tổn thương chú Sa-di thích sữa chua."

Mọi người bèn nói rằng: "Đây chỉ là một con sâu. Tại sao Thầy lại cho nó là "*chú Sa-di* thích sữa chua?"

Vị ấy đáp : "Ban đầu, con sâu này là chú Sa-di học trò tôi. Bởi vì chú ấy chỉ ngồi đó đắm chìm trong sự tham ăn sữa chua còn sót lại, chú ấy bị tái sanh trong chiếc bình này. Khi bậc đạo sư đã nhận phần sữa chua của mình, con sâu đến cùng với phần sữa chua đó. Bậc đạo sư bèn nói rằng: "Này chú yêu sữa chua. Tại sao con đến đây?" Rồi vị ấy đã cho nó phần sữa chua của mình.

---

[46] ND: nguyên tác tiếng Anh "solidly attached" nghĩa là "dính mắc vững vàng/kiên cố"

[47] ND: là loại sữa chua Ấn Độ, rất chua, như sữa có nhiều loại vi sinh (Lactobacillus).

Một hoàng tử tham đắm chết người với mùi vị ngon

Đây [là vấn đề tham luyến với vị ngon] là chuyện cũng được minh họa bởi trường hợp của nhà vua tên là "Vua Bán Nguyệt" (Candrabhāga). Vị ấy có một người con trai là hoàng tử rất tham đắm mùi ngon. Mỗi ngày người làm vườn của hoàng gia đều mang trái cây ngon đến. Có một cái cây lớn trong công viên. Trên ngọn cây đó, có một con chim đang nuôi chim con. Nó thường bay đến các ngọn Núi Hương thơm để lấy về một loại trái cây thơm ngon để nuôi chim con. Chân của chim con tình cờ đạp trúng một trái cây đó nên trái đó đã rơi xuống đất.

Sáng sớm hôm sau, người làm vườn đã trông thấy trái đó, sửng sốt vì sự kỳ lạ của nó, nên lập tức mang nó dâng cho đức vua. Nhà vua cho rằng trái cây đó quý vì hương thơm và dáng vẻ phi thường của nó. Hoàng tử đã nhận thấy điều này nên yêu cầu có trái cây đó. Đức vua yêu quý con trai của mình nên lập tức cho hoàng tử trái đó. Hoàng tử đã ăn trái cây đó, thưởng thức hương thơm và mùi vị của nó, bị mất mình bởi những suy nghĩ vẫn đục đầy tham đắm. Do đó hoàng tử muốn có trái cây đó nữa mỗi ngày. Nhà vua lập tức cho gọi người làm vườn và hỏi nguồn gốc của trái cây đó. Người làm vườn thưa: "Trái cây này không có hạt. Nó được nhặt từ mặt đất. Thần không biết nó từ đâu đến." Hoàng tử than vãn, khóc lóc rồi bỏ ăn. Nhà vua bắt buộc người làm vườn chịu trách nhiệm việc này, bảo rằng: "Chúng ta trông cậy vào ngươi tìm thêm trái cây đó."

Người làm vườn đi tới chỗ vị ấy đã tìm thấy trái đó, nhìn thấy có một tổ chim, và nhận ra rằng con chim đã mang nó đến đây. Vị ấy ngụy trang mình trên cây đó và đợi để lấy một [trong những trái đó]. Khi chim mẹ đến, lập tức vị ấy giựt lấy một trái để mang đi.

Điều này xảy ra mỗi ngày như vậy. Chim mẹ trở nên phẫn nộ vì thế trở về với một trái cây độc lấy từ Núi Hương thơm mà có mùi thơm, hương vị và dáng vẻ giống hệt như trái cây trước đây. Người làm vườn giựt lấy nó rồi mang nó dâng lên nhà vua. Nhà

vua cho hoàng tử trái cây đó. Không lâu sau khi [hoàng tử] đã ăn nó, thịt của hoàng tử bị thối rữa rồi hoàng tử qua đời.

Theo cách như thế, sự tham đắm vào mùi vị khiến gây ra [khả năng/sự tiềm ẩn] sự đau khổ của việc mất mạng sống của một người. Tất cả các loại tình huống nhân quả như vầy minh họa cho điều có nghĩa là từ bỏ ước muốn/tham dục liên quan đến sự dính mắc/tham luyến các mùi vị.

Việc nàng Da-du-đà-la mang thai khó

Lời tựa của ngài Long Thọ: Về bản chất và hiểm nguy của Xúc giác

Tại sao người ta phải từ bỏ xúc giác? Xúc là nguyên nhân sinh khởi ngọn lửa kết sử và là gốc của sự trói buộc tâm. Tại sao như thế? Bốn giác quan khác mỗi loại chiếm vị trí riêng của chúng. Tuy nhiên, xúc giác liên quan đến ý thức xâm chiếm toàn bộ cơ thể. Bởi vì khu vực mà nó có thể sinh khởi là rộng lớn, nó thường [đóng vai trò là cơ sở] phát sinh tham đắm nhiễm ô.

Thật khó mà xa rời sự tham đắm này. Làm sao người ta biết được điều này? Chẳng hạn như một người dính mắc với sắc [dục]. [Thông thường], nếu một người quán chiếu sự bất tịnh của ba mươi sáu phần của cơ thể, người đó có tâm từ bỏ/xả ly. Tuy nhiên, nếu người ấy trở nên dính mắc với xúc, mặc dù người ấy biết về sự bất tịnh đó, người đó có thể tiếp tục khát khao [cảm giác] sự dịu dàng tinh tế của nó. Tại điểm này, việc quán chiếu sự bất tịnh có thể không mang đến lợi ích gì hết. Vì lý do này mà thật khó từ bỏ.

Ngoài ra/Hơn thế nữa, bởi vì khó mà từ bỏ, người ta có thể do vì điều đó thường tạo những tội (phạm giới) nghiệp trọng. Nếu người ấy bị đọa địa ngục, những địa ngục đó có hai khu vực: đầu tiên là "địa ngục lạnh." Thứ hai là "rực lửa/lửa dữ dội." Trong cả hai ngục này, [cảm giác gắn với] sự xúc chạm thân thể được sử dụng khiến người ta chịu hình phạt gây ra vô số/hằng hà sa dạng đau khổ độc hại/hình thức độc hại đau khổ. "Xúc" này được biết là nơi của sự tối đen/rất tối tăm. Đó là con đường dốc đầy hiểm nguy và khó khăn.

Câu chuyện: Sự mang thai khó khăn của nàng Da-du-đà-la

Lại nữa, điều này được mô tả trong *Kinh về các đời trước của người Mẹ của La-hầu-la*. Là vị Bồ-tát, đức Thích-Ca-Mâu-Ni có hai người vợ. Người vợ đầu tiên là nàng Gô-pi-da (Gopiyā). Người vợ thứ hai là nàng Da-du-đà-la. Da-du-đà-la là mẹ của La-

hầu-la. Bởi vì nàng Gopiyā bị vô sinh, nên không có thai. Vào đêm mà đức Bồ-tát xuất gia thì nàng Da-du-đà-la nhận ra rằng mình đã có thai.

Vị Bồ-tát [Thích-Ca-Mâu-Ni] thực hành khổ hạnh trong sáu năm. Trong tròn sáu năm, nàng Da-du-đà-la vẫn mang thai mà không sinh con. Tất cả người dòng tộc Thích Ca đều hỏi nàng ấy là: "Vị Bồ-tát đã xuất gia. Làm sao điều này có thể xảy ra?"

Nàng Da-du-đà-la đáp rằng: "Tôi không có vi phạm với người khác. Đứa trẻ mà tôi đang mang thai thật sự là dòng dõi của Hoàng tử."

Những người tộc Thích Ca bèn nói: "Vậy thì làm sao mà đã lâu mà đứa trẻ vẫn chưa được sinh ra?"

Nàng ấy đáp rằng: "Ngay cả tôi cũng không hiểu được chuyện này."

Dòng tộc Thích Ca tập hợp lại và thảo luận về chuyện này. Khi nàng Gopiyā nghe rằng đức vua muốn thực thi một sự trừng phạt các vi phạm theo luật pháp, nàng ấy đã thưa với đức vua rằng: "Vì sự cảm thông cho nàng ấy, con cầu xin Bệ-hạ hãy khoan dung. Con đã ở cùng với nàng Da-du-đà-la thường xuyên. Con có thể xác nhận cho nàng ấy rằng con biết là nàng ấy không vi phạm. Hãy đợi đến khi con của nàng ấy được sinh ra. Rồi Bệ-hạ sẽ có khả năng biết được đứa trẻ có giống cha nó hay không. Khi đó sẽ không quá trễ để thực thi sự trừng phạt."

Nhà vua liền cho phép sự khoan dung. Khi sáu năm khổ hạnh của đức Phật đã hoàn tất, chính vào đêm mà Ngài ấy đắc quả vị Phật, nàng Da-du-đà-la bèn sinh ra La-hầu-la. Đức vua quan sát rằng đứa trẻ giống cha của nó, cảm thấy thương và mừng, nên quên tất cả nỗi lo lắng của mình. Nhà vua bảo các quan thượng thư rằng: "Mặc dù con trai ta đã đi xa, bây giờ ta có được con trai của nó. Chẳng khác gì như khi con trai ta đã ở đây."

Mặc dù nàng Da-du-đà-la đã tránh được hình phạt bị vứt bỏ, tuy nhiên nàng ấy vẫn chịu tiếng xấu xa đã truyền khắp vương quốc. Nàng Da-du-đà-la muốn từ bỏ vết nhơ về danh tiếng của nàng.

Sau khi đức Phật đã giác ngộ quả vị Phật, Ngài ấy đã trở về thành Ca-tỳ-la-vệ (Kapilavastu) để hóa độ/chuyển hóa những người con trai của tộc Thích Ca đến bờ giải thoát. Vào lúc đó, Vua Tịnh Phạn và nàng Da-du-đà-la thường mời đức Phật đến cung

điện thọ trai. Có một lần nàng Da-du-đà-la lấy một bát "há cảo niềm vui có trăm vị ngon", rồi đưa nó cho La-hầu-la, dạy La-hầu-la mang nó rồi dâng chúng cho đức Phật.

Khi ấy đức Phật bèn dùng thần thông của Ngài để biến năm trăm vị A-la-hán để tất cả các vị đều trông giống y như đức Phật, không khác chi cả. La-hầu-la bảy tuổi mang há cảo niềm vui tiến lên phía trước, đi thẳng đến chỗ chính đức Phật và dâng bát ấy cho đức Thế Tôn.

[Đức Phật] bèn thu thần thông lại thì tất cả các thầy tỳ-khưu trở lại hình dáng ban đầu của họ. Tất cả các vị ấy đều ngồi đó với bát không. Chỉ có bát của đức Phật là đầy há cảo niềm vui. Nàng Da-du-đà-la khi ấy bèn thưa với đức vua rằng: "hãy để điều này xác thực rằng con không có vi phạm bất kỳ điều gì."

Gốc nguồn/Nguyên nhân về sự mang thai khó của nàng Da-du-đà-la

Nàng Da-du-đà-la đã hỏi đức Phật : "Thưa Ngài, nguyên nhân cơ bản đằng sau việc mang thai sáu năm là gì ạ?"

Đức Phật bảo : "Cách đây đã lâu, trong một kiếp quá khứ xa xôi, con trai của nàng, La-hầu-la là vua của một vương quốc. Có một vị tiên/thánh đã đắc năm thần thông đến vào lúc đó và bước vào vương quốc của vua ấy. Ngài ấy bảo đức vua rằng: "Luật của hoàng gia là trừng phạt những tên trộm. Thần thỉnh cầu Bệ-hạ trừng phạt thần vì những phạm tội của thần ạ."

Nhà vua bèn hỏi là: "Nhưng ngài đã phạm tội gì?"

Vị ấy đáp rằng: "Thần đã bước vào vương quốc của Bệ hạ và phạm tội bằng cách lấy của không được cho. Thần đã uống nước của Bệ hạ nhiều lần và đã dùng những cành dương liễu của Bệ hạ [làm bàn chải đánh răng]"

Nhà vua bèn bảo rằng: "Nhưng trẫm đã cho những vật đó [cho dân chúng]. Vậy thì làm sao lại phạm tội? Khi trẫm đầu tiên lên ngôi vua, trẫm đã ban cả nước uống và nhành dương phổ khắp cho tất cả mọi người."

Vị tiên thưa là: "Mặc dù nhà vua đã tặng chúng, nhưng tâm tôi còn bị hoài nghi và hối hận làm phiền não. Do đó, tội vẫn chưa hết. Tôi cầu xin rằng bây giờ tôi chịu các biện pháp cải tạo/khắc phục để ngăn ngừa việc bị trả quả báo sau này.

Nhà vua bèn bảo rằng: "Nếu Ngài khăng khăng như thế, hãy đợi trẫm đi vào một chút rồi trở lại."

Khi ấy nhà vua bước vào cung. Ngay cả sau sáu ngày, nhà vua vẫn chưa xuất hiện. Vị tiên ấy đã ở trong công viên của nhà vua chịu đói và khát trong sáu ngày đó. Vị tiên ấy thầm nghĩ : "Nhà vua này đang dùng điều này để trừng phạt ta."

Sau khi sáu ngày trôi qua, nhà vua xuất hiện và tha bổng vị tiên ấy, bảo rằng: "Trẫm hoàn toàn quên mất điều này. Xin đừng nghĩ xấu về trẫm."

Vì quả báo của chuyện này mà nhà vua phải chịu năm trăm kiếp bị phạt ở trong ba cõi xấu và năm trăm kiếp luôn ở trong thai mẹ trong sáu năm. Vì bằng chứng xác thực này, [chúng ta nên nhận ra rằng], nàng Da-du-đà-la không có vi phạm nào.

Sự cố gắng của nàng Da-du-đà-la mang đức Phật trở lại

Lúc này, sau khi đức Phật đã thọ trai xong (dùng bữa xong), thì Ngài lên đường. Tâm của nàng Da-du-đà-la đầy hối hận: "Một người đàn ông tốt như thế này, hiếm có trên đời/thế giới này-Tôi đã gặp được chàng nhưng bây giờ lại đánh mất chàng mãi mãi."

Khi đức Thế Tôn đã ngồi xuống, nàng ấy chăm chú nhìn Ngài không chớp mắt. Khi đức Thế Tôn đã đi rồi, ánh mắt của nàng ấy chăm chú/dõi theo Ngài đến nỗi chỉ khi Ngài đã khuất dạng trên bầu trời thì nàng ấy mới thôi nhìn. Tâm của nàng ấy đầy đau buồn và hối tiếc. Mỗi khi nàng ấy nghĩ đến điều đó, nàng ấy bị suy sụp và té xỉu/ngất đi. Những người hầu của nàng bèn rưới nước lên người nàng. Chỉ khi ấy thì nàng ấy sống lại và thở lại bình thường.

Nàng thường ngồi một mình, suy gẫm: "Ai trên đời này rất giỏi về việc bỏ bùa/dùng phép thuật để họ có thể khiến cho tâm của chàng thay đổi và khiến chàng trở lại như ban đầu, do đó cho phép chúng ta lại được vui vẻ và hạnh phúc như trước đây?" Khi ấy nàng đã để bảy vật báu và các ngọc hiếm hoi khác vào một cái khay, nâng khay lên, đi ra ngoài tìm ai đó [mà có thể giúp nàng làm việc này].

Có một vị Phạm Chí đã trả lời cho nàng như sau:

"Ta có thể bỏ bùa/dùng phép vị ấy khiến cho tâm vị ấy trở lại. Nàng phải làm há cảo niềm vui/ há cảo ngon có trăm vị trong đó nàng trộn cùng những thảo dược vào. Hãy sử dụng các câu bùa phép để chiếm lấy vị ấy. Tâm của vị ấy khi đó sẽ quay lại rồi vị ấy chắc chắn sẽ đến. Ta chắc chắn điều này."

Nàng Da-du-đà-la đã theo lời chỉ dẫn của vị đó nên đã cử người đi mời đức Phật: "Xin Ngài cùng với hội chúng các bậc Thánh hạ mình/chiếu cố từ [đỉnh cao] tâm linh tuyệt vời của quý Ngài mà cho chúng con vinh dự bằng sự hiện diện của quý Ngài." Đức Phật bèn đến và bước vào cung điện của nhà vua. Nàng Da-du-đà-la lập tức gửi người dâng há cảo niềm vui/ngon có trăm vị và đặt vào bát của đức Phật. Khi đức Phật đã ăn chúng xong, nàng ấy hy vọng là theo ước nguyện của nàng, họ sẽ cùng chia sẻ

niềm vui cùng nhau như trước đây. Đức Phật đã ăn chúng nhưng không có vẻ gì khác cả, tâm và mắt của Ngài vẫn trong sáng và tĩnh lặng.

Nàng Da-du-đà-la nói rằng: "Bây giờ chàng ấy chưa cử động bởi vì sức mạnh của nước bùa [phép] chưa có tác dụng, vậy thôi. Một khi sức mạnh của nước phép đã có tác dụng, chuyện chắc chắn hóa ra như ta mong ước." Khi đức Phật đã dùng bữa xong, và bùa phép đã bị bỏ rồi, Ngài đứng dậy từ ghế và đi khỏi. Nàng Da-du-đà-la hy vọng rằng sức mạnh của nước phép sẽ có tác dụng vào xế trưa và nó sẽ hoạt dụng, chắc chắn rằng khiến chàng ấy trở lại cung điện. Tuy nhiên, đức Phật vẫn giống như vậy, không hề có sự khác biệt nào cả trong thân và tâm.

Khi đến ngày kế tiếp đến lượt các thầy Tỳ khưu dùng bữa, họ đắp y, cầm bát, rồi đi vào thành phố để khất thực. Khi ấy tất cả họ đều nghe chuyện này nên bị cảm động, tăng thêm sự tôn kính, nghĩ là: "Thần thông của đức Phật thật vô lượng. Tinh thần và tâm của Ngài ấy khó thể suy lường. Chúng là không thể nghĩ bàn và không thể diễn tả. Sức mạnh của những cái há cảo niềm vui/ngon của nàng Da-du-đà-la cực kỳ lớn nhưng đức Thế Tôn đã ăn chúng mà không có xảy ra thay đổi gì cho cả thân và/hay tâm của Ngài."

Khi các thầy Tỳ khưu đã dùng bữa xong và đi khỏi thành phố, họ thưa lại toàn bộ câu chuyện cho đức Thế Tôn.

Kiếp quá khứ của đức Phật là vị tiên/thánh có một sừng

Đức Phật bảo các thầy Tỳ khưu rằng: "Về phần nàng Da-du-đà-la, không phải chỉ trong kiếp này nàng ấy đã dùng há cảo niềm vui/ngon [cố gắng] để rối tâm ta. Khi ấy đức Thế Tôn bèn kể lại những nhân duyên trong kiếp quá khứ đằng sau chuyện này, như vầy: "Cách đây đã lâu xa trong quá khứ, có một vị tiên/thánh ở trong núi của vương quốc Ba-la-nại, vào đầu xuân đang đi tiểu tiện trong một cái bô khi vị ấy nhìn thấy một con nai đực và một con nai cái đang giao phối. Vị ấy bỗng khởi ý nghĩ dâm dục nên tinh dịch của vị ấy chảy vào cái bô.

Con nai cái tình cờ uống nước từ cái bô đó và có thai. Khi thai đã đủ tháng thì nai cái sinh ra nai con có hình dáng một người đàn ông. Chỉ có [sự khác biệt] là một cái sừng ở trên đầu và chân giống như chân nai. Khi con nai sắp sinh con thì nó đã đến nơi bên cạnh túp lều của vị tiên rồi sinh con ở đó. Khi nai mẹ thấy nai con là một con người nên đã ủy thác nó cho vị tiên rồi bỏ đi.

Khi vị tiên đi ra thì vị ấy nhìn thấy đứa con của nai mẹ, đã nhớ lại những duyên ban đầu, biết rằng đứa trẻ chính là con trai mình, nên đã nhận nuôi nấng nó. Khi [người con trai] đến tuổi trưởng thành, vị tiên rất siêng năng chỉ dạy cho con mình học các môn để có thể thâm nhập 18 loại kinh điển vĩ đại.[48]

Ngoài ra, vị ấy (người con trai) còn học ngồi thiền, thực hành bốn tâm vô lượng[49] và ngay lập tức đắc năm loại thần thông.

Có lần khi vị ấy đang leo núi và gặp một trận mưa bão lớn. Bùn lầy trơn trợt khiến vị ấy bị trượt, chân, té xuống đất, vỡ bình đựng nước và bị thương ở chân. Vị ấy trở nên rất giận dữ. Với một cái bình đầy nước , khi ấy vị ấy làm phép khiến tất cả mưa chấm dứt. Do sức ảnh hưởng của những phẩm chất công đức của vị tiên này, rồng, ma, và các thần đều thay mặt vị tiên này ngăn không cho mưa.

---

[48] ND: nguyên tác tiếng Anh là "18 great classics". Theo tra cứu có nghĩa là cổ tự, kinh văn ca ngợi các vị thần ở Ấn như Vishnu, Naradiya, Padma, Garuda, Varaha, Bhagavata, Matsya, Kurma, Linga, Shiva, Skanda, Agni, Brahmanda, Brahmavaivarta, Markandeya, Bhavishya, Vamana, Vayu Purana.

[49] ND: từ, bi, hỷ và xả.

Do trời không mưa nên năm loại ngũ cốc và năm loại trái cây tất cả đều không mọc được. Dân chúng đói nghèo, bần cùng và không có cách nào để tiếp tục sinh sống. Vua của vương quốc Ba-la-nại đau khổ, lo lắng và bị đau buồn dằn vặt. Đức vua ra lệnh triệu tập tất cả quan lớn và thảo luận về tình hình lượng mưa.

Một người thông minh trong bọn họ đưa ra ý kiến : "Thần nghe đồn rằng trên Núi Tiên có một vị tiên một sừng, vì trợt chân, té xuống khi lên núi, đã bị thương ở chân. Vị ấy làm phép đáng ghét với những cơn mưa, khiến mưa không rơi trong mười hai năm."

Nhà vua tự nghĩ : "Nếu trời không mưa trong mười hai năm, vương quốc của ta chắc chắn sẽ bị tiêu diệt. Không còn ai sống sót cả." Khi ấy nhà vua bèn ra chiếu khẩn cầu : "Có thể có ai đó có khả năng khiến một vị tiên mất năm thần thông, người sẽ chỉ dạy ta điều này vì dân chúng không? Ta sẽ chia vương quốc để mỗi chúng ta trị vì một nửa."

Trong vương quốc Ba-la-nại, có một kỹ nữ tên là Śāntā người đẹp vô song/không ai sánh bằng nàng. Nàng ấy đáp lời khẩn cầu của nhà vua và hỏi mọi người ở đó rằng : "Có phải đó là một người đàn ông hay không phải là một người đàn ông?"

Mọi người đáp : "Vị ấy là một người đàn ông. Một vị tiên đã sinh ra vị ấy."

Nàng kỹ nữ ấy bèn nói : "Nếu vị ấy là một người đàn ông thì tôi sẽ có khả năng làm vị ấy hư hỏng." Sau khi nàng ấy thốt lời này, nàng đi lấy một cái mâm bằng vàng chất đầy những món ngon và quý báu, rồi thưa với đức vua : "Thần sẽ trở lại đây bằng cách cỡi trên cổ của vị tiên kia."

Rồi ngay lập tức nàng kỹ nữ ấy tìm 500 cổ xe chở 500 thiếu nữ xinh đẹp và 500 xe nai chở tất cả các loại thức ăn vặt loại ngon đã được trộn nhiều thảo mộc. Nàng ấy đã dùng nhiều màu sắc để nhuộm màu cho chúng trông giống như nhiều loại trái cây khác nhau rồi lấy tất cả loại rượu mạnh thượng hạng mà về hình dáng và hương vị giống y như nước.

Họ mặc đồ bằng vỏ cây và cỏ rồi đi đến khu rừng đó, trông có vẻ như thể chính họ là các tiên nữ. Họ dừng những túp lều cỏ ở một bên túp lều của vị tiên kia rồi cư trú ở đó. Vị tiên một sừng đang đi dạo nên đã quan sát họ. Tất cả các thiếu nữ đều xuất hiện

và chào đón vị ấy. Họ đã sử dụng những bông hoa đẹp và nhang tốt để cúng dường vị tiên ấy. Vị tiên đã rất vui mừng.

Tất cả các thiếu nữ đã dùng những từ dễ thương và câu cú tôn kính để chào vị tiên ấy. Họ mời vị ấy vào phòng họ và ngồi cùng với vị ấy trên chiếc giường tốt. Họ cho vị ấy uống rượu ngon trong suốt mà vị ấy cho đó là nước trong. Họ cho vị ấy đồ ăn vặt thơm ngon mà vị ấy tưởng là trái cây. Sau khi vị ấy đã ăn uống no nê, vị ấy bảo các thiếu nữ rằng: "Từ lúc ta sinh ra đến giờ, đây là lần đầu tiên. Ta chưa bao giờ có thứ trái cây và nước ngon như vậy."

Các thiếu nữ bèn bảo là: "Đó là vì chúng em nhất tâm trong sự thực hành việc thiện nên các vị trời đã thỏa ước nguyện của chúng em là có được những thứ trái cây ngon và nước mát này."

Vị tiên hỏi các thiếu nữ rằng: "Làm thế nào da và thân thể của các nàng lại đầy đặn và hồng hào[50] thế?

Bọn họ bèn đáp là: "Bởi vì chúng em ăn những trái cây ngon này và uống loại nước kỳ diệu này nên thân thể của chúng em đầy đặn và hồng hào như vậy."

Các thiếu nữ thưa vị tiên : "Sao ngài không đến và sống ở đây với chúng em?"

Vị ấy đáp lại rằng: "Ta cũng có thể cư trú ở đây."

Các thiếu nữ bèn nói là: "Chúng ta có thể tắm cùng nhau." Vị ấy cũng bằng lòng tắm chung. Tay của các thiếu nữ mềm mại và dịu dàng, khi họ chạm vào vị ấy, tâm vị ấy rúng động. Rồi vị ấy tiếp tục tắm chung với các thiếu nữ đẹp. Những ý nghĩ tham dục phát sinh nên vị ấy đã hành dâm. Lập tức vị ấy mất thần thông, khi ấy trời mưa trút nước trong bảy ngày bảy đêm tạo cho họ cơ hội thỏa thích vui thú việc ăn uống.

Sau khi bảy ngày đã trôi qua, rượu và trái cây tất cả đều hết, sau đó họ tiếp tục thỏa mãn nhu cầu bằng nước trên núi và trái cây trên cây. Tuy nhiên, hương vị của chúng không tuyệt vời, do đó vị ấy muốn có thêm những thứ họ đã có trước đây.

Nàng kỹ nữ bảo vị ấy : "Chúng đã được sử dụng hết rồi. Giờ đây chúng ta phải đến một nơi, không xa đây, để lấy chúng."

---

[50] ND: nguyên tác tiếng Anh là "so full and flourishing, nghĩa đen là "tròn/đầy và thịnh vượng/sức khỏe tốt"

Vị tiên bảo là: "Chúng ta có thể làm theo ý nàng." Rồi họ cùng nhau ra đi. Nàng kỹ nữ biết khi đã đến nơi cách thành phố không xa. Khi ấy thiếu nữ đó nằm giữa đường rồi bảo: "Em kiệt sức rồi. Em không thể đi bộ thêm nữa đâu."

Vị tiên bèn bảo: "Nếu nàng không thể đi nữa, hãy ngồi trên vai ta và ta sẽ mang nàng đi."

Vị thiếu nữ đã gửi trước một bức thư cho nhà vua trong đó nàng ấy bảo đức vua : "Bệ-hạ sẽ có khả năng quan sát sự thông minh và khả năng của thần thiếp."

Nhà vua ra lệnh thắng cổ xe rồi đi quan sát họ. Nhà vua hỏi rằng : "Làm thế nào nàng khiến điều này xảy ra?"

Thiếu nữ bèn tâu với vua : "Nhờ có năng lực của phương tiện khéo mà thần thiếp bây giờ đã khiến tình huống xảy ra theo cách này. Thần không có khả năng nào hơn nữa. Hãy ra lệnh cho vị ấy sống trong thành phố. Hãy dâng thức ăn ngon và kính trọng vị ấy. Làm cho vị ấy thỏa mãn với năm thứ dục lạc."

Nhà vua ban cho vị ấy địa vị của một vị quan lớn/ban cho vị ấy chức quan lớn. Vị ấy đã ở trong thành phố ít lâu thì thân thể vị ấy trở nên hốc hác/mệt mỏi và ốm o. Vị ấy nhớ hạnh phúc tinh thần của thiền định nên chán ghét những dục lạc thế gian này. Nhà vua bèn hỏi vị tiên : "Làm thế nào ngài lại không vui đến mức thân thể ngài bây giờ tiều tụy và ốm o thế này?"

Vị tiên bèn đáp : "Mặc dù tôi đã có được năm dục lạc, tôi thường nhớ sự thảnh thơi và tịch tịnh trong rừng, nơi lang thang của tất cả các vị tiên. Tâm tôi không thể nào quên nó được."

Nhà vua tự nghĩ : "Nếu ép buộc vị ấy, ngược lại ước nguyện của vị ấy, thì việc chống lại ước nguyện của một người thì gây ra đau khổ. Nếu đau khổ đến cùng cực thì vị ấy sẽ chết. Ban đầu, điều này là vì muốn chấm dứt tai họa hạn hán. Giờ ta đã làm được việc ấy. Tại sao ta lại tiếp tục ép buộc vị ấy không được theo ý nguyện của mình? Rồi nhà vua bèn phóng thích vị ấy.

Sau khi vị ấy đã trở lại núi, không lâu sau khi vị ấy thực hành tinh tấn thì lại đắc năm thần thông.

Đức Phật bảo các thầy tỳ khưu : “Vị tiên một sừng chính là Ta. Nàng kỹ nữ là nàng Da-du-đà-la. Vào lúc đó, nàng ấy đã lừa dối ta bằng há cảo niềm vui/ngon. Ta chưa hết kết sử nên đã bị nàng ấy lừa. Hiện giờ nàng ấy lại muốn dùng há cảo ngon để lừa ta nhưng không thể thành công.”

Về việc này người ta biết rằng hiện tượng của sự xúc chạm tinh tế và dịu dàng có khả năng làm rúng động ngay cả một vị tiên, hà huống là một người bình thường ngớ ngẫn nào đó. Tất cả nhân và duyên như trên minh họa điều nghĩa là từ bỏ dục lạc/ham muốn [cảm giác của] sự êm ái/mịn màng tế nhị. Theo cách này, người đó từ bỏ dục lạc.

Kiếp quá khứ của đức Phật là vị tiên tên San kha (Śaṅkhācārya)

Lời tựa của Ngài Long Thọ

Lại nữa, tất cả những ai không phải là Phật tử, các đệ tử Thanh Văn, và các Bồ-tát đều đạt được thiền định. Tuy nhiên, có ba loại tai họa với thiền định của người không phải là Phật tử: Trong một số trường hợp, họ bị dính mắc/chấp đắm/tham luyến vào niềm vui của thiền định. Một số khác lại có quan điểm sai lầm/tà kiến. Một số khác lại bị nhiễm ô bởi sự kiêu ngạo và tự hào. Với sự thiền định của các đệ tử Thanh Văn, lòng từ và lòng bi thì hiếm hoi. Họ không sử dụng tuệ sắc bén để thâm nhập bản chất thật của các pháp. Họ chỉ chuyên vào lợi ích cho chính họ nên cắt đứt dòng truyền của chư Phật. Thiền của các vị Bồ-tát thoát khỏi các vấn đề như vậy. Bởi vì họ muốn tích lũy Pháp của tất cả chư Phật, ngay cả trong khi nhập thiền, họ vẫn không quên chúng sanh và thường giữ tâm từ cho ngay cả những con côn trùng nhỏ nhất.

Câu chuyện: Kiếp quá khứ của đức Phật là vị tiên Śaṅkhācārya

Điều này được minh họa bằng câu chuyện của vị tiên có tóc như vỏ ốc xoắn tên là thánh giả San-kha (Śaṅkhācārya) người mà thường xuyên tu tập thiền thứ tư/tứ thiền[51]. Hơi thở của vị ấy đã trở nên chấm dứt. Vị ấy đang ngồi ngay thẳng, bất động, dưới một cái cây. Một con chim nhìn thấy vị ấy như thế, cho vị ấy là một cái cây nên đã đẻ trứng trên tóc của vị ấy. Vị Bồ-tát này xuất thiền và nhận ra rằng có trứng chim trên đầu mình. Khi ấy vị ấy tự nghĩ là : "Nếu ta đứng dậy và di chuyển, chim mẹ chắc chắn sẽ không trở lại. Nếu chim mẹ không trở lại thì mấy cái trứng chim này chắc chắn sẽ hư mất." Rồi vị ấy nhập thiền lại. [Vị ấy vẫn ở đó] cho đến khi những con chim non đã bay đi. Thì chỉ khi đó vị ấy mới đứng dậy [từ nơi ngồi thiền của mình].

[51] ND: sơ thiền, nhị thiền, tam thiền và tứ thiền.

Sự sa đọa của vị ẩn sĩ Uất Đầu (Udraka)
Lời tựa của ngài Long Thọ: Sự quán chiếu của vị Bồ-tát

Lại nữa, khi vị Bồ-tát quán chiếu tất cả các pháp, liệu chúng [các pháp gắn với tâm] là sự tản mạn hay liệu chúng là [các pháp gắn với] thiền, trong mỗi trường hợp [vị ấy nhận ra rằng] chúng có bản chất là bất nhị/không hai. Một số người áp dụng chúng để từ bỏ sự tản mạn của tâm và đạt thiền định. Tại sao như vậy? Đó là bởi vì trong các pháp gắn với sự tản mạn, tâm của họ chất đầy sự thù ghét; trong khi đó, giữa các pháp gắn với thiền định, họ phát triển các tư tưởng có đặc điểm bởi sự tham luyến/dính mắc.

Câu chuyện: Sự sa đọa của vị ẩn sĩ Uất Đầu (Udraka)

Điều này được minh họa bởi trường hợp của vị ẩn sĩ Uất Đầu**.** Vị ấy đã đắc năm thần thông. Mỗi ngày vị ấy bay đến cung điện của vua để dùng bữa/thọ trai.

[Một ngày nọ] theo truyền thống của vương quốc mình, vợ của vua đã đảnh lễ, nắm lấy chân của vị tiên. Khi tay của nàng ấy chạm vào vị ấy, lập tức vị ấy mất thần thông. Vị ấy [bị buộc phải] xin một cổ xe từ nhà vua. Vị ấy bước lên cổ xe và rời đi, trở lại nơi cư trú ban đầu của vị ấy.

Rồi vị ấy đi vào rừng và tìm lại năm thần thông, chính mình nhất tâm tận tụy/nỗ lực. Ngay khi vị ấy sắp sửa có lại thần thông thì có một con chim trên cây gọi khẩn cấp, khiến tâm vị ấy bị phân tán.

Vị ấy bèn rời cái cây đó rồi đi đến bờ hồ và tìm cách nhập thiền ở đó. Rồi vị ấy cứ nghe âm thanh nước tung của một con cá đang nhảy. Vị này khi ấy không thể nhập thiền cho nên rất tức giận, thề rằng: “Ta phải giết chết tất cả cá và các con chim nữa!”

Rất lâu sau đó, sự tu tập quán chiếu của người đàn ông này khiến vị ấy đạt được các tầng thiền. Vị ấy tái sanh ở Phi tưởng Phi phi tưởng xứ. Khi mạng sống đó chấm dứt, vị này bị tái sanh là một con cáo biết bay giết chim và cá nên đã tạo ra vô số nghiệp báo.

Kết quả là, vị ấy bị tái sinh trong ba cõi xấu.

Đây là chuỗi nhân quả gắn với tâm tham luyến thiền định.

Một vị tỳ khưu bị sự tự hào về sự thiền định của mình đánh bại/hạ gục

Trong số các đệ tử của đức Phật cũng có một vị tỳ khưu đã đắc tứ thiền và rất tự phụ đến nỗi cho rằng mình đã đắc quả của đạo quả thứ tư [quả vị A-la-hán]. Khi vị ấy đạt sơ thiền, vị ấy nghĩ đó là [giai đoạn] của Tu-đà-hoàn/Dự lưu. Khi vị ấy đạt Nhị thiền, vị ấy nghĩ đó là [giai đoạn] Tư-đà-hàm/Nhất-lai. Khi vị ấy đạt Tam thiền, vị ấy nghĩ đó là [giai đoạn] A-na-hàm/Bất-lai. Khi vị ấy đạt Tứ thiền, vị ấy nghĩ mình đã đắc quả A-la-hán.

Dựa trên điều này, vị ấy dừng việc thực hành và không muốn tiến bộ thêm nữa. Khi mạng sống của vị ấy sắp hết, vị ấy nhìn thấy các dấu hiệu của các uẩn trung ấm [mang sự tái sanh ở] [cõi trời] Tứ thiền. Vị ấy đã phản ứng với điều này bằng quan điểm sai lầm rằng: "Không có thứ gì như là Niết-bàn cả. Đức Phật đã lừa ta." Vì sinh khởi ý nghĩ ngược ngạo và ác độc này, vị ấy mất các uẩn trung ấm [dẫn đến tái sinh ở] [các cõi trời] Tứ thiền rồi nhìn thấy các dấu hiệu của các uẩn trung ấm gắn với [các địa ngục] Vô gián. [Hậu quả là], khi mạng sống của vị ấy chấm dứt, lập tức vị ấy bị tái sanh ở các

địa ngục Vô gián. Các thầy Tỳ khưu đã hỏi đức Phật: "Khi thầy tỳ khưu tên đó…, người ẩn sĩ hạnh a-lan-nhã đã chết, vị ấy tái sanh ở nơi nào ạ?"

Đức Phật bảo : "Người này bị tái sanh ở các địa ngục Vô gián."

Tất cả các thầy tỳ khưu đều giật mình và sửng sốt: "Người này ngồi thiền và giữ giới. Làm sao điều này lại là cơ sở cho hoàn cảnh như thế ạ?"[52]

Đức Phật bảo rằng: "Người này cực kỳ kiêu ngạo. Điều đó xảy ra vì khi vị ấy đạt bốn tầng thiền, vị ấy đã tin rằng mình thật sự đắc bốn quả [của vị A-la-hán]. Rồi, khi mạng sống của vị ấy sắp hết, vị ấy trông thấy các dấu hiệu của các uẩn trung ấm của tầng thiền thứ tư nhưng lại phát sinh tà kiến, nghĩ rằng : "Không có thứ gì như là Niết-bàn. Ta là vị A-la-hán [tuy nhiên] ta bây giờ bị tái sanh trở lại. [Lời dạy] của đức Phật là giả dối và lừa lọc." Vào lúc đó, lập tức vị ấy nhìn thấy các dấu hiệu của các uẩn trung ấm của các địa ngục Vô gián. Khi vị ấy chết, lập tức vị ấy tái sanh ở địa ngục Vô gián.

Rồi đức Phật thốt kệ sau:

Một người có thể học nhiều, giữ giới, thông thạo thiền định,
Khi chưa đạt được pháp vượt ngoài những bất tịnh hữu lậu.
Mặc dù một người có thể có những phẩm chất công đức,
Tình huống này là trường hợp người đó không thể có niềm tin/tín tâm.

Kết thúc thảo luận của Luận Đại Trí Độ

Vị tỳ khưu này trải qua đau khổ trong các cõi xấu. Người đó có thể nhận ra từ điều này rằng nếu ai chấp giữ các đặc điểm của sự tản mạn, người ấy có thể sinh khởi các tư tưởng đầy thù ghét/sân hận và các phiền não khác. Nếu ai nắm giữ các đặc điểm gắn với thiền định, thì người ấy sinh khởi sự tham luyến dựa trên điều này.

Vị Bồ-tát không nắm giữ các đặc điểm gắn với sự tản mạn tâm cũng không giữ các đặc điểm gắn với thiền định. Đây là do bởi các đặc điểm của sự tản mạn và thiền định

[52] ND: nguyên tác tiếng Anh là "such a circumstance" có nghĩa là: "hoàn cảnh như thế"

đều có một bản chất. Chính là [sự nhận thức/giác ngộ] này mà được xem là [phù hợp] với thiền định ba-la-mật/tĩnh lự ba-la-mật.

Phần Sáu

Các Câu Chuyện Của Ngài Long Thọ Về Trí Tuệ

Nhà vua giác ngộ do vườn ngự uyển[53] bị hư

Lời tựa của Ngài Long Thọ

Hỏi: Nếu là trường hợp rằng con đường đạo của một vị Phật độc giác thì giống [như của một vị A-la-hán], vậy làm thế nào phân biệt giữa các vị Đệ tử Thanh Văn/Thanh văn thừa và các vị Phật độc giác?

Đáp: Mặc dù những con đường đạo của họ chỉ có một loại, tuy nhiên, cách họ sử dụng trí tuệ thì khác nhau. Trong trường hợp mà chư Phật chưa xuất hiện [trong thế gian này] hay là Chánh pháp của một đức Phật nào đó đã bị diệt, thì người này, do những yếu tố nhân duyên gắn với những đời trước, chính mình phát triển trí tuệ và không dựa trên việc nghe pháp [trực tiếp, trong đời này], từ bất kỳ ai khác. Chính vị ấy có trí tuệ để ngộ Đạo.

Câu chuyện: Nhà vua giác ngộ do vườn ngự uyển bị hư hỏng

Điều này được minh họa bởi ví dụ/câu chuyện kể về vua của một vương quốc đã đi dạo chơi và thưởng ngoạn trong vườn ngự uyển của mình. Vào sáng sớm, ông nhìn thấy các cây trong vườn ngự uyển, những bông hoa, và trái cây. Chúng cực kỳ dễ thương và ưa nhìn/hấp dẫn. Sau khi nhà vua đã ăn xong, thì vua bèn ngủ một giấc. Trong lúc đó, tất cả những phi tần (người vợ) và các ca kỹ (nữ nghệ sĩ) của nhà vua đều đi nhặt hoa và trong quá trình đó, đã làm hư hỏng các cây cối bằng cách bẻ các cành cây.

Sau khi nhà vua thức dậy, vị ấy nhìn thấy sự hư hỏng trong vườn ngự uyển và bỗng nhiên giác ngộ rằng tất cả thế giới thì vô thường và buộc phải hư hoại/bị phá hủy cũng giống như vậy. Sau khi vị ấy quán chiếu như vậy, vị ấy phát sinh tâm vô lậu hoặc/tâm của đạo không còn bất tịnh hữu lậu phát sinh, chấm dứt kiết sử, đắc quả vị Phật duyên

[53] ND: nguyên tác tiếng Anh là "park".

giác, hoàn thiện sáu thần thông, và bay vào một nơi yên tĩnh không có người ở của khu rừng.

Đoạn kết thúc của Luận

Do những hoàn cảnh nhân duyên như trên sinh khởi là quả báo của những công đức, những lời nguyện, những thực hành trong đời trước, nên một người có thể chỉ cần ngay trong đời hiện tại quan sát một nhân hay duyên nhỏ rồi có khả năng hoàn thiện/đạt được con đường của vị Phật Độc giác chính là quả báo. Chính những yếu tố như vầy tạo nên sự khác biệt [giữa những con đường đạo của một vị Phật Độc giác và một vị A-la-hán].

Vua Ma-ha-nam lo lắng về việc tái sanh

Lời tựa của Ngài Long Thọ

Hỏi: Trong các bài kinh[54], đức Phật đã dạy cách quán chiếu các pháp hữu vi là vô thường, khổ, không và vô ngã, khiến cho họ đắc đạo. Vậy thì làm thế nào Ngài (Long Thọ) nêu là: khi một ai đó khẳng định thực tế của "sự vô thường," điều đó tạo nên quan điểm sai lầm?

Đáp: Trong các bài kinh, đức Phật thuyết sự vô thường, và trong các bài kinh khác, Ngài thuyết về [một số yếu tố] "không bị hủy diệt."

Câu chuyện: Vua Ma-ha-nam lo lắng về sự tái sanh

Chẳng hạn như khi vua của dòng Thích Ca là Ma-ha-nam, đến chỗ đức Phật cư trú và thưa : "Dân chúng của thành Ca-tỳ-la-vệ thì đông. Đôi khi con gặp một cỗ xe chạy tốc độ, một con ngựa chạy trốn, một con voi điên hay người đang đánh nhau, thì con

[54] ND: nguyên tác tiếng Anh là "in place after place" có nghĩa là "từ nơi này đến nơi khác."

mất sự tập trung về chánh niệm về đức Phật. Vào những lúc như thế, con tự nghĩ : "Nếu bây giờ mình chết, thì sẽ bị tái sanh về đâu?"

Đức Phật bảo Ma-ha-nam rằng: "Bệ-hạ không nên sợ hãi. Đừng sợ. Vào lúc như vậy, bệ-hạ sẽ không bị tái sanh vào một trong những cõi xấu. Bệ-hạ chắc chắn sẽ tái sanh ở nơi tốt lành. Điều này cũng ví như một cái cây luôn nghiêng hẳn về phía đông. Nếu có ai cắt cây đó thì nó chắc chắn sẽ rơi về phía đông.

"Tình huống giống như vậy trong trường hợp của một người tốt. Khi thân thể hư hoại rồi người đó chết đi, bởi vì trong suốt đêm dài [của thời gian], ý thức tâm của tâm thiện/lành mạnh đã thấm nhuần với tín tâm, đạo đức/giới hạnh, học hành, bố thí, và trí tuệ, cho nên người ấy chắc chắn sẽ đạt được lợi ích của ý thức đó và do vậy được tái sanh ở các cõi trời."

Kết luận việc bàn thảo trong Luận Đại Trí Độ

Nếu là trường hợp rằng tất cả các pháp là vô thường bởi việc được sinh ra và hủy diệt trong từng sát na/suy nghĩ, thì tại sao đức Phật lại thuyết là bởi tất cả phẩm chất công đức thấm đẫm tâm, người ấy chắc chắn có được tái sanh tốt? Vì việc này, người ta nên nhận ra rằng [các pháp] về bản chất không phải là vô thường.

Hỏi: Nếu vô thường không thực sự là như vậy, tại sao đức Phật nói về vô thường?

Đáp: Đức Phật phù hợp với những gì thích hợp cho chúng sinh [cụ thể] và vì vậy đã nói giáo pháp đó vì lợi ích của họ. Đó là để bác bỏ quan điểm đảo ngược/điên đảo [mà tưởng tượng] sự thường còn mà Ngài đã nói về vô thường.

[Trong trường hợp ngược lại], bởi vì con người không nhận thức được hoặc không tin vào những kiếp sau, Ngài đã nói về tâm thức tiếp tục trong một sự tồn tại sau này và được tái sinh trên cõi trời, [giải thích rằng] nhân duyên của hành vi phạm tội và công đức không bị mất đi thậm chí trong một triệu đại kiếp (kalpas).

Đây là những ví dụ của nguyên lý/tất-đàn (*siddhānta*) (quan điểm giáo lý) phản tác dụng. Chúng không phản ánh [sự thật tối hậu của] ý nghĩa cao thượng (nguyên lý) (*siddhānta*). Đặc tính thực sự của Pháp không liên quan đến khái niệm thường hằng hay khái niệm vô thường.

Sau đó, Đức Phật cũng nói trong nhiều kinh/tại chỗ này đến nơi khác về tánh không của các pháp. Trong tánh không của các pháp, vô thường thì không tồn tại. Chính vì những lý do này mà người ta nêu ở đây rằng nếu tuyên bố rằng thế giới là vô thường là một quan điểm sai lầm. Do đó, người ta đề cập đến tánh không của các pháp.

Luận Lực (Vivādabala) cố gắng tranh biện với đức Phật

Lại nữa, [có trường hợp của] vị Phạm Chí từ Tỳ-xá-ly được người ta gọi là "Luận Lực/Năng lực Tranh biện" (Vivādabala). Người dân Ly-xa đã tặng cho vị ấy nhiều thứ quý giá để khiến vị ấy đi và tranh biện với đức Phật. Sau khi vị ấy được họ thuê [đi

tranh biện], đêm đó vị ấy nghĩ kỹ rồi chọn năm trăm câu hỏi thách đố [là đề tài tranh biện] rồi sớm hôm sau đi với người Ly-xa đến nơi đức Phật cư trú. Vị ấy hỏi đức Phật rằng: "Có một con đường tối thượng/rốt ráo hay có nhiều con đường tối thượng?"

Đức Phật đáp: "Chỉ có một con đường tối thượng. Không có nhiều con đường."

Vị Phạm Chí bèn nói : "Đức Phật tuyên bố rằng có một con đường, tuy nhiên tất cả các bậc thầy ngoại đạo (không là Phật tử) mỗi người đều có một con đường tối thượng. Những điều này tạo thành "nhiều", không phải chỉ "là một".

Đức Phật bèn bảo : "Mặc dù mỗi người có con đường riêng và có nhiều con đường, trong mỗi trường hợp, chúng không phải là con đường thật sự. Tại sao? Bởi vì tất cả chúng đều dính mắc tà kiến nên chúng không đủ tiêu chuẩn là con đường tối thượng."

Đức Phật bèn hỏi vị Phạm Chí ấy rằng : "Có phải vị Phạm Chí Đầu Nai (Mṛgaśiras) đã ngộ Đạo hay chưa?"

Vị ấy đáp : "Phạm Chí Đầu Nai là người quan trọng nhất trong tất cả chúng tôi đã đắc đạo."

Thật tình cờ là vị trưởng lão Phạm Chí Đầu Nai là vị tỳ khưu đang đứng sau đức Phật vào đúng lúc đó, đang quạt cho đức Phật. Khi ấy đức Phật bèn hỏi vị Phạm Chí đó rằng: "Anh có nhận ra thầy tỳ khưu ở đây hay không?" Vị Phạm Chí đó nhận ra vị thầy tỳ khưu, xấu hổ, cúi thấp đầu. Rồi đức Phật thốt ra kệ sau trong *Phân loại Ý nghĩa/Chương về Ý nghĩa* (*Arthavarga)*

Mọi người có ý kiến rằng vị ấy [sở hữu] sự tối thượng,
Thế nên mỗi người bị tham đắm vào bản ngã/cái tôi.
Mỗi người tự cho mình là đúng và đổ lỗi cho người khác.
Những điều này trong mọi trường hợp
không phải là rốt ráo/tối thượng.

Những người này bước vào hội chúng tranh biện.
Khi họ tham gia vào việc phân biệt rõ ý nghĩa và nguyên tắc,
Mỗi người [nói về] việc đúng và sai của người khác.

Người chiến thắng và kẻ bị đánh bại
yêu quý sự phiền muộn và niềm vui.

Người chiến thắng rơi vào hầm hố kiêu ngạo.
Kẻ chiến bại rơi vào địa ngục phiền muộn.
Do đó, trong trường hợp người có trí,
Người đó không theo cả hai loại pháp này.

"Luận Lực" (Vivādabala), anh nên biết :
Trong số các đệ tử của Ta và Pháp của Ta,
Không có gì là "giả dối" cũng không có gì là "thật sự".
Vậy thì bây giờ anh tìm kiếm điều gì?

Nếu anh muốn phá hoại bài thuyết pháp [về giáo lý] của ta,
Đây là sự cố gắng hoàn toàn không thể được.
Thật khó mà thành công trong việc đánh gục
hoàn toàn tất cả các loại kiến thức,
Nên, trong bất kỳ trường hợp nào, điều đó giống như
hủy hoại ngay cả [giáo lý] của chính ngươi.

Kết thúc bàn về đoạn trên

Trong các bài kinh của các Đệ tử Thanh Văn, có những thảo luận chẳng hạn như chuyện này về tánh không của tất cả các pháp. Về cách của Đại thừa với tánh không, tất cả các pháp, bởi chính bản chất của chúng, thì vĩnh viễn không có tự tánh. Nó không phải vì quán chiếu dựa trên phương tiện gắn với trí tuệ mà người ta thấy chúng là rỗng không.

Điều này được minh họa bằng sự giải thích của đức Phật với ngài Tu-bồ-đề về sắc:

"Sắc tự tánh là không. Thọ, tưởng, hành và mọi thức đều tự tánh không. Mười hai xứ, mười tám giới, mười hai nhân duyên, ba mươi bảy phẩm trợ đạo, mười lực, bốn vô

sở úy, mười tám pháp bất cộng, đại từ, đại bi, toàn giác/nhất thiết trí, và vân vân cho đến A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề/Vô thượng chánh giác-tất cả chúng đều hoàn toàn tự tánh không."

Người nông dân không có học phát hiện ra muối

Lời tựa của ngài Long Thọ

Hơn nữa, một người quán chiếu tánh không thật sự trước hết trải qua vô số bố thí, giữ giới và thiền định. Tâm của vị ấy mềm mại và nhu nhuyến (*pliant*) nên kiết sử của vị ấy cũng ít. Sau đó, vị ấy đạt [sự giác ngộ] về tánh không thật sự. Trong trường hợp của [người bám chấp] tà kiến, thì không có những nổ lực này. Vị ấy chỉ muốn nắm giữ tánh không thì giải quyết bằng/thì buộc phải chọn các tà kiến gắn với những suy đoán và phân biệt.

Câu chuyện: Người nông dân không có học phát hiện ra muối

Điều này có thể so sánh với người nông dân mà chưa bao giờ trông thấy muối. Anh ta tình cờ nhìn thấy một người quý tộc thêm muối vào nhiều loại thịt và rau quả trước khi ăn chúng. Anh ta bèn hỏi: "Tại sao ngài làm thế ạ?"

Người kia đáp : "Đó là bởi vì muối này có khả năng làm cho mọi thứ có vị ngon."

Anh ta bèn nghĩ: "Nếu muối có khả năng khiến mọi thứ có vị ngon, hương vị của nó chắc phải còn ngon hơn nữa." Rồi anh ta ngu xuẩn múc muối lên, bỏ đầy miệng mình rồi nuốt nó. Độ mặn của muối đã làm tổn thương miệng anh ta nên anh ta bèn hỏi : "Tại sao ngài lại cho rằng muối có khả năng làm (ăn) ngon?"

Người quý tộc bèn bảo : "Này kẻ ngu, với một thứ như vầy, anh phải cẩn thận tính toán nên trộn bao nhiêu để khiến [thức ăn] có vị ngon. Làm sao anh thậm chí có thể nghĩ là chỉ ăn muối là được?"

Kết thúc bàn luận đoạn trên

Một người thiếu trí tuệ nghe về cổng của tánh không cho sự giải thoát nhưng không thể tu tập tất cả các phẩm chất công đức. Người đó chỉ muốn giác ngộ tánh không. Điều này giống như cắt bỏ gốc rễ thiện căn của một người không có chọn lựa nào khác ngoài quan điểm sai lầm/tà kiến.

Những nguyên tắc như vầy minh họa cho điều nghĩa là cổng của tánh không. Nếu ai bước vào ba cổng [tánh không, vô tướng, và vô nguyện] này, thì vị ấy sẽ nhận ra rằng các nguyên tắc trong Pháp của đức Phật không mâu thuẫn với nhau. Nguồn gốc của khả năng một người có khả năng giác ngộ được khái niệm này chỉ là năng lực của bát-nhã ba-la-mật. Do vậy, người ấy không có bế tắc hay chướng ngại với bất kỳ pháp nào.

Ngài A-nậu-lâu đà và các tiên nữ[55]

Lời tựa của Ngài Long Thọ

Lại nữa, "chấm dứt kiết sử" có hai loại. Trong trường hợp thứ nhất, người đó chấm dứt ba loại độc. Tâm của người ấy không dính mắc với các đối tượng của năm dục giữa loài người và các vị trời. Trường hợp thứ hai là, mặc dù người đó không dính mắc với các đối tượng của năm dục giữa loài người và các vị trời; nhưng người đó chưa có khả năng chuyển hóa các đối tượng của năm dục hoạt dụng như là kết quả của công đức của vị Bồ-tát. Một vị Bồ-tát loại này nên thực hành bát-nhã ba-la-mật.

[55] ND: nguyên tác tiếng Anh là "heavenly maiden", nghĩa đen là "thiếu nữ cõi trời."

Câu chuyện: Ngài A-nậu-lâu-đà và những tiên nữ[56]

Câu chuyện này được minh họa bởi Ngài A-nậu-lâu-đà. Khi vị ấy đang cư trú trong rừng trong tư thế nhập thiền; thì tiên nữ "Tình yêu trong sáng" và các tiên nữ khác trong những thân thể tuyệt đẹp và trong sáng/tinh khiết đã đến để thử ngài A-nậu-lâu-đà. Ngài A-nậu-lâu-đà bèn bảo :

"Này các chị, các chị hãy tự mình thành màu xanh da trời khi các chị đến đây. Đừng xuất hiện đủ màu sắc như thế. Ta chỉ muốn quán chiếu sự bất tịnh nên không có khả năng thực hiện việc quán chiếu khác." Họ bèn hóa thành màu vàng, rồi màu đỏ, rồi màu trắng. Vào lúc đó Ngài A-nậu-lâu-đà đã nhắm mắt lại nên không nhìn, bảo rằng: "Các chị hãy đi khỏi đây." Vào lúc đó các tiên nữ biến mất. Nếu ngay cả các hình tướng mà các vị trời có được là phần thưởng phước đức như đã nêu, thì các đối tượng của năm dục mà hiển lộ là kết quả của công đức vô lượng của vị Bồ-tát còn hơn biết bao nhiêu!

[56] Câu chuyện này và chuyện tiếp theo không phải từ chương Trí tuệ bát-nhã của *Luận Đại Trí Độ*, mà từ phần bàn giới thiệu sáu ba-la-mật của ngài Long Thọ trong đó Ngài định nghĩa về trí tuệ bát-nhã .

Ngài Ca Diếp và vua Khẩn-na-la

Điều này được minh họa bởi ví dụ khi vua khẩn-na-la đến chỗ đức Phật [cư trú] cùng tám mươi bốn nghìn khẩn-na-la khác. Họ đã gẫy đàn và hát để cúng dường đức Phật. Vào lúc đó, Tu-di, vua giữa các núi, cũng như các loại cây, người, chim, và các loài thú tất cả đều nhảy múa. Các thành viên của Đại chúng đều ở xung quanh đức Phật, ngay cả ngài Ca diếp, tất cả đều không thể tự mình giữ yên lặng. Vào lúc đó, Bồ-tát Thiên Lệnh (Heavenly Imperative) bèn hỏi ngài Ca diếp rằng:

"Ngài thâm niên và đã từ lâu an trú đệ nhất/trụ vững trong sự tu tập pháp mười hai hạnh đầu đà (khổ hạnh). Làm thế nào mà Ngài cũng không thể ngồi yên ở ghế của mình?"

Ngài Ca diếp bèn đáp : "Năm dục lạc trong ba cõi không thể làm tôi lay động. Là bởi sức mạnh của thần thông của vị Bồ-tát này hiển thị là quả của công đức của vị ấy nên khiến tôi trong trạng thái này. Không phải là do tôi có tư tưởng nên tôi không thể yên lặng."

Điều này cũng như Núi Tu Di mà khi gió bốn hướng nổi lên không thể bị lay chuyển, nhưng mà, khi gió hoại diệt (*vairambhaka)* xuất hiện ở cuối của một đại kiếp, thì núi Tu Di bị thổi xẹp/san bằng như một cọng cỏ chết/khô.

Chúng ta có thể biết từ những trường hợp này rằng một trong hai loại kiết sử chưa được chấm dứt. Một vị Bồ-tát loại này nên thực hành bát-nhã -ba-la-mật. Vi-diệu-pháp giải thích vấn đề trên theo cách này.

Phần Bảy:
Những câu chuyện của ngài Long Thọ về các chủ đề khác nhau

Cuộc đời của đức Phật thuở ban đầu

Hơn nữa, khi vị Bồ-tát mới được sinh ra, vị ấy chiếu sáng rực rỡ khắp mười phương thế giới. Vị ấy đi bảy bước, quan sát bốn phương , rồi phát tiếng rống sư tử, vị ấy thốt lên kệ tuyên bố rằng:

Việc sanh ra từ thai đối với Ta đã chấm dứt.
Đây là hình dáng vật lý cuối cùng.
Ta đã đạt giải thoát.
Và hơn nữa sẽ giải thoát chúng sanh.

Sau khi tuyên bố nguyện này, theo thời gian, vị ấy đến tuổi trưởng thành. Vị ấy muốn từ bỏ bà con và tùy tùng của vị ấy, rời bỏ cuộc sống gia đình, để tu tập con đường Vô thượng. Vị ấy thức dậy vào ban đêm, quan sát hình dáng đang ngủ của những nàng ca múa và người hầu, vợ và cung phi của mình, nhìn họ giống như những xác chết đang thối rửa.

Vị ấy đã chỉ thị cho Xa-nặc đóng yên con chiến mã trắng/Bạch mã của mình. Vào giữa đêm họ vượt bức tường thành, cưỡi mười hai do tuần[57] , nên đã đến khu rừng nơi vị tiên Bạt-già-bà (Bhārgava) cư ngụ. Khi đó, vị ấy cầm lấy con dao, cắt bỏ tóc mình và đổi bộ y phục nạm ngọc tuyệt vời của mình lấy chiếc áo tăng-già-lê (*saṅghāṭī)* dệt thô sơ.

Trên bờ sông Ni-liên-thiền (Nairañjanā), vị ấy đã tu khổ hạnh trong sáu năm, mỗi ngày chỉ ăn một hạt mè hay một hạt ngũ cốc bằng gạo. Vị ấy nghĩ là : "Phương pháp này ngược lại với Đạo."

Vào lúc đó, vị Bồ-tát đã bỏ lại nơi mà vị ấy đã tu khổ hạnh rồi đi và ngồi bất động dưới gốc cây Bồ-đề. Ma vương đã mang đám tùy tùng lên đến mười tám vạn ức (*koṭīs)*[58]

---

[57] ND: do tuần là đơn vị của Ấn Độ cổ xưa, người ta cho rằng bằng khoảng cách mà quân đội hoàng gia đi tuần hành mỗi ngày. Một do tuần được coi là khoảng 7 km, một số tài liệu khác cho là 9,6 km; 18 km và 24 km.

[58] ND: một koti có nhiều định nghĩa, có nơi cho là mười triệu, có nơi cho là một trăm triệu. Con số này trong kinh điển Phật có nghĩa là một yếu tố của một số lượng lớn về mặt thiên văn mô tả một khoảng thời gian hoặc không gian khó tư nghì.

để cố gắng phá hoại vị Bồ-tát. Bởi do năng lực của trí tuệ và công đức của mình, vị Bồ-tát đã đánh bại đoàn quân ma rồi sau đó đắc quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác/A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề (sự giác ngộ hoàn hảo).(*anuttarasamyaksaṃbodhi*)

Vào lúc đó, vị trì vị Ba cõi thế giới, Phạm Thiên-vua cõi trời tên là Thi Khí, các vị trời cõi Sắc, Thích Đề Hoàn Nhơn, và các vị trời của cõi Dục cũng như Tứ thiên vương, tất cả đều đến đảnh lễ đức Phật và khuyến khích rồi thỉnh cầu đức Bạt-già-phạm/đức Thế Tôn bắt đầu chuyển bánh xe Pháp/chuyển Pháp luân. Nhờ điều này, đức Bồ-tát đã nhớ lại bổn nguyện/lời nguyện ban đầu của mình, và cũng do lòng từ lớn và lòng bi lớn của Ngài, nên Ngài đã bằng lòng với sự thỉnh cầu đó nên đã tuyên thuyết Chánh pháp.

Sự thảo luận của Ngài Long Thọ về cuộc đời của đức Phật

Lại nữa, khi đức Phật được sinh ra, vị ấy rơi xuống đất, bước bảy bước, rồi đồng thời thốt lời. Sau khi đã nói, vị ấy bèn im lặng và giống như những đứa trẻ sơ sinh khác, không bước đi cũng không nói. Vị ấy được chăm sóc cho đến khi lên ba tuổi. Các người mẹ [kế] đã nuôi vị ấy rồi dần dần vị ấy đến tuổi trưởng thành.

Bây giờ, mặc dù những thân thể của đức Phật là vô số và vượt qua con số của tổng số tất cả thế giới, vì lợi ích cho chúng sanh, vị ấy thị hiện như một con người bình thường. Bởi vì các căn/bộ phận của thân thể cũng như ý thức thông minh của người bình thường chưa hoàn toàn phát triển khi họ được sinh ra, có bốn oai nghi: ngồi, nằm, đi và đứng; cũng như nói, im và các loại phẩm tính của con người khác-tất cả đều chưa hoàn thiện. Khi ngày, tháng và năm trôi qua, người đó dần dần thực tập, học hành và rồi có khả năng cải thiện nhiều khía cạnh của một con người.

Bây giờ, làm thế nào mà đức Phật, khi mới sinh, lại lập tức có khả năng nói và đi, trong khi sau đó, vị ấy không còn khả năng làm thế nữa? Người ta sửng sờ về điều này. Người ta nên biết rằng chỉ bằng năng lực của phương tiện khéo mà đức Phật thị hiện tham gia mối liên hệ bằng nổ lực của con người và chính mình cư xử như người khác (cư xử), do đó ảnh hưởng/tác động chúng sanh tin tưởng vào Pháp thâm sâu/uyên áo.

Nếu, khi vị Bồ-tát được sinh ra, khi ấy vị ấy có khả năng kể từ đó bước đi và nói chuyện, người bình thường của thế gian sẽ nghĩ : “Bây giờ chúng ta coi như người đàn ông này trước đây chưa từng tồn tại/hiện hữu trên thế gian này. Chắc chắn rằng vị ấy là trời, rồng, ma hay quỷ thần. Pháp mà người đó nghiên cứu/học hỏi chắc chắn không phải điều mà những người như chúng ta có thể hoàn thành/thực hiện nổi. Tại sao như thế? Những thân thể bằng xương thịt của chúng ta, bị trói buộc với sanh và tử, đều bị nghiệp chướng của các kiết sử lôi kéo. Chúng ta không thể đạt được sự tự do. Ai có khả năng tiếp cận một giáo Pháp thâm sâu như vầy?” Theo cách này, họ sẽ tự mình cắt đứt do đó họ không thể trở thành những người nắm giữ Pháp của các Đấng đáng kính và các bậc Thánh (Pháp khí). Chính vì lợi ích cho những người này mà vị ấy được sinh ra tại vườn Lâm-tỳ-ni.

Mặc dù vị ấy có khả năng lập tức tiến đến cây Bồ-đề và đắc quả Phật, do bởi năng lực của phương tiện khéo, khi ấy vị ấy thị hiện như một trẻ sơ sinh, một thiếu niên, một thanh niên và một người trưởng thành, nên trong mỗi giai đoạn tuần tự thể hiện những hoạt động tương ứng như chơi, trở nên thông thạo cung tên, hưởng năm dục và hoàn thiện những nổ lực của con người một cách hoàn hảo.

Sau đó, vị ấy từ từ nhận thức sự khổ đau của sự già, bệnh và chết nên cuối cùng phát sinh ý tưởng chán ghét và phiền muộn dẫn đến việc vượt tường thành của vị ấy vào giữa đêm, rời bỏ cuộc sống gia đình, và đi về nơi của các ẩn sĩ Uất-đầu-lam-phất (Udraka) và A-ra-đa (Ārāḍa). Vị ấy thể hiện dáng vẻ của một vị đệ tử, nhưng đã không thực hành pháp của họ.

Mặc dù, nhờ thường xuyên sử dụng thần thông của mình, vị ấy nhớ lại những kiếp quá khứ của mình trong thời đức Phật Ca Diếp, vị ấy đã giữ giới cấm và tu tập Đạo, tuy nhiên, bây giờ vị ấy thị hiện vai trò tu tập khổ hạnh trong sáu năm để tìm kiếm Đạo.

Mặc dù vị Bồ-tát đã là vị chúa tể của Tam thiên (Ba nghìn thế giới), tuy vậy vị ấy thể hiện khả năng phá hoại những đội quân ma và giác ngộ Đạo Vô thượng. Để thuận theo các pháp thế gian, vị ấy đã thể hiện nhiều sự chuyển hóa khác nhau này. Bởi vì trong bát-nhã ba-la-mật, bây giờ vị ấy thể hiện năng lực vĩ đại của thần thông và trí tuệ, người ta phải biết rằng các thân thể của đức Phật là vô số và vượt qua con số của tổng số tất cả thế giới.

Ma-ha-câu-thi-na[59](Mahākauṣṭhila) vị Bà-la-môn có móng tay dài

Ghi chú của người dịch (Hòa thượng Pháp Hữu)

Đây là câu chuyện từ phần dẫn nhập/giới thiệu của *Luận Đại Trí Độ* trong đó Ngài Long Thọ giải thích những lý do tại sao đức Phật thuyết *Kinh Đại bát-nhã Ba-la-mật-đa.*

Ngoài ra, [đức Phật] thuyết *Kinh Đại bát-nhã Ba-la-mật-đa* bởi vì Ngài muốn khiến vị Phạm Chí "Móng Tay Dài", và những nhà biện chứng giống như vị này phát lòng tin vào Phật Pháp/Giáo Pháp của đức Phật. [Vào lúc đó], có một vị Phạm Chí tên là "Móng Tay Dài" cũng như du sĩ khổ hạnh Śreṇika Vatsagotra, Ni-kiền-tử (Satyaka Nirgranthīputra) và những người khác. Các bậc luận sư/biện chứng vĩ đại của Nam-diêm-phù-đề như những vị này tuyên bố rằng người ta có thể bồ-tát cả các khái luận/khái niệm, người ta có thể bồ-tát cả các bài kinh, người ta có thể đảo ngược các niềm tin, nên do đó không có pháp chân chánh mà người ta có thể đặt lòng tin hay cảm thấy có thể tôn kính.

Như được thuật lại trong *Kinh về cuộc đời của Ngài Xá-lợi-tử*, chú của Ngài là Ma-ha-câu-thi-na, đã khám phá rằng vị này không còn có thể sánh/là đối thủ của chính chị gái mình trong tranh luận. Câu-thi-na suy nghĩ điều này và tự nhủ là: " Đây không phải là do chính năng lực của chị ấy. Nó phải là việc chị ấy mang thai một người thông minh đang chuyển lời của người đó qua miệng của người mẹ. Nếu như, ngay cả trước khi người này được sinh ra, người này đã như vậy, người ấy sẽ như thế nào khi chào đời và trưởng thành?"

Sau khi suy nghĩ kỹ chuyện này, ông trở nên phiền não vì niềm tự hào bị tổn thương, do đó vì để đạt được kiến thức biện luận sâu rộng, đã rời khỏi nhà và trở thành một vị Phạm Chí. Ông ấy đi đến miền Nam Ấn Độ và bắt đầu học các kinh thư/văn cổ điển.

---

[59] ND: Ma-ha-câu-thi-na còn được biết là Đại Phạm Chí Trường Trảo.

Người ta hỏi ông ấy là: "Ông quyết tâm đạt được điều gì/Ông để tâm đạt được gì? Ông muốn học kinh thư nào?"

"Móng Tay Dài/Trường Trảo" đáp rằng: "Tôi muốn học hết/nghiên cứu kỹ càng tất cả 18 loại kinh thư vĩ đại."

Tất cả những người đó đều bảo ông ấy là: "Ông có thể dành cả đời mình học cũng không thể biết được thậm chí một kinh thư vĩ đại. Hà huống là ông muốn biết tất cả [18 kinh thư].

"Móng Tay Dài" tự nhủ thầm : "Trước đây, niềm tự hào của mình đã bị tổn thương bởi việc bị chị gái đánh bại. Tuy nhiên, giờ đây, ta phải chịu nhục bởi những người này." Vì hai chuyện này, ông ấy lập lời thệ : "Ta sẽ không [thậm chí để thời gian] cắt móng tay của ta. Ta phải học hết/nghiên cứu kỹ càng tất cả 18 kinh thư." Người ta để ý móng tay của ông ấy mọc dài ra. Bởi vì điều này, người ta gọi ông ấy là Phạm Chí "Móng Tay Dài".

Bằng cách sử dụng năng lực của trí tuệ có gốc nguồn từ tất cả loại châm biếm, [bằng cách duy trì rằng], "Đây là pháp," hay là "Đây là phi pháp," "Điều này chấp nhận được", hay "Không thể chấp nhận điều này", hay là "Điều này là hiện hữu/tồn tại", hay là "Điều này không tồn tại/hiện hữu", người này có khả năng phản bác những quan điểm biện luận của người khác. Ông ta giống như con voi điên, hùng mạnh mà cản trở và đâm, đá và dẫm đạp, nên không ai có thể kiểm soát được ông ấy.

Sau khi Phạm Chí "Móng Tay Dài" đã sử dụng sức mạnh biện luận của mình để đập tan và đánh bại tất cả luận sư/người biện luận khác, ông ấy đã trở lại vương quốc Ma-kiệt-đà (Magadha), đến thành Vương Xá, cộng đồng của người Nara. Ông ấy đã đến nơi sinh ra/quê hương mình rồi hỏi người dân ở đó: "Đứa trẻ mà chị tôi sinh ra ở đâu vậy?"

Ai đó/Có người bảo vị ấy rằng: "Khi con trai của chị ông lên tám tuổi thì cháu đã hoàn toàn thông thạo tất cả kinh thư. Khi được mười sáu tuổi thì vị ấy đánh bại tất cả

mọi người về tranh luận. Có một người đắc Đạo[60] từ dòng dõi Thích Ca tên là Cồ-đàm. [Cháu trai của ông] đã trở thành đệ tử của Vị ấy.

Khi Móng Tay Dài nghe được chuyện này, ông ấy bị kiêu ngạo và hoài nghi hạ gục nên thốt lên : "Anh ta đã dùng loại mánh khóe nào để lừa và dụ dỗ một người thông minh như cháu trai của ta cạo đầu và trở thành đệ tử của anh ta?" Sau khi nói điều này, ông ấy đi thẳng tới nơi đức Phật cư trú.

Vào lúc này, Ngài Xá-lợi-tử đã thọ nhận giới [xuất gia] chỉ mới nửa tháng trước. Vị ấy đứng một bên cầm quạt quạt cho đức Phật.

Vị Phạm Chí Móng Tay Dài đã đến gặp đức Phật, sau khi chào hỏi, ngồi xuống một bên rồi nghĩ : "Người ta có thể bác bồ-tát cả các luận thuyết, có thể tàn phá tất cả kinh/bài thuyết pháp, nên người ta có thể đảo ngược tất cả niềm tin. Vậy thì cái gì trong điều này là bản chất thật sự của các pháp? Điều gì đại diện cho ý nghĩa rốt ráo? Điều gì tạo nên bản chất [chân chánh]? Các đặc điểm tiêu biểu là gì? Và điều gì không phải là quan điểm ngược ngạo/tà kiến?"

Ông ấy tiếp tục suy gẫm theo cách này: "[giải quyết thế lưỡng nan này] giống như tìm cách đến hẳn bờ kia và đo độ sâu của một đại dương vĩ đại. Mặc dù người ta có thể tìm kiếm lâu, người ấy vẫn không tìm ra được pháp nào mà tâm trí thật sự chấp nhận được. Vị ấy có thể đã dùng con đường biện luận nào mà thắng được cháu trai ta?"

Sau khi ông ấy đã suy nghĩ như vậy, ông ấy bèn nói với đức Phật rằng: "Này, Cồ-đàm, ta không chấp nhận bất kỳ pháp nào."

Đức Phật bèn hỏi Móng Tay Dài : "Việc anh không chấp nhận bất kỳ pháp nào, quan điểm này-anh có chấp nhận hay không?" Ý nghĩa ẩn ý của đức Phật là: "Anh đã nuốt phải chất độc của tà kiến. Bây giờ hãy từ bỏ tác dụng độc hại này." Ngài bảo : "Tất cả các pháp-anh cho rằng anh không chấp nhận chúng. Nhưng chất độc của các quan điểm này là: Anh có chấp nhận nó hay không?"

Vào lúc ấy, Phạm Chí Móng Tay Dài giống như con ngựa hay mà chỉ vừa thấy bóng roi, lập tức nhớ trở lại con đường đúng. Vị Phạm Chí Móng Tay Dài cũng giống như

[60] ND: nguyên tác tiếng Anh là "man of the Path", nghĩa đen là người của Con đường."

thế. Bóng của chiếc roi của lời dạy của đức Phật đã vào tâm trí của vị ấy. Vị ấy liền vứt bỏ sự kiêu ngạo, hối hận/ăn năn, rồi cúi đầu xuống.

Khi đó vị ấy nghĩ rằng: "Đức Phật đã đánh bại ta bằng thế lưỡng nan; nếu ta cho là "Ta chấp nhận quan điểm này," thì sự ngụy biện là hiển nhiên và hầu hết ai cũng biết điều này. Tại sao ta đã nói : "Tôi không chấp nhận bất kỳ pháp nào?" Nếu bây giờ ta nói : "Về quan điểm này-Ta chấp nhận nó", điều đó giống như lỗi hiển nhiên trong bài thuyết giảng. Đó là quan điểm ngụy biện rõ ràng. Hầu như ai cũng biết điều này.

"Quan điểm ngụy biện khác là tinh tế. Bởi vì không có nhiều người có thể biết được nó [là ngụy biện], ta sẽ chọn chấp nhận cách khác đó."

Sau khi nghĩ như vậy, cuối cùng vị ấy đáp lại đức Phật : "Cồ-đàm, quan điểm này là "Ta không chấp nhận bất kỳ pháp nào"-Tôi cũng không chấp nhận nó."

Đức Phật bảo vị Phạm Chí : "Nếu anh cũng không chấp nhận quan điểm của anh rằng anh không chấp nhận bất kỳ pháp nào, thì không chấp nhận điều gì. Nhưng, về mặt này, anh không khác với bất kỳ ai khác trong hội chúng này. Vậy có ích gì khi trình bày theo cách kiêu căng và ngạo mạn như vậy?"

Vị Phạm Chí Móng Tay Dài không trả lời được. Vị ấy biết rằng mình đã rơi vào thế ngụy biện. Rồi vị ấy cảm thấy kính trọng và tin tưởng vào sự toàn giác/nhất thiết trí của đức Phật.Vị ấy tự nghĩ : "Ta thật sự rơi vào thế ngụy biện/lý luận sai lầm nhưng đức Thế Tôn vẫn không tiết lộ rằng ta đã bị đánh bại. Ngài ấy không nói đúng hay sai. Ngài ấy bỏ qua điều đó. Tâm của đức Phật thì nhu nhuyến. Đây là lập trường hoàn toàn trong sáng. Tất cả lối biện luận đều bị chấm dứt trong đó. Ngài ấy đã đạt được Pháp cực kỳ thâm sâu. Đây là thái độ/lập trường người ta có thể kính trọng. Ngài ấy là tối thắng trong việc thanh tịnh ý nghĩ của mình."

Bởi vì đức Phật thuyết Pháp đã khiến vị ấy cắt bỏ tà kiến của mình, ngay chính nơi vị ấy ngồi, vị ấy đạt được sự vô cấu nên rời bồ-tát cả sự bất tịnh/cấu nhiễm.Vị ấy đã đạt được con mắt Pháp thanh tịnh/Pháp nhãn tịnh liên quan đến tất cả pháp.

Khi Ngài Xá-lợi-tử nghe được cuộc đối thoại này, Ngài ấy đã đắc quả A-la-hán. Vị Phạm Chí Móng Tay Dài sau đó xuất gia và trở thành một Sa-môn. Vị ấy đã đạt được sự giác ngộ của vị A-la-hán mạnh mẽ/hùng mạnh.

Lời bình kết thúc của Ngài Long Thọ

Nếu như vị Phạm Chí Móng Tay Dài đã không nghe được tinh thần của bát-nhã ba-la-mật mà siêu vượt bốn thế lưỡng nan (tứ cú phân biệt)[61] và đây là Pháp tương ưng với nghĩa rốt ráo/tối thắng, thì vị ấy sẽ không có được thậm chí là sự tin tưởng ít nhất, hà huống là vị ấy có khả năng đạt được đạo quả của người xuất gia?

Do đó cũng bởi vì đức Phật muốn hướng dẫn cho những bậc luận sư vĩ đại như thế và những người có căn tánh nhạy bén khác mà Ngài đã tuyên thuyết *Kinh bát-nhã ba-la-mật-đa (Prajñāpāramitā Sutra*) này.

[61] ND: "tứ cú phân biệt" là một hình thức lập luận thường gặp trong các tác phẩm của ngài Long Thọ. Nó thường bao gồm việc bác bỏ-tát cả những điều sau đây: một luận điểm, sự phủ định của nó, sự kết hợp của chính đề và phủ định, sự phân tách của luận điểm và sự phủ định của nó.Cụ thể, trong Kinh bát-nhã là "Như-Lai thuyết-giảng hệ-thống Tứ-Cú gồm bốn câu kệ: Sanh; Bất-sanh; Chẳng-sanh, chẳng-bất-sanh; Cũng-sanh, cũng-bất-sanh". Hệ-thống ***Tứ–Cú*** nhằm *phá–kiến–chấp–sai–lầm* chứ không-phá-pháp, vì các-pháp sanh-diệt theo duyên nên không có thật. Mục-đích Đức Phật chỉ cho chúng-sanh thấy lại được Phật-tánh để sống với tánh-Phật là bổn-gốc cũ của mình. (nguồn từ hai trang web của Đại học Oxford (https://academic.oup.com/book/9039/chapter-abstract/155553024?redirectedFrom=fulltext và http://www.vajrapani.com/hien-giao/he-thong-tu-cu-va-bat-bat/)

Chư Thiên thỉnh cầu đức Phật thuyết pháp

Lời tựa của ngài Long Thọ: Về tầm quan trọng của niềm tin

Đức Phật bảo : "Nếu ai có niềm tin, người này có khả năng bước vào biển Pháp vĩ đại của Ta, có khả năng đạt quả vị Sa-môn, nên không cạo đầu và đắp y nhuộm màu một cách vô ích/không uổng công cạo tóc và đắp y nhuộm. Nếu ai không có niềm tin, người này không thể bước vào biển Pháp của Ta nên giống như một cây bị héo mà không thể ra hoa hay kết trái được. Mặc dù vị ấy có thể cạo đầu, đắp y nhuộm, học tất cả các loại kinh điển, và có thể trình bày và trả lời các câu hỏi khó về giáo lý, tuy nhiên, liên quan đến Pháp của đức Phật thì những nổ lực của vị ấy là vô ích, nên vị ấy không đạt được bất kỳ điều gì cả.

Vì điều này mà khái niệm [tánh như, như như chân thật] được đại diện bởi "như vầy" [trong "Một thưở nọ Tôi nghe như vầy,…"] được đặt ở đầu của [các bài kinh/thuyết giảng] Pháp của đức Phật. Nó biểu thị sự xứng đáng tôn kính của các bài kinh là các đối tượng của niềm tin chân chánh/lành mạnh.

Hơn nữa, Pháp của đức Phật thì thâm sâu và toàn diện. Chỉ có một đức Phật khác mới có khả năng hiểu thấu được Pháp (đó). Nếu một người có niềm tin, mặc dù vị ấy chưa giác ngộ quả vị Phật, tuy nhiên vị ấy vẫn có thể, nhờ sức mạnh của niềm tin, bước vào/thâm nhập Pháp của đức Phật/Phật Pháp.

Câu chuyện: Các vị Trời/Chư thiên thỉnh cầu đức Phật thuyết pháp

[Điều này nhằm đề cập] khi Vua của các vị Trời Phạm Thiên thỉnh cầu đức Phật bắt đầu chuyển bánh xe Pháp/chuyển Pháp luân. Vị ấy đã thốt ra kệ sau để thỉnh cầu đức Phật:

Trước hết đã xuất hiện nhiều pháp khác nhau và
bất tịnh nơi cõi Nam-diêm-phù-đề.
Con xin thỉnh cầu Ngài sẽ mở cửa cam lồ

Và tuyên thuyết Đạo thanh tịnh.

Đức Phật đáp bằng kệ sau:

Pháp của Ta thâm sâu, khó nắm bắt.
Tuy nhiên có khả năng chấm dứt mọi kiết sử.
Những ai trong ba cõi với tâm ái luyến-
Những người như thế không thể hiểu được Pháp (của Ta).

Vua Phạm Thiên bèn thưa với đức Phật :

"Kính thưa Đại Đức, trí tuệ có trên thế gian này có thể là cao, trung bình, hay thấp/thượng, trung, hay hạ. Những người tốt có tâm ngay thẳng và nhu nhuyến có thể dễ dàng đạt giải thoát. Nếu những người đó không nghe Pháp, họ sẽ thối lui và rơi vào bất hạnh đáng sợ.

"Họ giống như những hoa sen trong nước mà một số chưa nở và số khác đã nở. Có những hoa vẫn còn thấm trong nước mà chưa trồi lên. Nếu chúng không gặp được tia sáng của mặt trời, thì chúng không có khả năng nở ra. Sức mạnh hiện thời của đức Phật cũng như thế. Xin đức Phật sử dụng/mở lòng từ và lòng bi vĩ đại, thương xót chúng sanh, xin hãy tuyên thuyết Chánh Pháp vì lợi ích của họ."

Đức Phật nhớ lại Pháp của tất cả chư Phật ba đời-quá khứ, vị lai và hiện tại rằng: "Tất cả chư Phật đã đưa chúng sanh đến bờ giải thoát bằng cách tuyên thuyết Chánh Pháp cho họ. Ta cũng phải làm như thế." Sau khi đã quán chiếu như thế, Ngài đã chấp nhận thỉnh cầu tuyên thuyết Chánh Pháp theo đề nghị của Vua Trời PhạmThiên và các vị trời khác. Vào lúc đó, đức Thế Tôn đáp bằng kệ sau:

Bây giờ ta sẽ mở cửa hương vị cam lồ bất tử.
Nếu ai có niềm tin, thì họ sẽ vui thích.
Trong số tất cả những người ấy Ta sẽ thuyết Diệu Pháp.
Vì không làm phiền người khác

nên giờ đây Ta thuyết vì lợi ích cho họ.

Kết luận bàn về tầm quan trọng của niềm tin

Đức Phật đã không thuyết kệ này cho những ai thực hành bố thí là những người sẽ có được niềm vui; Ngài cũng không nói cho những ai thông thái, những người giữ giới, những người thực hành nhẫn nhục, những ai tinh tấn, những ai thiền định, hay những ai thông minh là những người mà sẽ có được niềm vui. Ngài chỉ thuyết pháp cho những ai có niềm tin.

Ý định của đức Phật là như vầy: "Trừ phi người ấy là bậc toàn giác/nhất thiết trí, không thì người đó không có khả năng hiểu thấu Pháp của Ta thâm sâu tối thượng, tinh tế và tuyệt diệu, vô lượng và vô số, không thể tư nghì, vượt ngoài diễn tả, bất động và độc lập, không dính mắc và không đạt được gì cả (vô sở đắc)." Do đó, trong Pháp của đức Phật, niềm tin là chính yếu. Nhờ vào niềm tin mà người đó có khả năng tiếp nhận Pháp. Không phải nhờ bố thí, trì giới, thiền định, trí tuệ, và vân vân mà người ấy đạt được bước đầu tiên vào Pháp Phật. Điều này được thể hiện bằng kệ sau:

Tâm của tất cả người thế gian đều lay động
Từ tình yêu là phần thưởng có được từ phước đức.
Tuy nhiên họ không thích những nhân của phước đức,
Họ tìm cầu sự hiện hữu và không thích sự tịch diệt.

Ban đầu họ nghe các pháp tà kiến/sai lầm.
Tâm họ dính mắc rồi họ nhập sâu vào.
Vì Pháp của Ta cực kỳ thâm sâu;
Nếu ai không có niềm tin, làm sao người ấy có thể hiểu được nó?

Những câu hỏi cuối cùng của Ngài A-nan-đà với đức Phật

"Tôi nghe như vầy" là thành ngữ do ngài A-nan-đà và các vị đại đệ tử của đức Phật nói. Bởi vì thành ngữ này biểu thị sự bắt đầu của bài Pháp do đức Phật [thuyết], [kinh điển bắt đầu theo cách này], do đó nó là tiêu chuẩn [được coi là] Pháp của đức Phật. Điều này được truyền dạy vào lúc đức Phật nhập bát-niết-bàn. Ngài ở thành Câu-thi-na, nằm giữa đôi cây sa-la với đầu Ngài hướng phía Bắc và sắp nhập bát-niết-bàn.

Vào lúc đó bởi vì Ngài A-nan-đà vẫn chưa vượt thoát cõi dục, nên ngài ấy chưa bỏ được tình cảm/luyến ái đối với những người bà con. Tâm vị ấy chìm đắm trong biển đau buồn nên vị ấy không thể nào thoát khỏi điều đó.

Rồi ngài A-nậu-lâu-đà đã chỉ cho ngài A-nan-đà như vầy: "Thầy là người chịu trách nhiệm bảo vệ kho tàng/tạng Giáo Pháp của đức Phật. Thầy không nên chìm trong biển đau buồn như người thế gian. Tất cả pháp hữu vi đều vô thường. Đừng buồn nữa."

"Hơn nữa, chính đích thân đức Phật, đã giao phó Giáo Pháp lại cho thầy. Khi giờ đây bị đau buồn chi phối, thầy đang thờ ơ/xao lãng trách nhiệm mà thầy đã nhận lãnh.Thầy nên hỏi đức Phật rằng: "Sau khi đức Thế Tôn nhập bát-niết-bàn, chúng con sẽ tu tập như thế nào? Ai sẽ là thầy của chúng con? Làm sao chúng con sống chung với thầy Xiển-đà khó (dạy bảo)? Mở đầu các bài kinh của đức Phật thì đặt câu/thành ngữ gì ạ?" Thầy nên hỏi đức Phật về tất cả chủ đề như vầy để biết cách xử lý trong tương lai."

Khi ngài A-nan-đà nghe về những chuyện này, tâm trí rối bời của ngài ấy phần nào mạnh mẽ lại, ngài ấy đã đạt sức mạnh của sự chánh niệm về Đạo, rồi hỗ trợ bên cạnh nơi nghỉ ngơi cuối cùng của đức Phật. Vị ấy đã hỏi đức Phật về những chuyện trên, do đó đức Phật bảo ngài A-nan-đà rằng: "Cho dù tại đây bây giờ hay sau khi Ta nhập niết bàn, người ta nên nương tựa vào chính mình, nương tựa/quy y vào Giáo Pháp, đừng nương tựa vào bất kỳ thứ gì khác. Làm thế nào một thầy tỳ khưu nên nương tựa vào chính mình, nương tựa Pháp, nên không nên nương tựa vào bất kỳ thứ gì khác? Về điều này, một thầy tỳ-khưu nên cam kết [thiết lập chánh niệm bao gồm trong] việc quán

chiếu thân thể của chính mình. Vị ấy nên thường sử dụng nhất tâm, trí tuệ, tu tập tinh cần, và tinh tấn để chấm dứt sự khổ đau của dục lạc thế gian.

"Việc quán chiếu thân thể của người khác rồi đồng thời cả thân thể của chính họ và của người khác nên theo cách như trên. Việc thiết lập chánh niệm với cảm thọ, với tư tưởng/tâm, với các pháp nên được thiết lập theo cách trên. Điều đó có nghĩa là : "Một thầy tỳ khưu nên nương tựa vào chính mình, nương tựa vào Pháp, và không nên nương tựa vào bất cứ điều gì khác."

"Từ hôm nay trở đi, *Kinh Giới biệt giải thoát* là vị Đạo sư vĩ đại của các thầy.Trong hành động và lời nói, thầy tỳ khưu nên cư xử theo đúng như quy định của *Kinh Giới biệt giải thoát (Scripture on the Liberating Precepts)*.

"Về phần tỳ khưu Xiển-đà, sau khi Ta nhập bát-niết-bàn, hãy đối xử với thầy ấy theo phương pháp Bà-la-môn [62][về đối xử im lặng]. Nếu sau đó tâm của vị ấy trở nên nhu nhuyến và trầm tĩnh, thì nên dạy cho vị ấy ***Kinh lời nói thiết yếu cho kiến thức từ việc lắng nghe/Kinh Chánh Kiến/Kinh Ca Chiên Diên*** **(***Saṃthakātyāyanasūtra*) **(***Speech essential for the knowledge from hearing),* khi đó vị ấy có thể đắc Đạo.

"Về kho tàng/tạng Pháp bảo mà Ta đã tích lũy qua ba a-tăng-kỳ-kiếp, người đó nên để câu này ở đầu [các bài kinh] của kho tàng/tạng này:

"Như vầy tôi đã nghe, một thưở nọ đức Phật ở thành phố nơi đó, ở xứ đó, ở địa điểm đó, trú trong khu rừng…" tại sao? Cụm từ này đã được nói ở đầu của các bài kinh của tất cả chư Phật quá khứ. Cụm từ này cũng sẽ được nói ở phần bắt đầu của các kinh của tất cả chư Phật tương lai. Tất cả đức Phật hiện tại, vào cuối cùng, vào lúc họ nhập bát-niết-bàn, họ cũng hướng dẫn nên nói cụm từ này. Giờ đây, sau khi Ta nhập bát-niết-bàn-ở phần đầu của các bài kinh-người ta cũng nên tuyên bố là : "Như vầy tôi đã nghe, một thưở nọ…"

[62] ND: còn gọi là "mặc tẩn".

Sự nhập bát-niết-bàn[63] của đức Phật

Như đã được mô tả nhiều trong *Tuyển tập Kinh Pháp* (*Compilation of the Dharma Sutra*), khi đức Phật nhập bát-niết-bàn, trái đất chấn động sáu cách khác nhau, các dòng sông chảy ngược, một cơn bão mạnh ập đến dữ dội, những đám mây đen bao khắp/ùn ùn kéo đến[64] bốn phía, tiếng sấm đáng sợ vang lên, những tia sấm chớp ập xuống, rồi một trận mưa đá và mưa trút xuống. Thiên thạch đụng nhau khắp nơi. Những con thú hung dữ rống lên và gầm lên, tru tréo và hét lên. Các vị thần và người thế gian khóc than ầm ĩ. Tất cả các vị trời đều khóc to: "Ôi, tại sao đức Phật chọn nhập bát-niết-bàn nhanh thế?! Con mắt của Thế gian đã hư hoại!"

Rồi, đồng thời, tất cả cỏ cây, thảo mộc và cây cối, hoa và lá, tất cả đều vỡ/tách ra và mở toang/bung ra. Các núi Tu di, vua trong các ngọn núi, nghiêng nghiêng khi chúng rung chuyển. Nước của các đại dương cuộn sóng và dâng cao. Những ngọn núi và vách đá tan vỡ và sụp đổ. Tất cả cây cối đều vỡ vụn và tách ra. Từ bốn phương khói bốc lên trời.

Những sự cố này vô cùng kinh hoàng. Nước của đầm lầy và ao, hồ, sông và suối tất cả đều khuấy động và trở nên đục ngầu. Sao chổi xuất hiện vào ban ngày. Con người rên rĩ và khóc lóc. Các vị trời bị nỗi buồn xâm chiếm. Các thiên nữ vô cùng đau buồn, nghẹn ngào và thổn thức, với những dòng lệ đang xen tuôn chảy.

Những ai còn ở giai đoạn học [65](*śaikṣa*)/những người hữu học thì tất cả đều im lặng và không vui. Những ai vượt ngoài việc học/những bậc vô học (*aśaikṣa*)[66] thì chánh niệm rằng tất cả các pháp hữu vi đều vô thường. Thế nên, theo cách này, trời, người, dạ xoa, la-sát, càn-thát-bà, khẩn-na-la, ma-hầu-la-già và rồng tất cả đều bị sự đau

---

[63] ND: ở đây xin được dùng từ "bát-niết-bàn" để chỉ cho sự tịch diệt hoàn toàn sau khi chết. Còn "niết-bàn" là trạng thái tất cả hữu lậu đã được chấm dứt "ái đã diệt, tâm đã tịnh, đã vượt biển sầu khổ, qua tới bờ vô ưu."

[64] ND: nguyên tác tiếng Anh là "Boil up", nghĩa đen là "sôi lên, đun sôi, rất mạnh và khó kiểm soát"

[65] Hữu học: chỉ cho ba giai đoạn đầu tiên của quả vị A-la-hán: Dự-lưu, Nhất lai và bất lai.

[66] Vô học: chỉ những bậc đạt quả vị A-la-hán, điểm cuối giả định của con đường Thanh văn thừa.

thương thống thiết chi phối. Các vị A-la-hán đã được giải thoát khỏi biển già, bệnh, và chết nên tự nghĩ rằng:

Chúng ta đã vượt sông ái và đam mê của người thường/phàm phu.
Cuộn dây già, bệnh và chết đã bị xé nát và đứt lìa.
Chúng ta đã thấy bốn con rắn tứ đại trong cái giỏ là thân người[67],
Giờ đây chúng ta sẽ nhập bát-niết-bàn tịch diệt vô dư.

Trong các ngọn núi, rừng, và thung lũng, giữa các dòng suối chảy, tất cả các vị A-la-hán vĩ đại, theo nguyện của mình, bỏ thân và nhập bát niết-bàn. Ngoài ra, còn có các vị A-la-hán bay thẳng lên trời như vua ngỗng và, khi rời khỏi, thể hiện tất cả các loại thần thông, do đó tác động đến tâm trí của nhiều người phát lòng tin và sự thanh tịnh. Sau đó, các vị ấy nhập bát-niết-bàn.

[67] Đây chỉ cho câu chuyện nổi tiếng về bản chất bội bạc của những ảo tưởng về thân thể.Chuyện có nguồn gốc từ Kinh đức Phật thuyết câu chuyện về những con rắn độc. Bạn đọc có thể tìm thấy câu chuyện này trong ***Những câu chuyện kỳ diệu từ Trí tuệ bát-nhã*** , trong phần bố thí ba-la-mật.

Chư Thiên đau buồn vì sự suy thoái của Giáo Pháp

Chư Thiên, từ sáu cõi trời Dục Giới cho đến cõi trời Tịnh Cư, đã quan sát tất cả các vị A-la-hán chọn nhập Niết-bàn tịch diệt, nên mỗi vị tự nghĩ rằng: "Bởi vì mặt trời là đức Phật đã đứng bóng, ánh sáng của những đệ tử đắc các tầng thiền, đạt giải thoát, và có trí tuệ cũng đã tắt. Tất cả chúng sanh này có tất cả các bệnh phát sinh từ tham, sân và si. Giờ đây những vị lương y chữa bằng Giáo Pháp đã nhanh chóng nhập diệt, vậy ai sẽ chữa trị cho họ đây?

"Giờ đây, những đệ tử là các đóa hoa sen, lớn lên trong biển lớn của trí tuệ vô lượng, đã héo úa và khô cạn. Cây Giáo Pháp đã bị đập nát và tan rã. Đám mây Giáo Pháp đã tan và biến mất. Bởi vì nhà vua cực kỳ thông thái của các con voi đã qua đời, con cháu của chúa voi cũng ra đi. Giờ đây bậc thầy[68] Chánh Pháp đã rời xa, chúng ta sẽ tìm kiếm các viên ngọc của Giáo Pháp từ ai?" Điều này được mô tả trong kệ sau:

Đức Phật đã đạt sự tĩnh lặng vĩnh cữu nên đã bát-niết-bàn.
Người bạn đồng hành đã chấm dứt kết sử cũng đã nhập diệt/qua đời.
Như thế, thế gian này trống vắng bởi không ai có trí tuệ.
Bóng tối của vô minh đã tăng lên; ngọn đèn trí tuệ đã tắt mất.

Lúc đó các vị Trời đã phủ phục dưới chân của ngài Đại Ca Diếp và thốt ra kệ sau:

Bậc trưởng lão này đã từ bỏ tham dục, thù ghét và kiêu ngạo.
Hình dáng của ngài đứng trước chúng tôi như một cây cột vàng tím.
Trên, dưới đều tinh tế trang nghiêm, ngài ấy tuyệt vời không ai sánh bằng.
Ánh sáng của mắt ngài thì trong sáng và giống như hoa sen.

[68] ND: nguyên tác tiếng Anh là "merchant of Dharma", nghĩa đen là "thương nhân của Giáo Pháp"

Sau khi đã tán thán ngài ấy theo cách này, các vị trời thưa với Ngài Đại Ca Diếp là : "Kính thưa Đại đức Đại Ca Diếp, không biết là Đấng Đại Bi có biết hay không biết rằng con thuyền Giáo Pháp sắp sửa vỡ tan, tường thành Chánh Pháp sắp sửa sụp đổ, biển Chánh Pháp sắp cạn khô, ngọn cờ Chánh Pháp sắp sửa rơi xuống, ngọn đèn Chánh Pháp sắp sửa lụi tàn, những vị tuyên thuyết Chánh Pháp sắp sửa ra đi, những người thực hành Pháp ngày càng ít hơn, sức mạnh của những kẻ suy đồi ngày càng mạnh hơn phải không? Người ta nên phát lòng từ bi lớn để thiết lập Chánh Pháp của đức Phật ở đây." Vào lúc đó, tâm của ngài Đại Ca Diếp giống như biển lớn, trong ngần, không động và yên bình. Một lúc sau, ngài ấy đáp : "Các bạn nói hay lắm. Thật đúng như các bạn mô tả. Không lâu nữa, thế gian sẽ không còn trí tuệ, mù tối và chìm vào bóng tối."

Bằng điều này, ngài Đại Ca Diếp im lặng đồng ý với thỉnh cầu của họ. Lúc đó, các vị trời đã đảnh lễ dưới chân ngài Đại Ca Diếp rồi bỗng nhiên biến mất, mỗi vị trở lại nơi họ đã đến.

Ngài Đại Ca Diếp triệu tập Hội đồng Giáo Pháp[69]

Vào lúc này, Ngài Đại Ca Diếp đã suy nghĩ : "Làm thế nào giờ đây ta có thể khiến cho Giáo Pháp của đức Phật có được bằng sự khó khăn vượt qua ba a-tăng-kỳ-kiếp, được tồn tại lâu dài? Sau khi suy gẫm như thế, ngài ấy bảo là: "Ta biết rằng Giáo Pháp này có thể được tồn tại lâu dài. Chúng ta nên cùng nhau sưu tầm và biên soạn các Kinh điển, A-tỳ-đạt-ma/Vi-diệu-pháp và Luật để làm thành kho lưu trữ Giáo Pháp gồm ba loại này. Bằng cách này, Giáo pháp của đức Phật có thể hiện hữu lâu dài. Do đó những thế hệ tương lai có thể tiếp nhận và tu tập theo Chánh Pháp của đức Phật."

"Tại sao chúng ta nên làm việc này? Đó là bởi vì, từ đời này sang đời khác, vì lòng bi và thương xót chúng sanh, đức Phật đã tinh cần và chịu đựng khổ đau để học hỏi, nghiên cứu mới có được Chánh Pháp/Giáo Pháp này. Chúng ta cũng phải cam kết đưa lời dạy của đức Phật để người ta áp dụng, truyền bá Chánh Pháp để chuyển hóa những người khác."

Sau khi Ngài Đại Ca Diếp nói ra những lời này, ngài ấy đã đi đến đỉnh núi Tu Di đánh chiếc chuông (*gaṇḍī*) bằng đồng và thốt ra kệ sau:

Tất cả các thầy là đệ tử của đức Phật,
Nếu như giờ đây đức Phật triệu tập các vị,
Tất cả các vị nên đáp trả sự tử tế của đức Phật.
Bây giờ các vị đừng nhập bát-niết-bàn.

Âm thanh của tiếng chuông đồng kèm theo giọng nói của ngài Đại Ca Diếp bay khắp nơi thấu suốt Tam thiên đại thiên thế giới đến nỗi mọi người đều nghe thấy và biết được. Tất cả các vị đệ tử trong suốt nhiều cõi hiện hữu khác nhau, tất cả những vị đã đắc thần thông đều đến và tập hợp tại nơi ngài Đại Ca Diếp cư trú.

---

[69] Nguyên tác tiếng Anh là " Dharma Council", thường được biết là "Kỳ kết tập kinh điển lần đầu tiên"

Vào lúc đó ngài Đại Ca Diếp đã bảo tất cả những vị đã tập trung ở đó :

"Giáo Pháp của đức Phật sắp bị diệt vong. Vì lòng bi và thương xót chúng sanh, đức Phật trong ba a-tăng-kỳ-kiếp đã tinh cần và chịu đựng đủ loại khổ đau để học hỏi và có được Giáo Pháp này. Sau khi đức Phật nhập bát-niết-bàn, những đệ tử biết Chánh Pháp, hộ trì Chánh Pháp và tụng đọc Chánh Pháp đều đã đi theo đức Phật, qua bờ tịch diệt.

"Giờ đây, chính Chánh Pháp sắp sửa bị diệt vong, các chúng sanh trong đời tương lai thì vô cùng đáng thương, bởi vì họ đã mất đi con mắt trí tuệ, sẽ bị lạc lối trong sự mù lòa và bóng tối của vô minh. Với lòng đại từ và đại bi, đức Phật đã xót thương chúng sanh. Chúng ta cũng phải đảm trách công việc đưa lời dạy của đức Phật vào sử dụng. Chúng ta phải đợi đến khi chúng ta đã sưu tầm và biên soạn xong kho tàng/tạng kinh điển. Sau đó, chúng ta có thể qua bờ tịch diệt bất cứ khi nào chúng ta muốn."

Tất cả những vị đã tập trung ở đó đều chấp nhận chỉ thị lưu lại thế gian. Vào lúc đó, ngài Đại Ca Diếp đã tuyển chọn một nghìn vị. Tất cả các vị ngoại trừ ngài A-nan-đà đều đã là các bậc A-la-hán đã đắc sáu thần thông, đã được giải thoát hai lần[70] (nghĩa là giải thoát bằng cả trí tuệ và thiền định và đã đắc giải thoát vô ngại *(asaṅgavimokṣa)*). Tất cả các vị đều đắc tam minh (*vidyā*)[71] và tự tại nhập các tầng thiền. Họ có khả năng nhập xuất các tầng thiền[72] trong tất cả mọi trường hợp mà không có trở ngại. Họ có thể tụng đọc và đã học ba loại kho tàng/tạng kinh điển và có kiến thức về tất cả các kinh điển bí mật và công khai. Họ đã học xong và hiểu được mười tám loại kinh điển mênh mông của các phái ngoại đạo và có khả năng tranh luận và đánh bại những người theo các đệ tử của các phái ngoại đạo.

---

[70] ND: Ghi chú của HT Pháp Hữu (Dharmamitra): *ubhayato-bhāgavimukta*

[71] Đây chỉ cho kiến thức về quá khứ của bản thân và của những người khác, có được con mắt trời/Thiên nhãn, và đạt được sự chấm dứt của tất cả lậu hoặc/hữu lậu (*āsrava*).

[72] ND: Nguyên tác tiếng Anh là "to practice all of the samādhis in both ascending and descending order", nghĩa đen là "thực hành tất cả các tam muội theo thứ tự lên và xuống". Theo ND, nghĩa là có thể vào sơ thiền cho đến tứ thiền và từ tứ thiền ra sơ thiền.

Tại sao Ngài Đại Ca Diếp đã chọn 1.000 vị A-la-hán

Hỏi: Vào lúc này có vô số các vị A-la-hán như vậy. Tại sao ngài ấy chỉ chọn 1.000 vị và không hơn nữa?

Đáp: Khi vua Tần-bà-sa-la/Bình-sa-vương (Bimbasāra) đắc đạo, thì 84.000 các quan khác và tùy tùng cũng đắc đạo. Lúc đó nhà vua đã chỉ thị cho những ai trong cung điện của mình luôn luôn chuẩn bị đủ thức ăn để cúng dường cho 1.000 người. Vua Tần-bà-sa-la đã tiếp tục/không đình chỉ sự cúng dường này.

Vào lúc đó ngài Đại Ca Diếp đã nghĩ : "Nếu chúng ta luôn luôn phải đi khất thực, sẽ có những người không phải là Phật tử mà khăng khăng về việc hùng hổ khiến chúng ta chấp nhận họ với những phản đối và câu hỏi, làm cho không có hiệu quả và tạm thời mất sự tập trung vào những nổ lực với Chánh Pháp của chúng ta. Giờ đây trong thành Vương Xá, họ luôn luôn chuẩn bị thức ăn để cúng dường cho 1.000 vị. Chúng ta sẽ có thể cư trú ở đây để sưu tầm và biên soạn kho tàng kinh điển. Chính vì điều này mà Ngài Đại Ca Diếp đã chọn 1.000 vị và không thể chọn thêm nữa.

Ngài A-nan-đà bị trục xuất khỏi Hội đồng Chánh Pháp/ Hội nghị kết tập kinh điển

Vào lúc đó ngài Đại Ca Diếp (Mahākāśyapa) đã đến Núi Linh Thứu ở thành Vương Xá cùng với 1.000 vị. Ngài ấy đã thông báo cho vua A-Xà-Thế (Ajātaśatru) rằng: "Trong việc cung cấp thức ăn cho chúng tôi, hãy mang thức ăn đến cho chúng tôi mỗi ngày. Bây giờ chúng tôi đang trong quá trình biên soạn và sưu tầm các kho tàng/tạng kinh điển và không thể để các hoạt động khác phân tán." Họ đã cư trú ở đó trong ba tháng an cư mùa hạ. Trong mười lăm ngày đầu tiên, vào lúc tụng các giới cấm, họ đã cùng nhau tập hợp/nhóm một tăng đoàn hòa hợp.

Ngài Đại Ca Diếp đã nhập thiền và sử dụng thiên nhãn, quan sát Hội chúng để xem ai vẫn còn phiền não mà chưa chấm dứt, do đó phải bị trục xuất khỏi đây. Chỉ có một người, đó là ngài A-nan-đà, vẫn chưa dứt trừ phiền não. Chín trăm chín mươi chín vị khác đã dứt trừ tất cả lậu hoặc, thanh tịnh, nên không còn hữu lậu/nhiễm ô nào.

Ngài Đại Ca Diếp xuất định rồi từ giữa Hội chúng, đã kéo ngài A-nan-đà ra bằng tay, bảo rằng: "Hiện giờ chúng ta đang tham gia sưu tầm và biên soạn kho tàng/tạng kinh điển trong Hội chúng thanh tịnh. Bởi vì thầy chưa đoạn trừ hết các kết sử/các kết sử của thầy vẫn chưa được đoạn trừ, thầy không nên ở lại đây."

Vào lúc đó, ngài A-nan-đà đã xấu hổ, buồn bã rơi lệ, và tự nghĩ : "Trong hai mươi lăm năm ta đã đi cùng và phục vụ đức Thế Tôn, hổ trợ Ngài. Chưa bao giờ ta bị đau khổ cay đắng như thế này! Đức Phật thật sự rất có đức hạnh, từ bi và kiên nhẫn."

Sau khi đã nghĩ như vầy, ngài A-nan-đà thưa với ngài Đại Ca Diếp rằng: "Sức mạnh của những khả năng của con đủ khả năng để lẽ ra con đã đắc đạo từ lâu. Chỉ vì các vị A-la-hán trong Chánh Pháp của đức Phật sẽ không được giúp đỡ hay thực hiện các chỉ thị. Chỉ vì điều này mà con còn giữ lại kết sử mà chưa chấm dứt hoàn toàn."

Ngài Đại Ca Diếp bảo : "Thầy vẫn có tội. Ý định của đức Phật là Ngài không muốn cho phép phụ nữ xuất gia. Bởi vì Thầy đã kiên quyết thỉnh cầu, đức Phật đã cho phép nên họ đã nhận lãnh con đường [của tu sĩ]. Vì việc này, chỉ sau năm trăm năm nữa,

Giáo Pháp chánh thống của đức Phật sẽ suy giảm và thu hẹp. Về việc này Thầy đã phạm tội đột-kiết-la[73].”

Ngài A-nan-đà thưa : “Con thương xót dì Gô-ta-mi. Hơn nữa, Giáo Pháp của tất cả chư Phật ba đời đều đã có bốn bộ chúng[74]. Vậy thì tại sao chỉ có đức Phật Thích-Ca-Mâu-Ni lại không có bốn bộ chúng?”

Ngài Đại Ca Diếp bèn đáp : “Khi đức Phật sắp nhập bát-niết-bàn và đang tiến gần đến thành Câu-thi-na (Kuśinagara), lưng của Ngài bắt đầu đau. Ngài ấy đã trải tấm y tăng-già-lê (*uttarāsaṅga)* ra, gấp nó làm bốn lớp, nằm xuống và bảo Thầy : “Ta cần nước.” Thầy đã không cung cấp nước cho Ngài ấy. Về việc này Thầy phạm tội đột-kiết-la (*duṣkṛta*).

Ngài A-nan-đà đáp : “Vào lúc đó có năm trăm cỗ xe đang đi qua dòng nước và năm trăm cỗ xe này băng qua dòng nước đó khiến cho nước trở nên đục và dơ. Chỉ vì điều này mà con đã không đi lấy chút nước nào.”

Ngài Đại Ca Diếp đáp : “Thậm chí cho là chính năm trăm cổ xe đã khiến cho nước thành dơ, đức Phật có thần thông để Ngài ấy có khả năng khiến ngay cả một đại dương nước bị ô nhiễm trở thành trong veo. Tại sao Thầy đã không cho đức Thế Tôn nước? Về điểm này Thầy đã phạm tội. Thầy hãy đi và sám hối lỗi đột-kiết-la (*duṣkṛta*).”

Lại nữa, Ngài Đại Ca Diếp bảo là : “Đức Phật, bằng cách nhắc Thầy : “Nếu có người đã tu tập thông thạo bốn thần túc/tứ như ý túc[75], thì thọ mạng của vị ấy có thể tiếp tục một kiếp hay ít hơn một kiếp.” Đức Phật đã tu tập thông thạo bốn thần túc. Ngài ấy muốn thọ mạng của mình tiếp tục trong một kiếp hay khoảng ít hơn một kiếp. Nhưng Thầy vẫn im lặng và không trả lời. Ngài ấy đặt ra câu hỏi này ba lần, nhưng Thầy cố tình giữ im lặng.

“Giá như Thầy đã đáp lời đức Phật rằng: “Đức Phật đã tu tập thông thạo bốn thần túc. Ngài ấy nên ở lại/trụ thế khoảng một kiếp hay ít hơn một kiếp.” Chỉ vì Thầy mà

---

[73] ND: đột-kiết-la còn gọi là Thức-xoa-ca-la-ni hay việt-tỳ-ni thuộc 100 pháp chúng học của giới Tỳ-kheo/Tỳ-kheo ni. Đây là tội nhẹ có thể tự sám hối và ngăn ngừa.

[74] ND: Bốn bộ chúng gồm 2 chúng xuất gia:1.Tỳ-kheo 2. Tỳ-kheo-ni và 2 chúng tại gia là: 3. Cư sĩ nam và 4. Cư sĩ nữ.

[75] ND: tứ thần túc: 1. Dục thần túc 2. Tinh tấn thần túc; 3. Tâm thần túc; 4. Quán thần túc. Người tu tập thông thạo tứ thần túc có thể thành tựu mọi việc theo ý nguyện.

đức Phật, đức Thế Tôn, đã bị khiến cho phải sớm nhập bát-niết-bàn. Về điểm này Thầy đã phạm tội đột-kiết-la."

Ngài A-nan-đà bảo : "Ma vương đã che mờ tâm trí con. Chính vì vậy mà con đã không nói điều gì. Không phải là con không trả lời đức Phật do bởi những ý nghĩ xấu ác."

Ngài Đại Ca Diếp đã đáp : "Trong việc thầy gấp tấm y tăng-già-lê của đức Phật, Thầy đã dẫm lên chiếc y. Về việc này, Thầy đã phạm tội đột-kiết-la."

Ngài A-nan-đà thưa : "Vào lúc đó có cơn gió mạnh xuất hiện và không có ai giúp con. Khi con đã nhặt chiếc y lên, gió thổi đến nỗi nó rơi xuống dưới chân con. Không phải là con bất kính và cố tình đạp lên y của đức Phật."

Ngài Đại Ca Diếp bèn đáp : "Sau khi đức Phật nhập bát-niết-bàn, thầy đã để lộ tướng mã âm tàng[76] của đức Phật cho phụ nữ xem. Thật đáng xấu hổ làm sao! Về điểm này thầy đã phạm đột-kiết-la!"

Ngài A-nan-đà thưa : "Nếu phụ nữ biết được/nhìn thấy đặc điểm vật lý của tướng mã âm tàng của đức Phật, thì họ có thể tự nhiên thấy xấu hổ/thất vọng/chán ghét về thân người nữ và muốn được tái sanh trong thân nam trong đó họ có thể tu tập các đặc điểm của đức Phật và gieo trồng cội rễ công đức." Chính vì điều này mà con đã để lộ đặc điểm này cho phụ nữ. Không phải là con cố tình phá giới cấm do không biết xấu hổ."

Ngài Đại Ca Diếp bèn nói : "Thầy đã phạm sáu loại tội đột-kiết-la. Thầy nên sám hối sự vi phạm tất cả chúng trước sự hiện diện của Tăng đoàn."

Ngài A-nan-đà thưa : "Thôi được rồi, con sẽ làm theo chỉ dạy của Đại đức Đại Ca Diếp và Tăng đoàn." Vào lúc đó ngài A-nan-đà đã quỳ xuống, chấp tay, để lộ y bên vai phải, cởi giày, rồi sám hối sáu loại tội đột-kiết-la. Từ giữa Đại chúng, Ngài Đại Ca Diếp đã dẫn ngài A-nan-đà ra bằng tay mình rồi bảo ngài A-nan-đà : "Hãy hoàn toàn đoạn trừ các lậu hoặc của Thầy rồi sau đó Thầy có thể trở vào lại. Khi mà các kết sử còn sót lại của Thầy chưa được cắt đứt, thì Thầy không thể vào đây." Sau khi Ngài Đại Ca Diếp nói như vậy, Ngài ấy đã khóa cửa lại.

---

[76] ND: đặc điểm vật lý của màng bọc bộ phận sinh dục

Ngài Kiều-Phạm-Ba-Đề (Gavāṃpati) sau khi đức Phật bát-niết-bàn

Vào lúc đó các bậc A-la-hán đã bắt đầu thảo luận nên hỏi là : "Ai có khả năng sưu tầm và biên soạn kho tàng/tạng Giáo Luật?"

Đại đức A-nậu-lâu đà bèn nói là: "Ngài Xá-lợi-tử, đứng thứ hai chỉ sau đức Phật, có một người đệ tử giỏi tên là Kiều-Phạm-Ba-Đề. Vị ấy có tâm linh động, vừa hài hòa lại vừa tinh tế. Vị ấy luôn luôn ở một nơi yên tĩnh và an trú trong đại lạc của tâm tĩnh lặng. Bằng khả năng của vị ấy, vị ấy có kiến thức về kho tàng/tạng Giáo Luật. Hiện giờ vị ấy ở cõi trời ở công viên Cây Thi-lợi-sa[77]. Hãy gửi một sứ giả yêu cầu vị ấy đến đây."

Ngài Đại Ca Diếp bảo một thầy tỳ khưu hạ tọa rằng: "Đến lượt Thầy thực hiện chỉ thị của Tăng đoàn."

Thầy tỳ khưu hạ tọa đáp : "Thưa Tăng đoàn có chỉ thị gì ạ?"

Ngài Đại Ca Diếp bèn nói : "Tăng chỉ thị cho thầy đi đến công viên cây Thi-lợi-sa nơi có vị Kiều-Phạm-Ba-Đề, bậc A-la-hán cư trú."

Thầy tỳ khưu này nhảy vọt lên, vui mừng chấp nhận chỉ thị của Tăng đoàn, rồi thưa với Ngài Đại Ca Diếp : "Khi con đến nơi cư trú của ngài Kiều-Phạm-Ba-Đề, bậc A-la-hán, thì con nên thưa chuyện gì ạ?"

Ngài Đại Ca Diếp bảo : "Sau khi thầy đến, hãy bảo ngài Kiều-Phạm-Ba-Đề rằng: "Ngài Đại Ca Diếp và tất cả các vị A-la-hán đã chấm dứt lậu hoặc đang tập trung ở Nam-diêm-phù-đề. Tăng đoàn đã nhận trách nhiệm vĩ đại về Giáo Pháp. Ngài có thể đến đó ngay."

Vị tỳ khưu hạ tọa năm vóc sát đất đảnh lễ trước Tăng đoàn, nhiễu quanh họ ba lần rồi, như con chim cánh vàng lớn [kim súy điểu], bay thẳng vào bầu trời, đến nơi của ngài Kiều-Phạm-Ba-Đề, đảnh lễ ngài ấy và thưa với ngài Kiều-Phạm-Ba-Đề : "Thưa Đại Đức (bậc đức hạnh vĩ đại) ít muốn, biết đủ, linh hoạt, tốt bụng và thường an trú trong thiền định-Ngài Đại Ca Diếp gửi lời kính thăm và thông điệp sau: "Hiện giờ Tăng

[77] ND: nguyên tác tiếng Anh là "Śirīṣa Tree", đức Phật Câu-lưu-tôn thành đạo dưới cây này.

đoàn đang nhận lãnh trách nhiệm lớn về Giáo Pháp. Ngài có thể lập tức hạ phàm để giám sát hội chúng/đoàn thể gồm nhiều viên ngọc quý (Tăng bảo)."

Vào lúc này, tâm của ngài Kiều-Phạm-Ba-Đề sinh nghi nên ngài ấy bảo vị tỳ khưu rằng: " Các vị tướng quân Chánh Pháp đâu có vấn đề gì tranh chấp trước khi họ triệu tập tôi đến, có phải vậy không? Không có ai phá hòa hợp Tăng, có phải không? Có phải là đức Phật là Mặt trời, đã qua bên bờ tịch diệt?"

Vị tỳ khưu bèn thưa : "Thật sự như lời Ngài nói. Bậc đạo sư vĩ đại, đức Phật, đã vượt qua bờ tịch diệt rồi."

Ngài Kiều-Phạm-Ba-Đề nói : "Đức Phật đã đi vào nhập diệt quá nhanh. Con mắt của Thế gian đã bị hư hoại. Vị tướng quân chuyển Pháp luân có khả năng tiếp tục sau đức Phật - Hòa thượng/Ô-ba-đà-gia (*upādhyāya)* của tôi-Ngài Xá-lợi-tử hiện giờ Ngài ấy ở đâu?"

Vị tỳ khưu đáp là "Ngài ấy đã bát-niết-bàn rồi ạ."

Ngài Kiều-Phạm-Ba-Đề bảo : "Các tướng quân Chánh pháp của bậc Đạo sư vĩ đại đều đã ra đi. Người ta có thể làm gì bây giờ? Ngài Đại Mục-kiền-liên thì sao? Hiện giờ Ngài ấy ở đâu?"

Vị tỳ khưu thưa : "Ngài ấy cũng đã qua bờ tịch diệt ạ."

Ngài Kiều-Phạm-Ba-Đề bảo : "Giáo Pháp của đức Phật sắp sửa bị phân tán/rải rác. Những bậc vĩ đại đã qua đời. Những ai còn lại thật đáng thương xót." Vị ấy hỏi : "Còn Đại đức A-nan-đà thì sao? Hiện giờ ngài ấy đang làm gì?"

Thầy tỳ khưu ấy thưa : "Sau khi đức Phật qua bờ tịch diệt, Đại đức A-nan-đà bị đau khổ vì buồn, khóc lóc, và sự cô đơn đầy hoang mang đến nỗi Ngài ấy không thể tự mình bày tỏ rõ ràng nữa."

Ngài Kiều-Phạm-Ba-Đề nói rằng: "Ngài A-nan-đà quá đau buồn bởi vì Ngài ấy vẫn còn kết sử phiền não và chịu đau khổ của sự chia ly. Còn La-hầu-la thì sao? La-hầu-la thế nào?"

Vị tỳ khưu đáp : "Bởi vì La-hầu-la đã đắc quả A-la-hán, nên vị ấy không buồn cũng không ưu sầu. Vị ấy chỉ quán chiếu rằng tất cả các pháp có đặc tính vô thường."

Ngài Kiều-Phạm-Ba-Đề bảo: “Khi luyến ái mà khó cắt đứt đã được cắt đứt, thì không còn nỗi buồn hay ưu sầu.” Ngài ấy tiếp tục : “Tôi đã mất đi bậc Đạo sư vĩ đại người đã vượt thoát dục lạc. Việc cư trú ở công viên cây thi-lợi-sa còn có ích gì nữa đâu? Hòa thượng của tôi và bậc Đạo sư vĩ đại-tất cả các vị ấy đều qua bờ tịch diệt. Giờ đây tôi không bao giờ có thể trở lại Nam-diêm-phù-đề nữa rồi. Tôi sẽ an trú trong bát-niết-bàn này.”

Sau khi nói xong những lời này, Ngài đã nhập thiền và bay vào bầu trời. Thân của Ngài ấy phát ra ánh sáng rực rỡ và đồng thời nước và lửa vọt ra. Bằng tay mình, Ngài ấy chạm vào mặt trời và mặt trăng và biểu diễn tất cả các loại thần thông.

Từ đầu mình, Ngài ấy phát ra lửa thiêu toàn bộ thân thể mình. Từ thân thể mình, Ngài ấy phun ra nước mà chảy xuống thành bốn dòng đến nơi của Ngài Đại Ca Diếp. Từ bên trong nước có một giọng nói thốt ra kệ sau:

“Kiều-Phạm-Ba-Đề thành kính đảnh lễ trước các Ngài,
Hội chúng kỳ diệu nhất, Tăng đoàn có đức hạnh vĩ đại.
Con nghe rằng đức Phật đã qua bờ tịch diệt,
cho nên con sẽ theo Ngài ra đi.
Như khi con voi vĩ đại đã rời đi,
thì những con voi trẻ cũng đi theo.”

Vào lúc đó, vị tỳ khưu hạ tọa cầm lấy y và bát [của ngài Kiều-Phạm-Ba-Đề] rồi trở lại Tăng đoàn.

Sự trở lại của Ngài A-nan-đà

Trong suốt thời gian này, ngài A-nan-đà đã quán chiếu bản chất của tất cả các pháp và tìm cách chấm dứt những lậu hoặc còn sót lại của mình. Đêm đó ngài nhập thiền và đi kinh hành, tinh tấn trong sự tầm cầu gian truân và lâu dài để đắc đạo. Ngài A-nan-đà này là người có thừa trí tuệ nhưng ít có năng lực thiền định/năng lực thiền định lại hiếm hoi. Do vì điều này mà ngài ấy không đắc đạo ngay. Người mà thiền định và trí tuệ ngang bằng nhau có thể nhanh chóng giác ngộ.

Khi canh cuối cùng của đêm sắp tàn/hết, ngài ấy vô cùng mệt mỏi nên ngài sắp sửa nằm xuống nghỉ. Khi nằm xuống, ngài lấy cái gối. Nhưng, trước khi đầu ngài chạm cái gối, bỗng nhiên và thoải mái, ngài đã giác ngộ. Giống như một tia chớp xuất hiện: khiến những ai chìm trong bóng tối có khả năng nhìn thấy đường đi/con đường.

Bằng cách này, ngài A-nan-đà đã nhập kim cương tam muội và đánh tan ngọn núi của tất cả phiền não. Ngài ấy đắc tam minh, sáu thần thông, và sự giải thoát hai lần (*ubhayato-bhāga-vimukta*). Ngài trở thành vị A-la-hán có năng lực vĩ đại. Khi ấy trong đêm đó ngài bước đến cửa Pháp Điện/Chánh Điện của Tăng đoàn, gõ cửa và kêu.

Ngài Đại Ca Diếp đã hỏi rằng: "Ai đang gõ cửa thế?"

Đáp: "Tôi là A-nan-đà."

Ngài Đại Ca Diếp chất vấn: "Tại sao thầy đến?"

Ngài A-nan-đà thông báo : "Chính đêm nay tôi đã chấm dứt tất cả lậu hoặc."

Ngài Đại Ca Diếp báo với ngài A-nan-đà là: "Chúng tôi sẽ không mở cửa cho thầy. Thầy hãy vào bằng lỗ khóa."

Ngài A–nan đồng ý : "Dạ, cách đó được ạ." Rồi, sử dụng thần thông, ngài đi vào bằng lỗ khóa, cúi lạy kính lễ dưới chân Tăng đoàn, sám hối và tuyên bố: "Thầy Đại Ca Diếp, thầy không cần khiển trách tôi nữa."

Ngài Đại Ca Diếp xoa đầu ngài A-nan-đà bằng tay mình và giải thích : "Tôi cố tình và vì lợi ích của thầy đã tác động thầy đắc đạo. Thầy không có sự thù ghét. Tôi cũng không. Điều này như chính bản thầy giác ngộ/trực nhận. Cũng ví như vẽ bằng tay vào

bầu trời trống rỗng nơi không có vết nhơ hay dính mắc gì. Tâm của bậc A-la-hán cũng như thế. Trong tất cả các pháp/Giữa các hiện tượng, người ấy trở nên như thế mà không dính mắc vào bất kỳ thứ gì. Thầy có thể trở lại chỗ ngồi ban đầu của Thầy."

Hội đồng Giáo pháp lần thứ nhất[78]

Vào lúc đó Tăng đoàn đã trở lại sau khi cân nhắc, khi có một câu hỏi phát sinh là: "Kiều-Phạm-Ba Đề đã chọn qua bờ tịch diệt. Còn ai khác có khả năng sưu tầm và biên soạn tạng kinh điển?" Đại đức A-nậu-lâu-đà bảo rằng: "Trong số các đệ tử của đức Phật, Đại đức A-nan-đà thường hổ trợ và gần gũi với đức Phật. Vị ấy đã nghe các kinh điển và có khả năng nắm giữ chúng. Đức Phật luôn khen ngợi vị ấy là: "Vị A-nan-đà này có khả năng sưu tầm và biên soạn tạng kinh điển."

Rồi Đại đức Đại Ca Diếp xoa đầu của ngài A-nan-đà, bảo : "Đức Phật đã giao lại trách nhiệm này cho thầy, chỉ thị cho thầy bảo vệ kho tàng Giáo Pháp. Thầy nên đáp lại sự tử tế của đức Phật. Đức Phật đã thuyết pháp lần đầu tiên ở đâu? Tất cả các vị đệ tử lớn của đức Phật mà có khả năng duy trì và bảo vệ kho tàng Giáo Pháp đều đã qua bờ tịch diệt. Chỉ còn một người là thầy còn ở lại. Giờ đây thầy phải tuân theo tâm của đức Phật và vì sự đồng cảm với chúng sanh, hãy cùng sưu tầm kho tàng Giáo Pháp của đức Phật."

Khi ấy, ngài A-nan-đà, sau khi đảnh lễ Tăng đoàn, ngồi trên tòa sư tử[79]. Lúc đó ngài Đại Ca Diếp đã thốt ra kệ sau:

Đức Phật là chủ tể của tất cả thánh sư tử.
Ngài A-nan-đà này là con trai của đức Phật.
Giờ đây vị ấy ngồi nơi đó trên tòa sư tử.
Giám sát Hội chúng này giờ không còn đức Phật.

Do vậy hội chúng có đức hạnh vĩ đại này,
Không có đức Phật thì đã mất đi tinh thần tuyệt vời.
Giờ đây hội chúng này trông như đêm
không có ánh sáng của mặt trăng.

---

[78] Kỳ kết tập kinh điển lần thứ nhất
[79] ND: là tòa mà đức Phật ngồi thuyết pháp

Mặc dù có đầy đủ các chòm sao
nhưng vẫn không hùng vĩ.
Giờ đây, Thầy người rất thông thái,
đã đến lúc Thầy thuyết (pháp).
Thầy, hậu duệ của đức Phật,
Thầy phải bắt đầu bây giờ.
Đức Phật đã thuyết giảng lần đầu tiên ở đâu?
Giờ đây Thầy nên phát biểu điều này và thể hiện.

Rồi, trong trạng thái nhất tâm, Đại đức A-nan-đà đã chấp tay lại, mặt hướng về nơi đức Phật bát-niết-bàn và thuyết như sau:

Khi đức Phật lần đầu tiên thuyết pháp,
Đó là lúc tôi đã không nhìn thấy.
Tôi đã nghe điều như vầy
Rằng đức Phật đã ở tại Ba-la-nại (Vārāṇaśī).

Đức Phật vì năm thầy tỳ khưu mà đã thuyết Pháp,
Lần đầu tiên cửa cam lồ đã mở ở đó.
Khi ấy Ngài thuyết bốn chân lý/tứ đế.
Về Khổ, Tập, Diệt và Đạo.

Ngài A-nhã Kiều-trần-như [là một tu sĩ],
là người đầu tiên khi đó kiến đạo.
Một đoàn các vị trời gồm tám mươi nghìn người,
Tất cả cũng đã thấy dấu vết Đạo.

Sau khi một ngàn vị A-la-hán đã nghe những lời này, họ bay lên trời cao bảy cây đa-la và đều nói : “Ôi! Sức mạnh của vô thường thật vô cùng. Nó giống như khi chúng

ta đã nhìn thấy đức Phật thuyết Pháp. Nhưng giờ đây ngài A-nan-đà lại bảo : "Tôi đã nghe!" Rồi họ thốt ra kệ sau:

Chúng ta ở đây từng nhìn thấy tướng của thân đức Phật.
Giống như nhìn thấy ngọn núi màu vàng tím.
Những tướng hảo và nhiều đức hạnh đã hoại diệt.
Nên giờ đây chỉ còn lại tên Ngài.

Do đó người ta nên tìm phương tiện khéo
Tìm cách thoát khỏi ba cõi[80].
Tinh cần tích lũy cội rễ thiện lành.
Niết-bàn là hình thức phước lành cao nhất.

Vào lúc đó Đại đức A-nậu-lâu-đà cũng thốt ra kệ sau:

Ôi hỡi! Thế gian-không có gì thường hằng.
Giống như mặt trăng trong nước hay cây mã đề/trái chuối già.
Nên mặc dù phước của một người lấp đầy Tam Thiên/Ba Thế Giới,
Chúng sẽ bị hủy diệt bởi những ngọn gió vô thường/thay đổi.

Vào lúc đó ngài Đại Ca Diếp thốt ra kệ khác:

Vô thường-sức mạnh của nó rất lớn.
Kẻ ngu, người trí, kẻ nghèo, người giàu và người cao quý-
Những ai đã đắc Đạo và những ai vẫn chưa đắc-
Không ai trong số họ có thể tránh được sự vô thường.

[80] Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới.

Không phải bằng lời hay khéo hay các kho báu kỳ diệu,
Cũng không phải kỹ xảo, sự lừa dối, sức mạnh, tranh chấp.
Ví như lửa đốt cháy vô số đồ vật.
Các pháp có tính vô thường cũng như thế.

Ngài Đại Ca Diếp bảo ngài A-nan-đà : "Từ *Kinh Chuyển Pháp Luân* cho đến đại bát-niết bàn, chúng ta đã sưu tầm và biên soạn Bốn bộ A-Hàm: *Tạp A-Hàm*, *Trung A-Hàm, Trường A-Hàm,* và *Tăng Nhất A-Hàm*. Những bộ này tạo nên tạng kinh Chánh Pháp."

Các vị A-la-hán cũng hỏi : "Ai có khả năng hiểu rõ ràng và sưu tầm tạng Luật Chánh Pháp?" Tất cả các vị đều đồng ý rằng: "Trong số năm trăm vị A-la-hán, Đại đức Ưu-ba-ly là người giỏi nhất trong việc giữ giới. Bây giờ chúng ta hãy yêu cầu sự giúp đỡ của vị ấy." Rồi họ đã triệu tập vị ấy, bảo rằng: "Thỉnh Thầy hãy đứng dậy. Thầy hãy đi và ngồi tòa sư tử và giải thích nơi đầu tiên đức Phật thuyết Giới Luật và thiết lập các giới cấm."

Ngài Ưu-ba-ly đã chấp nhận chỉ thị của Tăng đoàn, ngồi tòa sư tử và tuyên bố : "Như vầy tôi nghe, một thuở nọ, đức Phật ở tại thành Tỳ-xá-ly (Vaiśālī). Vào lúc đó, Tu-đề-na (Sudinna), con trai của Ca-lăng-đà (Kalanda), đầu tiên đam mê dục vọng[81]. Vì lý do này, đức Phật đã hình thành giới ba-la-di đầu tiên/sự vi phạm nặng đầu tiên. Giải thích ý nghĩa của hai trăm năm mươi giới cấm bao gồm cả ba phần. Ngoài ra còn có bảy pháp, tám pháp, *Luật Tỳ-kheo-ni, Phần Thêm vào, Những chất vấn của ngài Ưu-ba-ly về nhiều chủ đề khác nhau, Phần Chủ Đề Linh tinh,* và *Phần Thiện lành*. Những chủ đề như vầy trong tám loại và mười phần tạo nên Tạng Luật."

Lại nữa, các bậc A-la-hán đã suy gẫm như vầy: "Ai có khả năng biên soạn rõ ràng A-tỳ-đạt-ma/Vi-diệu-pháp?" Họ nghĩ : "Trong số năm trăm bậc A-la-hán, Đại đức A-nan-đà đứng đầu trong việc hiểu ý nghĩa của các kinh. Bây giờ chúng ta hãy yêu cầu sự giúp đỡ của vị ấy." Rồi họ triệu tập Ngài A-nan-đà, bảo : "Thầy hãy đứng lên. Hãy đi

[81] ND: nguyên tác tiếng Anh là "indulged in concupiscence", nghĩa là "thích thú/thưởng thức sự ham muốn mạnh về tình dục."

và ngồi vào tòa sư tử. Đức Phật ra tuyên thuyết A-tỳ-đạt-ma/Vi-diệu-pháp lần đầu tiên ở đâu?"

Ngài A-nan-đà đã chấp nhận chỉ thị của Tăng đoàn. Vị ấy đã ngồi tòa sư tử và tuyên bố : "Như vầy tôi nghe, một thuở nọ, đức Phật ở thành Xá-vệ (Srāvastī). Vào lúc đó, đức Phật đã bảo các Thầy tỳ khưu rằng: "Nếu trong suốt sự tồn tại của một người, có năm điều đáng sợ, năm điều vi phạm, và năm điều đáng ghê tởm mà người ta không trục xuất và không hủy diệt chúng-thì do bởi những nhân và duyên này- trong chính cuộc đời này, thân và tâm của người đó chịu đau khổ vô cùng. Hơn nữa, trong những đời sau, người đó rơi vào các cõi xấu ác.

"Nếu trong suốt sự tồn tại của một người, người ấy không có năm điều đáng sợ, năm điều vi phạm, năm điều đáng ghê tởm-nhờ vào những nhân và duyên này-trong hiện đời, thân và tâm của người đó được hưởng tất cả các loại phước lành. Trong những đời sau, người đó được sinh ra ở những nơi có phước ở các cõi trời.

"Năm điều đáng sợ mà người ta nên tránh xa là gì? Đầu tiên là sát sanh. Thứ hai là trộm cắp. Thứ ba là tà dâm. Thứ tư là nói dối. Thứ năm là uống các chất say." Các bài thuyết giảng này tạo thành Tạng Luận."

Khi các tạng của ba loại Giáo Pháp đã được hoàn tất, thì các vị trời, ma, quỷ thần, rồng, và thiên nữ tất cả đều cúng dường đủ loại phẩm vật. Có mưa hoa của cõi trời, hương, cờ, tán lọng và trang phục cõi trời là các phẩm vật cúng dường Giáo Pháp. Vào lúc đó những chúng sanh ấy đã thốt ra kệ sau:

Thực hiện (sự sưu tầm và biên soạn Chánh Pháp) vì thương xót chúng sanh của Thế gian.

Hiện giờ các Ngài đã biên soạn xong tất cả ba tạng Giáo Pháp.

(có được) Từ mười lực và chánh biến tri,

Trí tuệ đã thuyết này là ngọn hải đăng giữa bóng tối vô minh.

Quyết tâm kiên cường của ngài Xá-lợi-tử

Lời tựa của Ngài Long Thọ:

Về việc chấm dứt nghiệp còn sót lại

Lại nữa, [trong danh xưng Thế Tôn, tiếng Phạn là *bhagavat*, một trong mười danh hiệu cao quý của đức Phật], "*bhāga"* cũng có thể có nghĩa là "phá hủy, diệt trừ," trong khi đó "vat" cũng có thể có nghĩa là "có khả năng". Bởi vì một người như thế có khả năng diệt trừ ham muốn tình dục, giận dữ, và si mê, nên vị ấy được gọi là "Thế Tôn".

Hỏi: Những ai như các bậc A-la-hán và các vị Phật độc giác cũng đã diệt trừ đam mê dục vọng, giận giữ, và si mê. Vậy họ khác với đức Phật như thế nào?

Đáp: Mặc dù các bậc A-la-hán và Phật độc giác đã diệt trừ ba độc, nhưng những dư nghiệp/dấu vết còn sót lại vẫn chưa hoàn toàn được chấm dứt. Điều này giống như một chiếc lọ dùng để chứa nước hoa. Mặc dù nước hoa đã hết sạch, nhưng dấu vết còn sót lại của nó vẫn còn lại. Điều này giống như củi từ các bụi cây và cây mà sau khi lửa đã cháy và khói đã biến mất, thì than và tro vẫn chưa hoàn toàn hết. Điều này là bởi vì sức mạnh của lửa đã yếu đi.

Trong trường hợp của đức Phật, ba độc đã được chấm dứt hoàn toàn, không còn sót lại dấu vết gì. Điều này giống như trường hợp lửa xuất hiện ở cuối (đại) kiếp hoàn toàn thiêu rụi núi Tu Di và toàn bộ trái đất, không còn khói hay than.

Chẳng hạn như các dấu vết của thù hận còn sót lại trong trường hợp của ngài Xá-lợi-tử, các dấu vết của đam mê dục vọng còn sót lại của ngài Nan-đà, và những dấu vết kiêu ngạo còn sót lại của ngài Tất-lăng già bà-ta (Pilindavatsa). Những trường hợp này giống như hoàn cảnh của người chỉ mới vừa thoát khỏi xiềng xích, để tiến hành đi bộ trở lại, thì không thể cử động dễ dàng như [người] bình thường được.

Câu chuyện: Quyết tâm kiên cường của ngài Xá-lợi-tử

Một thời đức Phật vừa xuất thiền và bắt đầu đi tản bộ. La-hầu-la đi theo tản bộ cùng với đức Phật.

Đức Phật đã hỏi La-hầu-la rằng: "Tại sao người con hốc hác như vậy?"

La-hầu-la bèn đáp lời đức Phật bằng kệ sau:

Nếu ai thọ dụng thức ăn với dầu, thì người ấy có sức mạnh.
Và nếu ai thọ dụng thức ăn là sữa chua, thì người ấy hồng hào.
Nếu ăn thức ăn là rau, hạt mè còn sót lại, thì người đó không hồng hào cũng không có sức mạnh.
Đại đức Thế Tôn hẳn nhiên đã biết những chuyện như thế.

Đức Phật bèn hỏi La-hầu-la : "Ai là vị có tuổi hạ cao nhất trong tăng đoàn?"
La-hầu-la thưa : "Đó là hòa thượng/thân giáo sư/ô-ba-đà-gia (*upādhyāya*), là ngài Xá-lợi-tử ạ."
Đức Phật bảo : "Thầy Xá-lợi-tử đã thọ dùng thức ăn bất tịnh."[82]

Ngài Xá-lợi-tử đã nghe được tuyên bố này gián tiếp nên lập tức nhổ ra thức ăn của mình và lập lời thệ cho chính mình : "Kể từ nay trở đi, tôi sẽ không bao giờ chấp nhận lời mời [thọ trai] nữa."

Vào thời gian đó, vua Ba-tư-nặc, Trưởng lão Tu-đạt-đa, và những người khác đến viếng thăm ngài Xá-lợi-tử và bảo ngài ấy: "Không phải là không có lý do mà đức Phật đã chấp nhận lời mời. Nếu ngài Xá-lợi-tử đức hạnh vĩ đại không chấp nhận lời mời nữa, thì làm sao chúng con và những người cư sĩ khác có khả năng đạt sự thanh tịnh gắn với niềm tin lớn/đạo lớn?"

Ngài Xá-lợi-tử bảo : "Bậc đạo sư của tôi, đức Phật, đã nói : "Thầy Xá-lợi-tử đã thọ dụng thức ăn bất tịnh." Giờ đây tôi không thể chấp nhận lời mời nữa."

Vì việc này, vua Ba-tư-nặc và những người khác đi đến chỗ đức Phật và thưa với đức Phật rằng : " Đức Phật không thường chấp nhận lời mời. Ngài Xá-lợi-tử cũng không còn chấp nhận lời mời nữa. Vậy làm sao tâm trí của [những cư sĩ] như chúng con giác

[82] Ngài Xá-lợi-tử, theo lời mời, đã dẫn các thầy đến nhà một gia chủ nổi bật nơi mà các thầy cao hạ được phục vụ bữa ăn thịnh soạn trong khi những người mới thọ giới/các tân Tỳ-kheo và các chú sa-di như La-hầu-la chỉ được ăn hỗn hợp của trẻ hai tuổi gồm có gạo, mè, và rau. Do đó tuyên bố của đức Phật rằng bữa ăn có sự phân biệt đã tạo thành "thức ăn bất tịnh".

ngộ được đạo lớn? Xin đức Phật hãy chỉ thị cho ngài Xá-lợi-tử tiếp tục chấp nhận lời mời của mọi người ạ."

Đức Phật bèn bảo : "Quyết tâm của người này là vững chắc nên không thể lay chuyển hay thay đổi được." Rồi đức Phật bắt đầu kể lại câu chuyện và nhân và duyên của một kiếp trước:

"Trước kia, có một nhà vua đã bị một con rắn độc cắn. Khi nhà vua đó đang hấp hối, vị ấy đã triệu tập các lương y tài giỏi và ra lệnh chữa trị độc rắn. Rồi các lương y thưa là : "Chúng thần phải khiến con rắn rút độc ra lại. Thì khi ấy tác dụng của độc sẽ dừng/không còn.

Vào lúc đó các vị lương y mỗi người đều thực hiện nghi lễ làm phép. Con rắn đã cắn nhà vua khi đó liền đến cung điện của nhà vua. Các lương y bèn chất củi, châm lửa đốt củi, rồi ra lệnh cho con rắn : "Hãy rút nộc độc của ngươi ra, nếu không thì ngươi phải vào đống lửa này."

Con rắn độc liền nghĩ : "Do ta đã bơm chất độc vào, làm sao ta có thể rút ra được nữa? Tình huống này sẽ [không tránh khỏi] một cái chết đau khổ." Sau khi quán chiếu như vậy, tâm của con rắn đó trở nên cố định/không thay đổi: Nó liền trườn mình vào trong các ngọn lửa."

Con rắn độc đó chính là thầy Xá-lợi-tử. Từ đời này qua đời khác, tâm của thầy ấy tiếp tục vững chắc và bất động/kiên cố.

Ngài Tất-lăng-già-bà-ta (Pilindavatsa) và vị thần sông Hằng

Ghi chú của người dịch (HT Pháp Hữu)

Tiếp theo câu chuyện trước về "Quyết tâm kiên cường của ngài Xá-lợi-tử," ngài Long Thọ tiếp tục kể về các ví dụ về làm thế nào/cách mà không như đức Phật, các bậc A-la-hán và Phật độc giác vẫn còn các dấu vết còn sót lại của những hữu lậu trước kia mặc dầu họ thật sự thành công trong việc cắt đứt ba độc của tham luyến, sân, và si.

Câu chuyện

Đại đức Tất-lăng-già-bà-ta thường bị phiền não vì đau mắt. Trong khi đi khất thực, ngài thường xuyên vượt sông Hằng. Khi đến bờ sông Hằng, vị ấy sẽ búng móng tay và gọi : "Này kẻ hầu nhỏ bé/tiểu hầu! Hãy dừng lại! Đừng chảy!" Nước sông sẽ rẻ ra nên vị ấy có thể tự do vượt qua sông và đi khất thực. Vị thần sông Hằng này đi đến nơi đức Phật cư trú và thưa với đức Phật, [phàn nàn rằng], "Đệ tử của đức Phật, thầy Tất-lăng-già-bà-ta, thì luôn mãi nhục mạ con rằng: "Này kẻ hầu nhỏ! Dừng lại! Đừng chảy nữa!"

Đức Phật đã chỉ thị cho ngài Tất-lăng-già-bà-ta xin lỗi vị thần sông Hằng. Ngài Tất-lăng-già-bà-ta lập tức chấp tay lại và bảo vị thần sông Hằng : "Kẻ hầu nhỏ, đừng giận. Giờ ta xin lỗi ngươi đây." Vào lúc này, Đại chúng đều cười vì chuyện này, [kêu lên rằng], "Làm sao mà Thầy xin lỗi, nhưng lại hạ nhục cô ấy lần nữa khi Thầy lại làm thế?"

Đức Phật bèn bảo vị thần sông Hằng : "Như Cô nhìn thấy thầy Tất-lăng-già-bà-ta, có phải thầy ấy chấp tay lại và xin lỗi hay không? Trong lời xin lỗi của Thầy ấy, Thầy ấy không kiêu ngạo nhưng vẫn nói theo cách như thế. Cô nên nhận thức rằng đây không phải là sự ác ý. Trong năm trăm đời cuối cùng, vị này luôn được sanh vào các gia đình Bà-la-môn và luôn luôn kiêu căng, tôn trọng bản thân mình trong khi coi thường và hạ thấp người khác. Đây chỉ là cách nói năng mà Thầy ấy ban đầu đã quen, vậy thôi. Trong tâm mình, vị ấy không còn bất kỳ sự kiêu ngạo nữa."

Kết luận phần bàn này: Tính siêu việt vượt trội của đức Phật

Theo cách này, mặc dù các bậc A-la-hán đã chấm dứt các kết sử nhưng họ vẫn còn các dấu vết còn sót của chúng.

Trường hợp của đức Phật, đức Thế Tôn, giả sử có người đã cắt đứt một cánh tay bằng dao trong khi người khác chà/thoa cánh tay kia bằng mùi hương gỗ chiên đàn, tâm Ngài sẽ không thù ghét hay ưa thích với những người đó cũng giống như không trân quý con mắt trái hay con mắt phải của mình hơn. Đó là bởi vì Ngài ấy đã hoàn toàn mãi mãi thoát khỏi các dấu vết còn sót lại [của các kết sử].

Giữa Đại chúng, nàng Chiên-già/Chin-cha (Ciñca), nữ Bà-la-môn mang một cái bát [dưới quần áo của mình], đã vu khống đức Phật rằng: "Anh đã làm em có thai! Tại sao anh quá vô tâm về chuyện này? Anh nên cung cấp quần áo và thức ăn cho em!" Cô ta đã hành động như thế, lừa dối và đánh lừa người khác không chút hổ thẹn. Vào lúc đó, có năm trăm vị thủ lĩnh Bà-la-môn tất cả đều giơ tay lên, hét là : "Đúng vậy! Đúng vậy! Chúng tôi đều biết chuyện tình này!"

Vào lúc ấy đức Phật không thay đổi vẻ mặt, cũng không có vẻ gì là bị nhục mạ. Chuyện này lập tức bị phát hiện [là lừa đảo], trái đất rung chuyển dữ dội và các vị Trời cúng dường, rải nhiều loại hoa quý hiếm khi họ tán thán đức hạnh của đức Phật. Đức Phật cũng không tỏ vẻ mừng vui [về chuyện rải hoa và tán thán].

Hơn nữa, khi đức Phật có lần bị bắt buộc phải ăn ngũ cốc dành cho ngựa, ngài ấy cũng đã không chán nản bởi chuyện đó. Và khi Vua các vị Trời đã dâng cúng các món ngon đầy đủ trăm mùi vị, ngài cũng không cảm động vui mừng vì chuyện đó. Ngài ấy chỉ có một tâm và thoát khỏi bất kỳ tư tưởng nhị nguyên nào. Giữa các loại thức ăn, đồ uống, quần áo, và giường nằm và giữa tất cả các loại khen, chê, coi thường, và sự thể hiện tôn kính, tâm của Ngài ấy đều không sai khác.

[Tâm của Ngài ấy] giống như vàng ròng mà người ta có thể nấu chảy/luyện, rèn và đánh bóng, tất cả đều không tăng hay giảm. Nhờ [những khác biệt về phẩm tính như thế] này, mặc dù các bậc A-la-hán đã cắt đứt những kết sử, bởi vì họ vẫn còn giữ lại các dấu vết còn sót lại [của các kết sử này], nên họ không xứng đáng với danh xưng kính ngữ là Thế Tôn, [mà biểu thị sự hủy diệt hoàn toàn tất cả các dấu vết của các kết sử].

Những người chăn bò kiểm tra sự toàn giác/ nhất thiết trí của đức Phật

Như được mô tả trong *Kinh Tương Tợ Như Việc Chăn Bò*[83], vua Tần-bà-sa-la/Bình-sa-vương, vua của nước Ma-kiệt-đà, đã mời đức Phật và năm trăm vị đệ tử ở lại trong ba tháng. Bởi vì nhà vua đã yêu cầu sữa tươi và sữa chua để cúng dường cho đức Phật và Tăng đoàn Tỳ khưu nên nhà vua đã yêu cầu những người chăn bò đến ở một nơi gần đó.

Mỗi ngày, họ đã giao sữa tươi và sữa chua. Vào cuối thời gian ba tháng, nhà vua, vì tử tế đối với những người chăn bò nên đã bảo họ rằng: "Các ngươi có thể đến gặp đức Phật rồi sau đó các ngươi có thể trở lại coi chừng đàn bò." Sau đó, tất cả những người chăn bò đã viếng thăm đức Phật. Khi đang trên đường đi, họ đã bàn bạc với nhau : "Chúng ta đã nghe người ta nói rằng đức Phật là đấng toàn giác/nhất thiết trí. Tất cả chúng ta đều là những người có thân phận thấp kém. Làm sao chúng ta có khả năng để xác định rằng có một bậc toàn giác/nhất thiết trí thật sự hiện hữu?"

Bởi vì tất cả những người Ba-la-môn thích sữa chua, nên họ luôn lui tới nơi của những người chăn bò nên trở thành khá thân thiện với họ. Vì điều này, những người chăn bò đã nghe được tên của tất cả các loại kinh khác nhau của người Bà-la-môn.

Họ bàn tiếp : "Về tất cả những câu hỏi khó về những lời dạy trong bốn bộ Vệ-đà về kỹ thuật chữa lành, đánh nhau, thiên văn, cúng tế cho các vị thần, ca hát, nhảy múa, tranh luận và tất cả sáu mươi bốn loại nghệ thuật thế gian như trên-bởi vì người con trai này của vua Tịnh Phạn đã học rộng và rất thông thái-nếu vị ấy biết tất cả những vấn đề này, thì cũng không có gì là khó khăn lắm. Nhưng vị ấy chưa bao giờ là một người chăn bò. Chúng ta sẽ hỏi vị ấy về những phương pháp bí mật liên quan đến nuôi bò. Nếu vị ấy có khả năng hiểu được những phương pháp này, thì vị ấy thật sự là bậc toàn giác/nhất thiết trí."

---

[83] ND: trong Chú giải Luật tứ phần Tỳ-kheo ni, Cố Hòa Thượng thượng Trí hạ Minh dịch là kinh ***Phóng Ngưu Thí***

Sau khi họ đã bàn bạc xong, họ bước vào công viên trúc (Tịnh Xá Trúc Lâm) từ phía trước và đã trông thấy ánh sáng của đức Phật chiếu sáng khu rừng. Họ tiến tới, nhìn trộm đức Phật, và trông thấy Ngài ngồi dưới một cái cây, dáng Ngài trông như ngọn núi bằng vàng. Giống như khi bơ được ném vào lửa nên những ngọn lửa cực kỳ sáng. Giống như thể vàng nóng chảy được tưới khắp vườn trúc. Họ nhìn chằm chằm mãi không chán vào hình dáng của Ngài vì nó tỏa ra ánh sáng vàng tím. Tâm họ vô cùng mừng vui và họ tự bảo nhau rằng:

Giờ đây con sư tử dòng họ Thích Ca này,
Không biết vị ấy có phải là bậc toàn giác/nhất thiết trí hay không.
Ai nhìn thấy Ngài ấy mà lại không vui mừng.
Chỉ chuyện này thôi cũng đã đủ làm bằng chứng.

Ánh sáng của vị ấy là sự chiếu sáng nhất.
Vẻ mặt của vị ấy vô cùng hiếm hoi và quý báu.
Các tướng chứa đầy đức hạnh tuyệt vời.
Tất cả tướng xứng với danh "đức Phật".

Mỗi tướng thì rất rõ ràng.
Với tinh thần phi thường, vị ấy hoàn toàn đầy đủ.
Vị ấy khoác lên mình những phẩm chất đáng khen.
Những ai đã nhìn thấy vị ấy,
không ai không ngưỡng mộ vị ấy.

Thân vị ấy trú giữa quả cầu ánh sáng/thân chư thiên ánh sáng.
Bất kỳ ai nhìn Ngài cũng không bao giờ thấy đủ
Nếu có ai đó sở hữu nhất thiết trí,
Chắc chắn là vị ấy có những phẩm hạnh công đức.

Tất cả các bức tranh được vẽ bằng nhiều màu
Và những hình ảnh được tô điểm
bằng đồ trang sức bằng ngọc.
Có thể so sánh với vóc dáng/hình thể tinh tế này,
Nhưng không bao giờ thành công
thậm chí chỉ bằng sự tương tợ.

Vị ấy có khả năng làm hài lòng tất cả
những ai nhìn chằm chằm vào mình,
Khiến họ phát sinh loại hạnh phúc tối thượng nhất.
Bất kỳ ai nhìn vào vị ấy sẽ có được niềm tin thanh tịnh.
Chắc chắn vị ấy là bậc toàn giác/nhất thiết trí.

Sau khi đã suy nghĩ như vậy, họ đảnh lễ trước đức Phật rồi hỏi : "Một người chăn bò nên hoàn thiện những phương pháp nào để người đó có khả năng khiến đàn bò phát triển và những phương pháp nào mà người đó có thể không hoàn thiện do vậy để đàn bò không phát triển và không yên bình và không an toàn?"

Đức Phật đáp rằng: "Có mười một phương pháp mà người chăn bò có khả năng khiến đàn bò phát triển. Mười một pháp đó là gì?

Chúng là: biết màu sắc; biết đặc điểm; biết cách chải chuốt; biết cách bó vết loét đúng đắn; biết cách tạo khói; biết con đường tốt; biết đúng nơi dành cho gia súc; biết nơi tốt để vượt chỗ cạn (của sông); biết nơi an toàn và yên bình; biết cách bảo tồn dòng sữa; và biết cách chăm sóc con bò đực đầu đàn.

"Nếu người chăn bò biết mười một phương pháp này, người đó sẽ có khả năng khiến đàn bò nhân lên. Vị tỳ khưu cũng như vậy. Nếu vị ấy biết mười một phương pháp, vị ấy có khả năng khiến gia tăng và phát triển các pháp lành.

"Điều gì có nghĩa là "biết màu sắc"?" Người đó có kiến thức về giá trị tương đối của gia súc nào màu đen, màu trắng và các màu khác. Vị tỳ khưu cũng như thế. Vị ấy biết rằng tất cả hình dáng/sắc chính là bốn đại hay bao gồm bốn đại.

"Điều gì có nghĩa là "biết đặc điểm?" Người đó nhận biết các đặc điểm của gia súc mà chỉ ra điềm lành hay điềm không lành. Người ta biết được liệu một con bò có hòa hợp với một đàn khác hay không dựa trên các đặc điểm của nó. Vị tỳ khưu cũng như thế. Khi thấy các đặc điểm của nghiệp thiện, vị ấy biết mình là người thông minh. Khi nhìn thấy các đặc điểm của nghiệp xấu, vị ấy biết mình là người ngu.

"Điều gì có nghĩa là "chải chuốt?" Khi máu của gia súc bị côn trùng hút, kết quả là sẽ có những vết loét tăng lên. Bằng cách chải chuốt (cho con bò), người đó từ bỏ được cái hại này nên con bò hạnh phúc nên lông của nó bóng bẩy. Vị tỳ khưu cũng như thế. Khi các côn trùng của tư tưởng ban đầu tản mạn, bất thiện và lệch lạc uống máu cội rễ thiện lành của người đó, điều này làm gia tăng các vết loét của tâm. Khi từ bỏ chúng thì người ấy an trú trong sự yên bình và an toàn.

"Điều gì có nghĩa là "bó vết loét?" Điều này chỉ cho việc sử dụng miếng băng bằng vải hay lá cỏ để ngừa những vết chích độc hại của muỗi và ruồi. Vị tỳ khưu cũng như thế.Vị ấy sử dụng các pháp quán chiếu đúng để che đậy những vết loét của sáu căn nên không cho phép mình bị hại bởi những vết cắn của những côn trùng độc hại của phiền não như là tham dục và giận dữ.

"Điều gì có nghĩa là biết cách tạo khói để từ bỏ muỗi và ruồi chích/đốt. Khi từ đằng xa, con bò thấy khói, nó sẽ đi đến chỗ trú. Vị tỳ khưu cũng như vậy. Vị ấy nói đúng như những gì vị ấy đã nghe và từ bồ-tát cả các vết chích/đốt của muỗi và ruồi (của các) kết sử. Vị ấy sử dụng [tín hiệu-lửa] khói của việc thuyết Pháp để dẫn dắt chúng sanh để họ có thể bước vào sự an trú của vô ngã, bản chất thật sự [của các pháp], và tánh không.

"Điều gì có nghĩa là biết con đường? Điều này chỉ cho biết những con đường tốt và xấu để gia súc đến và đi. Vị tỳ khưu cũng như thế. Vị ấy biết rằng con đường tám phần của các bậc Thánh (bát chánh đạo) có khả năng khiến người đó đạt niết-bàn và cách xa các con đường xấu của chủ nghĩa đoạn diệt và chủ nghĩa thường hằng.[84]

[84] ND: chấp đoạn và chấp thường. Chấp đoạn: chết là hết, tất cả đều đoạn diệt, kể cả nhân quả, sự tái sinh v.v… Chấp thường: có một cái ta/bản ngã/linh hồn tồn tại mãi mãi. Nên người đó cho mọi thứ là thật, chứ không biết rằng mọi hiện tượng đều do nhân duyên sinh ra và diệt mất.

"Điều gì có nghĩa là biết nơi thích hợp cho gia súc? Khi một người biết nơi thích hợp cho những con bò, người đó có khả năng khiến cho gia súc nhân lên/sinh sôi nảy nở và ít bị bệnh.Vị tỳ khưu cũng lại như thế. Khi Pháp của đức Phật được tuyên thuyết, vị ấy có được niềm hạnh phúc từ Pháp và do đó các căn lành của vị ấy tăng trưởng.

"Điều gì có nghĩa là biết nơi cạn để vượt sông? Người đó biết nơi dễ vào, nơi dễ vượt qua, nơi không có sóng hay côn trùng độc. Vị tỳ khưu cũng lại như thế. Vị ấy có khả năng đến nơi cư trú của một thầy tỳ khưu thông thái và hỏi về Pháp. Người thuyết Pháp biết sự nhạy bén tương đối của tâm và tầm quan trọng tương đối của phiền não của người trước mặt vị ấy. Do đó vị ấy tác động khiến cho người đó chọn một chỗ cạn vượt sông để thành công trong việc qua sông an toàn [thoát khỏi vòng luân hồi của sanh và tử, đắc niết-bàn].

Điều gì có nghĩa là biết nơi an toàn và yên bình? Người đó biết nơi cư trú không có cọp, sói, sư tử, côn trùng độc hay động vật có độc. Vị tỳ khưu cũng lại như thế. Vị ấy biết sự an bình và an toàn của bốn niệm xứ trong đó không có những con quỷ độc và thú vật có độc là các phiền não. Vị tỳ khưu an trú trong bốn niệm xứ[85], do đó được bình an, an toàn và không có tai họa.

Điều gì có nghĩa là bảo tồn dòng sữa? Con bò cái cho ra sữa vì tình thương của nó với con bê/bò con. Bằng cách để lại sữa dư hơn cần thiết [cho con bê], con bò cái hạnh phúc và do đó tiếp tục là nguồn cung cấp sữa không bị cạn. Con bò đực đầu đàn cũng như những người chăn bò hưởng lợi từ điều này mỗi ngày. Vị tỳ khưu cũng lại như thế. Người cư sĩ cúng dường quần áo và thức ăn. Vị ấy phải biết cách dùng tiết kiệm khi nhận [vật cúng dường] vì thế người ấy có khả năng ngăn ngừa nguồn tài nguyên này bị cạn kiệt. Nếu làm được như thế, thì các thí chủ hạnh phúc và niềm tin của họ không bị chấm dứt nên những người thọ nhận [đồ cúng dường] không bị thiếu các đồ dùng cần thiết.

"Điều gì có nghĩa là biết cách chăm sóc con bò đực đầu đàn? Nếu một người bảo vệ con bò đực lớn, thì người đó sẽ có khả năng bảo vệ được đàn bò. Do đó người ấy phải

[85] ND: nguyên tác tiếng Anh là "enter into these" nghĩa đen là "bước vào những điều này."

chăm sóc và bảo vệ con đầu đàn và không để cho nó ốm yếu/hốc hác. Người ta nên cho nó uống dầu mè, cho nó đeo vòng trang sức và cho riêng nó những cái sừng được bọc kim loại. Người ta nên đấm bóp và chải lông và hết lời khen ngợi nó. Vị tỳ khưu cũng như thế. Khi ở giữa Tăng chúng, có một người vĩ đại có đức hạnh tuyệt vời có khả năng bảo vệ và làm lợi ích cho Pháp Phật, có khả năng đánh bại hoàn toàn ngoại đạo/những người không phải Phật tử trong tranh luận và có khả năng tác động đến tám bộ chúng[86] để gieo trồng thiện căn [cho họ], người ta nên tôn trọng vị ấy và cúng dường cho vị ấy bất kỳ thứ gì mà vị ấy cần."

Khi những người chăn bò đã nghe những lời này, họ đã tự nghĩ : "Điều mà những người chăn bò chúng ta biết không hơn ba hay bốn chủ đề này và người chăn bò giỏi cũng biết nhiều lắm là năm hay sáu chủ đề."[87] Giờ đây họ đã nghe được bài thuyết giảng này, họ thốt lên khi nghe được điều mà không ai trong bọn họ đã từng được nghe và đều đồng ý rằng: "Nếu vị ấy biết những vấn đề này, thì vị ấy cũng phải biết tất cả những điều còn lại. Thật vậy, vị ấy là bậc toàn giác/nhất thiết trí." Họ không còn bất kỳ nghi ngờ nào nữa.

[86] ND: tám bộ chúng hay Thiên long bát bộ, gồm có Trời, Rồng, Dạ xoa, Càn thát bà (thần hương/thần âm nhạc), A-tu-la, Ca-lâu-la (kim súy điểu), Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già (thần trăn).

[87] ND: nguyên tác tiếng Anh là " at the very most aren't familiar with more than five or six subjects" nghĩa đen là "tối đa không quen thuộc hơn năm hay sáu chủ đề."

Thành phố nơi cư trú của những đức vua

Ghi chú của người dịch (HT Pháp Hữu)

Ngài Long Thọ nêu ra ba câu chuyện ở đây trong bối cảnh bàn về nơi bắt đầu trong các kinh. Thành Vương Xá (Rājagṛha), thành phố ở bang Bihar của Ấn Độ mà ngày nay là "Rajgir" có nghĩa đen là "Nơi cư trú của các vị vua."

Phân biệt của *Luận Đại Trí Độ*

Hỏi: Những thành phố như là Xá-vệ (Śrāvastī), Ca-tỳ-la-vệ (Śrāvastī) và Ba-la-nại (Śrāvastī) mỗi nơi đều có nơi trú ngụ của các đức vua. Vậy thì tại sao chỉ thành phố này [của Vương Xá] được coi là "Thành phố nơi cư trú của các đức vua?"

Đáp: (Xin xem dưới đây.)

Câu chuyện đầu tiên về nguồn gốc của thành Vương Xá

Có những người cho rằng vua của nước Ma-kiệt-đà có một người con trai sinh ra chỉ có một cái đầu, nhưng có hai khuôn mặt và bốn tay. Do người dân thời đó xem việc này là điềm gỡ, nhà vua bèn cắt cái đầu khỏi thân rồi ném đứa bé vào khu rừng hoang. Một con ma La-sát nữ tên là Līlā đã gắn thân thể của đứa bé ấy lại với nhau, cho bú và nuôi lớn đứa bé. Sau đó đứa bé ấy lớn lên thành một người vĩ đại mà sức mạnh sánh bằng với tất cả các vua của những nước láng giềng.

Vị ấy đã thiết lập chủ quyền khắp đất nước, rồi gửi tất cả các vị vua trước, tất cả là 18.000 người, sống cùng nhau trong khu vực bao quanh bởi năm ngọn núi này. Vị ấy đã dùng sức mạnh vĩ đại của mình để trị vì tất cả Nam-diêm-phù-đề. Do bởi điều này, người dân của Nam-Diêm-phù-đề đã đặt cho núi này tên là "Thành phố nơi cư ngụ của các đức vua."

Câu chuyện thứ hai về nguồn gốc của thành Vương Xá

Lại nữa, có một số người cho rằng thành phố nơi vua nước Ma-kiệt-đà trước đây trú ngụ bị lửa thiêu rụi. Mỗi lần thành phố bị thiêu rụi, nó lại được xây dựng lại. Chuyện này xảy ra như vậy bảy lần, sau đó người dân mệt mỏi vì lao động bắt buộc [để xây dựng lại thành phố] nên nhà vua rất đau khổ và sợ hãi. Rồi ông ấy triệu tập các quân sư

và trưng cầu ý kiến về hành động tốt nhất. Có một số ủng hộ ý kiến rằng thành phố nên được dời qua chỗ khác. Rồi nhà vua bắt đầu tìm một nơi mới để trú ngụ. Ông ấy nhìn thấy năm ngọn núi trong một vòng tròn như một bức tường thành, nên đã xây một cung điện ở khu vực được năm ngọn núi này bao quanh rồi an cư lập nghiệp ở đó. Do bởi như thế nên thành phố có tên là "Thành phố nơi các vị vua cư trú."

Câu chuyện thứ ba về nguồn gốc của thành Vương Xá

Rồi lại nữa, cách đây đã lâu vào thời cổ đại, vương quốc này có một vị vua tên là Vasu. Tâm của vị ấy trở nên mệt mỏi với các pháp thế gian, do đó vị ấy đã rời bỏ cuộc sống tại gia và trở thành một ẩn sĩ. Vào lúc này những người Bà-la-môn tại gia đang tranh luận về giáo lý với các ẩn sĩ đã xuất gia. Các Bà-la-môn tại gia khăng khăng rằng các kinh điển yêu cầu rằng việc cúng dường theo nghi lễ/tế tự cho các vị thần cần phải giết động vật và ăn thịt chúng. Các vị ẩn sĩ xuất gia thì khẳng định rằng người ta không nên giết động vật và ăn thịt chúng trong quá trình tế tự/cúng lễ cho các vị thần. Họ cãi qua cãi lại cho đến khi cuối cùng các vị Bà-la-môn xuất gia đã bảo : " Ở đây chúng tôi có một vị vua đã xuất gia và trở thành một ẩn sĩ. Tất cả các ông có tin vị ấy hay không?"

Tất cả các Bà-la-môn tại gia bèn nói : "Chúng tôi đều tin vị ấy."

Các vị Bà-la-môn xuất gia bèn nói : "Chúng ta sẽ sử dụng vị này làm trọng tài. Ngày mai chúng ta sẽ nêu câu hỏi cho vị ấy."

Rồi, chính buổi tối đó, các Bà-la-môn tại gia đầu tiên viếng thăm nơi trú ngụ của ẩn sĩ Vasu. Sau khi đã hỏi tất cả các loại câu hỏi, họ bảo vị ẩn sĩ Vasu rằng: "Trong buổi tranh luận ngày mai, anh phải giúp chúng tôi." Buổi sáng hôm sau vào thời gian đã qui định các vị ẩn sĩ xuất gia đã hỏi vị ẩn sĩ Vasu rằng: "Trong quá trình thực hiện lễ tế tự/cúng lễ cho các vị thần, người ta có nên giết động vật và ăn thịt chúng hay không?"

Vị ẩn sĩ Vasu bèn bảo rằng: "Theo pháp của các Bà-la-môn, trong khi thực hiện lễ tế tự/cúng lễ cho các vị thần, người ta nên giết động vật và ăn thịt chúng."

Các vị ẩn sĩ xuất gia bèn nói rằng "Nhưng thật sự chính bản thân anh nghĩ gì? Người ta có nên giết động vật và ăn thịt chúng hay không?"

Vị ẩn sĩ Vasu bèn đáp rằng: "Bởi vì đó là lễ cúng tế cho các vị thần, người ta phải giết động vật và ăn thịt chúng. Bởi vì những con vật đó chết trong khi cúng tế cho các vị thần, chúng có khả năng được tái sanh ở các cõi trời."

Các vị ẩn sĩ xuất gia đều la lên rằng: "Anh hoàn toàn sai rồi! Anh đã nói dối nghiêm trọng!" Rồi họ nhổ [nước miếng] vào mặt anh ta rồi bảo rằng: "Hãy biến đi, tên tội phạm!" Vào lúc này, ẩn sĩ Vasu đã bị chìm xuống đất tới mắt cá của anh ta. Bởi vì anh ta chỉ mới phạm tội cực nặng lần đầu tiên, nên các vị ẩn sĩ xuất gia bèn bảo rằng:

"Ngươi phải nói lời thật. Nếu ngươi cố tình nói dối, thân thể của ngươi sẽ chìm vào mặt đất."

Ẩn sĩ Vasu bèn nói rằng: "Tôi biết rằng bởi vì người ta giết hại động vật và ăn thịt nó thay mặt cho các vị thần thì không có tội," do vậy anh ta lập tức chìm sâu hơn xuống đất tới đầu gối. Theo cách này anh ta dần dần chìm xuống tới thắt lưng rồi tới cổ.

Các vị ẩn sĩ xuất gia bèn bảo anh ta rằng: "Ngươi bây giờ đang chịu quả báo tức thì và hiện đời cho việc ngươi nói dối. Tuy nhiên, nếu ngươi thay đổi và nói sự thật, mặt dầu ngươi đã chìm xuống đất, chúng ta sẽ vẫn có khả năng kéo ngươi lên lại và khiến cho ngươi được tha tội."

Vào lúc đó ẩn sĩ Vasu bèn tự nhủ rằng: "Ta là người cao quý và nghiêm túc nên không thể nói những lời khác [mâu thuẫn] nhau. Hơn nữa, đó là pháp của Bốn bộ Vệ-đà ca ngợi những phương pháp cúng tế cho các vị thần vì tất cả lý do. Nếu như ta, chỉ có một người, chết [vì việc này] thì việc đó có đáng phải suy nghĩ chăng? Rồi anh ta nhất định bảo rằng: "Không có tội trong việc giết hại động vật và ăn thịt chúng trong khi làm lễ tế tự cho các vị thần."

Các vị ẩn sĩ xuất gia bèn bảo rằng: "Ngươi là người phạm tội nặng. Ngươi sẽ bị lôi đi. Ngay cả để mắt tới ngươi cũng vô ích thôi." Vào lúc đó toàn thân của anh ta chìm xuống mặt đất. Kể từ đó cho đến tận ngày nay, họ luôn sử dụng phương pháp của Vasu, vua ẩn sĩ để giết hại cừu khi làm lễ cúng tế cho các vị thần. Khi con dao sắp rơi xuống, họ bảo rằng: "Đó là Vasu giết các ngươi."

Con trai của Vasu, tên là "Cổ xe rộng", lên ngôi vua. Sau đó, vị này cũng chán chường các pháp thế gian, nhưng không thể xuất gia. Vị ấy tự nghĩ rằng: "Cha của ta,

vị vua trước, đã xuất gia, nhưng ngay đang khi còn sống đã bị đất nuốt chửng. Tuy nhiên, tiếp tục trị vì đất nước là tạo thêm nhiều tội nặng. Vậy thì ta nên cư xử thế nào đây?"

Khi vị ấy đang suy nghĩ như vậy, vị ấy nghe được giọng nói từ không trung, bảo rằng: "Nếu khi anh đi, anh nhìn thấy một nơi hiếm khi người ta nhìn thấy, anh phải xây một căn nhà và sống ở đó." Sau khi nghe câu nói này, vị ấy không còn nghe thấy giọng nói đó nữa.

Không lâu sau đó, vị vua đó đã đi săn bắn ở vùng quê. Vị ấy trông thấy một con nai chạy nhanh như gió. Nhà vua đã đuổi theo nó nhưng không thể bắt kịp. Vị ấy đuổi theo nó liên tục/không dừng lại. Không ai trong số hàng trăm các quan và tùy tùng có thể theo kịp nhà vua. Khi nhà vua đi xa hơn thì trông thấy đỉnh của năm ngọn núi trong một vòng tròn dốc và vững chắc/kiên cố. Mặt đất nơi ấy bằng phẳng.

Cỏ tốt và mềm mại cùng với những bông hoa đẹp bao phủ mặt đất. Tất cả các loại cây và hoa và trái cây nở rộ xum suê ở đó. Đất lại có thêm các dòng suối ấm áp, nước trong và các hồ tắm. Các loại hoa trời và hương thơm cõi trời bồng bềnh khắp nơi. Lại có âm thanh của nhạc trời khắp nơi. Vào lúc đó, những nhạc sĩ càn-thát-bà đã rút lui khi nhìn thấy nhà vua đang tiến tới.

Nhà vua bèn nghĩ rằng: "Nơi này quý hiếm đến nỗi chưa có ai nhìn thấy nó trước đây. Bây giờ ta nên xây một ngôi nhà ngay trung tâm của vùng này và sống ở đây." Ngay khi vị ấy suy nghĩ như thế xong, nhiều vị thượng thư và hàng trăm vị quan, theo dõi dấu vết của nhà vua, đã đến nơi ấy. Nhà vua bèn bảo các vị thượng thư rằng: "Trước kia, có một giọng nói từ không trung bảo rằng: "Khi đi, ngươi sẽ nhìn thấy một nơi hiếm được nhìn thấy, ngươi phải xây nhà và sống ở đó." Rồi nhà vua đã bỏ thành phố ban đầu rồi đến trú ngụ giữa các ngọn núi. Nhà vua này là người đầu tiên trú ngụ ở đó. Sau đó, các vị vua kế tiếp cũng trú ngụ ở đó. Bởi vì vị vua này ban đầu đã xây dựng cung điện của mình ở đó, nơi ấy có tên là "Vương Xá/Nơi cư trú của các nhà vua."

Câu chuyện này kết thúc lời giải thích tóm tắt về những xuất xứ của thành Vương Xá/Thành phố nơi cư trú của các vị vua.

Ngài Đại Ca Diếp và núi Linh Thứu (Gṛdhrakūṭa)

Lại nữa, trưởng lão Đại Ca Diếp đã phụ trách/giám sát việc biên soạn ba tạng Giáo Pháp trên núi Linh Thứu. Khi tất cả chúng sanh mà ngài ấy có khả năng hóa độ họ qua bờ giải thoát đã được hóa độ, thì Ngài Đại Ca Diếp ước mong theo đức Phật bằng cách bát-niết-bàn. Sau khi đã thức dậy vào sáng sớm và đã đi vào thành Vương Xá để khất thực, Ngài ấy lên núi Linh Thứu và bảo tất cả đệ tử của mình rằng: "Hôm nay ta sẽ nhập niết-bàn vô dư." Sau khi Ngài ấy bảo như vậy, Ngài đã vào nơi cư trú của mình và ngồi kiết già, lập tức sau đó vào tam muội vô lậu (*non-outflow dhyāna samādhi*) tỏa khắp thân Ngài.

Các vị đệ tử của Ngài Đại Ca Diếp đã vào thành Vương Xá và bảo tất cả người quý tộc rằng: "Các vị có biết hay không biết chính hôm nay Đại Đức Đại Ca Diếp sẽ nhập niết-bàn vô dư? Khi nhiều người quý tộc nghe những lời này, họ trở nên vô cùng buồn bã và đau buồn, bảo rằng: "Đức Phật đã nhập diệt. Ngài Đại Ca Diếp duy trì và bảo vệ Chánh Pháp. Giờ đây, hôm nay, Ngài ấy cũng sắp nhập niết-bàn vô dư."

Vào lúc xế chiều, nhiều người quý tộc và các thầy tỳ khưu tất cả đều tập hợp trên núi Linh Thứu. Vào lúc xế chiều, trưởng lão Đại Ca Diếp xuất thiền, tham gia vào Hội chúng và ngồi xuống. Ngài tán thán giáo lý vô thường, bảo rằng: "Bởi vì tất cả các pháp hữu vi là sản phẩm của các nhân và duyên, do đó chúng vô thường. Bởi vì, trước đây không hiện hữu, giờ đây chúng hiện hữu, rồi lại trở thành không hiện hữu, do đó chúng là vô thường. Bởi vì chúng là vô thường do đó chúng gây ra đau khổ. Bởi vì chúng gây ra đau khổ, do đó chúng không phải là ngã/vô ngã. Bởi vì chúng vô ngã, người có trí tuệ không nên bám chấp vào các quan điểm của "Tôi" và "của tôi". Nếu người đó trở nên dính mắc vào "Tôi" và "của tôi" thì người đó chịu vô lượng lo lắng, đau khổ, khổ đau và phiền não. Trong tất cả các thế giới/cõi thế gian, người đó nên ghê tởm việc tìm kiếm và tự mình tránh xa dục lạc. Bằng cách này, Ngài Đại Ca Diếp đã thuyết nhiều kiểu về khổ đau trong Thế gian, rồi ngài ấy dẫn tâm mình khiến nó nhập bát-niết-bàn.

Sau khi Ngài Đại Ca Diếp đã thuyết xong bài pháp này, Ngài ấy đắp y Tăng-già-lê do đức Phật truyền lại, cầm gậy, giống như chim kim súy điểu cánh vàng, Ngài ấy bay vút vào không gian, xuất hiện ở bốn tư thế khác nhau của ngồi, nằm, đi và đứng. Một

thân của Ngài khi ấy biến thành vô số thân tràn đầy thế giới về phía đông. Rồi từ vô số thân trở lại thành một thân. Từ phần trên của thân thể, Ngài ấy ném ra lửa và từ dưới phát ra nước. Rồi từ phần trên của thân Ngài ấy phát ra nước và trong khi phần dưới phát ra lửa. Ở các phía nam, tây và bắc cũng giống như thế.

Sau khi tâm của những ai đã tập hợp thấy chán ghét sự tồn tại trên thế gian và tràn đầy niềm vui, trên đỉnh núi Linh Thứu, đầy đủ y và bát, Ngài Đại Ca Diếp phát lời thệ rằng: "Nguyện cho thân thể của tôi không bị hư rã, để khi Ngài Di Lặc thành Phật, thân thể này của tôi lại xuất hiện, và nhờ những nhân và duyên này, tôi sẽ khiến chúng sanh được giải thoát." Sau khi Ngài Đại Ca Diếp quán chiếu theo cách này, Ngài ấy đã bước vào tảng đá trên đỉnh núi, chỉ như thể Ngài ấy bước vào bùn mềm. Sau khi Ngài ấy đã vào, núi đóng lại phía sau Ngài ấy.

Sau này, khi tuổi thọ bình thường của con người đạt đến 84.000 năm và chiều cao của họ đến 80 feet (khoảng 20-24m) thì đức Phật Di Lặc sẽ xuất hiện. Thân của đức Phật Di Lặc sẽ cao khoảng gần 49m và khuôn mặt của đức Phật ấy dài khoảng 7.3m trong khi hào quang của Ngài ấy tỏa ra nhiều dặm (nghĩa đen là "mười li/5km)

Vào lúc đó khi chúng sanh nghe rằng đức Phật Di Lặc đã xuất hiện, vô số người sẽ theo đức Phật ấy xuất gia. Khi đức Phật Di Lặc ở giữa đại chúng và lần đầu tiên thuyết pháp, có chín mươi chín ức (koti) người (khoảng chín trăm chín mươi chín triệu người) đắc quả A-la-hán và đầy đủ sáu thần thông. Vào ngày thứ hai, có chín mươi sáu ức người đắc quả A-la-hán. Vào ngày thứ ba có chín mươi ba ức người đắc quả A-la-hán. Kể từ thời gian đó trở đi, Ngài sẽ đưa vô số người đến bờ giải thoát.

Cuối cùng, sau một thời gian lâu dài, người ta sẽ trở nên lười nhác và miễn cưỡng. Khi đức Di Lặc nhìn thấy những người trông hội chúng giống như thế, Ngài ấy sẽ dùng móng chân của mình tách núi Linh Thứu. Vào lúc đó, thân thể của Ngài Đại Ca Diếp, đắp y Tăng-già-lê sẽ xuất hiện và đảnh lễ dưới chân ngài Di Lặc. Ngài Đại Ca Diếp khi ấy sẽ bay lên trời và lại thị hiện nhiều thần thông như đã mô tả ở trên. Rồi giữa bầu trời, Ngài Đại Ca Diếp sẽ làm thân thể mình biến mất khi Ngài ấy nhập bát-niết-bàn.

Các đệ tử của đức Phật Di Lặc khi đó sẽ sửng sốt và sẽ hỏi rằng: "Người ấy là ai mà trông giống như một con người nhưng lại quá nhỏ bé như thế ạ? Thân của vị ấy đang mặc y Tăng-già-lê và vị ấy có khả năng biểu diễn những thần thông này."

Đức Phật Di Lặc sẽ bảo rằng: "Đó là một vị đệ tử của đức Phật trước, đức Thích-Ca-Mâu-Ni. Tên của vị ấy là Đại Ca Diếp. Vị ấy đã tu tập hạnh cư trú ở A-lan-nhã, vị ấy ít muốn và biết đủ.Trong số các tỳ khưu đã tu tập các hạnh đầu đà, vị ấy đứng đầu. Vị ấy là bậc A-la-hán vĩ đại đã đắc sáu thần thông và hai sự giải thoát (trí tuệ và thiền định). Vào lúc đó, tuổi thọ của con người là một trăm năm, chỉ có vài người hơn một trăm năm, nhưng đa số không sống đến một trăm năm. Nếu vị ấy, với thân hình nhỏ bé như thế, đã thành công với chuyện vĩ đại như thế, tại sao tất cả các vị, với những thân thể to lớn và các căn bén nhạy như thế, không thực hiện những hành động công đức như vầy?"

Khi đó, tất cả các đệ tử của đức Phật Di Lặc sẽ hối hận và tăng trưởng sự xuất ly vĩ đại. Đức Phật ấy, tùy theo tâm trí của những chúng sanh đó, sẽ thuyết tất cả các pháp vì lợi ích của họ. Sẽ có người đắc quả A-la-hán, đắc A-na-hàm/Bất lai, đắc Tư-đà-hàm/Nhất lai và Tu-đà-hoàn/Thất lai. Sẽ có những người đã trồng căn lành thành Phật độc giác. Cũng sẽ có những người đắc Bồ-tát bất thối đã giác ngộ Vô sanh Pháp nhẫn.

Sẽ có những người được tái sanh ở các cõi trời nơi họ hưởng tất cả các loại hạnh phúc và phước lành.

Những lời bình kết luận của Ngài Long Thọ

Vì chuyện này, người ta nên biết rằng núi Linh Thứu là nơi tốt lành đầy các công đức và nơi các bậc Thánh cư trú. Đức Phật là chúa tể của các bậc Thánh. Vì lý do này mà đức Phật cư trú ở núi Linh Thứu phần lớn thời gian.

Ngài Xá-lợi-tử giải thích về thức ăn thanh tịnh

"Tỳ khưu" là chỉ cho người dựa vào việc khất thực. Nhờ vào sự thanh tịnh của phương tiện này duy trì mạng sống của một người mà [nhà sư đạo Phật] được xem là "thầy tỳ khưu". Điều này được minh họa bằng câu chuyện này từ các kinh điển.

Ngài Xá-lợi-tử đi vào thành phố để khất thực và sau khi đã có thức ăn, Ngài ngồi xuống để ăn, mặt đối diện vách tường. Vào lúc đó, có một nữ Phạm Chí tên là Bạch Hạc (Śucimukhī) đến nơi và trông thấy ngài Xá-lợi-tử nên đã hỏi ngài ấy rằng: "Thưa Sa-môn, có phải ngài đang ăn không?"

Ngài ấy đáp rằng: "Vâng, thưa chị. Tôi đang ăn."

Śucimukhī bèn hỏi rằng: "Có phải là Sa-môn các vị ăn với sự chú ý hướng xuống không?"

Ngài đáp rằng: "Không phải vậy đâu chị à."

"Vậy các vị ăn bằng cách chú ý hướng lên à?"

"Không phải vậy."

"Vậy bằng cách chú ý hướng về [bốn] phía à?"

"Không phải vậy."

"Vậy bằng cách chú ý hướng về bốn điểm trung gian[88] à?"

"Không phải vậy."

Śucimukhī bảo rằng: Có bốn cách trong khi ăn. Con đã hỏi Ngài về chúng và ngài bảo rằng "không phải" trong cả bốn cách. Con không hiểu được. Ngài nên giải thích cho con."

Ngài Xá-lợi-tử bảo rằng: "Có những người xuất gia trộn thảo dược, gieo hạt, trồng cây, hay tham gia vào các hình thức khác có phương tiện bất tịnh như thế của việc duy trì mạng sống. Những phương pháp này được coi là ăn/dinh dưỡng có được bằng sự chú ý hướng xuống.

"Có những người đã xuất gia quan sát các ngôi sao, tinh tú, mặt trời, mặt trăng, gió, mưa, sấm và chớp, và tia chớp, đây là những phương tiện duy trì mạng sống bất tịnh.

[88] ND: bốn điểm trung gian là đông bắc, đông nam, tây bắc và tây nam.

Những phương pháp này được cho là dinh dưỡng/thức ăn có được bằng sự chú ý hướng lên trên.

"Có những người xuất gia lợi dụng và nịnh bợ người quý tộc và quyền thế, là người giao các tin tức cho họ trong cả bốn hướng, hay sử dụng lời khôn khéo và quá tham lam, những phương pháp duy trì mạng sống bất tịnh. Những phương pháp này chỉ cho dinh dưỡng/thức ăn có được bằng sự chú ý hướng về tất cả các hướng.

"Có những người xuất gia học tất cả các loại kỹ thuật bùa phép, hay thực hiện xem quẻ/bói toán, và tính toán điềm lành và điềm gỡ và tất cả các loại phương tiện bất tịnh khác để duy trì mạng sống như vầy. Những phương pháp này được coi là thức ăn/dinh dưỡng có được bằng sự chú ý hướng về các điểm trung gian. Chị à, Tôi không rơi vào bất kỳ bốn loại phương tiện bất tịnh này để duy trì mạng sống. Tôi sử dụng khất thực thanh tịnh để duy trì cuộc sống này.

Vào lúc này, khi Śucimukhī đã nghe được lời giải thích về pháp thức ăn/dinh dưỡng thanh tịnh, cô ấy vui mừng và phát tín tâm và sự hiểu biết. Ngài Xá-lợi-tử, nhờ việc đã thuyết pháp cho cô ấy, đã đắc đạo quả Tu-đà-hoàn/Thất-lai/Dự lưu.[89]

[89] ND: có thể độc giả sẽ nghĩ phần này mâu thuẫn với câu chuyện "Ma-ha-câu-thi-na (Mahākauṣṭhila) vị Bà-la-môn có móng tay dài" nhưng Hòa thượng Dharmamitra xác nhận ngày 10/11/2023 là đã dịch chính xác câu chuyện này như trong nguyên bản tiếng Hán. Hòa thượng cho biết trong Tam Tạng có chi tiết mâu thuẫn là phổ biến.

Vị Phạm Chí tên Thiện Hiện

Vị Phạm Chí tên là Thiện Hiện (Subhadra) đã 120 tuổi và đắc năm thần thông. Vị ấy cư trú ở bờ hồ A-nậu-đạt (Anavatapta). Một đêm nọ, trong một giấc mộng, vị ấy đã trông thấy mọi người bị mù và đứng trần truồng trong đêm tối. Mặt trời rơi xuống từ bầu trời, trái đất bị vỡ tung,và tất cả các đại dương đều khô cạn. Một cơn gió mạnh nổi lên và thổi bay núi Tu Di. Khi vị ấy thức dậy, vị ấy sợ hãi và nghĩ rằng: "Tại sao lại như thế? Có phải là cuộc sống của mình sắp chấm dứt hay là chúa tể của trời và đất sắp ngã xuống?" Vị ấy bối rối nhưng không thể hiểu nổi điều đó. Bởi vì vị ấy đã mơ thấy giấc mộng khủng khiếp này, một vị trời từng là người hướng dẫn tâm linh của vị ấy trong một kiếp trước đã từ cõi trên hạ xuống và bảo ngài Thiện Hiện rằng: "Đừng sợ hãi. Có một bậc toàn giác/nhất thiết trí là đức Phật, người mà ngày mai, vào giữa đêm sẽ nhập niết-bàn vô dư. Do đó, giấc mộng của bạn không có liên quan gì đến bạn hết."

Rồi, chính vào ngày kế tiếp, Thiện Hiện đi tới khu rừng ở thành Câu-thi-na và đã trông thấy ngài A-nan-đà đang đi bộ nên bảo ngài A-nan-đà rằng: "Tôi đã nghe rằng bậc đạo sư của Thầy mô tả một con đường mới dẫn đến niết-bàn, và chính ngày hôm nay, vào lúc giữa đêm, Ngài ấy sẽ chọn nhập diệt. Tâm tôi bị phiền não bởi hoài nghi. Làm ơn, Tôi muốn gặp đức Phật để Ngài có thể giải quyết nguyên nhân của những hoài nghi của tôi."

Ngài A-nan-đà đáp rằng: "Thân thể của đức Thế Tôn kiệt sức rồi. Nếu anh muốn gặp với những câu hỏi khó, điều này sẽ làm mệt mỏi và phiền lòng đức Thế Tôn."

Ngài Thiện Hiện đã thỉnh cầu mãi cho tới ba lần. Mỗi lần ngài A-nan-đà đều đáp như trước. Đức Phật đã nghe được chuyện này từ đằng xa nên đã dạy ngài A-nan-đà rằng: "Hãy cho phép Thiện Hiện vị Phạm Chí đến đây và tự do nêu câu hỏi khó. Đây sẽ chính là cuộc đối thoại cuối cùng của Ta và chính là vị đệ tử cuối cùng của Ta đắc Đạo."

Vào lúc này ngài Thiện Hiện đã được gặp/diện kiến đức Phật. Sau khi vị ấy đã chào đức Thế Tôn, vị ấy ngồi xuống một bên và nghĩ rằng: "Mặc dù những tín đồ của tất cả các truyền thống ngoại đạo/không phải đạo Phật đã từ bỏ những trói buộc của tình yêu và tình cảm về của cải và kho báu, tuy nhiên họ không đắc Đạo. Chỉ có Sa môn Cồ

Đàm (Gautama) đã tìm thấy Đạo." Sau khi đã suy nghĩ xong, vị ấy đã hỏi đức Phật rằng: "Tại đây ở vùng đất Nam-diêm-phù-đề này, tất cả sáu bậc Thầy đều bảo chính họ rằng: "Ta có tất cả kiến thức. Liệu lời nói này có chân thật hay không?"

Vào lúc đó, đức Thế Tôn đáp bằng kệ sau:

Kể từ khi Ta hai mươi chín tuổi,
Ta đã xuất gia và học cách của đức Phật.
Kể từ lúc Ta xuất gia đến nay,
Đã hơn năm mươi năm rồi.
Về giới thanh tịnh, thiền định, và trí tuệ
Những người ngoại đạo này không có thậm chí một phần nhỏ.
Nếu họ không có ngay cả một phần nhỏ,
Hà huống là họ có thể có tất cả kiến thức.

"Nếu một người không có con đường đúng đắn tám ngành (bát chánh đạo), thì người đó không có quả vị thứ nhất, thứ hai, thứ ba hay là quả thứ tư [của việc tu tập Đạo]. Nếu một người có con đường đúng tám thánh đạo, thì vị ấy có quả vị thứ nhất, thứ hai, thứ ba và thứ tư. Này Thiện Hiện, trong Giáo Pháp của Ta, có con đường đúng tám thánh đạo. Các pháp của những người khác, những người ngoại đạo, tất cả đều trống rỗng. Họ không có [đường] Đạo, không có quả vị, không có Sa môn và không có Bà-la-môn [chân thật]. Thế nên, giống như vậy, giữa Đại Chúng, Ta thật sự rống tiếng rống của sư tử." [90]

Khi vị Phạm chí Thiện Hiện đã nghe được bài Pháp này, vị ấy đắc quả A-la-hán. Vị ấy tự nghĩ rằng: "Ta không nên nhập bát-niết-bàn sau đức Phật." Sau khi đã suy nghĩ theo cách này, vị ấy tự ngồi kiết già trước đức Phật, sử dụng thần thông của chính mình, từ trong thân vị ấy phát ra lửa thiêu đốt thân của vị ấy. Do đó, vị ấy đã chọn nhập diệt.

[90] ND: rống tiếng rống của sư tử là ví cho sự thuyết pháp của đức Phật hùng dũng như tiếng gầm của chúa tể sơn lâm làm chấn động cả vũ trụ, càn khôn. Trong *Kinh Duy Ma Cật*, Phẩm Phật Quốc có đoạn: "*Sư tử hống là tiếng rống của con sư tử, là âm thanh không sợ hãi, phàm giáo thuyết của ngài nói ra đều không sợ giáo học khác của chúng tà đạo, giống như tiếng rống của con sư tử làm cho các loài thú đều phải thần phục*." (nguồn: https://thuvienhoasen.org/a4136/nghia-cua-su-tu-hong-la-gi-co-lien-he-gi-den-loi-dam-dan-gian-ha-dong-su-tu-rong-khong)

Khi nhìn thấy xác chết của Phạm Chí Mākandika

Những đệ tử của Mākandika, vị Phạm Chí, đã đặt xác của vị ấy trong rơm và để trên cao, mang nó đi qua thành phố, nhiều người trong số họ gọi lớn rằng: "Bất kỳ ai nhìn thấy thân thể của ngài Mākandika sẽ đạt được con đường thanh tịnh. Nếu ai đảnh lễ hay cúng dường nó thì còn được hơn thế nữa." Nhiều người đã tin điều họ nói. Các tỳ khưu nghe được chuyện này và đã hỏi đức Phật rằng: "Thưa đức Thế Tôn, chuyện này là sao ạ?"

Đức Phật bèn đáp bằng cách thốt ra kệ sau:

Người kém đầu óc tìm sự thanh tịnh hóa
qua những gì mắt họ trông thấy.
Những người như vậy không có trí tuệ
nên không có đạo thật sự.
Tâm họ tràn đầy những phiền não của tất cả kết sử.
Làm thế nào mà họ, chỉ bằng cách nhìn,
mà đạt được con đường thanh tịnh?

Nếu việc nhìn thấy bằng mắt
mà làm người ta đạt sự thanh tịnh,
Vậy thì trí tuệ hay kho báu các phẩm tính
đáng khen có ích chi?
Bằng trí tuệ và các phẩm tính đáng khen,
thì người đó đạt sự thanh tịnh.
Về việc được thanh tịnh bằng cách nhìn bằng mắt,
thì không có chuyện như thế đâu.

Tại sao Ngài A-nan-đà được đặt tên như vậy

Hỏi: Những hoàn cảnh nhân duyên nào mà Đại đức A-nan-đà có tên như thế? Có phải là cha và mẹ của ngài ấy đặt tên như thế chăng? Hay là dựa trên những nhân và duyên cụ thể mà Ngài ấy có tên như vậy?

Đáp: Đó là kết quả của những hoàn cảnh nhân duyên từ nhiều kiếp trước. Nên nó cũng là cái tên phát xuất từ những nhân và duyên cụ thể.

Hỏi: Những hoàn cảnh nhân duyên từ những kiếp trước là gì?

Đáp: Trong một kiếp trước, đức Phật Thích-Ca-Mâu-Ni là người thợ gốm tên là "Sáng chói rực rỡ". Vào lúc đó, có một đức Phật khác cũng tên là Thích-Ca-Mâu-Ni cũng có những vị đệ tử tên là Xá-lợi-tử, Mục-kiền-liên và A-nan-đà. Đức Phật đó cùng với các đệ tử của mình đã nghỉ đêm tại nơi cư trú của người thợ gốm ấy. Lúc đó người thợ gốm đã làm ba món quà: đệm ngồi bằng cỏ, đèn sáng và tương cay mật ong[91]. Vị ấy đã dâng cúng chúng cho đức Phật và Tăng đoàn tỳ khưu và lập lời thệ rằng:

"Nguyện cho con trở thành một vị Phật trong tương lai trong một thế giới bị phiền não bởi già, bệnh, chết và năm điều ác (ngũ trược). Nguyện con cũng có tên là Thích-Ca-Mâu-Ni và nguyện cho các đệ tử của con cũng có tên giống như các vị này." Do bởi lời thệ này của đức Phật mà ngài A-nan-đà có tên như thế.

Ngoài ra, từ đời này sang đời khác, Ngài A-nan-đà đã lập lời thệ rằng: "Nguyện con đứng đầu trong các đệ tử thông thái của đức Phật Thích-Ca-Mâu-Ni và nguyện tên con là A-nan-đà."

Lại nữa, từ đời này qua đời khác, ngài A-nan-đà đã tu tập sự nhẫn nhục và chính mình từ bỏ giận dữ. Vì lý do này mà Ngài ấy đặc biệt đẹp trai kể từ khi được sinh ra. Bởi vì những ai trông thấy ngài ấy đều vui mừng vì sự đẹp trai của ngài ấy, cha mẹ Ngài đặt tên cho ngài là A-nan-đà [có nghĩa là "vui mừng/Khánh Hỷ"]. Đó là những lý do đời quá khứ về tên của ngài A-nan-đà.

---

[91] ND: tương cay mật ong tự nhiên (*chutney*) là món ăn của Ấn Độ gồm gia vị cay làm bằng trái cây và rau quả cùng với giấm, gia vị, mật ong tự nhiên.

Tại sao cha và mẹ ngài đã cho ngài tên này? Trong quá khứ, có một đức vua dòng dõi Mặt trời tên là "Hàm Sư Tử" (Sihahanu). Nhà vua có bốn người con trai. Người thứ nhất tên là "Gạo trong/Tịnh Phạn". Người thứ hai tên là "Gạo Trắng/Bạch Phạn." Người thứ ba tên là "Rổ Gạo/Hộc Phạn". Người thứ tư tên là "Gạo Cam Lồ/Cam Lộ Phạn." Có một người con gái tên là "Hương vị cam lồ"/Cam Lộ Vương Phi (Pamita). Vua Tịnh Phạn có hai người con trai là đức Phật và Nan-đà. Vua Gạo Trắng có hai người con trai là Ba-đi (Badi) và Ti-sa (Tisha). Nhà vua Rổ Gạo có hai người con là Đề-bà-đạt-đa và A-nan-đà. Vua Gạo Cam Lồ có hai người con là Ma-ha-nam và A-nậu-lâu-đà. Người con gái tên là Cam Lồ, có người con trai tên là Đàn-na-bát-la (Dānapāla).

Chính trong những hoàn cảnh như thế mà Bồ-tát Sĩ-đạt-ta dần lớn lên và từ bỏ địa vị Chuyển luân Thánh vương. Giữa đêm, ngài rời gia đình đến bờ sông Ni-liên-thiền ở bang Ưu-lâu tần-loa (Uruvilvā). Ngài ấy đã tu tập hạnh khổ hạnh trong sáu năm. Vào lúc đó bởi vì vua Tịnh Phạn rất thương nhớ con trai mình, nên vị ấy thường xuyên gửi sứ giả để hỏi thăm vì vị ấy muốn biết tin tức: "Con trai ta đã đắc Đạo chưa?" "Con trai ta có bị bệnh hay đã chết?"

Các sứ giả đến và thưa với đức vua rằng: "Vị Bồ-tát chỉ còn da và xương và dây chằng giữ chúng lại với nhau, vậy thôi." Lực sống của vị ấy rất mong manh và yếu ớt. Liệu là ngày hôm nay hay là ngày mai, vị ấy không còn nhiều thời gian nữa."

Khi nhà vua Tịnh Phạn đã nghe những lời này, vua rất đau buồn và suy nghĩ của ông ấy chìm ngập trong biển lo lắng và phiền não. "Con trai ta không những không thành Chuyển luân Thánh vương, mà nó cũng không thành Phật được. Thật là sự đau khổ hoàn toàn thảm thương/đau khổ tột cùng khi con trai ta không đạt được điều gì mà phải chết đi!" Do đó vua trở nên phiền não với lo lắng, lạc trong sự cô đơn, và bị bối rối làm tê liệt. Đó là lúc mà vị Bồ-tát từ bỏ nơi hành khổ hạnh và ăn cháo sữa có nhiều vị, nên thân thể của ngài đã hồi phục sức khoẻ. Sau khi tắm trong nước sông Ni-liên-thiền, rồi vị ấy tiến đến cây bồ-đề rồi ngồi dưới nó trên tòa Kim cương, thệ với chính mình rằng:

"Không xa rời thế kiết già này, Tôi phải thành công trong việc giác ngộ sự toàn giác/nhất thiết trí, nếu không giác ngộ sự toàn giác/nhất thiết trí, Tôi sẽ không bao giờ đứng dậy."

Vào lúc đó Ma vương dẫn mười tám ức tùy tùng đến chỗ vị Bồ-tát ngồi, dám kiểm tra sự đắc quả của vị ấy. Nhờ sức mạnh trí tuệ của Bồ-tát, ngài đã hoàn toàn đánh tan những đội quân ma. Ma vương không thể sánh được với Bồ-tát nên đã rút lui, tự nghĩ rằng: "Vì ta không thể đánh bại vị Bồ-tát, ta sẽ đi não phiền cha của vị ấy." Rồi Ma vương tiến đến nơi của vua Tịnh Phạn và định lừa dối ông, báo rằng: "Đêm nay, vào canh cuối cùng, con trai của ông cuối cùng sẽ chấm hết." Khi nhà vua nghe những lời này, ông ấy té xỉu trên giường, đau khổ như con cá trong cát nóng. Nhà vua khóc lóc đáng thương rồi thốt ra kệ sau:

Những lời giả mạo A-tư-đà (Ajita) đã tuyên bố-
Một điềm lành không có sự xác nhận-
Một đặc ân tốt lành đảm bảo những thành tựu-
Nhưng cuối cùng lại không đạt được gì cả.

Vào lúc này, thần cây bồ đề đang rất vui mừng và cầm lấy những bông hoa trời là hoa mạn-đà-la, vị ấy đi đến nơi của vua Tịnh Phạn và thốt ra kệ sau:

Con trai ngài đã đắc Đạo quả.
Những đội ma quân đã bị đánh tan tác.
Ánh sáng rực rỡ của ngài ấy chiếu sáng
như ánh sáng mặt trời mọc
Làm chói sáng khắp đất đai/chốn của mười phương.

Đức vua liền bảo rằng: "Mới đây, có một vị thần đã đến và nói rằng: "Con trai ông đã chấm hết." Giờ ngài đến và nói rằng thái tử Tất-đạt-đa đã phá tan ma quân và đã ngộ Đạo. Hai lời tuyên bố này mâu thuẫn với nhau. Ta có thể tin lời của ai đây?"

Vị thần cây bèn tiếp tục bảo rằng: "Đây là những lời chân thật, không phải lời giả dối. Vị "thần" đã đến trước và đã cố gắng đến làm phiền não ngài vì ông ta đầy ghen tị. Hôm nay, trời, rồng, và thần đều cúng dường hoa và hương và tràng phan, bảo cái

chúc mừng trên bầu trời. Thân thể của con trai ngài đang phát ra ánh sáng chiếu sáng trời và đất."

Khi nhà vua đã nghe những lời này, tâm vị ấy đã thoát khỏi tất cả đau khổ và phiền não. Nhà vua tuyên bố rằng: "Mặc dù con trai ta đã bỏ ngôi vị Chuyển luân Thánh vương, vì bây giờ Ngài ấy đã đạt Pháp luân Thánh vương, ngài ấy chắc chắn đạt lợi ích lớn và không mất mát gì cả." Nhà vua trở nên rất vui mừng trong tâm.

Vào lúc này một sứ giả đến từ nơi ở của vua Hộc Phạn vào thưa vua Tịnh Phạn rằng: "Em trai bệ hạ đã có một bé trai."

Tâm nhà vua tràn ngập vui mừng lớn. Vị ấy bảo rằng; "Hôm nay là ngày rất tốt lành. Là ngày của hoan hỷ." Vị ấy bảo sứ giả đã đến rằng: "Nên đặt tên cho bé trai này là "A-nan-đà/Khánh Hỷ" ("niềm vui"). Đó là cách mà tên do cha mẹ ban cho.

Làm thế nào cách đặt tên tùy thuộc vào những nhân và duyên cụ thể? Hình thể của ngài A-nan-đà thanh tao và trong sáng như tấm gương sáng đẹp. Tên của một người, vẻ đẹp của một người, và bề ngoài của nét mặt của một người tất cả đều thể hiện qua thân thể của người đó. Thân thể của ngài ấy tươi sáng và tinh khiết. Khi phụ nữ nhìn ngài ấy, họ có khuynh hướng có tư tưởng dục vọng. Vì điều này mà đức Phật đã cho phép ngài A-nan-đà mặc y phủ vai.[92] Do đó, bởi vì ngài A-nan-đà có khả năng đem niềm vui cho tâm và mắt của những ai ngắm nhìn ngài nên ngài ấy có tên là A-nan-đà ("niềm vui").

Những lời bình kết thúc của ngài Long Thọ

Nhà bình luận (ngài Long Thọ) đã dâng lời tán thán về điểm này như sau:

Mặt ngài A-nan-đà như trăng tròn trong sáng.
Mắt ngài như đóa hoa sen xanh.
Những dòng nước của biển lớn là Pháp Phật
Đều chảy vào tâm của ngài A-nan-đà.

[92] ND: vào thời đó, các tu sĩ đều đắp y hở một bên vai.

Ngài ấy có khả năng khiến tâm và mắt của bất kỳ ai
Đã nhìn ngài ấy có cảm giác rất vui mừng.
Tất cả ai muốn đến gặp đức Phật-
Ngài ấy đều giới thiệu tất cả một cách lịch thiệp/phải phép.

Đức Bồ-tát Thích-Ca-Mâu-Ni gặp gỡ đức Phật Phất Sa (Puṣya)

Hỏi: Một vị Bồ-tát phải mất bao lâu mới có khả năng gieo trồng nhân cho ba mươi hai tướng [của thân thể một đức Phật]?

Đáp: Chậm nhất là 100 kiếp. Nhanh nhất là 91 kiếp. Là một vị Bồ-tát, đức Thích-Ca-Mâu-Ni đã tu tập hoàn thành 32 tướng trong 91 kiếp. Điều này được mô tả trong một bản kinh như sau:

> Cách đây đã lâu xa trong quá khứ có một đức Phật tên là Phất Sa. Vào lúc đó có hai vị Bồ-tát. Một người tên là Thích-Ca-Mâu-Ni. Người kia tên là Di Lặc. Đức Phật Phất Sa muốn quan sát liệu tâm trí của đức Thích-Ca-Mâu-Ni đã hoàn toàn tĩnh lặng hay chưa. Rồi Ngài ấy đã quán chiếu và biết được điều đó. Ngài biết rằng tâm của vị Thích-Ca-Mâu-Ni chưa hoàn toàn tĩnh lặng. Tuy nhiên tâm của tất cả đệ tử của vị ấy đều hoàn toàn tĩnh lặng. Hơn nữa tâm của đức Bồ-tát Di Lặc đã hoàn toàn tĩnh lặng nhưng tâm của các vị đệ tử của vị ấy lại chưa tĩnh lặng.

Đức Phật Phất Sa bèn nghĩ thế này: "Tâm của một người có thể dễ dàng chuyển hóa được. Tuy nhiên, tâm của rất nhiều người thì khó mà chữa trị nhanh như thế. Sau khi Ngài ấy đã suy nghĩ theo cách này, đức Phật Phất Sa muốn khiến cho đức Bồ-tát Thích-Ca-Mâu-Ni nhanh chóng đắc quả vị Phật. Ngài leo lên núi tuyết và ở trong hang ngọc nhập tam muội lửa (hỏa quang tam muội).

Vào lúc này đức Thích-Ca-Mâu-Ni thể hiện là một tiên nhân ngoại đạo. Vị ấy đã leo lên chính ngọn núi ấy để nhặt thảo dược. Vị ấy tình cờ trông thấy đức Phật Phất Sa đang ngồi trong hang ngọc đã nhập tam muội lửa, chiếu ra ánh sáng rực rỡ. Sau khi vị ấy đã nhìn thấy đức Phật Phất Sa, tâm vị ấy vui mừng đến nỗi, để thể hiện niềm tin và sự tôn kính, vị ấy đã đứng một chân, chấp tay với nhau trước đức Phật ấy và bắt đầu nhất tâm quán chiếu Ngài ấy. Trong bảy ngày bảy đêm, vị ấy đã đứng như thế, thậm chí không chớp mắt. Vị ấy đã tán thán đức Phật đó bằng kệ sau:

Bên trong và bên dưới các cõi trời, không có ai như đức Phật.
Trong suốt các hệ thế giới mười phương, không có ai có thể sánh bằng.

Mặc dù con đã nhìn thấy hết mọi thứ khắp thế gian.
Không ở nơi đâu có bất kỳ ai có thể sánh với đức Phật.[93]

Trong bảy ngày và bảy đêm không chớp mắt, vị ấy đã có sự quán chiếu chân chánh về đức Thế Tôn. Kết quả là vị ấy vượt qua chín kiếp nên do vậy có khả năng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác/A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề (*anuttarasamyaksaṃbodhi*) trong thời gian 91 kiếp.

[93] ND: Âm Hán Việt của bài kệ trên là:
Thiên thượng thiên hạ vô như Phật.
Thập phương thế giới diệc vô tỷ.
Thế gian sở hữu ngã tận kiến.
Nhất thiết vô hữu như Phật giả.

Chuyện tiền thân của vua Thi-tỳ (Śibi)

Hỏi: Cách một người thực hiện hoàn hảo bố thí/đàn na ba-la-mật là thế nào?

Đáp: Người đó có khả năng cho đi mọi thứ không giữ lại gì, thậm chí đến mức khi người ấy cho đi thân thể mình, mà tâm trí của người ấy không hối hận gì. Giống như trường hợp của vua Thi-tỳ (Śibi) người đã cho thân thể mình vì một con bồ câu. Trong một kiếp trước, đức Phật Thích-Ca-Mâu-Ni là vua tên là Thi-tỳ. Đức vua này đã đắc đà-ra-ni cống hiến đời mình để cứu và bảo vệ [những người cô thế, không có quyền/không tự bảo vệ mình được]. Tâm vị ấy tử tế và từ bi mà vị ấy đã tu tập bằng nỗ lực lớn/rất tinh tấn. Vị ấy xem tất cả chúng sanh giống như cách mà một người mẹ thương yêu con mình.

Vào lúc đó thế gian không có đức Phật nào. Cuộc sống của [vị trời] Thiên Đế Thích sắp hết nên vị ấy sắp bị đọa (xuống cõi thấp). Vị ấy tự nghĩ rằng: "Ở đâu có một đức Phật, một bậc toàn giác/nhất thiết trí?" Vị ấy đặt ra những câu hỏi khó khắp nơi nhưng không thể chấm dứt những mối hoài nghi của mình. Nhận ra rằng không có ai trong họ là các đức Phật, vị ấy trở về cõi trời trong trạng thái lo lắng và đau buồn. Vị trời tên Tỳ-thủ-yết-ma (Viśvakarman), một bậc thầy thần thông khôn khéo đã hỏi vị ấy rằng: "Tại sao chúa tể cõi trời quá lo lắng và đau buồn như thế?"

Thiên Đế Thích đáp rằng: "Ta đang tìm kiếm một bậc toàn giác/nhất thiết trí nhưng không thể tìm ra được ai. Chính vì điều này mà ta lo lắng và đau buồn."

Vị trời Tỳ-thủ-yết-ma bèn nói rằng: "Có một vị Bồ-tát vĩ đại hoàn hảo về bố thí, trì giới, thiền định và trí tuệ. Không lâu nữa vị ấy sẽ thành Phật."

Thiên Đế Thích bèn đáp lời bằng kệ sau:

Các Bồ-tát người đã phát tâm vĩ đại,
Trứng cá, và những đóa hoa của cây xoài rừng (*āmrātaka*) [của cõi trời]-
Ba thứ này vô số vào thời điểm nhân duyên ban đầu,
Nhưng vào lúc trổ quả, tất cả chúng đều vô cùng hiếm hoi.

Vị trời Tỳ-thủ-yết-ma đáp rằng: "Đức Vua Thi-tỳ của bộ tộc Ư-si-na (Ushinar) giữ giới, tinh tấn, rất tử tế, rất từ bi, có thiền định và trí tuệ, nên không lâu nữa sẽ thành Phật."

Thiên Đế Thích bèn bảo với vị trời Tỳ-thủ-yết-la rằng:

"Chúng ta phải đi và thử vị ấy. Khi đó chúng ta sẽ biết liệu vị ấy có những đặc điểm của một vị Bồ-tát hay không. Anh nên biến thành con bồ câu và tôi sẽ biến thành con chim ưng. Rồi anh giả vờ sợ hãi và bay vào nách của nhà vua. Tôi sẽ đuổi theo anh."

Vị trời Tỳ-thủ-yết-la bèn bảo rằng: "Tại sao chúng ta gây phiền não/làm bực mình vị Bồ-tát vĩ đại này bằng chuyện này?" Thiên Đế Thích bèn thốt kệ sau:

Về phần mình, Tôi không có tâm độc ác.
Người ta chỉ thử với vàng thật.
Bằng cách này chúng ta có thể thử vị Bồ-tát và
Biết liệu tâm vị ấy có quyết tâm/quả quyết hay không.

Sau khi vị ấy thốt ra kệ này, vị trời Tỳ-thủ-yết-la miễn cưỡng chấp nhận và biến thành một con bồ câu mắt đỏ, chân đỏ. Thiên Đế Thích biến thân mình thành chim ưng bay nhanh đuổi theo con bồ câu đỏ. Con bồ câu ngay lập tức bay thẳng vào nách của nhà vua Thi-tỳ. Toàn thân nó rung rẩy sợ hãi, mắt nó chuyển động [một cách lo lắng] và phát ra những tiếng khóc đau khổ.

Vào lúc này nhiều người đã tập hợp lại và nói rằng:

"Đức vua này rất tử tế và nhân từ.
Mọi người đều chân chánh làm chứng cho sự đáng tin cậy của nhà vua.
Thế nên, con bồ câu này, một con chim nhỏ,
Nương tựa vào đức vua như thể bước vào chính nơi trú ngụ của nó.
Những đặc điểm của vị Bồ-tát này giống như vậy
Chắc chắc không bao lâu nữa vị ấy trở thành Phật."

Vào thời điểm này con chim ưng đang ở cái cây gần đó. Nó đã gọi vua Thi-tỳ rằng: "Hãy trả lại con bồ câu cho tôi. Nó thuộc về tôi."

Đức vua bảo con chim ưng rằng: "Tôi nhận nó vào trước. Không phải là nó thuộc về anh. Khi đầu tiên tôi phát tâm bồ đề [để giác ngộ quả vị Phật], Tôi chịu trách nhiệm cho tất cả chúng sanh này nên muốn đưa tất cả họ đến bờ giải thoát."

Con chim ưng bèn bảo rằng: "Đức vua muốn giải thoát tất cả chúng sanh. Vậy tôi không gồm trong "tất cả chúng sanh" hay sao? Làm thế nào mà chỉ mình tôi không được vua xót thương nên giờ vua muốn lấy đi phần thức ăn ngày hôm nay của tôi."

Nhà vua đáp rằng: "Anh yêu cầu thức ăn gì? Tôi đã lập lời thệ rằng bất kỳ chúng sanh nào đến và nương tựa với tôi, tôi chắc chắn cứu và bảo vệ nó. Bất kỳ thức ăn gì mà anh yêu cầu tôi cũng sẽ cung cấp cho anh."

Con chim ưng bảo rằng: "Tôi cần thịt mới giết còn ấm."

Nhà vua tự nghĩ rằng: "Thật khó kiếm được thứ gì như vậy. Trừ phi một người chính mình giết một chúng sanh thì không lấy được loại thịt đó từ nguồn nào. Làm sao ta có thể lấy mạng sống của một chúng sanh để ban [sự sống] cho một chúng sanh khác?" Sau khi suy nghĩ như vầy, tâm vị ấy trở nên chuyên nhất/không dao động rồi vị ấy thốt ra kệ cho chính mình:

Cái này, phần thịt này của cơ thể ta,
Thuộc về già, bệnh và chết.
Không lâu nữa nó sẽ hôi và mục nát.
Vì con chim ưng cần thịt này, do đó ta sẽ cho nó.

Sau khi vị ấy đã suy gẫm theo cách này, vị ấy đã gọi một người đem một con dao, ngay lập tức vị ấy cắt thịt đùi của mình rồi cho con chim ưng miếng thịt đó. Con chim ưng bảo nhà vua rằng: "Mặc dù nhà vua cho tôi thịt tươi còn ấm, vị ấy nên tuân theo nguyên tắc khi làm thế, do đó hãy đảm bảo rằng trọng lượng của thịt bằng với trọng lượng của con bồ câu. Xin đừng chấp nhận bất kỳ gian lận nào ở đây."

Nhà vua ra lệnh rằng: "Hãy đem một số cái cân đến đây và cân phần thịt này với con bồ câu. Con bồ câu trở nên nặng hơn và thịt của nhà vua trở nên nhẹ hơn. Nhà vua đã

ra lệnh ai đó cắt thịt từ phần đùi khác nhưng vẫn quá nhẹ, do đó không đủ. Rồi họ tiếp tục cắt phần thịt mở rộng xuống tới hai bàn chân nhà vua, lên tới hai hông, từ hai bên ngực của vị ấy, từ cổ và dọc xương sườn của vị ấy. Tất cả thịt tươi từ toàn bộ cơ thể của vị ấy đã hết. Trọng lượng của con bồ câu vẫn nặng hơn. Cũng như trước đây, phần thịt của nhà vua vẫn nhẹ hơn.

Các viên quan thân cận và bà con gần liền dựng một tấm màn rồi yêu cầu mọi người đang xem đi chỗ khác: "Với tình hình đức vua như hiện nay, không ai có thể chịu nổi khi nhìn thấy vị ấy. Vua Thi-tỳ bảo là "Đừng ngăn cản người ta. Hãy cho phép họ bước vào và nhìn. Rồi vị ấy thốt ra bài kệ sau:

Các vị trời, người, và a-tu-la
Tất cả hãy đến và nhìn tôi.
Với tâm rộng lớn và quyết tâm vô thượng [bồ-đề].
Do vậy, người như thế mong cầu sự giác ngộ quả vị Phật,

Nếu ai tìm kiếm đạt được Con đường của đức Phật,
Vị ấy có khả năng chịu đựng đau khổ lớn của việc cắt thịt trên.
Nếu ai không có khả năng làm cho quyết tâm của mình kiên cố,
Thì khi đó sự quyết tâm của người ấy sẽ dừng lại.

Vào lúc đó vị Bồ-tát với những bàn tay đầy máu, nắm lấy cái cân, muốn leo lên cân. Vị ấy nhất tâm dùng toàn bộ thân mình để cân bằng trọng lượng của con bồ câu.

Con chim ưng bèn nói rằng: "Đức vua vĩ đại ơi, việc này sẽ khó xử lý đây. Có ích gì khi tiếp tục như vậy? Chỉ cần trả lại con bồ câu cho tôi."

Nhà vua bèn bảo rằng: "Con chim bồ câu đã đến và tìm cách nương tựa vào tôi. Tôi sẽ không bao giờ cho anh con chim đâu. Tôi đã mất vô số thân thể mà không làm được lợi ích gì cho chúng sanh. Bây giờ tôi muốn tìm cách làm dễ dàng con đường thành Phật."

Nhà vua bèn nắm lấy cái cân bằng tay mình. Vào lúc đó thịt của vị bồ-tát đã hết và gân của vị ấy đã bị cắt ra nên vị ấy không có khả năng kiểm soát được cử động của mình. Vị ấy muốn đứng lên nhưng té xuống trở lại, tự răn trách mình rằng: "Ta nên khiến chính mình mạnh mẽ. Đừng cho phép bản thân ta trở nên hoang mang và chán nản. Tất cả chúng sanh đã rơi vào những biển lớn vô cùng lo lắng và rất đau đớn. Ta, một người đàn ông, đã lập lời thệ mà anh mong đưa họ vượt qua bờ giải thoát. Làm sao ta có thể cho phép bản thân mình lười biếng đắm chìm trong sự chán chường. Khổ đau này rất nhẹ. Sự đau khổ của các cõi địa ngục thì lớn hơn nhiều. Nếu ta so sánh sự khổ đau này với đau khổ ở địa ngục, điều này vẫn không bằng thậm chí một trong mười sáu vùng của địa ngục. Hiện giờ ta có trí tuệ, tinh tấn, trì giới, và thiền định, tuy nhiên ta vẫn bị sự đau khổ này làm phiền. Những người ở địa ngục không có trí tuệ còn phải chịu đau đớn hơn biết bao nhiêu?"

Rồi vị Bồ-tát nhất tâm đứng lên và lại cầm lấy cái cân. Vị ấy yêu cầu thần dân: "Hãy ủng hộ trẫm." Khi đó tâm của vị Bồ-tát đã quyết và không có hối tiếc gì.

Tất cả trời, long vương, a-tu-la, ma, thần, và người bình thường đều khen ngợi vị ấy hết lời, bảo rằng: "Vị ấy hành động như vậy chỉ vì lợi ích của một con chim nhỏ bé. Chuyện này thật hiếm gặp."

Khi đó trái đất chấn động sáu cách. Những cơn sóng của biển lớn vỡ tung và các cây bị héo úa đơm hoa. Mưa hương thơm rơi xuống từ các cõi trời và sau đó trên trời rải các đóa hoa quý hiếm. Những tiên nữ hát lời ca tụng rằng: "Vị ấy chắc chắn sẽ đạt được sự giác ngộ quả vị Phật."

Rồi các vị thần và tiên/ẩn sĩ từ bốn phương đều đến và ca ngợi vị ấy rằng: "Vị ấy là một bồ-tát chân chánh. Chắc chắn vị ấy sẽ sớm đắc quả vị Phật."

Con chim ưng bèn bảo con bồ câu rằng: "Cuối cùng, ngay cả khi bị thử thách như vầy, vị ấy cũng không tiếc thân thể hay mạng sống của mình. Vị ấy là một vị Bồ-tát chân thật. Rồi con chim ưng thốt ra kệ sau:

Sinh khởi từ vùng đất tử tế/lòng từ và lòng bi,
Vị ấy là cây con mọc lên từ cây toàn giác/nhất thiết trí.
Chúng ta nên cúng dường vị ấy

Và không nên gây sự đau khổ và phiền não như thế cho vị ấy.

Trời Tỳ-thủ-yết-la bảo Thiên Đế Thích rằng: "Chúa của cõi trời, ngài có thần thông. Ngài có thể khiến cho thân thể của vị vua này trở lại bình thường."

Thiên Đế Thích bèn nói: "Vị ấy không cần tôi đâu. Đức vua này đã lập lời thệ cho chính mình với niềm vui của tâm vĩ đại rằng vị ấy sẽ không tiếc thân thể hay tánh mạng của mình để truyền cảm hứng cho mọi người và khiến họ tìm kiếm quả vị Phật/ước mong thành Phật."

Đế Thích bèn hỏi đức vua rằng: "Với đau khổ đắng cay của việc bị cắt thịt, tâm anh không bị phiền não và đắm trong [sự nản lòng] hay sao?"

Nhà vua bảo rằng: "Tâm tôi vẫn hạnh phúc. Nó không bị phiền não hay đắm trong [sự nản lòng].

Đế Thích bảo rằng: "Ai có thể tin rằng tâm anh không đắm trong sự nản lòng/tâm anh không rất nản lòng?"

Để đáp lại, vị Bồ-tát liền phát "lời thệ sự thật" rằng: "Nếu trong khi thịt tôi bị cắt đi và máu tôi chảy xuống mà tôi không giận hay phiền não, và nếu tôi vẫn nhất tâm/một lòng và không nản lòng khi ước mong thành Phật, thân thể của tôi lập tức phải trở lại bình thường và trở thành như trước kia." Sau khi thốt ra những lời này, thân thể vị ấy lập tức trở lại như trước kia.

Khi người và trời chứng kiến điều này, tất cả bọn họ đều cảm động bởi lòng đại bi và rất hoan hỷ, thốt lên việc xảy ra chưa từng có này, rồi tuyên bố rằng: "Vị Bồ-tát vĩ đại này chắc chắn sẽ thành Phật. Chúng ta nên cúng dường cho vị ấy từ sâu thẳm trái tim mình. Chúng ta cầu nguyện rằng ngài ấy sẽ sớm đắc quả vị Phật và rằng, sau khi thành Phật, sẽ nhớ đến chúng ta trong tương lai."

Vào lúc này, Thiên Đế Thích và trời Tỳ-thủ-yết-la mỗi vị trở lại cõi trời. Tất cả các loại tính cách chẳng hạn như trong câu chuyện này minh họa cho việc hoàn thành bố thí/đàn-na ba-la-mật.

Sự cống hiến/tận tâm của vua Tu-đà-tố-ma (Sutasoma)[94] với sự thật

Hỏi: Điều gì có nghĩa là sự hoàn thành trì giới ba-la-mật? (sự hoàn hảo của phẩm hạnh đạo đức)

Đáp: Nó bao gồm thậm chí không tiếc thân mạng của chính mình để bảo vệ và giữ gìn giới thanh tịnh. Một trường hợp như vậy là đức vua Sutasoma, vì nhà vua vĩ đại [của loài dạ-xoa] tên là Lộc Túc/Ban Túc Vương (Kalmāṣapāda), đã đến mức từ bỏ chính mạng sống của mình để tránh việc phạm giới cấm.

Trong quá khứ có một đức vua tên là Sutasoma. Đức vua này cần mẫn trong việc giữ gìn giới nên luôn luôn chọn lời chân thật. Một buổi sáng nọ nhà vua xa giá/lên xe cùng với các cung nữ của mình, đi đến khu vườn dạo chơi và thưởng ngoạn. Khi vị ấy đang rời cổng thành, nhà vua tình cờ gặp một người Bà-la-môn đang tiến đến khất thực, bảo nhà vua rằng: "Đức vua là người vĩ đại với nhiều phước lành trong khi tôi chỉ là một người bần cùng. Nguyện tôi nhận được sự quan tâm từ bi và vật cúng dường để đáp lại khẩn cầu này?"

Nhà vua đáp rằng: "Ta sẽ bằng lòng điều này. Ta tôn trọng chỉ thị của đức Thế Tôn rằng người ta nên tham gia bố thí cúng dường. Nhưng phải đợi đến khi ta trở về từ chuyến du ngoạn này." Đã nói như thế xong, nhà vua tiếp tục đi đến các khu vườn tắm rửa và thưởng ngoạn. Rồi một vua có hai cánh tên là Lộc Túc/Chân Nai[95] từ bầu trời bay xuống, vồ lấy nhà vua giữa các cung nữ của vị ấy rồi bay đi với nhà vua. Nó giống như con chim cánh vàng [kim súy điểu] nhắc lấy những con rồng từ biển. Tất cả phụ nữ đều khóc lóc và than vãn. Mọi người trong các khu vườn bị sốc khắp nơi trong ngoài thành phố người ta trong trạng thái hỗn loạn giữa đau buồn và lo lắng. Vua Chân Nai đã mang nhà vua đi, bay lên cao vào bầu trời rồi bay đến núi nơi vị ấy cư trú. Vua Chân Nai đã giữ nhà vua Sutasoma ở đó với chín mươi chín vị vua khác.

---

[94] ND: theo từ điển bách khoa toàn thư Vyasa thì *Sutasoma* có nghĩa đen là người trích xuất sự hiến tế hay sự hoạt dụng của tâm trí. https://www.vyasaonline.com/encyclopedia/sutasoma/

[95] Người Trung Quốc thường dịch từ Kalmāṣapāda là "Chân Nai" mà vì tính đồng nhất, tôi đã cấu trúc lại trong suốt quyển sách này.

Nước mắt của vua Sutasoma chảy xuống như mưa. Vua Chân Nai đã hỏi vị ấy rằng: "Ôi đức vua vĩ đại dòng Sát-đế-lợi. Tại sao anh lại khóc như đứa trẻ thơ? Khi một người được sinh ra, do vậy người đó chắc chắn phải chết. Bất cứ ai hội ngộ/gặp nhau cuối cùng phải chia ly."

Vua Sutasoma đáp rằng: "Tôi không sợ chết. Tôi chỉ tiếc là phá vỡ niềm tin. Kể từ lúc tôi được sinh ra, tôi chưa bao giờ thốt ra lời dối trá. Nhưng khi tôi đang đi ra cổng vào sáng nay, có một vị Bà-la-môn đã đến xin khất thực từ tôi. Vào lúc đó tôi đã đồng ý và bảo với vị ấy rằng khi tôi trở về, tôi sẽ ban cho vị ấy ít quà. Tôi không quan tâm về cái chết của chính tôi. Nếu tôi không làm nghĩa vụ của tôi với vị đó, tự nhiên tôi trở thành phạm tội lừa dối. Chỉ vì lý do này mà tôi khóc."

Vua Chân Nai bèn nói rằng: "Nếu trong tâm mình anh quá sợ nên đã thốt ra sự giả dối này, ta sẽ cho phép anh trở về. Sau khi đã cúng dường cho vị Bà-la-môn đó, anh phải trở lại trong vòng bảy ngày. Nếu sau bảy ngày mà anh vẫn chưa trở lại, vì ta vẫn có sức mạnh của hai cánh này, việc vồ bắt anh sẽ không khó."

Nhà vua Sutasoma đã trở lại quê hương của mình nơi vị ấy tự do cúng dường. Vị ấy đã lập hoàng tử lên làm vua. Tại một hội chúng lớn là các thần dân, nhà vua đã xin lỗi rời khỏi họ, bảo rằng: "Vì trí tuệ của trẫm không trải dài đến tất cả mọi thứ, có những cách mà luật lệ của ta không đúng như Chánh Pháp. Tuy nhiên chúng tôi mong có thể tiếp tục hưởng sự trung thành và sự tha thứ của các bạn. Bây giờ, theo sự thật là con người của trẫm không còn là của chính trẫm, nên trẫm phải lập tức trở về là đúng."

Tất cả thần dân của nước đó và bà con của nhà vua cúi chào và van xin nhà vua ở lại, khẩn cầu rằng: "Chúng thần cầu nguyện rằng chúng thần luôn trong tâm của bệ hạ và bệ hạ sẽ tiếp tục dâng tặng cho vương quốc này bóng râm của lòng từ của bệ hạ. Đừng dành sự quan tâm của bệ hạ cho Chân Nai, vua dạ xoa. Chúng thần sẽ dựng cao tường thành bằng sắt và tấn công bất ngờ. Mặc dù vua Chân Nai có thần thông, chúng ta không cần sợ vị ấy."

Nhà vua đáp rằng: "Chúng ta không thể tiến hành theo cách như vậy." Rồi nhà vua thốt ra kệ sau:

Sự thật trong lời nói/Lời nói chân thật đứng đầu trong các giới.

Sự thật trong lời nói là bậc thang đến các cõi trời.

Sự thật trong lời nói là nhỏ nhưng quan trọng.

Nói dối là phương tiện bước vào các địa ngục.

Bây giờ ta giữ lời nói thật,

Ta thà vứt bỏ thân thể và mạng sống của ta.

Trong tâm ta không có hối hận nào cả.

Sau khi đã suy gẫm vấn đề theo cách này, đức vua lập tức khởi hành đến nơi của vua Chân Nai. Khi Chân Nai trông thấy nhà vua từ đằng xa, bèn vui mừng nói rằng: "Anh là người chân thật. Anh cơ bản thành công về sự đáng tin cậy/giữ chữ tín. Ai cũng trân quý mạng sống của chính mình. Mặc dù anh đã được trả tự do khỏi cái chết nhất định nhưng anh đã trở lại để xử lý chuyện chữ tín. Anh là người vĩ đại."

Vào lúc đó vua Sutasoma nói lời tán thán lời nói chân thật rằng: "Lời nói chân thật. Điều này tạo nên một con người. Với một người thốt ra lời không thật, người đó không phải là một con người." Theo cách này, vua Sutasoma nói tất cả lời tán thán về sự thật và phê bình sự giả dối.

Vì vua Chân Nai đã lắng nghe điều này, những ý nghĩ tín tâm trở nên thanh tịnh trong vua, lập tức vị ấy bảo vua Sutasoma rằng: "Anh nói rất hay về điều này. Ta bây giờ phóng thích anh và vì anh đã được tự do, ta sẽ phóng thích chín mươi chín vị vua khác làm món quà tặng anh. Nếu anh muốn, họ có thể trở lại quê hương của họ. Sau khi đã nói điều này, tất cả một trăm vị vua đều được trở về.

Lời bình kết thúc của ngài Long Thọ

Tất cả các loại tính cách/đặc điểm chẳng hạn như trên đều được mô tả trong các câu chuyện tiền thân mô tả điều tạo nên sự hoàn thành trì giới ba-la-mật (sự hoàn hảo về phẩm hạnh đạo đức).

Các vị Bồ-tát Hỷ Căn (Prasannendriya) và Thắng Ý (Agramati)

Lời tựa của ngài Long Thọ: Về *Kinh phương tiện khéo dựa trên thực tế:*

Họ khéo léo trong việc đem đến sự giải thoát phù hợp với thực tế[96].

Luận giải

Có những pháp do những người không phải là Phật tử mà, mặc dầu họ có khả năng đem đến "sự giải thoát" cho chúng sanh, làm như thế theo cách mà không phù hợp với thực tiễn. Làm thế nào lại như vậy? Đó là do những thất bại vốn có trong tất cả loại tà kiến và kiết sử.

Mặc dầu những người tín đồ/theo những lời dạy của hai Thừa[97] có những người mà họ đưa đến bờ giải thoát, nhưng họ mang đến sự giải thoát qua những phương pháp không phù hợp. Tại sao như vậy? Điều này là do sự thật rằng bởi vì họ không có sự toàn giác, tư tưởng mà họ cống hiến cho các phương tiện khéo thì tương đối cạn cợt/hời hợt. Chỉ có các vị Bồ-tát có khả năng thực hiện sự giải thoát phù hợp/theo thực tế. Sự khác biệt ở đây là tương tợ với sự khác biệt giữa hai người lái thuyền trên một con sông một người dựa vào một chiếc bè làm bằng lau sậy và thả trôi, còn người khác sử dụng một chiếc thuyền. Có sự khác biệt hiển nhiên trong những phước đức tương đối của hai cách tiếp cận với việc đưa người qua sông. Sự giải thoát chúng sanh một cách khéo léo của vị Bồ-tát thì giống như vậy.

Lại nữa, người ta có thể cho rằng điều này tương tự như những phương pháp chữa lành bệnh tật. Những cây thảo dược đắng, những cây kim và việc hơ nóng tiệt trùng gây ra sự đau đớn trong quá trình áp dụng bài thuốc chữa bệnh. Mặc khác, người ta có thể sử dụng một phương pháp chữa lành chẳng hạn như thuốc thần dược tên là Sút-đà san-ta[98] mà bệnh nhân chỉ cần chú ý để áp dụng bài thuốc hoàn toàn chữa lành vô số bệnh. Mặc dù hai phương pháp giống nhau theo nghĩa rằng cả hai đều đem đến sự giảm nhẹ bệnh tật, tuy nhiên, có sự khác biệt liên quan đến sự vượt trội về kỹ thuật tương

---

[96] Kinh này chỉ ra ở đây là các vị Bồ-tát tháp tùng/đi cùng với đức Phật khi Ngài thuyết những lời dạy này về bát-nhã ba-la-mật.

[97] ND: Hai Thừa (hai cỗ xe) là Thừa Thanh Văn và Thừa Bồ-Tát.

[98] Phiên âm theo Lamotte. ND: *śuddha* nghĩa là thanh tinh *śāntā* là cảm giác yên tĩnh. Vậy nôm na *śuddhaśāntā* là cảm giác yên tĩnh thanh tịnh.

đối. Những phương pháp riêng do các Đệ Tử Thanh Văn (Thanh Văn Thừa) và các Bồ-tát sử dụng trong việc giảng dạy và giải thoát con người tương ứng với sự so sánh này.

Việc giảng dạy của các Đệ tử Thanh Văn bao gồm việc đắc Đạo qua việc quán chiếu sự đau khổ, chọn lựa sự thực hiện mãnh liệt các hạnh đầu đà[99], và qua việc ngồi thiền, chính mình ứng dụng với tâm tinh cần trong canh đầu, canh giữa và canh cuối. Việc giảng dạy của các Bồ-tát bao gồm đạt sự thanh tịnh của tâm qua sự quán chiếu bản chất [thật] của tất cả các pháp không có hoặc là điều trói buộc hay điều giải thoát. Điều này được minh họa trong *Những nguồn gốc của đức Văn Thù Sư Lợi (The Origins of Mañjuśrī)*.

Câu chuyện: Các vị Bồ-tát Hỷ Căn và Thắng Ý

Ngài Văn Thù Sư Lợi thưa với đức Phật rằng: "Thưa đức Thế Tôn, trong quá khứ, trong suốt sự thực hành trong các kiếp trước của con, cách đây vô số a-tăng-kỳ kiếp, vào thời gian đó có đức Phật tên là Sư Tử Âm Vương (Siṃhanādarāja) (nghĩa đen là Vua tiếng rống của sư tử). Thọ mạng của đức Phật ấy và những chúng sanh trong thế giới đó là 100.000 ức na-yu-ta năm. Đức Phật đó đã sử dụng việc thuyết giảng Ba Thừa để đưa chúng sanh đến bờ giải thoát.

Tên của nước đó là "Thiên quang minh/Hàng nghìn tia ánh sáng." Những cây cối trong nước đó được làm bằng bảy loại vật quý báu. Những cây cối phát ra vô số Pháp âm thanh tịnh, âm thanh tuyên thuyết tánh không, vô tướng, vô nguyện, không sinh cũng không diệt, và sự không hiện hữu của bất kỳ điều gì. Khi chúng sanh nghe những âm thanh này, tâm họ được giải thoát nên họ đã đạt được việc giác ngộ Đạo.

Vào lúc đó đức Phật Sư Tử Âm Vương thuyết pháp, trong hội chúng thứ nhất, chín mươi chín ức người đắc quả A-la-hán. Trong hội chúng các vị Bồ-tát, cũng có chín mươi chín ức người đắc quả A-la-hán. Tất cả những vị Bồ-tát này đắc Vô sanh pháp

[99] Điều này chỉ cho 12 hạnh đầu đà đem lại lợi ích do đức Phật đặc biệt đề xuất. Chúng khác với những hạnh đầu đà không mang lại lợi ích mà đức Phật không khuyến khích. Mười hai hạnh đầu đà đem lại lợi ích bao gồm những hạnh như luôn ngồi thiền (nghĩa là không bao giờ nằm), giới hạn quần áo chỉ còn một bộ y, cư trú ở nơi yên tĩnh xa rời sự văn minh ồn náo, bận rộn vân vân.

nhẫn. Họ nhập vào tất cả các cửa pháp và nhìn thấy vô số đức Phật. Họ đảnh lễ với các đức Phật, cúng dường cho các đức Phật,và có khả năng đưa vô số chúng sanh đến bờ giải thoát. Họ đắc vô số cổng vào đà-ra-ni và trở nên có khả năng giác ngộ vô số tam muội của tất cả các loại. Những vị Bồ-tát đó có những người mới phát bồ đề tâm và những người mới bước vào đường Đạo là vô số không thể tính đếm/nhiều vô số kể. Vô số trang trí của vùng đất Phật này đã làm cạn năng lực mô tả của ngôn từ.

Vào thời gian khi đức Phật đã hoàn thành việc thuyết giảng và chuyển hóa chúng sanh, Ngài nhập niết-bàn vô dư. Pháp của Ngài trụ thế sáu mươi nghìn năm. Cuối cùng, Pháp âm của những cây cối đó dừng xuất hiện. Vào lúc đó có hai vị tỳ khưu Bồ-tát, một người tên là Hỷ Căn (nghĩa đen là "Căn vui vẻ"), và vị thứ hai tên là Thắng Ý (nghĩa đen là "Trí tuệ vượt trội")

Về phần Pháp Sư Hỷ Căn, ngài có oai nghi đức hạnh và tính cách ngay thẳng. Tuy nhiên, vị ấy không phủ nhận các pháp thế gian, vị ấy cũng không đắm mình trong việc phân biệt điều tốt hay điều xấu. Các đệ tử của Pháp Sư Hỷ Căn thông minh, hài lòng với Pháp và mừng vui nhờ nghe những mức độ nghĩa lý khó hiểu nhất.

Bậc đạo sư của họ đã không chính mình tận tâm tán thán những đức hạnh của ít muốn và biết đủ, ngài ấy cũng không nhiệt tâm ca ngợi phước của (giữ gìn) những cấm giới hay tu tập các hạnh (khổ hạnh) đầu đà (*dhūta*). Ngài ấy chỉ tuyên thuyết rằng bản chất thật sự của các pháp là [phù hợp với] sự thanh tịnh. Ngài ấy bảo các đệ tử của mình rằng: "tất cả các pháp, ngay cả nếu người ta phân biệt chúng bằng dục lạc giác quan, phân biệt bằng sự sân hận, hay phân biệt bằng sự si mê-những dấu hiệu của tất cả các pháp này giống với bản chất thật của các pháp. Không có việc gì trong đó mà nên đột ngột kết thúc hay trở ngại ai."[100]

Pháp sư Hỷ Căn đã sử dụng phương tiện khéo này để hướng dẫn những đệ tử của mình và khiến họ có khả năng bước vào trí tuệ "nhất tướng". Vào lúc đó, các đệ tử của vị ấy không còn sân hận hay oán hận với người khác. Bởi vì tư tưởng của họ không còn

[100] Đối với những ai không quen với sự giảng dạy này, đáng chú ý rằng người ta không nhằm mục đích hậu thuẫn cho việc theo đuổi dục lạc/tham, sân, hay si. Mục đích của nó chỉ là giảm đi những dính mắc kiên cố về tâm bằng cách đối trị/phản lại xu hướng khiến làm những phân biệt cục bộ tạo nên những chướng ngại cho sự giải thoát. Việc thuyết giảng này *thật sự* giả định một sự giác biết đã rõ ràng cho nhu cầu chấm dứt ba độc từ ý nghĩ, lời nói và hành động.

oán hận, họ đắc chúng sanh nhẫn/sự kiên nhẫn với chúng sanh. Bởi vì họ đạt sự kiên nhẫn với chúng sanh, nên họ có khả năng giác ngộ pháp nhẫn/sự kiên nhẫn với pháp. Họ an trú trong pháp thực tế, vẫn không lay chuyển như những ngọn núi.

Pháp Sư Thắng Ý thanh tịnh khi trì các giới cấm. Ngài ấy đã tu tập mười hai hạnh đầu đà và đắc bốn thiền cũng như bốn tam muội vô sắc/tứ vô sắc định. Các đệ tử của ngài Thắng Ý toàn các căn ám độn và khuynh hướng nhiều về phân biệt xem chúng sanh này thanh tịnh hay bất tịnh. Do đó tâm của họ dễ lay động và chuyển hướng.

Có một thời khi Pháp Sư Thắng Ý đi vào thành phố và, sau khi đã vào nhà của một trong những đệ tử của Pháp Sư Hỷ Căn, vị ấy ngồi xuống nơi chỗ ngồi đã chỉ định và bắt đầu tán thán việc trì giới cấm, sự giới hạn của các dục lạc, biết đủ, tu tập các hạnh đầu đà, thực hành thiền định và tu tập sự tĩnh lặng ở nơi yên tĩnh/thanh vắng. Ngoài ra, Pháp Sư Thắng Ý bắt đầu chê bai Pháp Sư Hỷ Căn rằng: "Khi người này thuyết Pháp, anh ta hướng dẫn người ta theo cách khiến họ phát sinh tà kiến. Anh ta nói về đam mê, sân hận và si mê không có đặc điểm gì mà gây nên chướng ngại. Anh ta là người mà hành vi bị pha tạp. Anh ta không hoàn toàn thanh tịnh."

Vị đệ tử này là người có các căn nhạy bén và đã đắc pháp nhẫn. Vị ấy hỏi ngài Thắng Ý rằng: "Thưa Đại Đức, người ta biết pháp này là của dục lạc do bởi đặc điểm nào ạ?"

[Pháp Sư Thắng Ý] đã đáp rằng: "Dục lạc có đặc điểm là các phiền não."

Vị đệ tử ấy hỏi: "Có phải những phiền não gắn với dục lạc này trú bên ngoài hay là chúng trú bên trong?"

[Pháp Sư Thắng Ý] đáp rằng: "Những phiền não gắn với dục lạc này không cư trú ở bên trong cũng không cư trú ở bên ngoài. Nếu chúng cư trú bên trong, thì không phải là chúng dựa vào những nhân và duyên bên ngoài cho sự sinh khởi của chúng. Nếu chúng cư trú bên ngoài, thì chúng không liên quan gì đến chính mình do vậy không có khả năng làm phiền não chính mình."

Vị cư sĩ ấy bèn tuyên bố rằng: "Nếu trường hợp rằng dục lạc không đến từ bên trong hay từ bên ngoài hay từ phía đông hay từ phía tây hay từ phía nam hay từ phía bắc hay từ bất kỳ bốn phương giữa hay từ phía trên hay phía dưới, và nếu trường hợp là người ta có thể tìm kiếm khắp nơi và hoàn toàn không thể tìm thấy khía cạnh nào thật sự trong

đó, thì pháp này không sanh cũng không diệt. Nếu nó không có bất kỳ dấu hiệu nào của sanh hay diệt, nó trống không [về bất kỳ sự hiện hữu có tự tánh] và do đó hoàn toàn không có bất kỳ thứ gì mà hiện hữu. Vậy thì làm sao có thể là nó có khả năng gây phiền não?"

Sau khi Pháp Sư Thắng Ý nghe lời tuyên bố này, vị ấy không hài lòng và không có khả năng đáp lời. Vị ấy đứng dậy khỏi chỗ ngồi rồi nói tóm lược/nói gắn gọn như vầy: "Hỷ Căn đã tham gia vào việc lừa dối rộng rãi nhiều người và đã ảnh hưởng khiến cho họ đi theo con đường tà kiến."

Bồ-tát Thắng Ý này chưa học đà-ra-ni của âm thanh. Khi vị ấy nghe những lời thuyết của đức Phật, vị ấy vui mừng. Khi vị ấy nghe những học thuyết của các đường đạo khác, vị ấy tràn ngập sự sân hận. Khi vị ấy nghe ba gốc rễ của sự bất thiện, thì vị ấy sẽ không hài lòng. Khi vị ấy nghe ba cội rễ của sự thiện lành, thì vị ấy sẽ rất vui mừng. Khi vị ấy nghe về sanh và tử, thì vị ấy sẽ trở nên lo lắng. Khi vị ấy nghe về niết-bàn, thì vị ấy sẽ hạnh phúc.

[Pháp Sư Thắng Ý] rời khỏi nhà người cư sĩ đó, đi đến khu rừng, bước vào chùa rồi thông báo với các thầy Tỳ khưu rằng: "Tất cả các thầy nên biết rằng vị Bồ-tát Hỷ Căn này đã tham gia vào những sự lừa dối trong đó vị ấy đã ảnh hưởng sâu rộng tới nhiều người tham gia vào việc bất thiện và không đúng đắn. Tại sao như thế? Vị Thắng Ý nói rằng: "Về các đặc điểm của đam mê, giận dữ và si mê cũng như tất cả các pháp khác-tất cả chúng đều có đặc trưng bởi sự không trở ngại lẫn nhau.""

Vào lúc này, vị Hỷ Căn bèn nghĩ rằng: "Người này vô cùng khó chịu, bị nghiệp bất thiện che phủ, nên sắp rơi vào việc phạm tội nặng/tội trọng. Giờ đây ta sẽ thuyết Pháp thâm sâu nhất. Mặc dù từ bây giờ vị này sẽ không được gì từ Pháp thâm sâu, tuy nhiên, nó sẽ tạo cho vị ấy một nhân duyên cho con đường thành quả vị Phật trong một thời đại vị lai. Rồi ngài Hỷ Căn bèn tập hợp Tăng chúng và nhất tâm thuyết kệ sau:

Dục lạc và Đạo không hai (Dục lạc của một người thì giống như Đạo)
Sân hận và si mê cũng như thế.
Theo cách này, giữa ba loại này

Người đó tìm thấy Đạo của vô số chư Phật.

Thế nên nếu một người phân biệt giữa
đam mê, sân hận và si mê và Đạo
Người này cách xa đức Phật,
Cũng như trời xa cách đất.

Đạo, đam mê, sân hận và si mê
Tất cả đều là một pháp, tất cả đều như nhau.
Nếu ai nghe được điều này mà sợ hãi,
Người đó xa cách con đường thành Phật.

Pháp của đam mê không sanh cũng không diệt,
Nên không thể khiến tâm phiền não,
Nhưng nếu ai có một quan điểm về ngã,
Đam mê này dẫn đến các cõi xấu.[101]

Xem các pháp hiện hữu và không hiện hữu là khác nhau,
Thì người đó không thể thoát khỏi
sự hiện hữu hay không hiện hữu.
Nhưng nếu ai biết được sự hiện hữu và
không hiện hữu là như nhau,
Siêu việt vô thượng, thì người đó đắc quả Phật.

[Bồ-tát Hỷ Căn] thuyết hơn bảy mươi bài kệ như thế. Vào lúc đó có ba mươi nghìn vị trời đắc Vô sanh pháp nhẫn. Mười tám nghìn đệ tử Thanh Văn, bởi vì họ không dính

[101] Kết luận hiển nhiên từ việc xem xét mặt trái của "nhưng nếu ai có quan điểm về ngã, sự đam mê này dẫn đến những cõi xấu." nghĩa là, vì chỉ có bậc Thánh đã siêu việt quan điểm về ngã, nên ai không giữ gìn cẩn thận các giới phẩm hạnh đạo đức liên quan đến tà dâm thì hầu như chắc chắn dẫn đến khổ đau hiện tại và trong tương lai. Người ta có thể nghĩ rằng kệ này của vị Bồ-tát Hỷ Căn là "sự cảnh báo" về giáo lý rất uyên thâm và rất siêu việt của ngài.

mắc vào bất kỳ pháp nào, đã được giải thoát. Vào lúc đó Bồ-tát Thắng Ý đã rơi vào các địa ngục nơi vị ấy chịu đau khổ trong một thời gian vô tận của mười triệu ức năm. Khi được thoát ra và sanh giữa loài người, trong bảy trăm bốn mươi ngàn lần hiện hữu, vị này luôn bị vu khống. Vị này thậm chí còn không được nghe từ "Phật" trong vô số kiếp sau đó.

Khi [gánh nặng về nghiệp của] những tội này dần dần trở nên nhẹ hơn, vị này có khả năng nghe được Phật Pháp. Rồi vị ấy có khả năng xuất gia và trở thành một vị tu sĩ vì lợi ích của Đạo, nhưng [ngay cả khi ấy], vị từ bỏ giới/xả giới (nghĩa là trở lại đời sống cư sĩ). Theo cách này, trong sáu mươi ba nghìn hiện hữu, vị ấy luôn luôn xả giới. Rồi, trong vô số hiện hữu, vị ấy có khả năng thành một vị Sa-môn, nhưng mặc dù vị ấy không còn từ bỏ giới nữa, các căn của vị ấy vẫn tối tăm và đần độn.

Vị Bồ-tát Hỷ Căn hiện giờ là một đức Phật xa về phía đông, cách các vùng đất Phật 100.000 ức. Vùng đất của Ngài ấy người ta gọi là "Trang sức bằng ngọc" và tên của đức Phật ấy là "Vượt Qua Mặt Trời Chiếu Sáng Vương/Nhựt Quang Biến Chiếu Vương Như Lai" (Sūryālokasamatikrāntarāja).

Đức Văn Thù Sư Lợi bảo rằng: "Vào lúc đó vị tỳ khưu tên Thắng Ý là chính tôi. Tôi quan sát rằng tôi đã chịu vô số khổ đau trong một thời gian như thế."

Đức Văn Thù Sư Lợi thưa với đức Phật rằng: "Nếu có người tìm đạo của Ba Thừa và không muốn chịu tất cả loại khổ đau, người đó không nên [cố gắng] làm mất uy tín bản chất [thật] của các pháp, rất chán ghét khi làm thế."

Đức Phật hỏi ngài Văn Thù Sư Lợi: "Thầy có lợi ích gì khi nghe được những vần kệ này?"

Vị ấy đáp rằng: "Khi con nghe được những vần kệ này, [chúng làm nhân duyên cho] việc con chấm dứt được vô số khổ đau mà [cuối cùng], đời này sang đời khác, con có được các căn nhạy bén và tuệ giác. Con trở nên có khả năng hiểu được Pháp uyên thâm và có khả năng khéo léo thuyết được nghĩa thâm sâu. Con trở thành đệ nhất trong các Bồ-tát về mặt này."

Lời bình kết thúc của ngài Long Thọ

Những ví dụ như trên mô tả cho điều có nghĩa là “sự giải thích khéo léo về bản chất [chân thật] của các pháp.” Đây là điều có nghĩa là “Họ khéo léo khi mang đến sự giải thoát phù hợp với thực tế.”

Ba anh em trở thành bậc giác ngộ

Vị Bồ-tát có khả năng sử dụng tất cả các loại phương tiện để tự thân cắt đứt tất cả các loại phiền não[102] và cũng có khả năng sử dụng các phương tiện khéo khéo léo để khiến cắt đứt những phiền não của tất cả những người khác. Chẳng hạn như, khi đức Phật còn tại thế, có ba người đàn ông, một người anh cả, anh thứ hai và em út đều đã nghe rằng có một nàng kỹ nữ ở thành Tỳ-Xá-Ly (Vaiśālī) tên là Am-ra-pa-li (Āmrapālī), một nàng kỹ nữ tên là Su-ma-na (Sumanā) ở thành Xá-Vệ (Śrāvastī), và một nàng kỹ nữ ở thành Vương Xá tên là Liên Hoa Sắc (Utpalavarṇā).

Mỗi người trong ba người đàn ông này đã nghe người ta ca ngợi ba nàng này dễ thương không ai sánh bằng, nhiều đến nỗi họ bị ám ảnh ngày và đêm, không thể nào không nghĩ đến ba nàng này, rồi trong giấc mơ của họ, họ đã mơ mình có quan hệ với ba nàng ấy. Khi thức dậy, họ nghĩ rằng: "Những nàng này chưa đến với chúng ta, chúng ta cũng không đi gặp họ, vậy mà đã có sự giao hợp xảy ra." Bởi vì điều này, họ đã trải qua sự tỉnh giác và thắc mắc rằng: "Có thể nào tất cả các pháp giống như vậy?" Vào lúc này, họ đã đi đến gặp Bồ-tát Hiền Hộ (Bhadrapāla) để hỏi về chuyện này.

Ngài Hiền Hộ đã đáp rằng: "Thật ra, tất cả các pháp cũng chính xác giống như thế. Trong mỗi trường hợp, chúng sinh khởi từ ý." Ngài ấy tiếp tục nêu ra nhiều ví dụ giống như vậy, rồi vì lợi ích cho ba người đàn ông này, đã sử dụng phương tiện khéo trong đó ngài giải thích tánh không của tất cả các pháp một cách khéo léo. Vào lúc này, ba người này tức thì đạt được sự bất thối chuyển (*avaivartika*).

Những lời bình kết luận của ngài Long Thọ

Tất cả các vị Bồ-tát này cũng giống như thế. Bằng tất cả các cách, họ đã khéo léo giải thích pháp vì lợi ích cho chúng sanh, tác động khiến họ chấm dứt tất cả kiến, vướng mắc và những phiền não. Đây là điều có nghĩa khi người ta cho rằng: "Họ có khả năng chấm dứt tất cả kiến và vướng mắc cũng như tất cả phiền não."

---

[102] Câu chuyện này xảy ra khi luận giải về đoạn kinh như sau: "Họ (các vị Bồ-tát) có khả năng chấm dứt tất cả các loại kiến và những vướng mắc cũng như tất cả phiền não."

Sự toàn giác của đức Phật chuyển đạo một vị Bà-la-môn

Hỏi: Có bao nhiêu hạt cát trong sông Hằng?[103]

Đáp: Con số của chúng quá lớn đến nỗi không thể biết được bằng bất kỳ danh mục số nào. Chỉ có đức Phật và các vị Bồ-tát Pháp thân có khả năng biết được con số của chúng. Ngay cả các đức Phật và các vị Pháp thân Bồ-tát có khả năng tính được có bao nhiêu nguyên tử sinh khởi và hoại diệt xuyên suốt tất cả châu lục của Nam-Diêm-Phù-Đề, thì họ càng thừa khả năng biết được số cát trong sông Hằng.

Chẳng hạn như, có lần, khi đức Phật đang ngồi dưới một gốc cây trong rừng ngoài Tịnh Xá Kỳ Hoàn, một vị Bà-la-môn đã đến chỗ của đức Phật rồi hỏi đức Phật rằng: "Có bao nhiêu chiếc lá trên các cây của khu rừng này?"

Đức Phật liền đáp, chỉ ra con số cụ thể của các chiếc lá. Vị Bà-la-môn hoài nghi nghĩ thầm rằng: "Ai sẽ có khả năng xác nhận được điều này?" Rồi vị Bà-la-môn đi đến một cái cây và ngắt đi một số chiếc lá, cất chúng đi rồi trở lại chỗ đức Phật, hỏi rằng: "Bây giờ thì có bao nhiêu chiếc lá trong rừng?"

Khi ấy đức Phật lập tức trả lời rằng hiện giờ số lá đã giảm đi một số, ghi nhận chính xác số lá đã bị ngắt đi. Khi người Ba-la-môn nhận ra điều này, tâm vị ấy tràn đầy sự cung kính và niềm tin. Vị ấy yêu cầu đức Phật cho phép vị ấy trở thành một vị tu sĩ, sau đó vị ấy đắc quả A-la-hán. Chúng ta có thể biết từ điều này rằng đức Phật có thể biết được số cát trong sông Hằng.

---

[103] Con số hạt cát trong sông Hằng thường được đức Phật sử dụng để đại diện những con số lớn không thể nghĩ bàn. Câu hỏi ở đây là trả lời cho một ví dụ như thế.

Đức Phật, người giúp việc, và người Bà-la-môn hoài nghi

Lời tựa của ngài Long Thọ: Tại sao đức Phật cho nhìn thấy lưỡi của ngài

Kinh văn

Vào lúc đó đức Thế Tôn thè ra chiếc lưỡi rộng và dài tiêu biểu của ngài, kéo dài chiếc lưỡi đến nỗi nó bao trùm toàn bộ tam thiên đại thiên thế giới rồi Ngài mỉm cười hạnh phúc. Ngài phát ra vô số mười triệu ức tia ánh sáng từ chân lưỡi của mình. Mỗi một tia sáng này chuyển hóa thành một đóa hoa sen bằng vàng có nghìn cánh. Trên đầu mỗi bông hoa này, có một hóa Phật ngồi kiết già đang tuyên thuyết sáu ba-la-mật. Những chúng sanh nghe thấy điều này trở nên chắc chắn giác ngộ/đắc A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề (Vô thượng chánh đẳng chánh giác). Cũng như vậy, điều này [biến hóa thần thông này] mở rộng cùng một cách dài đến số lượng các cõi/quốc độ Phật bằng số cát sông Hằng trong suốt mười phương.

Luận giải

Hỏi: Làm thế nào mà một người có phẩm hạnh vĩ đại, sự đáng tôn kính và nghiêm trang, uy tín đến thế, như đức Phật, đức Thế Tôn lại làm nổi bật chiếc lưỡi dài rộng của Ngài ấy? Dường như có vẻ là một dấu hiệu của sự khinh thường.

Đáp: Trong ba dịp phát ra tia sáng như trên, sự chiếu sáng đến các chúng sanh trong suốt mười phương và khiến họ đạt giải thoát. Hiện giờ, [đức Phật] muốn thuyết Đại bát-nhã Ba-la-mật-đa (*mahāprajñāpāramitā*). Đại bát-nhã Ba-la-mật-đa thì vô cùng thâm sâu, khó hiểu, khó nắm bắt và khó tin nhận và chấp nhận. Vì lý do này, [đức Phật] đã mở rộng chiếc lưỡi rộng và dài của Ngài như là hình thức chứng nhận [của độ tin cậy]. Khi một người có chiếc lưỡi với những đặc điểm như vậy, lời của người ấy nhất thiết là chân thật.

Câu chuyện: Đức Phật, người giúp việc và vị Bà-la-môn hoài nghi

Như là một ví dụ, có lần nọ, cách đây ít lâu, khi đức Phật đã kết thúc an cư mùa mưa ở thành Xá-Vệ, ngài A-nan-đà theo đức Phật đi từ nước này đến nước khác. Họ chuẩn bị đến một thành phố Bà-la-môn nọ. Chuyện xảy ra rằng/Chuyện tình cờ rằng

vua của thành phố đó biết rõ về những đức hạnh tâm linh của đức Phật, và rằng Ngài có khả năng chuyển đạo/cải hóa vô số người và ảnh hưởng đến tâm trí của quần chúng. [nhà vua đó nghĩ rằng]: "Nếu bây giờ [đức Phật] đến đây thì ai còn hài lòng với ta nữa?" Rồi vua ấy ra chiếu chỉ hạn chế rằng: "Bất kỳ ai cúng dường thức ăn cho đức Phật hay lắng nghe lời của đức Phật thì bị phạt đóng thuế năm trăm đồng tiền vàng."

Đã đến khu vực (chế tài) đó sau khi chiếu chỉ hạn chế đã được ban hành, đức Phật dẫn ngài A-nan-đà vào thành phố đi khất thực, hai vị tiến hành đi khất thực với bình bát trong tay. Tất cả người dân thành phố đó đều đóng cửa nhà họ và không trả lời, do đó đức Phật rời khỏi thành phố với chiếc bát còn trống không.

Vào lúc đó, có một người giúp việc/người hầu già của một gia đình ra cửa mang một chiếc bát đất sét bị nứt đầy cháo yến mạch/cháo sữa bị thiu, định đổ nó đi. Người hầu già ấy nhìn thấy những tướng chính và tướng phụ của đức Phật, màu da vàng óng của Ngài, tướng lông trắng [giữa chân mày của Ngài], chiếc mũ trùm đầu [trên đảnh đầu Ngài], hào quang chiếu sáng khoảng ba mét của Ngài, chiếc bát không của Ngài và nhận ra rằng Ngài không có thức ăn.

Khi bà ấy thấy điều này, bà ấy nghĩ rằng: "Một người có tầm vóc tâm linh như thế này xứng đáng ăn thức ăn của cõi trời. Bây giờ Ngài ấy tình nguyện hạ mình cho phép thân thể của Ngài ấy xuất hiện mang một chiếc bình bát và đi khất thực thì chắc chắn là vì lòng từ và lòng bi vĩ đại cho mọi người."

Tín tâm của bà ấy thanh tịnh, nên mặc dù bà ấy muốn dâng một món quà đẹp cho đức Phật, nhưng bà ấy không có phương tiện tương xứng với ước mong của bà ấy. Cảm thấy rất bối rối, hổ thẹn, bà ấy thưa với đức Phật rằng: "Mặc dù con ước con có thể cúng một món quà thích hợp, con không có khả năng có được bất kỳ thứ gì hơn vật này. Nếu đức Phật cần thức ăn thấp kém này, Ngài có thể nhận nó." Đức Phật biết rằng tâm của bà lão thấm đẫm niềm tin thanh tịnh và sự tôn kính nên đã đưa tay mình ra và chấp nhận thức ăn mà bà ấy tặng (bằng cách đưa bà) chiếc bình bát của Ngài. Sau đó đức Phật mỉm cười và phát ra những tia sáng năm màu chiếu sáng khắp nơi cả trời và đất, rồi các tia sáng đó trở về thông qua tướng đặc trưng đó trên lông mày của Ngài.

Ngài A-nan-đà chấp tay, quỳ xuống, rồi thưa đức Phật rằng: “Xin đức Thế Tôn bằng lòng giải thích nhân duyên mà hiện Ngài mỉm cười. Con ước muốn được nghe những lý do của Ngài ạ.”

Đức Phật bèn hỏi ngài A-nan-đà rằng: “Thầy có để ý hay không rằng bà lão này, với tâm thấm đẫm niềm tin, đã cúng dường thức ăn cho một đức Phật?”

Ngài A-nan-đà bảo rằng: “Dạ con có thấy điều đó ạ.”

Đức Phật bảo rằng: “Bởi vì bà lão này đã cúng dường thức ăn cho đức Phật, bà ấy sẽ hưởng thời gian 15 kiếp trong các cõi trời và trong loài người bà ấy sẽ là người nhận các phước lành và hạnh phúc và không bị rơi vào các cõi xấu. Sau đó, bà ấy sẽ tái sanh làm một người đàn ông, xuất gia, học Đạo, sẽ đắc quả vị Phật độc giác, và sẽ nhập niết-bàn vô dư.

Vào lúc đó có một người Bà-la-môn đang đứng gần đức Phật, rồi người đó thốt ra kệ sau:

Ngài là [con cháu] của dòng dõi Mặt trời Sát-đế-lợi
Và là một hoàng tử trong ngôi nhà của Vua Tịnh Phạn,
Tuy nhiên, vì để có thức ăn, giờ đây ngài lại nói dối.
Ngài nhận được loại thức ăn thiu hôi như thế là sự đền trả cho tội ác gì?

Vào lúc đó đức Phật mở rộng chiếc lưỡi dài và rộng của mình đến khi nó che phủ mặt ngài lên đến phần chân tóc của Ngài. Rồi đức Phật hỏi vị Bà-la-môn rằng: “Trong khi nghiên cứu các giáo lý cổ điển, anh có tìm thấy hay không thấy bất kỳ dấu hiệu nào cho thấy một người có thể có chiếc lưỡi như thế này nhưng vẫn nói dối ư?”

Người Bà la môn đáp rằng: “Nếu lưỡi của một người có khả năng che phủ chỉ chiếc mũi của mình, thì sẽ không có sự giả dối trong lời nói của người đó, càng ít [có thể có bất kỳ lời nói giả dối nào] trong một trường hợp mà lưỡi có thể lên đến chân tóc. Mặc dù, bây giờ tôi tin rằng đức Phật chắc chắn không nói sai, nhưng tôi không hiểu làm thế nào một lễ vật nhỏ như vậy có thể có một quả báo lớn như thế này.”

Đức Phật hỏi người Bà-la-môn rằng: "Anh đã từng bao giờ thấy bất cứ điều gì trên thế giới này mà hiếm khi xảy ra và hiếm khi được nhìn thấy?"

Người Bà-la-môn trả lời: "Tôi thực sự đã thấy một điều như vậy. Một lần tôi đang đi trên đường với những người Bà-la môn khác thì tôi nhìn thấy một cây ni-câu-đà (*nyagrodha*) duy nhất, cái bóng râm của nó vẫn chưa được sử dụng hết ngay cả khi che bóng mát cho một đoàn lữ hành gồm năm trăm toa xe buôn. Đây là một hiện tượng xảy ra nhưng hiếm khi xảy ra và hiếm khi gặp phải".

Đức Phật hỏi rằng: "Hạt giống của cây đó lớn hay nhỏ?"

Người Bà-la-môn đáp rằng: "Nó chỉ bằng một phần ba kích thước của một hạt mù tạt."

Đức Phật hỏi rằng: "Nhưng ai có thể tin anh khi anh nói rằng có một cái cây có kích thước lớn như vậy nhưng lại có một hạt giống cực kỳ nhỏ?"

Người Bà-la-môn đáp rằng: "Thưa đức Thế Tôn, thực sự là như vậy. Tôi đã tận mắt chứng kiến. Đây không phải là giả dối."

Đức Phật bảo rằng: "Cũng vậy, tôi đã thấy rằng bà lão này bằng cách tín tâm cúng dường đức Phật, do đó đạt được một quả báo có kết quả lớn như vậy. Nó cũng giống như cái cây, mà nguyên nhân là nhỏ, nhưng hiệu quả thì lớn lao, và là kết quả do ruộng phước tuyệt vời của Như Lai mang lại."

Tâm trí của người Bà-la-môn trở nên cởi mở, dễ tiếp nhận nên ông đã hiểu. Ông lễ lạy đầy cung kính, gieo năm vóc xuống đất và ăn năn lỗi lầm của mình trước mặt đức Phật, thưa rằng:

"Suy nghĩ của con là bất lịch sự và do đó con đã ngu ngốc không tin vào đức Phật."

Đức Phật đã giảng Pháp cho ông bằng nhiều cách khác nhau, nhờ đó ông đã đạt được quả đầu tiên của Đạo (quả A-la-hán giai đoạn đầu/Tu đà hoàn). Vị ấy lập tức giơ tay lên không trung, kêu lớn: "Mọi người! Cánh cổng của cam lồ đã được mở ra! Sao tất cả các ngươi đều không bước ra ngoài?!"

Mỗi người Bà-la-môn trong thành phố sau đó đã nộp năm trăm đồng tiền vàng cho nhà vua. Họ chào đón đức Phật và cúng dường Ngài. Tất cả đều thốt lên: "Chúng tôi đã đạt được hương vị của cam lồ. Ai lại tiếc chi năm trăm lượng vàng?" Sau đó, tất cả

mọi người đi ra, do đó chiếu chỉ hạn chế trở nên hoàn toàn không thể thi hành được. Bản thân vị vua Bà-la-môn này, cùng với các quan thượng thư và thần dân của mình, đã quy y đức Phật và Pháp. Tất cả người dân trong thành phố đã có được một niềm tin thanh tịnh. Chỉ theo cách này, đức Phật đã mở rộng cái lưỡi rộng và dài tiêu biểu của Ngài vì lợi ích cho những ai chưa có niềm tin.

Vị tu sĩ, nhà vua và những tu sĩ lõa thể

Một lần, ở Nam Ấn Độ, có một vị Pháp sư từ trên tòa cao đang giảng rộng về ý nghĩa của năm giới đạo đức. Trong Hội chúng, có rất nhiều tín đồ của các đạo phái phi Phật giáo đã đến để lắng nghe. Chuyện xảy ra là/Tình cờ vào thời điểm này, chính nhà vua đã thách thức [vị tu sĩ trên] bằng một câu hỏi khó, bảo rằng: "Nếu điều đó thực sự như anh tuyên bố, thì những người phục vụ rượu cho người khác cũng như những người tự uống rượu sẽ tự kéo mình xuống nhận quả báo bị "điên rồ" và đần độn. [Nếu điều đó là như vậy], thì trong thời đại hiện nay, những người điên rồ chiếm đa số trong khi những người bình thường là thiểu số. Tuy nhiên, những người hiện nay bị điên là rất ít, trong khi những người không điên thì nhiều hơn. Tại sao lại như vậy?"

Vào lúc này, những người đi theo những đạo phái khác [những người đã đến để lắng nghe] đã đồng thanh tán thành: "À, tốt lắm! Khó khăn này là một khó khăn khá sâu sắc. Vì sự khôn ngoan sắc bén của nhà vua, anh chàng hói đầu này ở tòa cao chắc chắn sẽ không thể đáp được."

Vào thời điểm đó, ngài Pháp sư đã trả lời bằng cách đơn giản giơ tay lên và chỉ vào những tín đồ của các phái phi Phật giáo, rồi Ngài tiến hành thuyết pháp về một chủ đề hoàn toàn khác. Sau đó, nhà vua lập tức hiểu ra. Nhưng những tín đồ của các phái khác đã phản ứng bằng cách thốt lên với nhà vua rằng: "Câu hỏi khó của nhà vua là vô cùng thâm sâu nên người này không biết cách nào để trả lời nó. Anh ấy xấu hổ vì không biết câu trả lời và vì vậy chỉ giơ ngón tay lên và sau đó thay đổi chủ đề." Khi đó, nhà vua nói với những tín đồ của các phái phi Phật giáo rằng: "Vị Pháp sư trên tòa cao đã đưa ra câu trả lời của mình bằng cách chỉ tay. Bởi vì Ngài ấy muốn tránh cho tất cả các ngươi khỏi bối rối, Ngài ấy đã chọn không đáp lại bằng lời. Ngài ấy đang chỉ về phía các ngươi và do đó chỉ ra rằng tất cả các ngươi đều điên, và do đó những người điên không thuộc thiểu số."

"Tất cả các ngươi bôi cơ thể mình bằng tro, đi xung quanh trần truồng và không biết xấu hổ, lấp đầy hộp sọ bằng phân mà sau đó các ngươi ăn, kéo tóc của các ngươi, nằm xuống gai, treo ngược cơ thể, để mũi các ngươi hun khói, lao xuống nước vào mùa

đông, và sau đó nướng mình trước một ngọn lửa vào mùa hè. Tất cả những điều như thế này mà các ngươi thực hành là trái ngược với Đạo và là dấu hiệu của sự rối loạn tinh thần."

"Hơn nữa, việc bán thịt và muối mà tất cả các ngươi tham gia tạo thành sự thất bại trực tiếp của pháp Bà-la-môn. Trong các nghi lễ cúng dường cho cõi trời, các ngươi nhận đồ cúng dường là gia súc và sau đó ngay lập tức quay lại và bán chúng nhưng lại nói về bản thân rằng các ngươi phù hợp với Pháp. Những gia súc này được [bán với sự hiểu biết rằng chúng sẽ bị giết mổ và tiêu thụ như là] thịt. Có thể nào lừa dối mọi người theo cách này mà không phải là một sự phạm giới ư?

"Hơn nữa, các ngươi nói rằng khi một người đi vào dòng sông tốt lành, sự bẩn thỉu của hành vi phạm tội của một người sẽ được loại bỏ. Điều này tương đương với việc tuyên bố rằng không có yếu tố nhân quả vốn có trong việc phạm tội theo nghiệp hoặc tham gia vào các hành vi tạo phước. Thật là một tội ác khi buôn bán thịt bò và trục lợi trong muối! Đối với việc tuyên bố rằng bằng cách đi vào dòng sông tốt lành, người ta có thể thoát khỏi hành vi phạm tội của mình - nếu người ta có thể thoát khỏi hành vi phạm tội của mình theo cách đó, thì người ta cũng có thể loại bỏ phước đức của mình theo cách tương tự. Sự tốt lành này nằm ở đâu?

"Tất cả những thực hành [được cho là hiệu quả] như những việc trên thì không có yếu tố nhân quả [hợp lệ], tuy nhiên, bằng cách giải thích bắt buộc, các ngươi tuyên bố rằng những điều này đại diện cho nguyên nhân và duyên [có hiệu quả]. Tất cả điều này dẫn đến rối loạn tâm thần. Tất cả các dấu hiệu khác nhau của rối loạn tâm thần áp dụng cho các ngươi. Bởi vì Pháp Sư muốn tha cho các ngươi sự xấu hổ, Ngài ấy chỉ đơn giản chỉ vào các ngươi và tránh không thảo luận về vấn đề này."

Bậc A-la-hán, con voi và tính nhân quả

Lời tựa của ngài Long Thọ: Về nhân quả

Hỏi: Về [lời khẳng định của Kinh] rằng: "Người đói được no và người khát được uống", những yếu tố nhân quả nào đưa đến đói và khát?

Đáp: Đói và khát phát sinh bởi thiếu phước. Không có những nguyên nhân thuận lợi bắt nguồn từ những kiếp trước, và không có những điều kiện thuận lợi trong kiếp hiện tại này. Chính vì điều này mà người ta trở nên bị phiền não bởi đói và khát. Lại nữa, có thể là trong những kiếp trước, cá nhân này đã ăn cắp thức ăn của chư Phật, A-la-hán hoặc Phật độc giác hoặc ăn cắp thức ăn được dành riêng cho cha mẹ dùng. Bây giờ, mặc dù một người có thể sinh ra trong một thời đại mà người đó có thể gặp đức Phật, tuy nhiên, vì mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội của mình, người đó sẽ tiếp tục bị ảnh hưởng bởi đói và khát.

Hỏi: Ngày nay chúng ta có những người, mặc dù họ đã sinh ra trong một thời đại xấu xa, họ vẫn có thể thưởng thức thức ăn và uống tốt. Cũng có những cá nhân đã sinh ra trong thời đại mà họ có thể gặp đức Phật, tuy vậy họ cũng đặc biệt bị đói khát làm phiền não. Nếu ai đó là một người đã phạm tội, thì không phải là người đó có thể sinh ra trong một thời đại mà anh ta có thể gặp đức Phật. Nếu ai là một người có phước báo, thì không phải là người đó có thể được sinh ra trong một thời đại xấu xa. Làm thế nào mà những trường hợp này có thể xảy ra?

Đáp: Nhân duyên liên quan đến nghiệp báo của mỗi cá nhân là khác nhau. Một số người có nhân duyên để có thể nhìn thấy đức Phật nhưng thiếu nhân duyên cần thiết để có đủ thức ăn và đồ uống. Những người khác có nhân duyên cần thiết để có đủ thức ăn và đồ uống nhưng thiếu nhân duyên để có thể nhìn thấy đức Phật. Tình huống của những cá nhân sau tương tự như một con rắn đen nằm cuộn tròn xung quanh một viên ngọc trai *mani* [ban điều ước]. Thậm chí có những trường hợp, mặc dù họ đã chứng ngộ quả A-la-hán, nhưng vẫn không thể thành công trong việc kiếm/nhận được thức ăn bố thí.

Câu chuyện: Bậc A-la-hán, con voi và nhân quả

Ngoài ra, chúng ta còn có một trường hợp minh họa về hai anh em, vào thời đức Phật Ca Diếp (Kāśyapa), đã rời khỏi nhà [để trở thành nhà sư] để tầm Đạo. Một trong hai người họ giữ giới, tụng kinh và ngồi thiền (*dhyāna*). Người anh em kia đã tìm cách tiếp xúc rộng rãi với các thí chủ (*dānapatis*) (thí chủ là cư sĩ) trong khi cũng trau dồi/tu tập tất cả các cách tạo phước báo/công đức. Khi đến thời điểm đức Phật Thích-Ca-Mâu-Ni xuất hiện trên thế giới, một trong hai anh em đã được tái sinh vào gia đình của một trưởng lão trong khi người anh kia được tái sinh thành một con voi trắng lớn có sức mạnh đến mức anh ta có thể đập tan hàng ngũ phiến quân. Con trai của vị trưởng lão đó xuất gia để học Đạo và đã thành công trong việc đắc sáu thần thông và quả vị A-la-hán. Tuy nhiên, vì chỉ có được một số lượng công đức ít ỏi, bất cứ khi nào người này tìm kiếm thức ăn khất thực, rất khó để người này có được bất kỳ thức ăn nào.

Một ngày nọ, [vị A-la-hán] cầm bát của mình và vào thành phố để đi khất thực, nhưng không thể xin được thức ăn gì ở bất kỳ nơi nào. Vị ấy tình cờ gặp chuồng của con voi trắng và chứng kiến nhà vua cung cấp cho con voi tất cả các loại thực phẩm rất dồi dào. Sau đó, vị ấy nói với con voi này rằng: "Khi so sánh anh với em, [anh thấy rằng] cả hai chúng ta đều đã phạm tội." Con voi đã rất xúc động bởi nhận xét này đến nỗi nó bị nghẹn và không thể ăn trong ba ngày. Người giữ voi hoảng sợ và tìm kiếm vị Sư này. Khi đã tìm thấy vị ấy, anh ta hỏi rằng: "Thầy đã sử dụng bùa chú nào khiến con voi trắng của nhà vua bị bệnh nặng đến mức không thể ăn được?"

[Vị A-la-hán] đáp rằng: "Trong kiếp trước, con voi này là em trai tôi. Đó là vào thời đức Phật Ca Diếp (Kāśyapa), chúng tôi cùng nhau xuất gia làm những nhà sư để học Đạo. Tôi dành trọn thời gian cho việc giữ giới, tụng kinh và ngồi thiền, nhưng hoàn toàn bỏ bê/thờ ơ việc thực hành bố thí. Em trai tôi chỉ bận rộn với việc tìm kiếm sự tiếp xúc rộng rãi với các thí chủ và tất cả các cách bố thí, bỏ bê trong suốt thời gian đối với việc giữ giới luật hoặc theo đuổi việc học hành của mình.

Bởi vì [em trai tôi] đã không giữ giới, tụng kinh hay ngồi thiền, nên bây giờ em ấy đã bị tái sinh thành con voi này. Tuy nhiên, bởi vì em ấy đã tu tập rộng rãi việc thực hành bố thí, nên thức ăn và đồ uống của em ấy được đầy đủ và được thể hiện bằng tất cả các

cách thức phong phú. Bởi vì tôi chỉ tu tập Đạo và không tu tập thực hành bố thí, mặc dù bây giờ tôi đã đắc Đạo, bất cứ khi nào tôi tìm kiếm thức ăn bố thí, tôi vẫn không thể có được chút nào."

Nhận xét kết luận của ngài Long Thọ

Từ những trường hợp này, chúng ta có thể thấy rằng nhân duyên khác nhau tùy theo từng trường hợp. Mặc dù một người có thể sinh ra vào thời điểm mà người đó có thể gặp đức Phật, tuy nhiên, người ấy có thể tiếp tục bị đói và khát gây phiền não.

Đức Phật chăm sóc một tỳ khưu bị bệnh

Lời tựa của ngài Long Thọ: về nguồn gốc của bệnh tật[104]

(Ngài Long Thọ nhận xét ở đây về dòng kinh nói rằng: "…những ai bị phiền não bởi bệnh tật được chữa lành…"):

Về cơ bản, có hai loại bệnh:

[Trong trường hợp thứ nhất], người ta có thể bị ảnh hưởng bởi tất cả các loại bệnh tật như quả báo cho các hoạt động tạo nghiệp trong kiếp trước. [Thứ hai], người ta cũng có thể bị ảnh hưởng bởi tất cả các loại bệnh tật trong báo thân hiện tại, điều này do ảnh hưởng của [các yếu tố gây bệnh như] lạnh, nóng và gió.

Trong số các rối loạn bắt nguồn từ báo thân hiện tại, có hai loại: Loại thứ nhất bao gồm các rối loạn bên trong, trong đó sự không điều hòa năm cơ quan khiến đột ngột xảy ra sự phát sinh của các bệnh lý cố thủ vững chắc bắt nguồn từ những kiếp trước. Điều thứ hai bao gồm tất cả các loại rối loạn phát sinh bên ngoài liên quan đến các hiện tượng như tai nạn xe cộ, ngựa phi nước đại, chạy mất kiểm soát, bị nghiền nát, rơi xuống từ độ cao, hoặc [bị ảnh hưởng] bởi thanh kiếm, dao hoặc gậy của một người lính.

Hỏi: Nguyên nhân và điều kiện/Nhân và duyên để bị ảnh hưởng bởi các bệnh tật về thể chất là gì?

Chú giải: Nếu trong kiếp trước, người ta thích thú gây ra tất cả các hình thức tàn ác liên quan đến việc đánh đòn bằng roi, đánh đập bằng cây côn/chùy, bỏ tù, và bắt trói, thì trong cuộc sống hiện tại của mình, người đó trở nên đau khổ với bệnh tật. [Lại nữa,] nếu trong kiếp hiện tại này, người ta không biết cách chăm sóc cơ thể của mình và do đó không tuân thủ biện pháp thích hợp trong việc ăn uống hoặc không đều/bất thường trong thói quen ngủ nghỉ của mình, người ta có thể phát triển tất cả các loại bệnh tật vì

[104] Mặc dù ngài Long Thọ giải thích rằng có những nguyên nhân do nghiệp cụ thể đằng sau sự phát sinh của nhiều hoàn cảnh bất hạnh như bệnh tật, biến dạng/khuyết tật và chết sớm, tuy nhiên, điều này không làm thay đổi nhu cầu đối với tất cả Phật tử nhìn tất cả với lòng từ bi chân thật như nhau, hoàn toàn không có sự đối xử hoặc phán xét tàn nhẫn. Trong mối liên hệ này, có một sự kiện quan trọng khác đáng để chúng ta xem xét: Tất cả chúng ta ít nhiều đều sở hữu như nhau về vô số nguyên nhân tạo ra thảm họa như vậy trong lịch sử nghiệp kiếp quá khứ của chúng ta. Do đó, chỉ là vấn đề thời gian trước khi số phận tương tự (hoặc thậm chí tệ hơn) xảy ra với chúng ta, điều này trừ khi chúng ta có sự khiêm tốn để áp dụng những ví dụ về đau khổ như động lực để thanh tịnh hóa và do đó vô hiệu hóa những vi phạm theo nghiệp của chính chúng ta. Do đó, ngay cả khi một người bị cám dỗ rơi vào thái độ kẻ cả, xem thường người khác, nhận thức về tính dễ bị tổn thương theo nghiệp chung của chúng ta sẽ làm cho sự ngớ ngẩn/dại dột của những phản ứng như vậy hoàn toàn rõ ràng.

điều này. Và vì vậy có bốn trăm lẻ bốn loại bệnh như thế này. Nhờ vào năng lực tâm linh của đức Phật, những người bị bệnh tật đã có thể được chữa khỏi.

Câu chuyện: Đức Phật chăm sóc một tỳ khưu bị bệnh

Một trường hợp mẫu mực được kể về đức Phật khi Ngài ở nước Xá-Vệ (Śrāvastī). Có một cư sĩ đã mời đức Phật và Tăng đoàn dùng bữa tại nhà mình. Đức Phật có năm lý do mà theo đó [trong một số trường hợp] Ngài có thể chọn chấp nhận bữa ăn của mình trong khi tiếp tục ở trong chùa: Thứ nhất, vì mong muốn nhập định/vào tam muội; thứ hai, vì mong muốn thuyết Pháp cho các vị trời; thứ ba, vì mong muốn đi dạo và kiểm tra nơi ở/đi tuần liêu của các Tỳ-kheo; thứ tư, chăm sóc các Tỳ-kheo bị bệnh; và thứ năm, trong trường hợp không thiết lập giới cấm nào, xây dựng/chế ra các điều cấm vì lợi ích của các Tỳ-kheo.

Lúc này, đức Phật, với chìa khóa trong tay, đi theo thứ tự từ cửa phòng này sang cửa phòng khác, bước vào phòng của các Tỳ-kheo. Ngài quan sát một vị Tỳ-kheo bị bệnh, nhưng không ai chăm sóc. [Vị Tỳ-kheo] đang nằm đó trong phân và nước tiểu của mình và không thể đứng dậy từ vị trí đó. Đức Phật hỏi vị Tỳ-kheo: "Làm thế nào mà con lại khổ sở như vậy mà vẫn không có ai chăm sóc con?"

Tỳ-kheo trả lời: "Thưa đức Thế Tôn, bản chất con là người lười biếng. Khi những người khác bị bệnh, con chưa bao giờ thấy thích hợp để chăm sóc họ. Do đó, khi xảy ra chuyện con bị ốm, những người khác cũng không buồn chăm sóc con".

Đức Phật nói, "Con trai của gia đình tốt/Thiện nam tử, Ta sẽ chăm sóc con. Vào thời điểm đó, [vị trời] Thiên Đế Thích (Shakra Devānām Indra) đã tắm cho Tỳ-kheo này bằng nước và đức Phật xoa tay Ngài dọc theo cơ thể của [thầy Tỳ-kheo đó]. Khi Ngài xoa cơ thể của Tỳ-kheo đó, tất cả những đau khổ và đau đớn ngay lập tức biến mất và được chữa khỏi. Thân và tâm của vị Tỳ-kheo đó trở nên an bình và phục hồi. Vào lúc này, đức Thế Tôn nhẹ nhàng và chậm rãi đỡ vị Tỳ-kheo bị bệnh này khi vị đó đứng dậy, đưa ra khỏi phòng, xử lý cho vị ấy sạch sẽ, và cho vị ấy mặc y áo [mới]. Sau đó, Ngài nhẹ nhàng và chậm rãi giúp vị Tỳ-kheo đó quay trở lại phòng, sau đó Ngài cung

cấp cho vị Tỳ-kheo ấy một chiếc tọa cụ mới để ngồi và cho phép vị Tỳ-kheo đó ngồi xuống.

Sau đó, đức Phật nói với vị Tỳ-kheo bị bệnh: "Trong một thời gian dài bây giờ thầy đã không nghiêm túc phấn đấu để đạt được những gì chưa đạt được, để đến được những gì chưa với đến được, và để nhận thức được những gì chưa được giác ngộ. Do đó, bây giờ thầy trải qua đau đớn và khổ sở như thế này. [Điều này thật sự là,] có thể là thầy nhất định sẽ phải trải qua đau khổ lớn hơn trong tương lai."

Khi vị Tỳ-kheo nghe điều này, vị ấy tự nghĩ: "Lòng tốt của đức Phật là vô lượng và năng lực tâm linh/thần thông của Ngài là vô số. Khi Ngài ấy dùng tay xoa cho tôi, nỗi thống khổ và đau đớn ngay lập tức biến mất khiến tôi tràn ngập hạnh phúc."

Nhận xét kết luận của ngài Long Thọ

Vì điều này, [chúng ta có thể biết rằng] đức Phật sử dụng sức mạnh tâm linh/thần thông của mình để làm cho những người bị bệnh được chữa khỏi và những người bị biến dạng trở nên toàn vẹn trở lại.

Sự phục hồi nhiệm mầu của Gaṇḍaka

Lời tựa của ngài Long Thọ: Về những nguồn gốc của sự biến dạng[105]

(Ngài Long Thọ bình luận ở đây về dòng kinh có nội dung "... Những người bị biến dạng cơ thể đã được làm nguyên vẹn lại..."):

"Biến dạng" nghĩa là gì? Nếu có một người trong kiếp trước đã làm nát cơ thể của ai đó hoặc cắt đầu của ai đó hoặc cắt đứt tay hoặc chân của ai đó hoặc cắt/xé/chà nát các bộ phận của cơ thể ai đó hoặc có lẽ đã phá hủy hình ảnh của đức Phật hoặc làm gãy mũi của hình ảnh đức Phật hoặc làm những điều này với hình ảnh của những người đáng kính hoặc bậc thánh, hoặc có lẽ đã phá hủy hình ảnh của cha hoặc mẹ mình - vì những hành vi phạm tội này, người đó có thể mang một hình dạng vật lý mà theo nhiều cách không hoàn chỉnh.

Hơn nữa, đó có thể là một quả báo cho những pháp bất thiện nên phải mang một cơ thể xấu xí. Nếu trong kiếp hiện tại này, người ấy là nạn nhân của kẻ trộm hoặc nếu người đó phải chịu hình phạt tử hình hoặc nếu người đó gặp phải tất cả các loại nhân duyên mà theo đó khiến người đó bị biến dạng, hoặc nếu có lẽ người đó bị ảnh hưởng bởi các bệnh do gió, do lạnh hoặc do nhiệt, theo đó cơ thể của một người phát triển những vết loét khủng khiếp hoặc nơi các bộ phận của cơ thể bắt đầu phân hủy - đây là điều [trong đoạn Kinh này] muốn đề cập đến nghĩa là "bị khiếm khuyết/biến dạng".

Câu chuyện: Sự phục hồi nhiệm mầu của Gaṇḍaka

[Và vì vậy trong đoạn Kinh chỉ ra rằng] họ đã nhận được lòng từ bi vĩ đại của đức Phật và tất cả đã được làm cho toàn vẹn trở lại. Một trường hợp điển hình là trường hợp của một thị vệ/thị giả trong Tịnh Xá Kỳ Hoàn (Jeta Grove) tên là Gaṇḍaka. (Ghi chú trong kinh điển của Trung Quốc: Trong tiếng Trung/Hán, "Gaṇḍaka" có nghĩa là "đặt lại với nhau."). Anh này là cháu trai của vua Ba-tư-nặc (Prasenajit). Chàng ấy đẹp trai, dũng cảm, mạnh mẽ và sở hữu một tâm trí hài hòa và thiện lành về bản chất. Khi vị phi

[105] Vui lòng xem ghi chú của câu chuyện trước làm rõ quan niệm về những nguồn gốc theo nghiệp của những trải nghiệm trong hiện đời.

tần có thứ bậc lớn nhất/hoàng hậu của nhà vua nhìn thấy chàng, nàng trở nên luyến ái với Gaṇḍaka và gọi chàng một cách nhẹ nhàng, mong muốn qua đó ảnh hưởng đến chàng để đồng ý với ý định của nàng ấy. Nhưng Gaṇḍaka đã không đồng ý với nàng ta nên vì vậy hoàng hậu trở nên vô cùng tức giận và vu khống chàng một cách ác ý bằng cách buộc tội chàng phạm tội về điều mà là hành vi phạm tội của chính hoàng hậu.

Khi nhà vua nghe lời buộc tội này, ông đã cắt xẻ chàng ta, hết khớp này đến khớp khác, và sau đó ném xác chàng xuống nghĩa địa. Tối hôm đó, vào thời điểm ngay trước khi hồn của Gaṇḍaka chuẩn bị lìa khỏi xác, thì hổ, sói và La-sát (*rākṣasa*) đến xung quanh muốn ăn thịt cơ thể chàng này. Ngay lúc đó, đức Phật đến bên cạnh Gaṇḍaka và để cho ánh sáng của Ngài chiếu rọi trên cơ thể anh. Cơ thể Gaṇḍaka này đột nhiên trở nên như trước và anh ấy trở nên vui mừng khôn xiết. Sau đó, đức Phật đã giảng Pháp vì lợi ích cho Gaṇḍaka, và ngay lập tức vị này chứng ngộ giai đoạn thứ ba của Đạo [quả A-la hán là A-na-hàm]. Sau đó, đức Phật dắt tay Gaṇḍaka trở lại Tịnh Xá Kỳ Hoàn, nơi vị này kêu lên rằng: "Cơ thể con đã bị cắt/bẽ gãy và đã bị vứt bỏ. Đức Phật đã làm các phần cơ thể con trở lại với nhau! Bây giờ con sẽ cống hiến phần đời còn lại của mình để phục vụ đức Phật và Tăng đoàn Tỳ-kheo bằng thân thể này."

Ngày hôm sau, khi vua Ba-tư-nặc nghe về vấn đề này, ông đã đến Tịnh Xá Kỳ Hoàn và nói với Gaṇḍaka: "Chú xin sám hối với cháu vì sự vi phạm này của chú. Thật ra cháu không có lỗi, nhưng dựa trên thông tin không chính xác, ta đã khiến cháu bị thương do hình phạt. Bây giờ ta sẽ tặng cho cháu một nửa vương quốc này mà cháu có thể trị vì."

Gaṇḍaka đáp rằng: "Cháu đã phát triển một sự ghê tởm [đối với tài sản thế gian]. Về phần nhà vua, ông ấy vô tội. Những sai lầm tai hại từ kiếp trước của cháu đã khiến sự kiện này trở thành quả báo thích hợp cho hành vi phạm tội của cháu. Bây giờ cháu sẽ dành cơ thể của mình làm việc để phục vụ đức Phật và Tăng đoàn, và vì vậy cháu sẽ không trở lại nữa."

Nhận xét kết luận của ngài Long Thọ

[Những trường hợp] như thế này [minh họa ý nghĩa khi Kinh ghi lại rằng] nếu có một chúng sinh bị biến dạng và không hoàn hảo, khi anh ta được ánh sáng của đức Phật soi

sáng, người ấy ngay lập tức được khôi phục lại trạng thái bình thường. Và vì vậy người ta cho là "Ngay cả tất cả những người bị biến dạng cũng trở nên toàn vẹn. Khi được soi sáng bởi ánh sáng của Đức Phật, họ ngay lập tức được khôi phục trở lại trạng thái bình thường."

Phương tiện thiện xảo của đức Phật thay mặt cho các tu sĩ

Đức Phật đang trú ở nước Tỳ-xá-ly khi Ngài bảo thầy A-nan-đà rằng: "Trong người của Ta có một loại năng lượng gió nóng mà cần dùng sữa bò là phương thuốc thích hợp. Thầy hãy lấy bình bát của Ta, xin ít sữa và đem nó đến cho Ta."

Thầy A-nan-đà cầm lấy bát của đức Thế Tôn, và vào sáng sớm, đi vào thành Tỳ-xá-ly, khi đến cửa của một người cư sĩ, thầy đứng ở đó. Vào lúc đó, [người cư sĩ] Duy Ma Cật đang đi qua và để ý thấy thầy A-nan-đà đang đứng đó cầm chiếc bát, nên vị ấy hỏi thầy A-nan-đà rằng: "Tại sao mới sáng sớm vậy mà thầy đứng đó cầm chiếc bát?"

Thầy A-nan-đà đáp rằng: "Thân của đức Phật bị ảnh hưởng bởi một bệnh nhỏ mà cần sữa bò để trị. Do vậy mà tôi đến đây."

Ngài Duy Ma Cậy bảo rằng: "Thôi, thôi, thầy A-nan-đà. Đừng hủy báng đức Như Lai. Đức Phật là Đức Thế Tôn. Ngài ấy vượt ngoài tất cả các pháp bất thiện. Vậy thì làm sao ngài ấy có thể có bệnh gì? Đừng cho phép những kẻ ngoại đạo/không phải Phật tử nghe được những lời thô như thế. Họ sẽ xem thường đức Phật rồi nói rằng: "Ngay cả đức Phật không thể cứu chính mình khỏi bệnh tật của ngài. Vậy thì làm sao ngài có thể cứu người khác?"

Ngài A-nan-đà đáp rằng: "Đây không phải là ý kiến của tôi. Tôi nhận được chỉ thị trực tiếp của đức Phật rằng Ngài cần sữa bò."

Ngài Duy Ma Cật bèn bảo rằng: "Mặc dù đây là lệnh của đức Phật, nhưng đó là một phương tiện khéo. Chính vì bây giờ là thời đại năm trược mà Ngài sử dụng dáng vẻ này vì lợi ích đưa mọi người đến bờ giải thoát. Nếu trong tương lai có bất kỳ thầy tỳ khưu nào bị bệnh tật làm phiền, thì họ phải tìm thuốc từ người cư sĩ. [Trong trường hợp đó] người cư sĩ sẽ bảo rằng: "Thầy thậm chí không thể cứu chính mình khỏi bệnh của chính Thầy. Vậy làm sao Thầy có thể cứu người khác?" Khi đó các thầy tỳ khưu có thể nói rằng: "Ngay cả đại sư của chúng tôi còn bị bệnh tật làm phiền. Có thể nào mà những người như chúng tôi, những người có cơ thể [mỏng manh] như lau sậy hoặc hạt mè có thể thoát khỏi phiền não do bệnh tật gây ư?"

"Nhờ tình huống này, cư sĩ và những người khác sẽ cung cấp cho các Tỳ-kheo các loại thuốc, nhờ đó họ được phép ngồi thiền một cách yên bình và an toàn và tu tập Đạo.

Ngay cả những người không theo đạo Phật cũng có thể sử dụng các loại thảo mộc và bùa chú để chữa khỏi bệnh tật của người khác. Sao có thể có trường hợp đức Như Lai bậc sở hữu đức hạnh toàn tri mắc một căn bệnh làm khổ cơ thể của chính mình mà Ngài ấy không thể tự chữa khỏi ư? Tốt hơn là Thầy nên đứng im lặng cầm bát và nhận sữa. Đừng cho phép những người khác có đức tin không chính thống nghe chuyện này."

Nhận xét kết luận của ngài Long Thọ

Vì điều này, chúng ta nên biết rằng đức Phật đã hành động như vậy chỉ đơn thuần là một phương tiện khéo léo và không thực sự bị bệnh tật làm phiền. Tất cả các trường hợp khác của Ngài được cho là chịu quả báo cũng thuộc loại này (phương tiện khéo).

Đức Phật cố gắng kết nối/liên hệ với một bà lão

Lời tựa của ngài Long Thọ: Sự hiếm hoi của việc gặp được một đức Phật

Đức Phật nói rằng có một tình huống khó mà gặp phải. Đó là cuộc gặp gỡ với một vị Phật, một trong những đức Thế Tôn. Ngài cũng nói rằng trong khoảng thời gian chín mươi mốt kiếp, chỉ có ba kiếp có các đức Phật trong khi phần còn lại của tất cả các kiếp đều không có. Chúng (tám mươi tám kiếp) không có Phật. Thật vô cùng đáng buồn thay.

Đức Phật đã giải thích hoàn cảnh này vì lợi ích của những người bị nặng gánh bởi những nghiệp chướng nghiêm trọng và những người không gieo trồng thiện căn/cội rễ của sự tốt lành để nhờ đó họ có thể nhìn thấy một vị Phật: "Sự khó khăn khi gặp phải một thời đại mà có một đức Phật giống như gặp được những bông hoa của cây hoa Ưu đàm (*Udumbara*) mà chỉ xuất hiện một lần trong một thời gian rất dài." Người có nghiệp với hành vi phạm tội như thế này xoay chuyển trong ba cõi khốn khổ. Có lẽ họ có thể đến để ở giữa loài người hoặc các vị trời tại một thời điểm khi một vị Phật xuất hiện trên thế giới, nhưng ngay cả khi đó những người này vẫn không thành công trong việc nhìn thấy đức Phật.

Như đã nói, có chín trăm ngàn hộ gia đình ở thành Xá Vệ (Śrāvastī), trong đó có ba trăm nghìn người thực sự đã nhìn thấy Phật, ba trăm ngàn người nghe nói về sự hiện hữu của đức Phật nhưng không bao giờ nhìn thấy Ngài, và phần còn lại ba trăm ngàn người không nghe nói cũng không nhìn thấy đức Phật. Mặc dù đức Phật cư ngụ ở thành Xá Vệ (Śrāvastī) trong hai mươi lăm năm, tuy thế, những chúng sanh này không nghe nói về Ngài cũng không nhìn thấy Ngài. Hà huống là những ai cư trú ở xa.

Câu chuyện: Đức Phật cố gắng kết nối với một bà lão

Ngoài ra, chúng ta có trường hợp điển hình trong đó đức Phật đã từng đi cùng với ngài A-nan-đà vào thành phố Xá Vệ để khất thực. Đúng lúc đó có một bà mẹ già nghèo khó đang đứng ở cuối đường. Ngài Ā-nan-đà thưa với đức Phật rằng: "Người này thật đáng thương. Đức Thế Tôn nên đưa bà ấy sang bờ giải thoát."

Đức Phật đáp rằng: "Người này không có nhân duyên thuận lợi."

Ngài A-nan-đà thưa rằng: " Con ước gì đức Thế Tôn sẽ tiến tới và tiếp cận bà ấy. Khi người này nhìn thấy những đặc điểm đặc biệt/tướng hảo của đức Thế Tôn và nhận thức được ánh sáng mà Ngài tỏa ra, bà ấy sẽ phát tâm vui mừng và do đó sẽ tạo ra các nhân và duyên thuận lợi."

Sau đó, đức Phật tiến tới và tiếp cận bà ấy với kết quả rằng bà ấy xoay người nên quay lưng bà về phía đức Phật. Sau đó, đức Phật tiếp cận bà từ mỗi phía trong bốn phía và trong mỗi trường hợp như thế, bà ấy quay lưng lại với đức Phật và ngẩng cao đầu bà để nhìn lên trên. Và thế là đức Phật tiếp cận từ trên cao với kết quả là bà ấy sau đó cúi đầu để nhìn xuống dưới. Đức Phật nổi lên từ mặt đất bên dưới bà ấy, nhưng khi đó bà ấy che mắt bằng cả hai tay và, thậm chí khi đó, đã không thể nhìn chằm chằm vào đức Phật. Rồi đức Phật hỏi ngài A-nan-đà rằng: "Thầy A-nan-đà, bây giờ thầy còn muốn tạo thêm nhân duyên gì nữa không?"

Lời bình kết luận của ngài Long Thọ

Có những người như thế này mà thiếu nhân và duyên cần thiết để được đưa sang bờ giải thoát. Họ không thể thành công trong việc nhìn thấy đức Phật. Chính vì lý do này mà đức Phật cho rằng sự hiếm có của việc có thể gặp được đức Phật là có thể so sánh với việc có thể nhìn thấy những bông hoa Ưu đàm. Điều này tương tự như tình huống của những con ma đói/ngạ quỷ, ngay cả khi nước mưa dồi dào và dễ dàng tìm thấy ở khắp mọi nơi, vẫn liên tục khát nước và không thể tìm thấy bất cứ thứ gì để uống.

Các Bồ-tát xuất hiện trên thế gian
Ghi chú của người dịch (HT Pháp Hữu)

Ngài Long Thọ kết thúc câu trả lời cho một câu hỏi về lý do tại sao chư Phật và Bồ-tát của mười phương dường như không thị hiện/hoạt dụng trong thế giới bằng cách đưa ra một vài câu chuyện làm chứng cho việc họ thực sự có xuất hiện để đáp lại những người có niềm tin chân thành.

Người bị phong cùi được chữa khỏi nhờ lòng sùng kính ngài Phổ Hiền (Samantabhadra)

Có những lúc chư Phật và các vị Bồ-tát vĩ đại đến và đưa những chúng sinh sợ hãi và cực kỳ khốn khó qua bờ, khi những chúng sanh này nhất tâm trì niệm tên các Ngài (kêu gọi họ). Ví dụ, ở phía tây của bang Đại Tokharestan, ở một nơi trên đỉnh mà đức Phật an trú, có một người phong cùi tại một bảo tháp Phật đến gần đến hình ảnh của Bồ-tát Phổ Hiền. Sau đó, người đó nhất tâm nương tựa vào Ngài Phổ Hiền, ghi nhớ những phẩm chất công đức của Bồ-tát Phổ Hiền và cầu nguyện rằng mình được chấm dứt/thoát khỏi cơn bệnh đó. Vào thời điểm đó, hình ảnh của Bồ-tát Phổ Hiền rót ra/chảy ra một luồng ánh sáng từ tay phải nhẹ nhàng xoa bóp khắp cơ thể [người phong cùi], sau đó bệnh biến mất hoàn toàn.

Ngài Phổ Hiền hiện ra với một vị Tỳ-kheo đang tụng kinh Pháp Hoa

Lại nữa, trong một nước nọ, có một vị Tỳ-kheo cư ngụ trong một A-lan-nhã[106] và chuyên nghiên cứu về [giáo lý] Đại thừa. Vua của đất nước đó thường xỏa tóc xuống trên con đường của thầy Tỳ-kheo để thầy ấy có thể đi ngang qua nó khi Thầy đi ngang qua.[107] Có một vị Tỳ-kheo khác nói với nhà vua rằng: " Hỡi bệ hạ vĩ đại/Đại Vương, người này không phải là người dành nhiều thời gian như vậy tụng đọc kinh điển. Tại sao bệ hạ lại cúng dường lớn theo cách như vậy?"

---

[106] A-lan-nhã (*araṇya)* thường là nơi độc cư để thiền định hay học hỏi, thường ở nơi yên tĩnh cách xa thành phố.

[107] Ý định che phủ nơi đất thô hay những nơi bùn lầy trên con đường đó nên tạo thành một con đường êm ái hơn cho thầy Tỳ-kheo đó đi qua.

Nhà vua đáp rằng: "Có một ngày, vào giữa đêm, tôi muốn đi gặp vị thầy Tỳ-kheo này. Nên vì thế tôi ngay lập tức tiến tới nơi vị ấy ở. Tôi thấy vị Tỳ-kheo này bên trong hang động của vị ấy trì tụng *Kinh Pháp Hoa*. Đồng thời, tôi quan sát thấy một người có ánh sáng màu vàng ngồi trên một con voi chấp tay kính trọng. Khi tôi đến gần hơn, Ngài ấy biến mất. Sau đó, tôi tham vấn bậc có đức hạnh vĩ đại về việc đó như thế nào, vì sự xuất hiện của tôi, người đàn ông có ánh sáng màu vàng đã biến mất. Khi đó, vị thầy Tỳ-kheo ấy bảo tôi rằng: "Đó là ngài Bồ-tát Phổ Hiền. Chính ngài Bồ-tát Phổ Hiền đã nói rằng: "Nếu có ai tụng *Kinh Pháp Hoa*, tôi sẽ đến với người đó, cưỡi một con voi trắng để giảng dạy cho người ấy." Đó là bởi vì tôi trì tụng *Kinh Pháp Hoa* mà chính ngài Bồ-tát Phổ Hiền đến đây."

Vị tu sĩ đã nhìn thấy đức Phật A Di Đà (Amitābha) và lưỡi của vị ấy sẽ không bị cháy

Ngoài ra, ở một quốc gia khác, có một vị Tỳ-kheo đã trì tụng *Kinh A Di Đà* (*Amitābha Buddha Sutra*) và *Kinh Đại bát-nhã ba-la-mật-đa* (*Mahāprajñāpāramitā*). Khi vị này sắp chết, vị ấy bảo các đệ tử của mình rằng: "Đức Phật A Di Đà và Thánh chúng của Ngài tất cả đều đã đến. Tôi sẽ khởi hành ngay lập tức và trở về [cõi tịnh độ của đức A Di Đà]."

Chỉ trong một khoảnh khắc khác, cuộc sống của vị ấy đã kết thúc. Sau khi vị ấy đã mất, các đệ tử của vị ấy đã gom củi và hỏa táng vị ấy. Ngày hôm sau, họ phát hiện ra rằng lưỡi của vị ấy không bị cháy. Vì vị ấy đã trì tụng *Kinh A Di Đà*, vị ấy đã tự mình nhìn thấy đức Phật đến với mình. Bởi vì vị ấy đã trì tụng *Kinh Đại bát-nhã Ba-la-mật-đa*, nên lưỡi của vị ấy không thể bị thiêu cháy.

Nhận xét kết luận của ngài Long Thọ

Đây là tất cả các sự kiện hiển nhiên đã xảy ra trong kỷ nguyên hiện tại. Như đã được ghi lại trong kinh điển, các trường hợp của chư Phật và Bồ-tát đến/xuất hiện khá nhiều. Ở đâu cũng có những người như thế này có kiết sử phát sinh từ hành vi phạm tội và nhiễm ô nhưng nhẹ thôi. Nếu họ nhất tâm trong chánh niệm của họ về đức Phật và nếu

niềm tin của họ thanh tịnh và họ không nghi ngờ gì thì họ chắc chắn sẽ có thể nhìn thấy đức Phật. Cuối cùng, điều đó sẽ không vô ích.

Đức Mục-kiền-liên (Maudgalyāyana) tìm kiếm giới hạn của tiếng nói/âm thanh của đức Phật

Lời tựa của ngài Long Thọ: Về bản chất của giọng nói của đức Phật

Đối với khía cạnh bí truyền trong lời nói của đức Phật, có những người có thể nghe thấy tiếng nói của đức Phật ngay cả ở khoảng cách một phần ba dặm[108]. Có những người có thể nghe thấy nó ở khoảng cách ba dặm, ba mươi ba dặm, ba trăm ba mươi dặm, ba ngàn, ba trăm dặm, ba mươi ba ngàn dặm, hoặc thậm chí ở một khoảng cách của vô số dặm nên không đo lường được, hoặc thậm chí xuyên suốt tất cả không gian trống. Đó cũng là trường hợp, ngay cả trong một Pháp Hội duy nhất, một số người có thể nghe thấy một cuộc thảo luận về việc bố thí, những người khác có thể nghe một cuộc thảo luận về giới luật đạo đức, và tuy vậy, có những người khác có thể nghe thấy một thảo luận về sự nhẫn nhục, về tinh tấn, về thiền định, về trí tuệ, hoặc của các chủ đề khác, chẳng hạn như các chủ đề trong số mười hai loại của kinh điển hoặc bộ sưu tập tám mươi ngàn các pháp khác. Hiện tượng này trong đó các cá nhân khác nhau có thể nghe các [Pháp] khác nhau phù hợp với sự khác biệt trong tâm trí của họ tạo thành khía cạnh bí truyền trong lời nói của đức Phật.

Câu chuyện: Ngài Mục-kiền-liên tìm kiếm giới hạn của tiếng nói của đức Phật

Có một lần ngài Mục-kiền-liên muốn khám phá phạm vi chính xác của giọng nói của đức Phật, nên liền lập tức sử dụng thần thông của chính mình, du hành đến và dừng lại ở một nơi tại khoảng cách xa vô lượng hàng ngàn vạn ức hệ thống thế giới. Ngài vẫn nghe thấy tiếng nói của đức Phật cũng rõ ràng như thể đức Phật đang ở ngay gần đó. Trong hệ thống thế giới nơi ngài Mục-kiền-liên dừng lại, có một vị Phật đang ăn cùng với đại chúng đệ tử của Ngài. Người dân của vùng đất đó rất cao lớn. Ngài Mục-kiền-liên đứng trên mép của một trong những cái bình bát của họ, do vậy một trong số các đệ tử của vị Phật đó đã hỏi vị Phật ấy rằng: Con bọ có đầu người này đến từ đâu?Anh

[108] ND: 1 dặm khoảng 1.6 km, 1/3 dặm khoảng hơn 500m.

ấy đang đi bộ xung quanh trong bộ quần áo của một vị Sa-môn (*śramaṇa*). Vị Phật đó đáp rằng: "Đừng coi thường người này. Vị ấy là một [vị tu sĩ] có thần thông, là đệ tử của một vị Phật tên là Thích-Ca-Mâu-Ni mà cư trú cách đây vô số cõi nước Phật về phía đông."

Sau đó, vị Phật đó hỏi ngài Mục-kiền-liên rằng: "Tại sao thầy lại đến đây?"

Ngài Mục-kiền-liên đáp rằng: "Đó là bởi vì con đang tìm hiểu tiếng nói của đức Phật Thích-Ca-Mâu-Ni có thể vươn đến bao xa nên con đã đến đây."

Vị Phật đó bèn nói với ngài Mục-kiền-liên rằng: "Ngay cả khi thầy đi theo tiếng nói của đức Phật ấy trong vô số ức kiếp, thì thầy vẫn sẽ không thể tìm thấy giới hạn khoảng cách của giọng nói đó.

Ba điều không thể thỏa mãn của Ha-tất-đa (Hastaka)
Ghi chú của người dịch (HT Pháp Hữu)

Ngài Long Thọ liên hệ câu chuyện sau đây khi bình luận về một phần của kinh văn trong đó Bồ-tát Phổ Quang (Samantaraśmi) (nghĩa đen là "Ánh Sáng Phổ Quát") khởi hành từ hội chúng của đức Phật Bảo Tích (Ratnākara) (nghĩa đen là "Tích Lũy Ngọc") để tỏ lòng kính trọng đối với đức Phật Thích-Ca-Mâu-Ni.

Lời tựa của ngài Long Thọ: Sự không thể thỏa mãn/không nhàm chán của vị Bồ-tát

Hỏi: Nếu năng lực của tất cả chư Phật là đồng nhất đối với việc tuân thủ giới luật, thiền định, trí tuệ và cũng như thế đối với sự giải thoát của chúng sinh, vậy tại sao Bồ-tát Phổ Quang mong muốn đến và tỏ lòng kính trọng đối với đức Phật Thích-Ca-Mâu-Ni?

Đáp: Tất cả các vị Bồ-tát đều luôn luôn không thấy thỏa mãn trong mong muốn được nhìn thấy chư Phật, không thấy thỏa mãn trong mong muốn được nghe Pháp, và không thấy thỏa mãn trong mong muốn được nhìn thấy Tăng đoàn Bồ-tát. Các vị Bồ-tát đều mệt mỏi và ghê tởm các pháp thế gian.

Câu chuyện: Ba điều không thể thỏa mãn của Ha-tất-đa

Sự không nhàm chán của Bồ-tát đối với ba vấn đề trên tương tự như trường hợp của cư sĩ Ha-tất-đa (Hastaka) đến từ cõi trời Tịnh Cư muốn nhìn thấy đức Phật. Thân thể của vị ấy thật đúng là tốt đẹp và tinh tế đến mức nó sắp biến mất và, giống như nhựa trầm hương (*taila*) tan chảy, nên nó không thể đứng trên mặt đất.

Đức Phật bảo cư sĩ Ha-tất-đa rằng: "Con nên biến đổi tạo ra một cơ thể thô hơn bằng cách suy ngẫm về đặc tính của yếu tố đất." Cư sĩ Ha-tất-đa ngay lập tức theo lời dặn dò của đức Phật, ghi nhớ đặc điểm của nguyên tố đất và sau đó đảnh lễ dưới chân của đức Phật và đứng sang một bên.

Đức Phật bèn hỏi vị cư sĩ ấy rằng: "Liên quan đến nhiều điều mà con không nhàm chán, kết quả là con được tái sanh ở cõi Trời Tịnh Cư phải không?"

Vị ấy đáp rằng: “Nhờ sự không nhàm chán liên quan đến ba vấn đề mà con đã sinh ở cõi trời Tịnh Cư: thứ nhất là con không nhàm chán trong mong muốn được gặp chư Phật và cúng dường cho các Ngài. Thứ nhì là, con không nhàm chán trong ước muốn nghe Pháp. Ba là, con không nhàm chán trong việc cúng dường để cung cấp các vật dụng thiết yếu của Tăng chúng. Cũng như trong khi đức Phật cư trú ở Nam-Diêm-Phù-Đề, bốn bộ chúng thường theo sau/tháp tùng đức Phật với mục đích nghe Pháp và hỏi về Pháp, cũng vậy những vị trời bạn đồng môn của con từ Cõi Trời Tịnh Cư đi cùng con nghe Pháp và tham vấn về Pháp.”

Lời bình kết luận của ngài Long Thọ

Ngay cả các đệ tử Thanh Văn cũng không nhàm chán khi nói đến việc lắng nghe Pháp. Đối với các Bồ-tát Pháp thân thì lại càng không nhàm chán khi nghe Pháp. Chính vì lý do này mà Bồ-tát Phổ Quang đến gặp đức Phật Thích-Ca-Mâu-Ni và cũng để gặp các vị Bồ-tát và đại Bồ-tát ở đây và những người [trong tương lai] sẽ kế thừa vị trí vinh dự của [đức Phật].

Những giới hạn của năng lực thiền định của ngài Văn Thù Sư Lợi

Như được mô tả trong *Kinh Hội chúng các đức Phật/Kinh Chư Phật nhóm hội (Assemblage of Buddhas Sutra*), ngài Văn Thù Sư Lợi mong muốn xem nhóm hội/hội chúng các vị Phật, nhưng không thể đến đó. Các vị Phật đều đã trở về nơi ban đầu của họ. Khi ngài Văn Thù Sư Lợi đã đến nơi mà tất cả các vị Phật đã đến, thì có một người phụ nữ ở gần chỗ ngồi của đức Phật, đang nhập sâu thiền. Ngài Văn Thù Sư Lợi bước vào và, sau khi cúi đầu đảnh lễ dưới chân của đức Phật, bèn hỏi đức Phật rằng: "Tại sao người phụ nữ này có thể đến rất gần chỗ ngồi của đức Phật như vậy trong khi con thì không thể?"

Đức Phật bảo ngài Văn Thù Sư Lợi rằng: "Hãy đánh thức người phụ nữ này, khiến cô ấy phải đứng dậy từ sự nhập thiền/tam muội của cô ấy, rồi tự mình hỏi thăm cô ấy." Ngài Văn Thù sau đó búng ngón tay để đánh thức cô nhưng không thể đánh thức được cô theo cách đó. Ngài Văn Thù hét lớn nhưng điều đó vẫn không thể đánh thức cô. Sau đó ngài Văn Thù kéo tay cô, nhưng điều đó cũng không thể đánh thức cô ấy. Cuối cùng, Ngài sử dụng thần thông của mình, làm chấn động toàn bộ ba ngàn thế giới lớn/Tam thiên đại thiên thế giới, nhưng điều này vẫn không thành công trong việc đánh thức cô ấy. Ngài Văn Thù bèn thưa với đức Phật rằng: "Con không thể khiến cô ấy bị đánh thức."

Lúc này đức Phật phát ra một chùm ánh sáng lớn chiếu sáng hệ thống thế giới về phương dưới (điểm tận cùng). Ở đó có một vị bồ-tát tên là Trừ Cái Chướng (Apahṛtanīvaraṇa) (nghĩa là "Người xua tan chướng ngại") lập tức xuất hiện từ đó, đến chỗ của đức Phật, cung kính đảnh lễ dưới chân Phật, sau đó đứng sang một bên. Khi ấy, đức Phật bảo Bồ-tát Trừ Cái Chướng rằng: "Hãy đánh thức người phụ nữ này." Sau đó, [vị Bồ-tát ấy] búng ngón tay và người phụ nữ này ngay lập tức xuất thiền.

Ngài Văn Thù Sư Lợi thưa đức Phật rằng: "Tại sao lại như vậy ngay cả khi con làm chấn động toàn bộ ba ngàn thế giới lớn, con vẫn không thể đánh thức người phụ nữ này trong khi Bồ-tát Trừ Cái Chướng chỉ cần búng ngón tay có một lần và đánh thức cô ấy từ thiền định?"

Đức Phật nói với ngài Văn Thù rằng: “Chính vì người phụ nữ này mà Thầy bắt đầu phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác/A-nậu-đa-la-tam–miệu-tam-bồ-đề (*anuttarasamyaksaṃbodhi*) trong khi chính là nhờ Bồ-tát Trừ Cái Chướng mà người phụ nữ này đầu tiên phát tâm Vô thượng bồ-đề (A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề). Chính vì lý do này mà Thầy không thể đánh thức cô ấy. Thầy vẫn chưa hoàn toàn đạt được những phẩm chất công đức gắn liền với tam muội của chư Phật. Vị Bồ-tát này đã đạt được độc lập tối thượng trong các tam muội. Đó là vì đã thâm nhập ở một mức độ nhất định các tầng thiền của chư Phật trong khi chưa đạt được sự độc lập tối thượng trong chúng mà tình huống này là như vậy.”

Đức Phật ưa thích việc làm phước

Hỏi: Cho rằng những chúng sinh như đức Phật không [có nhu cầu] tìm kiếm phước nữa, tại sao Ngài vẫn kiên trì làm phước?

Đáp: Trong vô số a-tăng-kỳ-kiếp (*asaṃkhyeyas*), đức Phật đã tu tập mọi loại công đức và không ngừng thực hành tất cả các việc thiện. Không chỉ vì mục đích tìm kiếm phần thưởng, sự tôn trọng hay công đức mà Ngài đã cúng dường. Ví dụ, khi đức Phật vẫn còn tại thế, có một vị Tỳ-kheo mù, mặc dù không thể nhìn thấy gì bằng mắt, nhưng vẫn dùng tay để may y áo của vị ấy. Có một lần khi sợi chỉ của vị ấy trượt ra khỏi cây kim, vị ấy kêu lên rằng: "Cầu mong bất kỳ ai thích tạo phước, hãy đến đây và giúp xỏ chỉ vào kim của tôi."

Lúc đó, đức Phật đến nơi vị Tỳ-kheo đó đang ở và bảo vị Tỳ-kheo ấy rằng: "Ta là một người thích làm phước. Ta sẽ giúp thầy xỏ kim."

Vị Tỳ-kheo này nhận ra giọng nói của đức Phật, nhanh chóng đứng dậy, mặc y áo, đảnh lễ dưới chân đức Phật, và thưa với đức Phật rằng: "Công đức của đức Phật đã trọn vẹn/viên mãn rồi. Tại sao Ngài nói Ngài thích làm phước?"

Đức Phật đáp rằng: "Mặc dù phước đức của Ta đã viên mãn, nhưng ta nhận thức sâu sắc về nguyên nhân của phước đức, về phần thưởng quả báo của phước đức, và sức mạnh của phước đức. Chính nhờ phước đức này mà Ta đã trở thành bậc tối thượng nhất trong các chúng sinh. Chính vì lý do này mà Ta yêu thích phước". Sau khi đức Phật đã ca ngợi việc tạo ra phước đức vì lợi ích của vị Tỳ-kheo này, tiếp theo Ngài đã giảng Pháp phù hợp với tâm trí của vị Tỳ-kheo ấy. Sau đó, Tỳ-kheo này đã đạt được Pháp nhãn thanh tịnh (sự tịnh hóa của con mắt Phật pháp) và được nhìn thấy trở lại bằng đôi mắt xác thịt của vị ấy.

Hơn nữa, mặc dù đức Phật đã hoàn thiện phước đức và Ngài không còn cần gì nữa, nhưng đó là vì lợi ích của việc giảng dạy các đệ tử mà Ngài bảo họ rằng: "Nếu ngay cả Ta vẫn còn tham gia vào việc tạo ra công đức/làm phước, làm sao các thầy có thể không làm như vậy?"

Điều này giống như một vũ công 100 tuổi, mặc dù là một người già cần người chăm sóc, vẫn tiếp tục nhảy múa chỉ để bị một người mắng rằng: “Ông già, ông đã một trăm tuổi. Ông tiếp tục khiêu vũ thì có ích lợi gì?”

Ông lão đáp rằng: “Lão không có nhu cầu nhảy múa. Chỉ vì lão muốn dạy dỗ con cháu lão mà lão làm thế.” Đức Phật cũng giống như vậy. Mặc dù công đức của Ngài đã hoàn mãn, nhưng vì lợi ích của việc dạy dỗ các đệ tử làm phước/tạo công đức mà chính Ngài tham gia vào việc làm phước.

Vị A-la-hán Ưu-ba-cúc-đa gặp một trưởng lão Ni

Ghi chú của người dịch (HT Pháp Hữu)

Ngài Long Thọ đã sử dụng câu chuyện này để đáp lại câu hỏi liên quan đến tầm quan trọng của "sự tôn kính và cẩn thận chuyên nhất/nhất tâm."

Lời bình mở đầu của ngài Long Thọ

Hơn nữa, [sự tôn trọng và cẩn thận chuyên nhất này rất quan trọng] vì thực tế là tâm trí của mọi người phần lớn bị phân tán như thể họ hoặc bị điên hoặc bị say rượu. Sự tôn trọng và cẩn thận chuyên nhất là điều kiện tiên quyết thiết yếu để phát triển tất cả các phẩm chất công đức. Nếu một người có thể tập trung tâm trí của mình, thì người đó có thể thành công trong thiền định (*dhyāna*) và do đó có thể giác ngộ/trực nhận được trí tuệ thực sự. Nếu một người có thể phát triển trí tuệ thực sự, thì người đó có thể đạt được giải thoát. Nếu một ai đó có thể đạt được giải thoát, thì người ấy có thể chấm dứt đau khổ. Người ta giác ngộ được tất cả những vấn đề như thế này qua sự chuyên nhất/nhất tâm.

Câu chuyện

Ví dụ, một trăm năm sau khi đức Phật bát-niết-bàn, có một vị Tỳ-kheo tên là Ưu-ba-cúc-đa (Upagupta), người đã trở thành một vị A-la-hán sở hữu sáu thần thông. Trên thế gian lúc bấy giờ ngài ấy là một bậc đạo sư hướng dẫn vĩ đại cho toàn bộ lục địa Nam-diêm-phù-đề (Jambudvīpa).

Lúc đó có một vị Tỳ-kheo-ni một trăm hai mươi tuổi. Khi vị Tỳ-kheo-ni này còn trẻ, thì vị ấy đã nhìn thấy đức Phật. Ngài Ưu-ba-cúc-đa đến với ý định vào nơi ở của Trưởng lão Ni này vì Ngài muốn hỏi về diện mạo và oai nghi của đức Phật. Ngài cử một đệ tử đi trước. Người đệ tử thưa với vị trưởng lão ni rằng: "Bậc đạo sư vĩ đại của tôi là Ưu-ba-cúc-đa. Ngài ấy muốn đến và gặp Ni Sư với mục đích tìm hiểu về diện mạo và oai nghi của đức Phật."

Sau đó, vị Tỳ-kheo-ni này lấy một cái bát chứa đầy dầu mè và đặt nó bên dưới ngưỡng cửa để kiểm tra Ngài và do đó đánh giá xem bản thân Ngài Cúc-đa có oai nghi tuyệt vời này hay không.

Khi ngài Ưu-ba-cúc-đa bước vào, Ngài từ từ đẩy cửa sang một bên nhưng vẫn làm đổ một ít dầu mè. Sau khi ngồi xuống, Ngài hỏi vị Tỳ-kheo ni ấy rằng: "Ni Sư có thực sự nhìn thấy đức Phật hay không? Diện mạo và oai nghi của Ngài ấy như thế nào? Hãy mô tả chúng cho tôi."

Vị tỳ-kheo ni ấy bèn thưa rằng: "Lúc đó tôi còn trẻ. Tôi thấy đức Phật đến và đi vào làng. Mọi người đều nói: "Đức Phật đã đến!" Tôi đi theo cùng với những người khác. Khi tôi đi ra ngoài và nhìn thấy ánh sáng, tôi cúi đầu xuống, ngay sau đó chiếc kẹp tóc vàng của tôi rơi xuống đất và trượt xuống dưới một chiếc ghế dài lớn, nơi trời rất tối. Ánh sáng của đức Phật chiếu sáng bóng tối để tôi có thể nhìn thấy mọi thứ. Vì vậy, tôi đã có thể ngay lập tức lấy lại chiếc kẹp tóc. Bắt đầu từ chính thời điểm đó mà tôi đã trở thành một Tỳ-kheo ni."

Sau đó ngài Ưu-ba-cúc-đa hỏi rằng: "Khi đức Phật còn trụ thế, cách cư xử và oai nghi của các vị Tỳ-kheo như thế nào?"

Vị trưởng lão Ni trả lời: "Khi đức Phật còn trụ thế, có một nhóm sáu vị Tỳ-kheo hoàn toàn không biết hổ thẹn và cư xử kém nhất. Nhưng cách họ thể hiện oai nghi tuyệt vời vẫn vượt trội hơn ngài. Làm thế nào mà bây giờ người ta có thể biết điều này? Khi sáu vị Tỳ-kheo bước qua ngạch cửa, họ sẽ không làm cho dầu tràn ra. Mặc dù họ cư xử kém, họ vẫn biết làm thế nào để tiếp tục với oai nghi tuyệt vời của một vị Tỳ-kheo. Cho dù đi, đứng, ngồi, hoặc nằm, họ đã không rời khỏi các tiêu chuẩn Phật Pháp. Mặc dù thầy là một vị A-la-hán có sáu thần thông, thầy vẫn chưa có thể ở mức sánh được với họ."

Khi ngài Ưu-ba-cúc-đa nghe những lời này, ngài vô cùng xấu hổ. Và vì lý do này mà chúng tôi đề cập đến việc sở hữu sự tôn kính và cẩn trọng nhất tâm. Tôn trọng và cẩn thận chuyên nhất là dấu hiệu của một người tốt.

Cuộc đời của ngài Xá-lợi-tử

Lời tựa của ngài Long Thọ: Trí tuệ của ngài Xá-lợi-tử

Hỏi: bát-nhã ba-la-mật-đa (*prajñāpāramitā*) là một pháp gắn với các vị Bồ-tát và đại Bồ-tát. Vậy thì tại sao đức Phật lại đề cập đến ngài Xá-lợi-tử ở pháp này?

Đáp: Trong số tất cả các đệ tử, ngài Xá-lợi-tử đứng đầu về trí tuệ. Điều này trong một câu kệ của đức Phật chỉ ra rằng:

Nếu người ta lấy trí tuệ của bất kỳ chúng sinh nào,
Điều này ngoại trừ đức Phật,
Và mong muốn sau đó so sánh trí tuệ đó với ngài Xá-lợi-tử,
Trí tuệ và kiến thức của Ngài ấy là ở mức,
Giả sử nó bao gồm mười sáu phần,
Thì người đó vẫn sẽ không sở hữu/có dù chỉ một phần.

Câu chuyện: Cuộc đời của ngài Xá-lợi-tử

Ngoài ra, ngài Xá-lợi-tử là người thông minh, hiểu biết/thông thái và sở hữu những phẩm chất công đức tuyệt vời. Từ khi tám tuổi, Ngài đã có thể đọc thuộc lòng mười tám tác phẩm kinh điển và có thể hiểu sâu sắc các nguyên tắc của tất cả các tác phẩm kinh điển và các kinh văn liên quan của chúng. Vào thời điểm đó ở bang Ma-kiệt-đà (Magadha), có hai anh em vua rồng, một người tên là Nghĩa Vụ (Giri) và người kia tên là Tối Thượng (Agra). Họ đã gửi những cơn mưa xuống phù hợp với các mùa để không có những năm bị hạn hán. Dân chúng rất biết ơn họ và vì vậy luôn tập trung tại nơi ở của những con rồng vào ngày trăng tròn thứ hai của mùa xuân để chào mừng chúng bằng một lễ hội lớn.

Vào những dịp này, sẽ có âm nhạc và các cuộc tranh luận triết học kéo dài cả ngày. Đây là phong tục không thay đổi từ xa xưa cho đến nay. Do đó, đại lễ hội được đặt theo tên của những con rồng.

Phong tục vào những dịp này là thiết lập bốn chiếc ghế danh dự, chiếc đầu tiên được dành cho nhà vua, chiếc thứ hai cho hoàng tử, chiếc thứ ba cho quan tể tướng và chiếc thứ tư cho một bậc thầy biện luận.

Vào lúc đó, cậu bé Xá-lợi-tử được tám tuổi đã hỏi những người tụ tập ở đó rằng: "Bốn chiếc ghế danh dự này được chuẩn bị cho ai?"

Những người đó trả lời: "Chúng đã được chuẩn bị cho nhà vua, hoàng tử, quan tể tướng và một bậc thầy biện luận."

Khi ấy, cậu bé Xá-lợi-tử đánh giá tướng mạo của tất cả các Bà-la-môn và những người khác có mặt, quan sát thấy rằng không ai trong số họ vượt trội hơn mình, và do đó leo lên chỗ ngồi được chuẩn bị cho một bậc thầy biện chứng, ngồi xuống đó trong tư thế kiết già. Những người đàn ông tụ tập ở đó đã bị nghi ngờ và lo lắng che lấp và vì vậy tự nghĩ rằng hoặc đây chỉ là một kẻ ngốc nghếch ngu dốt, hoặc nếu không thì có thể là một người có trí tuệ siêu vượt hơn con người.

Mặc dù họ ngưỡng mộ phong thái tâm linh phi thường của cậu bé Xá-lợi-tử, mỗi người trong số họ vẫn tự hào về bản thân mình. Xấu hổ bởi tuổi trẻ của cậu bé ấy, họ không nói chuyện trực tiếp với cậu, mà mỗi người phái một đệ tử trẻ tuổi đi như một người thay thế để chất vấn cậu bé Xá-lợi-tử. Tầm quan trọng, cách diễn đạt và nguyên tắc đằng sau mỗi câu trả lời của cậu bé Xá-lợi-tử hoàn toàn vượt qua phạm vi kiến thức của những người bình thường. Vào thời điểm ấy, những nhà biện luận đó thốt lên trước những gì họ chưa từng gặp phải trong suốt cuộc đời họ. Kẻ ngu ngốc, nhà hiền triết, người già và người trẻ - tất cả đều bị đánh bại hoàn toàn.

Nhà vua vô cùng vui mừng và ngay lập tức ra lệnh cho các quan của mình thực hiện một khoản trợ cấp [thuế từ] toàn bộ làng như sự hỗ trợ vĩnh viễn cho cậu bé Xá-lợi-tử. Nhà vua leo lên trên đỉnh con voi của mình, rung chuông và tuyên bố điều này. Vì thế, cậu bé Xá-lợi-tử trở thành nhân vật nổi tiếng trong suốt mười sáu vương quốc lớn và sáu thành phố lớn.

Vào thời điểm đó có một người đàn ông, con trai của một nhà chiêm tinh, có tên là Câu-li-ta (Kolita) và họ là Đại-Mục-Kiền-Liên (Mahāmaudgalyāyana). Ngài Xá-lợi-tử kết bạn và trở nên thân thiết với Câu-li-ta. Tài năng và trí thông minh của cậu bé Xá-

lợi-tử được mọi người kính trọng ngay cả khi tính cách phi thường của Đại Mục-Kiền-Liên được hoan nghênh nhất.

Xá-lợi-tử và Câu-li-ta có thể nói là tương đồng về tài năng và trí tuệ và là những người ngang hàng trong việc thực hành đức hạnh. Khi đi dạo, họ đi cùng nhau, và khi ở bất kỳ nơi nào, họ ở gần nhau. Họ cam kết một hiệp ước về tình bạn trọn đời. Sau đó, cả hai đều từ bỏ cuộc sống thế tục và xuất gia để học Đạo, mỗi người trở thành đệ tử của một vị Phạm Chí nào đó.

Họ tìm kiếm lối vào Đạo, nhưng ngay cả sau một thời gian dài, họ không tìm thấy sự tinh tế nào thông qua việc học hỏi với đạo sư của họ nên đã hỏi vị ấy về vấn đề này. Đạo sư của họ, một người tên San-xà-dạ (Sañjaya), trả lời với họ rằng: "Thầy đã tìm kiếm Đạo trong nhiều năm nay và vẫn không biết liệu Thầy đã đắc Đạo hay chưa. Có thể nào Thầy không phải là người có duyên với đạo quả và do đó, ngay cả [bất chấp những nỗ lực của Thầy], Thầy không thể thành công trong việc đắc đạo sao?"

Sau đó, đạo sư của họ bệnh rất nặng. Ngài Xá-lợi-tử đứng ở đầu giường trong khi ngài Mục-Kiền-liên đứng dưới chân giường. Đang vật lộn để thở, cuộc sống của [vị đạo sư] sắp kết thúc khi vị này thở dài buồn bã rồi bật cười. Hai người đệ tử này đồng thời hỏi ý nghĩa của tiếng cười, sau đó vị đạo sư trả lời họ rằng: "Những người bình thường trên thế giới không có mắt. Họ đã bị lãng phí bởi tình yêu. Bây giờ Thầy có thể quan sát thấy rằng vua Kim Địa (Suvarṇabhūmi) (nghĩa là "Vùng đất vàng") đã chết và vợ ông đã ném mình lên giàn hỏa táng, tìm cách tái sinh cùng với ông. Nhưng hành động và quả báo của mỗi người trong hai người đó hoàn toàn khác nhau, và vì vậy nơi tái sinh của họ sẽ là chia lìa xa cách nhau."

Khi đó, hai thanh niên này đã ghi nhớ những lời của đạo sư của họ với mong muốn xem xét xem chúng là sai hay đúng. Sau đó có một thương nhân từ vùng Kim Địa (Suvarṇabhūmi) đến Ma-kiệt-đà (Magadha). Hai vị này hỏi thương nhân ấy về những gì họ đã ghi lại và, hóa ra, các vấn đề phù hợp với lời của đạo sư của họ.

Khi ấy, họ thất vọng thốt lên: "Có thể là chúng ta không thể thành công trong việc đắc đạo sao? Hoặc có thể là đạo sư của chúng ta [cố ý] không cho chúng ta biết?" Hai

người này sau đó thề với nhau rằng nếu một trong hai người họ ai là người đầu tiên đạt được vị ngọt cam lồ, thì cuối cùng cả hai đều phải chia sẻ hương vị của cam lồ với nhau.

Lúc này đức Phật đã chuyển hóa anh em ngài Ca Diếp (Kāśyapa) và hàng ngàn tín đồ của họ và sau đó đã tiến hành đi khắp các bang lân cận cho đến khi Ngài đến thành Vương Xá/Thành phố nơi ở của các vị vua (Rājagṛha), Ngài dừng lại và ở tại Tịnh Xá Trúc Lâm. Trong khi đó, hai bậc thầy Phạm Chí của chúng ta đã có nghe nói về việc đức Phật xuất hiện trên thế gian và vì vậy đã cùng nhau đến thành phố Vương Xá muốn tìm hiểu thêm tin tức về Ngài ấy.

Vào thời điểm đó, có một vị Tỳ-kheo tên là Mã Thắng (Aśvajit) (một trong năm vị Tỳ-kheo đầu tiên) đã đắp y, cầm bát lên, và đã vào thành phố với mục đích khất thực. Ngài Xá-lợi-tử quan sát oai nghi và trang phục của ngài Mã Thắng, vẻ mặt phi thường của Ngài ấy, và thực tế là tất cả các giác quan của vị ấy đều tĩnh lặng và yên tĩnh. Do đó, Ngài Xá-lợi-tử đi đến chỗ Ngài Mã Thắng và hỏi rằng: "Thầy là đệ tử/học trò của ai vậy? Đạo sư của Thầy là ai?"

[Vị Tỳ-kheo] đáp rằng: "Ngài ấy là hoàng tử của gia tộc Thích Ca, người đã trở nên chán chường những đau khổ của tuổi già, bệnh tật và cái chết, và do đó đã từ bỏ cuộc sống gia đình, học Đạo, và chứng ngộ Vô thượng chánh đẳng chánh giác/A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề (*anuttarasamyaksaṃbodhi*). Chính Ngài ấy là đạo sư của tôi."

Ngài Xá-lợi-tử hỏi rằng: "Điều mà đạo sư của Thầy dạy và truyền lại cho thầy – xin giải thích nó cho tôi."

[Vị tu sĩ] ngay lập tức trả lời bằng một câu kệ rằng:

Bởi vì tôi còn quá trẻ về tuổi,
Và bởi vì thời gian học tập của tôi
cũng mới ban sơ và nông cạn,
Làm thế nào tôi có thể công bố điều gì là rốt ráo chân thật,
Và nói rộng về ý nghĩa của Như Lai?

Ngài Xá-lợi-tử bèn bảo rằng: “Xin nói ngắn gọn về những điều cần thiết của điều đó.” Khi ấy vị tỳ-kheo Mã Thắng bèn nói kệ rằng:

Tất cả các pháp được sinh ra từ nhân và duyên (Các pháp do nhân duyên sinh).
Những pháp này – Ngài giải thích nhân và duyên của chúng.
Những pháp này chấm dứt thông qua nhân và duyên.
Bậc Đại đạo sư giải thích nó chính theo cách này.

Khi ngài Xá-lợi-tử nghe được kệ này, ngay lập tức Ngài chứng ngộ giai đoạn ban đầu của Đạo. Ngài trở lại báo kinh nghiệm của mình cho ngài Mục-Kiền-Liên. Ngài Mục-Kiền-Liên có thể nhận thấy vẻ mặt [của ngài Xá-lợi-tử] hài hòa và hạnh phúc và vì vậy, khi chào đón vị ấy, ngài Mục-Kiền-Liên hỏi: “Bạn đã nếm được vị ngọt của cam lồ chưa? Hãy giải thích cho mình với!”

Khi đó ngài Xá-lợi-tử thốt ra cho bạn mình vần kệ mà ngài ấy đã nghe.

Ngài Mục-kiền-liên nói rằng: “Hãy nói lại cho mình một lần nữa.” Ngay tức thì Ngài Xá-lợi-tử đã nói điều đó cho bạn mình một lần nữa và sau đó [ngài Mục-kiền-liên] cũng giác ngộ giai đoạn đầu của Đạo.

Không lâu sau đó, hai bậc thầy đó cùng nhau đi đến nơi đức Phật cư ngụ, mỗi người mang theo hai trăm năm mươi đệ tử. Khi đức Phật quan sát từ xa rằng hai vị này đang đến cùng với các đệ tử của họ, Ngài hỏi các Tỳ-kheo [nhóm họp bên cạnh Ngài] rằng: “Tất cả các thầy có thấy hay không hai người đàn ông đứng đầu tất cả những vị Phạm Chí đó?”

Các Tỳ-kheo trả lời: “Vâng thưa đức Thế Tôn, chúng con đã trông thấy họ.”

Đức Phật bảo rằng: “Trong hai người này, một người là người đứng đầu về trí tuệ trong số các đệ tử của Ta và người kia là người giỏi nhất trong việc tu tập thần thông.” Nhóm đệ tử vĩ đại đó đã đến và từ từ đến gần đức Phật. Khi đến nơi, họ đảnh lễ, rồi đứng sang một bên, và sau đó cùng nhau hỏi đức Phật rằng: “Thưa đức Thế Tôn, tất cả chúng con đều mong muốn rời bỏ cuộc sống gia đình và thọ giới dưới sự bảo trợ của Phật Pháp.”

Đức Phật bảo rằng: "Này, các thầy Tỳ-kheo hãy đến đây!" Ngay lập tức tóc và râu của họ tự nhiên rụng đi, họ trở nên hoàn chỉnh với y áo và bình bát, và họ đã thành công trong việc thọ lãnh/tiếp nhận giới luật. Chỉ sau nửa tháng, khi đức Phật đang giảng Pháp vì lợi ích của vị Phạm Chí tên là "Móng tay dài/Trường Trảo" (*Dīrghanakha*), thì ngài Xá-lợi-tử đã chứng ngộ đạo quả A-la-hán.

Lời bình kết luận của ngài Long Thọ:

Đối với việc Ngài Xá-lợi-tử đã đắc Đạo chỉ sau nửa tháng, một người như vậy chắc chắn sẽ trở thành một bậc thầy sẽ tháp tùng đức Phật trong việc chuyển Pháp luân. Chắc chắn phải là, trong vị trí của một người trên con đường học đạo, Ngài ấy đã tự nhiên đi vào/thâm nhập tất cả các pháp rồi và đã đạt được một sự tỉnh thức hoàn toàn đối với nhiều khía cạnh khác nhau của chúng rồi. Do đó, vì điều này, chỉ nửa tháng [sau khi trở thành một vị tu sĩ], Ngài đã thành công trong việc đưa con đường của quả vị A-la-hán đến chứng ngộ. Những phẩm chất công đức của những loại này mà Ngài ấy sở hữu là vô cùng nhiều. Chính vì điều này mà mặc dù ngài Xá-lợi-tử là một vị A-la-hán, nhưng đức Phật vẫn chọn cách thuyết cho ngài Xá-lợi-tử khi Ngài tiến hành giải thích về Pháp cực kỳ sâu sắc của *bát-nhã* ba-la-mật-đa (*Prajñāpāramitā*).

Ngài Tu-bồ-đề và Tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc

Lời tựa của ngài Long Thọ: Tại sao ngài Tu-bồ-đề thuyết ở đây

Hỏi: Vậy thì tại sao chỉ ở phần bắt đầu và chỉ trong thời gian ngắn mà [Sự hoàn hảo của trí tuệ/bát-nhã ba-la-mật-đa] đã được thuyết cho ngài Xá-lợi-tử trong khi đó, sau đó, bát-nhã ba-la-mật-đa đã được thuyết cho ngài Tu-bồ-đề rất nhiều? Trong một trường hợp mà một người là đứng đầu về trí tuệ là nền tảng [như với ngài Xá-lợi-tử], thì thay vì thế, bát-nhã ba-la-mật-đa nên được thuyết nhiều hơn cho ngài ấy. Hơn nữa, tại sao bát-nhã ba-la-mật-đa lại được thuyết cho ngài Tu-bồ-đề?

Đáp: Ngài Xá-lợi-tử là người đứng đầu về trí tuệ trong số các đệ tử của đức Phật. Ngài Tu-bồ-đề là người đứng đầu trong số các đệ tử trong việc tu tập định không tranh cãi/định vô tranh. Đó là đặc điểm của định vô tranh mà người ta có thể liên tục quán chiếu chúng sinh trong khi không cho phép tâm trí của mình trở nên kích động và trong khi cũng chủ yếu thực hành lòng từ bi đối với họ. Các Bồ-tát vĩ đại sử dụng những giới nguyện rộng lớn và hào hiệp mà qua đó họ chuyển hóa/hóa độ chúng sinh. Về mặt từ bi, Ngài Tu-bồ-đề cũng giống như vậy. Chính vì điều này mà [đức Phật] đã ra lệnh cho Ngài ấy thuyết [Sự hoàn hảo của trí tuệ/bát-nhã ba-la-mật].

Câu chuyện: ngài Tu-bồ-đề và tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc

Ngoài ra, ngài Tu-bồ-đề này vui thích thực hành định tánh Không. Chẳng hạn, vào cuối mùa an cư kiết hạ khi đức Phật đang cư ngụ trên cõi trời Ba mươi ba/Đao-lợi (Trāyastriṃśa) và sắp trở về Nam-diêm-phù-đề, thì ngài Tu-bồ-đề đang ở trong một hang đá và tự nghĩ rằng: "Đức Phật đang từ cõi trời Ba mươi ba hạ phàm. Tôi nên đi đến nơi đức Phật ở hay tôi không nên đến nơi đức Phật đang ở?"

Ngài Tu-bồ-đề suy nghĩ thêm rằng: "Đức Phật luôn nói rằng, nếu một người sử dụng con mắt trí tuệ/tuệ nhãn để quán chiếu/chiêm nghiệm Pháp thân của đức Phật, thì đó là cách tối thượng nhất để nhìn thấy đức Phật."

Vào thời điểm này, bởi vì đức Phật đang hạ phàm từ cõi trời Ba mươi ba, bốn chúng đệ tử đã tập hợp. Các vị trời đã có thể nhìn thấy mọi người và mọi người cũng có

thể nhìn thấy các vị trời. Trong số các ghế có chỗ cho đức Phật cũng như cho một vị vua Chuyển luân Thánh vương và một chúng hội lớn của các vị trời. Đồ trang sức của nơi hội chúng đó tuyệt vời trước nay chưa từng có.

Ngài Tu-bồ-đề nghĩ thầm: "Mặc dù đại chúng này là phi thường và đặc biệt, nhưng tình huống này sẽ không tồn tại lâu. Bất kỳ pháp nào phụ thuộc vào hư hoại nhất định sẽ trở lại vô thường. Chính vì điều này mà đó là một nguyên lý cơ bản của sự quán chiếu về vô thường rằng tất cả các pháp đều trống không và không có thực thể nào/Các pháp là tánh không và không có tự tánh." Khi tiếp tục suy ngẫm điều này, Ngài Tu-bồ-đề đột nhiên đắc Đạo/đạt được sự chứng ngộ về Con đường.

Vào thời điểm đó, mọi người trong hội chúng đều tìm cách để trở thành người đầu tiên nhìn thấy đức Phật, thể hiện sự tôn kính và dâng đồ cúng dường cho Ngài. Có một vị Tỳ-kheo-ni tên là "Liên Hoa Sắc" (Utpalavarṇā) mong muốn thoát khỏi thiệt thòi khi bị coi chỉ như một người phụ nữ khác. Vì vậy, khi đó cô ấy đã biến mình thành ngoại hình của một vị vua Chuyển luân Thánh vương mang theo bảy thứ báu và một ngàn người con trai. Khi các thành viên của hội chúng thấy điều này, tất cả họ đều rút lui khỏi chỗ ngồi của mình bằng cách đứng dậy và đứng sang một bên.

Khi vị vua do biến hóa tạo thành đi đến vị trí của đức Phật, vị ấy đã trở lại con người ban đầu là vị Tỳ-kheo ni, khi ấy vị này có thể là người đầu tiên diện kiến/viếng thăm đức Phật.

Khi đó, đức Phật bảo vị Tỳ-kheo ni ấy rằng: "Không phải con là người đầu tiên tỏ lòng kính trọng Ta. Thầy Tu-bồ-đề là người đầu tiên kính lễ Ta. Làm sao lại như vậy? Thầy Tu-bồ-đề suy ngẫm/chiêm nghiệm và nhận ra rằng tất cả các pháp đều trống không. Điều này cấu thành việc nhìn thấy Pháp thân của đức Phật. Bằng cách này, Thầy ấy đã có thể thực hiện một sự cúng dường thực sự, một sự cúng dường tối thượng nhất trong tất cả các cúng dường. Nó không phải là trường hợp mà việc cúng dường đạt được bằng cách tôn kính trước cơ thể (Ta) mà cơ thể này lại tùy thuộc vào sự sinh ra."

Lời bình kết thúc của ngài Long Thọ

Chính vì lý do này mà người ta nói rằng ngài Tu-bồ-đề thường xuyên tu tập Không Tam Muội[109]. Thực hành của Ngài ấy tương ứng với thuộc tính Tánh không của bát-nhã ba-la-mật-đa. Chính vì lý do này mà đức Phật chỉ thị cho Ngài Tu-bồ-đề thuyết bát-nhã -ba-la-mật.

[109] Không tam muội : "Định tướng gọi là không tam muội"/ "Tu không tam muội, đây gọi là tịch tịnh" (Kinh *Đại Bát Niết Bàn*, phẩm Sư Tử Hống quyển 23 và tập III).

Câu chuyện phía sau tên của ngài Xá-lợi-tử

Hỏi: Tại sao ngài được đặt tên là "Xá-lợi-tử"? Đó có phải là một cái tên do cha mẹ ngài tạo ra hay thay vào đó là một cái tên dựa trên việc thực hành đức hạnh của ngài?

Đáp: Đó là một cái tên được cha mẹ ngài ấy đặt. Vị trí/Nơi hạnh phúc nhất ở Nam-diêm-phù-đề (Jambudvīpa) là bang Ma-kiệt-đà (Magadha), trong đó có một thành phố lớn tên là "Nơi ở của các vị vua/Vương Xá". Nhà vua lúc bấy giờ là Tần-Bà-Sa-La/Bình Sa Vương (Bimbasāra). Có một nhà biện chứng tuyệt vời có tên là Māṭhara. Bởi vì người này rất có khả năng tranh luận, nhà vua đã ban cho vị này thu nhập từ thuế trên một ngôi làng không xa thành phố này. Māṭhara này sau đó đã đến định cư tại một ngôi nhà nơi ông lấy vợ và sinh ra một cô con gái có đôi mắt giống với con chim xá-lợi (*śārī*) nên sau đó được đặt tên là "Xá-Lợi". Sau đó, ông sinh ra một đứa con trai có xương đầu gối thô và lớn, nên được đặt tên là Câu-thi-la (Kauṣṭhila). (Ghi chú kinh điển của Trung Quốc: "Trong tiếng Trung, "Câu-thi-la" có nghĩa là "đầu gối lớn"). Bởi vì người Bà-la-môn này đã tiếp nhận cuộc sống của một gia chủ bận rộn với việc nuôi dạy con trai và con gái, chuyên môn của vị ấy xuống cấp và bị mất đi sự liên quan đến những tác phẩm kinh điển đó và các kinh văn khác mà ông đã nghiên cứu trước đó. Hơn nữa, chính ông ấy không chăm chỉ hoàn thành các nghiên cứu sâu hơn.

Vào thời điểm này, có một nhà biện chứng Bà-la-môn vĩ đại từ miền nam Ấn Độ được gọi là Tiṣya[110]. Ông đã hoàn toàn thâm nhập và trở nên quen thuộc sâu sắc với tất cả mười tám loại kinh thư cổ điển vĩ đại. Vị này vào thành phố Vương Xá với một ngọn lửa đang cháy trên đỉnh đầu và thắt bụng mình bằng áo giáp tấm nối bằng đồng. Có người hỏi ngài tại sao vị ấy lại ăn mặc như vậy, thì vị ấy đáp rằng: "Các tác phẩm kinh điển và các kinh văn khác mà tôi đã nghiên cứu là vô cùng nhiều. Tôi sợ rằng bụng tôi có thể vỡ toạc ra. Đó là lý do tại sao tôi tự thắt bụng mình bằng tấm nối bằng đồng".

Người ta cũng hỏi vị ấy rằng: "Tại sao anh lại mang một ngọn lửa đang cháy trên đỉnh đầu?"

Vị ấy đáp rằng: "Đó là vì sự tối tăm lớn."

---

[110] ND: Tiṣya theo tiếng Phạn có nghĩa là "may mắn, điềm lành" và cũng có nghĩa là tên của một ngôi sao.

Một thành viên của đám đông hỏi: “Mặt trời đã mọc và bây giờ chiếu sáng rõ ràng. Tại sao anh lại nói về “sự tối tăm?”

Vị ấy trả lời là: “Có hai loại tối tăm. Đầu tiên là khi ánh sáng mặt trời không chiếu sáng. Thứ hai là khi sự tối tăm của sự ngu ngốc mang lại sự mập mờ, khó hiểu. Bây giờ, mặc dù chúng ta đang tận hưởng ánh sáng của mặt trời, tuy nhiên, sự ngu ngốc vẫn tiếp tục tạo ra sự tối tăm.”

Một người trong đám đông bảo rằng: “Chỉ là ngài chưa gặp Bà-la-môn Māṭhara. Nếu anh gặp vị ấy, bụng của anh sẽ co lại và ánh sáng của anh sẽ trở nên mờ nhạt.”

Người Bà-la-môn này sau đó đi thẳng đến bên cạnh trống và tiến hành đánh vào trống mời tranh luận. Khi nhà vua nghe thấy điều này, ông bèn hỏi: “Người đó là ai vậy?”

Nhóm các viên quan trả lời rằng “Có một nhà biện chứng vĩ đại từ Nam Ấn Độ, một Bà-la-môn tên là Đề Xá (Tiṣya). Đó là bởi vì vị này tìm cách đưa ra một thách thức tranh luận mà vị ấy đã bắt đầu đánh trống mời tranh luận.”

Nhà vua rất vui mừng và ngay lập tức triệu tập một hội nghị và sau đó ông tuyên bố với họ rằng: “Vì có một người có khả năng đưa ra một thách thức, bây giờ hãy tranh luận với người đó.”

Khi Māṭhara nghe về điều này, ông ấy bị sự nghi ngờ bản thân chi phối, nghĩ rằng: “Bởi vì tôi đã mất tất cả những gì tôi biết và đã không chịu nghiên cứu thêm, tôi không biết liệu bây giờ tôi có thể thành công trong tranh luận hay không”. Nhưng ông ấy buộc mình phải ra mặt. Sau khi ông ấy khởi hành, ông quan sát thấy hai con bò đực trên đường phố đang tiến hành hút nhau bằng sừng của chúng. Ông ấy tự nghĩ: “Con bò này đại diện cho tôi. Con kia đại diện cho vị kia. Tôi có thể coi đây là một điềm báo qua đó để biết ai sẽ chiến thắng”. Con bò mà ông đã nhìn thấy là đại diện cho chính ông không phải là đối thủ của con bò kia và vì thế ông ấy trở nên vô cùng đau khổ và lo lắng. Rồi, Māṭhara tự nghĩ rằng: “Với một dấu hiệu như thế này, chắc chắn là tôi sẽ không phải là đối thủ của vị kia.”

Khi Māṭhara chuẩn bị bước vào hội chúng, ông thấy một người mẹ mang theo một bình nước rơi xuống và làm vỡ chiếc bình ngay trước mặt ông. Ông lại nghĩ thầm:

“Chuyện này cũng là điềm không may.” Do đó, Māṭhara cảm thấy vô cùng bất hạnh. Khi Māṭhara bước vào hội chúng, ông nhìn thấy nhà biện chứng đó và thấy rằng vẻ mặt và ánh mắt tự tin của vị ấy tràn đầy dấu hiệu vượt trội. Vì vậy, ông biết rằng mình không phải là đối thủ của vị kia. Sau khi tất cả những điều này không diễn ra theo cách của Māṭhara, ông ấy đã tiếp tục và tham gia tranh luận. Sau khi tham gia vào cuộc tranh luận, ông nhầm phải/phạm lỗi ngụy biện [và do đó thua cuộc tranh luận].

Nhà vua vô cùng vui mừng, thốt lên rằng: “Một người đàn ông rất khôn ngoan và thông minh như vậy đã đến vương quốc của trẫm. Đổi lại, trẫm muốn cấp cho vị này cống phẩm từ thuế thu được của cả một ngôi làng.”

Hội đồng các viên quan đã thảo luận về điều đó và bảo rằng: “Một người đàn ông thông minh duy nhất đến và sau đó bệ hạ cho vị ấy số tiền thu được từ cả một ngôi làng trong khi bệ hạ không đưa ra bất kỳ phần thưởng nào cho các viên quan có công. Nếu bệ hạ chỉ quý trọng những người tranh luận, chúng thần sợ rằng đây không phải là cách để thiết lập đất nước và thành công trong việc bảo vệ ngôi nhà [hoàng gia]. Nhà biện chứng Māṭhara bây giờ đã chứng tỏ mình không phải là đối thủ. Nên lấy đi khoản trợ cấp của ông ấy và trao cho người chiến thắng. Nếu sau này lại có thêm một người chiến thắng, vậy thì nên đến lượt trao cho người ấy.”

Nhà vua chấp nhận lời khuyên của họ và vì vậy đã lấy [khoản trợ cấp đó] và trao nó cho người đàn ông đến sau. Māṭhara sau đó nói với Tiṣya rằng: “Anh là người đàn ông thông minh. Tôi sẽ gả con gái mình cho anh làm vợ. Con trai tôi sẽ đi cùng với chị nó. Bây giờ tôi muốn đi xa đến một đất nước khác để tiếp tục theo đuổi khát vọng ban đầu của mình”.

Tiṣya lấy con gái của [Māṭhara] làm vợ. Khi vợ ông ấy mang thai, bà có một giấc mơ, trong đó bà nhìn thấy một người đàn ông có cơ thể mặc áo giáp và cầm chùy kim cương trong tay. Vị này đập phá tất cả các ngọn núi cho đến khi vị ấy đến đứng bên cạnh một ngọn núi lớn. Khi thức dậy, cô kể với chồng rằng: “Em đã có một giấc mơ như thế”.

Tiṣya đáp rằng: “Em sẽ sinh ra một bé trai sẽ đánh bại tất cả những người biện chứng. Sẽ chỉ có một người đàn ông mà bé trai này sẽ không thể chiến thắng. Cậu bé này sẽ trở thành đệ tử của vị đó.”

Khi nàng Xá-Lợi mang thai, nhờ con trai, nàng cũng trở nên đặc biệt thông minh và có khả năng tranh luận. Mỗi lần em trai Câu-thi-la tranh luận với cô, anh ấy đều bị đánh bại và không phải là đối thủ của cô. Sau đó, người em này nhận ra rằng đứa con trai mà người chị đang mang thai chắc chắn phải rất thông minh, cho nên sau khi đã suy nghĩ như thế rằng nếu ngay cả trước khi sinh ra đứa bé đã như thế này, thì một khi đứa bé được sinh ra sẽ càng thông minh hơn nhiều.

Do đó, Câu-thi-la ngay lập tức rời khỏi nhà và theo đuổi việc học ở Nam Ấn Độ, nơi [do cường độ học tập], ông thậm chí không bao giờ ngừng lại để cắt móng tay. Ông đã nghiên cứu mười tám loại kinh thư cổ điển cũng như các kinh văn liên quan, nghiên cứu đến mức ông đã phát triển một sự hiểu biết sâu sắc và sắc bén về tất cả chúng. Chính vì điều này mà dân chúng thời đó biết đến ông là “Phạm Chí móng tay dài/Phạm Chí Trường Trảo”.

Bảy ngày sau khi chị gái của Câu-thi-la sinh con, cô ấy quấn đứa trẻ trong tấm vải trắng và đưa đứa bé cho người cha xem. Người cha nghĩ rằng: “Vì tôi được đặt tên là “Tiṣya”, hãy đặt tên nó theo tên tôi là “Ưu-ba-đề-xá (Upatiṣya).” (Ghi chú trong kinh văn Trung Quốc: “Trong tiếng Trung, “*upa*” có nghĩa là “theo sau” và “Tiṣya” là tên của một ngôi sao.) Đây là tên được cha mẹ tạo ra. Vì ngài Xá-lợi-tử được bà Xá-Lợi sinh ra, nên mọi người đều gọi ngài là “Xá-lợi-tử/con trai của bà Xá-lợi”. (Ghi chú kinh điển Trung Quốc: Trong tiếng Phạn[111], “*putra*” có nghĩa là “con trai.”)

Hơn nữa, từ đời này sang đời khác, Ngài Xá-lợi-tử đã phát nguyện trở thành vị đệ tử đứng đầu về trí tuệ của đức Phật Thích-Ca-Mâu-Ni và sau đó được biết là “Xá-lợi-tử”. Theo nghĩa này, “Xá-lợi-tử” là một cái tên tìm thấy nguồn gốc của nó trong những lời thề của các kiếp trước. Chính vì [tất cả] những lý do này mà Ngài được đặt tên là “Xá-lợi-tử”.

---

[111] ND: nguyên tác tiếng Anh là “In Chinese, “putra” means son”.

Hỏi: Nếu như những gì anh nói, thì tại sao Ngài ấy không được người ta biết là "Theo sau ngôi sao Tisya (Upatiṣya)", mà chỉ gọi Ngài ấy là "Xá-lợi-tử"?

Đáp: Người thời đó tự hào và tôn kính người mẹ của ngài. Cô ấy đứng đầu về trí thông minh trong tất cả phụ nữ. Vì lý do này mà ngài ấy được biết là "Xá-lợi-tử".

Ngài Xá-lợi-tử, đức Phật và con chim bồ câu

Lại nữa, không phải là trường hợp mà chính ngài Xá-lợi-tử biết tất cả kiến thức. Khi so sánh với trí tuệ của đức Phật, (mức độ trí tuệ của chính ngài Xá-lợi-tử) có thể so sánh với trí tuệ của một đứa trẻ sơ sinh. Điều này như được mô tả trong kinh *Thí Dụ/Những hành động cao quý* (*Avadāna*):

Đức Phật đang ngự trong Tịnh xá Kỳ Viên (Jeta Grove). Khi đến giờ ăn, Ngài tiếp tục đi bộ [đi khất thực về]. Ngài Xá-lợi-tử đi theo phía sau đức Phật. Lúc này có một con diều hâu đang đuổi theo một con chim bồ câu. Con chim bồ câu bay về phía đức Phật và đứng bên cạnh đức Phật. Khi đức Phật đi ngang qua con chim, bóng của Ngài rơi xuống và bao phủ con chim bồ câu. Con chim bồ câu sau đó trở nên bình tĩnh, sự sợ hãi của nó ngay lập tức biến mất, và nó ngừng kêu [trong sự khiếp đảm].

Sau đó, ngài Xá-lợi-tử xuất hiện, khi đó bóng của ngài ấy rơi xuống và bao phủ con chim bồ câu. Con chim bồ câu khi đó tiếp tục kêu gào và run rẩy giống như trước.

Khi ấy ngài Xá-lợi-tử thưa với đức Phật rằng: "Đức Phật và con đều thoát khỏi ba độc. Vậy thì tại sao, khi bóng của đức Phật bao phủ con chim bồ câu, con chim bồ câu trở nên bình tĩnh và không còn tràn ngập nỗi kinh hoàng, trong khi khi cái bóng của con rơi xuống con chim bồ câu, khi đó nó bắt đầu kêu gào và run rẩy một lần nữa, như trước đây?"

Đức Phật đáp rằng: "Trong trường hợp của thầy, những khuynh hướng còn sót lại liên quan đến ba độc vẫn chưa chấm dứt. Chính vì lý do này mà khi cái bóng của thầy đến che phủ [chim bồ câu], nỗi sợ hãi của nó sẽ không biến mất.

"Bây giờ, khi thầy suy ngẫm về nguyên nhân và duyên kiếp trước liên quan đến con chim bồ câu này, thầy quan sát thấy nó đã tái sanh thành một con chim bồ câu trong bao nhiêu kiếp rồi?"

Ngay lập tức ngài Xá-lợi-tử nhập định/tam muội "nhớ lại kiếp trước", quan sát thấy rằng con chim bồ câu này đã ra đời từ kiếp trước như một con chim bồ câu và, theo cách tương tự, thấy một, hai và ba kiếp, và vân vân cho đến khi chúng ta tính đến tám mươi

ngàn đại kiếp, nó luôn luôn tái sanh trong cơ thể của một con chim bồ câu. Ngoài khoảng thời gian này, ngài ấy không thể nhìn xa hơn về quá khứ."

Ngài Xá-lợi-tử xuất định/tam muội và thưa với đức Phật rằng: "Con chim bồ câu này luôn tái sanh thành một con chim bồ câu trong suốt tám mươi ngàn kiếp vừa qua. Ngoài điều này, con không thể biết về bất kỳ kiếp nào trước những kiếp này."

Đức Phật bảo rằng: "À, nếu thầy không thể biết hết hoàn cảnh của quá khứ, hãy thử suy ngẫm về những kiếp tương lai của con chim bồ câu này, quan sát sẽ mất bao lâu trước khi nó thành công trong việc đạt được sự giải thoát."

Ngay tức thì ngài Xá-lợi-tử nhập vào tam muội "tìm kiếm-kiến thức-[của tương lai]". Ngài quán chiếu và quan sát rằng, ngay cả sau một, hai, ba kiếp, và vân vân cho đến khi chúng ta tính đến tám mươi ngàn kiếp, con chim bồ câu này vẫn không được giải thoát khỏi việc tái sinh lại trong cơ thể của một con chim bồ câu. Trong trường hợp này cũng vậy, ngài không thể nhìn xa hơn khoảng thời gian này.

Ngài xuất định và thưa với đức Phật rằng: "Con quan sát thấy rằng con chim bồ câu này vẫn không thể tránh được sự tái sanh trong cơ thể của một con chim bồ câu ngay cả sau một kiếp, hai kiếp, và cứ như vậy cho đến khi chúng ta tính đến tám mươi ngàn đại kiếp sống. Con không thể có kiến thức về hoàn cảnh vượt quá khoảng thời gian này. Con không thể có kiến thức mở rộng đến giới hạn của thời gian quá khứ và tương lai. Vì thế, con không thể tìm ra sẽ mất bao lâu trước khi con chim bồ câu này thành công trong việc đạt được giải thoát."

Khi đó, đức Phật bảo ngài Xá-lợi-tử rằng: "Hoàn cảnh liên quan đến con chim bồ câu này vượt quá giới hạn của những gì các đệ tử Thanh văn và Phật độc giác có thể biết. Trong hơn số lượng đại kiếp của số cát sông Hằng, nó sẽ tiếp tục được tái sinh trong cơ thể của một con chim bồ câu. Sau đó, sau khi các hình phạt nghiệp của nó đã chấm dứt, cuối cùng nó sẽ đạt được việc thoát khỏi hoàn cảnh này. Sau khi nó đã luân hồi trong năm cõi, sau đó nó sẽ thành công trong việc trở thành một con người. Khi đó, sau năm trăm kiếp sống như thế, nó sẽ đạt được việc phát triển các căn nhạy bén.

"Vào thời điểm đó sẽ có một vị Phật sẽ hóa độ vô số a-tăng-kỳ chúng sinh đến sự giải thoát và sau đó sẽ nhập niết-bàn vô dư (*nirupadhiśeṣa-nirvāṇa*). Khi Giáo Pháp mà

Ngài ấy để lại vẫn còn tồn tại trên thế gian, người này sẽ trở thành một cư sĩ nam thọ năm giới, và nghe một vị Tỳ-kheo ca ngợi những phẩm chất công đức của chư Phật. Chính sẽ là vào thời điểm đó mà người đó lần đầu tiên phát nguyện trở thành một vị Phật. Sau đó, trong khoảng thời gian ba a-tăng-kỳ-kiếp, vị ấy sẽ tu tập sáu ba-la-mật, hoàn thiện [các thực hành liên quan đến] mười địa, và sau đó sẽ thành công trong việc trở thành một vị Phật. Sau khi hóa độ vô số chúng sinh đến bờ giải thoát, chính vị ấy sẽ nhập niết bàn vô dư."

Khi đó ngài Xá-lợi-tử ăn năn trước đức Phật, thưa rằng: "Con không thể biết ngay cả nguồn gốc và số phận của một con chim bồ câu. Con càng ít có khả năng thấu hiểu tất cả các pháp. Nếu con có thể có được kiến thức có thể so sánh với trí tuệ như thế này của đức Phật, thì như cái giá của việc đạt được trí tuệ của đức Phật, con sẽ không thấy đó là một khó khăn quá mức ngay cả khi phải vào địa ngục và trải qua vô số kiếp đau khổ."

Một cư sĩ nam chứng kiến sự thiền định của đức Phật

Lời tựa của ngài Long Thọ: Sự thành tựu về thiền định của đức Phật

Hơn nữa, sự tích lũy nhập định của đức Phật là hoàn toàn hoàn hảo.

Hỏi: Về việc giữ giới [của đức Phật], một người có thể biết được điều này nhờ vào sự trong sạch của nghiệp thân và khẩu của ngài. Về trí tuệ của ngài, người ta có thể biết được nó nhờ vào sự khác biệt của Ngài trong việc giải thích Pháp và thông qua khả năng xua tan nghi ngờ của chúng sinh. Nhưng đối với việc nhập thiền của ngài, người ta thậm chí không thể biết về điều này trong trường hợp của những người khác, thì người ta càng có thể biết ít hơn về trường hợp của đức Phật?

Đáp: Bởi vì trí tuệ vĩ đại của Ngài là hoàn hảo, người ta nên biết rằng sự nhập định của Ngài phải hoàn toàn hoàn hảo. Điều này tương tự như khi người ta nhìn thấy một bông hoa sen rất lớn: Người ta nhất thiết phải biết rằng hồ bơi [mà hoa sen đó lớn lên] vừa sâu vừa lớn. Nó cũng giống như khi có một chiếc đèn có độ sáng tuyệt vời. Người ta nhất thiết phải biết rằng nó cũng phải chứa nhiều dầu tía tô. Ngoài ra, bởi vì sức mạnh của siêu kiến thức và thần thông của đức Phật là không thể đo lường và không thể so sánh được, nên người ta biết rằng sức mạnh của sự nhập định của Ngài cũng hoàn toàn hoàn hảo. Điều này cũng giống như khi người ta nhìn thấy một kết quả vĩ đại, do đó người ta biết rằng nguyên nhân cũng phải vĩ đại.

Câu chuyện: Người cư sĩ nam chứng kiến sự nhập định/tập trung của đức Phật

Hơn nữa, có những lúc chính đức Phật đã giải thích vấn đề này vì lợi ích của người khác, bảo rằng: "Những phẩm chất của sự nhập định của Ta là vô cùng thâm sâu." Điều này cũng giống như được nêu ra trong kinh điển có nói rằng đức Phật đã từng ở đất nước Ādumā, ngồi dưới gốc cây trong rừng, đã nhập định. Tại thời điểm này đã có một cơn mưa lớn kèm theo sấm sét va chạm.

Tình cờ có một nhóm gồm bốn con bò đực và hai người cày đều chết vì sợ hãi khi nghe thấy âm thanh, sau đó, chỉ trong một khoảnh khắc ngắn ngủi, bầu trời đã trở nên trong sáng trở lại. Khi ấy, đức Phật xuất định và bắt đầu đi lại.

Sau đó, có một cư sĩ, sau khi cúi đầu cung kính dưới chân đức Phật, đi theo phía sau đức Phật và thưa với đức Phật rằng: "Kính thưa đức Thế Tôn, vừa rồi có một tiếng sấm sét và tia chớp lóe lên đến nỗi một đội gồm bốn con bò đực và hai người cày đều chết vì kinh hoàng khi nghe thấy âm thanh đó. Đức Thế Tôn có nghe thấy nó hay không ạ?"

Đức Phật bảo rằng: "Ta thậm chí không nghe thấy nó."

Cư sĩ hỏi rằng: "Có phải đức Phật đang ngủ trong thời gian đó không ạ?"

Đức Phật đáp: "Không, Ta không ngủ."

[Cư sĩ] hỏi: "Ồ, có phải đó là trường hợp Ngài đã nhập định "vô niệm" không ạ?"

Đức Phật bảo: "Không. Ta vẫn có niệm. Chỉ là Ta đã nhập định, vậy thôi."

Cư sĩ cho rằng: "Đây là điều trước nay chưa từng có."

Lời bình kết luận của ngài Long Thọ

Sự vĩ đại của sự nhập định của một vị Phật là vô cùng thâm sâu. Ngài ấy có thể có niệm và an trú trong định, do đó khi xảy ra một âm thanh lớn như thế mà cho dù hoàn toàn tỉnh thức, Ngài vẫn không nghe thấy chút nào.

Ngài A-nan-đà chứng kiến tam muội nhật xuất (mặt trời mọc) của đức Phật

Lời tựa của ngài Long Thọ

Như đã lưu ý trong một kinh điển khác, chính đức Phật đã nói với các thầy Tỳ-kheo rằng: "Những loại tam muội/định mà đức Phật nhập và xuất đến như hai thầy Xá-lợi-tử và Mục-kiền-liên thậm chí còn chưa nghe thấy những cái tên." Vì vậy, sẽ càng ít hơn khi các thầy ấy có thể biết tất cả những loại tam muội/định nào. Ví dụ, có loại Tam muội vương, Tam muội phấn tấn sư tử, v.v. Khi đức Phật nhập những tam muội này, Ngài có thể làm cho thế giới của mười phương rung chuyển/chấn động và di chuyển theo sáu cách. Ngài phát ra một ánh sáng rực rỡ tuyệt vời mà hóa thành vô số chư Phật, lấp đầy khắp mười phương.

Câu chuyện: Ngài A-nan-đà chứng kiến tam muội mặt trời mọc của đức Phật

Như một trường hợp điển hình, ngài A-nan-đà đã từng tự nghĩ rằng: "Trong quá khứ, vào thời đức Phật Nhiên Đăng, thế giới là một thế giới tốt đẹp, tuổi thọ của con người dài, và họ rất dễ dạy và đưa đến bờ giải thoát. Bây giờ, vào thời đức Phật Thích-Ca-Mâu-Ni, thế giới là một thế giới xấu xa, tuổi thọ của con người ngắn ngủi, và họ rất khó dạy. Tuy nhiên, đức Phật sẽ cứ thế mà nhập niết bàn mặc dù công việc của đức Phật vẫn chưa hoàn tất?"

Đó là vào lúc sáng sớm khi ngài [A-nan-đà] bày tỏ mối quan tâm này với đức Phật. Mặt trời đã mọc. Vào chính thời điểm đó, đức Phật đã nhập tam muội mặt trời mọc. Cũng giống như khi mặt trời mọc, ánh sáng của nó chiếu sáng tất cả Nam-diêm-phù-đề, vì vậy, nó cũng thế với thân thể của đức Phật. Tất cả lỗ chân lông của Ngài đều phát ra ánh sáng chiếu rọi khắp mười phương nhiều vô số như số cát của sông Hằng.

Mỗi một tia sáng đều tỏa ra một đóa hoa sen ngàn cánh có bảy loại ngọc. Trên đỉnh mỗi bông hoa, có một vị Phật ngồi ở đó. Mỗi một trong những vị Phật đó đã phát ra vô số tia sáng. Từ bên trong mỗi một tia sáng đó đều phát ra một đóa hoa sen ngàn cánh có bảy loại ngọc. Trên đỉnh mỗi một bông hoa đó đều có một vị Phật đang ngồi.

Tất cả những đức Phật này đã lấp đầy khắp thế giới suốt khắp mười phương nhiều vô số như số cát của sông Hằng, và mỗi đức Phật đều thuyết pháp và chuyển hóa/hóa độ chúng sinh. Trong một số trường hợp các Ngài thuyết Pháp. Trong một số trường hợp, các Ngài im lặng. Trong một số trường hợp, các Ngài đang đi kinh hành. Trong một số trường hợp, các Ngài tham gia vào việc biểu diễn thần thông, trong đó các Ngài biến đổi cơ thể của họ nên tuôn ra hoặc nước hoặc lửa từ cơ thể họ. Theo những cách như thế này, các Ngài đã sử dụng tất cả các loại phương tiện khéo léo theo đó các Ngài đưa những chúng sinh trong suốt mười phương đến bờ giải thoát, những người đang chìm đắm trong năm cõi tái sinh.

Vì nhận được sự trợ giúp từ thần thông tuyệt vời của đức Phật, ngài Ā-nan-đà đã có thể quan sát hoàn toàn những hiện tượng này trong một thời gian. Sau đó, đức Phật rút lại việc biểu diễn hoàn thành thần thông của mình và sau đó xuất định, hỏi thầy A-nan-đà liệu Thầy ấy có nhìn thấy những hiện tượng này hay không và liệu Thầy ấy có nghe thấy những hiện tượng này hay không.

Ngài A-nan-đà đáp rằng: "Sau khi nhận được sự trợ giúp của thần thông/thần lực tuyệt vời của đức Phật, con thực sự đã thấy và con thực sự đã nghe."

Đức Phật hỏi: "Cho rằng/Giả sử đức Phật có những thần thông/năng lực như vậy, liệu Ngài ấy có thể làm công việc của đức Phật/hoàn thành Phật sự đến sự hoàn thành rốt ráo hay không?"

Ngài Ā-nan-đà đáp rằng: "Thưa đức Thế Tôn, ngay cả trong trường hợp chúng sinh lấp đầy các thế giới trên khắp mười phương nhiều như cát của sông Hằng, nếu đức Phật sử dụng những năng lực như thế này chỉ trong một ngày của cuộc đời, Ngài ấy chắc chắn vẫn có thể hoàn thành công việc của đức Phật/Phật sự."

Ngài A-nan-đà thốt lên rằng: "Đây là một vấn đề mà con chưa từng trải qua trước đây. Kính thưa đức Thế Tôn, Pháp của chư Phật là vô lượng, bất khả tư nghì/không thể tưởng tượng được và không thể diễn tả được."

Nhận xét kết luận của ngài Long Thọ

Từ điều này chúng ta có thể biết rằng đức Phật đã hoàn toàn hoàn thiện các loại tam muội.

Bài học của các chú Sa di dành cho một thí chủ

Lời tựa của ngài Long Thọ: niệm tưởng về Tăng đoàn

Hơn nữa, hành giả nên tham gia vào việc niệm tưởng về Tăng đoàn, [suy nghĩ rằng]: "Các thành viên của Tăng đoàn là những người bạn đồng hành thực sự của tôi trên con đường đến niết-bàn. Tất cả chúng ta đều có các tiêu chuẩn đạo đức giống nhau và tất cả chúng ta đều có cùng quan điểm [về những gì cấu thành đúng Pháp]. Vì vậy, tôi nên vui mừng và nhất tâm tham gia vào hành vi tôn trọng, chấp nhận và không mâu thuẫn [trong quan hệ với họ]. Những người bạn đồng hành trước kia của tôi gồm những người vợ, con trai, người hầu, công dân và những người khác làm đủ loại điều bất thiện. Những người này là bạn đồng hành trên con đường đến với ba cõi khốn khổ. Bây giờ, tôi đã có được các Thánh giả (*Āryas*) là những người bạn đồng hành mà tôi có thể tiến bộ một cách an bình và an toàn [cùng trên con đường] đến niết-bàn."

"Đức Phật có thể sánh như vua của các thầy thuốc/lương y. Pháp giống như một loại thuốc tuyệt vời. Các thành viên của Tăng đoàn giống như những người chăm sóc người bệnh. Tôi nên giữ giới một cách thanh tịnh, duy trì chánh niệm, và phù hợp với cách thức mà đức Phật đã giải thích về thuốc/dược phẩm của Pháp, tôi nên tuân thủ và làm theo điều đó.

"Tăng đoàn là một trong những nhân và duyên dẫn đến việc tôi cắt đứt căn bệnh của những hữu lậu/kết sử. Tăng là những người được gọi là "y tá" của người bệnh. Do đó, tôi nên tham gia vào việc tưởng niệm về Tăng đoàn."

Câu chuyện: Bài học của các chú Sa di dành cho một thí chủ

Lại nữa, Tăng đoàn còn sở hữu vô số sự hoàn hảo trong phạm vi của [ba sự tăng thượng/ba vô lậu học]: giới luật đạo đức, thiền định, và trí tuệ/tăng thượng Giới học, tăng thượng Định học và tăng thượng Tuệ học. Chiều sâu của phẩm chất công đức của tam vô lậu học là vô lượng/không thể đo lường được. Điều này được minh họa bằng trường hợp của một người trưởng lão giàu có và quý tộc có niềm tin và thích thú với Tăng đoàn. Vị ấy thưa với vị Tri sự/người quản lý các vấn đề của Tăng đoàn rằng: "Con

muốn đưa ra lời mời theo đúng thứ tự của Tăng đoàn, để Họ có thể đến nhà con để dùng bữa.” Ngày này qua ngày khác, vị ấy mời họ theo thứ tự thích hợp cho đến khi trình tự kéo dài đến lượt của các chú Sa di (Śrāmaṇeras) (các vị mới xuất gia). Chính tại thời điểm đó, vị Tri sự của Tăng đoàn không cho phép các chú Sa di chấp nhận lời mời.

Khi đó các chú Sa di bèn hỏi rằng: “Lý do đằng sau việc không cho phép các Sa Di đi thọ trai là gì ạ?”

Vị Tri sự đáp rằng: “Đó là bởi vì thí chủ (*Dānapati*) không thích mời những người vẫn còn quá trẻ.” Rồi vị ấy thốt ra câu kệ rằng:

Những ai có râu và tóc trắng như tuyết—
Những ai có răng đã biến mất và làn da nhăn nheo—
Những ai có dáng đi gù lưng và dáng người hốc hác—
Vị thí chủ đó thích mời những người chỉ thuộc loại này.

Những chú Sa di này tình cờ đều là tất cả các vị A-la-hán vĩ đại. Như vậy, cũng như thể nếu ai đó đã dùng tay đánh vào đầu một con hổ, họ ngay lập tức đứng dậy từ chỗ ngồi của mình rồi thốt ra kệ rằng:

Vị thí chủ này là một người không có trí tuệ.
Ông ta nhìn vào các hình thức mà không chú tâm về đức hạnh.
Ông bác bỏ những dấu hiệu cho thấy những năm tháng trẻ trung,
Và chỉ nắm bắt trên làn da nhăn nheo và sạm đen của người già.

Đối với việc tôn kính vẻ bề ngoài của những người trưởng lão đáng kính, điều đó đúng như đức Phật đã giải thích trong một kệ sau:

Đối với cái gọi là các tướng của bậc trưởng lão đáng kính,
Không nhất thiết phải thông qua tuổi già mà một người được coi là “trưởng lão”.
Hình dáng có thể hốc hác, râu và tóc trắng,

Trong khi già đi là vô ích và bên trong không có đức hạnh.

Nếu có thể từ bỏ ảnh hưởng của nghiệp chướng và phước lành—
Nếu một người tinh tấn trong việc thực hành phạm hạnh—
Do đó khi một người xoay sở để siêu việt tất cả các pháp—
Đây là điều xứng đáng để xem người ấy như là một trưởng lão đáng kính.

Các chú Sa di sau đó nghĩ một lần nữa: "Chúng ta không nên chỉ ngồi yên/không hành động và quan sát người có địa vị *thí chủ* này đắm chìm trong những tính toán liên quan đến lòng tốt tương đối của các thành viên khác nhau của Tăng đoàn. Sau đó, họ thốt ra một câu kệ khác:

Trong phạm vi khen ngợi và khiển trách,
Mặc dù tâm trí của chúng ta xem tất cả chúng như một,
Người này phá hủy Pháp của Đức Phật,
Do đó, chúng ta không nên không hướng dẫn cho người ấy.

Chúng ta nên nhanh chóng đến với gia đình người ấy,
Và sử dụng Pháp để ban cho người ấy một bài giảng.
Nếu chúng ta không đưa người ấy đến bờ giải thoát,
Thì điều này sẽ giống như việc từ bỏ chúng sinh.

Các chú Sa di này ngay lập tức biến đổi cơ thể của họ để tất cả họ đều mang dáng vẻ của người già. Râu và tóc của họ trắng như tuyết. Lông mày của họ mọc dài và rủ xuống trên mắt. Da của họ trở nên nhăn nheo đến nỗi trông có vẻ như những làn sóng. Cột sống của họ trở nên cong như cung. Hai tay họ nắm chặt gậy khi họ bước đi. Và vì vậy, theo đúng thứ tự, họ đã chấp nhận lời mời. Toàn bộ cơ thể của mỗi người trong số họ run rẩy và run rẩy đến nỗi, dù đi hay đứng, họ vẫn không đứng vững. Họ giống như cây liễu trắng, mà dưới ảnh hưởng của gió, rung chuyển và lắc lư.

Khi vị thí chủ nhìn thấy nhóm này, ông rất vui mừng và chào đón họ đi vào rồi ngồi xuống. Sau khi họ đã ngồi xuống chỉ trong chốc lát, bọn họ lập tức trở lại dáng vẻ trẻ trung. Vị thí chủ giật mình và hoảng hốt nên thốt lời rằng:

"Đối với một dáng vẻ già nua đáng kính như thế này
Để thay đổi trở lại và trở thành cơ thể của một thanh niên—
Như thể các Thầy đã uống thuốc tiên quay ngược năm tháng.
Xin nguyện cho tôi biết nguồn gốc của vấn đề này là gì?"

Các chú Sa di bèn bảo rằng: "Đừng để những nghi ngờ hay sợ hãi chiến thắng ông. Không phải sự thật rằng chúng ta không phải là con người. Ông đã khao khát tham gia vào các tính toán liên quan đến phẩm chất của Tăng đoàn. Đây là một nỗ lực mà nhất định sẽ vô cùng có hại. Bởi vì chúng tôi cảm thấy thương hại cho ông, chúng tôi thể hiện phép biến hóa này. Ông nên có một sự hiểu biết sâu sắc về điều này: Hội chúng của các bậc Thánh (*Āryas*) không phải là điều người ta có thể nghĩ bàn. Điều này như được mô tả ở đây:

Điều này giống như việc sử dụng cái mỏ của một con muỗi,
Rồi cho rằng người đó vẫn có thể đo lường được độ sâu của đại dương.
Trong số tất cả các vị thần và tất cả con người,
Không có ai có thể hiểu được những thành viên trong Tăng đoàn.

Tăng đoàn xem những phẩm chất công đức là cao quý,
Và ngay cả như vậy, họ vẫn không phân biệt.
Tuy nhiên, ông lại chọn tuổi của một người theo năm tháng
Để phán xét tất cả những ai có đức hạnh vĩ đại.

Sự vĩ đại hay nhỏ nhen là một chức năng của trí tuệ của một người.
Chúng không dựa trên việc là người già hay trẻ.

Những người có trí tha thiết phát huy sức sống/sự tinh tấn của họ
Và, mặc dù vẫn còn trẻ, nhưng lại là những bậc trưởng lão.

Những người lười biếng thì không có trí tuệ.
Mặc dù đã nhiều tuổi,nhưng, tuy nhiên họ vẫn còn non trẻ.

"Rằng bây giờ ông tham gia vào việc đánh giá các phẩm chất của Tăng đoàn là một lỗi nghiêm trọng. Như thể người ta muốn sử dụng một ngón tay để đo lường đáy biển lớn. Một nỗ lực như vậy bị người trí cười nhạo.

"Ông chưa nghe đức Phật tuyên bố rằng có bốn tình huống mà mặc dù một vật nhỏ, nhưng người ta không thể coi thường hay sao? Mặc dù một hoàng tử có thể nhỏ, nhưng người ấy sẽ trở thành vua của đất nước. Đây là người mà người ta không thể xem thường. Một con rắn con, mặc dù nhỏ, nhưng sở hữu chất độc có thể giết chết một con người và do đó, nó cũng không thể bị xem thường. Một đốm lửa nhỏ, mặc dù vẫn chỉ yếu ớt, tuy nhiên cũng có thể thiêu rụi núi và vùng hoang dã. Người ta cũng không thể xem nhẹ nó. Một vị Sa di, mặc dù còn nhỏ, có thể đã có được những thần thông của bậc Thánh nên do đó vị ấy là người mà người ta càng không thể coi thường nhất."

"Hơn nữa, có bốn loại người có thể sánh với quả xoài (*āmra*): Những người chưa trưởng thành nhưng có vẻ như trưởng thành; những người đã trưởng thành nhưng trông có vẻ như chưa trưởng thành; những người chưa trưởng thành nên do đó có vẻ như chưa trưởng thành; và những người đã trưởng thành nên do đó có vẻ như đã trưởng thành.

"Các đệ tử của đức Phật cũng giống như vậy. Có những người đã hoàn thiện những phẩm chất công đức của một bậc Thánh, tuy nhiên, liên quan đến việc oai nghi và lời nói của họ, họ dường như không phải là người tốt. Có những người, qua oai nghi và lời nói của họ, dường như là những người tốt, nhưng họ vẫn chưa hoàn thiện phẩm chất công đức của một bậc Thánh. Có những người, qua oai nghi và lời nói của họ không có vẻ là người tốt, và những người thật ra không hoàn thiện những phẩm chất công đức của một bậc Thánh. Rồi có những người sở hữu oai nghi và lời nói có vẻ giống như của người tốt và họ thực sự đã hoàn thiện những phẩm chất công đức của một bậc Thánh.

“Tại sao ông lại không để ý đến những lời này nên vì vậy đã mong muốn đưa ra những phán xét liên quan đến phẩm chất của Tăng đoàn? Nếu đó là mong muốn của ông để tiêu diệt Tăng đoàn, thì đây thực sự là sự tự hủy diệt. Ông đã phạm một lỗi nghiêm trọng. Những điều đã xảy ra không thể tiếp tục nữa. Tuy nhiên, trong tương lai, nếu ông phát khởi một tâm trí lành thiện, ông sẽ có thể thoát khỏi những nghi ngờ và hối tiếc của ông. Ông nên lắng nghe những gì chúng tôi giải thích:

Người ta không thể tư nghì Hội chúng của các bậc Thánh.
Sẽ rất khó để đánh giá trên cơ sở oai nghi.
Người ta không thể đánh giá bằng gia đình hoặc tên của một người.
Người ta cũng không thể biết được từ sự học tập vĩ đại.

Người ta cũng không thể biết thông qua chất lượng của sự tuyệt vời,
Người ta cũng không thể suy luận thông qua tuổi cao của một người.
Người ta không thể biết được từ một thái độ trang trọng.
Và lại nữa, người ta không thể biết qua những lời lẽ hùng biện của một người.

Vùng biển lớn của hội chúng bậc Thánh
Vì phẩm chất công đức của họ là vô cùng sâu thẳm.

Đức Phật đã ca ngợi Tăng đoàn này trên một trăm căn cứ.
Một món quà cúng dường cho họ, mặc dù ít, mang lại một phần thưởng rất nhiều.
Tam bảo thứ ba (Tăng đoàn) nổi tiếng ngay cả ở những miền xa xôi.
Vì vậy, vì những lý do như vậy, người ta nên cúng dường Tăng đoàn.

Người ta không nên phân biệt đối xử dựa trên tuổi tác hoặc tuổi trẻ,
Bằng nhiều kiến thức, ít học hỏi, thông minh hoặc ngu đần.
Giống như khi nhìn khu rừng, người ta không phân biệt

[cây] nào là hoa ngọc lan (*campaka*), cây nào là cây dầu cọ (*eraṇḍa*) và cây nào là cây śāla.

Nếu ông muốn nhận biết về Tăng đoàn, thì hãy đồng ý với điều này:
Người ta không nên dại dột phân biệt đối xử với bậc Thánh.

Khi ngài Đại Ca Diếp (Mahākāśyapa) rời bỏ cuộc sống gia đình,
Chiếc y áo của ngài trị giá một trăm ngàn tiền vàng.
Ngài muốn khoác lên mình những chiếc y áo khiêm nhường của một người khất thực,
Và tìm kiếm những y áo thô hơn nhưng không thể có được chúng.

Trong hội chúng bậc Thánh của Tăng đoàn, điều đó cũng như vầy:
Người ta có thể tìm kiếm chừng mực ít nhất giữa các ruộng công đức.
Tuy nhiên, vị ấy vẫn thưởng cho một thí chủ gấp trăm ngàn lần.
Người ta có thể tìm kiếm một người thấp kém, nhưng không thể tìm thấy ai.

Trong vùng nước của đại dương của Tăng chúng,
Việc xây dựng giới luật là điều tạo thành đường bờ biển của Tăng đoàn.
Nếu có một người đã vi phạm giới luật,
Cuối cùng người đó cũng không được tính là thuộc trong Tăng đoàn.

Điều này ví như với vùng nước của đại dương lớn,
Không chứa xác chết [và vì vậy ném chúng lên bờ].”

Vị thí chủ đã lắng nghe chuyện này. Khi ông đã quan sát hiệu quả/tác dụng của các phép thần thông này, ông ấy đã bị sốc đến mức những sợi lông trên cơ thể ông ấy dựng đứng. Ông chấp hai lòng bàn tay lại với nhau và thưa với các chú Sa Di rằng: “Kính thưa các bậc Thánh, bây giờ con xin sám hối. Con là kẻ bình thường với tâm trí liên tục

phạm lỗi. Tuy nhiên, con có một chút nghi ngờ mà bây giờ con muốn hỏi ạ.” Sau đó, ông ấy thốt ra kệ sau:

“Những ai có đức hạnh vĩ đại thì chắc chắn vượt trội.
Và bây giờ bản thân con đã ở đây xoay sở gặp được họ.
Nhưng nếu một lần nữa con không đặt ra một câu hỏi,
Đây sẽ là sự ngu xuẩn giữa sự ngu ngốc.”

Các chú Sa di đáp rằng: “Cứ tự nhiên và hỏi theo mong muốn của ông và chúng tôi sẽ trả lời phù hợp với câu hỏi.”

Vị thí chủ hỏi: “Liên quan đến công đức, tình huống nào tối thượng/thù thắng hơn: một niềm tin thanh tịnh vào Phật Bảo hay một niềm tin thanh tịnh vào Tăng Bảo?”

Các chú Sa di đáp rằng: “Chúng tôi chưa bao giờ nhận thấy bất kỳ tầm vóc nào tương đối lớn hơn hoặc ít hơn giữa Tăng Bảo và Phật Bảo. Tại sao lại như vậy?”

Câu chuyện trong câu chuyện khác: đức Phật từ chối nhận sự cúng dường của Phả La Đọa (Bhāradvāja)

“Một lần nọ, khi đức Phật đang đi khất thực ở thành Xá Vệ (Śrāvastī), Ngài đã nhiều lần đi khất thực đến gia đình của một người Bà-la-môn tên là Phả La Đọa (Bhāradvāja). Điều này khiến người Bà-la-môn này suy nghĩ: “Tại sao mà vị Sa môn này đến đây hết lần này đến lần khác? Cứ như thể tôi nợ ông ấy một số nợ.”

“Vào thời điểm đó, đức Phật đã thốt ra câu kệ sau:

“Những cơn mưa theo mùa thường xuyên rơi.
Năm loại hạt/Ngũ cốc chín liên tục.
Nếu ai có thể thường xuyên tu tập công đức.
Người ấy thường xuyên nhận được phần thưởng là các quả (vị).

Một người lại liên tục tái sanh.

Vì thế, người đó nhất định phải chết.

Pháp của bậc Thánh thì thường hoàn hảo.

Vậy thì ai thường xuyên trải qua tái sanh và rồi sẽ chết ư?

"Sau khi người Bà-la-môn đó đã lắng nghe câu kệ này, ông đã có suy nghĩ này: "Đức Phật là một bậc Thánh vĩ đại, người hoàn toàn biết tâm trí tôi." Khi đó, ông cảm thấy xấu hổ, cầm lấy cái bát, bước vào nhà và chất đầy những món ăn ngon rồi sau đó ông dâng cúng lên đức Phật. Đức Phật từ chối chấp nhận cái bát rồi bảo rằng: "Bởi vì Ta đã có được thức ăn này qua việc thốt ra câu kệ, Ta không thể ăn bát thức ăn này được."

"Người Bà la môn hỏi: "Vậy thì tôi nên tặng thức ăn này cho ai?"

"Đức Phật đáp: "Ta thấy rằng không có bất cứ ai, cho dù là thần hay con người, mà có thể tiêu hóa thức ăn này. Anh nên mang thức ăn này đến một nơi có cây nhỏ hoặc bỏ nó trong nước không có côn trùng"".

Sau đó, theo lời dạy của đức Phật, ông lấy phần thức ăn đó và đặt nó trong nước không có côn trùng, sau đó nước đồng thời đun sôi rồi bốc khói và lửa. Cứ như thể ông ta đã ném vào kim loại nóng dữ dội. Khi người Bà-la-môn đã quan sát thấy điều này, ông ta hoảng hốt và sợ hãi, kêu lên: "Đây là điều chưa từng có mà ngay cả thức ăn của Ngài cũng có thần thông như thế." Sau đó, ông ta trở lại nơi đức Phật đang ở, cúi đầu kính lễ dưới chân đức Phật, ăn năn, cầu xin rời bỏ cuộc sống gia đình/xuất gia, và nhận lãnh những giới pháp. Khi ấy đức Phật bèn bảo rằng: "Hãy xuất gia tốt đẹp.[112]" Râu và tóc của [Phả La Đọa] ngay lập tức rơi xuống, sau đó vị ấy trở thành một Sa môn. Vị ấy dần dần cắt đứt các kết sử và đã thành công trong đắc đạo quả A-la-hán."

Câu chuyện chính tiếp tục

"Ngoài ra, có trường hợp đức Đại Ái Đạo/Ma-ha Kiều-đàm-di (Mahāgautamī) đã thực hiện cúng dường cho đức Phật các bộ y trên và y nội bằng màu vàng quý giá. Đức Phật biết rằng các thành viên hội chúng của Tăng đoàn đã có thể chấp nhận và sử dụng

[112] Trong các kinh thường nêu là "Thiện Lai Tỳ-kheo!"

chúng. Vì vậy, Ngài bảo đức Kiều-đàm-di tặng những bộ y trên và y nội cho các thành viên hội chúng của Tăng đoàn. Từ điều này, người ta có thể biết không có vấn đề lớn hơn hay ít hơn về công đức giữa Phật Bảo và Tăng Bảo."

Khi đó, vị thí chủ hỏi rằng: "Nếu thật sự là Tăng đoàn có thể tiếp nhận và có thể chấp nhận một vật được cúng làm quà cho đức Phật, tại sao đức Phật không dạy rằng các vị tu sĩ được phép ăn thức ăn do Bà-la-môn Phả La Đọa cúng dường ạ?"

Các vị Sa di đáp rằng: "Điều này được thực hiện vì mục đích thể hiện sức mạnh to lớn của Tăng đoàn. Nếu ông ta không quan sát thấy thức ăn như vậy được đặt trong nước có tiềm năng tâm linh lớn như vậy, ông ta sẽ không có cách nào biết rằng năng lực của Tăng đoàn lại vĩ đại như vậy. Bởi vì, [trong trường hợp cúng dường của đức Đại Ái Đạo], khi đó Tăng đoàn được coi là phù hợp để chấp nhận một vật được cúng cho đức Phật, nên chúng ta biết rằng năng lực của Tăng đoàn là vĩ đại.

"Điều này tương tự như quá trình được một bậc thầy về thảo dược sử dụng thảo dược trong thử nghiệm của mình về các lọ độc dược bằng thảo dược. Nếu anh ấy cho độc dược đó cho một con gà trước, khiến con gà chết ngay lập tức, rồi khi đó chính anh ấy tự mình uống lọ thuốc, người ta sẽ biết rằng bậc thầy thảo dược này sở hữu một năng lực tuyệt vời mà thực sự vĩ đại."

Do đó, vị thí chủ nên nhận ra rằng:

Nếu một người quan tâm đến đức Phật bằng sự yêu mến và tôn trọng,
Người ấy cũng nên quan tâm đến Tăng đoàn với lòng yêu mến và tôn trọng.
Người ấy không nên (tham gia vào việc) có những phân biệt như vậy,
Vì cả hai (Phật và Tăng) đều đủ năng lực là "các Bảo"".

Vào thời điểm đó khi vị thí chủ đã lắng nghe chuyện này, ông đã rất vui mừng nên nói rằng: "Con, là A… từ ngày này trở đi, bất cứ khi nào con có thể đi giữa hàng ngũ của Tăng đoàn, cho dù họ già hay trẻ, con sẽ một lòng đối xử với các vị bằng đức tin và tôn trọng, và không dám có bất kỳ sự phân biệt đối xử nào liên quan đến các vị."

Các vị Sa di bảo rằng: “Nếu tâm của ông có sự tôn trọng trung thành trong ruộng phước vô thượng, ông sẽ sớm thành công trong việc đắc đạo. Tại sao?:

Những người học hỏi nhiều, những người tuân thủ giới luật,
Người có trí và thông thạo trong việc nhập thiền,
Tất cả họ đều gia nhập hàng ngũ của Tăng đoàn,
Khi tất cả vô số dòng suối đều trở về biển.
Cũng giống như các loại thảo mộc đa dạng và cây bụi,
Đã đến để ở trong những ngọn núi phủ đầy tuyết,
Và cũng giống như các mùa vụ hàng trăm lần, cây bụi và cây cối
Tất cả đều phụ thuộc và nghỉ ngơi trên mặt đất,

Cũng như vậy, tất cả những người được ban cho/ân sủng nhiều điều tốt lành
Tất cả đều đến để an trú trong hàng ngũ của Tăng đoàn.

“Hơn nữa, ông chưa nghe như vầy, vì lợi ích của Trường Bộ (Dīrgha), một vị tướng trong số các ma và quỷ thần, đức Phật đã ca ngợi ba người con trai của gia đình tốt/ba vị thiện nam, cụ thể là ngài A-nậu-lâu-đà (Aniruddha), Nan-đề-ca (Nandika), và Kim-tì-la (Kimbila)?

Đức Phật bảo rằng: “Nếu tất cả các vị thần và con người trên thế giới trở nên nhất tâm trong niệm tưởng của họ về ba thiện nam tử này, thì trong đêm dài [của sự tồn tại tuần hoàn/luân hồi], họ sẽ đạt được lợi ích khôn lường”.

“Bởi vì điều này, người ta phải phát khởi niềm tin và sự tôn kính gấp đôi/nhiều hơn đối với Tăng đoàn. Ba người này chính họ không tạo thành Tăng đoàn. Vì đức Phật đã nói rằng chỉ niệm tưởng về ba người này mang lại những hoa trái là phần thưởng, hiệu quả như vậy sẽ phát sinh càng nhiều hơn từ sự nhất tâm niệm tưởng thanh tịnh về toàn bộ Tăng đoàn. Do đó, thí chủ nên đầu tư toàn bộ năng lực của mình/hết sức mình trong việc niệm tưởng danh/tên của Tăng đoàn. Điều này như đã được giải thích trong kệ sau:

Cộng đồng này của tất cả các bậc Thánh
Tạo nên một đội quân anh hùng và dũng cảm
Nghiền nát quỷ vương nổi loạn.
Đây là những người bạn đồng hành cho đến niết-bàn.”

Các vị Sa di đã cung cấp cho vị thí chủ này tất cả các cách mô tả về những phẩm chất công đức của Tăng đoàn. Khi vị thí chủ đã lắng nghe xong, toàn bộ gia đình của ông, cả già lẫn trẻ, tất cả đều trải nghiệm nhận thức về Bốn Sự thật cao quý/Tứ Diệu Đế và đạt được đạo quả của một vị Dự lưu/Tu-đà-hoàn. Vì những lý do này, người ta nên một lòng tham gia vào việc niệm tưởng về Tăng đoàn.

Hai anh em quăng bỏ vàng của họ

Lời tựa của ngài Long Thọ

Lại nữa, những sở hữu vật chất có giá trị tạo nên nhân và duyên cho tất cả các loại phiền não/hữu lậu và nghiệp chướng trong khi đó trì giới, tu tập thiền định và sinh khởi trí tuệ và tất cả loại pháp thiện khác tạo nhân cơ bản cho việc giác ngộ niết-bàn. Do vậy, người ta nên liên tục tham gia vào sự từ bỏ ngẫu nhiên các sở hữu vật chất có giá trị, hà huống là không bố thí ngay cả trước một ruộng phước tuyệt vời ư?

Câu chuyện: Hai anh em quăng bỏ vàng của họ

Điều này được minh họa bởi trường hợp của hai anh em không có ai hộ tống, đang đi trên đường, mỗi người mang theo mười cân vàng (khoảng 4.5 kg vàng). Người anh bèn nghĩ rằng: "Tại sao mình không tiến hành giết em trai mình và lấy vàng của nó? Trên con đường hẻo lánh, hoang vắng này sẽ không ai biết được."

Người em trai cũng có ý nghĩ là anh ta muốn giết anh trai mình và chiếm lấy vàng của người anh.

Do đó, người anh và người em đều có những ý nghĩ độc ác đến nỗi những gì mà họ đang nói và điều họ đang hình dung là mâu thuẫn nhau. Sau đó, hai anh em đột ngột và tự nhiên bình tâm lại/suy nghĩ chín chắn, cảm thấy hối hận, nên khi đó đã nghĩ rằng: "Chúng ta thật độc ác! Chúng ta có khác gì chim và thú đâu? Chúng ta là anh em sinh ra từ cùng một người mẹ và bây giờ, chỉ vì lợi ích của một ít vàng, chúng ta bắt đầu có những ý nghĩ xấu xa như vậy."

Hai anh em đến mép một con sông sâu và rồi người anh ném vàng của mình xuống nước, sau đó người em thốt lên: "Quả nhiên là tốt! Quả nhiên là tốt!". Tiếp theo, người em trai cũng ném vàng của mình xuống nước, khi đó người anh cũng kêu lên: "Thật là tốt! Thật là tốt!"

Hai anh em khi đó quay lại nhìn nhau và đồng thời hỏi rằng: "Tại sao anh/em lại nói: "Thật là tốt! Thật là rất tốt!"?"

Mỗi người đều đáp rằng: “Vì số vàng này, anh/em đã suy ngẫm những suy nghĩ bất thiện mong muốn gây hại. Bây giờ, bởi vì anh/em đã từ bỏ được nó, nên anh/em mới nói: “Thực là tốt!”.” Mỗi người đều mô tả việc đó theo cách này.

Kết thúc thảo luận của ngài Long Thọ

Từ điều này, người ta biết rằng của cải vật chất là nhân và duyên cho những suy nghĩ xấu xa. Ai nên thường xuyên tham gia vào sự từ bỏ nó tự phát, thì người ấy càng phải nên tránh việc không bố thí/cúng dường khi sự bố thí/cúng dường như vậy sẽ khiến người đó có được phước nghiệp lớn. Điều này như được minh họa trong kệ sau:

Kệ ca ngợi bố thí/cúng dường

Bố thí/cúng dường là kho báu của những viên ngọc quý của thực hành,
Đó cũng là một người bạn tốt và thân thiết,
Điều này, từ đầu đến cuối, mang lại lợi ích và gia tăng.
Không có gì có thể phá hủy nó.

Việc bố thí/cúng dường này là một lớp phủ tuyệt vời và được đảm bảo/thực hiện tốt.
Nó có thể ngăn chặn những cơn mưa đói và khát.
Sự bố thí/cúng dường này là một con tàu chắc chắn và bền.
Nó có thể vượt qua đại dương nghèo đói.

Bản chất keo kiệt đánh dấu sự bất hạnh và thất bại.
Do keo kiệt, người ta trở nên lo lắng và sợ hãi.
Nó được làm sạch với nước chảy ra từ việc bố thí/cúng dường.
Điều này sau đó tạo ra lợi ích liên quan đến phước lành của một người.

Keo kiệt và bỏn sẻn/tằn tiện không mang lại quần áo cũng như thức ăn.
Cho đến cuối cuộc đời này, không có niềm vui và hạnh phúc.
Mặc dù người ta nói về việc sở hữu những cổ vật có giá trị như vậy,
Điều này không khác gì sự khốn khổ của nghèo đói.

Gia đình có người keo kiệt trú trong nhà
Được ví một cách khéo léo như ở trong một khu mộ chôn cất.
Đối với bất kỳ ai muốn tìm kiếm, thì người ấy chỉ tránh xa nó từ rất xa.
Cuối cùng, vì lý do như thế không có ai muốn đi đến đó.

Thế nên bất kỳ ai khốn khó và tham lam như vậy,
Thì những người có trí có khuynh hướng từ chối họ.
Mặc dù sinh lực của cuộc sống này vẫn chưa cạn kiệt,
Tuy nhiên, người đó không khác gì một người đã chết.

Một người keo kiệt không có phước lành hay trí tuệ,
Nên đối với việc thực hành bố thí cảm thấy không có cam kết vững chắc.
Khi sắp lao xuống vực thẳm của cái chết,
Người đó vừa mím chặt vừa bám víu, cảm thấy đau khổ cay đắng.

Người ấy buồn khóc rằng anh ta tiếp tục hành trình một mình.
Ngọn lửa đau khổ bùng cháy khắp toàn bộ con người anh ta.
Nhưng những ai thích bố thí thì an bình và hạnh phúc
Nên khi cuộc sống của họ kết thúc, thì họ không cảm thấy đau khổ lo lắng như vậy.

Người nào phấn đấu trong việc thực hành bố thí
Tìm thấy danh tiếng và nổi tiếng trong suốt mười phương.
Người ấy được những ai có trí yêu mến và kính trọng
Nên khi bước vào bất kỳ cuộc tụ họp nào, người ấy không mất tinh thần.
Khi kiếp sống này hết, người ấy tái sinh trên cõi trời,
Và sau đó, về lâu dài, đắc niết-bàn là điều chắc chắn.

Trong tất cả các cách như thế này, người ta phê bình sự bỏn sẻn và khen ngợi bố thí. Đây là ý nghĩa của việc tưởng niệm về việc cho đi của cải vật chất.

Đức Phật hỏi các thầy Tỳ-kheo sự quán niệm về cái chết
Lời tựa của ngài Long Thọ: Tưởng niệm về cái chết

Đối với "Việc niệm tưởng về cái chết", có hai loại cái chết: chết do nguyên nhân tự nhiên và cái chết do các yếu tố nhân quả khác. Hành giả/Người thực hành liên tục chánh niệm/nhớ tưởng về hai loại cái chết này và vì vậy hãy nhớ rằng cơ thể này, nếu không bị người khác giết, chắc chắn sẽ chết theo cách riêng của nó. Trong các pháp hữu vi như thế này, người ta không nên xem xét một ý nghĩ tin rằng một người có thể không chết ngay cả trong một khoảnh khắc ngắn ngủi như một cái búng tay.
Cơ thể này liên tục có mặt trong cái chết mà không chờ đợi tuổi già đến [đối với sự xuất hiện của tuổi già]. Người ta không nên lệ thuộc vào thân thể này, do nó bị bao vây bởi tất cả các loại phiền não tai họa và bởi quá trình suy thoái dữ dội, hy vọng bằng cách nào đó rằng ai đó có thể vẫn an toàn và không bị cái chết ảnh hưởng. Những suy nghĩ kiểu này chỉ được những kẻ ngu ngốc suy ngẫm.

Bốn đại trong cơ thể đang tham gia vào sự hủy diệt lẫn nhau. Tình huống này tương tự như tình trạng của một người mang theo một giỏ rắn độc. Làm thế nào một người có trí có thể nhìn thấy bất kỳ sự an bình hay an toàn nào trong việc này? Thật khó để đảm bảo với bất kỳ sự chắc chắn nào rằng khi thở ra, một người sẽ có thể thở vào một lần nữa, rằng khi thở vào, người đó sẽ có thể thở ra một lần nữa, và rằng sau khi ngủ, người đó sẽ có thể thức dậy một lần nữa. Tại sao lại như vậy? Đó là bởi vì cơ thể này, cả bên trong lẫn bên ngoài, bị bao vây bởi nhiều kẻ thù. Điều này như được người ta giải thích trong kệ sau:

Một kệ thơ chánh niệm về cái chết

Có lẽ một người sẽ chết khi còn trong thai mẹ.
Có lẽ một người sẽ chết vào lúc sinh ra.
Có lẽ một người sẽ chết khi đang rất khỏe mạnh/ở đỉnh cao sức mạnh của mình.
Có lẽ một người sẽ chết ngay khi tuổi già đến.

Điều này cũng có thể được ví như khi trái chín
Và qua nhiều nhân và duyên xảy đến rồi trái ấy rơi xuống.

Người ta có thể tìm kiếm một phương tiện để bỏ lại điều này.
Tên trộm đáng ghét, sự xấu xa của cái chết
Một tên trộm như vậy thật khó tin tưởng.
Chỉ khi bỏ rơi tên trộm đó thì người ta mới có được sự an toàn.

Ngay cả khi giả sử ai đó là người có trí tuệ tuyệt vời,
Với năng lực vô thượng của đức hạnh tuyệt vời,
Người trở nên tự do thoát khỏi quá khứ và tương lai,
Tuy thế, trong hiện tại, không ai có thể thoát khỏi cái chết.

Người ta cũng không thể từ chối một cách khéo léo và lịch sự.
Không có ích gì khi yêu cầu được tự do.
Cũng không có nơi nào để chống đỡ cái chết
Nên vì thế có thể tránh được cái chết bằng cách đó.

Cũng không phải là trường hợp thông qua việc tuân thủ giới luật
Hoặc bằng cách thực hành tinh tấn mà người ta có thể thoát được (cái chết).
Kẻ trộm là cái chết không có lòng thương hại.
Khi nó đến, không có nơi nào để tránh nó.

Do đó, hành giả, bị giam trong kiếp sống vô thường và mong manh, không nên tin tưởng hay hy vọng việc sống còn.

Câu chuyện: Đức Phật hỏi các thầy Tỳ-kheo sự quán niệm về cái chết

Điều này được minh họa bằng một ví dụ khi đức Phật giải thích cho các Tỳ-kheo ý nghĩa của việc suy ngẫm về cái chết. Có một vị Tỳ-kheo sắp xếp y áo của mình sang

một bên, [để lộ vai phải của vị ấy], và sau đó thưa với đức Phật rằng: "Con có thể tu tập suy ngẫm về cái chết."

Đức Phật hỏi rằng: "Vậy thì, làm thế nào để một người tu tập về cái chết?"

Vị Tỳ-kheo đáp rằng: "Con không ấp ủ hy vọng sống hơn người khác bảy năm."

Đức Phật tuyên bố: "Thầy chưa có sự chú tâm đúng (thờ ơ) trong việc thực hành suy ngẫm về cái chết."

Có một vị Tỳ-kheo khác nói là: "Con không ấp ủ hy vọng sống quá bảy tháng nữa."

Còn có một vị Tỳ-kheo khác nói về việc chỉ sống thêm bảy ngày nữa, và những người khác nói chỉ sáu, năm, bốn, ba, hai và một ngày.

Đức Phật đáp rằng: "Tất cả các thầy đều thờ ơ trong việc tu tập suy ngẫm về cái chết." Sau đó, có một người nói về khoảng thời gian từ bình minh đến giờ ăn và một người khác nói về thời gian của một bữa ăn. Đối với cả hai điều này, đức Phật trả lời rằng: "Các thầy cũng vậy, thờ ơ trong việc tu tập suy ngẫm về cái chết."

Sau đó, một vị Tỳ-kheo nữa sắp xếp y áo của mình để lộ vai bên phải rồi thưa với đức Phật rằng: "Khi con thở ra, con không ấp ủ hy vọng có thể hít vào một lần nữa. Khi hít vào, con không ấp ủ hy vọng có thể thở ra một lần nữa."

Khi đó, đức Phật bảo rằng: "Điều này tạo thành một sự tu tập chân chính của sự suy ngẫm về cái chết, không cho thấy sự thờ ơ. Này các thầy Tỳ-kheo, tất cả các pháp hữu vi đều được mới sinh ra và bị phá hủy trong từng khoảnh khắc liên tiếp. Thời gian trụ lại của các pháp hữu vi là vô cùng ngắn ngủi đến mức chúng giống như một phép thuật đánh lừa những hành giả thiếu trí tuệ."

Sự gian nan tìm kiếm thức ăn thanh tịnh của người Bà-la-môn du hành

Nếu một người chiêm nghiệm thức ăn theo cách này [như được mô tả bởi sự chiêm nghiệm đúng đắn về bản chất của thực phẩm], thì người ta sẽ phát triển sự suy tư về sự ghê tởm của thực phẩm. Vì sự ghê tởm này đối với thức ăn, người ta phát sinh sự ghê tởm với tất cả năm đối tượng của dục lạc.

Điều này được minh họa bằng trường hợp của vị Bà-la-môn, người đã tu tập pháp duy trì sự thanh tịnh. Vì một tình huống liên quan đến công việc của mình, ông đã đi đến một đất nước nổi tiếng không có sự thanh tịnh. Ông tự nghĩ rằng "Làm thế nào tôi có thể tránh được sự ô uế này? Chỉ có thông qua việc hạn chế bản thân bằng việc ăn thực phẩm khô mà tôi sẽ có thể duy trì sự thanh tịnh."

Quan sát thấy tình cờ có một bà quản gia lớn tuổi đang bán bánh có nhân trắng, khi đó ông ấy bảo bà lão rằng: "Tôi đã gặp một tình huống đòi hỏi tôi phải ở đây trong một trăm ngày. Nếu bà tiếp tục làm những chiếc bánh này và mang chúng đến cho tôi, thì tôi sẽ trả cho bà thêm một khoản tiền vượt quá giá trị của chúng." Bà lão này sau đó làm những chiếc bánh này mỗi ngày và giao chúng cho ông ấy. Người Bà-la môn trở nên tham ăn mấy chiếc bánh này và tham đắm chúng. Ông ấy sẽ ăn no phần của mình rồi an trú trong hạnh phúc.

Khi bà quản gia lớn tuổi lần đầu tiên làm những chiếc bánh này, chúng đã hoàn toàn trắng trong độ tinh khiết của chúng. Tuy nhiên, sau đó, chúng trở nên không có màu sắc và không có hương vị. Khi ấy, vị Bà-la môn hỏi bà lão rằng: "Tại sao bây giờ chúng đã trở thành như thế này?"

Bà ấy đáp rằng: "Đó là vì vết loét mở do áp xe đã lành lặn."

Người Bà-la-môn bèn hỏi rằng: "Ý bà là gì?"

Bà lão giải thích: "Người vợ mà tôi phục vụ trong một điền trang lớn đã bị áp xe ở vùng xương chậu đã được điều trị bằng bột, bơ sữa bò và cỏ ngọt. Khi áp xe nặng nhất, mủ bắt đầu chảy ra và được trộn lẫn với bánh bơ làm từ sữa bò. Việc này đã như thế mỗi ngày trong thời gian dài/từ ngày này qua ngày khác. Tôi đã sử dụng mủ này

trong việc làm những chiếc bánh mà tôi đã dâng cho ông. Chính vì mủ này mà những chiếc bánh rất ngon. Nhưng bây giờ, áp xe của người vợ đó đã lành. Làm thế nào tôi có thể kiếm được mủ nữa?"

Khi người Bà-la-môn nghe thấy điều này, ông ấy đập đầu mình bằng hai nắm đấm, đấm ngực rồi bắt đầu rên rỉ và nôn mửa, [kêu lên] rằng : "Làm sao mình có thể vi phạm pháp thanh tịnh này như thế sao?! Mình hỏng mất rồi/chết chắc rồi!"

Sau đó, ông ấy từ bỏ trách nhiệm của mình ở đó rồi trốn về nước của mình.

Lời bình kết thúc của ngài Long Thọ

Tình huống của người hành giả cũng giống như thế. Vị đó trở nên tham đắm/dính mắc với những đồ uống và thực phẩm này, rất vui mừng với chúng và tận hưởng niềm vui trong bữa tiệc về ăn uống. Người đó quan sát vẻ ngoài đẹp đẽ của thức ăn đồ uống, kết cấu tinh tế, hương thơm tuyệt vời và ngon miệng. Người ấy không quán chiếu/chiêm nghiệm sự ô uế của chúng. Sau này khi vị ấy trải qua một quả báo cay đắng, khi đó sẽ hối hận thì có ích gì nữa?

Nếu một người có thể chiêm nghiệm rằng từ đầu đến cuối, thức ăn giống như thế này, người đó sẽ phát sinh những suy nghĩ ác cảm và ghê tởm. Nhờ bỏ lại phía sau sự ham muốn thức ăn, sẽ từ bỏ được tất cả bốn đối tượng khác của dục lạc. Khi đó, người ấy sẽ từ bồ-tát cả những thú vui trong cõi dục, sẽ cắt đứt năm loại dục lạc này và cũng sẽ cắt đứt năm loại kết sử thấp kém [bao gồm ham muốn/dục, thù hận, quan niệm rằng cơ thể là bản ngã, nắm giữ những giới cấm không có đạo đức và nghi ngờ dựa trên ảo tưởng]. Vì tất cả các loại yếu tố nhân quả như thế này, người ta ghê tởm các vi phạm về nghiệp nên không còn ưa thích, tham đắm chúng. Đây là ý nghĩa của sự suy gẫm về sự phản cảm của thức ăn.

Sự tinh tấn không dừng nghỉ của đức Phật

Đối với "lòng nhiệt thành của [đức Phật] không hề suy giảm", đó là bởi vì đức Phật biết những khía cạnh thuận lợi của những pháp tốt/thiện pháp nên vì vậy luôn nhiệt tình tích lũy những giáo pháp tốt đẹp mà lòng nhiệt thành của Ngài vẫn không hề suy giảm. Chính là bởi vì tâm trí của Ngài không có bất kỳ cảm giác mệt mỏi hay thỏa mãn nào trong việc tu tập các pháp tốt đẹp nên lòng nhiệt thành của Ngài vẫn không bị suy giảm.

Ví dụ, đã từng có một vị Tỳ-kheo cao tuổi đáng kính, với đôi mắt mờ đi [theo tuổi tác], đang tự may vá chiếc y áo tăng-già-lê (*saṅghāṭī*) của mình thì sợi chỉ tuột khỏi kim. Vị ấy gọi những người khác, nói rằng: "Ai thích công đức có thể quan tâm đến việc giúp tôi xỏ chỉ vào kim này."

Ngay lúc đó, đức Phật hiện ra trước mặt vị ấy và yêu cầu lại rằng: "Ta là một người mà niềm vui với công đức là không thấy thỏa mãn. Hãy mang kim qua đây."

Thị lực/nhãn quan của vị Tỳ-kheo đã bị ấn tượng bởi sự sáng chói trang nghiêm của ánh sáng của đức Phật đồng thời vị ấy nhận ra giọng nói của đức Phật. Vị ấy ngỏ lời/thưa với đức Phật rằng: "Đức Phật đã hoàn toàn sử dụng hết ranh giới và chiều sâu của biển công đức vô lượng. Làm sao có thể là Ngài vẫn còn chưa thỏa mãn trong việc làm phước?"

Đức Phật bảo vị Tỳ-kheo rằng: "Phần thưởng kết quả từ công đức là vô cùng sâu sắc. Không ai biết rõ như Ta về ân huệ công đức ban tặng. Mặc dù Ta thực sự đã sử dụng hết/làm cạn khô ranh giới và chiều sâu của biển công đức vô lượng, đó là bởi vì ban đầu Ta đã sử dụng tâm trí nhiệt tình một cách không nhàm chán nên bây giờ Ta đã thành công trong việc trở thành một vị Phật. Chính vì điều này mà ngay cả bây giờ, Ta vẫn không từ bỏ. Mặc dù Ta không thể có thêm công đức nào nữa, nhưng tâm trí nhiệt tình của Ta vẫn không ngừng."

Các vị trời và người thế gian khi đó đã giật mình và sửng sốt nhận ra rằng: "Nếu ngay cả đức Phật vẫn không nhàm chán trong việc thực hiện những hành vi công đức, thì với những người khác việc thực hiện những hành vi công đức càng phải nhiều hơn!"

Khi đức Phật giảng Pháp cho vị Tỳ-kheo này, đôi mắt xác thịt/nhục nhãn của vị ấy ngay lập tức trở nên sáng tỏ/rõ ràng và trí tuệ của vị ấy cũng trở nên hoàn hảo.

Kết thúc thảo luận của ngài Long Thọ

Hỏi: Những vị như đức Phật đã chấm dứt tất cả nhiệt tâm trong lĩnh vực các pháp tốt lành/thiện pháp. Vậy thì tại sao người ta bây giờ tuyên bố rằng sự nhiệt tâm của Ngài không suy giảm?

Đáp: Khi người ta nói về việc đã chấm dứt tất cả lòng nhiệt thành trong lĩnh vực của những giáo pháp tốt, điều này đề cập một cách đúng đắn đến lòng nhiệt thành cố gắng đạt được điều gì đó chưa đạt được và, một khi đã có được nó, nhiệt tình cố gắng tích lũy nó nhiều hơn nữa.

Đức Phật hoàn toàn thoát khỏi tất cả các hình thức nhiệt thành như vậy. Đức Phật đã hoàn thiện mọi hình thức công đức. Không có gì mà Ngài chưa có được và không có phương tiện nào mà Ngài có thể tích lũy thêm nữa. Bây giờ khi chúng ta nói về "lòng nhiệt thành", điều này phù hợp với tuyên bố trước đó, trong đó người ta nói rằng, mặc dù đức Phật đã hoàn thiện việc đạt được mọi hình thức phẩm chất công đức, tâm nhiệt thành của Ngài [đối với sự cao quý của] nỗ lực vẫn không ngừng.

Điều này tương tự như trường hợp con ngựa báu của vị Chuyển luân Thánh vương, ngay cả khi đã đến đích, vẫn ấp ủ khát vọng tiếp tục tiến lên và làm như vậy không ngừng, ngay cả khi nó chết. Đối với Phật Bảo cũng như vậy.

Điều này cũng có thể so sánh với trận hỏa hoạn lớn xảy ra vào cuối đại kiếp. Nó đốt cháy hoàn toàn toàn bộ tam thiên đại thiên thế giới (*trichiliocosm*) rồi sau đó, do sức mạnh mãnh liệt của những ngọn lửa của trận đại hỏa hoạn, nó vẫn không ngừng. Ngọn lửa trí tuệ của đức Phật cũng giống như thế. Ngọn lửa trí tuệ đó đốt cháy tất cả những phiền não. Sau đó, ngay cả sau khi ngọn lửa này đã soi sáng tất cả các pháp, lòng nhiệt thành tương ưng với trí tuệ đó vẫn không ngừng.

Ngoài ra, mặc dù tất cả các pháp thiện và công đức của đức Phật đã trở nên hoàn toàn hoàn hảo /viên mãn, bởi vì tất cả chúng sinh vẫn chưa được giải thoát, lòng nhiệt

thành của Ngài để đưa tất cả chúng sinh đến bờ giải thoát vẫn tiếp tục, không ngừng nghỉ.

Đức Phật tán thán sự tinh tấn

Hơn nữa, "sự tinh tấn" này là một khái niệm mà tất cả chư Phật đều yêu thích. Ví dụ, trong trường hợp của đức Phật Thích-Ca-Mâu-Ni, Ngài đã có thể vượt qua chín kiếp [tu tập Đạo] nhờ vào năng lực của sức tinh tấn của Ngài. Điều này cho phép Ngài thành tựu sự đạt được nhanh chóng Vô thượng Chánh đẳng chánh giác/Vô thượng bồ đề (*anuttara samyak saṃbodhi*).

Hơn nữa, như người ta kể lại, có một lần đức Phật dạy ngài A-nan-đà rằng: "Thầy nên thuyết Pháp cho các thầy Tỳ-kheo. Vì lưng Ta bị đau, Ta sẽ nghỉ ngơi một chút."

Sau đó, Đức Thế Tôn/Bạc-già-phạm (Bhagavān) gấp y trên/y vai trái/y bảy điều (*uttara saṅga*) của mình thành bốn lớp, đặt tấm y trên mặt đất, sắp xếp y tăng-già-lê (*saṅghātī*) làm gối, rồi nằm xuống.

Ngài A-nan-đà tiến hành thuyết giảng về ý nghĩa của bảy chi phần bồ đề/Thất bồ đề phần. Khi Ngài giảng đến chi phần "tinh tấn" thì đức Phật, như thể giật mình, bật dậy ngồi lên và gọi đến ngài A-nan-đà, hỏi rằng: "Thầy đang ca ngợi khái niệm tinh tấn phải không?"

Thầy A-nan-đà đáp rằng: "Con đang tán thán sức tinh tấn."
[câu hỏi và trả lời] giống nhau này sau đó đã xảy ra tổng cộng ba lần. Sau đó, đức Phật tuyên bố rằng: "Thật sự tốt! Tốt thực sự!/Lành thay! Lành thay! Sự tu tập khéo léo của sức tinh tấn khiến một người đến mọi nẻo đường ngay cả đến Vô thượng chánh đẳng bồ đề (*anuttarasamyak saṃbodhi*), thì sức tinh tấn càng dẫn đến việc đạt được các pháp khác nhiều hơn."

Lời bình kết luận của ngài Long Thọ

Vì thế, dựa trên ý tưởng này mà sức tinh tấn của đức Phật được cho là không bị suy giảm. Do đó, ngay cả khi bị ảnh hưởng bởi những căn bệnh về thể chất, sức tinh tấn vẫn không ngừng. Khi Ngài không bệnh tật thì càng tinh tấn nhiều hơn.

Ngoài ra, đức Phật đã gạt sang một bên niềm hạnh phúc của sự nhập thiền cực kỳ sâu của mình nên sử dụng tất cả các loại hình thức vật lý, tất cả các loại ngôn ngữ và

năng lực của tất cả các loại phương tiện thiện xảo cố gắng đưa chúng sinh đến bờ giải thoát. Đôi khi Ngài đi trên những con đường nguy hiểm đáng sợ. Đôi khi Ngài ăn những bữa ăn khủng khiếp. Đôi khi Ngài chịu đựng lạnh hoặc nóng. Thi thoảng Ngài gặp phải đủ loại câu hỏi thử thách khó khăn, lời nói lăng mạ, mắng mỏ và chê bai.

Ngài chịu đựng tất cả mà không chịu khuất phục trước sự ghê tởm. Mặc dù đức Phật, Đấng Thế Tôn, đã có chủ quyền độc lập trong tất cả các pháp rồi, tuy nhiên, Ngài vẫn tiếp tục với những nỗ lực này và không bao giờ dễ duôi với các pháp/sa ngã vào sự không chú tâm trong các pháp.

Đức Phật giải thoát cho tôn giả Thiện Hiện

Như ví dụ khác [về sự cống hiến không ngừng của đức Phật để tiếp tục thực hành sức tinh tấn], khi đức Phật cuối cùng đã hoàn thành công việc đưa chúng sinh đến bờ giải thoát và nằm đó giữa hai cây trong Rừng cây Śāla, thì có một Bà-la-môn tên là Thiện Hiện (Subhadra) đã đến và tuyên bố với ngài A-nan-đà rằng: "Tôi nghe nói rằng Đấng Toàn Tri/Chánh Biến Tri đang chuẩn bị nhập diệt ngay trong đêm nay. Tôi muốn có buổi tiếp kiến với đức Phật."

Ngài A-nan-đà ngăn tôn giả Thiện Hiện lại, bảo rằng: "Đức Phật đã rơi vào trạng thái kiệt sức tột độ vì đã thuyết Pháp rộng khắp cho các tu sĩ (thành viên của Tăng đoàn)."

Đức Phật đã nghe thấy cuộc trao đổi này từ xa và gọi bảo ngài A-nan-đà rằng: "Thầy phải cho phép Thiện Hiện vào. Ông ấy chính là người đệ tử cuối cùng của Ta."

Sau khi Thiện Hiện bước vào, ông thưa hỏi đức Phật về những nghi ngờ của mình. Sau đó, khi đức Phật giảng Pháp thích nghi với tâm trí của ông ấy, thì Thiện Hiện đã có thể chấm dứt những nghi ngờ của mình, giác ngộ Đạo, và nhập niết-bàn vô dư ngay cả trước khi đức Phật nhập diệt.

Các Tỳ-kheo thưa đức Phật rằng: "Thưa đức Thế Tôn, điều này cực kỳ hiếm có/hy hữu! Ngay cả trong những giây phút cuối cùng này, đức Phật đã xót thương một vị phạm chí không theo đạo Phật và đã thảo luận với ông ấy."

Đức Phật tuyên bố rằng: "Không chỉ trong kiếp này mà đã có sự giải thoát ngay cả trong những giây phút cuối cùng. Trong kiếp trước, trước khi Ta giác ngộ, Ta cũng đã mang lại sự giải thoát cho Thiện Hiện trong những giây phút cuối cùng. Đó là cách đây rất lâu trong quá khứ, vô số a-tăng-kỳ-kiếp trước đây. Có một khu rừng khổng lồ, những cây trong rừng đó là nhà cho vô số các loài chim và thú. Một đám cháy rừng bốc lên, thiêu rụi khắp nơi ở ba phía. Chỉ còn lại một ranh giới được hình thành bởi một dòng suối là không bị ảnh hưởng. Vô số sinh vật đều bị đuổi đến đó, cố gắng trốn thoát để sống còn, nên sau đó không tìm thấy chỗ đất nào nữa.

"Vào thời điểm đó, Ta là con nai có thể chất rất lớn và cực kỳ khỏe mạnh, vươn ngang qua, đặt hai chân trước lên một bên bờ trong khi cúi chân sau thấp ở bờ bên kia.

Do đó, điều này cho phép đám sinh vật vượt suối bằng cách leo lên trên lưng con nai này.

“Mặc dù da và thịt của Ta đã hoàn toàn bị hủy hoại bởi cõng các sinh vật này, Ta đã chịu đựng nó nhờ sức mạnh của lòng bi cho đến tận lúc chết. Vào giây phút cuối cùng, một con thỏ xuất hiện. Sức lực của Ta đã hoàn toàn cạn kiệt. Tuy nhiên, Ta vẫn tiếp tục với sức mạnh của sự kiên trì và chịu đựng đủ lâu để cho phép con thỏ đó vượt qua suối. Sau khi con thỏ vượt qua suối, lưng Ta bị gãy và Ta rơi xuống nước và chết.

“Và vì vậy những chuyện xảy ra kiểu này đã diễn ra trong một thời gian dài. Đây không phải là trường hợp mà điều này chỉ bây giờ mới xảy ra. Những ai vượt qua suối đầu tiên là những đệ tử trong kiếp hiện tại của Ta. Con thỏ cuối cùng đó chính là người đàn ông này-Thiện Hiện.”

Từ kiếp này đến kiếp khác, đức Phật đã vui mừng trong việc thực hành sức tinh tấn. Ngay cả bây giờ, điều đó vẫn không chấm dứt. Chính vì điều này mà sức tinh tấn của Ngài được cho là không suy giảm.

Sự bất động/bất thoái của đức Phật

Ngoài ra, còn có trường hợp của Ni-kiền-tử (Satyaka Nirgranthīputra), người buộc cái bụng với một tấm bằng đồng [vì sợ nó vỡ ra từ tất cả kiến thức tích lũy của ông ta], khoe khoang rằng: "Không có ai ở bất cứ đâu, khi phải chịu những thách thức của tôi mà không chảy mồ hôi hột và sau đó họ chịu thua/bị đánh bại [trong cuộc tranh luận]. Tất cả mọi thứ trên từ con voi lớn xuống đến cây cối, gạch và đá đều đổ mồ hôi khi nghe lỏm được những thách thức của tôi."

Sau khi thốt ra những lời khoe khoang này, ông ta đến nơi ở của đức Phật để mong đức Phật tham gia vào cuộc tranh luận. Khi đó, đức Phật thẩm vấn ông ấy và, trong mọi trường hợp, ông ta không thể trả lời. Mồ hôi của chính của ông ấy thấm ướt mặt đất, toàn thân ông ta ướt sũng (như thể ngâm trong nước).

Sau đó, đức Phật tuyên bố với Ni-kiền-tử rằng: "Trước đó, ngươi đã khoe khoang rằng không có ai, khi nghe những thách thức của ngươi, sẽ không bị mồ hôi tuôn như suối chảy. Nhưng giờ đây chính ngươi là người mà mồ hôi chảy đầm đìa đến nỗi nó ướt sũng mặt đất. Bây giờ, khi ngươi đánh giá trực quan vẻ ngoài của đức Phật, ngươi thấy có bất kỳ mồ hôi nào hay không?" Sau đó, đức Phật cởi bỏ y áo [trên]/ y thất/y vai trái (*uttarāsaṅgha*) của Ngài và chỉ dạy thêm cho Ni-kiền-tử bằng cách hỏi: "Vậy mồ hôi ở đâu?"

Lời bình kết thúc của ngài Long Thọ

Lại nữa, có thể có những người khác sẽ nói rằng: "Vì có những trường hợp đầu của một người đổ mồ hôi nhưng cơ thể không đổ mồ hôi, chắc chắn là bây giờ, mặc dù đầu của đức Phật không đổ mồ hôi, nhưng cơ thể Ngài có thể đổ mồ hôi." Chính là vì lý do này mà đức Phật sau đó đã tiến hành cởi bỏ y thất/y vai trái (*uttarā saṅgha*) của Ngài, để lộ thân mình. Vì lý do này, những tín đồ của các truyền thống phi Phật giáo đã đạt được niềm tin lớn và do đó tất cả đều có khả năng bước vào Pháp của đức Phật/thâm

nhập Pháp Phật. Đây là một ví dụ về các hành động vật lý của đức Phật phù hợp với các yếu tố nhân quả dựa trên trí tuệ.

Cây Xá-ma-lợi[113] (Śālmalī) hy sinh một nhánh cây lớn

Lời tựa của ngài Long Thọ

Hỏi: Khi một người kiến đạo/bước vào vị trí Pháp [đúng đắn và chắc chắn] nhập chánh tánh ly sanh (*samyaktva niyāma*)[114], người đó vượt ngoài tuổi già, bệnh tật và cái chết, cắt đứt tất cả các kết sử, phá tan ba cõi khốn khổ, vân vân, tất cả như đã giải thích trước đó. Tại sao sau đó một người chỉ đề cập ở đây sự vượt qua các địa của Đệ Tử Thanh Văn (*Śrāvaka Disciples*) và Phật Độc giác (*Pratyekabuddhas*)? Người đó cũng an trú trong tất cả các loại công đức khác nhau. Vậy thì tại sao người ấy chỉ đề cập đến sự an trú ở địa Bất thoái chuyển/Bất động địa [không thể đảo ngược] của A-bệ-bạt-trí/tất định/A-tỳ-bạt trí/A-đề-bạt-trí (*avaivartika*)?

Đáp: Việc từ bỏ những nỗ lực bất thiện và đạt được những phẩm chất công đức sẽ được thảo luận theo trình tự thích hợp cùng với những phẩm chất công đức mà một người an trụ. Người đó nên tuân theo trình tự thích hợp trong cách trình bày/thảo luận

---

[113] ND: Śālmalī là loại cây bông lụa (silk-cotton tree).

[114] ND: *Chương I của tác phẩm Nghiên cứu về Triết lý Tánh Không* (Nguyên tác: Pháp sư Ấn Thuận; Chuyển ngữ: Tỳ-kheo Thích Nhuận Thịnh). Liên quan đến hạng người vô tướng trụ thứ sáu mà kinh nói, luận Đại tỳ-bà-sa nói đến: "Có người không hiểu rõ ý nghĩa đó được kinh ấy nói, liền chấp do duyên Diệt đế mà nhập vào chánh tánh ly sanh, vì kiến đạo gọi là vô tướng trụ, và vì chỉ có ở trong Diệt đế mới không thấy có các tướng."29 Đây là kiến giải của Pháp tạng bộ (*Dhammaguttika*), như luận *A-tỳ-đạt-ma Đại tỳ-bà-sa* nói: "Có quan điểm rằng: Chỉ có vô tướng tam-ma-địa mới có thể nhập vào chánh tánh ly sanh, như Đạt-ma-cấp-đa bộ đã nói. Họ cho là vô tướng tam-ma-địa ở trong Niết-bàn, khởi tác ý tịch tĩnh, rồi nhập vào chánh tánh ly sanh."* Nhập vào chánh tánh ly sanh (*samyaktva-niyāma*) chính là kiến đạo. Căn cứ theo văn rõ ràng ở trong kinh, người hành theo tín, v.v. sở dĩ được gọi là hạnh vô tướng trụ, đó là vì 'không tư duy thêm nữa đối với hết thảy tướng, thì có đầy đủ và an trụ nơi Vô tướng tâm tam-ma-địa', chứ không phải là như điều mà luận *Đại tỳ-bà-sa* đã nói. Thấy được Tứ đế là đắc đạo hay thấy được Diệt đế là đắc đạo, là hai hệ thống (hai luồng tư tưởng) lớn của bộ phái Phật giáo. Căn cứ theo hạng thứ sáu được gọi là vô tướng trụ mà nói, trong quá trình tu tập Thánh đạo, biết Khổ, đoạn Tập mà chứng Diệt đế, gọi là Thánh giả, có lẽ thuyết thấy Diệt đế thì đắc đạo càng phù hợp hơn với nghĩa của kinh vậy!

Theo chương III-"*Kinh bát-nhã* -Nhất thiết pháp không thậm thâm" từ tác phẩm trên:

Ngoài ra, *Luận sự* nói đến: Phái An-đạt-la (*Andhaka*) cho rằng, Bồ-tát Thích-ca, vào thời Phật Ca-diếp, đã nhập vào quyết định(c).9 Đông sơn trụ bộ, v.v., cũng nói: Bồ-tát trước khi thành Phật, đã trải qua sự đắc được hiện pháp quán (*dhammābhisamaya*), nhập vào chánh tánh quyết định (sammatta-niyāma).10 Chánh tánh quyết định chính là chánh tánh ly sanh (*samyaktva-niyāma*). Nhập vào chánh tánh ly sanh là thể ngộ chánh pháp mà trở thành bậc thánh. Như vậy, Bồ-tát có hai giai vị: một là, phàm phu; hai là, Thánh giả - bậc đắc được chánh tánh quyết định. Sự chia làm 2 cấp bậc của Bồ-tát, cùng với Bồ-tát mà Đại thừa nói đến, là nhất trí. (nguồn: https://thuvienhoasen.org/a16665/chuong-iii-kinh-bat-nha -nhat-thiet-phap-khong-tham-tham)

Theo *A-tỳ-đạt-ma Câu-xá-luận*: "Loại nhẫn này chính là sự nhập vào "sự quyết định" (*niyāma*), bởi vì đó là sự bước vào sự nhất định đắc được (*niyama*) cái thiện tuyệt đối hay chánh tánh (*samyaktva*). Vậy thì chánh tánh là gì? Kinh nói rằng chánh tánh chính là Niết-bàn. Sự quyết định tuyệt đối (*niyama*) đối với chánh tánh là cái mà người ta gọi là *niyāma* và còn gọi là *niyama*." (nguồn https://www.rongmotamhon.net/xem-kinh_a-ti-dat-ma-cau-xa_gtdlmsqp_viet1.html)

về Pháp. Người ấy không thể chỉ mô tả/nêu ra tất cả chúng cùng một lúc và theo một cách đột ngột.

Hơn nữa, trong số những điều mà Bồ-tát có thể sợ hãi khi vị ấy lần đầu tiên phát khởi quyết tâm [trở thành một vị Phật], không có gì vượt qua các địa của Đệ tử Thanh Văn và Phật Độc giác. Ngay cả viễn cảnh chắc chắn rơi xuống địa ngục cũng sẽ không truyền cảm hứng cho nỗi kinh hoàng như thế này. Đây là do bởi vì điều đó vẫn không liên quan đến sự hủy diệt vĩnh viễn của Con đường của Đại thừa (Cổ xe vĩ đại). Do đó, các quả vị A-la-hán và Phật Độc giác được cho là giống như/ngang đồng với sự hủy diệt vĩnh cửu của Đại thừa.

Câu chuyện: Cây Xá-ma-lợi hy sinh một nhánh cây lớn

Tương tự như thế, đã từng có một cây xá-ma-lợi (śālmalī) mọc ra trên một cánh đồng trống với các nhánh cây và cành cây vô cùng lớn, trải rộng. Nhiều loài chim tụ lại với nhau trên cây để đậu lại qua đêm. Sau đó có một con chim bồ câu duy nhất xuất hiện và nghỉ ngơi trên một cành cây con duy nhất. Đột nhiên cành cây đó kéo dài đến tận gốc của nhánh cây lớn bị tách ra và rơi xuống. [Đã quan sát điều này], vị thần của đầm lầy hỏi thần cây rằng: "Bạn đã có thể chịu đựng được ngay cả những con chim lớn như đại bàng và kên kên. Vậy thì tại sao, khi liên quan đến con chim nhỏ này, bạn không thể chịu đựng được?"

Thần cây đáp rằng: "Con chim này đã đến từ chỗ đậu trên cái cây là đối thủ lâu năm của tôi là cây sung (*nyagrodha*). Sau khi đã ăn trái cây từ cây sung đó, nó đã đến để nghỉ ngơi trên cây này. Nhất định nó phải bài tiết phân của nó (lên thân tôi). Từ những hạt giống đó rơi xuống đất, cái cây đáng ghét đó sẽ mọc lên một lần nữa [ngay tại đây]. Do đó, tác hại phải chịu đựng chắc chắn sẽ rất lớn. Chính vì lý do này mà ngay cả với sự hiện diện của chỉ một con chim bồ câu này, tôi đã bị sự đau khổ và sợ hãi to lớn ám ảnh. Tôi thà hy sinh cả một nhánh lớn của cây để nhờ vậy những gì được bảo tồn sẽ vĩ đại hơn".

Lời bình kết luận của ngài Long Thọ

Vị Bồ-tát, đại Bồ-tát/hữu tình vĩ đại cũng giống như thế này. Vị bồ-tát không có nỗi sợ hãi lớn lao như vậy đối với tất cả những đạo không chính thống/ngoại đạo và đám ma quỷ, hay đối với những kết sử và nghiệp ác như vị bồ-tát có đối với quả vị A-la-hán và Phật Độc giác. Tại sao lại như vậy? Hàm ý đối với một vị Bồ-tát gần gũi với các đệ tử Thanh Văn hay Phật Độc giác cũng giống như những thứ mà chim bồ câu đó mang đến cho cây xá-ma-lợi. Chúng đe dọa hủy hoại tâm trí Đại thừa và vĩnh viễn phá hủy sự nghiệp của quả vị Phật. Chính vì lý do này mà kinh văn này ở đây chỉ đề cập đến [vấn đề] vượt qua các địa của các đệ tử Thanh Văn và các vị Phật Độc giác.

Đối với việc an trụ tại địa [bất thoái chuyển/bất động] của A-bệ-bạt-trí, từ chính thời điểm đó khi vị ấy phát khởi quyết tâm [trở thành một đức Phật] cho đến hiện tại, vị ấy luôn vui mừng với viễn cảnh an trụ tại Bất động địa/địa của A-bệ-bạt-trí. Sau khi đã nghe nói rằng có rất nhiều Bồ-tát thối thất/thối lui, khi vị ấy phát khởi quyết tâm, vị ấy hình thành một nguyện vọng/phát nguyện trong đó vị ấy tự hỏi: “Khi nào cuối cùng tôi có thể vượt qua các địa của các đệ tử Thanh văn và Phật Độc giác và sau đó an trụ ở Bất động địa của A-bệ-bạt-trí? Chính vì lý do này mà Luận này ở đây đề cập đến địa của A-bệ-bạt-trí.

Đức Phật tạo cảm hứng cho sự xuất ly của các Thầy ở vùng Pa-pi-ya-ka (Pāpīyaka)

Thông qua khái niệm vô hạn, chúng sinh có thể phát khởi tâm xuất ly liên quan đến bản chất lâu dài của sinh và tử.

Để minh họa, chúng ta có trường hợp của bốn mươi vị Tỳ-kheo từ vùng Pa-pi-ya-ka, những người thực hành/giữ mười hai pháp tu thanh tịnh, đã đến nơi đức Phật cư ngụ. Đức Phật đã giải thích cho họ về việc thực hành tâm xuất ly. Đức Phật hỏi họ rằng: "Năm con sông, sông Hằng, sông Ya-mu-na (Yamunā), sông Sa-ra-yu (Sarayū), sông A-chi-ra-va-tì (Aciravatī) và sông Ma-hi (Mahī) mang theo được bao nhiêu nước, khi chúng chảy từ đầu nguồn của chúng đến đại dương?"

Các thầy Tỳ-kheo đáp rằng: "Một số lượng nước cực kỳ lớn."

Đức Phật tuyên bố rằng: "Thậm chí còn lớn hơn tất cả lượng nước này là lượng máu bị mất của chỉ một người duy nhất trong quá trình một kiếp số, trong đó, khi còn là một con vật, người đó bị làm thịt, cắt, lột da và đâm, và trong thời gian [là một con người], vì những hành vi phạm tội ác không thường xuyên, người đó bị cắt tay và chân hoặc phải chịu bị chặt đầu. Theo cách này, lượng máu bị mất từ các cơ thể trong suốt một số lượng vô hạn các đại kiếp lớn đến mức không thể diễn tả được. Điều đó cũng xảy ra với những giọt nước mắt rơi khi khóc và sữa uống từ những người mẹ của một người. Khi tính toán số lượng xương chất đống từ một người trong một kiếp số, chúng sẽ còn lớn hơn cả ngọn núi Phương Quảng (Vaipulya) khổng lồ đó. (Các ghi chú ở trạng thái màu đỏ: "Người ta nêu ra điều này bởi vì người dân ở Ấn Độ liên tục nhìn thấy ngọn núi này và do đó dễ dàng cảm động và có niềm tin [qua phần mô tả này]." Theo cách này, người ta trải qua đau khổ liên quan đến sinh và tử/sự ra đời và cái chết trong suốt vô lượng kiếp số."

Sau khi các thầy Tỳ-kheo nghe điều này, xuất ly và ghê tởm thế gian, ngay lập tức họ đạt được chứng ngộ về Đạo/đắc Đạo.

Sự gần chết đói của thầy Tỳ-kheo Lô-sa-ka (Losakatiṣya).

[Khi người ta nói] rằng Bồ-tát hoàn thành ước nguyện của tất cả chúng sinh, điều này đề cập đến những người mà, [theo bản chất của hoàn cảnh nghiệp của họ], sẽ có thể đạt được [sự hoàn thành như vậy]. Như vậy, tâm Bồ-tát không có ranh giới/ngằn mé. Cũng không thể đo lường quả báo kết quả liên quan đến phước nghiệp của họ. Đó là chỉ vì những chướng ngại lớn [được tạo ra từ] vô số a-tăng-kỳ-kiếp của chúng sinh về những hành vi phạm tội mà họ không thể đạt được [sự hoàn thành những mong muốn đó**].**

Chẳng hạn đệ tử của ngài Xá-lợi-tử (Śāriputra), Tỳ-kheo tên là Lô-sa-ka. Thầy này giữ giới luật và tinh tấn. Khi đi ra ngoài tìm kiếm thức ăn khất thực, vị này đã đi sáu ngày nhưng không thể có được [bất kỳ sự cúng dường nào]. Khi đến ngày thứ bảy, cuộc sống của vị này đã đến lúc cận kề cái chết. Có một người bạn tu đã nhận được thức ăn bố thí và mang nó đến cho vị này. Tuy nhiên, một con chim đột nhiên lấy phần thức ăn đó đi.

Sau đó, ngài Xá-lợi-tử nói với Ngài Mục-kiền-liên (Maudgalyāyana) rằng: “Hãy sử dụng thần thông của anh để bảo vệ thức ăn này và khiến thầy Lô-sa-ka có được thức ăn này.” Khi ấy ngài Mục-kiền-liên lấy thức ăn đó ngay lập tức và đưa cho thầy Lô-sa-ka. Khi thức ăn sắp đến miệng [của thầy Lô-sa-ka], nó biến thành bùn. Ngoài ra, ngài Xá-lợi-tử có được thức ăn bố thí nên nhận và đưa thức ăn đó cho [thầy Lô-sa-ka], ngay sau đó miệng thầy Lô-sa-ka tự nhiên dán chặt lại.

Cuối cùng, chính đức Phật đã đến và mang thức ăn và đưa nó thầy Lô-sa-ka. Nhờ nhân duyên vô lượng công đức của đức Phật, Ngài đã có thể khiến thầy ấy được ăn một số thức ăn. Sau khi vị Tỳ-kheo này ăn xong, tâm vị ấy trở nên vui mừng và vị ấy trở nên sở hữu cả hai niềm tin và sự tôn kính.

Đức Phật bảo vị Tỳ-kheo đó rằng: “Tất cả các pháp hữu vi/có điều kiện đều có đặc trưng của sự đau khổ.” Sau đó, Ngài giải thích bốn chân đế vì lợi ích cho vị tỳ-kheo ấy. Khi đó, vị này ngay lập tức đạt được sự chấm dứt các lậu hoặc/sự kết thúc của dòng chảy bất tịnh và tâm giải thoát, nhờ đó vị ấy đã đạt được đạo quả A-la-hán. Có những

chúng sinh chỉ có công đức ít ỏi mà hành vi phạm tội của họ lại quá nhiều (hơn chút công đức) nên ngay cả chính đức Phật cũng không thể cứu được.

Các bài đọc biến thể kinh văn gốc (Source Text Variant Readings)

Sự hoàn hảo của bố thí/Bố thí ba-la-mật

Người họa sĩ cho đi tất cả tiền để dành của ông ấy

[0141023] 〔丹注…故〕三十三字－【宋】【元】【明】【宮】

[0141024] 剎＝利【宋】【元】【明】【宮】

[0141025] 陀＝施【宮】

[0141026] 〔其〕－【宋】【元】【明】【宮】

[0142001] 〔客〕－【宋】【元】【明】【宮】

[0142002] 牙＝芽【宋】【元】【明】【宮】

[0142003] 身＝耳【宋】【元】【明】【宮】

Sự bố thí nổi tiếng của Bồ-tát Ve-la-ma (Velāma)

[0142007] 但＝相【元】

[0142008] 薩＝羅【明】

[0142009] 〔人〕－【宋】【元】【明】【宮】

[0142010] 洗＝躁【宋】【元】【明】【宮】

[0142011] 蘇＝酥【宋】【元】【明】【宮】

[0142012] 交＝校【宋】【元】【明】【宮】

[0142013] [車*憲]＝幰【宋】【元】【明】【宮】

[0142014] 頗梨＝玻璃【宋】【元】【宮】下同，＝玻瓈【明】下同

[0142015] [跳-兆+甲]＝甲【元】【明】

[0142016] 疊＝[疊*毛]【宋】【元】【明】【宮】＊ [＊ 1]

[0142017]〔諸〕－【宋】【元】【明】【宮】

[0142018] 以＝已【宋】【元】【明】【宮】

[0142019]〔故〕－【宋】【元】【明】【宮】

[0143001] 千＝十【宋】【元】【明】【宮】

[0143002] 欲＝能【宋】【元】【明】【宮】

[0143003] 門＋（問）【宋】【元】【明】【宮】

[0143004] 明註曰大南藏作布

[0143005] 明註曰異南藏作惡

[0143006] 邪惡＝惡邪【宋】【元】【明】【宮】

[0143007]〔乎〕－【宋】【元】【明】【宮】

[0143008] 踊＝涌【宋】【元】【明】【宮】

[0143009]〔婆〕－【宮】

[0143010] 薩＝羅【宋】【元】【明】【宮】

[0143011] 返＝反【宋】【元】【明】【宮】

[0143012]〔此眾〕－【宋】【元】【明】【宮】

Hai chuyện tiền thân của đức Phật Thích Ca hy sinh mạng sống của mình

Sự hy sinh thân thể trong kiếp quá khứ của đức Phật vì Pháp

Kiếp quá khứ của đức Phật là chim bồ câu

[0143013] 言＝曰【宋】【元】【明】【宮】

Câu chuyện: Vị Tu sĩ có hơi thở thơm tho

[0144002] 思＝心【宋】【元】【明】【宮】

[0144003]〔比丘〕－【宋】【元】【明】【宮】

[0144004] 歎＝講【宋】【元】【明】【宮】

[0144005] 于＝於【明】

[0144006]〔言〕－【宋】【元】【明】【宮】

[0144007] 政＝正【宋】【元】【明】【宮】

[0144008] 月＝明【宋】【元】【明】【宮】

[0144009] 證＝畢【宋】【元】【明】【宮】

[0144010] 盡＝滅【宋】【元】【明】【宮】

Ngài Xá-lợi-tử thối lui Bồ-tát đạo

[0145003]〔【論】〕－【宋】【元】【明】【宮】

[0145004]〔蜜〕－【宋】

[0145005]〔滿〕－【元】【明】【宮】【石】

[0145006] 秦言＝此言【明】＊，＝秦云【石】[＊1 2]

[0145007] 十＝中【石】

[0145008] 任＝住【元】【明】【石】

[0145009] 嗅之嫌臭唾而棄地＝嫌惡便棄【宮】

[0145010] 用＋（無用）【石】

Sự so sánh với các con rắn độc

[0145011] 便＝使【石】

[0145012] 桟＝[禾*我]【宮】

[0145013] 五＋（人）【宮】

[0145014] 眾＝蔭【宋】，＝陰【元】【明】

[0145015] 染＝深【石】

[0145016]〔此三〕－【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0145017]〔得到彼岸〕－【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0145018]〔檀波…名〕八字－【宋】【元】【明】【宮】【石】

Sự bố thí của Nguyệt Quang Biến Chiếu (Candraprabha) (hai câu chuyện)

Vua Sarvada tự nộp mình

Hoàng tử Nguyệt Quang Biến Chiếu (Candraprabha) tự hiến mình

[0146003] 提＋（犁）【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0146004] 明註曰北藏無秦言好愛四字

[0146005] 明註曰北藏無秦言一切施五字

Hai câu chuyện vị Bồ-tát thị hiện là thú

Kiếp quá khứ của đức Phật là một con voi

Con voi, con khỉ và chim đa đa

[0146006] 伺＝向【石】

[0146007] 諭＝喻【宋】【元】【明】【宮】

[0146008] 耆＝宿【宮】【石】

[0146009] 長＝大【宋】【元】【明】【宮】【石】＊ [＊ 1]

[0146010]〔獼〕－【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0146011] 挽＝捉【宮】

[0146012] 是＝此【宋】【元】【明】【宮】

[0146013] 鳥＝象【元】【明】

[0146014] 者＝師【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0146015] 獼猴＝復【宋】【元】【明】【宮】【石】

Người lữ khách và con ma **65**

[0145013] 五＋（人）【宮】

[0145014] 眾＝蔭【宋】，＝陰【元】【明】

[0145015] 染＝深【石】

[0145016]〔此三〕－【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0145017]〔得到彼岸〕－【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0145018]〔檀波…名〕八字－【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0145019]〔之〕－【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0145020] 雖＋（俱）【宋】【元】【明】【宮】【石】

Con rắn, con rùa, và con ếch **71**

[0150015]〔羅〕－【宋】【元】【明】【宮】

[0150016] 布施故＝知布施【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0150017]〔窮〕－【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0150018] 生＝行【宮】

[0150019] 塵＝欲【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0150020]〔以〕－【宋】【元】【明】【宮】

Đức Văn Thù Sư Lợi dạy một trẻ ăn xin

[0150021] （布）＋施【宋】【元】【明】【宮】

Sự bố thí trong quá khứ của đức Phật & sức tinh tấn ba-la-mật của Ngài

[0151001] 婆＝娑【元】【明】

[0151002] 迦＝伽【宋】【元】【明】【宮】

[0151003] 嗥＝號【宋】【元】【明】【宮】

[0151004] 怪＝怖【宋】【元】【明】【宮

[0151005] 欲＝惟【宋】【元】【明】【宮】

[0151006] 曰＝言【宋】【元】【明】【宮】＊

[0151007]〔語〕－【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0151008] 次＝欲【宋】

[0151009] 全＝令【石】

[0151010] 免＝勉【石】＊

[0151011] 博＝摶【元】【明】，＝轉【宮】

[0151012]〔船〕－【石】

[0151013] 板＝攀【宋】【元】【明】【宮】＊ [＊ 1]

[0151014] 崖＝岸【宋】【元】【明】【宮】

[0151015] 免＝勉【宋】【宮】【石】

[0151016]〔至〕－【宋】【元】【明】【宮】

[0151017] 垒＝齊【宋】【元】【明】【宮】下同

[0151018] （塗）＋泥【宋】【元】【明】，泥＝塗【宮】

[0151019] 三＝二【元】【明】【宮】【石】

[0151020]〔王婦〕－【宋】【宮】

[0151021]〔汁〕－【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0152001] 諸＝珠【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0152002] 歡＝欣【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0152003] 念＝令【宋】【元】，＝憐【明】

[0152004]〔此〕－【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0152005] 抱＝挹【宮】

[0152006]〔言〕－【石】

[0152007] 泰＝太【宋】【元】【明】【宮】

[0152008] 須＝願【石】

Thiện Kiến (Sudarśana), vị Chuyển luân Thánh vương

[0152009] 歛＝檢【宋】【元】【明】【宮】

[0152010] 殖＝植【元】【明】

[0152011] 樓＝樹【宮】

[0152012] 頗梨＝玻璃【宋】【元】【宮】下同，＝玻瓈【明】下同

[0152013] 大＝天【宮】【石】＊［＊ 1］

[0152014] 為＋（我）【宋】【元】【明】【宮】

Trì giới ba-la-mật/Sự hoàn hảo của trì giới

Người đàn ông với chiếc bình kỳ diệu

[0153023] 考＝拷【宋】【元】【明】【宮】＊［＊ 1］

[0154001] 所＝何【宮】

[0154002] 自＝亦【宮】

[0154003] 物＝利【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0154004]〔周滿〕－【宋】【宮】【石】

[0154005] 行禪＝禪定【宋】【元】【明】【宮】【石】

Vị thương nhân mất tất cả nhưng còn viên ngọc quý nhất

[0155017] 兩＝後【宮】【石】

[0155018] 入＋（汝）【石】

[0155019]〔罪〕－【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0155020] 刑＝形【石】

Con trai đồ tể từ chối sát sanh

[0155026] 全＝令【石】＊［＊ 1 2 3 4 5］

[0156001] 倍＝億【宮】

[0156002] 可＝以【宋】【宮】【石】

Tội vu khống của Kokālika

[0157005] 人＋（為）【石】

[0157006] 力＝為【宮】

[0157007] 洗＝浴【宋】【元】【明】【宮】

[0157008] 祇洹＝祇桓【宋】【元】【宮】【石】

[0157009] 故＝欲【宮】

[0157010] 野人＝人為【宮】＊ [＊ 1]

[0157011] 此＝是【宋】【元】【明】【宮】

[0157012] 事＝意【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0157013] 奈＝奈【宋】【元】【明】，＝柰【宮】

[0157014] 嗥哭＝號咷【宋】【元】【明】【宮】

[0157015] 獄＋（地獄）【石】

[0157016] 天＝王【石】

[0157017] 阿＝呵【宋】【元】【明】【宮】【石】＊ [＊ 1 2 3]

[0157018] （五）＋百【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0158001] 夫士之生＝夫世之士【宮】

[0158002] 毒苦＝苦毒【宋】【元】【明】【宮】

[0158003] 十＝千【石】

[0158004] 五＝三【宮】

[0158005] 形＝刑【石】

Bài học của La-hầu-la về nói dối

[0158006] 槃＝盤【宋】【元】【明】【宮】＊［＊ 1］

[0158007] 語＝謀【宋】【元】【明】【宮】【石】

Ba câu chuyện về đời sống cư sĩ so với đời sống tu sĩ

Những câu hỏi của Jambukhādaka đối với ngài Xá-lợi-tử về đời sống tu sĩ

Tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc quảng báo đời sống tu sĩ

Một Bà-la-môn say rượu trở thành một vị tu sĩ

[0161002] 紛＝忿【宋】【元】【明】【宮】

[0161003]〔當〕－【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0161004]〔具足〕－【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0161005]〔有〕－【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0161006] 愁＝疑【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0161007] 戒＝形【元】【明】

[0161008] 優＝欝【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0161009] 女＋（皆）【宋】【元】【明】【宮】

[0161010] 祇洹＝祇桓【宋】【元】【宮】【石】

[0161011]〔後〕－【宋】【元】【明】【宮】【石】

Kiếp quá khứ của đức Phật là một con rồng như sự trì giới ba-la-mật

[0162002] 上＝是【石】

[0162003] 全＝令【石】

[0162004] 往＝住【宮】

[0162005] 服＝莊【宮】

[0162006] 按＝桉【宮】，＝案【石】

[0162007] 眠＝眼【宋】【元】【明】

[0162008] 絕＝終【宋】【元】【明】【宮】

[0162009] 是＝也【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0162010] 虛＝稱【元】【明】

[0162011] 智慧＝善智【宋】【元】【明】【宮】【石】＊［＊ 1］

[0162012]〔得〕－【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0162013] （清）＋淨【宋】【元】【明】【宮】

[0162014] 熏＝動【石】

Một con chó sói tìm cách thoát thân

[0162022] 求自＝自求【宋】【元】【明】【宮】

[0162023] 有時＝時間【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0162024] 屏＝避【宋】【宮】【石】，＝并【元】

[0163001] 干＝千【宮】

[0163002] 明註曰間關南藏作門開

[0163003] 差＝瘥【宋】【元】【明】【宮】

[0163004] 畢＝得【宋】【元】【明】【宋】【石】

Một bậc đạo sư quá cố bị giấu đi

[0163029] 拳＝捲【石】＊ [＊ 1]

[0164001] 狀＝床【宋】【宮】

Nhẫn nhục ba-la-mật

Sự hư hỏng của Đề-bà-đạt-đa do ái luyến đồ cúng dường

[0164011] 名＋（為）【宋】【元】【明】【宮】

[0164012] 軟＝濡【宮】

[0164013] 瘡＝創【宮】＊ [＊ 1]

[0164014] 淨清＝清淨【宋】【元】【明】【宮】

[0164015] 簡＝揀【宋】【元】【明】【宮】

[0164016] 戚＝族【宋】【元】【明】【宮】

[0164017] 曇＋（彌）【石】

[0164018] 汝＝以【宋】【元】【明】

[0164019] 敬＝以【宋】【元】【明】【宮】

[0164020]〔受〕－【石】

[0164021] 旦＝怛【宋】【元】【明】【宮】

[0164022] 嬰＝瓔【宋】【元】【宮】

[0164023] 唼＝嗽【元】【明】【宮】，＝[口*束]【石】

[0164024] 奈＝李【宮】【石】

[0164025] 大立＝立大【宋】【元】【明】【宮】

[0165001] 爪＝[打-丁+瓜]【宋】【宮】

[0165002] 到＋（於）【宋】【元】【明】【宮】

[0165003] 應當＝當應【宋】【元】【明】【宮】

Vị Tam Tạng Pháp Sư người Kế Tân

[0165004]〔為人敬養〕－【宋】【宮】【石】

[0165005] 惟＋（便）【石】

Con gái của ma vương và đức Phật tại cây bồ đề

[0165011] 玉＝王【石】

[0165012] 各＝名【石】

[0165013] 好黑好白＝好白好黑【宋】【元】【明】【宮】

[0165014] 一一＝二【宮】

[0165015] 睫嫈嫫＝[月*妾]嫈嫫【宮】，＝[

月*妾][月*(賬/安)][目*音]【石】

[0165016] 近＝迎【宋】【元】【明】【宮】

[0165017] 逼＝遍【石】

[0165018] 命＝帝【宋】【元】【明】【宮】

[0165019] 日＝月【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0165020] 昱爍＝煜爚【元】【明】

[0165021] 傾＝輕【宮】

Khát khao cháy bỏng của người đánh cá với con gái đức vua

[0166013] 述婆伽＝怵波伽【宋】【元】【

明】【宮】，＝床婆伽【石】

[0166014] 美＝鳥【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0166015] 世＝施【宋】【元】【明】【宮】

Vị ẩn sĩ tu tập nhẫn nhục

[0166016]〔忍〕－【石】

[0166017] 遊＝採【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0166018] 亂＋（人）【石】

Các tu sĩ tranh cãi ở Câu-thiểm-di

[0167012] 大＝火【宮】

[0167013] 輪＝輸【石】

[0167014] 告＋（之）【宋】【元】【明】【宮】

[0167015] 汝諸乃至重十六字宋元明宮四本俱作長行

[0167016] 火出燒身＝云何瞋諍【石】

[0167017] 能＝忍【石】

Vua quỷ đối đầu với đức Phật

[0169002]〔我〕－【宋】【元】【明】【宮】

[0169003] 悔＝為【宋】【宮】

[0169004] 蔑人＝憍慢【宋】【元】【明】【宮】

[0169005] 楯＝盾【宋】【元】【明】【宮】

Vị tỳ khưu mất kiên nhẫn với mười bốn điều không thể suy lường

[0170001]〔難〕－【宮】【石】

[0170002]〔此〕－【宋】【元】【明】【宮】

[0170003] 汝答＝若為【石】

[0170004] 欲＝次【石】

Tinh tấn ba-la-mật

Đức Phật tuyên thuyết về năng lực của sự tinh tấn

[0173008]〔意〕－【石】

[0173009] 欲＋（發）【宋】【宮】

[0173010]〔亦〕－【宋】【元】【明】【宮】

[0173011] 懸＝鉉【宋】【元】【明】【宮】，＝鉉【石】

[0173012] 乘＝垂【石】

[0173013] 羊＝崖【宋】【元】【明】【宮】【石】

Một vị thầy lười biếng khám phá giá trị của sự tinh tấn

[0174001] 是＝時【宋】【元】【明】【宮】

[0174002] 住＝立【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0174003] 投＝救【宋】【元】【明】【宮】

Kiếp quá khứ của đức Phật là người hướng dẫn tinh tấn mãnh liệt

[0174005] 以此五事為＝如是等名【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0174006] 牟＝文【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0174007] 以＝次【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0174008] 休息＝首伏【石】

[0174009] 息＝伏【宋】【元】【明】【宮】【石】

Kiếp quá khứ của đức Phật là vua của một bầy nai

[0178008] 懈廢＝癈懈【石】

[0178009]〔野〕－【宋】【元】【明】【宮】

[0178010] 牟尼＝文【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0178011] 人＝又【石】

[0178012] 矢＝箭【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0178013] 人王＝王言【宋】【元】【明】【宮】

[0178014] 輒當＝當自【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0178015] 意＝言【宮】

[0178016]〔送應次者〕－【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0178017]〔時〕－【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0178018] 子＋（次至應送）【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0178019] 當應＝應當【宋】【元】【明】【宮】

[0178020] 既＝明【石】

[0178021] 殂＝俎【宋】【元】【明】【宮】

[0178022] 併＝并【宋】【元】【明】【宮】

[0178023] 與＋（夫）【石】

[0178024] 無＝亦何【宋】【元】【明】【宮】，＝亦何以【石】

[0178025] 言＝曰【明】

[0178026] 獸＝生【宋】【元】【明】【宮】

Sự hy sinh vĩ đại của người Bà-la-môn vì tình yêu với Giáo Pháp

[0178027] 愛法＝法愛【宋】【宮】

[0178028] 偈＝之【宮】

[0178029] 亦＝及【宋】【元】【明】【石】，＝乃【宮】

Con chim cố gắng cứu một khu rừng đang bị cháy

[0179001] 常＝當【宋】【元】【明】【宮】

[0179002] 骨髓＝髓惱【宋】【宮】，＝髓腦【明】【石】

[0179003] 人＝夫【宋】【元】【明】【宮】

Kiếp quá khứ của đức Phật là một hoàng tử hoài nghi

[0179011] 盂＝扜【石】

[0179012]〔何以故佛不聽故〕－【宮】【石】

[0179013] 牟＝文【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0179014] 師＋（詐以）【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0179015] 五穀＝惑物【宮】【石】

[0179016] 人＝生【宮】

[0179017] 必資五穀＝要必有食【宮】【石】

[0179018] 真＝其【石】

[0179019]〔五穀〕－【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0179020] 酥＝蘇【宋】【元】【宮】＊［＊ 1］

[0179021] 法＝諸法【宋】【元】【明】【宮】【石】

Những câu chuyện về thiền định/tĩnh lự ba-la-mật

Con gái của Ma vương đối đầu với đức Phật

[0180021] 剛＝[金*剛]【石】

[0180022] 淹＝掩【宋】【宮】【石】

[0180023] 當＝思【宮】

[0180024]〔猶〕－【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0180025]〔心〕－【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0181001] 毒＝庸【宋】【元】【明】【宮】

[0181002] 顏＝貌【宋】【元】【明】【宮】

[0181003] 已＝以【石】

[0181004] 慈＝悲【宋】【元】【明】【宮】【石】

Vị thần núi thử cư sĩ du hành

[0181009] 諍＝爭【宋】【元】【明】【宮】

[0181010] 惟＝唯【宋】【元】【明】【宮】

[0181011] 說＝設【宋】【元】【宮】【石】

[0181012] 汝＝此【宋】【元】【明】【宮】

[0181013]〔著〕－【宋】【宮】【石】

Giọng hát của thiếu nữ khẩn-na-la làm phiền các ẩn sĩ

[0181015]〔念念〕－【宋】【宮】【石】

[0181016] 人＝智【元】【明】

Hương thơm làm một chú Sa di xa rời Đạo

[0181017]〔一〕－【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0181018]〔與〕－【宋】【元】【明】【宮】

[0181019] 至＝去【元】【明】

[0181020]〔之〕－【宋】【元】【明】【宮】【石】＊[＊1]

[0181021] 徑＝經【宮】

[0181022]〔時師〕－【宋】【宮】【石】

Một vị thần phê bình sự thưởng thức hoa của thầy Tỳ-kheo

[0181023] （（其心…愛））八字＝（（鼻受心著））四字【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0181024]〔故〕－【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0181025] 下＝中【宋】【元】【明】【宮】

[0181026] 皆＝今皆覺【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0181027] 言偷我＝云我瑜【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0182001] 疊＝[疊*毛]【宋】【元】【明】【宮】

Một Sa di sa đọa do dính mắc/tham luyến vị ngon

[0182002]〔法〕－【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0182003]〔此是虫〕－【宋】【宮】【石】

Sự dính mắc chết người đối với các vị ngon của hoàng tử

[0182004] 國＋（土）【宋】【元】【明】【宮】

[0182005] （鳥母）＋常【元】【明】

[0182006] 其＝甚【宋】【元】【明】【宮】

[0182007] 哭＝泣【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0182008]〔着味…苦〕九字－【宋】【元】【明】【宮】【石】

Chuyện nàng Da-du-đà-la đẻ khó

[0182009] 火＝大【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0182010]〔則〕－【宋】【元】【明】【宮】

[0182011] 厭心＝心厭【宋】【宮】

[0182012]〔不淨〕－【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0182013] 劬＝瞿【宋】【元】【明】【宮】＊［＊ 1 2］

[0182014] 妊＝任【石】＊［＊ 1 2］

[0182015]〔亦〕－【宋】【元】【明】【宮】

[0182016] 何＝所【石】

[0182017]〔一鉢〕－【石】

[0182018]〔鉢〕－【宋】【宮】

[0182019] 以神力＝神力以【宋】【元】【明】【宮】

[0182020] 皆＝令【宋】【元】【明】【宮】【石】

Gốc nguồn về việc đẻ khó của nàng Da-du-đà-la

Nàng Du-du-đà-la cố gắng mang đức Phật trở lại

[0182021] 槃＝盤【宋】【元】【明】【宮】＊［＊ 1 2 3］

[0183001] （時）＋耶【宋】【元】【明】【宮】

[0183002] 遣＝進【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0183003] 目＝自【宋】【元】【明】【宮】【石】

Một tiên nhân có một sừng [0183004] 丘＋（汝欲聞不諦聽之）【元】【明】

[0183005] 婆＝波【元】【明】＊［＊ 1 2］

[0183006] 春＝秋【宋】【宮】【石】

[0183007] 娠＝身【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0183008] 菴＝庵【宋】【元】【明】【宮】＊［＊ 1］

[0183009]〔即〕－【宋】【元】【明】【宮】

[0183010] 鍕＝軍【宋】【元】【明】【宮】＊［＊ 1］

[0183011]〔國〕－【宋】【元】【明】【宮】【石】＊［＊ 1］

[0183012] 官＝臣【元】【明】

[0183013]〔曾〕－【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0183014] 無雙＝巨富【宋】【宮】【石】

[0183015]〔人〕－【石】

[0183016] 五百＝百五【石】

[0183017] 藥＋（草）【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0183018] 眾彩畫之＝彩畫【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0183019]〔衣〕－【石】

[0183020] 以＝似【元】【明】

[0183021] 好＝妙【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0183022]〔皆〕－【宋】【元】【明】【宮】

[0183023] 淨＝清【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0183024]〔以〕－【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0183025] 好果好水＝好水好果【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0183026]〔盛〕－【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0183027]〔美〕－【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0183028] 喜＝樂【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0183029] 已＝以【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0183030] 果＝食【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0183031]〔嫾女知〕－【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0183032] 項＝擔【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0183033] 足五所＝給足五【元】【明】

Kiếp quá khứ của đức Phật là ẩn sĩ San-xà-dạ【宋】【宮】

[0180012]〔【論】〕－【宋】【宮】

[0180013] （獲）＋得【宋】【元】【明】，（定）＋得【宮】

[0180014] 家＝眾【元】【明】

Sư sa đọa của ẩn sĩ Uất Đầu (Udraka)

[0188030] 除＝於【元】【明】

[0189001]〔國〕－【宋】【元】【明】【宮】

[0189002] 捉＝接【元】【明】

[0189003] 為＋（為）【宋】【宮】

[0189004] 中＋（亂）【元】【明】

Một tỳ khưu bị đánh bại do kiêu ngạo về sự thiền định của mình
Những câu chuyện về Trí tuệ ba-la-mật
Nhà vua giác ngộ bởi công viên bị hư

[0191013]〔諸〕－【石】

Vua Ma-ha-nam lo lắng về tái sanh [0193001]〔心〕－【宋】【宮】

[0193002] 熏＝重【宮】

[0193003] 必＝心【宋】【元】【宮】

[0193004] （佛）＋破【宋】【元】【明】【宮】【石】

Luận Lực (Vivādabala) cố gắng tranh luận với đức Phật

[0193005] 梨＝利【宋】【元】【明】【宮】【石】＊［＊ 1］

[0193006] 雇＝顧【明】【石】

[0193007] 雇＝顧【宋】【元】【宮】

[0193008] 各＝名【宋】【元】【明】【宮】

[0193009] 墮＝墜【宋】【元】【明】【宮】

[0193010] 自＋（相）【宋】【宮】【石】

Người nông dân không có học phát hiện ra muối

[0194005] 真＝空【宮】

[0194006]〔貴〕－【宋】【元】【明】【宮】【石】＊[＊1]

Ngài A-nậu-lâu-đà và các thiên nữ

[0139009]〔福〕－【宮】

Ngài Đại Ca Diếp và vua Khẩn-na-la

[0139010] 須＝鬚【宋】【元】【明】，＝冠【宮】

[0139011]〔是阿毘曇中如是說〕－【宮】

[0139012]〔如是〕－【宋】【元】【明】

Những câu chuyện về nhiều chủ đề

Cuộc sống của đức Phật thời kỳ đầu

[0058004] 四顧觀察＝觀察四方【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0058005] 出家修＝求【聖】

[0058006]〔無上〕－【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0058007] 后妃＝妃后【宋】【元】【明】【宮】

[0058008] 被＝鞁【元】【明】

[0058009] 跋＝跛【元】

[0058010] 以＝持【宋】【元】【明】【宮】【石】，＝時【聖】

[0058011] 泥＝尼【宋】【元】【明】【宮】

[0058012]〔菩薩〕－【宮】【石】

[0058013]〔所〕－【聖】

Sự thảo luận của ngài Long Thọ về cuộc đời của đức Phật

[0059002] 餔＝哺【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0059003] 歲＝年【宋】【元】【明】【宮】

[0059004] 能＝乃【聖】

[0059005] 具＝解【宮】【石】

[0059006] （（以此…力））十二字＝（（此事可怪當知但以

方便力故））十二字【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0059007]〔時〕－【宋】【元】【明】【宮】【聖】【石】

[0059008]〔能〕－【宋】【元】【明】【宮】【聖】【石】

[0059009] 園＝薗【聖】

[0059010] 童＝僮【聖】

[0059011] 小年少＝稚少年【宋】【元】【

明】【宮】【石】，＝年少【聖】

[0059012]〔後〕－【宋】【元】【明】【宮】【聖】【石】

[0059013] 洛＝羅【元】【明】，＝浴【宮】

[0059014] 雖＋（以）【宋】【元】【明】【宮】【聖】

[0059015]〔而〕－【聖】【石】

[0059016]〔是〕－【聖】

[0059017] 現＝出【宋】【宮】【聖】【石】

Ma-ha-câu-thi-la (Mahākauṣṭhila), vị Bà-la-môn móng tay dài/Trường Trảo Phạm Chí

[0061045] 爪＝抓【宋】＊ [＊ 1 2]

[0061046]〔號〕－【聖】【石】

[0061047] 迦＝加【宋】【元】【明】【宮】

[0061048]〔等〕－【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0061049] 惟＋（是）【宋】【元】【明】【宮】

[0061050] 言＝曰【聖】

[0061051]〔是〕－【聖】

[0061052]〔書〕－【宋】【元】【明】【宮】

[0061053]〔為〕－【聖】

[0061054] 唐突＝唐突【宋】【宮】，＝搪突【聖】

[0061055] 瞿＝衢【聖】＊ [＊ 1 2]

[0061056]〔中〕－【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0061057] 涯＝崖【宮】【聖】

[0062001] 而＝面【聖】

[0062002] 受＝忍【元】【宮】【石】＊ [＊ 1 2 3 4 5 6]

[0062003] 所質義＝如是示【宮】，＝如是亦【石】

[0062004]〔今出是毒氣〕－【聖】

[0062005] 見＋（毒）【宋】【元】【明】【宮】

[0062006] 即覺＝覺畏【宮】【石】

[0062007] 二＝兩【聖】

[0062008] 多人＝多眾人共【聖】＊［＊ 1］

[0062009] 受＝言【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0062010] 此是＝我受此【宋】【元】【明】,

＝我忍此【宮】【石】, ＝此【聖】

[0062011]〔我〕－【宮】【石】

[0062012] 欲＝不【元】【明】

[0062013] 不多人知＝少有知者【聖】

[0062014] 受＝忍【宮】【石】＊［＊ 1 2 3］

[0062015] 受＝破【宮】【聖】【石】

[0062016] 自＝貢【宋】【元】【明】【宮】

[0062017] 彰＝鄣【聖】

[0062018] 濡＝軟【宋】【元】【明】【宮】

[0062019] （是）＋第【宋】【元】【明】【宮】

[0062020] 淨＋（處）【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0062021]〔處〕－【宮】【石】

[0062022]〔大〕－【石】

[0062023] 是＋（最）【聖】

[0062024] 一＋（無過佛者）【元】【明】【聖】

[0062025] （於）＋諸【宋】【元】【明】【宮】

[0062026] （是）＋時【元】【明】【宮】【石】，〔時〕－【聖】

[0062027]〔聞是語〕－【聖】

[0062028] 志＋（便）【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0062029]〔若〕－【聖】

[0062030]〔佛〕－【宮】

[0062031] 引＝弘【石】

[0062032] （佛）＋說【宮】【石】

Các vị trời thỉnh đức Phật thuyết Pháp

[0063015] 佛＋（自念）【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0063016] 袈裟＝衣【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0063017]〔者〕－【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0063018]〔以〕－【聖】

[0063019]〔力〕－【聖】

[0063020] 請佛＝請曰【宋】【元】【明】

【宮】【石】，＝問佛【聖】

[0063021] 當說＝說諸【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0063022] 是＝其【宮】

[0063023] 濡＝軟【宋】【元】【明】【宮】

[0063024]〔者〕－【聖】

[0063025]〔能〕－【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0063026]〔爾時世尊〕－【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0063027] 如是＝言【宮】【石】

[0063028] 我＝法【宋】【元】【明】，＝我法【宮】【石】

[0063029]〔法〕－【宋】【元】【明】【宮】【聖】【石】

[0063030] 猗＝倚【元】【明】＊[＊1]

[0063031]〔為初信力〕－【宋】【宮】【石】

[0063032] 能＋（初）【宋】【宮】【石】

[0063033]〔禪定智慧〕－【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0063034] 說偈言＝偈曰【宋】【元】【明】

【宮】【石】，＝說偈【聖】

[0063035] 愛好＝猗著【宋】【宮】【石】，＝愛著【元】【明】

[0063036] 果報＝愛果【宋】【宮】，＝報果【聖】

[0063037] 因＝田【宋】【宮】【聖】

[0063038] 此＝是【宋】【元】【明】【宮】【石】

Những câu hỏi cuối cùng của ngài A-nan-đà với đức Phật

[0066044] （諸）＋弟子【聖】【石】

[0066045] 〔輩〕－【聖】【石】

[0066046] （而）＋臥【聖】【石】

[0066047] 阿泥盧豆＝阿尼盧豆【宋】【元】【

明】【宮】，＝阿那律【聖】【石】

[0066048] 汝＋（是）【聖】【石】

[0066049] 人＝者【聖】【石】

[0066050] 法＋（皆）【聖】【石】

[0066051] 莫＝何以【聖】【石】

[0066052] 受＝愛【宋】【宮】

[0066053] 〔般〕－【宋】【元】【明】【宮】【聖】

[0066054] 初＋（首）【宋】【元】【明】【宮】【聖】【石】

[0066055] 〔佛〕－【宋】【元】【明】【宮】

[0066056] 後＝得【宮】

[0066057] 餘依止＝依止餘【聖】【石】＊ [＊ 1 2]

[0066058] 於＝如【宮】

[0066059] 內觀＝觀內【宋】【元】【明】，＝觀由【宮】

[0066060] 當＝念【宋】【元】【明】【宮】【聖】【石】

[0066061] （以）＋除【石】

[0066062] 貪憂＝貪愛【宋】【元】【明】

【宮】，＝憂貪【聖】【石】

[0066063] 經＋（所）【聖】【石】

[0066064] 梵＋（天）【元】【明】

[0066065] 伏＝復【宋】【聖】【石】，＝愎【宮】

[0066066] 刪＝那【元】【明】【聖】【石】

[0066067]〔經〕－【宮】

[0066068]〔復次〕－【宋】【元】【明】【宮】

[0066069]（是）＋我【聖】【石】

[0066070] 藏＋（中）【聖】【石】

[0066071]〔初應作是說〕－【聖】【石】

[0066072]〔土〕－【石】

[0066073]〔樹〕－【宋】【元】【明】【宮】【聖】【石】

[0066074] 中＋（是我法門初應如是說）【聖】【石】

[0066075] 經初＝經法初首【聖】【石】

[0066076]〔經初〕－【聖】【石】

Đức Phật nhập Bát niết-bàn

[0067006]〔廣〕－【宋】【元】【明】【宮】【聖】【石】

[0067007] 惡＋（戰）【聖】

[0067008] 天＝大【聖】

[0067009] 間＝聞【石】

[0067010] 葉＝華【聖】，＝菓【石】

[0067011] 崖＝峯【聖】【石】

[0067012] 嬈＝擾【元】【明】，＝繞【宮】

[0067013] 哽＝鯁【聖】

[0067014] 闥＝陀【聖】

[0067015] 漢＋（已過）【聖】【石】

[0067016] 夫＝人【宋】【元】【明】【宮】

[0067017] 流＝流【石】

Chư Thiên đau buồn vì sự suy thoái của Giáo Pháp

[0067018] 天＋（王）【聖】【石】

[0067019] 皆＝者【聖】

[0067020] 光＝先【宋】【元】【明】【宮】

[0067021] 滅＋（度）【宋】【元】【明】【宮】

[0067022]〔有〕－【聖】【石】

[0067023]〔大智〕－【聖】【石】

[0067024] 遂＝道【元】【明】

[0067025] 燈＝鐙【聖】＊［＊ 1］

[0067026] 目明＝明目【聖】【石】

[0067027]〔大〕－【聖】

[0067028] （佛）＋法【宋】【元】【明】【宮】【聖】【石】

[0067029] 船＝般【石】

Ngài Đại Ca Diếp chủ trì Hội đồng Giáo Pháp

[0067030] （如是）＋思惟【聖】【石】

[0067031] 尼＝泥【聖】【石】＊[＊ 1 2 3 4 5 6]

[0067032] 住＝往【明】

[0067033]〔山〕－【聖】【石】

[0067034] 揵稚＝揵椎【宋】【元】【明】，＝揵槌【聖】【石】

[0067035] 稚＝極【聖】，＝槌【石】

[0067036] 神＋（通）【聖】【石】

[0067037] 學＝覺【聖】

[0067038] 善＝去【元】【明】，〔善〕－【宮】

Tại sao Ngài Đại Ca Diếp đã chọn một nghìn vị A-la-hán

[0067039]〔故〕－【宋】【元】【明】【宮】【聖】【石】

[0067040] 正＝止【宋】【元】【明】【宮】

[0067041] 頻婆娑羅＝頻浮婆羅【宮】，＝

洴沙【聖】，＝洴娑【石】

[0067042] 時＋（洴沙）【聖】【石】

[0067043] 人＋（是時初度迦葉兄）【聖】【石】

[0067044] 貰＝世【宋】【元】【明】【宮】

[0067045]〔取〕－【聖】

[0067046] 多取＝取多【聖】【石】

Ngài A-nan-đà bị trục xuất khỏi Hội đồng Giáo Pháp

[0068001]〔曹〕－【宋】【元】【明】【宮】【聖】【石】

[0068002] 等＋（欲）【聖】【石】

[0068003]（以）＋汝【明】，汝＋（何以）【聖】【石】

[0068004]〔佛〕－【聖】【石】

[0068005] 聽＋（使）【聖】【石】

[0068006] 是汝＝汝應【聖】【石】＊[＊1]

[0068007] 罪＋（讖悔）【聖】【石】＊[＊1 2 3]

[0068008] 云何＝豈可【聖】【石】

[0068009] 無＋（耶）【聖】【石】

[0068010]（般）＋涅【聖】【石】

[0068011] 脊＝背【元】【明】

[0068012]〔是汝突吉羅罪〕－【聖】【石】

[0068013] 以＋（故）【宋】【元】【明】【宮】

[0068014]〔是汝之罪汝〕－【宮】

[0068015] 汝＋（人）【石】

[0068016]〔去作突吉羅懺悔大迦葉復言佛問汝若有

人〕十八字－【石】,〔去作突吉羅懺悔〕－【宮】

[0068017] 是＝應【聖】【石】

[0068018] 汝＋（之罪應）【聖】【石】

[0068019]〔復〕－【聖】【石】

[0068020]〔人〕－【聖】【石】

[0068021] 福德＝諸善【聖】【石】

[0068022] 我示女人不＝我以示之非【聖】【石】

[0068023] 罪＋（今）【聖】【石】

[0068024] 悔＝海【聖】

[0068025] 屣＝履【聖】

Ngài Kiều-phạm-ba-đề sau khi đức Phật nhập niết bàn

[0068026] （論）＋議【聖】【石】

[0068027]〔言〕－【聖】【石】

[0068028] 阿泥盧豆＝阿那律【聖】【石】

[0068029] 佛＝師【聖】【石】

[0068030] 波提＝鉢提【明】，＝波題【聖】【石】

[0068031]〔秦言牛呵〕－【宋】【元】【明】【宮】【聖】【石】

[0068032] 軟＝渜【聖】【石】＊［＊ 1］

[0068033] 心＝止【宮】

[0068034] 燕＝宴【宮】，〔燕〕－【聖】

[0068035] 樹＝林【聖】【石】＊［＊ 1 2］

[0068036] 中＋（華菓豐美）【聖】【石】

[0068037] 憍＝橋【聖】【石】＊［＊ 1 2 3

4 5 6 7 8 9 10 11 12 13］

[0068038] 波提＝鉢提【明】【宮】下同，＝波題【聖】【石】下同

[0068039] 語＝言【聖】【石】

[0068040] 下來＝來下【聖】【石】

[0068041] 〔覺生〕－【宋】【元】【明】

【宮】，覺＝即【聖】【石】

[0068042] 〔來〕－【宋】【元】【明】【宮】【聖】【石】

[0068043] 大＝太【宋】【元】【明】【宮】

[0068044] 〔輪〕－【聖】【石】

[0068045] 〔我〕－【聖】【石】

[0068046] 和上＝和尚【明】＊［＊ 1 2］

[0068047] 可奈＝奈之【聖】【石】

[0068048] 愍＝憐【聖】【石】

[0068049] 問＋（言）【聖】【石】

[0068050] 悶＋（倒錯）【聖】【石】

[0068051] 惱＝懊【聖】【石】

[0068052] 斷＋（是以）【宋】【元】【明】【宮】【聖】【石】

[0068053] 尸＝失【聖】【石】

[0068054] 下＋（至）【聖】【石】

[0069001] 提＝題【聖】【石】

Sự trở lại của Ngài A-nan-đà

[0069002] 神通＝通神【宮】

[0069003] 共＋（八）【聖】【石】

[0069004] 敲＝撓【宮】【聖】【石】＊［＊ 1］

[0069005] 鑰＝籥【宋】【元】【明】【宮】＊［＊ 1］

Hội đồng Giáo Pháp lần thứ nhất

[0069006] （眾）＋僧【聖】【石】＊［＊ 1］

[0069007]〔復〕－【聖】【石】

[0069008] 法＝經【宋】【元】【明】【宮】【聖】【石】

[0069009] 泥盧＝那律【聖】【石】

[0069010] 弟子＋（中）【聖】【石】

[0069011] 唯＝惟【聖】，＝忖【石】

[0069012] 床＝座【宋】【元】【明】【宮】

[0069013] 空＝夜【元】【明】【聖】【石】

[0069014] 有宿而不嚴＝虛空不明淨【元】【明】【聖】【石】

[0069015] 現＝見【聖】

[0069016] 手＝掌【宋】【元】【明】【宮】

[0069017]〔言〕－【宋】【元】【明】【宮】【聖】【石】

[0069018] 集滅＝習盡【聖】，＝集盡【石】

[0069019]〔咄〕－【宋】【元】【明】【宮】【聖】

[0069020] 如＝此【宮】

[0069021] 根＝法【聖】【石】

[0069022] 為＝安【聖】【石】

[0069023]（此）＋偈【宋】【元】【明】【宮】【聖】【石】

[0069024] 免＝勉【聖】【石】

[0069025] 妬＝姤【石】＊[＊1]

[0069026] 憂婆離＝憂波利【宋】【元】【明】【

宮】，＝憂婆梨【聖】，＝憂婆利【石】＊

[0069027]〔說〕－【元】【明】

[0069028] 提＝鄰【宋】【元】【明】【宮】

，＝[潾-米+羔]【聖】【石】

[0069029] 義＝議【聖】

[0069030] 婆＝波【宋】【元】【明】【宮】＊

[0069031] 十＝千【宋】【宮】

[0069032] 復更＝等復【宋】【元】【明】【宮】，＝等復更【聖】

[0069033] 中＋（誦持）【聖】【石】

[0069034]〔義〕－【聖】【石】

[0069035]〔起就師子座處坐〕－【聖】【石】

[0069036]（長老）＋阿【聖】【石】

[0069037]〔師子座處坐〕－【聖】【石】

[0069038] 婆提＝衛【聖】【石】

[0069039]〔復〕－【聖】【石】

[0069040]〔於〕－【宋】【元】【明】【宮】

[0069041] 殺＋（生）【宋】【元】【明】【宮】【聖】【石】

[0069042] 名＋（為）【宋】【元】【明】【宮】

[0069043]〔藏三法藏〕－【宋】【聖】【石】

[0070001] 集＝作【宋】【宮】，集＋（法）【聖】【石】

[0070002] 幡＝幢【宋】【元】【明】【宮】

[0070003] 世界＝世間【聖】【石】

[0070004] 藏法＝法藏【宋】【元】【明】【

宮】，＝法竟【聖】，＝藏竟【石】

Quyết tâm không thoái chuyển của ngài Xá-lợi-tử (Śāriputra)

[0070053] 婆＝頗【宮】

[0070054]〔人〕－【宮】

[0070055]〔辟〕－【聖】

[0070056] 氣分不＝不了了【聖】【石】

[0070057] 出＝去【宋】【元】【明】【宮】，出＋（去）【聖】【石】

[0070058] 又＝有【石】

[0070059] 氣殘＝餘習【元】【明】【聖】【石】＊[＊ 1 2]

[0070060] 必＝畢【元】【明】【聖】【石】＊[＊ 1 2 3 4]

[0070061] 磋＝蹉【宋】【元】【明】【宮】

[0070062] 鎖初＝璅初得【聖】【石】

[0070063] 羸瘦＝瘦羸【聖】

[0070064] 酥＝蘇【宋】【元】【聖】

[0070065] 滓＝澤【聖】

[0070066]〔誰為〕－【聖】【石】

[0070067] 座＋（為誰）【聖】【石】

[0070068]〔轉〕－【聖】【石】

[0070069] 語＝言【聖】【石】

[0071001] 佛＋（說）【聖】【石】

[0071002]〔舍利弗食〕－【聖】【石】

[0071003] 食＋（不應食）【聖】【石】

[0071004] 匿＋（王）【聖】

[0071005] 引＝說【聖】

[0071006]〔為〕－【聖】【石】

[0071007] 諸＝請【聖】

[0071008] 嗽＝[口*數]【宋】【元】【明】【宮】＊[＊1 2]

[0071009] 心定＝定心【宋】【元】【明】【宮】

Tất-lăng-già-bà-ta (Pilindavatsa) và thần sông Hằng

[0071010] 常＝當【元】【明】

[0071011]〔水〕－【宋】【元】【明】【宮】【聖】【石】

[0071012] 告＝言【明】

[0071013] 懺謝＝謝懺【聖】

[0071014] 合＝又【聖】【石】＊[＊1]

[0071015] 之＝言【宮】

[0071016] 畢＝必【宮】

[0071017] 殘＝餘【元】【明】，＝習【聖】【石】＊[＊1 2]

[0071018]〔若〕－【宮】

[0071019] 悔＝旃【宋】【元】【明】【宮】

[0071020] 木＝帶【宋】【元】【明】【宮】【聖】【石】

[0071021] 杅＝盂【元】【明】

[0071022] 娠＝身【宋】【元】【明】【宮】【聖】【石】

[0071023]〔是〕－【石】

[0071024] 慼＝戚【聖】

[0071025] 被＝服【宋】【元】【明】【宮】

[0071026] 無異也＝若干【聖】【石】

Những người chăn bò thử sự toàn tri của đức Phật

[0073040] 酥＝蘇【宋】【元】【宮】【聖】＊ [＊ 1 2 3]

[0073041]〔語〕－【聖】【石】

[0073042] 往＝住【聖】

[0073043] 等＝曹【聖】【石】

[0073044] 何能＝云何【聖】【石】

[0073045]〔人〕－【聖】【石】

[0073046] 喜好＝好喜【宋】【元】【明】【宮】，＝喜【聖】【石】

[0073047] 故＝常【宋】【元】【明】【宮】

[0073048] 往＝住【石】

[0073049]〔由是〕－【聖】【石】

[0073050] 種種＝[卄/(禾*魚)][卄/(禾*魚)]【聖】

[0073051] 違＝韋【宋】【元】【明】【宮】

[0073052] 陀＝大【聖】【石】

[0073053] 戰＝爭【聖】【石】

[0073054]〔如〕－【宋】【元】【明】【宮】

[0073055] 伎＝技【元】【明】

[0073056] 於＝竹【石】

[0073057]〔坐〕－【聖】【石】

[0073058] 下＋（坐）【石】

[0073059] 其炎＝焰煥【明】

[0073060] 融＝鎔【宋】【元】【明】【宮】

[0073061]〔紫〕－【宋】【宮】【聖】【石】

[0073062]〔大〕－【聖】

[0073063] 皆＝已【聖】【石】

[0074001] 番息＝蕃息【宋】【元】【明】【宮】＊，＝

孜茂【聖】＊，＝牧茂【石】＊ [＊ 1 2]

[0074002] 瘡＝創【聖】＊ [＊ 1 2 3 4]

[0074003] 度＝淚【聖】

[0074004] 若＝谷【聖】

[0074005] 十一＝十二【宮】

[0074006]〔知〕－【宋】【元】【明】【宮】

[0074007] 吉＝告【聖】＊ [＊ 1]

[0074008] 為＝若【宮】【聖】【石】

[0074009] 虫＝蟲【元】【明】下同

[0074010] 則＋（住）【宮】

[0074011] 害＋（則悦澤）【宋】【元】【明】【宮】

[0074012]〔若〕－【宋】【元】【明】【宮】

[0074013] 虻＝虻【宋】【元】【明】【宮】【聖】＊ [＊ 1 2]

[0074014] 念＝以【宋】【元】【明】【宮】

[0074015]〔觀〕－【宮】

[0074016] 遙＝這【聖】

[0074017] 如是＝爾【聖】【石】

[0074018]〔如〕－【宋】【元】【明】【宮】

[0074019] 引＝弘【石】

[0074020] 牛＝中【聖】【石】

[0074021] 番＝蕃【宋】【元】【明】【宮】

[0074022] 知＋（度）【宋】【元】【明】【宮】

[0074023] 度＝渡【宋】【元】【明】【宮】【聖】

[0074024] 人＝入【石】

[0074025] 入＝人【宋】【元】【明】【宮】

[0074026] 好＝將【宮】

[0074027]〔知〕－【宮】

[0074028] 犢子＝續有【宋】【元】【明】

【宮】，＝犢有【聖】【石】

[0074029] 罄＝都【宮】

[0074030] 諸＝護【宋】【元】【明】【宮】

[0074031] 特＝犢【宋】，明註曰犢南藏作牸

[0074032] 讚譽稱＝稱差【宋】【元】【明】

【宮】，＝稱美【聖】【石】

[0074033]〔得〕－【聖】【石】

[0074034] 等＋（放牛人）【宋】【元】【明】【宮】

[0074035]〔所知不過三四事〕－【聖】【石】

Ba câu chuyện về nguồn gốc của “thành phố nơi cư trú của nhà vua/thành Vương Xá”

Vị quân vương có hai mặt và bốn cánh tay

Nhà vua chạy thoát các đám cháy ở Ma-kiệt-đà (Magadha)

Con trai của Vasu

[0076003] 婆波＝波【宋】【元】【明】【宮】，＝婆婆【聖】

[0076004] 梨羅＝闍羅【元】【明】【聖】【石】

[0076005]〔王〕－【聖】

[0076006]〔宜〕－【宋】【元】【明】【宮】

[0076007]〔諸〕－【石】

[0076008]（諸）＋仙【石】

[0076009]〔入〕－【石】

[0076010] 羊＝生【明】＊，【石】[＊ 1]

[0076011] 頸＝頂【聖】【石】

[0076012] 令＝今【聖】

[0076013] 免＝勉【聖】

[0076014]〔重〕－【石】

[0076015] 圍＝韋【明】【石】

[0076016] 催＝推【宋】【元】【明】【宮】，＝崔【聖】

[0076017] 以＝已【石】

[0076018] 藪＋（仙人）【石】

[0076019] 嗣＝福王【聖】

[0076020]〔為王〕－【聖】

[0076021] 復不＝不復【石】

[0076022] 軟＝濡【聖】【石】

[0076023] 林木＝樹林【石】

[0076024] 涼＝浴【宋】【元】【明】【石】

[0076025] 應＝於【石】

[0076026] 是＝此【石】

[0076027] 元＝先【宋】【元】【明】【宮】

[0076028]〔本起〕－【宋】【元】【明】【宮】

Ngài Đại Ca Diếp và núi Linh Thứu (Gṛdhrakūṭa)

[0078059]〔於耆闍崛山〕－【聖】

[0078060] 法藏＝藏法【聖】【石】

[0078061] 加＝跏【宋】【元】【明】【宮】

[0078062] 熏＝勳【聖】

[0078063] 人＋（語）【聖】

[0078064]〔定〕－【宋】【元】【明】【宮】

[0078065] 諸＝說【宋】【元】【明】【宮】

[0078066]〔我〕－【宋】【宮】＊[＊ 1]

[0078067]〔愁〕－【聖】

[0078068] 惱＋（應厭）【聖】【石】

[0078069] 世間＝世界【宋】【元】【明】【宮】【聖】

[0078070]〔中心應厭〕－【聖】【石】

[0078071] 世界＝世間【石】

[0078072] 開導＝引導【聖】，＝道導引【石】

[0078073] 竟＋（即）【宋】【元】【明】【宮】

[0078074] 梨＝利【聖】

[0078075] 上昇＝上是【元】，＝昇【聖】【石】

[0079001] 作是＝直入山內【聖】

[0079002] 入＋（耆闍堀）【元】【明】【聖】【石】

[0079003] 頭石內＝內【宋】【宮】，＝石頭中【

元】【明】，＝頭石中【聖】【石】

[0079004] 軟＝濡【聖】【石】

[0079005]〔時〕－【聖】【石】

[0079006]〔出佛〕－【聖】【石】

[0079007]〔世〕－【宋】【元】【明】【宮】【聖】

[0079008] 隨＝遂【宋】【元】【明】【宮】

[0079009] 已＝以【聖】【石】

[0079010] 人＋（以此三會度人）【聖】

[0079011]〔人〕－【聖】【石】

[0079012] 山＋（頭）【聖】

[0079013]〔即於…槃〕十字－【聖】

[0079014]〔而〕－【石】

[0079015] 文＝牟【聖】

[0079016] 漢＋（彌勒佛言）【聖】

[0079017] 以＝如【聖】【石】

[0079018] 眾＋（生）【宋】【元】【明】【宮】

[0079019]〔是〕－【聖】【石】

[0079020] （（諸聖…次））二十三字＝（（吉處是故摩訶迦

葉於中集法亦於中般涅槃又諸聖人樂住是處佛為諸

聖人主以是故佛住耆闍崛山復次））四十三字【聖】

[0079021] 人喜住＝所樂【石】

[0079022]（是故摩訶迦葉於中集法亦於中般

涅槃又諸聖人皆住是處）＋佛【石】

[0079023] 主＋（以）【石】

[0079024] 住＝在【石】

[0079025] 山＋（中）【石】

Ngài Xá-lợi-tử giải thích về thức ăn thanh tịnh

[0079057]〔為〕－【石】

[0079058]〔時〕－【聖】

[0079059]〔姊〕－【元】【明】【聖】【石】

[0079060] 耶＝那【聖】【石】＊ [＊ 1 2]

[0079061] 說＋（云何為下口食）【聖】【石】

[0079062] 言＝答曰【石】，＝答言【聖】

[0079063]〔穀〕－【石】

[0079064] 殖＝植【宋】【元】【明】【宮】

[0079065] 筮＝算【宋】【元】【明】【宮】

[0079066] 凶＋（小術不正）【聖】【石】

[0079067]〔種種〕－【聖】【石】

[0079068]〔清〕－【宮】

[0079069] 目聞說＝目因闡是故說【聖】，＝目聞是說【石】

[0079070]〔舍利弗因為說法〕－【聖】

Vị Phạm Chí Thiện Hiện

[0080038] 墮＝崩【聖】【石】

[0080039] 知＝智【聖】

[0080040] 師＋（更）【聖】【石】

[0080041] 新＝親【石】

[0080042] 遙＝[這-言+(又/言)]【聖】

[0080043] 曰＝言【聖】

[0080044] 我年一十九＝我始年十九【宋】【元】

【明】【石】，＝我年二十九【宮】

[0080045] 已＝以【聖】

[0081001] 正＝聖【石】

Về nhìn thấy xác chết của Mākandika

[0082034] 輿＝舁【宋】【元】【明】，＝舉【宮】【聖】【石】

[0082035] 智慧功德乃為淨∞眼見求淨無

是事【宋】【元】【明】【宮】

[0082036] 智慧功德乃為淨∞眼見求淨無

是事【宋】【元】【明】【宮】

Tại sao ngài A-nan-đà được gọi như vậy

[0083025] 名＋（字）【聖】【石】

[0083026]〔是〕－【宋】【元】【明】【宮】

[0083027] 目乾連＝目伽連【宋】【元】【

宮】【聖】，＝目犍連【明】

[0083028] 文＋（尼）【聖】【石】

[0083029]〔佛〕－【宋】【元】【明】【宮】【聖】

[0083030] 名＋（字）【宋】【元】【明】【宮】【聖】

[0083031]〔名〕－【宋】【元】【明】【宮】

[0083032]（阿難者秦言歡喜）夾註＝（阿難者秦言

歡喜）本文【宋】【元】【明】【宮】【聖】

[0083033]〔有〕－【聖】

[0083034] 名＋（新韓阿[少/兔]秦言）【石】

[0083035] （其）＋第【宋】【元】【明】【宮】

[0083036] 佛＝悉達陀【宋】【元】【明】【聖】【石】

[0083037] 陀＝多【宋】【元】【明】【宮】，＝他【聖】

[0083038] 位＋（處）【石】

[0083039] 至＝往【宋】【元】【明】【宮】

[0083040]〔欲知消息〕－【聖】【石】

[0083041] 死＋（欲知消息）【石】

[0083042] 耳＝身【宋】【元】【明】【宮】

[0083043] 微弱＝微少【宮】【聖】

[0083044] 尼＝涅【聖】

[0083045] 座＝處【宋】【宮】【聖】

[0083046] 加＝跏【宋】【元】【明】【宮】

[0083047] 十八＝八十【明】

[0083048] （死）＋了【宋】【元】【明】【宮】

[0083049]〔時悲〕－【宋】【元】【明】【宮】

[0083050]〔說偈〕－【宋】【元】【明】【宮】

[0084001] 土＋（歡喜得大利，解脫一切苦，今得轉法輪，

無所不清淨）【宋】【元】【明】，土＝國【聖】【石】

[0084002] 了＝死【宋】【元】【明】【宮】＊

[0084003] 違＝圍【聖】

[0084004]〔又〕－【聖】

[0084005]〔來〕－【宋】【元】【明】【宮】

[0084006] （死）＋了【宋】【元】【明】，了＝死【宮】

[0084007]〔王〕－【宋】【元】【明】【宮】【聖】

[0084008] 難＋（阿難者秦言歡喜）【聖】【石】

[0084009] 青＝清【聖】

[0084010] 大＝心【明】

Bồ-tát Thích-Ca-Mâu-Ni gặp đức Phật Phất Sa

[0087029] 火＋（禪）【石】＊ [＊ 1]

Câu chuyện tiền thân của vua Thi-tỳ (Śibi)

[0088001] 羅＝隣【聖】【石】

[0088002]〔盡〕－【宋】【元】【明】【宮】【聖】

[0088003] 墮＝終【宋】【元】【明】【宮】【聖】

[0088004] 念＝命【聖】

[0088005] 不＝都無【石】

[0088006] 疑＋（處）【石】

[0088007] 佯＝揚【宋】，＝楊【聖】【石】

[0088008] 腋＝掖【聖】

[0088009] 作＋（大）【聖】

[0088010] 逐＝遂【石】

[0088011] 掖＝腋【宋】【元】【明】【宮】

[0088012] 底＝下【聖】

[0088013] 信＝護【宋】【元】【明】【宮】，＝[言*侯]【石】

[0088014] 作＝信【聖】

[0088015] 受＝愛【宋】

[0088016] 言＝曰【石】

[0088017] 熱＝血【聖】

[0088018] 無＝何【宋】【元】【明

[0088019] 熱＝煖【聖】【石】

[0088020] 〔王〕－【宮】

[0088021] [跳-兆+專]＝踹【元】【明】

[0088022] 臗＝寬【宋】，＝[穴/日/(儿@厶)]【聖】【石】

[0088023] 項＝頸【宋】【元】【明】【宮】

[0088024] 戚＝[仁-二+鐵]【聖】

[0088025] 天人＝人天【聖】

[0088026] 求＝索【聖】

[0088027] 稱＝秤【石】＊［＊ 1 2］

[0088028] 物＝人【石】

[0088029] （力少不能得上）＋爾【石】，爾＝是【聖】

[0088030] 責＝情【聖】

[0088031] 度＝渡【宋】【元】【明】【宮】

[0088032] 怠＝迷【石】

[0088033]〔一〕－【宋】【元】【明】【宮】

[0088034] 大＝天【宋】【元】【明】【宮】【聖】

[0088035] 振＝震【宋】【元】【明】【宮】

[0088036]〔念我〕－【元】【明】【聖】【石】

[0088037] 終＝眾【宋】【元】【明】【宮】【聖】【石】

[0088038] 供養＝養護【宮】【聖】【石】

[0088039] 須我也＝如【石】

[0088040]〔此〕－【聖】

[0088041] （一）＋心【宋】【元】【明】【宮】

[0088042]〔是〕－【聖】

[0088043]〔種種〕－【聖】【石】

[0088044] 是檀＝是為檀那【聖】【石】

Sự nhiệt tâm với sự thật của vua Sutasoma

[0088045] 大＝天【石】

[0088046] 乃至捨＝欲棄身【聖】【石】

[0089001] 語＋（是王）【聖】【石】

[0089002] 匂＝自【宮】

[0089003] 王＋（語）【宋】【元】【明】【宮】

[0089004]〔諾〕－【宮】

[0089005] 澡＝滲【聖】【石】

[0089006] 慟＝動【聖】

[0089007] 驚＝京【聖】【石】

[0089008] 止＝山【宋】【元】【明】【宮】【聖】【石】

[0089009]〔諸〕－【聖】

[0089010]〔王〕－【宋】【元】【明】【宮】

[0089011] 甚畏＝自根【宋】【元】【明】【宮】【聖】

[0089012] 已＝以【聖】

[0089013] （城）＋門【聖】

[0089014] 辜＝孤【宋】【元】【明】【宮】【聖】【石】

[0089015] 招＝貽【聖】

[0089016] 言＝語須陀須摩王【石】

[0089017]〔兩〕－【元】【明】【宮】

[0089018] 物＝初【宋】【宮】

[0089019] 治＋（多）【宋】【元】【明】【宮】

[0089020] 忠恕＝中怒【聖】，＝中恕【石】

[0089021] 小而大＝為大人【宋】【元】【明】【宮】

[0089022]〔壽〕－【聖】

[0089023] 有悔恨＝恨也【聖】

[0089024] 鹿＝麁【宮】＊[＊1]

[0089025] 赴＝起【聖】

[0089026]〔實語〕－【石】

[0089027]〔今相放捨〕－【聖】

[0089028] 汝既得脫＝汝得解脫【宋】【元】

【明】，〔汝既得脫〕－【宮】

[0089029]（九百）＋九【聖】

[0089030] 百＝九百九十九【聖】

[0089031]〔本生中〕－【宋】【元】【明】【宮】

Các Bồ-tát Hỷ Căn (Prasannendriya) và Thắng Ý (Agramati)

[0107005] 度＋（者）【宋】【宮】【聖】【聖乙】【石】

[0107006] 何以故＝二乘不能如所應度外道【聖乙】【石】

[0107007]〔二乘雖有所度〕－【聖乙】【石】

[0107008] 如所應＝能如實【聖乙】【石】，如＝知【聖】

[0107009] 何以故＝二乘【聖乙】【石】

[0107010] 故＝是故不能巧度不以佛道而度眾

生以是故言不能巧度【聖乙】【石】

[0107011] 實＝法【聖乙】【石】

[0107012] 方＝舫【宋】，＝枋【聖乙】

[0107013] 病＝疾【宋】【元】【明】【宮】【聖】

[0107014]〔坐〕－【宮】

[0107015] 佛＋（言）【聖】

[0107016]〔能〕－【石】

[0107017] 佛＝國【聖乙】【石】

[0107018] 不＝無【石】

[0107019]〔則〕－【宋】【元】【明】【宮】【聖】

[0107020] 求＋（為）【宋】【元】【明】【宮】【聖】

[0107021]〔行〕－【宮】【聖】【聖乙】【石】

[0107022] 訾＝呰【宋】【元】【明】【宮】

[0107023] 欲＋（煩惱）【元】【明】【石】

[0107024] 滅＋（法）【聖乙】

[0107025]〔相〕－【宋】【元】【明】【宮】

[0107026] （煩）＋惱【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0107027]〔所〕－【宋】【元】【明】【宮】

[0107028] 則＝便【聖乙】【石】

[0107029] 悅＝喜【石】

[0107030] 聞＋（說）【聖乙】

[0107031]〔是人〕－【宋】【元】【明】【宮】【聖】

[0107032] 無＋（有）【石】

[0107033] 法＋（今）【石】

[0107034]〔一〕－【宮】

[0108001]〔即〕－【聖乙】

[0108002]〔受〕－【聖乙】

[0108003] （（千萬…謗））十八字＝（（苦））一字【宮】

[0108004] （受）＋苦【聖乙】

[0108005] 三＝二【宋】【元】【明】【宮】【聖】【聖乙】【石】

[0108006] （國）＋土【聖乙】【石】

[0108007]〔文殊師利言〕－【宮】【聖】

[0108008]〔言〕－【宋】【元】【明】

[0108009]〔復〕－【聖乙】【石】

[0108010] 曰＝言【宋】【元】【明】【宮】【聖乙】

[0108011] 深＋（法）【聖乙】【石】

Ba anh em trở thành bậc giác ngộ

[0110011] 煩惱＋（是名能斷種種諸見纏及煩惱）【石】

[0110012]〔季〕－【宮】

[0110013] 婆提＝衛國【石】

[0110014] 曼＝蔓【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0110015] 來＝求【宮】

Sự toàn tri của đức Phật chuyển hóa một Bà-la-môn
(Không có biến thể nào được ghi lại cho câu chuyện này)
Đức Phật, người giúp việc, và người Bà-la-môn hoài nghi

[0115003] 熙＝嬉【宋】【宮】

[0115004] 而＝微【元】【明】

[0115005] 光＋（明）【宋】【宮】

[0115006] 加＝跏【宋】【元】【明】【宮】＊ [＊ 1 2 3]

[0115007] 似＝以【石】

[0115008] 眾生＝乃至【宋】【宮】

[0115009] 婆提＝衛【聖】【石】

[0115010] 人＝生【元】【明】【聖】【石】

[0115011] [泳-永+(米*番)]淀＝潘澱【元】

【明】，＝[米*番]淀【聖】

[0115012] 毛＝毫【元】【明】

[0115013] （此）＋偈【聖】【石】

[0115014]〔甚〕－【宋】【宮】

[0115015]〔信〕－【聖】【石】

[0115016]〔佛〕－【宋】【元】【明】【宮】

[0115017] 狀＝伏【石】

[0115018] 城＋（中）【宋】【元】【明】【宮】【聖】【石】

Vị tu sĩ, nhà vua và tu sĩ khổ hạnh lõa thể

[0119004] 狂愚＝癡狂【石】

[0119005] 已＝以【石】

[0119006] 如＋（是）【宋】【元】【明】【宮】

Vị A-la-hán, con voi, và nhân quả

[0119008]〔中〕－【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0119009] 即＝既【宋】【元】【明】【宮】

[0119010] 呪＝術【石】

Đức Phật chăm sóc một tỳ khưu bị bệnh

[0119011] 藏＝臟【明】

[0119012] 疹＝疾【宋】【元】【明】【宮】

[0119013] 塿壓＝堆壓【宋】【元】【明】【

宮】，＝堆[病-丙+甲]【石】

[0119014] 杖＝伎【宋】【元】【明】【宮】

[0119015] 婆提＝衛【石】

[0119016]〔手〕－【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0119017] 持＝特【石】

[0119018] 排＝俳【石】

[0119019] 盥＝與【石】

[0120001] 方＋（來）【石】

[0120002] 苦＋（痛）【元】【明】【石】

Sự phục hồi nhiệm mầu của Gaṇḍaka

[0120003]〔者〕－【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0120004] 身＋（或）【石】

[0120005]〔其〕－【宮】【石】

[0120006]〔破〕－【宋】【元】【明】【宮】

[0120007] 致殘毀＝到形殘【石】

[0120008] 犍＝揵【宋】【元】【明】【宮】＊ [＊ 1 2 3]

[0120009]（揵抵秦言續也）夾註＝（揵抵

秦言續也）本文【宋】【宮】

[0120010] 秦＝此【明】

[0120011]〔也〕－【宋】【元】【明】【宮】

[0120012] 被＝狀【元】【明】

[0120013]〔是〕－【宋】【元】【明】【宮】

[0120014] 復＝服【石】＊［＊ 1 2］

[0120015] 洹＝桓【石】＊［＊ 1］

Phương tiện khéo của đức Phật thay mặt cho các tu sĩ

[0122004]〔佛〕－【宮】

[0122005] 門＋（下）【宋】【元】【明】【宮】

[0122006] （佛）＋鉢【宋】【元】【明】【宮】

[0122007] 言＝曰【宋】【元】【明】【宮】

[0122008] 疾＝病【宋】【元】【明】【宮】

[0122009] 皆亦＝亦皆【石】

Đức Phật cố gắng kết nối với một bà lão

[0125011]〔國〕－【宋】【元】【明】【宮】

[0125012]〔人〕－【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0125013] 言＋（阿難）【宋】【元】【明】【宮

Ba câu chuyện về các đức Phật và Bồ-tát xuất hiện trên thế gian

Ngài Phổ Hiền chữa bệnh cho một người bị phong hủi

Ngài Phổ Hiền xuất hiện trước vị tỳ khưu tụng kinh Pháp Hoa

Vị tu sĩ nhìn thấy đức Phật A Di Đà và lưỡi của vị ấy không bị cháy

[0126015]〔一〕－【宋】【元】【明】【宮】

[0127001] 光明＋（色）【石】

[0127002] 手＝掌【宋】【元】【明】【宮】

[0127003] 自言＝白佛【宮】

[0127004] 誦讀＝讀誦【宋】【元】【明】【宮】

[0127005]〔經〕－【石】

[0127006] 經＝或【宮】

[0127007] 普賢＋（也）【石】

[0127008]〔有〕－【宋】【元】【明】【宮】

[0127009]〔一〕－【宮】

Ngài Mục-kiền-liên tìm kiếm giới hạn tiếng nói của đức Phật

[0127026] 聚＝眾【宋】【宮】

[0127027] 至＝去【宋】【元】【明】【宮】

[0127028] 世界＝國【石】

[0127029] 世界＝國土【石】＊ [＊ 1 2 3 4 5

6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19
20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30]

[0127030] 土＝界【宋】【元】【明】【宮】

[0127031] 度伽略子＝伽路子度【宋】【元】【明】【宮】【石】

Ba điều không thỏa mãn của Ha-ta-ka

[0128007]〔此〕－【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0128008]〔諸〕－【宋】【元】【明】【宮】＊ [＊ 1]

Những giới hạn về năng lực thiền định của ngài Văn Thù Sư Lợi

[0129001] 紕＝衹【宋】【元】【明】【宮】＊ [＊ 1 2]

[0129002]〔針〕－【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0129003] 恩＝因【元】【明】

[0129004] 令＝今【宋】【元】【明】【宮】

[0129005] 尚＝向【宋】

[0129006] 翁＝公【宋】【元】【明】【宮】【石】＊ [＊ 1 2]

[0129007] 亦＝言【宋】【元】【明】【宮】

Đức Phật ưa thích làm phước

[0129001] 紕＝衹【宋】【元】【明】【宮】＊ [＊ 1 2]

[0129002]〔針〕－【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0129003] 恩＝因【元】【明】

[0129004] 令＝今【宋】【元】【明】【宮】

[0129005] 尚＝向【宋】

[0129006] 翁＝公【宋】【元】【明】【宮】【石】＊ [＊ 1 2]

[0129007] 亦＝言【宋】【元】【明】【宮】

Vị A-la-hán Ưu-ba-cúc-đa gặp một trưởng lão ni

[0129024] 狂＋（如賊）【石】

[0129025] 優＝憂【宋】【元】【明】【宮】

【石】＊ [＊ 1 2 3 4 5]

[0129026] 小＝少【元】【明】＊ [＊ 1]

[0129027] 儀＝貌【宋】【元】【明】【宮】，＝狠【石】

[0129028] 林＝床【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0129029] 知＝如【宋】【元】【明】【宮】

Cuộc đời của ngài Xá-lợi-tử

[0136005]〔【論】〕－【宋】【宮】＊ [＊ 1 2 3]

[0136006] （和）＋羅【宋】【元】【明】【宮】

[0136007] 言＝曰【宋】【元】【明】【宮】

[0136008] 告＝吉【宋】【元】【宮】，＝言【明】

[0136009] 告＝吉【宋】【元】【明】【宮】

[0136010] 重＝貴【宋】【元】【明】【宮】

[0136011] 最＝取【元】【明】【宮】

[0136012] 貴＝重【宋】【元】【明】【宮】

[0136013] 住＝坐【明】

[0136014] 情＝精【宋】【元】【明】【宮】

[0136015]〔有〕－【宋】【元】【明】【宮】

[0136016] 語＝意【宋】【元】【明】

[0136017] 畢＝必【元】【明】

[0136018] 學日又＝受戒日【宋】【元】【明】【宮】

[0136019] 宣＝演【宋】【元】【明】【宮】

[0136020] 說＝言【宋】【元】【明】【宮】

[0136021] 弗＝佛【明】

[0136022] 師＝即【宮】

Ngài Tu-bồ-đề và Tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc

[0136023]〔多〕－【宋】【宮】

[0136024] 復＝後【宮】

[0137001] 磨＝摩【宋】【宮】

[0137002] 女＝惡【宋】【宮】

[0137003]〔之惡〕－【宋】【宮】

[0137004]〔應〕－【宮】

[0137005]〔以〕－【宋】【元】【明】，以＝似【宮】

Câu chuyện phía sau tên của Ngài Xá-lợi-tử

[0137006] 證＝說【宋】【元】【明】【宮】

[0137007] 議＝義【宋】【宮】＊ [＊ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10]

[0137008] 郗＝絺【元】【明】＊ [＊ 1 2]

[0137009] 秦＝此【明】

[0137010]〔也〕－【明】

[0137011] 廢忘又不＝陳故不復【宋】【元】【明】【宮】＊ [＊ 1]

[0137012] 銅＝銅鍱【宋】，＝鐵鍱【元】【明】

[0137013] 者＝曰【宋】【元】【明】【宮】

[0137014] 羅＝國【明】

[0137015] 女＝妻【元】

[0137016] 被＝披【元】【明】

[0137017] 知＋（姊）【宋】【元】【明】【宮】

[0137018] 不剪指＝不暇剪【宋】【元】【明】，＝不翦指【宮】

[0137019] 爪＝抓【宋】【宮】＊[＊1]

[0137020] 號＝名【宋】【元】【明】【宮】

[0137021] 疊＝[疊*毛]【宋】【元】【明】【宮】

[0137022] 波＝婆【宋】【宮】＊

[0137023] 逐＝豕【宮】

[0137024] 弗＋（者）【元】【明】，〔弗〕－【宮】

，明註曰北藏無弗者秦言子也六字

[0137025] 子＋（也）【宋】【元】【明】【宮】

Ngài Xá-lợi-tử, đức Phật và con chim bồ câu

[0138032] 祇洹＝祇桓【宋】【元】【明】【宮】

[0138033] 戰＝顫【明】【宮】

[0138034] 戰＝顫【宋】【元】【明】【宮】

[0138035] 故＝初【元】【明】

[0139001] 〔無餘〕－【宋】【元】【明】【宮】

Một cư sĩ chứng kiến sự tập trung/sức định của đức Phật

[0220002] 〔生〕－【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0220003] 蘇＝酥【元】【明】

[0220004] 〔問〕－【宋】【元】【明】【宮】【石】

Ngài A-nan-đà chứng kiến tam muội/thiền định mặt trời mọc của đức Phật

[0220005] 尚＝當【宮】【石】

[0220006] 震＝振【宋】【元】

[0220007] 佛＋（言）【宋】【元】【明】【宮】

[0220008] 是＝此【宋】【元】【明】【宮】

Bài học của các chú Sa di dành cho một vị thí chủ

Câu chuyện trong câu chuyện: Đức Phật từ chối sự cúng dường của Phả-la-đọa

[0224005] 今＝令【石】

[0224006] 當＋（得）【宋】【元】【明】【宮】

[0224007] （人）＋我【元】【明】

[0224008] 故＋（諸阿羅漢沙彌）【石】

[0224009] 少＝耆【宮】【石】

[0224010] 年＋（之）【宋】【元】【明】【宮】

[0224011] 掉＝桃【石】

[0224012] 楊＝華【宋】【宮】

[0224013] 生＝由【石】

[0224014] 嘴＝觜【元】【明】

[0224015]〔與人〕－【石】

[0224016]〔貴〕－【石】

[0224017]〔也〕－【石】

[0224018] （如）＋善【宋】【元】【明】【宮】

[0224019] 是則為＝則為是【宋】【元】【明】【宮】

[0224020] 說＋（偈）【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0224021] 德＝儀【宮】

[0224022] 報＝果【宋】【元】【明】【宮】

[0225001] 當＝應【石】

[0225002] 報＝教【宋】【元】【明】【宮】

[0225003] 水＝中【宋】【元】【明】

[0225004] 掌＝手【宋】【元】【明】【宮】

[0225005]〔人〕－【石】

[0225006] 已＝以【石】

[0225007] 曰＝言【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0225008]〔一〕－【宋】【元】【明】【宮】

[0225009]〔來〕－【石】

[0225010] （來）＋如【石】

[0225011] 門＋（埵逝）【石】

[0225012] 是＝此【石】

[0225013] 若＝著【宋】【元】【明】【宮】

[0225014] 虫＝蟲【元】【明】＊

[0225015] 寶衣＝衣寶【宋】【元】【明】【宮】

[0225016]〔言〕－【宋】【元】【明】【宮】，言＝欲【石】

[0225017] 師＝之【宋】【元】【明】

[0225018] 亦＝方【石】

[0225019] 是＝此【石】

[0225020] （於）＋無【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0225021] 任＝住【元】【明】

[0225022] 僧＋（僧）【宋】【元】【明】【宮】

Hai anh em quăng bỏ vàng

[0226017]〔是〕－【石】

[0226018] 尚＝常【宋】【元】【明】【宮】

[0226019]〔而〕－【宮】

[0226020] 瞻＝占【宋】【元】【明】【宮】

[0226021]〔更〕－【石】

[0226022]〔故〕－【宋】【元】【明】【宮】

[0226023]〔相〕－【宋】【元】【明】【宮】

[0226024] 危＝殺【石】

[0226025] 不＋（布）【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0226026] 說＋（偈）【元】【明】【石】

[0226027] 名＝為【元】【明】【石】

[0226028] 終始＝始終【宋】【元】【明】【宮】

[0227001] 好＝善【石】

[0227002] 生福＝福生【石】

[0227003] 求＋（索）【石】

[0227004]〔之〕－【石】

[0227005] 擯＝殯【宮】

[0227006]〔慳〕－【石】

Đức Phật hỏi các thầy Tỳ-kheo sự quán niệm về cái chết

[0228001] 恃＝持【宋】【宮】

[0228002] （何）＋出【石】

[0228003]〔保〕－【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0228004] 老至時＝至時老【石】

[0228005] 免＝勉【宮】

[0228006] 怨之惡＝惡之怨【宋】【元】【明】【宮】

[0228007] 時捨＝捨時【宋】【元】【明】【宮】

[0228008] 相＝想【明】＊［＊ 1 2］

[0228009] 佛＋（言）【石】

[0228010] 相＝想【宋】【元】【明】【宮】＊［＊ 1 2］

[0228011] 是真＝真是【宋】【元】【明】【宮】

Sự gian nan tìm kiếm thức ăn thanh tịnh của người Bà-la-môn du hành

[0231015]〔中〕－【宋】【元】【明】【宮】

[0231016] 思＋（惟）【石】

[0231017] 髓＝膸【宋】【宮】

[0231018] 耶＝邪【明】

[0231019] 問＝聞【石】

[0231020] 日＝白【石】

[0231021] 得＝渴【石】

[0231022] 拳＝棒【石】，＝捲【宮】

[0231023] 搥胸＝推匈【石】

[0231024] 吁＝干【宋】【宮】，＝乾【元】【明】

[0231025] 好色＝色好【石】

[0231026] 四＝五【石】

Sự tinh tấn/nhiệt tâm không ngừng nghỉ của đức Phật

[0249006] 厭＝厭【石】＊［＊ 1］

[0249007] 紕＝裨【宋】【元】【明】【宮】＊［＊ 1］

[0249008] 亹＝亹【石】

[0249009] 更＝復【石】

[0249010] 得＝復【石】

[0249011] 嘗＝相【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0249012] 佛＝人【宋】【宮】

Đức Phật ca ngợi sức tinh tấn

[0249017] 次＝以【宋】【元】【明】【宮】

[0249018] 襞＝辟【宋】【宮】，＝褻【元】【明】

[0250001] 病＋（時）【石】

[0250002] 遇＝過【宋】【元】【明】【宮】

[0250003] 食惡＝惡食【石】

[0250004] 聞＝問【宋】【元】【明】【宮】

Đức Phật giải thoát Thiện Hiện

[0250005] 距＝踞【元】【明】

[0250006] 背＝脊【宋】【元】【明】【宮】＊［＊ 1］

[0250007] 渡＝度【石】

Sự bất động/bất thoái chuyển của đức Phật

[0251016] 絡＝鍱【宋】【元】【明】【宮】

[0251017] 象＝褭【石】＊ [＊ 1 2 3]

[0251018] 汗＋（者）【石】

Cây Xá-ma-lợi hy sinh một nhánh cây lớn

[0263005] 諸＝說【元】【明】

[0263006] 觚＝机【元】【明】

[0263007] 壓＝押【宋】【宮】【石】

[0263008] 俱＝拘【石】

[0263009] 畏＝愁【宮】

Đức Phật truyền cảm hứng xuất ly cho các thầy ở Pāpīyaka

[0266002]〔生〕－【宋】【元】【明】【宮】

[0266003] 那＝佛【宋】【元】【明】【宮】

[0266004] 脂＝胎【石】

[0266005] 甚＝其【石】

[0266006] 但＝俱【石】

[0266007] 稱＝勝【宋】【元】【明】【宮】

[0266008]〔丹注云〕－【宋】【元】【明】【宮】【石】

[0266009]〔以〕－【宋】【元】【明】【宮】

[0266010] 見＋（以）【宋】【元】【明】【宮】

[0266011] 〔也〕－【宋】【元】【明】【宮】【石】

Thầy Lo-sa-ka gần chết đói

[0278022] 周＝同【宮】

[0278023] 護＝誰【聖】

[0278024] 泥＝涅【聖】